

TOẠI KHANH

Chuyến
Phiêu
THẦY TU



AI CHẴNG LÀ DÂN VIỆT

Khuya. Một mình. Tình cờ đọc thấy một bài viết kỳ thú trên báo Tuổi Trẻ của Việt Nam mà nghe nao cả lòng. Bài báo viết về một chuyến du khảo tháng 10/2007 của nhóm phóng viên tờ Tuổi Trẻ trên Con Đường Tơ Lụa, bắt đầu từ Tây An rồi thì sau đó Đôn Hoàng, Cao Xương,... với khoảng 8000 cây số đi-về.

Đọc chưa hết bài báo mà lòng cứ nghe dậy lửa, thứ tâm hỏa hùng hực của một gã du tử tạm thời đang bị trói chân chưa thể lên đường. Rồi bỗng đâu đó trong sâu thẳm trí nhớ, một câu hỏi thật lạ: Ô hay, trước cả cuộc di tản lừng danh của hàng

triệu dân Việt trên rừng sâu dưới biển cả
mấy mươi năm trước, đời nào mà chẳng
có những bước chân phiêu linh biệt xứ
chứ? Các ngài Pháp Hiển, Nghĩa Tịnh, Bồ-
đề Đạt-ma, rồi Phật Âm, Giám Chân đã
chẳng là những tăng sĩ vượt biên đường
thủy đó sao...!? Rồi các ngài Huyền Trang,
Tôn-khách-ba, A-đề-xá đã chẳng vượt
biên đường bộ đó sao!?

Rồi thì những người vượt biên tại chỗ.
Thân tại quê hương mà lòng đã nằm ngoài
muôn dặm tự bao giờ. Cứ theo chữ nghĩa
mà nói, ai lại chẳng là người Việt, ai lại
chẳng vượt qua và bỏ lại cái gì đó sau lưng
để mà vượt qua chính mình. Phải mà. Phải
đi để mà lớn. Đi để mà nâng cao tầm nhìn,
mở rộng phương trời, sống nhiều một đời
ngắn, sống vui một kiếp buồn!

Bài báo được viết tài hoa, duyên dáng và nói theo người trong nước là có nhiều thông tin. Đọc để thấy mình phải lên đường. Đọc để thấy ngôi yên một xó là bi kịch nhân sinh. Đọc để thấy mình phải là dân Việt đến suốt đời. Đọc để hiểu vì sao Phật xưa kêu gọi môn đệ một đời vô trụ xứ!

Tinh thần Việt tộc gì ấy – thực ra đã được nhắc tới trong kinh điển Pāli từ mấy ngàn năm trước. Theo giáo lý A-tỳ-đàm, đời sống tâm linh của chúng sinh từ muôn thuở là một dòng chảy bất tuyệt của những sát-na ý thức ngắn ngủi. Và bao đời nay trên dòng chảy ấy trước sau chỉ gồm hai thứ tâm thức căn bản là Nhân hiệp thế và Quả hiệp thế. Cao thì về các cõi nhân thiên, thấp thì đi về 4 nẻo, đọa theo quy luật nhân quả tương ứng. Trong

trường hợp có ai đó chứng đắc thiền định hay đạo quả, thì trên dòng tâm thức kia, trước hết, sẽ xuất hiện một sát-na tâm có tên gọi là Gotrabhū, nghĩa đen của thuật ngữ này có thể dịch là Đổi Đời, nghĩa bóng là đương sự hiện đang bỏ lại cái gốc gác thấp kém của mình trước đây để góp mặt vào một gia tộc cao quý hơn. Rồi nhìn lại nhân gian, như chúng tôi đã bao lần thưa chuyện, cuộc nhân sinh là thân phận một chiếc lá hay một con đò trên dòng. Không có gì trên dòng nước lại có thể muôn kiếp đứng yên một vị trí: Hoặc tới, hoặc lui, hay phải chìm xuống.

Có một dịp nào rồi rảnh, độc giả có thể tìm đọc bài kinh đầu tiên của Tương Ưng Bộ (Samyuttanikāya) để thấy ra vấn đề đang được đề cập ở đây. Nếu cảm thấy chánh kinh mơ hồ tối nghĩa, ta

có thể tìm vào Sớ Giải của bộ kinh này (Sāratthapakāsinī) để thấy rằng chỉ riêng việc làm sao có thể tồn tại trên sóng nước là cả một nghệ thuật, và cái lý tưởng tối hậu của kẻ trên dòng chính là hai chữ vượt qua (oghamtara). Chìm xuống (samsīdati) hay trôi dạt (nibbuyhati) vô định đều phải bị xem là tai nạn. Sớ nói: Tham ái là chìm xuống và tà kiến là trôi dạt, thường kiến là chìm xuống và đoạn kiến là trôi dạt, lường biếng là chìm xuống và phóng dật là trôi dạt, lợi dưỡng là chìm xuống và khổ hạnh là trôi dạt, ác pháp hiệp thế là chìm xuống và thiện pháp hiệp thế là trôi dạt. Hết bến bờ này, sang đến bến bờ khác, gì cũng phải bỏ lại sau lưng. Cho đến một ngày không còn gì để làm, không còn gì để học, không còn gì để vượt qua hay bỏ lại. Tôi nhắc lại, anh có là ai, cái anh có được là gì, anh

đang có mặt ở đâu, chuyện đó không quan trọng bằng hành trình trước mặt của anh sẽ dẫn về đâu.

Thế giới văn hóa hình như cũng vậy. Nghe đâu một chàng Thôi Hiệu từ sau lúc làm được bài thơ Hoàng Hạc Lâu đã một đời sợ hãi bút mực với chút lý do thực khó tin. Chàng không đủ sức vượt qua cái hào quang của bài thơ được xem là thần bút kia của mình. Kể cả những khi muốn làm thơ tả sông, tả núi, tả cỏ, tả cây, cứ bày giấy mực là lại nhìn thấy một cánh hạc chập chờn ngay trước mắt và bên tai lại văng vẳng mấy câu thơ càng lúc càng dễ ghét: “Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản, bạch vân thiên tải không du du...!”. Mấy câu thơ đó là của chính chàng đó chứ, nhưng Thôi Hiệu không ngờ là chúng đã báo hại đời mình thâm trọng đến vậy: Người

ta tán thưởng bài thơ Hoàng Hạc Lâu ghê quá, làm bài thơ khác không hay bằng thì có phải khó ăn nói hay không chứ? Đã vậy, cái bóng dáng của lầu Hoàng Hạc kia đã che khuất tất cả mọi cảm xúc của Thôi Hiệu: Không nhà cửa nào đẹp bằng lầu Hoàng Hạc, không loài cầm thú nào đẹp bằng chim hạc, không thời khắc nào trong trời đất tuyệt vời bằng buổi chiều trên sông, và con sông ấy phải là con sông Hán Dương với một cái cù lao Anh Vũ mắc toí ấỵ. Tội nghiệp, cái thiên tài đáng lẽ thuộc hàng thi bá ấỵ, ai ngờ lại bị dìm chết không bởi một đối thủ nào ghê gớm, mà chỉ vì một bài thơ non chực câu của chính mình. Đúng là chết oan ức hơn cả Từ Hải đời sau. Không vượt qua được cái hàng rào của xó vườn nhà mình, thì người ta không thể ra được tới chỗ gọi là thiên hạ.

Về đạo học ư? Trong kinh Trung Bộ (Majjhimānikāya) có một bài kinh Lỗi Cây (Sārūpamāsutta) gì ấy, nội dung nói toàn những gì vừa được đề cập ở đây. Theo đó, cuộc tu là một hành trình gạn lọc và chọn lựa thông minh. Anh vừa lòng quá sớm với cái mình có, không vượt qua được những ngọt ngào trước mắt? Anh chết thẳng cẳng ngay. Từ một nếp sống sung túc lợi danh, tới một nếp sống giới hạnh trong suốt như pha-lê, một khả năng thiền định thần thông quán thiên địa, một trình độ tri kiến suýt soát thánh nhân, tất cả đều chỉ là những quán trạm qua đêm. Nếu anh chưa là thánh nhân thì con đường phía trước vẫn còn dài lắm.

Anh nổi hứng dừng lại ở đâu đó, trong Tăng Chi Bộ (Anguttaranikāya) đức Phật gọi là tình huống một khúc gỗ bị mắc cạn.

Trong kinh Đại Bát Niết-bàn của Trường Bộ (Dīghanikāya), đức Phật trước khi viên tịch cũng đã nhắc lại lý tưởng này trong các pháp Bát Thối (Aparihāniyadhamma): Cho đến bao giờ còn có các tử-kheo không dừng lại nửa chừng (Antaravosānam Āpajjati) trong công phu tu học thì ngày đó Tăng đoàn vẫn còn hùng mạnh, chưa bị suy giảm.

Ngó ra thiên hạ, từ sau Đệ Nhị Thế Chiến, người Đức rồi người Nhật, Nam Hàn, Do Thái đã biết vượt qua những khốn khó ngất trời của thời hậu chiến; để bây giờ, hầu hết những dân tộc còn lại khi nói về họ đều phải ngưỡng mộ hoặc ghen tỵ. Tôi muốn gọi họ là những người biết vượt biên. Rồi thì những mảnh đời của từng cá nhân, bất kể thuộc dân tộc nào, chỉ cần biết bỏ lại sau lưng một quá khứ buồn để

có được một hoàn cảnh đủ sức tự lợi và lợi tha, đó cũng là những kẻ vượt biên. Và bất cứ ai từng vượt biên đều có thể được gọi chung là người Việt, kẻ vượt qua một biên giới nào đó. Nếu nói vậy, đồng bào của tôi không chỉ là những người sinh trưởng trong cái bản đồ có hình chữ S nằm bên bờ Đông Hải, mà còn là tất cả những ai từng trải qua những hành trình ngoạn mục để vượt qua chính mình ngày cũ để trở thành một cái gì mới mẻ và hữu ích.

Nói đời là biển khổ thì không sai, có điều là buồn quá. Nhưng đổi lại, có thể gọi cuộc đời là một dòng sông, một hành trình, với những bến bờ để vượt qua, những trạm ghé qua đêm để bỏ lại... thì rõ ràng là vẫn còn có chút gì để nhớ để thương!

ẨN LAN

Kỳ ngộ là những cuộc gặp gỡ khó có và cũng khó quên. Đôi khi cả cuộc bình sinh cũng không có nổi một lần kỳ ngộ. Chẳng biết câu chuyện của tôi có đáng được xem là một cuộc kỳ ngộ hay không, nhưng rõ ràng nó đã làm thay đổi một phần định phận đời tôi, nếu có thể gọi thế.

Tôi biết ông qua một sự tình cờ. Buổi chiều hôm đó, đang lang thang giữa phố Tàu ở San Francisco, cơn mưa bất chợt đã xui tôi ghé chân vào một hiệu sách và tôi đã ngẫu nhiên cầm lên một cuốn sách tiếng Anh (ở đó không có sách Việt) chỉ vì cái tên tác giả (khó phân nam nữ) và mẫu

bìa có chút gì đó Việt Nam. Ngó sơ vài trang, thấy tí ngộ nghĩnh, giá cũng không đắt lắm, chỉ 5 đồng bạc, tôi mua về đọc cho vui. Chẳng ngờ...

Đêm đó về nhà tôi đọc sách đến khuya, tôi muốn nói là cuốn sách vừa mua hồi chiều. Lâu lắm rồi tôi mới bắt gặp một cuốn sách ma mị như vậy, dù sách không được viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh của tôi chỉ ở mức nửa vời. Tiếng máy lạnh sè sè trong đêm chỉ khiến tôi có cảm giác mình đang ngồi bên chân thác Bản Giốc ở Cao Lạng một đêm khuya nào đó và tách cà phê trên tay tôi lúc đó sao lại có cái mùi ngai ngái nồng nàn của một bát nước nấu bằng nụ vối.

Sách kể về một ông giáo Việt Nam thời Pháp thuộc bỏ trường lớp ở Hà Nội để tìm lên Đồng Đăng gia nhập một nghĩa đảng

chống Pháp hoạt động trong lớp vỏ một toán buôn lậu ở biên giới Hoa Việt. Hoàn cảnh của họ thật phức tạp, vừa thù trong vừa giặc ngoài. Phòng Nhì Pháp xem họ là chướng ngại cho chính quyền thực dân, các chính đảng trong nước đánh giá họ là phe đối lập. Đúng là thân trai bốn bể không nhà, lại lưỡng đầu thọ địch. Đối với cả hai phía, họ chỉ có một cái tội duy nhất là tấm lòng yêu nước chân thành không toan tính, không nằm dưới một sức ép ý thức hệ nào. Trong tiềm thức, họ chỉ nghĩ đến một quê hương đơn sơ có cây đa bến nước, có giếng đá lũy tre, có một dân tộc biết nhìn ra bốn biển trong cái ao làng và những con thuyền dù ra biển hay về sông đều có chung bến đỗ. Giấc mơ của họ đẹp quá, chỉ tiếc là quá mong manh. Lý tưởng dân tộc tuy có thiêng liêng cao rộng nhưng

quá bao la người ta khó biết tựa vào đâu để hành động và làm chính trị nếu không có được một chỗ dựa cụ thể thì có khác gì tự cô lập chính mình. Từng người trong nhóm lần lượt ra đi không về. Người Pháp thủ tiêu họ, các đảng phái khác ám sát họ. Từng người trong số tử sĩ đó đều là phần tử tinh hoa của dân tộc: Họ là những trí thức trẻ tuổi và đầy ắp nhiệt huyết, vừa có đảm khí vừa có khả năng, mất đi thì dễ nhưng tìm lại thì quá khó. Sau cùng, để bảo toàn lực lượng, số còn lại đã gạt lệ chia tay nhau giữa núi rừng Việt Bắc với một lời hẹn ước xa xôi như nẻo về của dân Việt.

Sách chỉ dày độ hai trăm trang, cách kể chuyện gần giống như một tiểu thuyết võ hiệp lịch sử với bối cảnh mơ màng xa khuất của những Người Đẹp Phiên Ngung Thành, Quán Chợ Đêm Khuya hay Người

Đạo Phủ Thành Đại La mà tôi từng xem hồi chưa xa xứ. Điểm đặc biệt là sách có những phụ lục giống hệt sách Tây. Ngoài mấy trang Index (Từ Dẫn) như thường lệ, sách còn có thêm phần chú thích cặn kẽ các sự kiện lịch sử có thật cùng những nhân danh, địa danh có ghi chú chữ Hán khi cần thiết, cứ như một tài liệu biên khảo. Nhưng điều khiến tôi quan tâm nhiều nhất, theo bệnh nghề nghiệp, là những chú thích về Phật Giáo, chứng tỏ một kiến giải thâm hậu ít ra cũng phải của thứ một sách có chiều dày Phật duyên.

Tôi chợt có ý muốn liên lạc với tác giả, nhưng dấu vết duy nhất để lần tìm chỉ là một địa chỉ Email được in nhỏ xíu ở góc bìa trong của sách, không để ý sẽ không nhìn thấy. Tôi đã thử dùng địa chỉ đó để viết một cái thư ngắn, nói cho đúng chỉ là

vài hàng nhắn tin với nội dung tự nhận là một độc giả hâm mộ muốn liên lạc tác giả. Chờ mãi không thấy hồi âm, nghĩ đến vài lý do tế nhị, tôi lại viết một Email khác và lần này tôi tự giới thiệu là một tu sĩ Phật giáo tha hương chỉ muốn trao đổi học thuật với những người mộ Phật, ngoài ra tuyệt không còn lý do gì khác.

Ba bốn tháng trời trôi qua, vì những bận rộn dồn dập, tôi quên mất người tác giả kia. Rồi có lúc nhớ ra thì tôi cho rằng có thể ông ta (hay bà ta) đã thay đổi địa chỉ Email (chuyện này rất bình thường) hoặc chỉ muốn liên lạc với bè bạn thân quen. Chuyện này lại cũng là điều bình thường, vì đến như tôi chỉ là một người vô danh cũng thường không để mắt tới những Email có địa chỉ lạ. Vài người quen vẫn nhắc nhở tôi đề phòng những Email

có Virus. Thế là tôi coi như đã thông qua một chuyện vớ vẩn.

Có lẽ tôi đã lãng quên mọi chuyện nếu như không có cái Email hồi âm nhận được buổi chiều hôm đó. Tác giả cuốn Let It Go Away, The Yesterday (Trôi Đi Dòng Đời) đã viết hồi âm với lời cảm ơn tôi đã đọc kỹ tác phẩm của ông và ngỏ ý xin lỗi đã để tôi chờ đợi. Chúng tôi liên lạc với nhau khá thường xuyên, qua những Email, và sau cùng tác giả đã cho tôi số điện thoại vì như vậy những cuộc trao đổi sẽ thoải mái hơn. Nghe giọng nói, tôi nhận ra tác giả là một đàn ông trung niên, có lẽ người gốc Bắc và nói năng ôn tồn, lễ độ, chữ nghĩa thận trọng. Ông có ý muốn gặp tôi, dù ông đến chỗ tôi hay tôi đến chỗ ông, ông đều sẵn sàng.

Tôi đã đến nhà ông sau khi gọi điện thoại báo trước và nếu không được hướng dẫn từng bước có lẽ tôi đã bị lạc đường. Nhà ông nằm trong một dãy Apartment nằm giữa những giao lộ chằng chịt như một bàn cờ. Nhắm mắt thay lá, những hàng cây trước khu nhà của ông xanh mướt chồi non. California mùa này khá mát mẻ, tôi bước đi trong những cơn gió thơm mùi lá. Nhìn dáng ông đứng bên thêm nhà, tôi chợt nghĩ đến hình ảnh Krishnamurti những năm tháng cuối đời. Vẫn chiếc khăn quàng ở cổ, cặp kính cận thường xuyên trên khuôn mặt xương và vóc người dong dỏng trong bộ tây phục màu xám.

Bên trong nội thất nhà ông gì cũng đơn giản nhưng ngăn nắp và sạch sẽ. Phòng khách có lẽ cũng là chỗ ông vẫn

ngồi viết lách vì bên cạnh chiếc bàn để Computer còn có hai tủ sách cao bằng đầu người. Bên cạnh mấy bộ Từ Nguyên, Từ Hải tôi còn thấy cuốn Âm Bằng Thất Văn Tập của Lương Khải Siêu rồi Thiên Hồ Đế Hồ của cụ Phan Bội Châu. Sau này khi đã thân thiết, ông đã giới thiệu và tặng tôi bộ Phật Học Từ Điển của Đinh Phúc Bảo. Ông thờ Phật nhưng không thấy chỗ thắp nhang, chỉ thấy một lư trầm nhỏ và mấy chỗ chưng hoa trong nhà đều là một thứ hoa gì đó màu trắng có củ như Thủy Tiên và đều được ông cắm trong mấy chiếc đĩa thủy tinh trong suốt. Về mặt thẩm mỹ, tôi có nhiều điểm rất giống ông.

Qua điện thoại, ông đã tình cờ biết tôi uống trà nên trong lần gặp gỡ đầu tiên ông đã pha trà mời tôi và bày ra đĩa mấy miếng mít gừng trắng tinh nhìn thật

ngon mắt. Tuy không thích lắm với thứ trà Thái Nguyên ướp sen vẫn khiến mình bị nhức đầu nhưng tôi cứ thấy thú vị với sự tinh tế của ông. Ông không hút thuốc, không nghiện bất cứ thứ gì, chỉ uống cỡ trà buổi sáng sớm.

Sau mấy câu hỏi thăm chuyện nọ chuyện kia, ông đem vài chỗ giáo lý ra hỏi tôi và sau đó tôi mới biết ông là một thầy tu xuất. Trước năm 1975 ông từng là một sinh viên theo học ở đại học Vạn Hạnh và sau đó bỏ đi tu ở Bà Rịa. Ông xác nhận mình đi tu là để trốn lính, nhưng không phải do sợ chết mà vì bị ảnh hưởng tư tưởng phản chiến của một số văn nghệ sĩ đương thời. Ông nói nhiều khi tự tử, đi tu, làm du đãng, làm văn nghệ,... cũng là cách lên tiếng của một số người. Câu chuyện dẫn đến nội dung cuốn sách tôi đã

đọc, ông phì cười chất phác:

- Tôi nói thiệt thầy đừng cười, tôi viết cuốn sách này lúc còn ở trại ty nạn Mã Lai. Đêm đó tự nhiên nằm mơ thấy ông nội về râu tóc bạc phơ, dúm cho một năm tiền Đông Dương rồi dầu dầu bỏ đi. Tôi giật mình thức dậy, thấy nhớ ông nội quá chừng rồi khóc một mình và sau đó ngồi viết về tuổi trẻ của ông. Ông tôi thời tuổi trẻ từng gia nhập một đảng phái chính trị ngoài Bắc và ông chính là nhân vật thầy giáo trong cuốn sách của tôi. Ông vào Nam từ 1954 và mất năm tôi thi Tú Tài đôi. Thuở sinh tiền, những lúc ngồi buồn ông thường kể chuyện đời cho tôi nghe và khi tôi đã lớn, những câu chuyện đó lại có thêm chiều sâu, chiều rộng và trở thành vốn sống cho tôi sau này, kể cả trong chuyện viết lách. Tôi đã viết cuốn

sách đó như một cách tưởng nhớ ông tôi, viết bằng tiếng Việt, và không có ý đem in. Qua tới Mỹ này, tôi vẫn chỉ xem bản thảo đó như một kỷ niệm riêng tư dù đã đọc lại và có sửa chữa vài chỗ. Cách đây mấy năm, một thằng bạn đọc xong bảo là có chỗ xài được. Nó đem về rồi cùng một đám bạn Mỹ rì mọ dịch sang tiếng Anh. Sau khi đem in rồi gửi tôi một bản, nó nói là sẽ dùng cuốn đó làm Recommended Book về Sử Việt Nam cho mấy sinh viên của nó vì trong sách tôi đã trung thực viết lại một giai đoạn chính trị của nước nhà và nó đã dùng một số tư liệu bên này hiệu chỉnh lại để nội dung được khá hơn. Dù sao tôi cũng biết ơn nó đã trân trọng một cách nhìn của tôi về thời cuộc. Ở đây tôi có bản thảo cuốn sách đó bằng tiếng Việt do chính tôi đánh máy và đã đóng bìa bằng vàng , để

tôi tặng thầy một bản làm kỷ niệm.

Tôi chợt nhớ đến một chuyện và đem hỏi ông:

- Xin lỗi, tôi đọc trong sách của bác thấy hình như bác có dành nhiều thời giờ nghiên cứu đạo Phật ?

Ông tránh không nhìn tôi, day day ngón tay lên một vệt nước trên bàn rồi hắng giọng:

- Cũng chút ít thôi thưa thầy. Và cái gì cũng phải có cái duyên phải không thầy? Chuyện kể ra thì buồn cười lắm. Hồi mới qua Mỹ, sau khi học thêm chút đỉnh tiếng Anh, tôi có đi làm ở bưu điện mười mấy năm. Lúc ấy cứ thấy buồn thì tôi hút thuốc, hút nhiều lắm. Lần đó nghe trong người khó chịu quá mới đi khám bệnh ở phòng mạch một thằng bạn thân. Nó bắt thử máu và sau đó bảo tôi ăn uống cẩn thận,

nhất là đừng hút thuốc nữa. Hỏi tại sao, nó nói có những biến chứng lạ trong các tế bào máu của tôi. Hỏi rõ thêm nó cũng lấp lửng chừng đó. Tôi đi bác sĩ khác, vẫn kết quả đó và cũng lời khuyên tương tự. Tôi chợt nghĩ đến một điều mà rùng mình rồi xin thôi việc ở bưu điện, sau đó ngồi ở nhà làm giấy tờ khai thuế cho người ta để kiểm thêm chút đỉnh và cũng có thêm thời giờ riêng tư để nghiên cứu kinh điển. Lúc cao hứng tôi còn học thêm tiếng Hán và tự học cả chữ Miến Điện để nghiên cứu Luận Tạng Nam Truyền. Từ đó khi viết lách cái gì có liên quan Phật Học thì cũng thận trọng hơn. Và chỉ vậy thôi thầy ạ.

Nghe ông kể chuyện thiệt thà, tôi cứ cảm thấy bồi hồi thật lạ. Đón lấy chén trà ông vừa rót thêm, tôi xúc động hỏi thăm như với một người thân :

- Nhìn bác bây giờ vẫn khỏe mạnh chứ có sao đâu, chuyện bác kể chắc là lâu rồi phải không ạ?

- Vâng, đã lâu rồi tôi gần như không còn nhớ tới chuyện đó nữa. Cũng năm sáu năm rồi thưa thầy. Nhiều lúc tôi ngồi ngẫm nghĩ thấy biết đâu chuyện âu lo lúc đó lại là cái thuận duyên để tôi tinh tấn hơn không chừng. Thầy biết không, hồi còn ở Việt Nam tôi có biết một người cũng cùng quê với tôi ở miền Bắc và nhân cuộc di cư năm 1954, ông vào Nam và làm ăn thành đạt. Tánh tình ông ta nóng nảy nhưng nhịn nhục hay lắm, kể cả những chuyện khó nhịn nhất. Ông ấy nhỏ hơn bố tôi vài tuổi thôi và là chỗ bạn thân. Có lần rõ ràng bị vu khống một chuyện có thể làm ô nhục thanh danh, ông vẫn im lặng như không có chuyện gì, bố tôi hỏi tại sao,

ông chỉ mỉm cười :

- Tôi suy nghĩ kỹ rồi, mình có làm bậy thì bị thiên hạ chửi cũng đáng, còn nếu bị hàm oan thì cũng tốt hơn trường hợp mình không ra gì mà thiên hạ cứ quý trọng.

Sau đó trong một lần uống rượu với bố tôi, ông ấy đã bình tĩnh kể lại chuyện riêng đời mình và nói rõ lý do tại sao ông có thể nhẫn nhịn mọi chuyện. Thì ra trước khi vào Nam ông đã sống lần trốn mấy năm trời như một kẻ tử tù vượt ngục sau khi đã lỡ tay giết người trong một lần cãi vã với khách làm ăn ở Hà Nội. Cũng may là thời cuộc hồi đó rối ren nên chuyện truy nã một can phạm hình sự chỉ là chiếu lệ. Dù sau đó trốn được vào Nam và trở nên giàu có, ông ấy vẫn sống ăn năn cắn rứt không nguôi và xem những

thua thiệt trong đời này chỉ là những gì mà ông đáng ra phải chịu nhiều hơn vậy cả chục lần. Sau này ông ấy bị chết vì đạn lạc trong chiến tranh và lúc ấy tôi cũng đã lớn. Kể lại cho tôi nghe chuyện cũ, bố tôi bảo là ông ấy đã nhờ vào tâm trạng một kẻ tử tù mà trở thành ông thánh. Bố tôi nói nhiều lúc trong đời người ta phải trải qua những kinh nghiệm sinh tử để có thể vượt qua chính mình và thậm chí cả đồng loại. Nhờ vào nỗi buồn chết chóc kia mà tôi đã có được cái can đảm để sống vong thân, mạnh dạn tẩy xóa chính mình khi cần thiết. Nói như ông Osho gì đó của Ấn Độ thì con người ta phải biết CHẾT nhiều lần trong đời để có thể SỐNG ra hồn hơn. Có thể nói tôi cũng đã quay lại với Phật Giáo nhờ một kinh nghiệm của người tử tù thầy ạ!

- Và điều đáng quý là dù khi viết Sử hay viết về đạo Phật, bác luôn khách quan và rất thanh thản. Tôi thấy tâm trạng tử tù gì đó hình như không khiến bác bị ảnh hưởng trong chuyện giám thức.

Ông phác một cử chỉ như muốn tôi nhìn tử sách rồi chậm rãi:

- Xin cảm ơn thầy có nhận xét như vậy về tôi. Nếu hôm nay tôi có được chút thói quen cẩn thận nào đó thì có thể nói là nhờ cụ Nguyễn Hiến Lê nhiều lắm. Tôi đọc sách của cụ từ những năm tôi chưa được hai mươi tuổi. Tôi có cảm giác là hình như cụ không bao giờ nói nhiều về những cái mình chưa rõ và cụ có biệt tài là khiến người khác có thể cảm thấy gần gũi với những thứ khúc mắc. Tôi vốn mù mờ về Kinh Dịch, Tử Vi nhưng nhờ cụ mà tôi hiểu được đôi chút. Bên cạnh đó, có thể

nói tôi cũng đã ít nhiều chịu ảnh hưởng tư tưởng của Lương Khải Siêu. Ông này là một trong những người có tác động mạnh mẽ đến phong trào Duy Tân của thanh niên Trung Hoa đầu thế kỷ này. Thầy biết về ông ấy mà, tôi chẳng dám nói thêm. Cái tôi muốn nhắc lại là thái độ và cách thức nghiên cứu đạo Phật của ông. Về cuối đời ông có những suy tư rất thâm thúy về Phật Giáo. Nói về học thuật, theo riêng tôi thì hình như ông Lương Khải Siêu có chỗ hơn hẳn các ông Hồ Thích, Lỗ Tấn nhờ vào thái độ khách quan của ông. Và cái quan trọng nhất đã nuôi dưỡng tâm hồn tôi có lẽ là tinh thần Trung Đạo của nhà Phật, cái gì cũng không quá trớn. Có thể chữ Trung Đạo còn có nhiều ý nghĩa khác sâu xa hơn, nhưng tôi thường chỉ hiểu đại khái là thái độ bình tĩnh không để mình

bị vướng vít vào một cực đoan nào. Hễ có chỗ đối đãi thì thường có phân biệt, một chiều. Và dù trong chính trị hay học thuật, cách nghĩ một chiều luôn dễ mắc lầm lỗi. Dân mình khổ hoài cũng vì mấy người làm chính trị và giáo dục thường bị bệnh cực đoan.

Tôi rời nhà ông lúc đã xế trưa và ông đã đứng chờ xe tôi đi khuất mới quay vào nhà. Trên đường về tôi cứ suy nghĩ lan man về từng câu nói của ông. Lúc thì chuyện người đàn ông đã từ một mặc cảm tội lỗi mà trở nên nhiều nghị lực, lúc khác lại là chuyện ông đã trở thành một cư sĩ hiếu học từ sau một nỗi ám ảnh về cái chết, ...Tôi đã gặp ông như một cuộc kỳ ngộ trong đời.

Và tôi còn gặp lại ông nhiều lần sau đó, trước khi ông rời khỏi California để về

sống gần một cô cháu ruột là bác sĩ nhãn khoa ở Hawaii.

ẨN NGŨ

Chạnh thương mấy hành giả Việt Nam không quen với phong thổ Miến Điện mà cứ sang đây tu thiền vất vả, thầy kêu gọi thiên hạ góp tay tậu mấy mẫu đất ở Pyin Oo Lwin, mát như Đà Lạt, rồi trồng cây xây tường thả vào trong đó hơn chục thất gỗ xinh như resort. Bà con ta hưởng ứng bằng nhiều cách, cuối cùng một khu thiền thất khang trang ra đời. Quyền chủ quản ở đây thuộc một thiền viện bản xứ nằm bên cạnh, nên ở đây tuyệt không có bảng hiệu tên chùa gì ráo.

Có điều, thói quen xả rác của người mình không hề kém cạnh dân Miến Điện,

vốn dĩ cũng không mặn mà lắm với khoản vệ sinh, nên hành giả chỉ mới về vài khóa, đồng rác sau hè đã cao quá đầu người. Mỗi năm thầy ghé về thăm một hai lần, lần nào cũng nhìn ra sau ngao ngán. Năm nay thầy cũng về và lần này bỗng dưng quyết định thuê người dựng bảng đề tên chùa hẳn hoi. Cả đám thiền sinh ngạc nhiên lắm, đặc biệt khi biết thầy vốn chủ trương không chơi trội ở đất người ta, nay lại dựng bảng tên chùa thì rõ ràng khó hiểu. Sau mấy ngày hì hục của đám thợ bản xứ, tám bảng tên chùa đã được dựng lên. Tất cả hành giả người mình nhìn lên và đọc thấy hai chữ Sơn Trạch to đùng trên đó. Họ xôn xao bàn cãi rồi hỏi thầy ý nghĩa cái tên đó, mà theo họ thì không có mùi thiền tí nào. Thầy lắc đầu, cười hiền:

- Đừng suy diễn lung tung mệt lắm, bà con

ở dơ quá, thiền gì mà nhìn đâu cũng rác. Ngoại cảnh có sạch thì nội tâm mới dễ sạch hơn chứ, Sơn Trạch chỉ có nghĩa là Sạch Trơn, hi vọng bà con siêng quét dọn thôi !

Toại Khanh (Chuyện Phiếm Thầy Tu 2)

AI XUI CHIM SÁO

Sáu năm trước, lúc đó tôi trẻ hơn giờ nhiều, nhưng nhờ những quen biết của người lớn, thỉnh thoảng một ngôi chùa ở New Orleans lại mời sang nói pháp một lần. Đại khái đám ma hay những rằm lớn không thỉnh được hàng tôn túc.

Sau vài lần qua lại, tôi tình cờ quen được một bác cư sĩ lớn tuổi có vẻ khá đặc biệt. Lần nào gặp tôi bác cũng mời về nhà uống trà gửi từ Việt nam qua. Uống trà ăn bánh đậu xanh hay với đường phối, đều là quà Việt Nam, rồi kể nói người nghe, tâm đắc như đôi bạn vong niên. Bác hiền khô, ít lời, thường ngồi chờ rót trà mới cho tôi

rồi gởi chuyện cho tôi nói. Chỉ vậy thôi.

Lần đó, ngày rằm tháng Giêng, người đông như hội, Phật tử hay không cũng cứ tới chùa để gặp đồng hương. Lúc đó lại còn chút dư hương của mấy ngày xuân vừa qua khỏi vài hôm. Sau buổi giảng, tôi bước ra hiên ngoài để thở, bên trong khói nhang luôn cả vào phòng tôi ngủ. Tôi lại nhìn thấy bác cư sĩ kia đang ngồi một mình, trên tay vo ve một chiếc lá khô, mắt nhìn ra lộ xe chạy. Tôi lên tiếng chào. Bác vui ra mặt, kéo ghế cho tôi. Hỏi sao lần nào qua bên này cũng thấy bác lặng lẽ không bè bạn, bác cười bằng mắt nhưng cứ như cười gượng:

- Mình không quen ai nhiều sư ơi. À, mà có một chuyện nhỏ muốn hỏi sư mà quên hoài.

- Chuyện chi thưa bác?

-Ồ thì cũng không có gì, họ biết tôi gốc Nam Tông nên hình như có vẻ không ưa. Họ nói đó là Tiểu Thừa. Tôi đâu biết Tiểu Thừa là gì, chỉ hiểu lơ mờ Tiểu là nhỏ, so với Đại Thừa chi đó. Vậy rồi lâu ngày không dám chơi với ai. Tôi đi làm từ trẻ, đâu có chữ nghĩa gì nhiều, nghe sao thì biết vậy thôi.

Tôi bàng hoàng một giây. Thì ra là vậy. Nhớ lại có lần cũng ở đây, vừa rời chánh điện, tôi nghe loáng thoáng: Tiểu Thừa chỉ tu Tứ Đế nhưng đó cũng là pháp Phật, thấp một chút nhưng dễ tu. Ngẫm mà buồn. Cũng cùng thờ Phật sao lại có người bày ra chi chuyện trở trêu đó. Tôi đã quên mất câu hỏi của bác cư sĩ già vẫn chưa được trả lời. Mà ngẫm cho cùng, biết nói sao với bác đây.

Gió chiều lan man thổi qua sân chùa, tôi liếc nhìn băng vải màu vàng căng trước cổng, trên đó đang phát phơ một dãy số màu đỏ: Phật Lịch 2544...Tôi lẩm nhẩm như một người già: Hơn hai mươi lăm thế kỷ rồi còn gì !

Từ khu hội chợ sau chùa bỗng vẳng lại một lời hát vu vơ: Ai xui chim sáo sang sông...

BÀN PHIẾM TRÊN BÀN PHÍM

Chỉ trong mấy tháng ngắn ngủi, tôi đã nghe tin tức về cái chết của cả trăm ngàn người. Trận bão Nargis ở Miến Điện, bạo loạn ở Tây Tạng, động đất ở Tứ Xuyên, rồi thì sự ra đi của bao nhiêu là những nhân vật tiếng tăm trong đạo ngoài đời, đã vậy lại còn là những gương mặt được xem là đình đám và nhạy cảm hàng đầu trong thời điểm hiện tại. Ở khía cạnh cá nhân, cái chết nào cũng như cái chết nào, nhưng trên một giao diện rộng hơn, với cộng đồng thiên hạ, có những cái chết là cả một cái tang lớn. Vì nó cuốn theo đó một tử vấn đề, bao gồm bao thứ dở dang vẫn còn lại

đó. Tôi đã thù người khi nghe được hung tin về hai nhân vật đều trên hàng thượng thọ, dù đó không hề là chuyện bất ngờ. Ai sống hơn 80 cứ xem là đã đứng trên hai chữ bất trắc rồi. Nhưng rồi đã sao chứ? Một cái tang có cáo phó, phân ưu, văn tế rồi kèn trống nghi trượng hay một cái chết không có nổi manh chiếu đầy xác đều có một chỗ giống nhau đến nao lòng: Kẻ ra đi không hề biết gì về chuyện hậu sự của mình. Người ở lại muốn sao thì vậy. Thế rồi trong cõi ký ức chớm già của mình, tôi bâng khuâng nhớ lại một lần nào đó Online đã từng đọc thấy lời ghi kỳ lạ trên hai bia mộ, thiết tình chẳng biết nên cười hay khóc nữa. Kiếp người, rồi thì cõi nhân gian này sao mà đơn giản quá vậy chứ. Trên bia mộ một tay kỹ sư điện toán kia, bên dưới tên họ và năm sinh, chỉ vồn vện

một dòng: Run-time error at 17:05:07. Và trên bia mộ một tay nghiên Computer, có lẽ là Phật tử: System halted at 03:05:08. Please press Ctrl+Alt+Del to re... born!

Đáng ra đó là chuyện để cười, để giải trí, nhưng nói thiệt, tôi cười hổng nổi. Ai biết được bao giờ lúc nào đến lượt mình được thiên hạ đưa đi hỏa táng và băm giùm cái nút... Reborn. Ngẫm sơ qua cũng thấy ngán thiệt. Bởi ngày buồn đó rất có thể chỉ là tuần sau!

Nhưng chẳng lẽ chuyện chỉ có vậy hay sao? Dám đem cái computer ví von với cả một kiếp người thử hỏi có quá đáng chẳng; nhưng trong suy tưởng mơ hồ, tôi thấy hình như cũng đâu có chi là sai chứ. Người tin Phật một tí xiu cũng hiểu rằng chết rồi đâu phải là hết, và cái gọi là kiếp người đâu phải chỉ là con số năm tháng

hưởng dương hay hưởng thọ gì ấy. Cho dù anh có xem cái chết chỉ là giây phút kết thúc một cuộc chơi, hay một lần tắt máy của computer, thì cũng đừng quên trước đó anh đã chơi trò gì, hay cái computer của anh đã được sử dụng cho chuyện gì mới được chứ. Người bây giờ thiếu gì kẻ vào tù hay trở thành triệu phú bằng vài phút sử dụng computer. Tôi mù tịt điện toán, chỉ ngẫu nhiên để ý vài nét tương đồng giữa con người với chiếc máy rồi tâm đắc với riêng mình như những công án có thể tham chiếu suốt đời. Giữa hai thứ cứ có những cái giống nhau thiệt ngộ, một sự giống nhau đến kỳ lạ nhưng độc đáo và thú vị quá chừng:

Ai thường làm sạch computer bằng disk-cleanup chắc còn nhớ câu này: Disk cleanup is calculating how much space

you will be able to free on [C:]. Tôi chịu cái câu đó quá. Thỉnh thoảng hãy tự ngó lại mình để xem thời gian, sức khỏe, tiền bạc và đầu óc của anh còn lại được bao nhiêu chỗ trống cho những thứ đang hoành hành hữu ích. Rác rưởi nhiều quá thì mấy thứ hữu dụng làm gì có chỗ. Đó là chưa kể đến khoản máy anh hay óc anh khi chứa quá nhiều thứ, sẽ tự làm chậm chính mình vì phải luôn vác theo mình biết bao là gánh nặng. Cứ nhìn những gì một người sở hữu thì có thể biết anh ta còn dư lại bao nhiêu khả năng cho những thứ khác ngay. Không những một cá nhân, mà đến cả một tổ chức, thậm chí một đất nước cũng đều như vậy cả. So kè mấy chi tiết cởn con đó, ai dám bảo không thể đem computer so với con người chứ!

Lãng xãng một đời hay rong ruổi mười phút trên máy computer rồi thì cũng phải đến lúc bỏ hết mà đi hay tắt máy. Máy tính ở mấy xứ nghèo còn có thêm một cách tắt máy đặc thù là mình chưa kịp tắt thì người ta đã cúp điện ngang xương. Đời người cũng vậy thôi, người ta có nhiều cách để bị xóa dấu, hoặc mình hoặc người, sự ra đi lúc chết hay tàn lụi thuở sinh tiền. Phù du lắm, nhưng không thể xem là vô nghiệm. There is nothing is nothing!

Những nơi chốn, hoàn cảnh ta sống qua trong đời ngẫm kỹ cũng giống hết những website trên internet mà ta tình cờ bắt gặp một đêm khuya nào đó. Vui buồn, tốt xấu đủ cả. Và sau một thoáng phù du, gì cũng qua đi. Cái đáng nói chính là người ta đã ứng phó ra sao với từng phút giây đối diện vấn đề và những gì còn đọng lại sau

đó trong óc, trong tim. Máy của anh tốt hay xoàng, kiến thức điện toán của anh ra sao, nơi chốn anh sử dụng computer là ở đâu,... mấy thứ đó là những điều kiện cốt tử cho việc vận hành của một chiếc máy tính. Đời người cũng vậy thôi, hành trang của anh là gì, bối cảnh tồn tại của anh ra sao, những thứ đó sẽ góp phần quyết định điều anh sẽ làm được cho mình và cho đời, để chung cuộc của anh sẽ theo đó mà như thế nào.

Thế đã hết đâu, con người và máy tính còn bao nhiêu là những tương đồng khác nữa. Ai xài computer lại không biết đến password, người mình trong nước vẫn gọi là mật mã hay mã khóa gì đó thì phải. Anh quên hay không biết password thì coi như chẳng làm ăn gì được. Gẫm kỹ, ai dám bảo con người với nhau lại không có

password chứ. Tại sao trong muôn người thiên hạ chỉ có hai người đó với nhau mà không là ai khác? Họ biết được password của đối phương nên chỉ một cái click là có thể đường hoàng bước vào mê cung tâm tưởng của người đối diện. Kẻ học đạo không biết được password của thánh hiền thì có mày mò cả đời cũng chỉ là con mọt sách trên cuốn cổ thư mà thôi. Có rất nhiều lý do để ta không có được password của nhau: Nếu không nói ngắn gọn là bởi tập khí phiền não thì là những ngăn ngại của ý thức chính trị, văn hóa hay quan điểm tôn giáo. Người ta có thể do hoàn cảnh sống, do sự cố chấp hoặc dốt nát mà không nhìn thấy con đường tương thông với thiên hạ. Hàng tỉ người trên hành tinh này đang xung đột nhau chỉ vì không biết được password của đối phương. Ta thấy

nhau mà không gặp nhau, hay gặp nhau mà không thấy nhau... đều là những bi kịch đi ra từ chỗ thiếu password. Chìm sâu trong biển khổ mà vẫn bế tắc không tìm ra lối thoát cũng chỉ vì thiếu password. Chỉ nói riêng về đạo giải thoát, theo tôi, tu học là tìm hiểu password của chính mình và hiền thánh. Đạo lực càng thâm hậu thì người ta càng biết nhiều về những password cần thiết để hiểu mình, hiểu đời. Đến được thánh nhân thì cái gì cũng là unlock hết!

Tôi dốt điện toán, chỉ biết thêm một chuyện nữa trên computer đó là vào Internet để tìm (search) thông tin. Không phải cứ giỏi computer hay sở hữu được chiếc máy xịn là muốn tìm gì cũng được. Trước hết anh phải có khái niệm về điều anh cần tìm để từ đó biết tạo ra những

từ khóa (keyword). Kiến thức bách khoa càng rộng, thế giới internet của anh cũng theo đó mà bao la hơn. Nếu không, anh chỉ loay hoay với dăm chuyện vặt như download phim nhạc hay chơi game là cùng. Phạt pháp hay chuyện đời hình như cũng thế. Anh chỉ có thể tiếp nhận những bài học giá trị khi lòng anh đã được trang bị những thứ cần thiết. Vốn liếng nghèo nàn quá, eo hẹp quá, có nghe thấy hay đọc qua bao nhiêu thứ hay ho trên đời thì chúng với anh vẫn chỉ là những kẻ lạ trên đường.

Tôi đi xa mới về, nghe trong người có chút bất thường, đau ngực và lạt miệng kinh khủng. Giấc ngủ sái giờ, lại biếng ăn. Cả tuần cứ choàng dậy giữa đêm với mồ hôi ướt cả mình. Trời ạ, chẳng lẽ... Tôi rùng mình nhớ lại lời ghi trên hai tấm bia

mộ kỳ cục kia. Không, máy tôi vẫn còn tốt, chịu khó bảo trì một chút thôi. Chỉ ngại một điều rằng một nửa nguồn điện cho chiếc máy của tôi là trong tay một người thiên hạ... Lỡ như có một ngày em muốn tắt máy từ xa bằng một chút bạc lòng rồi cúp điện thì tôi chỉ còn nước Press Delete để Re... born!

BIẾT TRÁCH AI ĐÂY

Non tuần qua, tôi vừa đọc mấy trang báo Online thiệt buồn. Trời ạ, tôi không thể tưởng nổi việc người ta lại có thể đem từng ấy lời lẽ dè bủ cay độc đến vậy để nói về nhau, về những người mà chính mình cách đây không lâu, khi ngỗ cùng chung một chiếu, đã không tiếc lời ngợi ca xưng tụng. Sao mà tình đời buồn quá vậy, đã trót thương nhau thì nếu chẳng đồng tịch đồng sàng cũng nên đồng quan đồng quách chứ. Đến như những khách giang hồ ngày trước chỉ cần một chén rượu thể nhỏ xíu còn dám khấn nguyện sẽ cùng chết cùng ngày cùng tháng với

nhau. Ô hay, hình như đó lại cũng là một trong những bi kịch máu lệ nhất của tục khách trầm luân khi mà An Dương Vương không ngờ được My Châu đã làm gì, khi thiếu phụ Nam Xương bị chồng ngờ vực, khi Mị Nương khinh bạc Trương Chi, cho A Châu phải hứng trọn một chuỗi đoạt mệnh từ Kiều Phong đại ca!

Kinh ghi đêm kia cán quạt của một vị lão tăng đã ngẫu nhiên thọc sâu vào mắt của người học trò hầu cận vốn là một vị Sa-di đã chứng quả La-hán. Vết thương quá nặng, không thể cứu chữa, nhưng vị La-hán học trò lặng lẽ chịu đựng. Sáng ngày, biết ra có sự, vị lão tăng hết lời xin lỗi người đệ tử và nhận được một lời thưa nhẹ như gió thoảng. Thưa đó đâu phải lỗi của thầy, mà là tội khổ trầm luân, hữu thân hữu nạn. Một câu nói không thể đơn

giản hơn, nhưng đã gói tròn tất cả vấn nạn thiên cổ của trần gian.

Tôi đã không ít lần bàng hoàng khi đọc thấy trong kinh điển Nam Truyền những trường đoạn thê thảm kiểu đó trong cái tạm gọi là bộ phim luân hồi nhiều tập. Trên sóng nước trầm luân của phàm tâm chuyện gì cũng có thể xảy ra. Từ những mối thương hận vô lý nhất, đến những sự đời nói ra khiến ai cũng thấy khó tin. Một tôn giả Mục-liên tu hành vô số kiếp dưới chân bao nhiêu vị Phật vậy mà cũng có khi đang tâm đánh đập tàn nhẫn hai đấng sinh thành mù lòa chỉ vì mấy lời thỏ thẻ của cô vợ chẳng ra chi. Cũng chính tôn giả vào thời Phật Cù-lưu-tôn (Kakusandha) đã mang thân ác ma nhiều hại hiền thánh, phá hoại chánh pháp bằng lửa đòn độc. Rồi thì một thiên chủ Tự Tại Cung từng

thí mạng cúng dường Thế Tôn Ca-diếp để cầu Phật đạo lại bằng mọi giá quấy nhiễu đức Phật Cồ Đàm, trước sau chỉ mong Ngài sớm viên tịch. Và đã hết đâu, có ai ngờ được một Bồ-tát Tất Đạt trong tiền kiếp từng buông lời bất kính gọi Thế Tôn Ca-diếp là Gã Trọc. Để rồi một tỷ kheo Đề-bà-đạt-đa với đạo hạnh huân tu suốt hai Tăng-kỳ Kiếp (gần gấp đôi thời gian tu hành của hai ngài Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên) lại tranh thủ cơ hội hãm hại vị Bồ-tát tiền thân Thế Tôn Cồ-đàm trong suốt nhiều kiếp sống, và mãi đến khi Ngài thành đạo ông cũng chẳng buông tha, từng tìm mọi cách để sát hại. Kinh Nam Truyền nói ông rồi cũng chứng ngộ quả vị Độc Giác Phật trong một kiếp lai sinh, nhưng đạo kỹ hành trạng của ông xưa giờ ai cũng phải rùng mình. Đó là cái ác

nghiệt của dòng sinh tử, kể cả hàng đại sĩ cũng không nằm ngoài được những cuộc chơi khốc liệt gay cấn của cõi trầm luân.

Đắp áo Nam Truyền nhưng tôi cứ một lòng yêu kính một vài hình tượng độc đáo bên Phật giáo Bắc Truyền là Thường Đề Bồ-tát và Thường Bất Khinh Bồ-tát. Một vị cứ khóc hoài suốt đời, ngực áo chẳng bao giờ khô nổi, chỉ vì cảm thương sâu sắc toàn bộ khổ đau mà muôn loài chúng sinh vẫn gánh chịu. Nhìn đâu Ngài cũng thấy toàn những nỗi đời bi thương, trái khoáy, nghịch lý và muốn dùng tiếng khóc của mình để cảnh tỉnh nhắc nhở nhân gian. Vị thứ hai là ngài Thường Bất Khinh cả đời chấp tay vái chào hết thấy những ai đối diện chỉ vì tin rằng ai cũng có thể là một đấng Phật Đà trong mai hậu cho dù hôm nay có trời ơi đất hỡi đến mức nào đi nữa.

Tôi thiết lòng kính quý hai hình tượng đó với tất cả chân thành chỉ vì trộm nghĩ mật hạnh của hai vị đã là những mô tả sâu thẳm nhất về tinh thần Phật giáo, bất kể Nam Truyền hay Bắc Phái.

Tôi người Nam Truyền nên chẳng mặn mà lắm với khái niệm Phật Tánh của Phật giáo Bắc Phương, nhưng tự tâm tâm luôn tin tưởng vào sự tồn tại của cái tạm gọi là khả năng giác ngộ trong mỗi con người. Trong cuộc sinh tử vô thủy có cảnh giới nào ta chưa từng ghé lại, điều đó có nghĩa rằng ai cũng từng là bậc đại hiền và không ít lần làm kẻ đại ác. Hai khả năng đó theo đuổi phàm phu suốt cuộc trầm luân để trong trời đất có đủ thiên đường, địa ngục. Thiện ác là hai nguồn năng lượng đối lập nhưng không phải lúc nào cũng tương khắc. A-tỳ-đàm bảo chúng có

lúc cũng tương sinh. Như Âm với Dương, như nóng với lạnh, sáng với tối, sướng với khổ. Chúng quy định lẫn nhau. Và đó cũng là lý do vì La-hán luôn nằm ngoài cả hai thái cực đó. Còn một ngày là phạm phu, ai cũng phải gồng gánh hai món đó trên vai để mà đi qua những nhịp cầu khổ nạn. Lúc quá nặng vai thường thì người ta phải buông bớt một thứ. Cái thiện rớt xuống, người ta thành kẻ ác. Cái ác bị bỏ lại, người ta ra bậc hiền nhân. Mốt mai tái sinh, cứ mỗi tình huống hành xử trong đời thì lại một lần qua cầu kiều đó, cứ vậy nghìn đời muôn kiếp cho đến bao giờ nên thánh thì thôi.

Mấy hôm nay thiết tình tôi có nhớ tới ngài Thường Bất Khinh để tiếp tục yêu thương tất cả thiên hạ, nhưng rồi chốc chốc lại cứ muốn bắt chước ngài Thường

Đề. Đời gì mà khổ thế này chứ, nhìn đâu cũng chỉ thêm chán chường, rồi lại tiếc nhớ cái gì đó thật vu vơ, mơ hồ, không tên gọi. Đúng là nhớ em buồn muốn khóc, chỉ vì em ca Điệu Lý Qua Cầu!

BÓNG MÂY BÊN LẦU HOÀNG HẠC

Có một truyện ngắn, của nhà văn nào đó tôi quên mất, kể về cái chết của một người mẹ trẻ trong thời chiến. Chuyện chẳng có gì, nhưng tôi cứ nhớ hoài hình ảnh đứa bé trong truyện. Giữa cơn nắng chiều khô nóng, nó bò quanh cái xác cứng đờ của mẹ rồi lay gọi bằng cái giọng ngọng nghịu chưa biết nói tròn câu. Nó tưởng mẹ ngủ quên. Nó không hề biết mẹ nó đã chết và chết là gì nó cũng chưa hiểu. Rồi thì lúc đói khát quá, nó rúc đầu vào ngực mẹ như mọi ngày. Ở đó bây giờ chỉ là một vết thương hoen máu với đàn kiến lửa bu đầy. Chỉ vậy thôi. Nhưng hình ảnh đó, dù

chỉ qua mấy hàng chữ, cứ đeo bám trí nhớ của tôi. Nhiều lúc cứ tưởng mình đã quên, nhưng không phải thế.

Ngày lớn tuổi, tôi có nhiều cơ hội đọc sách, xem phim về đức Phật và thật lạ lùng khi thỉnh thoảng lại nghe mơ hồ trong lòng cái cảm giác bơ vơ của đứa bé trong câu truyện ngắn vừa nhắc ở trên. Sách của các tác giả Đông Tây, từ Ánh sáng Á Châu (The Light Of Asia) của Edwin Arnold, đến Ánh Đạo Vàng của Võ Đình Cường... Điện ảnh thì là vài ba phim của Nhật, Ấn, Hoa Kỳ. Đại khái toàn phim lẻ. Thấy thiên hạ có lòng với Phật thì vui lắm, nhưng thường thì hình tượng về Ngài trong mấy công trình đó chẳng hiểu sao lại cứ khiến tôi nghe buồn buồn. Đó đâu phải đức Phật của mình chứ. Tôi vẫn hiểu rằng Thế Tôn đã vĩnh viễn ra đi, nhưng không lẽ đến cả

chút bóng hình của Ngài lưu lại trần gian này cũng hiếm hoi đến vậy sao. Dù các bộ phái có vận dụng phương tiện thiện xảo đến mức nào đi nữa thì theo tôi, ít nhiều người ta cũng đã đẩy xô bóng dáng cần có của đức Phật ra khỏi đời thực. Đức Phật qua lăng kính Mật Tông thì lung linh huyền bí. Phật qua cách nghĩ của Tịnh Độ Tông thì quyền phép màu mè. Phật của Thiền Tông thì khô lạnh, duy lý. Phật trong cách nghĩ của trí thức Tây phương thì thực tế quá chừng. Thực tế đến mức dung tục, bình phàm.

Dĩ nhiên, đó chỉ là cảm nhận chủ quan của riêng tôi. Tôi cứ thầm mong tìm thấy đâu đó một tác giả mô tả hình ảnh đức Phật theo cách tưởng tượng của tôi. Đó là một ẩn sĩ bằng xương bằng thịt, gì ngài cũng biết và ai ngài cũng thương. Con người đó

cũng có lúc đau bệnh già yếu, và sau cùng bỏ xác ở một miền đất hẻo lánh chỉ vì cuộc hạnh ngộ với một người chưa từng gặp mặt. Vị ẩn sĩ đó không hề là một thần linh hay một giáo chủ chỉ chực nhồi sọ giáo chúng. Ngài chỉ nhỏ nhẹ đưa ra những gợi ý, đề nghị. Minh triết mà dễ gần, huyền ảo nhưng giản dị. Như biển rộng, sông dài, như ghềnh thác, cồn bãi, cho ai đến cũng được, ai cũng có thể sờ chạm, nhưng vẫn có riêng những bí mật ngàn đời. Ai cũng có thể tắm biển nghịch cát để tưởng mình đã hiểu được đại dương, nhưng cái biết của cả nhân loại về đại dương chỉ là những vỏ sò trên bờ biển.

Tôi nghĩ, ai cũng có quyền đồ khuôn một thần tượng cho riêng mình. Tùy theo nhận thức và cảm quan cá nhân mà Phật hay Chúa trong lòng từng người có hình

dáng ra sao. Buộc người khác phải nghĩ tưởng chuyện đời theo cách của mình thì đúng là bạo lực, chuyên chế, tập quyền, độc tài, thậm chí mọi rợ. Thôi thì tôi lại một mình trong những đêm tối cuộc đời, với một bức ảnh Phật của riêng mình. Bằng giấy cũng được, miễn là như cách tôi nghĩ.

Vậy rồi một ngày tôi đã tìm thấy cuốn Đường Xưa Mây Trắng của Hòa thượng Làng Mai. Tác giả là một nhà văn và cũng từng là người viết một bộ Phật giáo sử nổi tiếng khả tín. Ấn tượng sâu đậm của tôi về tác giả ít nhất là hai nét lớn: Ngài là một người có tài diễn đạt trong sáng và hấp dẫn những vấn đề khó hiểu. Thứ đến là khả năng dẫn dụ tuyệt vời: Ngài giúp nhiều người biết yêu quê, thương Phật theo một lối riêng rất mộc mạc nhưng thâm hậu.

Tôi đã đọc Đường Xưa Mây Trắng ít nhất một lần. Và ngay sau khi nghe tin sách được chọn để làm kịch bản cho một bộ phim lớn về đức Phật, tôi tìm vào Thuvienhoasen.org để đọc lại lần nữa. Ngoài cái thơ mộng của một ngòi bút tài hoa, cuốn sách còn là một công trình biên khảo nghiêm túc. Tác giả đã tham chiếu kinh điển của cả Nam phương, Bắc phái một cách công phu và tâm huyết. Tôi trộm nghĩ, mỗi thế kỷ chỉ cần một cuốn sách cỡ đó cũng đủ khiến Phật giáo Việt Nam lớn mạnh rồi. Đặc biệt, với một văn phong nhẹ nhàng thanh thản, tác giả giúp ta đi không biết mệt qua những nẻo đường giáo sử khô khan và gai góc. Những nhân danh và địa danh bằng chữ Pāli, chứ không phải Sanskrit (như Sāriputta thay vì Sāriputra), giúp ta dễ dàng thấy ra

những cảnh đời bình dân của một vùng châu thổ Ma-kiệt-đà hai ngàn năm trước.

Thế nhưng, vấn đề không phải chỉ dừng lại ở đó. Tôi tắt máy và ngồi nhắm mắt một lát để xem mình vừa thấy gì. Tôi đi tìm hình ảnh đức Phật và đã nhìn thấy gì qua Đường Xưa Mây Trắng. Thật lạ, tôi vừa có một ý nghĩ ngộ nghĩnh. Đức Phật trong đó không phải người Ấn Độ và phong vận, ngũ khí của ngài trong Đường Xưa Mây Trắng cứ khiến tôi nhớ đến trung tâm Luy Lâu hơn là vườn Lộc Uyển. Bỏ đi vài hạt sạn nhỏ của Việt tính và Ngã tính trong tác phẩm, Đường Xưa Mây Trắng chắc chắn có thêm không ít độc giả.

Tôi nhớ từng khó chịu khi đọc một cuốn sách của ông Đoàn Trung Còn kể chuyện đức Phật thi triển sức mạnh với một nhóm lực sĩ, rồi thì câu chuyện Ngài

quỳ lạy một đồng xương người và bây giờ là hình ảnh một vị Phật ngồi thối sáo trong Đường Xưa Mây Trắng. Nhà văn Vũ Khắc Khoan từng viết một truyện ngắn hư cấu việc ngài A-nan vâng lời Phật trở về thăm thú nhân gian thời mạt pháp và bàng hoàng trước cái gọi là Phật giáo thời đại mới. Hôm nay nhớ lại, tôi thầm tiếc thương ông Vũ.

Tôi vẫn tự hỏi không biết thiên hạ hôm nay nghĩ sao nếu nhìn thấy đức Đạt-lai Lạt-ma hay một thiền sư tiếng tăm nào đó lại có những cử chỉ giống hệt những gì thiên hạ vẫn gán cho đức Phật. Sư phụ Thanh Hải là một nữ giáo chủ tóc tai đầy đủ, nhưng đối với không ít người, những hành trạng của bà vẫn cứ khó chấp nhận.

Tôi chợt thấm thía bất ngờ những câu kinh ngắn gọn mà uyên ảo của cả Nam

phương và Bắc phái rằng, ai thấy pháp thì người đó thấy Như Lai hoặc ai lấy âm thanh sắc tướng mà cầu thị ta thì đó là ngoại giáo. Có lẽ không một ảnh tượng nào trung thực với hình bóng tuyệt đẹp của đức Phật cho bằng những lời dạy của Ngài. Người làm theo một tí lời Phật thì đã dễ thương khả kính thì nói gì Ngài là bậc Pháp vương. Muốn tưởng tượng ngài có hình dáng thế nào, giọng nói ra sao thì cứ ghé mắt vào kinh thư. Mọi thù dật, suy diễn theo phàm tình nhiều khi lợi bất cập hại. Tôi vẫn nhớ hoài một câu nói của tác giả Đường Xưa Mây Trắng rằng, trong cuốn sách này sở dĩ ngài không nhắc gì đến những phép lạ thần thông của đức Phật vì nghĩ rằng Thế Tôn là bậc đại trí, thiếu gì phương cách tiếp dẫn chúng sanh mà phải dùng đến hạ sách phù phép. Tôi

cũng muốn theo đó gắn thêm một nửa câu nói rằng, Thế Tôn là bậc đại trí nhìn xa trông rộng thì có lẽ cũng không cần gì đến những phương tiện hại nhiều hơn lợi, hoặc lợi trước mắt mà hại về sau.

Tôi tin tác giả đã vì lòng từ bi đối với những độc giả nặng tình với văn hóa Việt Nam mà dùng lại một số hoa văn họa tiết đời sau để tô điểm hình ảnh đức Phật trong Đường Xưa Mây Trắng. Cuốn sách đọc qua ai cũng phải hiểu là một hình thức cách điệu lịch sử. Do đó, tuyệt không dám có nhận xét nào phạm thượng bất kính đối với ngài. Tôi chỉ có một niềm mong mỗi nhỏ bé là, độc giả xem sách hôm nay hay xem phim sau này sẽ hiểu được đó chỉ là những phương tiện thiện xảo mà thôi. Và trên hết, cũng xin nhắc lại ý tưởng vừa thưa ở trên là muốn thấy Phật hãy học lời

Phật và muốn hiểu Phật, hãy đi theo con đường mà đức Phật đã đi.

Chim hạc đã bay mất vào thinh không miên viễn, bên lầu Hoàng Hạc bây giờ chỉ còn lại một màu mây trắng mênh mông. Bao nhiêu ráng chiều, sương sớm quanh lầu cũng chỉ là từng gợi nhớ về những cánh hạc ngày cũ. Mộng mị quá nhiều dễ khiến người ta liên tưởng về một loài chim khác, dù có sắc sỡ như phượng hoàng thì cũng không phải cánh hạc xưa. Bỗng nhiên nhớ Thôi Hiệu của Trung Hoa, rồi thì ông Tản Đà của xứ Việt quá chừng chừng:

Hạc vàng bay mất từ xưa

Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay!

BÓNG NGUYỆT LÒNG SÔNG

Nghìn năm đất tổ Luy Lâu

Chuyện xưa trăng rụng chân cầu thế thôi !

(TK)

Không ai biết ông là người xứ nào. Có người hỏi, ông nói đến một miền đất xa xôi có tên gọi thật khó nhớ. Cứ vậy rồi thân thể của ông trong trí nhớ thiên hạ cũng mơ hồ như cái địa danh xa lạ đó. Nhiều lắm là có người còn nhớ được một chuyện lạ xảy ra vài hôm trước ngày ông đến đây. Lần đó, suốt hai đêm liền, thôn trưởng làng Nhơn Trạch nằm mơ thấy một lão hành khất rách rưới ghé làng rồi đến ngũ

nhờ trước hiên nhà ông. Lão lạ lùng lắm, không thấy ăn uống gì, và đến không chào hỏi mà đi cũng không từ biệt. Chuyện kỳ dị là ngay sau lúc lão bỏ đi, trên chỗ nằm còn ấm hơi người ấy, thôn trưởng đã nhặt được một thỏi vàng ròng chói lòa. Ông đã cho người chạy theo lão hành khát để trả lại, nhưng lão im lặng lắc đầu rồi thoáng mất như bóng ma trên con đường còn đầy sương sớm.

Không phải người nông cạn dễ tin với những mộng mị hoang đường, nhưng lần này thôn trưởng vẫn thấy có chút kỳ lạ. Giấc mơ đêm trước và đêm sau giống nhau từng nét và rõ ràng như chuyện thật giữa ban ngày. Mấy hôm sau, ông có việc đi ngang ngôi đình cuối làng và nhìn thấy một du sĩ đang thọ trai ở đó. Thức ăn chỉ là chút cơm bánh trong bình bát

khất thực. Thôn trưởng thoáng giật mình. Trên gương mặt trung niên kia, ông vừa nhìn thấy ánh mắt sâu thẳm của lão hành khất trong giấc mơ đêm trước !

Ngày đó, đạo Phật còn rất lạ lẫm với người dân xứ này. Thiên hạ chỉ thỉnh thoảng kể nhau nghe về một vài tu sĩ ăn mặc lạ lùng theo các tàu buôn xứ ngoài đến đây từ một miền đất nào đó có cái tên như là Thiên Trúc, gọi theo các khách trú phương Bắc. Hôm vị du sĩ lên bờ khất thực, dân làng không biết ông muốn gì khi ngôn ngữ bất đồng và chỉ thấy ông im lặng bước đi trên đường làng, tay ôm bình bát, một món vật dụng mà họ chưa từng thấy qua bao giờ. Trong hoàn cảnh khó xử ấy, một khách đi đường xem chừng cũng người xứ ngoài đã rẽ vào quán nước bên đường chọn lấy vài thứ bánh trái đem đến

đặt vào bình bát của vị du sĩ rồi im lặng bỏ đi, không nói gì. Cả người cho lẫn người nhận đều im lặng. Dân làng thấy lạ, nhưng mấy ngày kế đó, họ đã biết làm gì khi thấy ông khát thực. Dân chúng ở đây phần lớn mù chữ, nhưng ai cũng có lòng. Sau một vài hôm, họ dần dần biết ông không ăn buổi chiều, khi khát thực chỉ nhận những thứ không cần nấu nướng và không cất lại phần thức ăn dư.

Vị du sĩ thường qua đêm trong đình làng và ban ngày sau giờ khát thực người ta vẫn thường nhìn thấy ông ngồi im lặng một mình ở đâu đó trên đồi cây hay ngoài bãi sông vắng người. Thi thoảng người ta có nghe vài câu trò chuyện của ông với đám trẻ chăn trâu, và có lẽ qua chúng, ông đã từng ngày học thêm tiếng địa phương để nói được những câu chữ đơn giản :

Đừng giết, đừng trộm, đừng dối, đừng say, đừng tham, đừng giận. Dần dần, ông còn dạy chúng những bài hát nghe chừng ngô nghê như đồng dao:

*Nhanh quá phù vân
đời có rồi không
buồn vui vinh nhục
trăng rụng trên đồng
người rồi về đất
như nước về sông
mang gì theo được
ngoài một tấm lòng...*

Chữ nghĩa mơ hồ, chỉ cần chút vần điệu là lũ trẻ có thể gõ sừng trâu mà hát. Chúng hát hồn nhiên không cần nghĩ ngợi xa xôi. Nhưng rồi ngày kia cũng có đứa hỏi ông bài hát đó nói gì, ông bảo:

- Trái không độc thì ăn được, lời không phiền người thì nói được, việc không hại người thì làm được, câu có vần điệu thì hát được. Cứ hát, cứ sống như trẻ con để khi hiểu được ý nghĩa cuộc đời thì cũng là lúc phải đi xa một mình rồi.

- Đi xa là về đâu thưa ông ?

Vị du sĩ mỉm cười trở tay về mấy gò đất bên đường. Đám trẻ tỏ dấu rùng mình. Chúng từng nghe người lớn trong làng bảo đó là những nấm mồ vô danh không biết của ai.

Mùa hạ năm đó, trong làng có người mắc bệnh lạ, thuốc thầy gì cũng không chữa khỏi. Đường cùng, dân làng bàn nhau đến cậy nhờ vị du sĩ như để cầu may, một phần cũng vì có kẻ nhất mực cho ông là một phương sĩ lưu lạc thế nào cũng biết vài món huyền thuật để phòng thân. Nghe

dân làng thưa chuyện, vị du sĩ mỉm cười :

- Ta chưa từng biết đến thứ gì là linh phù, thần dược hay cầu đảo quỷ thần. Sa môn dù có riêng biệt dậm mây cũng phải có lúc thuận theo thế thường mà liệu việc: Uống ăn phải lễ, thuốc thang hợp cách, tâm bớt tham giận, tận dụng thanh khí, thân thường vận động. Đó chẳng là phép dưỡng sinh hữu hiệu nhất đó sao !

- Xin thưa, lời thầy thậm phải, nhưng dường như trong cõi nhân gian đôi lúc còn có những thứ nằm ngoài điều thường thức vốn chỉ có thể nhận biết bằng việc thấy nghe ...Nay xin được nghe về điều ấy, ít ra cũng để trấn an lòng người.

- Thì ra là thế. Nếu đã thử qua nhiều cách, giờ còn một cách may ra giúp được gì chẳng : Gom hết ăn mày làng trên xóm dưới về và tùy sức mình mà cho gạo thóc

áo quần rồi một lòng nghĩ tưởng đến hàng khuất mặt như là những người thân để chia sẻ công đức này và nguyện được bình yên. Nếu chẳng mắc trọng nghiệp tiền thân thì cách này xem ra cũng có chỗ hi vọng.

Dân làng theo lời và chuyện lạ lòng khó ngờ được đã xảy ra. Hơn chục kẻ bệnh trong làng bỗng dưng khỏe lại như chưa từng đau. Dân làng cảm mộ ân đức vị du sĩ, họ góp sức nhau dựng cho ông một thảo xá xinh xắn nằm biệt lập ở bãi sông cuối làng. Vị du sĩ chịu về thảo xá để không phụ lòng thiên hạ, nhưng bao nhiêu lễ phẩm mang đến cúng dường đều bị ông từ chối.

Ông tiếp tục khát thực mỗi sáng, và thức ăn còn lại luôn chia đều cho đám trẻ chăn trâu. Trước sau dường như ông chỉ

độ được lũ con nít này. Còn người lớn, phục ông thì có phục, nhưng họ không thể thân cận. Lời ông nghe ra quá khô khan khó hiểu, và điều đáng nói là ông đã không có được một vẻ ngoài khuất lấp mơ hồ để họ phó thác thứ niềm tin thần mị. Ông luôn là một người quá thực tế, minh bạch. Mà đó lại không là điều thiên hạ mong mỏi. Họ muốn thấy ông phù phép thần bí, thậm chí có chút cơ xảo cũng được, miễn là kín đáo tinh vi một tí để lòng phàm dễ dãi của họ có chỗ tựa nương. Nói cho cùng, những thứ ông có thì thiên hạ không cần và thứ họ cần thì ông không có. Thế là dù vẫn mỗi sáng đặt bát cúng dường vị du sĩ, nhưng đối với dân làng ở đây việc tìm đến lắng nghe ông vẫn cứ là điều bất tiện.

Dòng đời trôi nhanh như con nước. Vị du sĩ đã trải hơn mười mùa mưa ở làng

Nhơn Trạch. Một đứa trong đám trẻ chăn trâu xem chừng có nhiều ngộ tánh đã tự ý xin theo vị du sĩ để làm học trò và kiếp tu của nó cũng được vỡ lòng bằng mấy bài hát đồng dao mà mỗi chặng đời sau này chỉ là từng bước thấm thía những huyền nghĩa trong đó.

Một đêm mùa đông, sương trắng ở đâu về giăng kín làng và sáng hôm sau người ta mới hay vị du sĩ đã lên đường đi mất, để lại ở thảo xá kia một nhà sư trẻ tuổi tiếp nối chuyện kệ sớm kinh chiều.

Những buổi mưa khuya nằm một mình ở thảo xá quanh hiu, nhà sư trẻ kia cứ ngẫm nghĩ mãi vẫn không hiểu được câu nói lấp lửng mơ hồ của sư phụ trong đêm từ biệt:

- Xứ này âm thịnh dương suy. Chánh pháp là mặt trời lớn nên dễ khiến thiên

hạ e ngại. Họ chỉ có thể đón nhận cái gì nhẹ nhàng, êm mát như ánh trăng chẳng hạn. Ánh trăng cũng là ánh sáng mặt trời nhưng đã qua một miền trung chuyển. Con rồi cũng có lúc phải bỏ đây mà lên đường, nhưng khi đó nơi này sẽ là một đạo tràng lớn mạnh và chính con là người khởi dựng công trình ấy. Đừng quên lời ta, lúc ấy hãy đặt tên chùa là Hiệp Phố...

Sao lại là Hiệp Phố ? Tên gọi đó nào có ý nghĩa gì trong Phật điển hay văn chương. Dường như đó chỉ là một địa danh cũ ở đất Giao Châu xưa. Thầy nhớ từng nghe qua nơi chốn này từ các kỳ lão. Sao lúc nào lời sư phụ cũng có âm hưởng đồng dao. Ông yêu tuổi thơ hay chưa từng tin cậy người lớn ?

Hai mươi năm sau, nhà sư trẻ ngày xưa giờ đã trọng tuổi. Sau mấy lần thay mái sửa vách cho thảo xá, ông đã đi xin gạch vụn về rồi tự tay trộn vữa làm chùa bằng vôi bột, bã đường với nhựa dây tơ hồng hái từ ngoài bãi. Việc xong, ông đặt tên chùa là Hiệp Phố. Trong chùa bây giờ ngoài ông, còn có một bà cụ cũng người phương ngoài xô dạt đến đây xin làm công quả.

Một đêm mưa gió mịt mù, anh đánh dậm ngoài làng đã vớt được trên sông một tráp gỗ ngọc âm thơm lừng và trong đó là một đứa bé còn đỏ hỏn. Anh đánh dậm muốn nuôi làm con, nhưng xem lại thấy nó là gái, anh có chút ái ngại rồi đem giao cho bà cụ trên chùa. Đứa bé được đặt tên Phù Di (con mọi trôi sông) và để nuôi kỳ lạ, chỉ uống nước cơm, cháo loãng mà

bụ bẩm mau lớn không ngờ. Vừa lên sáu tuổi nó đã nhận được mặt chữ, hoành phi trướng liễn thấy được ở đâu một lần đều có thể viết lại không thiếu một nét. Thầy trụ trì thấy lạ, đem các sách An Ban, Lý Hoắc dạy cho, thấy đều nằm lòng chẳng sót.

Năm mười ba tuổi, dù ăn vận nâu sòng, nhưng Phù Di cứ đẹp như hoa: Răng ngọc, môi hồng, cao lớn cân đối, đã vậy lại ăn nói ý tứ, sâu sắc. Có điều kỳ lạ là cô bé như căm ghét đàn ông, bất luận tuổi tác. Ngoại trừ sư phụ là trụ trì chùa Hiệp Phố, cô bé luôn tránh mặt nam giới. Tuy thế, điều đặc biệt là từ sau ngày có cô, khách thập phương đến viếng chùa như đông đảo hơn. Người ta thích nghe cô tụng kinh, nói chuyện. Giọng cô khi vui như tiếng hoàng yến, lúc buồn nghe như ngọc vỡ. Mấy hôm sư phụ

có bệnh, cô đứng làm chủ lễ, người xem như hội.

Một khuya, thỉnh chuông đã lâu, không thấy sư phụ lên điện tụng kinh, Phù Di cùng bà cụ xuống tầng phòng gỗ cửa mãi không nghe thấy tiếng trả lời. Sau đó biết ra là thầy trụ trì đã bỏ chùa ra đi với mấy chữ nhắn lại, viết trên vách gỗ, đọc tựa đồng dao :

Duyên đến duyên đi

Nhân sinh mấy thì

Chim chiều về núi

Còn chi, mất chi

Chết là tử biệt

Sống là sinh ly

Kẻ sau, người trước

Ai khứ, ai quy

Phù Di chẳng tỏ vẻ gì, mắt chỉ đỏ hoe, xưa giờ ít nói, nay càng im lặng. Ba năm sau, bà cụ mất, Phù Di tròn mười tám tuổi. Cô tự thí phát và chiêu tập ni sinh. Chỉ trong mấy năm, chùa Hiệp Phố đã có một ni chúng trên mười vị, ai cũng chữ nghĩa biện tài. Và trong chùa ngoài cổng lúc này đều được sửa chữa to rộng đẹp đẽ hơn trước, chỉ riêng điện Phật bằng gạch cũ thì vẫn được giữ nguyên như xưa để làm nơi tôn trí di vật của hai đời sư trưởng trước kia.

Ni trưởng Phù Di rất giỏi nghi lễ. Rằm ngươn sóc vọng trên chùa hay chuyện tang tế trong làng đều một tay cô sắp xếp. Cô soạn lại các bài tụng, thêm bớt các lễ tiết, lại nghĩ ra nhiều cách ngâm xướng khác nhau cho từng trường hợp tụng niệm. Cô cũng vẽ lại các kiểu mẫu tranh

tượng và kiến trúc đền tháp. Tiếng tăm đồn đại, không ít chùa xa cũng đã đến tham khảo học hỏi. Nhưng không phải ai cũng đồng ý với Phù Di, thậm chí có người không phục, cho cô là xem nặng hình thức, bày vẽ dư thừa. Phù Di trả lời xa xôi :

- Đất này xưa từng có cao nhân dùng chân hoá độ, chỉ tiếc ở đây âm thịnh dương suy nên không chịu nổi hùng lực của chánh pháp. Thương đời không hưởng được ánh nắng, tổ sư đã gợi ý hậu sinh dùng phương tiện ánh trăng để chiếu soi đời mạt pháp. Đạo ta kể ra cũng có âm và dương, có tánh và tướng, có hình thức và nội dung. Trí tuệ nội quán là phần dương cực, nội dung của đạo. Cúng tế lễ lạc là phần âm cực, hình thức bên ngoài của đạo, như ánh trăng chỉ là phản quang của mặt trời. Hai đời trụ trì ở đây trước

kia đều là nam giới, nên xem ra chẳng hợp thủy thổ với đất này. Trí tuệ nội hướng của các vị cứ khiến thiên hạ thấy xa lạ, khôn kham. Ta nay thân nữ, có lạm dụng chút hình thức lễ nghi nào đó thì cũng coi như đang dùng ánh trăng phương tiện để hoằng đạo mà thôi. Ngay đến việc ta bày ra các giọng ngâm xướng kinh kệ cho có vần điệu cũng chỉ nhằm thuận ứng lòng người ở đây. Chúng sinh ở chốn biên địa lại trong thời mạt pháp thì chỉ cần nghe để gieo duyên, chứ không thể hiểu để chứng ngộ. Các tiền bối của ta xưa còn dùng đến đồng dao để hoá độ thì việc ngâm xướng du dương hôm nay cũng hợp lẽ mà thôi. Về việc có ai đó cho ta không phải chánh tông truyền thừa, tự ý khai sơn, thì cũng xin trả lời chung là nếu thầy ta là gốc đã đi xa thì ta là ngọn cũng nên nấn ná mà che

mát khách đường trong giây lát. Nếu đã là vật tạm thì luận chi đến chuyện khai giáo hay truyền thừa chứ !

Năm Phù Di đúng bốn mươi tuổi, một sáng đích thân lau dọn gian phòng cũ của sư phụ đã tình cờ bắt gặp một tráp gỗ lớn thơm ngát, dài khoảng mấy gang tay, nằm kín đáo dưới gầm giường. Nàng bất giác liếc nhìn về bàn thờ sư phụ rồi mở tráp. Một mảnh giấy vàng ố nhưng vẫn còn nguyên vẹn những dòng bút tích của ông:

- “ Ngày mồng sáu tháng bảy năm Canh Tuất, thiện nam Nguyễn Hoắc đến chùa giao một bé gái trôi sông nhờ cụ bếp Ngô Thị nuôi hộ. Ngoài chiếc tráp bằng gỗ quách am, bên cạnh đứa nhỏ còn một miếng ngọc khắc chữ, hẳn là tên người. Ta là trụ trì tạm cho đứa bé cái tên Phù Di để ngừa chuyện hung hiểm cho nó. Mai sau

nếu tu hành sẽ có pháp hiệu, nếu về đời có thể dùng lại tên họ trên miếng ngọc để tương nhận thân bằng”.

Phù Di đọc nhanh cái tên mình được khắc trên miếng ngọc trắng muốt. Lý Gia Bảo Châu. Cô bé tên Bảo Châu con nhà họ Lý. Nàng bỗng lạnh người nhớ đến mấy câu nói của sư phụ năm nào:

- Thầy ta từng dặn phải đặt tên chùa là Hiệp Phố.... Lại bảo ta rồi sẽ bỏ đi và mai sau ở đây sẽ là một đạo tràng lớn mạnh. Nhưng trước mắt có ai đâu, Phù Di còn bé thế này lại chẳng phải là tăng.

Hai trong ba điều ấy nàng đã hiểu. Sư phụ của Phù Di đã ra đi từ năm nàng vừa tròn mười lăm tuổi và nơi đây bây giờ ít nhiều cũng đã là một đạo tràng tiếng tăm. Còn vì sao tên chùa phải là Hiệp Phố? Phải chăng sư ông đã biết trước rằng người sẽ

trùng hưng ngôi pháp vũ này là một bé gái mồ côi, và lẽ nào tên nàng lại có thể ứng với tên chùa theo lời sư ông đã dặn...

Phù Di thâm thì trên môi :

- Chùa Hiệp Phố... Lý Gia Bảo Châu...
Châu về Hiệp Phố !

Rõ ràng nơi đây đã là chốn về của con bé Bảo Châu, và Phật pháp qua cách ứng dụng của nàng quả nhiên có phần đặc địa ở đây như một duyên nghiệp của chúng sinh sở tại. Đó chẳng là ý nghĩa của dụ ngôn Châu Về Hiệp Phố đấy sao !

Như có ai đó xô đẩy, ni sư Phù Di từng bước tiến lại quỳ sụp trước bệ thờ hai thầy phương trượng. Một chút hương trầm bay nhẹ quanh nàng.

BỨC TƯỢNG CỔ

Mấy năm dài ở Mỹ nằm nghe mốc cả người, tôi bỗng nhiên muốn sang chơi Trung Quốc một thời gian, một phần cũng để trau dồi vốn liếng chữ Hán còm côi của mình. Trong những ngày trôi nổi đó, vào chuyến đi Thượng Hải lần đầu, tôi đã có dịp ghé thăm Tô Châu rồi Hàng Châu, quê hương của những hòn giả sơn và vườn cảnh lung danh thế giới. Trước sau, tôi đã dừng chân ở Hoa Lục chỉ vỏn vẹn một năm nhưng từ đó ra đi, tôi thấy mình không còn là mình ngày nào nữa. Tôi đã chết ở Trung Quốc và tiếp tục sinh tồn bằng một hóa thân mới. Người đã

khiến tôi thực hiện cuộc thoát thai hoá cốt đó là một nhà sư tình cờ hạnh hội trên đường phố Hàng Châu.

Hôm đó trong lúc đang đứng chọn lựa một miếng đá để đưa ông chủ tiệm khắc cho một con dấu làm kỷ niệm, một nhà sư tuổi trạc trung niên, ăn vận giống tôi, xem chừng cũng phái Phật Giáo Nam Truyền, đã đến cạnh tôi chào hỏi. Giữa xứ Tàu mênh mông, gặp được một bạn tu đồng môn, tôi mừng lắm. Đợi lấy xong con dấu, chúng tôi cùng đến một ngôi lương đình tương đối yên tĩnh để chuyện vãn.

Vị sư kia vốn người Hoa, gia đình sang lập nghiệp ở Singapore đã mấy đời. Có một tuổi trẻ hào hoa và nhiều điều kiện, thời trai trẻ sư đã theo học cùng lúc hai ngành hội họa và âm nhạc với giấc mơ trở thành một nghệ sĩ đa năng. Sau đó dù tốt nghiệp

cả hai ngành, nhưng do tổ nghiệp, sư trở thành một tay buôn cổ vật thường qua lại các nước trong khu vực Đông Nam Á. Trong lần sang Miến Điện để theo dấu một món cổ ngoạn, sư đã phát tâm xuất gia và rồi được thọ Đại Giới với pháp danh U Sotthiyo. Sư rủ tôi về Thiên Tân, nơi sư đang lưu trú và hi vọng sẽ xây dựng một ngôi chùa Nam Tông với sự giúp đỡ của một số Phật tử người Hoa ở Singapore và Miến Điện. Chỗ ở hiện tại của sư chỉ là một ngôi nhà cũ được nhượng lại với giá rẻ. Chúng tôi còn gặp lại nhau hai ngày sau đó rồi chia tay. Tháng sau, tôi tới Thiên Tân.

Ngôi nhà của sư Sotthiyo nằm ở ngoại ô Thiên Tân. Mái ngói rêu phong với một dãy hành lang ẩm mốc, nhà nằm khuất sau một đám chuối tiêu um tùm. Vừa bước chân vào ngõ, nhìn quanh một

lượt, tôi nói với sư là tôi vừa nhớ đến Basho. Căn phòng của sư còn đơn giản nữa. Ngoài chiếc giường con kê sát tường, trong phòng chỉ còn lại một giá sách với mấy cuốn dày cộm, bìa da, vừa sách chữ Tàu vừa sách chữ Miến. Trên cùng, tôi ngó thấy một bức tượng Phật cao chừng một gang tay, bằng đất thó, do chính sư nặn lấy. Bức tượng giản phác mà có thần. Mấy thứ đáng giá nhất trong phòng sư Sotthiyo có lẽ là bộ ấm chén uống trà và cái giá bút bằng gỗ đỏ treo tòn teng vài ngọn bút lông mà tôi đoán là thứ tốt. Nhưng cái tôi thích nhất chính là cái cửa sổ dường như vừa được sửa lại. Khung cửa thấp lắm, đến mức có thể nằm dưới đất vẫn có thể nhìn ra mảnh đất sau nhà, nơi sư treo hồ mấy giò lan xem chừng chỉ là giống rẻ tiền.

Đêm thứ hai sau ngày tôi đến Thiên

tân, trong buổi trà khuya kéo dài tới gần ba giờ sáng vì cả hai không ai buồn ngủ, sư Sotthiyo đã kể lại cho tôi nghe câu chuyện đời mình và con đường dẫn sư về với đạo Phật. Sư có cách kể chuyện chậm rãi thâm trầm nhưng rất có duyên.

Thế danh của sư Sotthiyo trước khi xuất gia là Triệu Chân. Gia đình Triệu Chân tương đối khá giả, nhưng song thân của cậu không có hạnh phúc. Họ là một cặp chỉ phúc giao hôn do cha mẹ đôi bên đính ước từ lúc họ còn trong bụng. Lấy nhau có một mặt con, họ vẫn không có được tình yêu và mỗi người đều có một mối tình trong quá khứ. Đều là dân trí thức lại con nhà gia giáo, cả hai không xúc phạm đối phương nhưng đều thâm hiểu họ không thuộc về nhau. Triệu Chân lớn lên, hiểu được mọi chuyện, và nhận ra

mình đang bị cầm tù trong một gia đình nhiều bi kịch. Chưa vào đại học, cậu đã thường xuyên say khướt ở khắp các trà lầu tửu quán để tìm quên. Đêm kia ở vũ trường, cậu đã quen được một người con gái. Chính cô này đã dẫn dắt cậu tìm đến hội họa và âm nhạc vì cha cô là từng là một mặc khách đa tài, sở trường cùng lúc cả hai lĩnh vực.

Sư Sotthiyo ngừng lại một lát, đoạn đưa mắt nhìn ra song cửa như muốn chìm mất vào bóng đêm:

- Niềm đam mê nào cũng là chất nhựa nuôi sống người ta sư à, sau này học Phật tôi mới hiểu chúng sinh trầm luân là vì chất nhựa đó. Người con gái đó là niềm đam mê đầu đời của tôi và tiếp theo, tôi đã yêu nhạc với họa còn nồng nàn hơn nữa. Cô ấy biết rõ điều đó, dĩ nhiên rất buồn. Cô

đã khóc với tôi suốt một đêm dài rồi lặng lẽ ra đi. Phần tôi, sau khi ra trường, vì gia nghiệp, đã làm thương nhân và chỉ trong vài tháng đã không còn nhớ gì đến hội họa hay âm nhạc. Trong đầu óc tôi dần dần chỉ còn là những tô chén cổ ngoạn và những tờ giấy bạc. Tôi đã sống như vậy gần hai mươi năm trời. Cho đến một ngày, năm đó tôi đã bốn mươi tám tuổi, có người bạn thân cũng dân buôn cổ vật đã rỉ tai tôi về một bức tượng thổ ngọc mà anh ta cả quyết là giá trị liên thành. Câu chuyện đã thật sự cuốn hút tôi vì nó kéo theo đó một giai thoại truyền kỳ.

Trong lúc theo ngõ Sơn Hải Quan tràn vào Trung Quốc, quân Mãn Châu đã chia thành tám nhánh để xung kích nhà Minh và mỗi quân đoàn đã chọn lấy một màu cờ làm tiêu biểu. Sử sách Trung Hoa đời

sau vẫn gọi họ là Bát Kỳ Quân. Từng người trong số họ, kể cả các tử sĩ, sau đó đều được kể vào hàng khai quốc công thần, con cháu đời đời hưởng lộc công khanh. Và tương truyền, mỗi quân đoàn trong Bát Kỳ Quân được giao trọng trách bảo quản một phần tài sản quốc bảo của nhà Thanh phòng khi có quốc biến. Trọng nhiệm đó được tiếp tục truyền thừa qua nhiều đời con cháu của Bát Kỳ Quân. Những gì nhà Thanh muốn cất giấu dĩ nhiên vô cùng quý giá và cực kỳ bí mật, người Hán không sao biết được. Nhưng trong dân gian vẫn kín đáo truyền miệng nhau rằng phần quốc bảo do vị thân vương cánh Huỳnh Kỳ bảo quản là một số lượng vàng ròng rất lớn (phải gần năm trăm cỗ xe song mã mới có thể chở hết), tất cả đều được đúc thành từng khối lớn không có hình thù và để bảo

mật, người ta đã nhuộm đen tất cả bằng một thứ dung dịch đặc biệt không phai, có màu như đồng gỉ, để che mắt trộm cướp. Số vàng đó nghe đâu đã được chôn giấu bí mật dưới một thung lũng hầu như không có ngõ vào và nổi tiếng ma thiêng nước độc. Người đời sau tương truyền rằng mật mã địa đồ của kho báu lại nằm trong một bức tượng thỏ ngọc có tính năng kỳ lửa (Tị Hỏa Châu). Nói vậy, chỉ riêng bức tượng thỏ ngọc cũng đủ là một gia tài muôn ức. Và dĩ nhiên mọi chuyện trước sau vẫn chỉ là giai thoại truyền khẩu khó biết thực hư.

Bức tượng thỏ ngọc cũng có một số phận rất đặc biệt và đã lần lượt qua tay nhiều chủ. Không ít người sau trăm phương ngàn cách vẫn không thể khám phá ra địa đồ kho tàng đã nghĩ đến việc đập vỡ nó để tìm kiếm. Nhưng chính giá

trị liên thành của bức tượng đã cứu nó. Người ta ngại chuyện thả mỗi bắt bóng. Thế rồi chẳng biết vì sao, từ đời Quang Tự, bức tượng thỏ ngọc đột nhiên thất tung, rồi có thời gian lại cùng lúc xuất hiện ở nhiều nơi, thật giả khó phân, dần dần người ta không còn ai biết gì về món bảo vật truyền kỳ này nữa.

Câu chuyện ly kỳ đến thế, ấy vậy mà ông bạn của Triệu Chân lại cả quyết rằng đã theo dấu được bức tượng thỏ ngọc và cho biết nó hiện trong tay một thương gia Miến Điện ở Moulmein. Triệu Chân không hề nuôi mộng đi tìm kho báu, ông không tin chuyện đó, nhưng chẳng hiểu sao ông lại tin câu chuyện về con thỏ ngọc tạc bằng Tị Hỏa Châu. Triệu Chân sau đó đã tìm đến người thương gia kia và được nghe kể lại toàn bộ câu chuyện. Thì ra

trong thời chiến tranh giữa hai nhà Mao Tưởng, một viên sĩ quan của Tưởng Giới Thạch đã tình cờ phát hiện ra kho báu kia, và vì chỉ là một võ phu lại thêm giữa thời khói lửa, nên ông ta đã vội vã đem bán tất cả cho một tay buôn đồ đồng với giá rẻ mạt. Còn bức tượng thỏ ngọc trên đường trôi nổi, tương truyền đã lọt vào tay một nông phu nghèo khổ và đám trẻ con ông trong lúc nô đùa đã đem ném xuống sông như một món đồ chơi. Dĩ nhiên, không ai có thể biết được đó có phải là bức tượng thật hay không.

Câu chuyện sao nghe như một vở hát tuồng. Cả một kho tàng quốc bảo của nhà Thanh ai ngờ lại bị mất trắng vào tay một anh lính vô danh và đám trẻ con nghèo khổ.

Nghe xong câu chuyện về bức tượng thỏ ngọc và kho vàng nhà Thanh, Triệu Chân bỗng đứng chán ngán chuyện đời, không thiết tha gì nữa. Suốt mấy ngày liền, ông đã lang thang khắp chốn để khuây khỏa và nhân duyên đã xui ông gặp được ngài Kaccano Sayadaw ở Mandalay, tức hoà thượng bốn sư của sư Sotthiyo bây giờ. Là chỗ thầy trò, Triệu Chân đã đem chuyện kho vàng nhà Thanh và bức tượng thỏ ngọc kể lại cho hòa thượng Kaccano. Điều thật thú vị là câu chuyện qua tay ngài đã trở thành những thoại đầu sâu sắc và Triệu Chân đã được điểm hoá lúc nào không hay :

- “Mấy ngàn năm trước ở Ấn Độ có một vị hoàng tử cực kỳ thông tuệ. Chuyện gì khó khăn đến mấy, ngài nhìn qua một lần đã hiểu. Ai cũng cho đó là sự minh mẫn.

Nhưng đọc kỹ đời ngài, ta sẽ thấy rằng khả năng giải quyết mọi sự của vị hoàng tử ngoài sự thông tuệ hơn người, còn có một yếu tố khác cũng quan trọng tương đương. Đó chính là lòng can đảm. Sự can đảm chấp nhận các giả thuyết. Do luôn bị sống vây hãm giữa quá nhiều điều kiện ràng buộc như thể chất, giáo dục, tình cảm và cả môi trường sống, nên mỗi người chúng ta luôn kín đáo từ chối tất cả những con đường suy tư đi ngược lại những thứ vẫn vây hãm mình. Khổ thay, thường khi giải pháp thực sự lại nằm trong chính những con đường đó. Những người từng sở hữu bức tượng thờ ngọc kia rất có thể đã tìm ra kho vàng nếu họ không bị cái giá trị của bức tượng ám ảnh. Trong lịch sử đã từng có những cái nhút nhát giằng co làm chết cả một dân tộc hay tệ hại hơn, bôi

đen cả một trang sử văn minh nhân loại. Trong khi đó, vị hoàng tử Ấn Độ kia chỉ vì muốn thử nghiệm một suy tư của mình, lúc chưa được ba mươi tuổi, ngài đã từ bỏ ngai vàng và trở thành một tu sĩ đói lạnh. Ngài chính là đức Phật Cổ Đàm. Phật giáo truyền thống gọi sự can đảm đó của Ngài là Trạch Pháp Giác Chi, và hành trình phân giải những do dự, tức sự chọn lựa sáng suốt ở những ngã ba tư tưởng chính là Đạo Phi Đạo Tri Kiến Tĩnh.

Trong lòng mỗi người đều có một vài bức tượng thỏ ngọc. Chỉ vì không thể cam tâm đập vỡ nó, nên cái mà người ta có được chỉ là chùng đó. Và dĩ nhiên, chỉ có trời mới biết những bức tượng thỏ ngọc đó là giả hay thật. Và dù là đồ thật hay giả, trong trí tuệ Phật giáo, những bức tượng thỏ ngọc đó được gọi tên bằng

một thuật ngữ là Thân Kiến, một trong những chướng ngại quan trọng bậc nhất mà một người tu hành chắc chắn phải vượt qua để chứng ngộ thánh trí. Trường hợp viên sĩ quan không nhận ra giá trị của mấy khối vàng thật ra cũng tương tự như hoàn cảnh của của những người ôm giữ bức tượng thổ ngọc. Họ chỉ khác nhau ở điểm duy nhất là một bên bị cái quý giá ám ảnh và một bên bị cái tầm thường ám ảnh. Tâm cảnh nào cũng là cực đoan cả, và cái đó đi ngược lại trí tuệ Trung Đạo cần có ở một người đi tìm cái thật. Câu chuyện về anh cùng tử trong kinh Pháp Hoa của Phật giáo hậu thời và trong cả Thánh kinh của Cơ Đốc giáo, thật ra đều nhắm vào ý tưởng mà ta vừa nói, chỉ tiếc là vì chỉ nhắm vào những mục đích cá nhân nên một số người diễn dịch đã không giữ lại

được lý tưởng cần có của nó.

Con đường giải thoát trong đạo Phật xem ra cũng ly kỳ như một cuộc tìm kiếm kho tàng. Mọi thứ cần được ngấm nhìn cẩn thận và khi cần, người tu phải có cái gan tự chẻ xương mình để tìm thấy chân lý. Bản thân mỗi người là một hào lũy khó vượt qua nhất. Người tu phải có can đảm đập vỡ tất cả bức tượng thờ ngọc trong lòng mình và một tay chơi cổ ngoạn bậc thầy là người dám coi thường tất cả. Cái quan trọng là được việc. Hai ngàn năm trước, đức Phật đã dạy rằng mọi thứ gặp được trên đường tu đều chỉ là phương tiện giả nhất thời chỉ dụng, dùng xong việc rồi phải bỏ nó đi, như một chiếc bè cõ đối với người muốn qua sông...”

Đâu đó có tiếng sương đêm rơi trên những tàu lá chuối. Đêm Thiên Tân mát

mẻ yên bình. Rót cho tôi thêm một chén trà vừa mới pha, sư Sotthiyo nheo mắt gật gù:

- Máy câu nói của ngài Kaccano đã làm thay đổi cuộc đời tôi. Tôi thấy nếu không bỏ hết để đi tu thì tôi còn vô tri hơn đám trẻ nhà quê đã ném bỏ bức tượng thờ ngọc kia nữa. Cái gì tôi cũng đã ném qua cả rồi, và chuyện đời đúng là chỉ có chừng đó. Cứ vậy mà tôi đi tu, sư à. Nhưng chuyện chưa hết đâu. Xuất gia rồi, thú thiệt, tôi vẫn còn chút đam mê đối với một món trong mớ cổ vật đã sưu tầm hồi trước và tự cho là mình có thể giữ lại mà không có tội gì hết. Đó là mấy cây bút lông kết bằng râu chuột nghe đâu từng qua tay Lý Liên Anh. Dù là người tân học, nhưng tôi đã sớm nghiện thư pháp và tự nghĩ bây giờ dù có đi tu thì tôi cũng có thể thỉnh thoảng viết chơi cái

gì đó bằng mấy cây bút lông tuyệt vời này chứ. Sau năm năm tu học bên chân thầy, một ngày kia ngài hoà thượng bảo tôi về Thiên Tân theo lời thỉnh nguyện của ai đó với ngài. Hôm tôi chuẩn bị ra đi, tình cờ ngài Kaccano nhìn thấy mấy cây bút lông và đã hồn nhiên hỏi tôi :

- Người Hoa vẫn còn dùng loại bút này sao, xem chừng đây cũng là đồ xưa phải không ?

- Thưa, người Tàu vẫn cho rằng chữ Tàu phải viết bằng bút lông mới đẹp. Con quen dùng thứ này và cũng thấy quý, mấy cây bút này cũng gần trăm năm rồi, thưa thầy.

Ngài mỉm cười gật đầu và khi ra đến cửa phòng tôi, ngài chợt đứng lại, mắt vẫn nhìn ra sân, giọng nói xa xôi :

- Hãy làm chủ nó, đừng để nó làm chủ

mình và cây bút dù quý đến mấy cũng không quan trọng bằng những gì mình viết.

Tôi đã về Thiên Tân với câu nói đó của ngài hòa thượng như một món hành trang vô giá. Máy cây bút đó tôi mang theo không vì chúng là cổ vật mà là vì chúng nhắc nhở tôi về câu nói của ngài Kaccano. Bây giờ ngài đã mất rồi, vào giữa mùa an cư năm ngoái. Tôi đã không kịp có một bức ảnh nào chụp chung với ngài. Tôi chỉ còn cái giá bút đó để nhớ thầy. Tôi đã vĩnh viễn chia tay thế giới cổ ngoạn, nhưng cái tôi có được bây giờ còn quý giá hơn thế rất nhiều sư à!

Ngồi nghe sư Sotthiyo nói tới đó, tôi bất giác ngó lên giá bút của sư rồi chiếc nghiên đá Đoan Khê phủ bụi đang nằm bên cạnh và ngậm ngùi nghĩ đến ngài

Kaccano, một người mà tôi chưa từng gặp mặt.

Trung Quốc từ đó đối với tôi trở thành chốn kỷ niệm của một lần tái sinh, nơi có một nhà sư với câu chuyện kho vàng thời Thanh Mạt và sau cùng là một căn nhà nhỏ ở ngoại thành Thiên Tân với cái giá bút vô ngôn mà nói rất nhiều.

CẦU TRE LẮT LỎ

Để ngắn gọn, tôi đã thay đổi tựa đề bài viết. Bản thân người viết bài này chưa hề có một mảnh bằng đại học nào hết. Một ngày ngẫm chuyện chung quanh, tôi muốn viết ra chút tâm tư cho nhẹ lòng và điểm tựa cho bài viết cũng chỉ là một vài tổ chức học Phật cũng không thuộc đại học.

Đó là lớp Hán cổ ở chùa Già Lam (Gò Vấp) mấy năm đầu thập niên 90 do quý thầy Nguyên Hồng, Thái Siêu khởixướng và bên cạnh đó là mấy lớp hướng dẫn dịch kinh Hán Văn ở Đại Tòng Lâm do thầy Trí Không, sau này còn thêm một chương trình tương tự do HT Minh Cảnh tổ chức

(gọi là nhóm phiên dịch Huệ Quang thì phải). Hiện hòa thượng còn đang thông báo chiêu sinh khóa mới tại Việt Nam. Cả ba chương trình này đã đào tạo hàng trăm tăng ni cư sĩ thực học và họ cũng đã chung sức nhau thực hiện hàng chục công trình phiên dịch đồ sộ mà đến cả giáo hội Phật Giáo trung ương của nhà nước, gồm cả Viện Nghiên Cứu Phật Học và cả ba trường Cao Cấp Phật Học ở ba miền cũng không làm nổi.

Cả ba lớp học tự túc vừa kể trên đều không thuộc một trường đại học nào hết, nhưng hiệu quả theo tôi thì bao nhiêu khóa Cao Cấp Phật Học sau 1975 không sao bì được.

Trong bài viết này, tôi muốn thử đưa ra vắn vện hai tiêu đề: Tăng ni cư sĩ phải học gì, và học để làm gì.

I. HỌC GÌ

Trước hết, dù tăng ni cư sĩ thuộc hệ phái nào và đang tu học trong hay ngoài nước nói chung, mất bốn năm ở các trường Phật Học làm gì nếu người tốt nghiệp không có được ba thứ này:

A. Một hiểu biết căn bản về hai truyền thống Phật học Nam Tông và Bắc Phái qua tối thiểu vài ba bộ kinh luận tiêu biểu của hai bên (chẳng hạn Kim Cang, Duy Thức, Hoa Nghiêm, Trí Độ, Thanh Tịnh Đạo, Vô Ngại Giải Đạo, Thắng Pháp Tập Yếu Luận). Điều kỳ lạ là Phật giáo Việt Nam đã tỏ ra thờ ơ rồi chậm bước trong việc phiên dịch

hai bộ luận Câu Xá của ngài Thế Thân (Vasubandhu) và Phát Trí của ngài Ca Chiên Diên Tử (Katyayaniputra) vốn đáng được xem là những chiếc cầu nối tuyệt đối quan trọng để Nam Tông Bắc Truyền gần lại với nhau hơn. Hay là vì một lý do khó nói nào đó mà đến tận giờ những người có thẩm quyền vẫn để mặc hai truyền thống này tại Việt Nam tiếp tục thâm thương với vợi. Ta có thể không phải là học giả hay luận sư gì hết, nhưng nếu đã học xong mấy năm đại học Phật Giáo (hoặc tương đương) thì một cách căn bản phải nói được điểm tinh yếu của các truyền thống Phật Giáo lớn.

Không có được khả năng này, trộm nghĩ danh xưng tốt nghiệp đại học Phật Giáo là bất xứng.

B. Khả năng ngoại ngữ tối thiểu để tham cứu kinh điển Phật Giáo gồm ít nhất hai trong năm thứ tiếng Pali, Sanskrit, Hán, Nhật, Tây Tạng. Trong trường hợp tăng ni cư sĩ đang theo học ở các xứ Phật Giáo Theravada thì còn phải thêm tiếng bản xứ, chìa khóa tối cần để mở cửa kho tàng kinh Phật ở đó. Riêng khả năng đọc hiểu Anh ngữ thì coi như bắt buộc, vì đại học Phật Giáo trên mặt hành chánh cũng được xem tương đương đại học bên ngoài.

Tôi coi trọng kiến thức ngoại ngữ ở một người chỉ vì mấy lý do ai cũng biết. Kho tàng kiến thức của nhân loại đã, đang và sẽ được lưu trữ bằng các thứ tiếng khác nhau. Trông đợi các bản dịch rồi thỏa mãn với chúng đều là chuyện không nên. Đọc truyện Kiều phải qua bản tiếng Việt mới đúng mức, và một người ngoại quốc ngồi

chờ có bản dịch truyện Kiều bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của mình thì biết đến kiếp nào, đã vậy đọc bản dịch theo tôi là uống cà phê nước nhè, cái mùi vị nguyên chất không còn nữa. Thứ đến, đọc hiểu thêm một ngôn ngữ là ta làm quen được một nền văn hóa, biết thêm một cách nhận thức. Thế giới bao la gì cũng có, mà ta chỉ biết quẩn quanh với cái mình có (thường cạn và hẹp hơn là sâu với rộng) thì hoang phí quá.

Thử nghĩ nếu không có kinh Phật từ Ấn Độ thì loài người hôm nay làm sao có thể tưởng tượng ra được một kho tàng minh triết bất khả tư nghị đến vậy, và đặc biệt là kho tàng ấy đã được một phần nhân loại biết đến trên mặt đất này từ hơn hai ngàn năm trước. Và đối với người học Phật mà nói, ai cũng biết rằng Phật giáo

mỗi xứ đều có những điểm độc đáo riêng tư bên cạnh cái chung nhất là Tam Tạng bằng tiếng Pali. Không đọc hiểu được các thứ tiếng Miến, Tích, Thái, Khmer thì coi như ta đã bỏ qua mấy khu rừng kinh văn quan trọng. Chuyện đó còn đau hơn sự thiệt thòi của một người mù điếc bẩm sinh trước nền điện ảnh thế giới.

Nếu chương trình trong bốn năm đầu ở đại học Phật giáo tập trung một chút, bớt hẳn các môn không thật sự cần thiết cho Phật học thì việc người tốt nghiệp đọc hiểu được vài ba cổ ngữ vừa kể trên đây là chuyện bình thường. Tôi nói những môn không thật sự cần thiết là ám chỉ những môn kiểu kinh tế, xã hội, chính trị gì đó mà tăng ni sinh có thể trau dồi sau này khi thấy cần. Điều tối cần của một người học Phật trong mấy năm đầu tu học ở học

viện, theo tôi, là ba kiến thức vừa kể trên (Phật học, ngoại ngữ và tiếng mẹ đẻ). Thà ít mà đủ sâu để xài được, còn hơn một mớ hồ lớn gì cũng có mà chỉ là đồ đồng nát (ve chai). Tôi biết nhiều người đọc đến đây sẽ mắng tôi không tiếc lời, chẳng hạn đồ dốt mà bày đặt dạy đời, nhưng tôi van các cha làm ơn ngó lại chương trình các khóa Cao Cấp Phật Học gì ấy từ năm 1981 đến nay, nếu tăng sinh không tự trau dồi thêm, không có vốn liếng sẵn, thì hàng chục môn trong mỗi khóa đó đã đem lại được gì cho họ khi môn nào cũng được học kiểu cưỡi ngựa xem hoa.

Nói vậy hoàn toàn không có nghĩa là tôi xem nhẹ kiến thức bách khoa ở một người. Biết thêm một chuyện, chỉ có tốt chứ không xấu. Dốt một chuyện chỉ có xấu chứ không tốt. Ai từng cầm bút hay

micro thì biết, kiến thức càng rộng thì khả năng xoay sở càng thoải mái, càng hiệu quả hơn. Kiến thức hẹp quá, dễ mắc thành kiến và trên hết là không đủ đồ xài. Tôi không có ý kêu gọi ai trở thành một người kiểu vậy. Những trình bày này giờ của tôi chỉ có một ý nghĩa duy nhất là trong mấy năm đầu học tập, tăng ni cư sĩ nên theo cách sâu trước rộng sau sẽ tốt hơn là ngược lại. Nói vậy vì tôi ngại mấy điều là nếu chọn cách học rộng trước sâu sau, chỉ cần có chút danh lợi hay bận rộn gì đó thì người ta sẽ không còn hứng thú để đào sâu những cái mình chỉ mới biết đại khái. Thứ nữa, tăng ni có chiều sâu sẽ an toàn hơn và cuối cùng điều kiện tâm lý của một người từ sâu đi qua rộng luôn dễ dàng hơn là từ chỗ rộng tìm đến chỗ sâu. Tâm lý con người kỳ lạ vậy. Trong giao tiếp, tôi nhận

thấy những người có chiều sâu thường dễ nhận ra chỗ thiếu của mình hơn là người bắt đầu từ chiều rộng, có khuynh hướng tự cho mình cái gì cũng biết!

C. Khả năng ngôn ngữ đủ để trao truyền kiến thức mình có cho người khác một cách thoải mái. Ngôn ngữ ở đây trước hết là tiếng mẹ đẻ, thêm được ngoại ngữ càng tốt, và bao gồm cả hai kỹ năng nói viết. Khả năng đọc hiểu và giao tiếp căn bản đã nói ở phần B.

Anh giỏi chuyên môn, có một hay nhiều sở trường, nhưng không thể chia sẻ cho người khác (đồng bào hay người xứ khác) bằng cách thức nào đó thì rõ ràng sở học của anh đã mất đi một nửa ý nghĩa. Ngôn ngữ anh dùng phải đủ giúp người ta hiểu điều anh muốn nói, mà nếu được,

cũng nên đủ trơn mềm trong sáng để trình bày những vấn đề khô cứng, khó nói.

Trộm nghĩ, một chương trình đào tạo tốt không chỉ tạo ra khả năng hiểu biết mà còn là khả năng chia sẻ. Anh không thể chỉ là một học giả uyên bác chỉ biết tra tra lật lật cho riêng mình, anh còn phải là một suối nguồn lợi tha.

Tôi nghĩ người Việt không tệ, nhưng có lẽ do thời cuộc hoặc bối cảnh văn hoá xã hội sao đó, nhu cầu học đạo của Phật tử mình khá đơn giản. Có thể dốc tiền cất chùa, nhưng không hứng thú trong việc thúc đẩy học thuật của Phật giáo. Có đủ bạo dạn để nói xúc phạm người khác, nhưng không đủ gan để tham vấn cặn kẽ khi học đạo với tăng ni. Lý do chỉ đơn giản là ngại hỏi kỹ quá lỡ các vị không biết thì kỳ, hoặc sợ bị la mắng là vớ vẩn nhiều

chuyện. Hình như không nên thế. Cứ can đảm nhưng lịch sự, lễ phép hỏi lại chỗ tồn nghi. Chẳng hạn, xin hỏi con có thể đọc thêm vấn đề này ở đâu.

Đại khái thế. Điều tối kỵ trong Phật pháp nói riêng và học thuật trên đời nói chung, là nhắm mắt tin thầy. Sau vài thế hệ cuồng tín kiểu đó, cái tinh hoa nguyên thủy chỉ còn là tấm ảnh không hồn. Đừng sợ bị chê dốt mà không dám hỏi, đừng để mình bị lòng quý kính thái quá chặn mất cơ hội tìm hiểu.

Khi cư sĩ có thái độ học hỏi nghiêm túc kiểu đó, tăng ni tự dung cũng phải nghĩ đến việc quay về trau dồi ngon lành hơn. Thảm nhất là trò học qua loa, thầy dạy sơ sài, kẻ cầu học thiết tha cẩn trọng không biết tìm thầy bạn ở đâu. Cái đó mới là mạt pháp.

II. HỌC ĐỂ LÀM GÌ

Có không dưới 1001 câu trả lời trong trường hợp này. Ở đây người viết chỉ xin hai gạch đầu dòng thôi:

A. Học cho mình

Ta không thể là một người sống giữa đời mà không biết tí gì về thế giới quanh mình. Tăng ni cư sĩ cũng không thể tu Phật theo cách má tin thì con tin, ai rủ thì theo. Vậy mục đích đầu tiên là ta học cho mình.

Cho mình ở đây không đơn giản là để mình có được một số vốn kiến thức kiểu “biết thì tốt”, mà trên hết, ta dùng cái học

trường lớp để xác định con đường mình phải đi, cách mình phải hiểu Phật Pháp, một cách xác định của riêng mình, không phải vay mượn từ ai khác. Thậm chí mang danh tiến sĩ mà không có nổi một nhận thức độc lập thì hình như vẫn còn có chỗ bất cập, bất xứng. Phải có chủ kiến trên nền tảng chánh kiến. Nói kiểu trong nước là kế thừa mà có phê phán.

Ta không thể nói thầy tôi dạy vậy thì tôi tin vậy. Bởi nếu ta có hơn hai ông thầy, mỗi vị nói một cách thì ta phải tính sao đây chứ. Vậy rõ ràng việc học đầu tiên là đem cái biết của người về gặm nhấm với riêng mình để sau cùng chọn lấy cái mình thấy là đúng, là thích hợp. Đừng bao giờ vì sợ chống trái với ông thầy rồi không dám động não một cách độc lập. Theo tôi hiểu, và theo kinh Kalamasutta, Phật không

dạy ta thờ thầy kiểu đó.

Hôm nay sang Miến Điện giữa lúc đất nước này đang từng ngày thay đổi với một tốc độ đáng nể, tôi vẫn có chút khó chịu khi thấy kiểu Niệm Xứ Phồng Xẹp của ngài Mahasi vẫn được tôn thờ một cách cẩn cẩn như một truyền thống lớn nhất.

Cạnh đó, lý tưởng và công trạng của ngài Vicittasara đối với nền học thuật của Phật giáo Miến Điện đúng là không thể phủ nhận, nhưng kiểu học cổ hủ là cái gì cũng phải đọc thuộc lòng (oral) như trẻ con tiểu học cứ tiếp tục được giữ lại ở đây một phần lớn cũng là do thái độ kế thừa tinh thần của ngài ở những người hậu học trung thành. Họ làm như đã quên rằng nếu nay vẫn còn sống thì Ngài đã trên trăm tuổi rồi và trong cách nghĩ của Ngài có nhiều thứ đã được thừa tiếp từ mấy

trăm năm nay ở một xứ sở xa khuất như Miến Điện.

Một cái giá phải trả của Phật giáo Thái Lan sau này chính là thái độ theo tổ quên Phật của Phật tử xứ này. Ai tìm hiểu ít nhiều về trung tâm Dhammakaya ở Thái chắc chắn sẽ hết hồn. Cơ sở to rộng như một phi trường, lượng người ủng hộ không dưới số triệu, khả năng tài chánh gần như vô hạn, muốn là có, và uy tín đối với chính phủ giống hệt như người nhà với nhau. Nhưng pháp môn chủ yếu của Dhammakaya là gì ? Lũng lơ giữa các truyền thống và Chỉ hay Quán có trời mà biết. Vậy mà người theo cứ đông như kiến cỏ, quân Nguyên gì đó chỉ là chuyện nhỏ. Các truyền thống một thời lẫy lừng như của ngài Achahn Chah, Achahn Neab, Achahn Asabha, thậm chí thần tượng

của tuổi trẻ trí thức Thái Lan là ngài Buddhadasa cũng không sao có nổi một ảnh hưởng ghê gớm cỡ đó.

Và người học đạo trước hết phải nhắm đến mục đích không để mình trở thành một nô lệ hay chuột bạch cho bất cứ ai.

B. Học để giúp người.

Một người chịu đọc kinh Phật một cách đàng hoàng, dù có là Phật tử hay không, cũng phải nhận rằng Phật Giáo là một suối nguồn minh triết của toàn nhân loại. Không biết đến lời Phật rõ ràng là thiệt thòi lớn của một người trên hành tinh này. Ai từng đọc qua các kinh Koran của Hồi giáo, Tân-Cựu Ước của Cơ Đốc Giáo, Talmud của Do Thái Giáo, Phệ Đà của Ấn Giáo, Đạo Tạng của Lão Giáo,... rồi làm một so sánh, chắc chắn cũng đều

phải thấy như vậy. Và ai đã rao giảng trao truyền dòng chảy minh triết đó cho người chưa biết đến Phật Giáo? Ai cũng biết đó chính là những người tu học theo Phật Giáo và có khả năng chuyển tải truyền đạt.

Anh hiểu đúng, làm đúng, nhưng không biết làm sao để giúp tôi được như anh, thì cũng thiệt là đáng tức và thực là đáng tiếc lắm vậy.

Nhưng anh làm sao để trao truyền Phật Pháp cho tôi? Nói kiểu gì thì cũng chỉ nằm gọn trong ba cách: Bằng chữ viết (dịch, soạn, sáng tác), bằng ngôn ngữ thuyết giảng và bằng chính cách anh sống cho tôi nhìn mà học theo. Có thể anh không có đủ cả ba khả năng này, nhưng một người tu Phật muốn sống lợi tha thì tối thiểu cũng phải có một trong ba. Và tôi tin chắc rằng nếu không sở hữu ít nhất ba

thứ kiến thức mà tôi vừa nói đến ở phần Phải Học Gì thì anh rất khó lòng mà giúp được ai.

1. Bằng chữ viết

Có nhiều động cơ để một người cầm bút. Anh có thể nói với tôi rằng anh chỉ cầm bút cho riêng anh, không nhắm đến ai, nhưng nếu anh là một người thực học và thực tài thì anh phải chịu trách nhiệm với bất cứ thứ gì anh viết, dịch, soạn. Đó lại cũng là một kiểu lợi tha. Thứ đến, có lúc ta cầm bút vì một công trình mà ta tâm đắc hơn là vì nghĩ đến nhu cầu của thiên hạ, dù đó là công trình được công bố rộng rãi. Trường hợp cuối cùng, người cầm bút lấy lợi ích của thiên hạ làm trọng để vùi đầu vào công trình. Sao cũng được, miễn là người cầm bút thì phải luôn có ý thức trách nhiệm và biết tôn trọng công

trình của mình bằng cách thực hiện một cách cẩn trọng, yêu nghề. Được vậy coi như anh đã giúp đời nhiều lắm rồi vậy.

Xin nhớ giùm, lời nói có thể sẽ bay mất, nhưng chữ nghĩa thì mãi hoài nằm lại đó. Đâu ai còn dịp nghe lại giọng nói của các cụ Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Ngô Tất Tố, Huỳnh Tịnh Của, Trương Vĩnh Ký,... Nhưng các công trình của họ đến tận giờ vẫn còn đầy ra đó, từ các thư viện quốc gia đến sưu tập cá nhân.

Làm gì thì làm, một công trình nào đi nữa cũng phải có đủ lý do để tồn tại lâu bền trong đời. Cóp nhặt bữa bãi, nông cạn, bất cẩn đều là những lý do khiến một công trình sớm bị đóng bụi. Chỉ với tâm huyết vẫn chưa đủ, còn phải chất lượng bên trong nó nữa. Thiếu hai điều kiện này, cầm bút chỉ hoài phí thời gian, trong khi

ta đâu có nhiều thời gian để để chơi sang như vậy. Và thiên hạ cũng đâu dư hơi để đọc một tác phẩm/dịch phẩm kiểu đó.

Xưa giờ có ai thúc ép một bà mẹ phải sinh non trước ngày, cũng như đâu có ai cưỡng cầu một người cầm bút phải hối hả trình làng một công trình chưa được chín muồi. Để non thường khó nuôi, èo uột thiếu sức rồi trách sao đi sớm. Một công trình chữ nghĩa cũng vậy.

2. Bằng ngôn từ thuyết giảng.

Tôi không phải một pháp sư hay giảng sư gì ráo, làm được ông sư là mừng rồi. Ở đây chỉ là chút lạm bàn, nhớ gì viết đó, theo kinh nghiệm của một anh bán ve chai bàn về cổ vật.

Dù ta may mắn có được một khả năng văn tài hay lợi khẩu ghê gớm đến mấy, trộm nghĩ cái quan trọng vẫn là trách

nhiệm đối với thiên hạ. Viết cho hay, đọc đã đời rồi người ta vẫn không bỏ túi được cái gì. Nói cũng thế. Bay bướm hoa hoè cả giờ để rồi chính mình không thể rút gọn được một nội dung xài được. Cả hai trường hợp đều đáng trách, đáng tiếc.

Cái nguy hiểm nhất của một người là khả năng lười cuốn thiên hạ cộng với tinh thần vô trách nhiệm. Ai cũng thích có kẻ ái mộ, nhưng không gì bằng việc lấy đó làm động lực chính để nói năng, viết lách. Anh có biết nhiều người có thể vì nghe anh mà tan nhà nát cửa, tiêu tùng một đời không? Đôi khi một dòng chữ hay một câu nói có thể giúp người ta đổi đời, thì ngược lại lắm lúc chúng cũng thừa sức khiến người ta hết đời, tàn đời. Xin nhớ lại giùm đã có biết bao vị đạo sư, giáo chủ, thầy bà gì đó người Việt ở hải ngoại đã một

thời khuynh đảo tâm hồn của hàng ngàn người nhẹ dạ bằng mấy pháp môn tự chế. Tội nghiệp người ta buông hết Phật pháp chánh thống để dồn hết tâm tư thời gian theo mình, đến lúc ngã ngửa ra mới hay thời gian qua đi cầm trại ở Phi Châu còn tốt hơn trăm lần.

Nếu sử dụng văn tài và khả năng lợi khẩu để tìm fan ủng hộ mà không chịu nghĩ đến lợi ích của người ta thì kể ra cũng quá tàn nhẫn vậy. Và trong chuyện này hình như chính người nghe hay đọc giả cũng tự có một phần trách nhiệm. Ai bảo anh dễ bảo quá, ham vui quá, mới xui tôi muốn nói viết gì cũng được. Nếu anh biết phân biệt rõ cái mình thích và điều mình cần thì tôi đâu dám tung tẩy kiểu đó. Nói kiểu trong nước, có cầu mới có cung chứ. Trong bài này tôi muốn nhấn mạnh

nguồn Cung, nhưng dĩ nhiên không thể bỏ qua phía Cầu. Đi nghe thuyết pháp mà cứ chăm bẵm những thơ ca, chuyện cười, truyện ma để ghi nhớ (dù nhiều khi người thuyết giảng chỉ nhắc phớt qua khi cần thiết), thì trách gì lần sau người ta cứ tiếp tục bốn cũ soạn lại. Lâu dần rồi thành lệ, pháp sư nào thuyết giảng chuẩn mực coi như hết đất sống và cư sĩ cũng không còn cơ hội được nghe những gì đúng là Pháp Nhữ Phật Thân. Cái loạn đi ra từ đây!

Nói chân tình cho nhau nghe, việc thiên hạ chạy theo vẻ ngoài của chữ nghĩa ngôn từ buổi đầu thấy hay là thế, nhưng về lâu dài lành ít dữ nhiều. Nếu hôm nay họ theo ta vì những hoa lá cành vô bổ nào đó, thì mai kia họ cũng có thể chạy theo những ông thầy sắc sỡ hơn ta bây giờ nữa. Trong khi đó, nếu người nói Pháp chỉ

nhằm vào hai tiêu điểm là nói đúng lời Phật và lợi ích thiết thực của người nghe thì cứ cho là đối thủ của ta mai này cũng phải là bậc thạc đức thạc học, không có chỗ cho kiểu thầy bà bá vợ chen vào. Phật Pháp nhờ vậy mà mạnh, chúng sinh được nhờ.

3. Bằng cách sống của mình.

Phải nhận rằng tôi hơi nhột khi viết đến chỗ này mà cứ nhớ đến kiểu sống của mình, nhưng hết đường lựa chọn rồi, phải xuống tay mà viết thôi.

Phật giáo có ít nhất hai cách dạy người, ngôn giáo (bằng lời) và thân giáo (làm gương cho người ta bắt chước). Cả hai cách viết và nói đều nằm trong phần Ngôn giáo. Cách dạy đạo thứ hai là lấy chính kiểu sống của mình làm bài mẫu cho người ta học theo. Sở dĩ có cách dạy này là bởi vì

nhiều khi người ta không thích nghe hay đọc điều mình nói hay viết, mà lại muốn ngó vào từng chi tiết nhỏ trong sinh hoạt của sư phụ.

Trăm buổi giảng về giới luật, chánh niệm, tà uý, từ tâm...lắm lúc xem ra không hiệu quả bằng một tuần lễ trò quan sát thầy. Sống động hơn, thuyết phục hơn, và đỡ tốn kém trí nhớ. Đặc biệt là niềm tin rằng thầy nói được và đã làm được. Nếu mình làm giống hệt thầy thì cũng sẽ an lạc ngon lành như thầy. Đó chính là thân giáo vậy.

Có một thời gian khá dài, tôi cứ nghĩ rằng hình thức trang nghiêm trước đám đông hình như là giả dối nếu khi về ở một mình mà lại không thu thúc được như vậy. Nhưng rồi vài vị huynh đệ đã vô tình giúp tôi bỏ đi cách nghĩ đó. Một vị, trong lúc

tình cờ kể cho tôi nghe một chuyện vui trên đường, đã nói rằng dù thực ra mình không phải người nghiêm trì cẩn cẩn nhưng trước người lạ ít nhiều cũng nên giữ lại chút đại thể, cho mình và cho đoàn thể mà mình có mặt. Vị này dùng một ví dụ nghe không đẹp lắm, nhưng theo tôi thì hay tuyệt và xác đáng. Sư nghĩ xem, ai không biết mình có áo quần cần giặt và phơi, nhưng đem phơi bữa bãi ngoài cửa sổ chung cư kiểu như nhiều người Á Châu thì kỳ cục quá. Mình có bê bối cỡ nào đi nữa, đôi khi cũng phải kín đáo một tí, không cần thiết phải vạch áo cho người xem sọc bên trong. Mình trang nghiêm không chỉ cho bản thân, mà còn cho đạo, cho thầy bạn, hệ phái nữa. Hay!

Câu chuyện thứ hai, xảy ra ở Việt Nam mấy chục năm rồi, mà tôi cứ nhớ hoài như

một bài học bằng vàng. Một vị sư bạn của tôi, lớn tuổi hơn nhiều, đã kể cho tôi nghe một chuyện xảy ra với sư trong một lần đi xe bus ở Sài Gòn, kiểu xe Karosa của Tiệp Khắc có cửa đóng mở bằng hơi và được điều khiển từ chỗ ngồi của tài xế. Hôm đó, xe chật như nêm, sư bạn tôi lên được xe thì mới hay chỗ đứng cũng không còn nói gì chỗ ngồi. Sư đành chịu trận ngay cửa xe. Lát sau, cô nhân viên soát vé thấy có chỗ trống để đón khách vào sâu bên trong, bèn hò hét: Ông thầy phải chừa chỗ cho người ta mở cửa xe chứ. Vị sư bạn tôi lúc đó nhỏ nhẹ: Tôi bị kẹt ngón tay trong cửa xe cô ời. Cô nhân viên hết hồn nhìn lại: Trời ơi, sao thầy không chịu la lên? Ông sư bạn tôi rán cười: Sắp đến trạm kế rồi, xe sẽ mở cửa. Cảm ơn cô.

Kể xong câu chuyện, sư cười với tôi: „Đó cũng là hoằng pháp. Nhiều người khách lúc đó nhìn tôi rồi tôi nghe ai đó xầm xì. Người ta là ông thầy mà !“

Tôi rất muốn gọi hai câu chuyện vừa kể là những bài học về Thân giáo. Mà muốn làm được chuyện này, tăng ni bắt buộc phải có một nội hàm thật vững, thật sâu và cũng xin nhớ giùm một chuyện: Muốn biết đường hành trì hay lợi tha thì phải học trước. Nhưng học cái gì, ta cần có mô hình giáo dục thế nào? Xin trở lại đầu bài.

Ký túc xá Mahachulalongkorn

July/15/2013

CHÂN TU

Chữ Cút trong tiếng Việt có ít nhất hai nghĩa. Nghĩa động từ là xéo, tếch, vọt, đông thẳng, bỏ đi không minh bạch, không đường đường chính chính, nói theo phim Tàu là chẳng quang minh lỗi lạc. Chữ Cút theo nghĩa danh từ là tên gọi tắt của loài chim Cun Cút. Tôi ngờ rằng hai nghĩa này có liên quan nhau ít nhiều. Ai từng sống ở miền Đông Nam Bộ Việt Nam hẳn là phải thấy qua giống chim này. Chúng to lắm cũng hơn nắm tay một chút, sống quanh quất mấy lùm bụi, cả đời cơ hồ chẳng biết bay, chỉ lăm lũi lặng lẽ đây đó và khi gặp biến thì lủi nhanh vào một

mô đất hay bụi cỏ nào đó và thế là mất tăm. Ngày còn nhỏ, tôi từng tin lời người lớn rằng chim cút biết tàng hình, như tôi vẫn từng tin vào vài huyền thoại về loài chim gõ kiến.

Sau này tôi còn biết thêm một vài loài chim khác cũng lạ lùng như chim cút ở chỗ suốt đời chỉ biết đi; hoặc chỉ biết bơi lội, không biết bay, chẳng hạn chim cánh cụt (penguin) ở hai miền địa cực của trái đất. Bẩm sinh chúng không có sẵn khả năng bay lượn. Mang tiếng là chim nhưng chúng thua cả giống vịt xiêm về khả năng di chuyển. Mấy con vịt xiêm ngo lạch bạch vậy nhưng lúc cần vẫn có thể bay qua mấy công đất như chơi. Dĩ nhiên chúng chỉ xài tới khả năng này những lúc không còn lựa chọn nào khác. Mấy loài lông vũ kỳ cục đó

chẳng hiểu sao cứ ám ảnh tôi như những đề tài suy gẫm thú vị.

Mang tiếng là chim nhưng không biết bay vì chỉ có khả năng đi, hay có quá nhiều những sức nặng không cần thiết cho những lần chấp cánh. Muốn lên được với trời xanh hãy tự làm nhẹ chính mình. Trọng lượng là một thứ cần được quan tâm trước tiên trong những chuyến bay. Dù về sinh học hay kỹ thuật đều thế cả. Có người hỏi tôi sao thời nay không thấy ai có thần thông, tôi nhớ đã trả lời rằng người bây giờ hầu hết đều thích khuân vác nên ai cũng là chim cánh cụt, khá lắm cũng chỉ là chim cút hay vịt xiêm, thịt mỡ nhiều hơn lông cánh thì làm sao bay nhảy chứ!

Phàm kẻ còn mê luyện ngũ dục thì không sao chúng đạt các tầng thiền định Sắc Giới. Còn nặng lòng với các tầng thiền

định Sắc Giới thì làm sao vươn đến các tầng thiên định Vô Sắc Giới. Ngày nào dạ còn mong mỗi hiện hữu ở cảnh giới nọ kia thì không sao tu chí Vô Sanh. Còn hệ lụy phổ chợ đình quán thì đừng hòng nói chuyện viễn ly thâm xứ, cõi riêng của các bậc hiền giả. Trời sanh mỗi người chỉ có hai bàn tay, làm gì có chuyện một tay buông một tay nắm. Đôi bàn tay không thể cùng lúc làm hai việc đối lập. Chúng ta chỉ có thể chọn một trong các chọn lựa. Muốn bay cao phải biết bỏ lại những gánh nặng không thật sự cần thiết. Trọng lượng thừa thãi chỉ khiến mình thêm ì ạch, lạch bạch mà thôi.

Tôi thích hiểu chữ Chân Tu là tu cái chân, là bỏ đi, là chia tay, là chẳng dừng chân quá lâu một nơi chốn nào. Một cơ thể thiếu vận động dễ khiến dư mỡ, cao

máu, mau chết. Một lòng tu thích nắn nà, nắm níu cũng dễ có vấn đề. Cầm lấy vài món hành trang gọn nhẹ rồi sống... Hành Đạo. Chữ này tôi lại cũng cố ý hiểu theo nghĩa mới. Hành Đạo là đạo đi, là phép tu bằng đôi chân theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Mọi thứ phải dời đổi theo nghĩa hướng thượng, tích cực. Đứng yên hay dừng lại là chỗi, là chống, là vướng, là kẹt, là nặng nề, mệt mỏi rồi thì kiệt sức. Năng lượng phải được tuần hoàn, luân lưu bằng những trao đổi xê dịch. Tu hành là bỏ lại sau lưng những hình bóng cũ, kể cả cái bóng hôm qua của mình. Tu là bước tới, là xoay lưng, là từ biệt, là tìm về những quán trọ qua đêm để ngủ nhờ, những bến đò để quá giang. Chữ Hán có mấy từ theo tôi hay quá. Tá Túc là mượn tạm chỗ của người ta để ngủ, không phải chỗ sở hữu của mình.

Còn Quá Giang là đi nhờ tàu xe để qua sông hay vượt qua một đoạn đường trên bộ, ngắn thôi. Xa quá, lâu quá thì không còn là Quá Giang nữa. Lúc đó là hệ lụy, là có vấn đề với nhân gian rồi.

Nghĩ mà thương cho những loài chim một đời không vỗ cánh bay, chỉ vỗ cánh ơ hờ để tự giải ngứa, như những loài chim không biết hát, chỉ há mỏ để ngáp vặt. Uổng cho cái danh xưng chim trời. Trời cao xa nghìn trùng cho những loài chim không biết bay. Tôi nhớ có đọc đâu đó, hình như của nhà văn Thi Vũ, về một loài chim không chân, một đời mòn mỏi bay không đậu. Ông muốn nói đến cái gì tôi không nhớ nữa, chỉ thấy mệt nhiều với hình ảnh một loài chim không thể về đất. Tôi theo tinh thần Trung Đạo: Có chân để nghỉ ngơi và có cánh để chao lượn. Nghỉ

ngơi lúc cần và tung bay khi thấy thích. Đức Phật có nói đến những trụ xứ nấu mình và những con đường du hóa trong cuộc đời mỗi tử-kheo. Chọn hẳn một thứ là kẹt cứng. Bầu trời để đi và mặt đất để về.

Tôi viết một mạch không dám đọc lại, vì sợ mình cụt hứng thì nguy. Viết theo cách vừa nói ở trên. Viết như kẻ đang trên đường: Gì cũng ở sau lưng. Quay đầu là bịn rịn, vướng vít. Trong các hồng danh của Phật, tôi thích niệm nhất chữ Thiện Thệ, người đi chẳng về, đi chẳng nhìn lui, đã xoay lưng thì chẳng quay đầu. Và một trong ba mươi thông lệ của chư Phật ba đời có chỗ tiêu sái độc đáo là dẫn sinh, thành đạo hay viên tịch đều ngoài rừng cây, không dưới mái che nào hết. Các ngài là những cánh dã hạc, không thuộc về một phố xá phần hoa nào cả. Đẹp lắm thay!

CHẾT DẠI

Đến tận bây giờ, tuổi cũng đã lớn, vậy mà tôi vẫn không nén được sự hồi hộp mỗi khi tình cờ xem được ở đâu đó một khúc phim, một đoạn văn mô tả thời khắc ai đó đi nhận diện xác chết xem có phải người thân của mình, hoặc những cuộc rình mò để bắt quả tang một sự việc mờ ám nào đó như ngoại tình, gián điệp. Tại sao tôi lại hồi hộp trong những hoàn cảnh như vậy? Xin thưa, thay vì lúc nào cũng mong mình nghĩ đúng, thì cái éo le ở đây là trong những tình huống kiểu đó, tôi thường thầm cầu mong mọi sự chỉ là chuyện nhầm lẫn để cái chết kia không

phải là thân nhân của người đã nhận diện, hay kẻ phản bội kia không phải “người phía mình”, tức nhân vật mà mình yêu thích trong cuốn sách hay bộ phim đó.

Thì ra, không phải lúc nào người ta cũng mong mình chính xác, không phải lúc nào người ta cũng yêu sự thật. Và cũng theo Phật pháp thì cái gọi là vấn đề của cuộc luân hồi không chỉ là cái Vô Minh, mà còn là tình yêu của mỗi người đối với cái Vô Minh đó nữa. Chỉ riêng cái nhầm lẫn đã đủ chết người rồi, vậy mà người ta còn thỉnh thoảng e ngại, sợ hãi ngay chính sự đúng đắn. Gẫm lại, đời sống hình như chỉ là vấn đề của cảm giác. Lắm lúc chính mình trong giây phút bình tĩnh nhất cũng thấy được chuyện đó là vậy, vậy mà khi xấn tay áo nhẩy vào thực tế thì “cứ tìm những chốn đoạn trường mà đi”. Lý do đơn giản là khi

làm vậy ta được an lòng hơn, dù có phải mang tiếng là chết đại. Thay vì cứ một lần nghiêng răng nhìn thẳng sự thật, để có đau thì cũng một lần thôi, thì không ít người trong thiên hạ lại thường có khuynh hướng bịt bốt một tai, nhắm bốt một mắt để được sống đại khờ hay chết thơ ngây... cho thỏa mộng trầm luân!

Tôi biết em nói dối, tôi đoán em hai lòng, tôi mơ hồ thấy trong tóc mình có chút dấu hiệu của cặp sừng sắp nhú, nhưng khảo kỹ quá, lỡ oan ức cho em, hay em tự ái bỏ đi thiệt thì sao. Thôi thì có được bao nhiêu trí tuệ bẩm sinh và kiến thức trường lớp cũng mặc, thiên hạ trong lúc này thường cứ xếp lại mọi thứ trong góc nhà để mà tha hồ sống u mê theo sở thích. Ai cũng cứ ráng trùu mền mà tụng chú tình yêu, cầu cho tim em đừng quá nhiều

lỗ như Ty Can tiền bối. Những khi nhắm mắt chịu không thấu thì cứ thò tay bấm nút Ipod cất sẵn trong túi áo bên ngực trái để mà nghe thêm bài sám tăng lực “tôi xin người cứ gian dối, khi tôi hỏi người có yêu tôi, may ra còn một chút tình vui...!”

Gẫm kỹ cũng ngộ thiệt. Theo các chuyên gia của cả ngành thẩm mỹ lẫn y tế, chỉ riêng đối với phụ nữ, số người bận tâm đến việc làm đẹp luôn nhiều hơn những người để ý đến chuyện vệ sinh cơ thể. Lý do ư? Làm đẹp thì lúc nào cũng vui hơn, mắt luôn thấy toàn cái dễ nhìn, mình có xấu tệ thì chỉ riêng mấy món phấn son, nữ trang ngó cũng sướng mắt. Còn chuyện làm vệ sinh thì ngán lắm, phải đối diện với nhiều món thực tế chán mớ đời. Cứ vậy mà người ta khoái làm đẹp nhiều hơn giữ sạch. Và cũng như tôi vừa thưa ở trên,

thiên hạ ai cũng khoái mình được thông minh, nhưng có mấy ai thích sống thông minh. Buồn chết bỏ!

Thế đã hết đâu. Cái Vô Minh vốn đã cũ xì từ vô thủy vậy mà trong thời buổi này cũng lại một phen nhuộm mùi high-tech. Xem chừng đã chán chương với mấy thứ có thể sờ chạm, thiên hạ hôm nay có thêm kiểu Vô Minh trong biết bao thứ ảo (virtual). Ai không tin thì xin thỉnh lên Internet sẽ biết ngay, đặc biệt mấy phòng game online. Tiền ảo, tình ảo, giai nhân cũng ảo tuốt. Vậy mà không biết bao nhiêu người thiên hạ hôm nay còn mê mấy món đó hơn cả đồ thật. Tiền bạc, thời gian, sức khỏe có bao nhiêu cũng chen nhau vào đó mà “cúng dường” cho mấy món ảo. Nói cho cùng, mấy vụ chatting gì đó cũng đâu phải đáng tin gì cho cam. Cả mấy cái blog

cũng thế. Thế bởi yêu đương cho lắm vào, nhưng nào có mấy ai thấy được mắt mũi của đối phương ra sao. Một thế giới ảo cho những buồn vui cũng ảo, chỉ có cái hậu quả là thật mà thôi. Tôi có nghe một câu nói rất lạ, nhưng thú vị, là nhiều khi gặp gỡ ca sĩ, diễn viên, người mẫu hay một kiểu thần tượng nào đó ngoài đời không thú vị bằng đưa hết bọn họ vào trong một cái Archos bé tày gang rồi đi đâu cũng móc ra ngắm soi một mình vậy mà sướng đáo để. Đại khái ngoài cảm giác sống trong cái gọi là thời thượng gì đó, người ta còn thấy ra một thế giới khác hẳn những gì mình vẫn nghe nhìn mỗi ngày. Vẫn theo lời Phật thì vạn hữu vốn vô thường, ta không kịp thay đổi thì trần cảnh cũng đã đổi thay hay ngược lại. Thế rồi cái dòng chảy của những thứ phù du đó cứ bắt người ta phải

một đời đi tìm những cái mới hơn để mà sống gượng qua những ngày tháng lẽ ra là lê thê buồn tẻ.

Bắt chước người ta lý sự cho vui vậy thôi. Hôm qua tôi vào trang blog của mình thấy một cái entry, đọc rồi lòng đau hơn xát muối. Trời mờ sáng, người đang dật dờ sau một đêm dở sống dở chết vì mất ngủ, bỗng một tiếng phone reo (lại cũng một món ảo). Người ta xin lỗi tôi bằng mấy câu thiệt ảo, bảo là đã xóa cái entry sai lầm kia rồi. Biết đó lại cũng là thứ ảo, vậy mà tôi cũng lập tức nghe mình hồi sinh (với một nguồn sinh lực ảo) và bằng mình ra bàn viết để viết ngay một cái gì đó...ăn mừng.

Mẹ ơi, 40 tuổi đầu, với manh áo truyền thừa trên vai, con vẫn còn ham chơi. Không phải mấy món đồ chơi bằng đất sét như hồi nào nữa, mà là mấy trò chơi

sương khói của một đời phố chợ với giống gì cũng là ảo hết. Chỉ có những nỗi buồn hình như là thật mà thôi...Xin lạy Phật đã đi xa và nhớ mẹ còn ở cuối trời, con bây giờ hình như chỉ còn chừng đó là không ảo.

CHIẾT TỰ

Một anh Phật tử sau một tai nạn đập nát thân thể đã được ghép lại chiếc chân mới lấy từ di hài của một người hiến xác.

Không bị tàn tật, anh mừng lắm, nhưng đêm đêm nhìn lại cái chân ngoại lai kia, anh cứ rùng mình và nghĩ đến người nằm dưới mộ.

Một ngày, nhắm chịu không thấu, anh chạy lên chùa thăm sư phụ là một thiền sư và kể lại nỗi sợ của mình.

Vị hòa thượng nhìn anh rồi mỉm cười:

- Con thấy sợ cái chân đó vì cho rằng nó không phải là của con, nhưng thử hỏi,

cái-chân-xưa-giờ-theo-con-từ-bé có đúng là của con không ?

Truyện kể rằng anh Phật tử từ đó ngủ ngon, hết sợ.

Và tôi từ lúc biết được câu chuyện này cũng thấy mình ít nhiều an lạc hơn xưa.

Tôi đã hiểu chữ CỬA một cách chu đáo hơn, thấm thía hơn.

Rồi cũng từ đó, tôi nghiệm ra một điều rằng ở đời nhiều lúc chỉ một chữ thôi cũng là một trời suy tư.

Chiều nay, một người Phật tử gửi tôi cái link để đọc bài viết của một người trẻ chẳng biết trong hay ngoài nước.

Họ nói thích bài đó, khen hay và giới thiệu cho tôi. Tựa đề bài viết đó là Tình Lỡ. Thiệt lạ, đọc hết bài, nhưng tôi không hiểu gì hết. Lòng tôi đã bị cái tựa đề Tình Lỡ kia níu kéo ngay từ phút đầu. Nói

chính xác, tôi đã bàng hoàng, ngẩn ngơ chỉ vì một chữ LỖ kia thôi. Nào phải chỉ có tình mới lỗ.

Có gì trên đời này lại không bị lỗ chứ.

Nhìn quanh ta, rồi thì cả thế giới, hình như chẳng gì là trọn vẹn hết.

Này nhé, có ai trên đời này dám nhận đời mình là viên mãn đâu.

Cả một quốc gia cũng thế.

Nhiều kẻ giàu mà không sang, bởi họ chỉ phú mà không quý.

Tiền bạc rủng rỉnh mà kiểu xài tiền thì ngửi không vô, đó là giàu mà không sang, phú nhưng chưa quý.

Nhìn xa một chút, nước Tàu bây giờ có biết bao tỷ phú, nhưng ở một xã hội nghèo nàn nhân văn sau mấy chục năm Cộng Sản thì khó mà kiếm ra một người thật sự phú quý.

Dám bỏ cả triệu Mỹ kim mua một con chó ngao Tây Tạng về cung phụng như đấng sinh thành, nhưng đổ họ dám bỏ ra một phần trăm số tiền đó để làm từ thiện.

Đáng ngại là ở Việt Nam bây giờ cũng có rất nhiều kẻ chỉ phú mà không quý như thế.

Tôi muốn gọi đó là một trường hợp Lỡ: Lỡ làng, dở dang...

Rồi đến chữ An Lạc.

Biết bao người trên đời này ngó ngon lành vậy, nhưng thiệt ra họ chỉ được An (yên) mà chắc gì được Lạc.

Nhà cửa ổn định, thu nhập ổn định, sức khỏe ổn định, kể cả gia đạo cũng ổn định, nhưng liệu lòng họ có được vui không.

Tôi từng nói rồi, nhiều khi có chuyện để lo toan còn dễ sống hơn là những ngày

tháng nhàn cư vô vị, không đắng không ngọt.

Viết đến đây tôi chợt nhớ đến mấy bài báo online gần đây nói về làn sóng thực phẩm độc hại của Trung Quốc và Việt Nam đang được xuất khẩu tứ tung thì càng thấm thía chữ Lữ này.

Nhiều món trong đó là thứ khoái khẩu của người mình, nhưng ngon mà chẳng lành.

Không phải món nào ngon thì cũng lành.

Cũng như nhiều người tuy dễ thương mà cũng đáng sợ vậy.

Hai chữ ngon lành từ đó không phải dễ dùng.

Ngay đến một chữ rất phổ biến như Phúc Đức cũng khó mà tìm được chỗ dùng.

Nhiều kẻ đời nay chỉ có phúc mà không có đức.

Người học A-Tỳ-Đàm thường thích nói chặt chẽ nên khó chấp nhận điều tôi đang viết.

Một cách nôm na, tôi hiểu Đức ở đây là những đức tánh hàm dưỡng nhân cách của mình.

Một người tiện tay làm một hai chuyện giúp đỡ kẻ khác không sánh được một người thường ngày làm gì cũng biết nghĩ về kẻ khác.

Phúc thì ai cũng làm được, nhưng Đức thì phải là kẻ có tâm cơ.

Tôi không nhớ là Lão Tử hay Trang Tử đã có câu nói này:

Người thời nay quyền cao tước trọng đến mấy cũng chỉ là hàng quý nhân chứ không phải bậc đại nhân như thời trước.

*Cứ theo kiểu chẻ chữ (chiết tự) đó mà nói thì ta có bao điều thú vị để mà suy gẫm.

Như thánh nhân chỉ có Đau mà không Khổ, phàm phu nhiều khi Thông nhưng chưa chắc đã Minh, Giải nhưng chưa chắc đã Thoát, Tình không hẳn là đi với Yêu, tôi còn muốn nói là Sung chưa chắc đã Sướng, nhưng thôi !

Chẻ chừng đó cũng đủ mỗi tay mòn búa rồi, chỉ mong người đời nhớ được bài học Chính Danh của thầy Khổng để mà sống trọn vẹn ngoài đời, trong đạo. Thế còn gì hơn được nữa. Mong thay!

CÒN GÌ THẨM HƠN

Rõ ràng một người trên 18 tuổi không thể ngồi yên chờ thiên hạ bón thức ăn vào miệng mình. Ai cũng phải đi cày để kiếm sống. Nhưng không gì thẩm hơn cảnh suốt đời chỉ biết chạy quanh một vòng tròn: Đi làm để sống và sống để đi làm, một ngày lẫn đêm ra lạnh ngắt, cứng đờ, vô duyên như một vở kịch dở ẹt !

Một người sống giữa thiên hạ phải có chút hình thức tươm tất, vì ít nhất hai lý do là tự trọng đối với mình và tôn trọng người khác. Nhưng không gì thẩm bằng việc suốt đời cứ bận tâm vì vẻ ngoài, sợ bị chê xấu, thích được khen đẹp. Xin vài

lần nhìn quanh mình xem, mình ăn mặc trang điểm ra sao thì thiên hạ có ai thèm nhìn đâu, và sau những cái nhìn thoáng qua của họ, có ai về rồi vẫn còn nghĩ đến mình. Trừ phi mình quá sức đặc dị mà thôi. Tin tôi đi !

Làm gì cũng phải có thầy và bạn. Trong chuyện tu học cũng vậy. Nhưng không gì thấm bằng cảnh một người suốt đời nhắm mắt đi theo một pháp môn hành trì mà chính mình chỉ hiểu biết mơ hồ, trong khi lý do của sự đáng tiếc đó chỉ đơn giản là niềm tin hay tình riêng với ai đó. Đời ta rẻ đến vậy hay sao ? Trăm năm đâu phải tám giẻ rách mà coi thường quá vậy !

Xin làm ơn nhớ giùm chuyện này: Nhẹ dạ, lười suy nghĩ, cuồng tín đều là mẹ ruột của các tín ngưỡng mù quáng, những hệ thống chính trị ngu xuẩn tàn

độc. Chính những người dân thiếu suy nghĩ đã dọn chỗ cho bạo chúa, độc tài về đày đọa họ. Hôm nay tôi còn ngờ rằng chính cách nghĩ của mấy bà già trầu mù chữ đã là một góp sức quan trọng cho số phận Việt Nam xưa giờ.

Phật pháp nói chung, hay nói riêng giáo lý A Tỳ Đàm chẳng hạn, hoàn toàn có thể dung nạp được mọi trình độ. Vì vậy không gì thảm bằng việc học đạo theo cách thuộc lòng trả bài rồi đem giới thiệu cho người khác. Đối với một người dạy đạo thiếu Phật duyên và Phật chất thì bằng cấp học vị hay uy tín đối với quần chúng đôi khi chỉ là khối thuốc nổ tăng mức sát thương mà thôi.

Phật pháp qua cách hiểu nông nổi rất dễ bị xem là ngô nghê buồn cười. Thầy trò khi đó giống hệt đám trẻ lấy ngọc quý

đem chơi đánh đáo hay trò ô quan. Tinh hoa tuệ giác của một đức Phật đâu phải tầm thường đến thế. Nghĩ mà đau lòng lắm vậy !

Thiền Quán hay Tứ Niệm Xứ là con đường duy nhất dẫn đến giải thoát. Toàn bộ kinh điển chỉ có một lý tưởng duy nhất là xác định nhận thức này.

Phật giáo Miến Điện tô đậm nhận thức đó bằng việc dạy và tu Tứ Niệm Xứ. Pháp môn này không phải là đặc sản của riêng họ như cách nói của một phóng viên Tây Phương: Các xứ khác có máy móc hay nông lâm thủy khoáng sản để xuất cảng, Miến Điện có thêm pháp môn Tứ Niệm Xứ để đưa ra thế giới bên ngoài.

Người đến Miến Điện tu thiền Quán không giống như kẻ đến Ấn Độ để học Yoga hay qua Tàu học khí công. Ta sang

Myanmar để tìm một bối cảnh thích hợp, như ra bờ biển để chạy bộ vậy. Và không gì thắm hơn một người qua đây chỉ vì phong trào: Đi cho sang, cho thỏa tò mò, cho giống người ta.

Ở đâu cũng vậy, tu Quán là để thấy mình là gì và đang ra sao. Đủ duyên thì thành thánh, kém duyên một chút thì cũng được an lạc hiện tiền. Ta khổ vì nhiều hiểu lầm quá, về mình và về người. Tu thiền là để hiểu đúng hơn, về ta và về đời.

Chuyện đã hết đâu. Giáo lý chưa thông, ngôn ngữ bất đồng, người ngoại quốc đến thiền viện Miến Điện phải lệ thuộc người phiên dịch để tương thông với thiền sư. May gặp người dịch có trình độ Phật học thì OK, xui mà gặp tay ngang thì cứ như muốn mua mít chín mà nhờ cậy người

nghet mũi. Vậy mà nghe đâu có khối người sau một hai khóa tu thiền Quán ngắn hạn ở Miến Điện trở về đã mặc nhiên trở thành những hành giả có cầu chứng (marque deposee/ trade mark). Thiên hạ thích thì cứ, nhưng bản thân thiền sinh có lẽ nên quên đi. Nếu không thì còn gì thảm hơn !

CÔ BÁC SĨ CỦA TÔI

Nàng có mảnh bằng bác sĩ ở ngoài Việt Nam. Tiếng Việt lơ lơ, chưa bao giờ nói cho đúng một câu tiếng Việt, nhưng chẳng sao hết, đó không phải cái chuyên môn của nàng. Ai gặp nàng cũng đều thông cảm được điểm này, vì hiếm người đồng hương nào ngồi ở ghế đại học ngoại quốc lâu hơn nàng.

Nàng luôn có vẻ thông minh đặc biệt, có lẽ do nghề dạy, nên rất dễ khiến nhiều người lần đầu gặp gỡ đều có chút e ngại, cứ như đang bị nàng khám bệnh.

Và trong số đó cũng có hẳn. Lần đầu quen biết, chỉ trong mười phút trò chuyện,

nàng đã hỏi hần một câu về Phật học thiết chuyên nghiệp, như của một tay trí thức bậc tót. Gần nửa đời tiếp xúc với đủ loại người, đây là một trong không nhiều cơ hội hần phải nhú mày. Cái duyên thâm của một người có tí nhan sắc, một chút mùi nước hoa đắt tiền từ một con người có học, cộng với dáng vẻ thành kính của một tín nữ xem chừng ngoan đạo, nàng đã khiến hần phải sửa lại dáng ngồi và liên tục hắng giọng để tránh làm hỏng cái không khí trang trọng mà hai người đang cố gây dựng.

Hần say sưa nói với nàng cả những điều chỉ thuộc vòng ngoài của câu trả lời. Hần nói thao thao như để trao truyền y bát, để giao phó tâm huyết, phó chúc ý chỉ tông môn cho một truyền nhân có căn khí thượng thừa mà cả đời này của hần có khi

không còn dịp gặp gỡ lần nữa. Nàng thì cứ gật đầu, rồi lại gật đầu, thỉnh thoảng đưa tay vén lại mái tóc cứ vài giây lại chực rũ xuống mặt. Thơm ngát và duyên dáng. Còn hấn thì cứ nói, mặc chiều đang xuống chung quanh.

Tiến nàng ra chỗ đậu xe, chờ xe đi khuất, hấn quay vào phòng search khẩn tất cả những địa chỉ tham khảo Phật học mà theo hấn là xứng đáng với nàng nhất rồi đưa hết vào một cái mail nặng chịch, bấm send bằng cái lực nhấn của Ngũ tổ lúc ấn mái chèo tiến chân Lục tổ.....

Hấn chờ đợi nàng phản hồi như đã hứa. Hiểu sao nói vậy, không cần thêm bớt sửa chữa gì hết. Kể chân truyền chỉ quý ở chân tâm. Vậy mà một tuần trôi qua, nàng cứ như đã chết ở đâu đó. Tuyệt vô âm tín.

Chiều nay hắn đã quên nàng như đã không còn nhớ gì những kẻ đã gặp trên đường hoàng đạo. Hắn còn bao chuyện khác phải nhớ. Và đúng ngay lúc ngồi vào bàn để đặt cái vé bay đi một bang xa, hắn nghe tiếng keng trên máy báo một email mới vừa được gửi vào.

Chợt nghĩ đến nàng, hắn không cưỡng lại được nổi tò mò, quên mất chuyện cái vé máy bay, vào ngay hộp thư email và quả nhiên nhìn thấy cái mail của nàng. Ngoài câu xin lỗi và lời hỏi thăm kiểu hành chánh, phần còn lại của cái mail nàng gửi là cái gạch đầu dòng này :

– Có thắc mắc này muốn hỏi thầy: Mình đâu cần học gì nhiều, nhiều thầy chỉ tụng kinh là đủ rồi. Mỗi lần con nghe tụng kinh, dù không hiểu gì cũng thấy lòng calm down nhiều lắm. Vậy là được rồi. Và

con thấy đạo nào cũng tốt như nhau, đâu cần phải phân biệt Chúa với Chúa làm gì cho mệt hử thầy ?

Hắn đau đớn delete địa chỉ email và số phone của nàng để mãi mãi quên mất một lần gặp gỡ còn tệ hơn đi zoo !

CỎ ÚA CÒN THƠM

Xứ Miến Điện những ngày nắng nóng như thiêu. Đi đâu cũng thấy bụi và rác, điều kiện sinh hoạt luôn dưới mức nhu cầu. Suốt mấy ngày dài không sao liên lạc được với bất cứ ai. Cả phone hay Email đều không dùng được. Đêm đó, tôi về đến núi Kyai Hti Yo mới thấy có Wifi, chuyện đầu tiên là tìm vào một góc khuất để đọc email. Tôi như không tin vào mắt mình. Thấy mất rồi. Ba cái email liên tục, người quen nhắn cho tôi cái tin dữ đó. Cũng hết như hồi mẹ mất hai năm trước, khi biết thầy mất rồi, dòng suy nghĩ đầu tiên của tôi là nhớ về những lầm lỗi của mình với

người vừa ra đi, về những gì tôi đã làm và không chịu làm. Tôi luôn tiếc thương một người bằng cách đó.

Vậy là những người thương tôi nhất hay tôi thương nhất đã lần lượt rủ nhau đi sạch rồi sao? Tôi thêm được khóc, nhưng ở tuổi này làm gì còn nước mắt sau những cay đắng tình đời của hơn nửa kiếp lênh đênh vui ít buồn nhiều. Cái kiểu đau không nước mắt cũng độc địa như bị xe tông mà không chịu chảy máu.

Bao nhiêu hồi ức về thầy bỗng tràn về cùng lúc như để đánh gục tôi cho bằng được. Thầy ơi. Con cứ muốn gọi hoài hai chữ đó và mong thầy ở phương nào nghe được tiếng gọi muộn màng của con. Đời con, thứ gì cũng lỡ làng thầy biết rồi phải không. Cứ một đời ăn năn, ăn năn với Phật, với mẹ, rồi hôm nay với thầy. Cũng

như ngày xưa đã không ít lần với những tấm lòng mà xa rồi con mới hiểu.

Giỏi mà không kiêu, làm nhiều mà không tính công, thiết tha với đạo mà một đời cơ hồ như sống toàn nghịch hạnh để người ở gần chỉ thấy ấm chứ không nóng, chỉ thấy mát chứ không phải lạnh. Nếu phải nói về thầy bằng vài chữ, con không biết nói gì khác hơn.

Một đời thầy chỉ có ba chuyện để theo đuổi. Làm cái gì đó cho dân tộc, cho chánh pháp, và trao ra đạo tình nồng hậu chân thành với bất cứ ai thầy gặp. Thầy một đời luôn là cầu nối để hàn gắn, hoà giải, kết nối cho những phân ly xung đột của bao người thiên hạ. Chuyện gì đó ngoài ra, chỉ mong người đời xem như điều phải có ở hoàn cảnh thuyền to thì sóng phải lớn, vậy thôi.

Con chưa bao giờ lên tiếng nhờ cậy thầy về tài vật, nhưng biết con nghèo, suốt nhiều năm trời, gặp mặt, thầy chỉ nhắc một câu. Cần gì thì nói, đặc biệt cứ muốn in ấn cái gì cứ về nín áo thầy. Thầy ơi, con chưa kịp nín áo thì thầy đã đi xa rồi. Cuốn sách con in cuối đông năm này chỉ còn kịp ghi một dòng lạc khoản như là thầy đang nhìn thấy.

CÔI TÂM THỨC

Hơn ba mươi năm trời, vì vận nước, hàng triệu người Việt đã xa xứ và khi đã được ổn định ở xứ người, như đã hẹn, ai về nhà nấy. Nhà ở đây là tín ngưỡng, tư tưởng, chính kiến, văn hóa và dĩ nhiên là cả tình cảm. Con chiên tiếp tục thờ Chúa, Phật tử tiếp tục thờ Phật, kẻ mê cổ nhạc thì tiếp tục khoái vọng cổ, người mê tân nhạc thì tiếp tục yêu những dòng nhạc mới. Dầu mỗi người một cách riêng, nhưng chung quy, ai cũng cứ lần theo lối cũ mà về. Một ngày đầu mùa mưa, có người quen hỏi tôi có phải Phật giáo sẽ lụi tàn trên đất Mỹ sau khi những thế hệ lớn tuổi ra đi, vì tuổi trẻ

Việt Nam ở các nước Âu Mỹ bây giờ không cách gì gần gũi được với Phật pháp.

Trong môi trường văn hóa Tây phương, việc cầu đạo giải thoát theo quan điểm Phật giáo khó là một nhu cầu quan trọng. Anh phải nhìn ngắm thế giới này từ một góc độ nào đó thiết Đông phương, qua một kiểu tiếp cận nào đó thiết Á Châu, mới thấy được con đường suy tư mà Phật đã đề nghị. Tôi không nói là Tây phương giàu có rồi biếng tu, ngay đến những người nghèo khó trong mấy khu ổ chuột ở Nam Mỹ cũng vậy. Văn hóa Cơ-đốc và hệ thống xã hội (bao gồm nhiều khía cạnh như giáo dục, kiến trúc, thương mại,...) đã dẫn người ta về một góc nhìn khác, rất xa lạ với cái gọi là tâm thức Phật giáo. Tâm thức đó rất cần đến một bối cảnh tương thích, và chính hạnh nghiệp của mỗi

người đã đưa ta về một góc trời riêng để có thể sẵn sàng cho một cách nghĩ và kiểu sống nào đó!

Hãy đọc sách Âu Mỹ về Phật giáo, và nếu được, khi tiếp xúc với những người Tây phương có cảm tình với Phật giáo hãy để ý xem, họ xem Phật pháp như một thứ kiến thức thú vị kiểu Yoga của Ấn, Khí công của Tàu, hay cao siêu một tí thì cũng như Kinh Dịch của Tàu, Veda của Ấn. Nghĩa là biết được thì tốt, không biết cũng chẳng sao. Thậm chí những người da trắng có đi xuất gia làm Tăng ni Phật giáo thì cũng có một kiểu học hiểu Phật pháp rất Tây phương. Họ bài bản nhưng máy móc, và như vậy thì gần như không có chỗ cho những nhận thức đột phá. Họ liên tục bị gò bó trói buộc trong những công thức, nguyên tắc. Họ phân tích giáo lý theo

cách mổ xẻ một chiếc xe hơi. Chân lý nào lọt vào não trạng của họ cũng vuông vắn, ngăn nắp, trật tự và lạnh ngắt như những khối thép. Tôi vẫn nghĩ người Tây phương nói chung, khó mà hình dung được cái gọi là tâm thức Phật giáo ở những người Tây Tạng hay Miến Điện chứ khoan nói đến những bậc thánh Đông phương thú thiệt!

Không biết tôi có quá đáng chăng khi cho rằng phải biết tới mấy thứ Bonsai, Sushi, Sake, Ikebana, Origami kiểu Nhật mới hiểu người Nhật; phải biết xì-dầu, bánh bao, tàu hủ thối mới hiểu Tàu; và phải biết ít nhiều về món cà-ri và Yoga mới hiểu Ấn Độ.

Nhiều lúc mất ngủ nằm ngẫm ngợi một mình giữa phòng khuya, tôi chợt thấy ra nhiều chuyện lạ. Chỉ có thứ tâm thức kiểu Châu Á mới là đất sống cho Cơ-

đốc giáo, dù món đó là sản phẩm của Tây phương. Có thể vài trăm năm nữa, Chúa chỉ tồn tại ở Châu Á, Châu Phi. Điều kiện kinh tế chỉ là một phần lý do. Người Tây phương không thể cuồng tín kiểu Đông phương, chưa kể những người lợi dụng Chúa cho lý do chính trị hơn là thờ Chúa vì lý tưởng tôn giáo. Các tôn giáo và chính kiến khác cũng thế, cái nào cũng cần đến những mảnh đất thích hợp. Chẳng hạn dù có mộ Phật đến mấy, tâm thức Việt Nam khó mà chịu được Phật giáo Nguyên thủy. Bên cạnh niềm tự hào xem mình là dân tộc lớn rồi xem Khmer, Thái Lan là nhược tiểu kém văn minh, ta còn nhiều lý do văn hóa tâm linh khác để từ chối ngồi lại giả xem từng trang bối điệp mà người ta đã theo đó tu học mấy ngàn năm qua... Người Việt ta có vẻ không chuộng được

những tờ lá bối viết chữ theo chiều ngang, chỉ yêu vì những thẻ tre viết chữ theo chiều dọc. Một Thượng tọa Bắc truyền từng có bằng tiến sĩ Ấn Độ đã cho tôi biết một chuyện thú vị khác. Những Pháp Hoa, Duy-ma của Phật giáo Bắc truyền đều có nguồn gốc từ Ấn Độ, nhưng kỳ thực đó chỉ là những cuộc chơi tư tưởng trong một giai đoạn lịch sử. Trong thế giới tư tưởng của người Ấn hôm nay, những suy diễn nọ kia trong giáo nghĩa Bắc truyền ngày nào, giờ không còn độc đáo ly kỳ nữa. Nếu phải trở về với Phật giáo, người Ấn hiện đại chỉ có thể quay lại với kinh điển Pāli. Vai trò lịch sử của những giáo nghĩa hậu thời đã không còn nữa. Ấy vậy mà ở các xứ Tàu, Nhật, Hàn, Việt thiên hạ tiếp tục miệt mài với trò chơi mà người ta đã chối bỏ. Một số quốc gia Nam Mỹ và cả Ấn Độ hôm nay

vẫn đang dệt mộng dựng xây một xã hội thiên đường nào đó... Mỗi lần đọc tin về mấy nhóm Maoist ở Nam Mỹ hay Nepal, Ấn Độ thì tôi lại rùng mình.

Những gì ta thấy, nghe, ngửi, nếm, đều có thể ảnh hưởng sâu đậm đến tâm trạng của ta, và tùy theo căn cơ bản thân mà mỗi người lại cũng có một nhận thức khác nhau về chuyện đời. Một người trầm tĩnh đến mấy mà phải ngồi trong một không gian tràn ngập những tia sáng chớp giật và một biển âm thanh om sòm náo nhiệt, thì khó mà không có những khoảnh khắc quên mình để cùng tham dự vào bối cảnh tưng bừng đó. Từ những tâm cảnh khác nhau, ta có những suy nghĩ, những quyết định khác nhau. Tôi muốn gọi đó là hành trang tâm thức.

Viết lan man, tôi ngẫu nhiên nhớ về một chuyện thú vị. Thì ra mấy ngôi chùa Nam tông của người Việt ở Mỹ cũng là một minh họa cho những điều tôi vừa thưa. Đó là một Pháp Vân ở California qua mấy chục năm trời vẫn giữ nguyên cái hơi hướng của một ngôi chùa Việt Nam trong nước với dãy cốc mái liền mái và vách liền vách như để nối liền cái đạo tình cần có của một tăng chúng đồng trú. Khuôn sân nằm giữa chùa cứ làm người ta nghĩ đến những trang viện hay một kiểu gia trang tam đại đồng đường của những gia tộc Hoa-Việt truyền thống. Kiểu chùa cũng là cách thể hiện tâm tình của Hòa thượng viện chủ, một người vẫn nặng tình với huynh đệ, coi trọng chuyện họp mặt thân tình hơn cả việc chăm chút vẻ ngoài của ngôi chùa. Đó cũng là một Thích-ca Thiền

Viện, cũng ở California, đáng xem là chốn già-lam kiểu mẫu với một vườn tượng đá trắng hoành tráng và những lương đình u nhã thiên vị với từng khóm hoa bụi kiểng được coi sóc từng tác vuông, phản ảnh phần nào cái cỗi tâm thức ngăn nắp và bài bản của vị phương trượng là một thiền sư nức tiếng. Đó cũng là một ngôi phạm vũ Liên Hoa ở Irvin, Dallas của Hòa thượng phó tăng thống đường hoàng một cỗi với dãy lầu thên thang, đáng mặt một trụ sở hành chính. Nhìn cảnh thấy người là vậy. Ngài viện chủ nghiêm túc nhưng hiếu khách, đường bộ nhưng nhẹ nhàng. Đó là một tông lâm Đạo Quang ở Arlington, Dallas dễ khiến người ta nhớ về những tự viện ở Bangkok, gần như không màng tới những làn ranh giữa đạo với đời. Với tâm tình nào anh cũng có thể ghé lại

đó: Tu niệm cũng tốt, tham quan không tệ, khoái chuyện bái sám lễ nghi càng hay. Chùa có một rừng tượng đá và phù điêu có lẽ phong phú nhất nhì xứ Mỹ. Tôi đã nhìn thấy chân dung của ngài viện chủ qua vẻ ngoài của ngôi tự viện: Dấn thân, xuê xoa và rất tâm linh.

Đó cũng là một Hương Đạo ở Forth Worth đẹp như tên chùa. Nhiều năm chưa có dịp về lại, giờ nhìn thấy hình ảnh trên Internet tôi nghĩ mình đã không lâu khi từng có những cảm nhận về Thượng tọa phương trượng ở đây. Chùa ở Mỹ mà tôi vẫn nghe thấy ở đó cái hồn hậu của một quê xa. Tôi như nếm được ở đó cái vị ngọt của một giếng nước đá ong nằm cạnh một rào trúc và giàn mướp hoa vàng, dầu kinh phí xây dựng ngôi đại tự này hiện đã không dưới một triệu Mỹ kim. Một chút

tâm tư của thầy trụ trì đã bày ra đó. Người Nam Bộ mà yêu xứ Huế đến nồng nàn. Cái tâm Huế và tình Huế đã thổi vào kiến trúc chùa những dáng dấp đó.

Đó là một Bửu Môn ở Port Arthur ngan ngát tím một rừng sen bên cạnh bóng mát đồ dài của một ngôi đại viện trầm mặc một màu gạch đỏ nhuộm tí rêu phong.

Nhiều lần về thăm nơi đây, tôi cứ tần ngần ở ngõ vào vì mãi ngần ngơ với những dây hoa leo và từng bụi tre ngà kéo kẹt trong gió trưa. Thương lắm, đó là cả một cõi tâm cõi tình chân chất của một người con xứ Quảng là Hòa thượng trụ trì. Lòng ngài như cây trúc, tiết trực tâm hư, nghĩ sao nói vậy, lắm lúc trực ngôn nhưng cái đạo tình thì thâm hậu vô bờ. Đó cũng là một Pháp Luân ở Houston với nhiều nét

đặc thù: Kiến trúc đẹp nhưng rõ ràng cho người đi nhiều hơn kẻ ở.

Thầy phương trượng vốn người tám cỗi nên ai ghé chùa cũng dễ thấy bàn bạc đây kia cái bóng dáng của muôn phương. Một chút hoa văn rất Á nhưng cứ làm người ta nghĩ đến một cỗi La Hy ngàn trùng nào đó. Versace của Ý hay Spode của Hi Lạp? Một bệ thờ, một mái chùa chút nọ chút kia gom hết những nét riêng của Thái hay một Bhutan, Tây Tạng nào đó. Thầy phương trượng đi muôn phương và mang theo về cả những cơn gió lạ tự nghìn trùng. Thầy về rồi thì lại đi. Chùa từ đó như một tự viện trên Con Đường Tơ Lụa – gạch nối Đông-Tây, để kẻ về thăm hay người thường trụ đều có thể tự cho mình cái quyền tham dự bầu không khí chẳng ai là chủ. Chùa cũng là

một trang kinh. Và độc đáo một nét riêng, có lẽ là chốn đạo tràng Phật pháp ở Saint Petersburg, Florida, một bang duyên hải thơ mộng nhất nhì Hoa Kỳ. Nhiều người chưa biết chùa, hỏi tôi, tôi vẫn trả lời bằng một cách nói dễ hiểu lắm. Đó là một kiểu chùa lộn ruột, những thứ hay nhất đẹp nhất hầu như đều nằm cả ngoài sân. Đó cũng là phong cách sống của thầy trụ trì chăng, trải lòng ra mà sống với người. Chùa mới và nghèo nhưng cái đồ ra cho người xa luôn là phần lớn. Có lẽ nhờ vậy, dù tăng thường trụ chỉ có vài ba, nhưng bán thường trụ thì cứ cần là có, không sao đếm hết.

Đêm qua, tôi có một giấc mơ lạ lùng và đẹp. Tôi thấy mình lạc bước vào một khu vườn bỏ hoang ở đâu đó, nơi có hàng ngàn bức tượng những vị tỷ-kheo ngồi quanh

một pho tượng Phật thật lớn. Tượng nào cũng rêu phong, và đặc biệt nhất là mỗi tượng một nét mặt, không tượng nào giống tượng nào. Tôi giật mình tỉnh giấc giữa đêm và nhớ về khu Binh Mã Dũng ở Thiểm Tây, Trung Quốc, nơi có những bức tượng lính đất nung của vua Tần. Tôi ngậm ngùi tự hỏi biết đâu ở một nơi nào đó, dưới lòng đất hay trên núi cao, Phật giáo cũng có một vườn tượng menh mông như thế với những bức tượng của 1250 tỷ-kheo từng theo hầu Phật ngày xưa.

Ngoại cảnh là biểu tượng của nội tâm, nội tâm chính là chân dung của mỗi con người. Cõi đất nội tâm chính là nơi chốn anh sống và suy tư bằng chính những gì anh vẫn là!

DẤU QUÊ

Sống đời hay hành đạo chung qui chỉ là hành trình tìm thấy những cái duyên để mình vui hơn hay buồn hơn, tốt hơn hoặc xấu hơn, lên cao hơn hoặc xuống thấp hơn, và rốt ráo nhất, là nhận diện được cái duyên nào để mình ra khỏi hay trở lui cái vòng lẩn quẩn của cuộc trầm luân.

Hắn hồi quận. Như chiếc lá về cội, như giọt nước về sông, như mưa về đất. Đơn giản thế thôi, không gì hơn nữa. Và ba lần bảy ngày làm nên con số hăm một nhỏ xíu như giấc chiêm bao trong một giấc ngủ ngày, nóng bức mệt mỏi. Nhỏ, nhanh, ngắn, mà cái gì cũng có đủ. Như một cuốn

phim ngắn hoàn chỉnh nhất. Tái ngộ, sơ ngộ và trong đó dĩ nhiên còn là những hạnh ngộ.

Về rồi lại đi. Có cái duyên đưa về thì cũng phải có cái duyên nào đó đưa hắt đi. Buồn vui ngày về và vui buồn ngày đi, cũng đều do duyên cả. Mười mấy giờ bay để quay lui với những bến bờ viễn xứ, hắt cơ hồ không thể chớp mắt trong mười phút cho thật tròn giấc. Trong cái lan man giữa một miền tâm tưởng mơ hồ loang loáng như màn mưa qua cửa kính máy bay, hắt cứ nghĩ hoài một chữ mà với hắt bây giờ bỗng linh thiêng như một viên xá lợi (thứ thiệt).

Chữ Phạn Paccaya (pati+i) trong kinh Phật xưa giờ vẫn được người Tàu dịch là duyên. Khái niệm Duyên trong Phật Pháp sâu và rộng kinh khủng lắm. Nói chữ này

gói hết tám vạn tư pháp môn trong kinh điển tuyệt đối không sai. Bởi khi hiểu Duyên là bất cứ động cơ hay điều kiện nào dẫn đến, đưa tới cái gì đó thì rõ ràng toàn bộ lời Phật chỉ nằm trọn trong chữ Duyên.

Hắn bỏ quê xa xứ để sống vong thân ở những bến bờ viễn mộng, đó cũng là duyên, điểm bắt đầu của một chuỗi sự kiện nào đó trong đời. Một ngày mưa trở về để không biết cái gì đang chảy trên má, nước mắt bồi hồi của đứa con tha hương hay làn mưa trong một buổi chiều trên phố cũ. Đó cũng là duyên.

Đi để theo tiếng gọi muôn trùng của mây nước, cũng là duyên. Về để lắng nghe đất quê vẫn là cội nhớ trùng trùng, đó cũng là duyên.

Quen, thương rồi xa rồi quên mất nhau giữa dòng đời hối hả cũng là duyên.

Ngày trùng phùng hai mái đầu đều sương điểm, thương nát lòng mà vẫn phải nhớ hoài hai chữ cự ly. Đó cũng là duyên.

Biết đã một xa thì ngày trở lại khó lòng hẹn được, vậy mà cũng phải dang lòng dứt áo rời đi. Đó cũng là duyên.

Mưa phi trường, nắng sân ga cho bao nhiêu là can tràng đòi đoạn...ai dám bảo đó chẳng là những cái duyên cho kẻ đi người ở thêm một lần hiểu được cái gì là sinh ly tử biệt.

Từ đó, sống trong lòng người đẹp Tô Châu hay là chết bên bờ sông Danube như một ca từ của cụ Phạm Duy, đều chỉ là duyên, là cái cớ cho một hay nhiều bi kịch nhân gian nào đấy.

Rồi sau cùng và trên hết, toàn bộ hành trình tu chứng của một người cầu giải thoát hay kẻ trầm luân xem chừng cũng

gói tròn trong một chữ duyên.

Giới hạnh là duyên cho thiền định, thiền định là duyên cho trí tuệ nội quán. Trí tuệ này là duyên cho người chứng đắc Niết Bàn.

Hiếu được vạn hữu đều do duyên tạo sanh sẽ bỏ được Đoạn Kiến. Hiếu được vạn hữu đều do duyên mà biến diệt sẽ dứt được Thường Kiến. Bỏ được hai tà kiến này chính là Chánh Kiến, bước đầu của Bát Thánh Đạo, cái duyên dẫn đến thánh trí giải thoát.

Con đường sinh tử cũng chỉ là hành trình ngoạn mục của chữ duyên khốc liệt đó. Cái duyên trầm luân còn đó thì tha hồ sinh tử. Duyên sinh tử cạn rồi thì người ta chỉ còn một đường là bỏ hết lại mà đi.

Bắt chước Nhạc Linh San bỏ Lệnh Hồ Xung để làm vợ Lâm Bình Chi hay như

nàng Kiều của cụ Nguyễn Du: Ma đưa lối quỷ đưa đường, cứ tìm những chốn đoạn trường mà đi, đó cũng là duyên. Cái duyên cho những nỗi khổ niềm đau.

Sống đời hay hành đạo chung qui chỉ là hành trình tìm thấy những cái duyên để mình vui hơn hay buồn hơn, tốt hơn hoặc xấu hơn, lên cao hơn hoặc xuống thấp hơn, và rốt ráo nhất, là nhận diện được cái duyên nào để mình ra khỏi hay trở lui cái vòng lẩn quẩn của cuộc trầm luân.

Bỗng nhớ Ngô Nguyên Nghiễm quá chừng:

*Khách về như một đứa con hoang
Ấm lạnh theo ân tình của núi
Giữ áo mới hay ngoài gió bụi
Vẫn còn bóng núi ngủ trong tim...
Và trời ạ, đó cũng là duyên !*

DẤU XƯA

Giữa những ba đào xô động của cuộc sống hôm nay, có một lúc nào đó trong đời mỗi người, bỗng dưng tiếng vọng của quá khứ nghe ra tuyệt diệu quá chừng. Một chiếc lược gãy trong rổ may của bà ngoại đã khuất, chiếc áo cũ đã sờn của mẹ hay cặp kính lão của người ông nay không còn nữa, và có khi chỉ là một lá thư đã nhòe mực,... Thương lắm. Nó chứa trong đó cả một trời xưa, dấu cũ của đời kiếp. Có lẽ đó cũng là một phần lý do khiến giữa thế giới điện tử cực kỳ tinh vi hiện đại hôm nay vẫn còn lắm người cứ nấn ná những

tên gọi Lá Bối, Phương Bối, Luy Lôu, Xóm Hạ,...

Trộm nghĩ sống theo tinh thần tỉnh thức của Phật giáo là đối diện thực tại, nhưng những hồi ức lành mạnh hướng thượng cũng không phải là xấu nếu đúng lúc và hữu ích. Hồi xưa đức Phật cũng từng nhắc lại dăm kỷ niệm cũ trong tinh thần đó: Thế Tôn Ca-diếp từng tỉnh tọa chỗ này, nay kể thêm ta thì ở đây đã ghi dấu hai đức Phật. Chưa hết, ngày Phật về Kusinara để viên tịch, Ngài cũng nhắc lại một tiền thân làm vua ở đây và xác nhận đây là lần thứ tám bỏ xác chỗ này. Những hoài niệm đó có lợi cho người nghe. Vì nghe rồi, người ta càng thêm phần tỉnh tấn.

Tôi có một thói quen ngộ nghĩnh là khi đọc sách về những danh nhân mà mình có cảm tình thường để ý xem họ sống được

bao lâu. Thọ thì không nói gì, nếu người đó đi sớm quá, tự nhiên nghe lòng ray rức lạ lùng. Dù thường khi họ là người của xứ nào đó, chẳng phải người Việt. Ray rức rồi tự nghĩ về mình. Dù đến tận lúc này, tôi vẫn chưa có dịp hầu trà cho danh nhân nào, nói gì là..

Cái chết là kỳ thi cuối cùng cho mỗi đời người. Chưa xuôi tay thì khó biết ai đậu rớt. Có kẻ tiếng tăm chưa bao lâu thì đã tiếng tai. Phải đợi họ nằm xuống ít lâu, và ta chịu khó nghe ngóng trong thiên hạ xem vị trí của người đó bây giờ ra sao. Đại chúng thường có vẻ dễ bị cuốn hút bởi những đòn phép quảng cáo. Nhưng đã là đám đông thì dễ sợ lắm, từng bừng ủng hộ một đối rồi thì cùng ngồi lại để sàng lọc. Có thể nói tất cả di sản văn hoá, văn minh của nhân loại xưa giờ đều phải trải

qua những thử thách khốc liệt và nghiêm khắc kiểu đó.

Vậy thì chết không phải là hết. Tới đó thì chỉ mới là một phần đường trong hành trình xác định bản thân mỗi con người, mỗi tác phẩm. Từng ngày trong thuở bình sinh đều góp phần quyết định cho cái ngày sau ấy. Từ đó suy ra, từng phút giây hiện tiền phải được sử dụng trong tinh thần trách nhiệm và rõ ràng quá khứ, hiện tại và tương lai luôn có một mối quan hệ mặn mà. Tưởng tiếc dĩ vãng hay mộng mị về tương lai để buồn vui vớ vẩn có thể không cần thiết, nhưng lấy chuyện lúc này để xây dựng cho chuyện lúc khác thì có lẽ ngược lại.

Nói quẩn quanh cũng chỉ để trở về ý tưởng ban đầu của bài viết là quá khứ đôi khi có những giá trị khó ngờ. Theo A-tỳ-

đàn Nam Truyền, xét về thực tính đệ nhất nghĩa đế, quá khứ là cái đã không còn nữa, nhưng trên quan điểm Thi Thiết, nếu ta muốn, nó vẫn còn nguyên vẹn đó trong tâm tưởng chúng ta. Nó tồn tại vì ta nghĩ đến nó. Cái lược gãy cộng với nỗi nhớ của chúng ta sẽ tái hiện lại hình bóng của bà ngoại đã khuất. Háo hức, cảm cú chạy theo những lo toan thời thượng, nhiều người đã quên mất hình thức tồn tại thứ hai này của vạn hữu. Dĩ nhiên tôi chỉ muốn nói đến những gì hữu ích.

Và thật vô cùng xin lỗi những ai đang đọc bài viết này của tôi, khi nguồn ý tưởng và cảm hứng cho bài tiểu luận này (tạm gọi vậy) không hề hình thành từ một phút giây thiền định tĩnh tọa nào nghi ngút khói nhang. Chúng đến từ một phút giây lạc đường của tôi trên Internet. Đi tìm cái

này thì lại gặp cái kia, và chợt nảy ý chép lại cảm xúc lúc đó. Những ai không ưa bài viết này của tôi, có thể vào đó để thăm viếng, xem như lời xin lỗi của tôi.

Có lẽ cũng xin thưa rõ, đó là những âm thanh nguyên thủy của một Quán Văn lòng danh tại Saigon vào giữa thập niên 1960 với những Trịnh Công Sơn và Khánh Ly thời son trẻ. Lúc đó người viết bài này vẫn chưa nhìn thấy mặt trời. Tôi biết đến Quán Văn qua hình thức tồn tại thứ hai của nó, như vừa thưa ở trên. Hãy nghe để tìm lại một thời đã mất, tìm lại thời khói lửa ác liệt mà cũng nồng nàn nhất của quê hương Việt Nam, khi mà nhạc sĩ Trịnh Công Sơn chưa kịp bị đời phân loại bằng một cái nhìn Biến Kế Sở Chấp. Hãy nghe như chưa nghe lần nào. Xin lỗi nhạc sĩ Phật tử Trịnh Công Sơn

DÂY OAN

Tôi sinh ra ở miền sông nước Nam Bộ của xứ Việt. Nhưng thật lạ, phải gần nửa đời tôi mới bắt đầu nhận ra mình vốn yêu sông nước. Tôi yêu quê từ những miền đất lạ mà mình đi qua, và tệ nhất khi đôi lúc chỉ là những nơi chốn xa ngái mịt mù chỉ nhìn thấy trong sách vở, phim ảnh. Và kỳ chưa, đó cũng là cách tôi yêu đạo Phật. Ăn cơm chùa từ bé, nhưng phải đợi đến những giây khắc nghiệt ngã, khốc liệt nhất bình sinh, tôi mới nhìn thấy được rõ ràng nụ cười vô lượng của đức Phật bất chợt hiện lên đâu đó cuối trời thống lụy.

Tôi đã bao lần bất chợt nghe ra lời Phật từ những nhân duyên tình cờ không ngờ nổi. Một câu thơ thiết ngộ trong bài thơ dở tẻ nào đó, câu nói băng quơ của một người – thậm chí không biết Phật là ai, một câu hát huê tình đem tán gái quê chưa chắc đã xong... Vậy mà trùng trùng một cõi pháp nghĩa. Đạo diễn Kim Cơ Đức của Hàn Quốc lại tình cờ có khá nhiều những cách trò chuyện lạ lùng, để qua ông, tôi có không ít cơ hội nhìn lại Phật giáo từ những góc cạnh bất ngờ nhất. Có thể nói, tôi đã yêu đạo Phật qua ông theo cách đã từng yêu quê với ông Sơn Nam ngày trước và Nguyễn Ngọc Tư bây giờ.

Lần đầu tôi biết đến ông qua cuốn phim Bốn Mùa Đắp Đổi (Spring-Summer-Autumn... Winter And Spring Again). Lần hai, một cuốn phim rất dễ gây hiểu lầm

với một nội dung tục lụy và dăm ba cảnh quay khá bạo. Tôi muốn nói phim The Isle mà nghe đâu bên Việt Nam bây giờ đã có bản dịch tiếng Việt với cái tên hiền khô là Cô Lái Đò.

Ngẫm đến kỳ cùng, nếu chỉ lấy cái nhục cảm đơn sơ để xem phim, với hi vọng được sướng mắt gì đó, thì vài ba hình ảnh chập chờn trong phim xem chừng cũng chẳng nên cơm cháo gì. Còn nếu chỉ xem qua chỉ để mục kích một cảnh đời tăm tối, thì hình như hơi ác, và cũng chẳng có gì lạ lùng hơn cuộc đời thực bên ngoài. Thế giới bây giờ ở đâu lại chẳng có những mảnh đời kiểu đó. Vậy thì cái nội dung thật sự mà cuốn phim nhắm đến hẳn là, phải cần đến phép đọc giữa hai hàng chữ. Có thể thâm ý của đạo diễn không giống với cách nghĩ của từng người xem phim,

nhưng một cách đào xới và ngấm nghĩa tích cực của mỗi cá nhân, cũng là một thái độ chẳng phụ lòng người viết kịch bản.

Tôi đã bắt đầu bài viết này với một nhản gửi xa gần về sông nước quê hương, cũng chỉ vì ngay từ lúc gõ tay vào bàn phím, đã thấy trước mắt mình một mặt nước mênh mông, đang mờ nhạt trong màn mưa phủ, có một con đò nát đang trôi, với phận gái trầm luân của một cô lái câm thương mấy cho vừa. Trên hồ, quanh cô, là những căn chòi có kiến trúc thật lạ, khó thấy ở đâu. Vài chiếc thùng phuy được hàn kín để giữ hơi, ngó như những cái phao lớn, và trên đó gắn chặt một căn chòi bằng gỗ ghép đơn sơ. Nếu trên đất bằng, có lẽ khó ai hình dung mình có thể ăn ngủ được trong cái chuồng chật chội đó. Nhưng trên mặt hồ mênh mông, chúng

xinh xắn và độc đáo quá chừng.

Hee Jin, tên của cô gái lái đò, có một dáng cách thật lạ. Ấn tượng đầu tiên của tôi về cô là một con mèo rừng tuyệt đẹp. Chút gì hoang dã, man rợ lẫn khuất bên cạnh thứ duyên ngầm chẳng rõ đến từ đâu. Thú thật, tôi yêu cô mà vẫn cứ nghe gai người. Cá tính cô mạnh mẽ như truyền thụ từ loài beo gấm, nhưng lúc bất ngờ nào đó, lại nữ tính và trẻ con đến đại khờ. Cô có thể mềm lòng chỉ vì một món đồ chơi thủ công rẻ tiền từ tay một kẻ lạ, rồi thầm yêu người ta đến sông cạn đá mòn. Trong lúc anh chỉ là một người chồng giết vợ để rửa cái nhục bị cầm súng, rồi sau đó, tiếc thương suốt phần đời còn lại, của một kiếp đời dạt xô bạt mạng. Sự đại khờ của cô là bản sao trung thực của bao sự đại khờ trên đời, của muôn người thiên hạ: Yêu cái

làm khổ mình, bán mạng cho kẻ hại mình, chung thân cho những thứ phù du nhất, và cứ luôn ảo vọng về những Trăm Năm, Nghìn Kiếp, Thiên Thu của những lời thề non hẹn biển nào đó, khi mà đến tuổi non trăm, nếu chưa kịp phụ nhau thì cũng cùng nhau đăng trí quên sạch.

Anh tên Hyun Sik, đã tìm đến hồ nước bao la mà cũng hoang sơ tịch liêu này như một chọn lựa cuối cùng. Ở đó, một ngày mấy bận, có cô gái cầm Hee Jin dong con đồ máy nhỏ xíu cũ nát đưa khách tới lui những căn chòi nổi bồng bênh trên hồ. Thiên hạ tới đây đại khái chỉ gồm vài hạng: Giới hắc đạo trốn tránh pháp luật, đàn ông trốn vợ nhà để tìm chỗ du hí riêng tư. Cạnh đó, đôi khi là những người nhàn hạ muốn có riêng một vùng trời nước xa vời. Ai đến đây cũng đều là khách. Họ muốn

gì, cô lái câm chiều đón hết mình. Cô cho ra cái mình có: Chai rượu, tách cà phê, gói thuốc lá, kể cả tấm thân con gái – mà hình như từ ngày dậy thì chưa có ai nói cho cô biết cái giá thật của nó. Cô hồn nhiên không mặc cả. Mua bao nhiêu cũng bán, nhưng nhớ đừng giở thói ăn quít. Hoa héo từ lâu, nhưng cái con mèo rừng trong nàg vẫn luôn thừa sức thua đủ với người không biết luật chơi đơn giản ở đây. Trong cuốn phim ngắn ngủi xem chưa kịp thỏa đã hết này, cô lái câm đã mấy lần chứng tỏ cái bản lãnh làm luật của mình.

Một trong những nét riêng xuất sắc của đạo diễn Kim Cơ Đức, là hạn chế tối đa ngôn ngữ và tình tiết của câu chuyện ông muốn kể trong phim. Sau khi chọn đúng diễn viên, ông giao phó hết cho họ cái nội dung thâm hậu của phim. Còn ăn, hết

nhìn. Họ phải phơi tim trái lòng thế nào đó để những hình ảnh trong phim tự bật ra được thú tiếng nói vô ngôn. Không cần nghe nói vẫn hiểu. Không cần nhìn cũng thấy. Diễn viên lúc này thành ra một thứ kịch bản sống. Họ được dặn dò một ít, dĩ nhiên, rồi ngay khi máy quay bắt đầu làm việc thì tự đưa kịch bản vào máu mình và đẩy nó trở ra trước ống kính.

Phim có nhiều cái để thấy, nhưng có một thứ tôi không sao tháo gỡ khỏi lòng mình ngay từ lúc nhìn thấy lần đầu. Đó là những sợi dây câu được sử dụng như sợi chỉ khâu chuỗi, xuyên suốt toàn bộ nội dung qua mọi tình tiết trong phim. Hình ảnh đó bỗng dựng mở ra một phương trời triết lý vời vợi sâu thẳm. Vạn hữu trong đời nương cậy lẫn nhau qua những ràng buộc thần kỳ: Tưởng như to tát đồ sộ mà

hóa ra chỉ là một tí nhân duyên bé tẹo, và cái ngó như mong manh mờ nhạt kia, chẳng ngờ, lại bền chặt dai dẳng đến vô cùng. Lớn nhỏ, ngắn dài, mềm cứng, gần xa ở đây chỉ là những chữ đồng nghĩa.

Giữa một vùng trời nước bao la, nhìn đâu cũng thấy nước, mọi công cụ trên cạn hầu như không có chỗ dùng. Ở đây gì cũng phải gọn nhẹ, thiết yếu. Chiếc cần câu lúc này bỗng dưng đặc dụng không kể xiết. Xô đẩy, níu kéo, ràng buộc, tháo gỡ đều có thể dùng nó. Ân oán tình thù, sát nhân, cứu mạng, lại cũng dùng nó. Những sợi dây câu mong manh tưởng chừng muốn đứt tung lúc nào cũng được ấy lại bền bỉ, ngoan cường và đặc dụng quá chừng. Xét kỹ, vấn đề là ai đã dùng nó, nó được vận dụng ra sao và để làm gì.

Cách nay hơn hai ngàn năm, khi nghe hai vị tỷ-kheo tranh luận nhau xem, chính sáu căn hay sáu trần đã xô người vào cõi trầm luân, một người cư sĩ tóc trắng đã nhẹ nhàng góp lời bằng một hình ảnh dân dã mà thâm hậu. Ông nói không phải con bò trắng ràng buộc con bò đen hay ngược lại, mà chính sợi dây đã giữ chúng lại với nhau. Sợi dây được giải quyết thì sự ràng buộc kia tự mất. Chính thái độ tâm lý của mỗi người trước trần cảnh mới quyết định có sự ràng buộc nào giữa hai món căn trần hay không. Người cư sĩ đó chính là bá hộ Citta trong kinh điển Pāli, cũng trứ danh chẳng kém cư sĩ Duy-ma bên nhánh Bắc truyền. Có thể nói bài viết này đã lập cước trên câu nói đó của người cư sĩ Cổ Ấn.

Ta lại quay về với cuốn phim. Anh Hyun Sik đã tìm đến hồ nước hoang liêu

này để sống bạt mạng đôi hôm, rồi tự sát trước khi có thể bị bắt về tội giết người. Một chi tiết nhỏ như sợi tóc đã cứu mạng anh. Ngay sau lần đầu nhìn thấy cô lái đồ có vẻ lập dị nhưng lại tốt bụng kia, anh đã có chút cảm kích rồi hồn nhiên cư xử với cô như một người bạn nhỏ. Anh lấy một khúc dây đồng ngay trên căn chòi mình ở để làm tặng cô một cái xích đu nhỏ xíu, xinh xắn, có thể cầm chơi trên tay. Món đồ chơi được lấy cảm hứng từ hình ảnh cô lái câm ngồi lặng lẽ trước căn nhà nhỏ bé của cô bên bờ hồ hiu quạnh. Anh đã nhìn thấy và bỗng dưng quên mất chuyện vì sao mình có mặt ở đây. Hình ảnh nhẹ nhàng của cô lái đã là một sợi dây câu nhỏ xíu níu giữ Hyun Sik với cuộc đời mà anh đang toan tính lìa bỏ. Và cái xích đu chẳng đáng gì ấy lại là sợi dây câu ràng buộc trái tim

lạnh lẽo của một con mèo rừng – vốn đã bị cuộc đời chà đạp tàn nhẫn kia – với một kẻ trọng phạm tay vừa lấm máu giết người.

Cô lái đã vô tình gắn chặt lòng mình với người khách có nếp sống khép kín kỳ lạ kia. Cô dõi theo anh bằng sự nồng nàn của một người con gái mới yêu và cả sự sắc sảo tinh quái của loài thú ăn đêm. Cô đã kịp nhìn thấy anh khởi sự tự sát. Như với một cao thủ chuyên dùng ám khí, sợi dây câu mòng mảnh trên tay cô đã được sử dụng thành thực. Cô lái đã kịp thời làm vô hiệu khẩu súng chết người kia. Thế là Hyun Sik được sống. Lần thứ hai, để sớm chấm dứt hoàn cảnh trốn chạy với những truy xét ngày một ráo riết của cảnh sát, anh lại cuống điên chọn lấy một kiểu tự sát rợn người với mớ lưỡi câu có sẵn trên chòi. Anh ngửa cổ nuốt từng lưỡi câu còn

lòng thông dây nhợ. Bao ngư dân trên đời đã dùng mấy thứ đó để kiếm sống, anh bây giờ dùng chúng để tìm đến cái chết. Anh muốn chúng xoắn chặt vào ruột mình để anh có cơ rời bỏ sự sống.

Hee Jin lại kịp lúc xuất hiện giữa lúc cảnh sát bủa vây trên hồ và giấu anh xuống lòng hồ qua lỗ xì của căn chòi, với một cổ họng đầy máu đang tuôn xối xả từ mấy lưỡi câu vừa nuốt.

Ngay sau đó, cô lái câm đã kéo anh lên chòi, cũng bằng một cần câu, như với một con cá. Anh nuốt vào, cô gỡ ra, từng lưỡi câu một. Anh lại được cứu sống lần nữa. Cứ cho là anh đã hiểu ra lòng cô lái, nhưng trời ơi, cõi trần luân vốn không thể nhẹ nhàng đơn giản thế.

Ngoài việc đưa đón khách đến thuê chòi trên hồ, Hee-Jin còn kiêm nhiệm cả

việc đưa đón mấy cô gái ăn sương lui tới với khách trọ ở đây. Và chuyện trở trêu đau lòng, là có một ngày, chính cô đã vô tình đưa một cô bé kiểu đó đến cho Hyun Sik. Ả trẻ đẹp, và xem chừng sạch sẽ, sành điệu hơn cô lái câm rất nhiều. Ngoài những phút giây xơ cứng lạnh lùng làm món đồ chơi cho thiên hạ giày vò, cô cứ như con mèo rừng chưa từng biết qua cái gì là yêu với hận, cùng những góc kín tâm tư thường tình trong cõi nhân gian. Nhưng hôm nay, con mèo rừng ấy bỗng dưng nhận ra mình còn là một người đàn bà. Và nếu đã vậy, đàn bà phải đáng mặt đàn bà.

Cô gái ăn sương kia ai ngờ đã quay lại. Hee Jin đau đến se lòng. Thế đã quá quái lắm rồi. Đã đi sao còn quay lại chứ. Và kể từ hôm nay, ngoài cô, anh ấy vĩnh

viễn không thuộc về bất cứ ai trên trần gian này nữa. Giằng co, toan tính, sau cùng Hee Jin bước xuống con đồ nát để đưa cô gái kia ra hồ. Nhưng cô dĩ nhiên không đưa khách đến căn chòi nổi của Hyun Sik. Hee Jin đưa cô gái tới một căn chòi vắng, trói chặt tay chân rồi bỏ mặc ở đó. Đêm khuya, cô gái đói lạnh và sợ hãi, vùng vẫy thế nào rồi bị rơi tõm xuống hồ giữa đêm đen. Hôm sau biết ra, cô lái tìm cách phi tang xác chết tình địch, và yên bụng là kể từ giờ đã có thể mãi kiếp với kẻ mình yêu. Hai người đã đưa nhau bỗng bệnh khắp hồ, ghé từng cồn cỏ, bờ lau, nồng thắm như hai kẻ tình nhân đẹp đôi. Như nàng là một sơn nữ trong trắng có mảnh đời đơn sơ, như anh không có nổi đời truân chuyên. Cô cứ tưởng mình đã ít nhiều hiểu về đàn ông: Có thương nhớ

bao nhiêu rồi cũng dễ xa mặt cách lòng, cô bé kia chết rồi, anh coi như chung thân ở đây. Nhưng buồn thay, đó chỉ là một góc nhỏ của đàn ông. Ngăn không cho họ rời khỏi chỉ là một nửa hành trình, một nửa còn lại là cái gì để giữ họ lại. Nhưng con mèo rừng của chúng ta quá thơ ngây để chỉ có thể rút cầu mà không biết làm rào.

Vết thương vừa tạm lành, như vừa trở lại từ một cõi khác trong một hình hài hoàn toàn mới, Hyun Sik rõ ràng có vẻ muốn yên phận với chiếc lồng đời mình, hệt như con chim bé nhỏ mà anh đã mang theo để bầu bạn trong những ngày cuối đời. Ai ngờ, một anh chàng ma cô có lẽ là tình nhân của cô gái ăn sương vừa chết tức tử kia đã tìm đến vùng hồ nước để kiếm cô bạn gái đi đã lâu mà không thấy về. Lại xảy ra một trận xô xát, hấn bị Hyun

Sik đánh ngã xuống hồ và Hee Jin lại xuất hiện. Cô không muốn chuyện lại sanh chuyện, nên đã cố ý để gã ma cô chết đuối, rồi lại cũng tìm cách phi tang tử thi theo cách trước đó là cột vào vật nặng rồi chìm sâu dưới hồ. Tự dưng Hyun Sik lại dây vào một án mạng. Anh ngao ngán cho mình và nhìn lại Hee Jin, anh chợt thấy lạnh người. Cô càng lúc càng giống hệt một con beo cái, một con mèo rừng.

Sáng nay, hai người ra ngồi cạnh nhau trước chòi để câu cá. Trời xui thế nào, Hyun Sik câu lên một con cá lớn chỉ còn trơ xương. Thịt hai bên sườn của nó trước đó vài giờ đã bị một ông khách tàn nhẫn dùng dao lóc gọn để ăn sống theo cách của người Nhật. Sau đó ông ta thả nó trở lại mặt nước để nhìn cho vui mắt.

Hyun Sik bỗng đứng tự thấy mình giống hệt con cá đáng thương đó: Cũng nuốt nhảm lưỡi câu và sống không bằng chết. Rõ ràng anh đang bị tù đày đến ngạt thở trong một hồ nước không lối thoát. Trước đó vài hôm, lúc chưa bắt gặp vợ mình trong tay kẻ lạ, anh vẫn là một người đàn ông tràn đầy hi vọng và sức sống. Gây án xong, suy sụp tinh thần, anh quên mất bản lãnh tự nhiên của một thằng phái mạnh để sống chui rúc lưu đày và cúi mặt thẹn một người đàn bà quái dị. Sau những đông tố vừa qua, đúng là anh đang thả trôi đời mình trên mặt hồ hiu quạnh này. Anh tuyệt không tưởng nổi một cuộc đời thăm thẳm trước mặt bên cạnh một người câm có tính khí quái lạ kiểu đó. Ít nhiều Hyun Sik đã mơ hồ nhận ra phần nào cá tính bạo liệt dám yêu dám hận của

Hee Jin. Cứ cho là nàng có chút nhan sắc, nhưng rõ ràng đó là một cái hoa độc. Thôi thì, nếu còn có một kiếp sau vậy...

Hyun Sik quyết định ra đi. Nhưng chuyện đó bây giờ không còn đơn giản nữa. Hee Jin không nói được, nàng bị câm, nhưng đã bằng cách thế của một con mèo rừng ngấm máu cho Hyun Sik hiểu rằng chuyện đó là bất khả. Và trước mắt, nàng giành lấy con đồ, phương tiện duy nhất để rời chòi, và trở về túp lều trong bờ. Lại bỏ mặc anh như từng bỏ mặc cô gái ăn sương hôm trước. Nhìn cô lúc này khó nói là đáng thương hay đáng giận, nhưng phải nhận rằng đây là lúc nàng trông giống con mèo rừng hơn bao giờ hết. Nó đã lên cơn và chỉ đang nằm phục bên hang chờ đợi đối thủ.

Đêm xuống, vẫn không thấy Hee Jin, Hyun Sik đoán ra phần nào hoàn cảnh hiện tại của mình. Không thể làm gì khác, anh tháo lấy một thùng phuy dưới sàn chòi và lội vào bờ.

Hồ rộng quá, anh bắt đầu đuối sức. Trong lúc rã rời tay chân, Hyun Sik nhìn thấy Hee Jin đang đứng trên con thuyền cách mình vài thước. Trên mặt cô là một sự mãn nguyện và kiêu ngạo của kẻ thắng trận. Dĩ nhiên rồi cũng phải cứu nhau thôi. Nhưng cái mà anh nắm được lúc đó để khỏi chết đuối lại không phải là một bàn tay hay cây chèo. Đó là một sợi dây câu. Cái lưỡi thép của nó ghim sâu vào bàn tay anh. Nhưng mặc kệ, anh phải sống.

Đến tận giây phút này, cái lưỡi câu oan nghiệt vẫn cứ gắn chặt vào đời Hyun Sik. Sao lạ thế. Anh có chuyện là lại thấy

nó. Vẫn sợi dây câu và cái lưỡi câu. Bé nhỏ mong manh mà dai dẳng, lì lợm, tàn độc. Có lẽ chỉ có hành giả tu thiền quán mới là người thấm thía tận tuyệt cái huyền nghĩa này. Thích là khổ, càng khổ càng tìm đến cái thích. Ghim sâu, cắm chặt, đan xen, hòa quyện. Vừa sợ vừa thương, vừa ghét vừa thích. Tương phản nhưng níu giữ lấy nhau.

Đỗ Hyun Sik lên chòi, Hee Jin lặng lẽ lấy kèm tháo lưỡi câu khỏi bàn tay anh. Nàng chăm chú cần mẫn làm việc, thản nhiên như đang gỡ cá mắc câu. Anh đã không thể chịu đựng được nữa. Đến mức này núi cũng phải nổ. Anh ra tay với nàng như với kẻ tử thù. Chà đạp thô bạo và bất chấp như đối với một ả điếm, một con thú. Phần hạ thể của nàng cũng không được bỏ sót.

Tôi xót xa mà cũng rùng mình với nét mặt cô lái lúc đó. Cô bình tĩnh chịu đựng như đã biết trước. Cô lúc này như một con beo cái trọng thương bị đàn con bu quanh rúc sữa. Đau đớn mà không lẩn tránh, không biểu lộ cảm xúc. Hận mà thương. Thương sâu thẳm mà cũng hận ngất trời. Xem đến đây tôi ngờ rằng, đạo diễn phải là một người am hiểu Phật học mới có thể nặn ra một bức tranh hoàn hảo như vậy về nỗi đau trầm thống bất khả diễn dịch của cõi nhân sinh.

Vậy rồi Hyun Sik thua cuộc ngon ơ. Dáng nằm biển rộng sông dài của Hee Jin lúc đó khơi gợi ở hẳn tất cả cảm xúc phải có của một gã đàn ông. Đắm đá đến mỗi mệt, anh đổ gục xuống và chìm hẳn vào cô qua con đường nguồn cội nhất.

Hôm sau, gì cũng tàn cuộc, ngó ra con dò đang cột bên chòi, anh thấy ra con đường giải thoát cho đời mình. Anh bước xuống, mắt không nhìn lại.

Ngồi lại một mình trong chòi, Hee Jin đổ lệ nhìn theo, không một động tác phản ứng. Cô như người vừa thua trắng một canh bạc. Cô thần thờ. Tôi đã vì anh trao ra mọi thứ. Cứ cho là tôi đã mời chài anh, nhưng những dây câu ấy là sự sống của tôi. Tôi tưởng đã giữ được anh lại bằng sợi dây chặt mót sau cùng, nhưng anh cũng bỏ mà đi. Được lắm, anh không cần đến nó. Anh đi rồi tôi cũng không cần đến cái lưỡi mời đó nữa, tôi hủy cho anh thấy, cho anh hận suốt đời. Hee Jin nhòai người nắm lấy chùm lưỡi câu ngời ánh thép và bắt chước anh ngày đó. Nhưng không phải nuốt vào cổ họng. Cô mím môi lùa mấy ngón tay.

Càng sâu càng tốt. Anh từ đó mà thương tôi, quần quít quỳ lụy tôi, giờ tôi phá nát. Một lưỡi câu, hai lưỡi câu, cứ thế không sót một cái. Và động tác sau cùng mới ghê người. Nắm lấy các mối dây câu giật mạnh xem sao. Chẳng có gì lạ. Chỉ một cái nhói buốt lên đến cao hoang. Thế thôi.

Con đò chở Hyun Sik đã rời chòi khá xa. Bỗng một tiếng rú rợn người thốc mạnh vào màng nhĩ của anh. Anh không suy nghĩ gì thêm, chỉ biết quay thuyền. Bế lấy cô mang vào chòi, anh phục xuống cứu thương, chăm sóc thành kính như đang quỳ trước thần tượng. Anh lại cứu cô theo cách cô đã cứu anh.

Lần này, Hyun Sik tự nguyện làm tù nhân mãn kiếp ở đây, ngay dưới chân cô lái. Lạ chưa, cô vẫn một nét mặt và dáng cách kiêu ngạo như tự bao giờ. Trông anh

lúc này cơ hồ bé nhỏ hẳn lại. Bên vai trò một tình nhân, anh còn như một thằng bé bên vú mẹ. Một bà mẹ khốc liệt và cũng cao cả không ngờ. Anh phung phá hung hăng mà cô vẫn bao dung đón nhận. Không ngả nón chào thua thì đúng là nghịch thiên bội địa.

Họ như quên hết mọi sự vừa diễn ra mấy ngày qua. Hạnh phúc, đầm ấm. Sơn sửa lại căn chòi, họ đón gió sớm ngóng mây chiều và chờ đợi biển dâu.

Đạo diễn xem ra còn khó tính hơn trời hay ham hố đa tham chẳng rõ, khi kết thúc cuộn phim bằng một dấu chấm nẩy lửa mới thôi.

Bằng một sự tình cờ không sao ngờ trước được, ông khách thuê chòi của Hee Jin làm rót cái đồng hồ bằng vàng xuống hồ và đã thuê thợ lặn xuống hồ. Cái đầu

tiên toán thợ tìm thấy chính là xác chết của một cô gái bị cột chặt vào chiếc xe gắn máy do ai đó cố ý đẩy xuống hồ.

Trong làn sương buổi sớm trên hồ, Hee Jin đã từ xa thấy ra sự việc. Cô biết mình phải làm gì lúc này. Cô lặng lẽ tháo lấy cái máy ghe từ con đò nát của mình đem gắn vào căn chòi, và cặp tình nhân đã vào tận chỗ xa khuất nhất của vùng hồ. Họ đi mà không có ý quay về. Họ không có lý do và ý định trở lui nhân gian. Họ bây giờ giống hệt nhau rồi. Hai con mèo rừng quạnh quẽ giữa một vùng trời nước đìu hiu. Họ trở lại cái cồn cỏ vắng ngắt mà hai người từng ghé đến hôm nào. Như hai con thú rừng về hang.

Ảnh cuối của phim là một bức tranh trừu tượng có thể hiểu sao cũng xong. Nhưng tôi vẫn cứ trộm nghĩ đó mới chính

là toàn bộ nội dung cốt tủy của cuốn phim. Mọi chuyện khép lại với hình ảnh Hyun Sik tung tăng lặn hụp trong làn nước trong xanh, bỗng đứng, như một thằng bé thiếu mẹ, anh vùng trời lên và nhìn quanh, tìm kiếm. Không ai cả. Hee Jin không đứng biến mất. Trước mắt anh mặt hồ vẫn mênh mông hoang vắng. Lùm cỏ trước mặt là chỗ hi vọng sau cuối để tìm cô. Anh tiến sâu vào. Từ cận cảnh, ống kính thu nhỏ và đẩy mọi thứ ra xa. Hyun Sik đã chìm khuất trong lùm cỏ đó, chỗ xuất phát của mọi phiền lụy đời anh. Anh từ đó ra đi và cuối cùng lại cũng trở về. Chỉ vì anh vẫn chưa có một lối thoát.

Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức,... Cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không. Cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt.

Và bỗng dưng tôi lại nhớ đến một quy tắc nhỏ trên computer: Start chỗ nào thì cũng Exit chỗ đó.

DỤNG

Trong tiếng Anh có nhiều tính từ (adjective) để diễn tả một món đồ không còn mới, chẳng hạn mấy chữ antique (đồ cổ), vintage (đồ lâu năm), old (đồ cũ), used (đã bị dùng qua), pre-owned (đã qua một đời chủ) hay second-hand (đồ sang tay). Có thứ đã hơn trăm tuổi, nhưng thiên hạ đều thầm hiểu nó sẽ càng giá trị nếu càng kéo dài thời gian. Ngược lại, có thứ chỉ mới được dùng qua một lần thì chỉ còn lại một phần mười, một phần trăm giá trị ban đầu hoặc thậm chí muốn vứt đi còn phải trả tiền cho người thu dọn.

Là một kẻ ngoại đạo trong làng cổ vật, tôi chỉ hiểu đại khái rằng khái niệm vô dụng hay vô giá nằm trong hai nền tảng: Hoặc những mặc ước của con người, hay tự thân món đồ có một giá trị nội tại. Một vật được làm từ chất liệu quý hiếm thì lúc nào cũng đáng tiền, và nhiều khi giá trị của một món đồ lại lệ thuộc vào vài yếu tố thuộc tinh thần như lịch sử, văn hóa, tôn giáo. Nhưng nói gọn lại thì một món đồ cũ phải có một trong hai tiêu chuẩn vừa kể thì mới đáng được thiên hạ lưu tâm gìn giữ, bằng không thì nó chỉ là của nợ.

Trong mấy ngày rong chơi ở Trung Quốc tháng rồi, tôi đã có dịp đến viếng hai khu lăng mộ của Triệu Đà, Tần Thủy Hoàng và cả Hoa Thanh Cung của Đường Minh Hoàng. Nhìn những viên ngói, hòn gạch được bảo quản trân trọng như châu

báu, những hố đất có mái che và rào chắn cẩn thận, tôi cứ bản thân với những suy tư không biết nói với ai. Tôi đã nhớ đến những khu nhà ổ chuột cũ kỹ mà chính phủ nước nào cũng tìm mọi cách để xóa sổ không thương tiếc, càng nhanh càng tốt. Vậy mà có những nơi chốn còn cũ kỹ gấp chục lần lại được người ta đổ ra khối tiền để lưu giữ. Nhiều khi số tài lực, nhân lực và thời gian bỏ ra cho một cuộc bảo tồn như vậy đủ để làm nên năm bảy công trình lớn và đẹp gấp bội. Nhưng vì sao lại có chuyện xem chừng rất đổi kỳ cục ấy? Bởi một lẽ đơn giản là bản thân những công trình được trùng tu ấy tự có những giá trị không thể thay thế bằng mấy thứ vàng son thời thượng.

Ngó đồ vật, rồi lại nhớ thiên hạ và bao chuyện khác trong đời. Có biết bao người

và vật tồn tại trong niềm trân quý nâng niu của người đời và biến mất trong sự tiếc nuối đau lòng của khắp thiên hạ. Tôi chỉ đọc sách mà biết đôi điều về cái nghìn mục Túc Mạc hầu của vua Tự Đức, hay cái ấn vàng của vua Bảo Đại mà đến giờ lòng vẫn còn thấy tiếc. Trong khi đó có khối thứ trong nhà mỗi lần vát hết ra thùng rác tôi thấy khỏe cả người, mát cả ruột. Vì chúng là rác.

Tôi nhớ có đọc ở đâu đó rằng có nhiều người chỉ tồn tại chứ không phải sống, có nhiều người chỉ có già mà không có trưởng thành, có những cái chết chỉ là sự biến mất khỏi nhân gian chứ không phải là sự mất mát cho nhân gian và có những thói quen chỉ là cố tật lâu ngày chứ không phải thứ đức tánh được hàm dưỡng. Từ đó mà suy, giá trị một kiếp sống tùy thuộc vào những

gì nó mang lại cho cuộc đời trực tiếp hay gián tiếp, tích cực hay tiêu cực. Thiên hạ sẽ trùng tu, phục dựng, tái hiện và trân tàng những gì có lợi cho họ về mặt này hay mặt khác. Họ sẽ tàn nhẫn lãng quên những thứ vô bổ vô dụng. Theo tôi nghĩ, thái độ sùng kính của người đời đối với cổ nhân hiền thánh ngấm kỹ là vì lợi ích của người đời sau chứ không phải đơn giản là lòng tri ân hay sùng thiện. Người ta thờ Phật vì nghĩ đến lợi ích của chính mình. Phật được thờ kính mấy nghìn năm qua trên khắp mọi miền đất chỉ vì một lẽ là lời Ngài giúp đời bớt khổ. Kể cả một người tu hành bê bối đến mấy, chỉ cần chút chiêm nghiệm đàn tràng hoang cũng thấy Phật là lối về. Thế là chùa chiền, chuông tượng, kinh điển xuất hiện để cùng nhắc nhở thiên hạ về đức Phật. Ngài đã đi xa từ mấy ngàn

năm trước mà nay vẫn còn mới nguyên trong lòng bao người. Nếu có bị xem là xưa cũ, thì hình bóng và lời dạy của Ngài vẫn cứ là những món cổ ngoạn không cần làm mới bằng những việc hiện đại hóa lợi bất cập hại.

Hôm đó ở Tây An, đứng nhìn mấy ngàn bức tượng đất của đám lính hầu vua Tần, tôi đã nghĩ đến bao chuyện. Nếu lúc đó có ai hỏi tôi tu hành là phải làm gì, tôi sẽ nói rằng tu hành là làm sao trong lòng mình có được những giá trị lớn dần theo thời gian, là làm sao để càng nhiều tuổi đời người ta càng có nhiều thứ để thiên hạ nhờ cậy, thậm chí lợi dụng, là từng ngày trở thành đồ cổ chứ không phải đồ cũ. Bởi ngẫm kỹ thì toàn bộ lịch sử văn minh của nhân loại chỉ nhắm đến hai mục đích: Tạo ra hay giữ lại cái hữu ích và hủy bỏ xóa

sở những gì không thật sự cần thiết. Từ bi, trí tuệ, kham nhẫn, tha thứ... là những thứ khiến người ta trở thành vô giá theo thàng rộng ngày dài. Tất cả những thứ ích kỷ, thành kiến, đổ ky, ngu muội, tham lam... chỉ làm người ta già đi và cũ kỹ như những món đồ đang chờ ngày ra bãi rác.

Từ đó, chút suy tư tôi muốn nhắn gửi trong bài viết này, là hãy phân biệt gì là đồ cổ và gì là đồ cũ, hãy ghi nhớ cái gì đã làm nên giá trị cho những thứ xưa cũ; và sau cùng, là hãy trở thành một món đồ cổ ngoạn thay vì chỉ sưu tập đồ cổ ngoạn.

Tây An, Đôn Hoàng, Lệ Giang từ đó đã thành ra những bài học lớn cho những du khách biết chơi đồ cổ một cách minh triết.

Ô hay, lại nhớ chúng nữa rồi, những miền đất tôi đã một lần đi qua với trái tim bỏ lại chẳng nhớ mang về.

ĐẠO KHẢ ĐẠO PHI THƯỜNG ĐẠO

Nên đọc nhiều sách, nhưng nếu không biết lựa sách để đọc thì đọc cả đời cũng vô công. Xin nhớ giùm, thời gian ta có không nhiều, mà thứ không đáng đọc phải tính bằng số triệu.

Quen biết nhiều thì tốt, nhưng không biết lựa bạn lành thì coi như trao thân nhầm chỗ.

Ăn gì cũng thấy ngon miệng có thể nói là chuyện tốt, nhưng gặp gì cũng ăn thì là chuyện xấu.

Đi nhiều chưa hẳn là xấu, nhưng đi không có mục đích đàng hoàng chỉ là lang

thang trôi dạt: Phí tiền, phí sức, phí thời gian, phí đủ thứ.

Giai đoạn tu học nào cũng tốt, nhưng một khi dừng lại để tâm đắc với nó thì coi như tiêu tùng. Giới luật, thiền định, tri kiến,... đều vậy cả.

Yêu nước không tệ, nhưng đi theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan (Ultra-nationalism) thì lập tức không xài được.

Bớt ngủ nghỉ thì tuyệt, nhưng bệnh mất ngủ thì tuyệt không nên có.

Phật giáo không có chùa chiền thì tứ chúng sinh hoạt thế nào, nhưng coi nặng chùa chiền hơn việc đào tạo nhân sự tài đức thì hỏng.

Không có tín nữ thì Tăng ni có mà chết, nhưng để họ ngồi hảnh chiếu trên thì coi chừng loạn.

Bài xích hay chống đối tôn giáo khác là chuyện không nên, nhưng nên lưu ý việc họ cải đạo các Phật tử. Họ giỏi hay ta dở? Vấn đề không phải là sự tranh giành, mà là nhiều chuyện khác.

Muốn giữ nước hay giữ đạo đều không thể bỏ qua mấy điều này: Có lý thuyết ngon lành nhưng thiếu hành động thì chỉ là đánh trận trong mơ. Có hành động nhưng thiếu một lý thuyết ngon lành thì chỉ là cờ lau tập trận.

Chỉ vì khoái mùi vị máu thịt mà ăn mặn là gieo chủng tử loài ăn thịt sống. Chỉ biết cấm cổ ăn chay mà không biết gì hơn, là gieo chủng tử loài ăn cỏ. Thực đơn (Menu) trong đầu quan trọng hơn trên bàn ăn.

Chỉ biết lo sướng thân mà không màng gì ngoài ra, dù trong đạo hay ngoài

đời, chỉ là trẻ con. Biết mà không dám bày tỏ, là người câm. Có người bày tỏ mà mình vẫn không màng, đó là người điếc. Nghe bày tỏ mà không nhận thức nổi vấn đề, đích thị người điên. Biết mà không hành động, hẳn là người bại liệt.

Những kẻ chống đối này nọ thường mang trong máu những thứ mà họ đang chống đối. Chống độc tài nhưng khoái bá quyền; chống mê tín trong khi mình cuồng tín; chống Tư bản khi mình vẫn thích tư hữu ích kỷ; chống Cộng sản khi mình tham, ác, dốt, dối đủ cả.

Mê đắm trong ngũ dục là luân hồi kiểu hạ cấp, mê đắm thiền định là luân hồi kiểu cao sang, tu Quán mà chưa thật sự chán sợ sinh tử thì coi chừng Tăng Thượng Mạn (adhimāna), tức còn hơi sức để soi gương trong ngôi nhà đang cháy.

Không biết gì để nói, là dốt. Nói quá chỗ biết của mình là phét. Nói không kiểm chứng là ẩu. Biết không cần thiết mà vẫn nói là nhảm. Biết điều cần thiết mà không nói là hiểm.

Biết mình là thượng đế của mình chắc chắn dễ sống hơn là tin rằng mình được ai đó an bày mọi thứ. Thật lạ khi không hiểm kẻ trí thức vẫn cứ chọn cách nhận thức thứ hai. Rõ ràng nhận thức về tính Vô Ngã giúp ta thanh thản hơn sự tin tưởng vào một cái gì đó. Nhưng cũng là lạ khi phần lớn thiên hạ cứ sợ mình bị mất.

Nhiều người cứ tưởng lúc NHẬN vui hơn lúc CHO, nhưng nằm nghĩ lại đi, hình như phải thấy ngược lại mới đúng. Hiếm có món quà nào có thể khiến ta vui suốt mấy chục năm, nhưng một nghĩa cử đẹp

ta trao ra lần nào đó sẽ khiến ta vui hoài không chán.

Ai cũng tưởng đông người chung quanh sẽ vui hơn sự cô độc. Nhưng kỳ thực, sự lẻ loi hiếm khi làm khổ ta như sự chung đụng. Ngồi ngó bóng mình trên vách lâu ngày sẽ nghiện chứ chẳng chơi!

Cái gì dễ được cũng dễ mất. Tình, tiền hay chuyện tu tập đều như thế.

Cứ tưởng có một căn phòng riêng tĩnh mịch để sống tâm linh gì đó thiết cao siêu, ai ngờ lúc có rồi cứ ngại bước vào, hoặc có vào cũng chỉ để nằm nghĩ vẩn vơ một lát rồi ngủ là nhiều.

Tình cảm là mật đắng, không phải mật ngọt. Có điều nó thơm và đẹp. Nhưng khôn hồn đừng chạm vào. Ai biết chữ Tình bằng cả lực cắn thì chỉ có chết!

Nhiều người cứ tưởng mình thông minh hay trí thức, nhưng thực ra đời sống của họ rất dễ bị ảnh hưởng bởi nhiều thứ: Chuyện lớn có thể là cuộc bầu cử ở Mỹ, đại hội Đảng của Trung Cộng; và nhỏ hơn, có thể chỉ là điệu nhảy Gangnam Style của anh chàng Park Jae Sang thoát nhảy ra từ bóng tối.

Có viết đến ngàn năm nữa cũng không hết được điều muốn nói, tôi bỗng dừng muốn kết thúc bài viết bằng một câu nói của Edith Sitwell, một nhà thơ người Anh (1887-1964): I am patient with stupidity but not with those who are proud of it. Tạm dịch là: Thằng ngu thì tôi còn gượng chịu đựng được, chứ đứa kiêu ngạo với cái ngu của mình thì tôi bó tay!

ĐẠO SĨ HANG DƠI

*Đành thôi, về núi chếp kinh
Chếp lên vách đá cho mình mai sau
(TK)*

Thiên hạ vẫn gọi ông bằng cái tên ấy dù ông tự thấy không phải thế, và con dơi cuối cùng trong sơn động của ông, có lẽ không chịu được mùi hương trầm, cũng đã bay mất từ nhiều năm trước. Thế nhưng ông cứ tiếp tục tồn tại trong lòng mọi người bằng cái đạo hiệu ngộ nghĩnh đó. Ông không giải thích, không tìm cách sửa đổi nó. Ông mặc nhiên chấp nhận nó như đã từng im lặng đón nhận một mệnh

vận của đời mình từ ba mươi năm trước.

Ngày đó, tuổi trẻ ngang tàng, nhiều mộng lớn, thích dong ruổi đó đây, Xích Hãn Bạt Tư theo khách thương hồ bán buôn rồi lưu lạc quê người. Ngày bòn được chút của nả, ông còn có thêm một người vợ mặn mòi nhan sắc. Sau một lần trúng quả, ông bàn với đám bạn chuyện hồi hương. Một người phản phúc trong đám bạn đã vụng trộm với vợ ông rồi lừa cả bọn giao cho đám sơn tặc. Bị tước sạch mọi thứ, bọn ông còn bị giam giữ như tù nhân để tiếp tục chịu thêm những trận đòn khảo của. Lòng nhớ quê, cộng thêm nỗi sợ chết, đã giúp bọn ông có được cái gan dạ của những người tử tù bạt mạng. Cả bọn tổ chức một cuộc trốn chạy liều lĩnh giữa một vùng núi rừng xa lạ và hiểm trở trong một đêm giông bão tối trời. Họ gặp phải

cơn lũ rừng tàn bạo và bạn bè ông đã chết hết trong chuyến đi ấy. Chỉ còn lại mình ông. Xích Hãn Bạt Tư sống sót như một kỳ tích. Trong ánh chớp lòe lúc đó, nhìn thấy người bạn cuối cùng đã chìm xuống con thác, ông nhắm mắt chờ đợi đến lượt mình bị cuốn phăng xuống ấy.

Vậy rồi sau chừng một ngày đêm, ông tỉnh dậy trên bãi cỏ này. Cái đầu tiên ông nhìn thấy chính là một sơn động nhiều dơi với một khe nước len lỏi bên cạnh. Hai tay đã trắng, mộng đời đã tan, ông chợt có ý lưu lại nơi này như một cỗi quê mà chẳng cần hồi hương về đâu nữa. Quê hương là chốn về, và bây giờ ông đã về đây, thế không phải quê hương thì còn là nơi đâu nữa. Ngó mấy con khỉ, con chim trên rừng ông ngẫm nghĩ. Chúng sống được nơi này, sao ông lại không. Ông nhỏ cở

xếp đá để dọn lối vào hang và chỉ biết vẽ một ít chữ nghĩa, ông tản mẫn chạm vào đá một chữ Tâm cao ngang đầu người giữa dấu khuyên tròn như một chữ triện.

Đôn Hoàng thời ấy là chốn linh địa văn hoá của Trung Hoa trong vị trí tiếp nhận nhiều nguồn văn hoá vắng lai. Thương gia, học giả, tu sĩ các tông phái đặt chân đến đây đều để lại ít nhiều dấu ấn. Cao nhân, kỳ thư không thiếu, nhưng chẳng hiểu sao Xích Hãn Bạt Tư lại cứ vô tâm trước mọi mời gọi như đang sống vẹn lòng cho một nhân duyên tiền kiếp.

Ông độc cư mà không là ẩn sĩ. Sống ẩn tu lánh đời mà không hề biết đến một nghi thức thờ phụng nào. Không biết phải xếp ông vào đâu, những người hái củi quanh vùng đã gọi ông là đạo sĩ hang dơi. Thiên hạ nhìn về ông bằng nhận xét

đó, ông không màng, vì ông biết ông. Ông biết mình cũng là một tín đồ, nhưng của một đường lối hành đạo mà vị giáo chủ đã như vô danh, một giáo phái không có bệ thờ thần tượng. Đèn đóm ở đây chỉ để thắp sáng. Nhang khói ở đây chỉ để xua tan uế khí và sưởi ấm con người. Bao nhiêu hương đăng sùng kính đã được dọn hết vào lòng...Cho một người ẩn tu như ông có thể để người đời muốn gọi sao thì gọi.

Mọi chuyện được bắt đầu từ một buổi sáng quét dọn hang động, lúc ông đã sống nơi này được ba năm.

Không ly kỳ như những tình tiết thêu dệt trong các chuyện dã sử, cái ông bắt gặp được trong hốc đá sáng hôm đó chỉ là một cuộn giấy dó nhàu nát đặt trong ống tre xem chừng cũng đã khô mục. Rọi bó

đuốc vào hốc đá ông còn nhìn thấy ba chữ lớn nguệch ngoạc trên vách động: Hang Thường Tiếu.

“Kalaguha đã nói như thế. Ta là gã ẩn sỹ ham vui, thích rong chơi trong cõi thiên định. Những ghi chép ở đây chỉ là những chuyện cười thời mạt pháp. Chỉ là những nụ cười nghe qua rồi bỏ. Sơn động ta từ đó đôi khi vang dội những tiếng cười trong đêm. Khách dạ hành nghe thấy và chẳng biết ai trong số họ đã gọi nơi đây là hang Thường Tiếu. Ta cười mỗi đêm, cười suốt một đời và chỉ cười một mình. Nên chăng, hỏi người hữu duyên, những nụ cười bật máu để giải thoát?”

Cuộn giấy có vẻ là một tập cổ thư và tuyệt không một chỗ đánh dấu trước sau, nhưng đã được bắt đầu bằng những câu nói như ẩn ngữ ấy. Kalaguha là ai? Bật!

Mấy trang đầu của cuộn giấy đã nhoè, Xích Hãn Bạt Tư lần gỡ mấy trang còn lại.

- “Đêm thiên định thứ chín. Ta nhìn thấy một chuyện buồn cười đang xảy ra ở một thành trì lớn cách đây vạn dặm. Đại sư kia có hơn hai ngàn môn đồ. Một phần ba trong số đó đã là những bậc danh sư nhưng đều một lòng kính sư trọng đạo. Mỗi ba năm một lần, họ quay về họp mặt dưới chân sư phụ. Hương đăng lễ phẩm chất cao như núi. Vị đại sư đương nhiên được trọng vọng như hiền thánh. Ông xứng đáng thế. Bác lãm quần thư, lợi khẩu biện tài và ngoại diện xuất chúng. Ngày đại sư xuôi tay, tể tướng đích thân khâm liệm. Hỏa đài toàn bằng trầm kỳ, mùi hương toả ngát trăm dặm. Trong số môn đồ chịu tang, có không ít những bậc long tượng thời danh. Một trong số đó sắp được

vua tấn phong ngôi viên chủ kế tục đại sư. Bằng thiên định, ta biết rõ người tân nhiệm này và hơn mười vị nữa đều là giọt máu của đại sư lúc sinh thời. Dù nghe đâu đại sư xuất gia từ bé. Kalaguha đã nhìn thấy chuyện đó với tiếng cười trong đêm.”

- “Đêm thiên định thứ mười. Vẫn chuyện nhìn thấy trong đêm. Gia đình triệu phú Hoắc Chân nổi tiếng giàu có và quyền thế ở thành phố Nãi Man. Thứ nam của ông một lòng thờ kính cha già, dâu ông trinh thực đảm đang và tất cả các cháu nội ngoại đều ngoan hiền hiếu đễ. Quan tổng trấn địa phương vẫn thường lui tới nhà ông như người trong thân tộc. Từ nhiều năm nay dinh thự của ông vẫn được vua xem như một hành cung. Bằng thiên định, ta thấy rõ ông thứ nam kia chỉ một dạ nghĩ đến gia tài thừa kế vì người

anh cả vốn không có cơ mưu, vô tư nhẹ dạ. Mãi lo toan tính lừa mị cha già, gã thứ nam không hay biết vợ mình đã đi lại với một anh nài ngựa. Đám con của gã hiểu rõ chuyện riêng của cha mẹ nên cũng mỗi người một mộng, chỉ nghĩ đến những thứ vật chất mà cha mình tranh thủ được từ ông nội. Gái đem tiền nuôi kếp hát, trai đem của nuôi kỹ nữ. Một gia tộc tan nát đến thế mà vẫn được người đời xem như gương sáng để noi theo. Kalaguha đã nhìn thấy chuyện đó với tiếng cười trong đêm.”

-“Đêm thiền định thứ mười một. Khuya nay có bà mẹ đã chấp nhận một đường dao hiểm ác để bảo vệ đứa con trong bụng. Bản ngã trong một bản ngã và sự hi sinh vì tha nhân chỉ cách nhau trong gang tấc. Chỉ tiếc bà mẹ ấy không thấy ra sự khác

biệt như sơn này. Kalaguha đã nhìn thấy chuyện đó với tiếng cười trong đêm.”

- “Đêm thiên định thứ mười hai. Ngoài thành Uất Chi đêm nay có một vị tướng quân trốn vợ nhà để đến với tình nhân là một cô gái nghèo mà không hề biết rằng nàng chỉ bòn rút của ông để cung đốn cho tình lang là một thương khách hào hoa. Và người thương khách kia lại ngày đêm tưởng nhớ một mệnh phụ tuyệt sắc mắc bệnh đồng tính luyến ái. Kalaguha đã nhìn thấy chuyện đó với tiếng cười trong đêm”

Lại phải bỏ đi vài trang không đọc được.

- “Đêm thiên định thứ mười sáu. Ngoài khơi Bột Hải có một hoang đảo lớn rộng vốn được đám hải tặc bao đời chọn làm chỗ chôn của. Đêm nay một nhóm hải tặc lại mang về đảo phần châu báu vừa cướp

được và tiếp tục cất giấu trong một hang đá từng là kho tàng của một thế hệ cướp biển tiền bối. Từ trăm năm trước, sau một cuộc tương tranh nội bộ, đám cướp đó đã bị một đàn em đầu độc và tất cả châu báu trong hang đến nay vẫn còn nguyên vẹn. Số này lớn gấp trăm lần số châu báu của đám hải tặc hiện tại. Đêm nay ngoài số vàng ngọc, chiến lợi phẩm của chúng còn là một cô gái trẻ đẹp bị cầm tù bé mà không ai trong bọn chúng biết được rằng nàng chính là đứa con gái mất tích của tên đầu đảng. Đến bây giờ cả bọn vẫn không biết gì về kho tàng kia cũng như thân phận thật sự của cô gái nạn nhân. Kalaguha đã nhìn thấy chuyện đó với tiếng cười trong đêm.”

- “Đêm thiền định thứ hai mươi. Một số đông tín đồ ở tự viện kia đang xì xụp bái lạy thầy viện chủ như thánh sống.

Trong suy nghĩ của họ, không ai có thể hơn được một nhục thân Bồ Tát như thầy mình được. Bằng thiên định, ta ngậm ngùi thấy ra một sự thật đau lòng phía sau sự vụ. Bằng thủ thuật giáo hoạt của một tay gian thương bậc thầy, thầy viện chủ thường khéo léo che dấu sở tri nghèo túng của mình bằng tiếng cười xòa rồi đưa họ vào một mê lộ quên lối về. Thầy cũng có thể thoát hiểm bằng cách ném một nhận xét phạm thượng lên ai đó để ngầm chứng minh là mình cao hơn kẻ ấy một bậc. Thế là hàng ngàn tín đồ của thầy cứ thắm hãnh diện rằng mình đã tìm thấy minh sư trong thời mạt pháp. Suốt cuộc đời lừng lẫy, chỉ bằng hai cách khen chê có chủ ý, thầy đã vùi xuống bùn vô số người mà thầy xem là đối thủ. Kalaguha đã nhìn thấy chuyện đó với tiếng cười trong đêm.”

“Tội khổ trầm luân biết nên khóc hay cười. Bao nhiêu kho tàng trên đời đã bị lãng quên mất dấu ngay trước mắt những người tìm kiếm ? Biết bao nhiêu bí mật sinh tử trong những kiếp người đã không được biết đến. Nước mắt vẫn tiếp tục chảy xuôi giữa lòng nhân gian quá khan hiếm nụ cười. Kalaguha đã nói như thế.”

“Ta vẫn từng đêm ngắm nhìn những chuyện đời nghịch lý và cũng từng đêm suy tư về những con đường nghịch thường mà ta trộm gọi là nghịch đạo. Nếu chẳng là nghịch đạo thế sao một bậc đại thánh ngày xưa sau đêm giác ngộ chỉ muốn im lặng ra đi không nói một lời ?”

“Hỡi người hữu duyên! Minh triết của thánh hiền xưa, giờ đã quá mênh mông với những phạm tâm dễ dàng bội thực. Ta sẽ dạy cho người con đường nghịch đạo

vốn hợp với tạng phủ những người không nhiều trí nhớ. Biển khổ vốn từ những dòng chảy mê lầm mà tích tụ. Bi kịch nào của thế nhân cũng đi ra từ nỗi vong thân, niềm vọng ngoại. Bị hình thức lừa mị, người đời sẽ quên mất nội dung. Ta sẽ dạy cho người con đường nghịch đạo thứ nhất vượt thoát mọi lừa mị...

“Có một con đường dẫn đến sự thanh tịnh mà xưa nay vẫn hiếm người chấp nhận. Người hữu duyên! Đó là đạt đến cõi thanh tịnh bằng con đường Bất Tịnh Quán. Không thấy được cái dơ xấu ngay trên tấm thân này, sẽ không nhìn ra những cái đẹp khác huyền nhiệm hơn. Nhận thức này sẽ dẫn đến một phương trời cao rộng cho hành giả. Không hành sẽ không hiểu. Đây là nghịch đạo thứ nhất. Kalaguha đã nói như thế.

“Ta lại dạy người con đường nghịch đạo thứ hai. Có một con đường dẫn đến sự Bất Tử bằng tâm niệm thường trực về chính cái chết. Không thấy được cái chết sẽ không thể biết sống. Ôm lấy trăm năm là chối bỏ vĩnh cửu. Đời sống cần được nhìn thấy là từng giây phút ngắn ngủi đang trôi qua. Sống trong sự tỉnh thức này, người sẽ đạt đến cảnh giới bất tử. Đây là nghịch đạo thứ hai. Kalaguha đã nói như thế.

“Ta lại dạy người con đường nghịch đạo thứ ba. Có một con đường tốt nhất để hành giả đạt tới khả năng tự vệ như một cao thủ thật sự. Đó là hãy nghĩ nhiều về muôn loài trước khi nghĩ về mình. Ta nói với người: Vong thân để sa đà quả không nên có, vong thân để yêu người đúng là chẳng nên không. Trong niềm yêu thương

vô bờ đối với tha nhân, người sẽ được bảo vệ căn mật. Kalaguha đã nói như thế.”

“Ta lại dạy người con đường nghịch đạo thứ tư. Có một con đường dẫn đến quyền năng tối thượng, có tất cả trong tay, chính là buông bỏ tất cả. Đó là phép bán buôn của một đệ nhất hiền giả. Kalaguha đã nói như thế. “

“Ta lại dạy người con đường nghịch đạo thứ năm. Có một con đường dẫn đến sự an lạc tuyệt đối. Đó chính là sự từ bỏ tất cả khoái lạc để được an lạc. Chỉ có sự an lạc này mới là niềm hạnh phúc thật sự của một hiền giả. Kalaguha đã nói như thế.”

“Ta lại dạy người con đường nghịch đạo thứ sáu. Có một con đường giúp người có thể tìm quên tất cả đau khổ là sự ghi nhớ tỉnh táo từng khoảnh khắc sống. Hãy nhìn ngắm chính mình và thế giới chung

quanh như nó Đang Là. Chính nỗi nhớ này sẽ giúp người lãng quên tất cả khổ lụy. Ta gọi đó là phép nhớ để quên. Kalaguha đã nói như thế.”

Đó là tất cả nội dung còn lại của cuộn giấy trong ống tre. Kalaguha là ai, đối với Xích Hãn Bạt Tư bây giờ chuyện đó không còn cần thiết nữa. Vì ông đã nhìn thấy Kalaguha, cứ cho là chủ nhân đời trước của sơn động này, một ẩn sĩ vẫn cười lớn mỗi đêm trên những chuyện đời còn nghịch lý hơn cả những con đường nghịch đạo mà Người đã nói đến.

Xích Hãn Bạt Tư từ đó đã là một tu sĩ mà đạo sư chỉ là một người xa lạ nào đó có cái tên Kalaguha. Kalaguha là một giáo chủ, hay lại chỉ là một người nhắc lại lời xưa, thuật nhĩ bất tác? Kalaguha còn nhìn thấy bao nhiêu chuyện đời ngang trái nữa,

và còn lại bao nhiêu con đường nghịch đạo mà Người vẫn chưa nói hết? Câu trả lời lại cũng không cần thiết, vì Xích Hãn Bạt Tư đã nhìn thấy. Ông tiếp tục là lão đạo sĩ hang dơi với nếp đời truyền thừa thâm lặng như cái ống tre mà ông đã bắt gặp trong buổi sáng định mệnh. Ông sống được 120 tuổi và ra đi êm đềm như một làn gió, sau khi đã chép lại những gì đã đọc được của Kalaguha và tiếp tục cất lại trong một ống tre đặt trong hốc đá ngày nào.

Bản kinh Kim Cương xưa nhất đã được tìm thấy trong một hang động ở Đôn Hoàng. Nhưng từ đó đến giờ vẫn chưa ai nghe tin tức gì về chiếc ống tre của người đạo sĩ hang dơi. Còn không? Hay đã mất?

Đầu hạ 2004

ĐÊM CHÚA... NHỚ CHÙA

Đêm Noel là của Chúa, chẳng dính dáng đến chùa, cỗi riêng của tôi, nhưng mở TV xem thiên hạ khắp hành tinh đón Giáng Sinh cũng không phải chuyện xấu. Thế là...

Ngó pháo hoa đầy trời, khắp các thành phố lớn trên thế giới, cũng thấy nôn nao như trẻ con ngày hội. Mở cửa ra đứng trước hiên, nhìn quanh hàng xóm. Hầu như nhà nhà đều có giăng đèn, có tượng thiên thần trước ngõ. Có nhà ngon lành tậu hẳn một hang đá Bethlehem cho vui lòng Chúa.

Đâu đó trong đêm là những tiếng pháo hoa nổ nhẹ lộp bộp trước khi nổ xoè giữa màn đêm những chùm ánh sáng nhìn thật ngon mắt. Tôi đứng nhìn mê mẩn như một thằng bé, quên mất cái tuổi tròn trèm bốn mươi đang sắp mò về vào cuối năm này. Thế rồi ngẫu nhiên dời ánh mắt từ trời cao về lại mặt đất với những chùm đèn màu bất động nằm rải rác đây đó, tôi chợt nhận ra một chuyện ngộ nghĩnh. Cũng là những chùm ánh sáng đủ màu, nhưng rõ ràng pháo hoa đẹp hơn, nhìn sướng mắt hơn. Bởi nó ngắn hạn và không phải muốn là có được. Tốn kém lắm và phải có thời điểm thích hợp. Đèn màu lại khác, nằm ù lì không thay đổi và muốn là có ngay. Thế là chán...

Tôi nhớ có lần nào đã viết ở đâu đó về những ngôi nhà gỗ thông của Nhật

Bản. Tôi yêu chúng vì chúng dễ làm, chỉ cần lắp ráp trong thời gian thật ngắn, vật liệu rẻ tiền và dễ kiếm. Nhờ vậy nhà có bị hư hao cũng không đau lòng xót của và người ta cứ có dịp ở nhà mới hoài. Tôi biết ở Hắc Long Giang (Trung Quốc) có một loại hình nghệ thuật rất độc đáo là tận dụng những tảng băng khổng lồ để làm ra các công trình kiến trúc mô phỏng tuyệt đẹp. Từ Thiên An Môn đến những chùa tháp, bảo tượng nổi tiếng đều được các nghệ nhân ở đây tái hiện hoàn chỉnh, thậm chí đẹp hơn cả công trình thật. Đã là băng thì cũng có lúc rã tan, mùa sau họ lại dựng lên cái khác. Độc đáo, sinh động và cứ tinh khôi mới mẻ mãi hoài. Mai này có dịp, tôi hứa sẽ đến tận Hắc Long Giang để xem mặt những người đã thay tôi làm nên những công trình rất Phật giáo ấy. Nếu có

là tở phú, nói thiệt, tôi cũng chỉ thích xài đồ mượn (không phải mượn) và sẽ không hề đổ tiền cho những món tài sản lâu bền. Cố níu giữ những thứ phù du cũng dễ cực lòng, và dù có níu giữ được chúng, liệu ta có thể níu giữ cái bốn mạng mong manh của mình không chứ...

Chẳng lẽ tôi kêu gọi thiên hạ đừng cột đời mình vào những thứ bền vững như hôn nhân, nhà đất thì bậy quá. Những gì tôi hiện có, kể cả cái mạng cùi này, cũng có từ những cái lâu bền ấy của ai đó. Chuyện tôi muốn thừa ở đây là nếu ai cũng nhớ vì sao pháo hoa đẹp hơn đèn màu thì trần gian này sẽ khá hơn. Rõ ràng chúng ta có thể chọn lấy một trong hai cách tiếp nhận chân lý: Biết để thay đổi toàn diện đời sống và biết để sống đời với một tâm thái tốt hơn. Hình như là vậy. Lúc sau này

tôi cứ thích bốn chữ đó, vì có thể càng lớn tuổi thì chẳng dám tin cái gì nhiều. Có thể do biết nhiều hơn, hoặc niềm tin ngày một ít hơn.

Tôi bỗng hiểu vì sao tuổi thơ là giai đoạn đẹp nhất đời người. Có lẽ vì con nít có thể vui được với những thứ phù du đơn giản nhất. Từ một con trâu nặn bằng đất sét đến những nắm lá làm tiền, rồi những hòn bi, những miếng sành để đánh đáo. Xong cuộc chơi thì vất hết, thanh toán lãng quên. Mai lại tìm thứ khác chơi tiếp. Cứ vậy đến ngày trưởng thành biết gì là lâu bền, đất tiền rồi thì buồn nhiều hơn vui. Văn minh nhân loại suy cho cùng hình như chỉ là một chuỗi dài chuyển tiếp của những cuộc chơi trẻ con và cuộc đời của người lớn. Suy rộng ra, cả cuộc trầm luân cơ hồ cũng thế. Nghĩ cũng ngộ thiệt!

Tôi dốt đặc chính trị, nhưng cứ thỉnh thoảng nghĩ đến những cơ chế chính phủ đủ tín nhiệm để thiên hạ có chỗ kiếm tiền và gửi tiền, rồi thì chẳng ai tha thiết chuyện ở yên, gì cũng trên những phi trường, sân ga. Tôi dốt đặc về khoa học, nhưng cứ mơ một ngày người ta có thể kiếm sống trên những hành trình gió bụi, có thể kiếm tiền và xài tiền ngay trên những cuộc đi. Bản chất đời sống là phiêu bồng, tuôn chảy, dời đổi nên sống luân lạc không chừng mới là thuận theo thiên nhiên. Gặp gỡ rồi chia xa là chuyện rất bình thường. Biết nhau bên cầu rồi chia tay trên bến mới đúng là sống hết mình với trọn vẹn thế giới. Không dừng lại, không bám víu. Gì cũng phải thông suốt, rời bỏ...

Ngồi đọc những suy nghĩ vớ vẩn của một người không chuyên thì kể cũng phiền, nhưng nếu chỉ xem đó là một chùm pháo hoa trong đêm Giáng Sinh thì cũng đáng thể tất...

ĐIỂM CỎ CẦU SƯƠNG

Đêm cuối cùng ở Thượng Hải. Hần vừa trở về từ một chuyến đi xa. Trong chiếc vali còn lấm bụi phong trần ấy dường chẳng sót lại gì sau những ngày dài trên đường. Một gói trà, vài hộp bánh, một thùng mì gói, mấy lon sữa đặc, và non lít mật ong. Hần ăn và còn đãi mời thiên hạ, chỉ trong gần một tháng, gì cũng hết nhẵn. Chỗ trống còn lại trong rương hành lý buổi về nhờ vậy mà chèn được một bộ ấm chén đất nung, một bức tượng Đạt Ma Độ Giang bằng sứ và một nhà sư còm cõi bằng gỗ đã sứt mẻ ít nhiều mà hần đã mua được ở Lệ Giang với cái giá rẻ mạt.

Phòng ngủ ở một khách sạn rẻ tiền vào những ngày mùa đông này thật khó khăn cho hắn. Nhiệt độ trong phòng cứ tuột thấp theo đêm mỗi lúc một khuya. Dốc hết chỗ trà còn sót lại trong va-li, hắn nấu tí nước sôi và pha một ấm trà lát théch để cầm cự với cái lạnh và hi vọng có thể chợp mắt được vài tiếng. Ngày mai còn phải ra phi trường sớm và tiếp đó là hơn mười tiếng ngồi máy bay dật dờ như con nghien.

Đang thiu thiu ngủ, bất chợt, qua ánh sáng của chiếc đèn ngủ đầu giường, hắn há mồm kinh ngạc khi thấy bức tượng nhà sư bằng gỗ kia đã yên vị trên bàn tự bao giờ, như vừa bước ra từ va-li hành lý. Sắc diện bức tượng sống động linh hoạt như người thật, dù vẫn giữ nguyên kích thước một gang tay chiều cao!

Hắn lặng người trong giây lâu khi nghe ra một giọng nói trầm ấm nhưng xa vắng như vọng lại từ một nơi chốn nào xa xôi:

“Ngay khi người chưa đặt chân vào những cuộc viễn hành trên đường, từng ngày đã là những dặm trùng viễn xứ. Thế giới ba ngàn cứ bày ra đó trong mỗi bước chân. Mỗi sớm chiều người đã biết bao lần đi ngang vùng biển lửa dày đặc của địa ngục khi chính người cứ mịt mùng vướng kẹt trong một cõi tâm thức đọa đày không lối thoát của hỷ nộ. Kiếp đời khát thực là một thắng hạnh thiêng liêng, nhưng đã bị người tục hoá bằng những khao khát tầm thường. Cứ sau mỗi mong ước vật dục lợi danh, người đã hoá thân nên một loài ngựa quỉ lấy phần niêu làm thực phẩm. Càng hy cầu, người càng thu hẹp và vùi sâu

chính mình, bình bát truyền thừa lúc này đã ra túi vải hành khất rẻ tiền. Sở nguyện bất toại, người lại hoá kiếp vào loài A-Tu-La đêm ngày chìm ngập trong lửa hận. Cứ nhất niệm hưởng thụ vô tri, người khác chi giống bàng sanh trong chuồng cũi. Đời sống thường nhật là một chuẩn bị cho sinh thú mai hậu. Khi phiền não là chỗ ghé, thì đọa lạc là chốn về. Trăm năm là buổi về, bình sinh là chuỗi ngày dọn cỗ. Đừng vội tâm đắc với những thành tựu nhân tiền, khi xuân tàn hoa héo thì lão viễn khách chỉ còn lại bóng tối trước mặt. Có đến muôn thứ nhân tiền, khổ thay người vẫn chọn lựa vài thứ trong đó như trẻ con ham ngọt.”

“Đừng vội tự nhận danh xưng sứ giả Như Lai khi chưa kịp nhận diện đâu là đại nguyện hoàng dương và đâu là hồng đồ

đại lược. Sao có thể tưởng tượng ra việc thiên hạ cần cần phụng hành những điều mà chính người trao truyền cho họ còn đang nghi hoặc? Sao người hoàng dương lại có thể dễ dàng buồn vui với những thứ chính mình vẫn rêu rao là phù vân của tạm, để thiên hạ buông ra cho mình nhận vào, đó chẳng phải dối thế gạt người hay sao? Đừng đại đột nghĩ mình là minh sư khi có được một số người tín mộ, bởi kẻ ca kỹ trong dân gian nào đức hạnh chi vẫn được bao người phục lụy. Cuộc tu là một chiến trận, binh lực phải được vận dụng để đối phó với những gì thật sự là đối phương, chẳng để nhằm vào những khóm lau bụi cỏ để hái hoa bắt bướm. Nếu bẩm sinh may mắn có chút thông tuệ, hãy dùng khả năng đó để tự tu và độ chúng thay vì trí trá hiểm độc. Hãy biết trân

trọng những vị Phật tương lai qua những dấu vết Phật chất để tránh những hành xử bất xứng. Đừng dùng ánh mắt đầy tớ nhà giàu để nhìn cao sĩ thiên hạ. Hãy biết trên trời cao và giữa đất rộng vẫn không thiếu những người có được mắt tuệ.

“Đừng lấy pháp sự làm áo khoác cho tục sự. Dù có tự trấn an bằng dăm tình tiết vật vãnh mang ý nghĩa tinh thần thì đây cũng chỉ là lấy chén vàng mà uống rượu độc. Lắm lúc gạt người quen tay, ta lại tự gạt mình để được yên tâm rong ruỗi trong cuộc chơi của một minh sư nửa vời. Đừng lạm dụng chữ ‘mạt pháp’ để vay mượn phương tiện. Đến kỹ nữ chốn phong trần còn biết chừa lại một phương để lấy chồng, thì nói gì kẻ tự nhận sứ mạng độ sinh có sao không có riêng một góc tôn nghiêm của lòng tự trọng.”

Tiếng nói của nhà sư bằng gỗ kia nhỏ dần rồi mất hẳn như để trở lại hình hài một bức tượng vô tri. Hắc bàng hoàng nhớ lại một ngày ghé chân cổ thành Lệ Giang. Hắc đã cố nài để mua bằng được bức tượng nhà sư vì tình cờ phát hiện một chuyện lạ là càng nhìn, bức tượng nom càng giống một lão tăng đạo hạnh mà hắc đã từng gặp qua ở quê nhà ngày chưa xa xứ. Ngài đã viên tịch hơn hai mươi năm rồi, chẳng lẽ ngài đã từ ngàn trùng cổ quận đến đây để nhắn nhủ với hắc mấy lời giáo hối thống thiết mà cũng khốc liệt đó.

Giữa cơn tỉnh mê chập chờn, hắc lại nghe một luồng khí lạnh chạy dọc sống lưng khi bức tượng nhà sư lúc này đã được thế chỗ bằng một tổ sư Đạt Ma sứ trắng. Vài vết lác tinh trên áo tượng càng khiến ngài thêm vẻ phong sương lẫm lẫm với

một ánh mắt sáng ngời như có ngọn lửa đang cháy trong đồng tử. Một giọng nói như tiếng chuông đồng:

“Người xưa từ Đông Độ sang Tây Thiên thỉnh kinh cầu pháp, hay từ Tây Thiên tìm về Đông Độ để gióng trống đại hùng, tìm kẻ truyền đăng. Nay người từ nơi gọi Tây Phương kia lại tìm sang Đông thổ hầu hết chỉ là hạng khách nhàn du, cũng mang tiếng thỉnh tượng thỉnh chuông nhưng cơ hồ chỉ như mua sắm cổ ngoạn. Chỉ riêng tên gọi Tây Phương nay cũng thành nghĩa khác. Ta bình sinh sống trong những ngộ nhận phũ phàng của thiên hạ đương thời, nhưng có lẽ không một ngộ nhận nào thảm hại bằng của thiên hạ bây giờ đang nghĩ về cổ đức thánh hiền xưa. Họ rao bán ta trên phố cho phường tục tử sờ nắn định giá rồi mang ta về cho đứng chung với

bao thứ ẩm chén phồn tạp. Họ ký họa ảnh ta bằng tất cả những tưởng tượng kinh khiếp nhất và tha hồ suy tư phóng túng với những hoang tưởng không căn cội rồi áp đặt là tư tưởng Thiên Tông gì ấy, một tên gọi mà thuở sinh tiền ta chưa hề biết đến. Ai cũng có thể nói, viết, tán nhảm về cái gọi là Thiên ấy rồi bỏ mặc cho mấy học giả nghiêm túc tha hồ bình ta chẳng tiếc lời. Sao lại có thể thế được, gã du tăng mang tiếng về từ Tây Phương kia ?

“Ngày đó ta đã không ít lần bè cỏ qua sông, nhưng phải hiểu, bè cỏ ấy chính là những gì ta dẫm lên mà đi. Và những dòng sông kia chính là những nhục vinh thành bại, đắc thất phù trầm, doanh hư tiêu trưởng. Nói cho cùng, hành trình nào cũng là sự vượt qua chính mình. Chưa thắng vượt bản thân, có đi muôn núi

ngàn sông cũng là một cách quần quanh kéo dài, mở rộng. Kẻ học Thiên thời nay ai cũng mong có một tranh vẽ về ta để treo trong thiên thất như một cách cầu chứng. Họ luôn miệng nhắc đến mấy chữ Thiệp Giang, Độ Giang, nhưng nghĩ mà tội, họ cứ một đời bó gối bờ này. Trong nếp nghĩ của nhánh Nam Truyền, ta chỉ là một khách lạ. Ấy vậy mà người cũng ráng theo chân thiên hạ tìm rước ta về để mai này ăn nói sao với thiên hạ bên ấy. Cho vui à? Người có nhiều thời gian và tiền bạc đến vậy sao? Chuyến này về, nếu có chút tình tưởng tiếc lão Hồ Tăng mắt xanh này, hãy học lại phép sang sông. Hãy biến các sở hữu ra bè cỏ rồi mai này có dịp trở sang Đông Độ, người sẽ đường đường một kẻ pháp du đúng nghĩa và ta hứa khi đó sẽ điểm thêm chút lửa vào bất cứ tranh tượng nào của

ta mà người mua được. Đừng tốn kém cho những tranh tượng vô hồn, ngấm xác mà chẳng hiểu lòng.”

Một tiếng còi xe từ dưới đường vọng lên, hấn choàng tỉnh giấc. Hấn ngó chiếc đồng hồ reo đặt ở đầu giường, bốn giờ sáng. Chiếc va-li hành lý vẫn đóng chặt, kín kẽ.

Về Mỹ lâu rồi, hấn chưa bao giờ mộng thấy chuyện gì nữa. Hai bức tượng nhà sư và tổ Đạt Ma vẫn im lặng trên giá sách, như chưa bao giờ lên tiếng. Nhưng hấn đã nghe thấy họ. Một lần thôi cũng quá đủ. Có người hỏi hấn bao giờ trở lại Trung quốc, hấn cười buồn. Mình vẫn chưa học hết phép qua sông!

ĐÒ OI!

Tiếng phone reo nghe như tiếng con nít khóc, bức cả mình. Bài vở mấy ngày đầu tuần chất cao như núi. Ba giờ sáng mới chợp mắt chút. Vậy mà bây giờ phone reo. Văn minh kiểu này có mà yếu.

-A lô, tôi đây ạ !

Bên kia đầu dây không ai nói gì, chỉ nghe vài tiếng động rời rạc như của mấy món vật vãnh khua nhau trên bàn giấy, lại có tiếng bật quạt máy như để đốt thuốc lá. Rồi thì giọng của hấn run run:

-Xin lỗi sư, buồn quá trời, không biết kêu ai, chỉ còn biết kêu sư. Sư đang ngủ à ? Thôi xin để khi khác vậy..

-Ồ, không có gì đâu anh, bữa nay khách sáo quá vậy. Bạn bè mà !

Thì ra, lại chuyện nhà, cũng là chuyện đời hân. Tu gần hai mươi năm, gì cũng giỏi. Cứ đà đó có làm tăng thống cũng chưa vừa sức. Vậy mà theo gia đình qua Mỹ mấy năm, đi học dở dang, chưa ra trường thì rớt. Rớt ở đường tu. Cô bé ấy ngó cũng dễ thương, gia đình Phật tử ba đời. Cùng chung một lớp, mưa nắng, đói lạnh có nhau. Cái xe cà tàng một tuần nằm đường mấy lần, vậy mà đủ chỗ để chở một cuộc tình. Xe đàng ấy hư thì qua ngồi xe này. Xe hư cho người gặp nạn mà.

Chẳng kịp chuẩn bị cho một mái ấm tươm tất như vãn mơ ước, một chúng sanh kháu khỉnh ra đời, trong căn hộ Apartment mấy thước vuông. Thằng bé béo núc, trắng nõn như chú heo con. Thôi

thì cứng chiều như ngọc, nhưng cũng chỉ được ít lâu. Hai bàn tay ấy xưa giờ chỉ có kinh tượng, viết lách, nay thay tả cho em bé, góm chết được. Nhiều bữa xui, thằng bé làm xấu trước giờ cơm. Rửa ráy cho con xong, hăn nuốt cơm không vô. Nàng thì cứ thanh thản vô tư, một đĩa tung hoành, lửa cơm ào ạt. Hăn ngó sang bên cạnh, thằng bé cứ hồn nhiên tròn mắt nhìn hăn mà ư a ngọng nghịu. Ngán quá, hăn buông đĩa đứng dậy. Nàng thấy lạ, hỏi. Hăn ầm ớ. Hiểu ra, nàng khóc như mưa, đòi chết. Lúc này hăn bất giác nhìn lại nàng rồi giật mình. Mình vẫn vậy, sao nàng già kiểu gì nhanh quá. Áo quần trẽ nải, giọng nói chanh chua. Ngày xưa gì cũng cười. Một vài cái liếc trộm đủ làm người ta mất ngủ mấy hôm, bây giờ kiếm hoài không ra chỗ để thương. Vậy mà hăn đâu ngờ nàng còn

phone riêng cho tôi để tố khổ, tả oán:

-Hồi trước, thương ảnh cái hóm hình tế nhị. Viết lách, nói năng cứ như hiền triết. Chuyện đời chuyện đạo thông tỏ tình tường. Đứng gần nghe cả một trời chở che ấm cúng. Bây giờ gì cũng đem đổ sông biển. Thấy ghét không chịu nổi. Bất mãn, ngạo đời, tự ti mà lại tự tôn. Ngày xưa người ta bác sĩ kỹ sư châu hầu mình suốt buổi, mà mình xem rặt một đám phàm phu không đáng cho sờ vạt áo. Đem bụng thương ảnh, tưởng ảnh y chang những gì vẫn nói, vẫn viết. Bây giờ lỡ thợ, lỡ thầy. Mình bắt đầu già để càng chước mắt khi thấy ảnh nhờn nhờn cái mặt triết gia. Sao hồi đó hồng quán tử thi bất tịnh gì đó để người ta lấy mới khác. Gì cũng lộn chỗ !

Nói thiệt, tôi cũng còn trẻ, trang lứa với hần, vậy mà thấy cảnh đời hần rồi

những khi thấy xe bị hư dọc đường cũng tự nhiên nổi ốc. Nạn nhỏ không chịu nổi, nạn lớn đến làm sao chịu thấu. Tôi tuyệt không đủ nội lực để san sẻ gì với hần. Chỉ biết nghe cho hần nói. Ngày trước hần giỏi hơn tôi gấp mấy lần.

Hần cúp máy rồi, tôi cứ nằm yên đó ngó lên bức tranh mực Tàu trên vách. Ở đó có con thuyền hờ hững trên sông, chẳng biết sắp vào bờ hay vừa rời bến. Tôi nhớ đến vợ chồng hần. Qua sông thì không dò này cũng còn thuyền khác, nhưng nếu nhầm dò thì thêm mất thời gian. Chuyển dò đòi người còn ghê hơn vậy. Nhầm thuyền rồi thì đôi khi lỡ cả một đời. Nàng nhầm hay hần nhầm. Ai đáng trách hơn ai ? Tôi bỗng nghe từ xa xoi một tiếng gọi dò, như vọng ra từ bức tranh, rồi rùng mình. Chỉ mong người đời muốn sang

sông thì tự biết chọn dò mà đi, kéo lở làng một đời, rồi biết đâu , cả muôn kiếp. Suy cho cùng, ngày nào trong mỗi đời người cũng là những chuyến dò. Mọi xuất xứ của tam nghiệp đều cần đến những quyết định. Cõi trầm luân là một giòng sông. Tôi bất giác đọc trộm câu thần chú của Phật giáo Bắc Truyền: Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha. Hãy qua sông, hãy lên đường, và xin nhớ, chọn đúng một con dò. Dò ơi !

ĐÒ NGANG

Non bốn mươi mà cứ hết người già. Nhớ hồi nào còn trẻ, những đêm mùa đông nằm trong chăn nghe gió lùa ngoài vách là ngủ sướng. Một hoàn cảnh khác cũng đê nhất khoái là nằm nghe mưa khuya rồi thì nếu là nhà lá, nghe cả cái mùi lá sũng mưa ngòn ngọt thân thiết để lại khoản chân vào mền mà mộng mị.

Giờ như già rồi. Cứ đêm đông là lại khẻ thức hơn bao giờ hết. Trở mình một cái là thức luôn tới sáng. Cái khoản mưa khuya bây giờ chỉ khiến tôi mất ngủ. Đêm nay cũng vậy. Trần trọc với cái lạnh se sắt trong nhà rồi nhắm chịu không

thấu, đành mở đèn nằm ngó vách. Trời ạ, cái gì vậy chứ. Đã mấy tháng rồi sao đợi đến giờ mới thấy. Tôi có bức tượng một người chèo đò dài hơn gang tay để trên ngăn gỗ đầu giường. Hồi đêm có lẽ tôi vừa tha cái đèn vào giường để đọc sách nên giờ ngẫu nhiên thấy được cái bóng của người chèo đò trên tường, đẹp lạ lùng. Trong một phút xuất thần, tôi như nghe ra từng tiếng khóat nước của một con đò đang trôi trên dòng nước tối của một xứ Tàu xưa, bên dưới một cổ thành nơi vừa vẳng lại tiếng trống cầm canh giữa một đêm khuya ngàn năm trước. Một bến Tần Hoài, Tầm Dương hay một Phong Kiều xa ngái nào chẳng. Kể cũng lạ, chỉ cái bóng mờ của một bức tượng nhỏ chừng gang tay mà thừa sức đẩy tôi phiêu bồng về một cõi lạ ngàn trùng về cả không gian

và thời gian như thế...

Tôi từng khoe với độc giả rằng tôi có bức tượng ngài Huyền Trang cao chừng tấc rưỡi, cộng với bức tượng người chèo đò kia nữa thì trong đời sống thường nhật coi như tôi có đủ đại giang nam bắc trong nhà. Có chuyện thật lạ, hai bức tượng đó nhỏ xíu là vậy nhưng cứ như chứa đủ hồn thiêng sông núi của muôn phương. Tôi thử đặt bức tượng người chèo đò lên bất cứ mặt phẳng nào bất kể rộng hẹp như sàn nhà hay mặt bàn thì ở đó bỗng nhiên thành ra một dòng sông mênh mông không bờ. Rồi thì bức tượng ngài Huyền Trang. Với bức tượng nhỏ xíu này, mặt phẳng nào cũng trở thành một hoang mạc hút mắt. Tôi vẫn thỉnh thoảng ham chơi như một đứa bé để thấy ra chung quanh bức tượng ngài Huyền Trang là một con

đường Tơ Lụa nổi tiếng với từng đoàn thương khách viễn phương, những cơn bão cát mịt trời, những hang động thánh tích Phật giáo ngàn năm và tiếng gió ru miên man miệt mài trên những vùng gió cát rợn người. Có phải vì tôi còn ham chơi hay tự thân những món cổ ngoạn kia đã là những phương trời Thi Thiết cho một phàm tâm còn cần đến những trò chơi phương tiện!

Nếu tôi không lầm, cái gọi là thế giới này thực ra chỉ là những Hoàn Cảnh. Dù là hoàn cảnh tự tạo hay người tạo, đó cũng là cái cớ để thiên hạ buồn vui khổ lạc. Từ đó trộm nghĩ, đời tu chỉ là khả năng cảm nhận những hoàn cảnh với một ý thức tỉnh táo thế thôi. Nhìn ngắm rồi buông bỏ là giải thoát, chìm đắm vào các hoàn cảnh coi như tục lụy.

Tôi chợt nhớ câu hỏi giáo lý của một Phật tử trong buổi tu học hôm rồi ở Tampa rằng tại sao có lúc Phật nói chi li về những Uẩn Xứ Giới Đế thâm viển rồi lại dạy người ta quán tưởng những chuyện rất bình phàm như tử thi và bất tịnh quán. Hai cảnh giới đó khác nhau nhiều quá vậy thì trí tuệ giác ngộ của hai hành giả có khác nhau. Tôi nhớ đã trả lời rằng tùy sức mà chọn cửa để vào nhà thánh trí. Đã đặt bước vào trong thì ai cũng vậy, thiên hạ chỉ khác nhau ở hành trình. Cái quan trọng là phương hướng mà thôi. Theo A-tỳ-đàm, những khái niệm dơ sạch đẹp xấu chỉ là của giả. Nhưng có người phải thấy được cái giả đó để thành thánh. Những án xứ hay đề mục kia chỉ là từng hoàn cảnh được tạm dựng để trau luyện mắt tuệ. Người lợi căn do khổ tu nhiều đời

nên có khả năng trực nhận nên chẳng cần phải đi vòng. Đốn hay Tiệm ở đây là vấn đề cá nhân, không phải chuyện tông môn bè phái gì cả. Chuyện giả hay thật, nhanh hay chậm không quan trọng, điều cốt tử là có đúng đường hay không. Làm sao thấy được thì làm. Câu đó nghe chẳng có gì mà thâm hậu quá chừng.

Lại nhớ cụ Đào Tấn, ông tổ nghề hát tuồng Việt Nam. Lần đó có người ngỗ lời khinh bạc những tuồng hát là trò mị chúng, giả tạo, khanh tướng tôi đòi chỉ là son phấn tạo nên, cụ đã trả lời bằng một câu rất Phật giáo: Sự đô như hí, hà tu giả xứ tiểu phi chân. Trên đời này có gì là thật mà lại dè bửu nhau là đồ giả chứ. Cái cốt yếu là những của giả đó đã được dùng để làm gì.

Thuật ngữ Pāli gọi các phép quán

niệm là Saññā, một chữ thường được dịch là Tưởng. Anh Mỹ thường dịch là Perception. Nhưng trong trường hợp các phép quán niệm thì chữ Saññā này được dịch là phép quán tưởng, nôm na là ngó vào mấy thứ của giả để nghiệm ra cái thật, tức bản chất bất toàn của vạn hữu phù sinh. Rõ ràng ngay trong chữ Saññā đó ta đã ngầm thấy các đề mục dơ, chết kia chỉ là những nhịp cầu sương. Trong cái nhìn rất ráo qua nhãn quan A-tỳ-đàm thì cái gọi là chúng sanh hay thế giới chỉ là Lục Đại, Tứ Tướng, Uẩn Xứ Giới Đế, làm gì có những tóc, lông móng, răng, da hay tử thi, xương trắng. Nhưng với một số người những của giả này là phương tiện tối ưu để thấy ra những Lục Đại, Ngũ Uẩn. Thấy rõ ra bằng thánh trí thì tự dung dứt sạch mọi ghét sợ, thương thích.

Nói gọn lại, đừng chê của giả. Đêm nay, từ tâm tưởng, tôi đã vượt muôn dặm đường khuya để tìm sang đông độ chỉ bằng một con đò nhỏ tày gang. Như chính tôi đã bao lần vượt thoát những giằng xé dằn vặt của lòng tu bằng chút hồi ức về một tấm hình nhàu nát đã thấy qua đâu đó: Một đáy hòm mục nát với vài mảnh vải liệm tả tơi cùng dăm ba mảnh xương muốn rã thành bột trắng. Mấy miếng trầu khô quắt lăn lóc bên những mảnh sứ vỡ ngó hiu hắt quá. Vậy mà chừng đó đã là một cỗi thiêng cho cái thằng phàm là tôi ghé về những lần chẳng còn gì để nhớ. Người đi chùa hôm nay hình như cũng nên như thế. Những khi nghe đời thảm quá mà nhìn lên tượng Phật vẫn không thấy ra lối thoát thì xin cứ rẽ sang phòng ký linh mà ngó mấy hũ cốt. Rất có thể ở

đó là một bến đò cho tất cả mọi tâm trạng.
Qua sông rồi thì đò nào cũng thế.

ĐỐI TRỌNG

Trên dòng lịch sử mệnh mang của nhân loại từ mấy chục năm nay vừa có một điểm son chói lòa đáng được để mắt và lưu tâm. Đó là một dân tộc Do Thái điêu linh, xiêu lạc từng bị bạc đãi khắp nơi và sau cùng là cuộc thảm sát tàn bạo dưới bàn tay của Đức Quốc Xã, vẫn lặng lẽ tồn tại đâu đó khắp hành tinh với một sức sống âm thầm mà mãnh liệt. Rồi thì một ngày đẹp trời, họ khai sinh một Israel hùng cường đáng nể, nghiêm nhiên đứng vào hàng ngũ mười nước siêu cường về công nghệ khoa học toàn cầu. Đó là chưa kể một con số khổng lồ các khối óc siêu việt

về mọi lãnh vực của những danh nhân thế giới mang nhiều quốc tịch, nhưng máu me trong người họ vẫn có nguồn gốc Do Thái. Tôi vẫn xem lịch sử lập quốc của Israel là một thứ biểu tượng của niềm tin sống đời.

Tôi không biết gì về chính trị; chỉ hiểu mơ hồ rằng, nếu người Tây Tạng hải ngoại hay người Miến Điện lưu vong tự chuẩn bị một lực lượng nhân sự hùng mạnh về trí tuệ, tài chánh, ngoại giao thì tương lai của quê hương họ vẫn chưa hết hy vọng. Chỉ cần người ta luôn nuôi dưỡng được một nguồn sinh lực bất tử trên từng bước nổi trôi của mình. Không một cá nhân hay tổ chức nào trên đời này lại không có đối thủ, và để có thể tồn tại, người ta phải tự có những đối phó, phòng bị. Tôi gọi đó là lực lượng đối trọng. Tôi là tu sĩ, chuyện

chính trị gì đó không có sức hút đối với tôi. Tôi chỉ muốn mượn chuyện đời để nói chuyện đạo.

Một Tăng ni chỉ biết hình thức tôn giáo mà không có nội dung tôn giáo, thì có thể xem như họ đã thiếu mất một lực lượng đối trọng trong mối tương quan với thế giới tục lụy. Nhiều khi cái mà họ gọi là phương tiện gì đó chỉ là tên gọi màu mè của sự thỏa hiệp hay thậm chí đầu hàng...

Trong mối tương quan lực lượng giữa đôi bên, theo tôi, điều quan trọng nhất vẫn là một thể lực nội tại sẵn sàng cho mọi tình huống. Lý do đơn giản là đối thủ của ta bao giờ cũng mạnh. Không mạnh thì đâu thể gọi là đối thủ. Đối thủ của ta đến từ mọi phía và trong mọi hình thức, cả ngọt ngào lẫn cay đắng. Và đối thủ nguy hiểm nhất, như ai cũng biết, lại cũng là chính

bản thân mình. Không một mưu sĩ hay thuyết khách mồm mép nào đáng ngại bằng những khoảnh khắc tự phản bội của bản thân chúng ta. Từ đó, cái gọi là lực lượng đối trọng ở đây không chỉ để nhắm đến những đối phương từ bên ngoài, mà còn là với những lá cờ trắng nằm khuất đâu đó trong lòng ta nữa.

Những điều tôi vừa thưa ở trên, thực ra chỉ là một bài học đã xanh rêu từ muôn đời. Trong kinh điển Phật giáo Nguyên thủy có nói đến những nguồn đạo lực mang tính đối trọng mà một người tu hành phải luôn tâm niệm. Để trì giới, thiền định (samatha), nội quán (vipassanā), hành giả không thể không biết đến những chuẩn bị cần thiết. Họ phải biết cái gì là điều kiện tương sinh và cái gì là chướng duyên tương khắc của những gì mình nên có hoặc nên tránh.

Đó chẳng phải kiến thức về lực lượng đối trọng thì còn là gì nữa.

Và cái gọi là sức mạnh đối trọng ấy, nhiều khi không hẳn là đối lập, đương đầu với phía bên kia. Nó lúc này là một tiềm lực, một nguồn năng lượng ở dạng tiềm năng, sẵn sàng cho một sự trỗi dậy, thế chỗ ngay khi có dịp. Nói vậy có nghĩa là để đối mặt với một thế lực chính trị, nhiều khi ta không cần đến những nỗ lực chính trị hẳn hoi, mà chỉ là những sức mạnh thật nhẹ nhàng, như văn hóa hay tín ngưỡng. Miễn là những thứ đó đủ sức xoay chiều cách suy nghĩ của thiên hạ, thì mọi đòn phép chính trị của đối phương sẽ bất chợt thành ra nằm đám đánh vào khoảng không. Hình như đây cũng là cái mà truyện kiếm hiệp gọi là Vô Chiêu thắng Hữu Chiêu chẳng!?

Vẫn trong nếp nghĩ đó; nhiều lúc tôi trộm nghĩ rằng, để người Phật tử hôm nay không còn tiếp tục vật lộn với những chia rẽ về Nam tông, Bắc truyền có lẽ ta chẳng cần gì những cuộc tranh luận nảy lửa hay những vận động hành lang, thêm ba gì đó có vẻ rất mệt mỏi mà hiệu quả xem chừng quá mơ hồ. Đổi lại, hãy cung cấp cho họ những thứ tham khảo. Người Việt Nam bây giờ có chữ Thông Tin rất đa dụng. Khi ta thiếu thông tin về nhau thì khó mà đồng cảm, chia sẻ. Tôi vẫn trộm nghĩ, nếu mấy bộ A-hàm được giới thiệu sớm hơn, thì tình trạng Nam Bắc phân tranh của Phật giáo Việt Nam sẽ không đến nỗi như bây giờ. Người ta cứ thay phiên nhau dịch rồi in tới lui những Pháp Hoa, Duy-ma như là những tiếng nói tiêu biểu của Phật giáo Bắc phương trong cái gọi là cuộc

đối thoại với dòng Phật giáo Nam truyền. Hố sâu ngăn cách từ đó càng lớn. Thay vào đó, nếu lâu nay người Phật tử Việt có dịp đọc qua những Câu-xá Luận, Tỳ-bà-sa, Phát Trí Luận bằng tiếng Việt thì người ta sẽ không thấy ác cảm và xa lạ với dòng giáo lý mà họ vẫn xem là Tiểu Thừa gì ấy. Lý do ư? Xin thưa, nói tới Nam truyền là phải nói đến A-tỳ-đàm, và rõ ràng có một quan hệ mật thiết giữa hệ thống giáo lý này với những bộ kinh vừa nêu. Nói như một danh ngôn Tây phương, người ta đã xây nên quá nhiều bức tường ngăn cách thay vì những cây cầu cảm thông. Nghĩ cũng đau thật!

Nói vậy có nghĩa là nhiều khi, trên cả những chiến trường khốc liệt nhất, giải pháp hữu hiệu lại chỉ đơn giản là một cái gì đó rất nhẹ nhàng, và xem như chẳng

ăn nhập gì đến cuộc diện. Và hình như cả đời lẫn đạo đều có thể ứng dụng thứ kinh nghiệm này.

Viết đến đây tôi chợt nhớ đến một ngòi bút được xem là nổi đình nổi đám nhất của Trung Quốc hiện nay là Khương Nhung (Jiang Rong), một cựu Vệ Binh của thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa tai tiếng một thời, và nay đang đứng ở tuyến đầu với những người thay đổi chính kiến. Nhân vật này vừa đoạt một giải thưởng văn chương Á Châu (Man Asian Literary Prize) với tác phẩm Wolf Totem, tạm dịch là Linh Vật Thảo Nguyên (có thể tìm mua trên Amazon.com). Nội dung cuốn sách đang được tranh luận sôi nổi ở Trung Quốc; nhưng theo tôi, cái then chốt ở đây là lý tưởng của cuốn sách qua một câu nói “dễ ở tù” của chính tác giả Khương Nhung:

“Tôi chỉ muốn xây dựng một nền tảng tư duy mới cho người Trung Quốc qua những gợi ý mang tính văn hóa, không phải những đối đầu trực tiếp về chính trị với ai đó!”.

Hay cho câu nói đó của Khương Nhung. Theo tôi, ông là sự cộng lại của một chính khách sâu sắc và một văn sĩ có đủ ba chữ Tâm, Tình và Trí trong ngòi bút.

Trộm nghĩ, trong một cuộc đối đầu, ta không nhất thiết cứ réo tên đối phương mà nguyên rủa trừ ếm hay chỉ biết bắn phá, dội bom trực tiếp lên họ. Làm vậy tốn kém, om sòm và bạo lực quá, mà kết quả thì như ai cũng thấy là sẽ rất ngắn hạn. Bởi một lẽ là chiếm thành thường dễ hơn giữ thành và cái gạt đầu bên ngoài không quan trọng bằng sự đồng tình bên trong. Nhiều khi tôi vẫn nghĩ rằng, thiên

hạ bao đời phải chịu cảnh can qua khói lửa, một phần cũng vì người ta làm ngơ những điều xem ra tầm thường này. Lúc bình thường không có được những suy nghĩ chín chắn về chuyện đời, thì khi gặp kẻ gian ai cũng dễ dàng bị lừa phỉnh. Một cơ thể khỏe mạnh không dễ bị ngã bệnh, một nội tâm có căn bản sẽ khó lạc lối. Tôi tin vậy. Ta cứ tự lo thân thì trời đất sẽ mở đường cho ta bước. Tôi gọi đó là lực lượng đối trọng.

Vậy thì con đường nào cho một đất nước thanh bình, hay một thế giới không có những chia rẽ về tôn giáo, chính trị và văn hóa? Chẳng hiểu sao, tôi vẫn ngoan cố với cái nhìn thiển cận và có vẻ huê vồn, thậm chí bất khả thi (impossible) khi cho rằng đó là những chương trình giáo dục với các đặc điểm là không dính dáng

đến những ý niệm chính trị, hình tượng tôn giáo và chỉ nhắm đến cái đẹp: Cái đẹp trong khoa học và văn hóa. Đã nói là chương trình giáo dục, nghĩa là đối tượng của nó bao gồm cả những đứa bé năm sáu tuổi. Từ nền tảng này, tôi tin mọi sự sẽ khá hơn. Độc giả sẽ cho đây là thứ suy nghĩ hoang tưởng của một thằng dốt? Xin thưa, tôi bạo gan viết ra cảm nghĩ trên đây của mình chỉ vì dựa vào một vài sự kiện ai cũng thấy. Đó là những thái độ cuồng tín, mù quáng, nông nổi, manh động thường chỉ có ở những tâm hồn hay nơi chốn có vấn đề về văn hóa hoặc giáo dục. Chẳng hạn, có một số rất lớn những người Âu Mỹ tuy theo Cơ-đốc, Tin Lành hay một tôn giáo nào đó lại luôn tỏ ra rất sẵn sàng để ngồi lại lắng nghe các tôn giáo khác một cách dễ thương. Không phải họ nhẹ dạ cả

tin dẫu, chỉ vì họ được hấp thụ một nền giáo dục tự do và hướng tới những cái đẹp. Họ thấy việc học hỏi từ thiên hạ là một quyền lợi của mình, vì họ phải luôn được tự do tìm đến những lựa chọn của mình. Trong một cuốn sách, Hòa thượng Làng Mai kể lại rằng trong quá khứ từng có hàng trăm linh mục Châu Âu sẵn sàng góp sức với ngài trong các cuộc vận động cho Phật giáo. Không bàn chi khía cạnh chính trị của việc này, cái đáng nói ở đây là thái độ phóng khoáng của các linh mục Âu Châu.

Trong khi đó, ở hầu hết các xứ Hồi giáo, rồi thì buồn thay, cả Việt Nam ta nữa, việc một tín đồ đạo A qua lại giao thiệp với đạo B thì không phải là chuyện bình thường. Việc đó rất dễ bị xem là phản bội, đi hai hàng, không có chủ kiến, đại khái

nhục lắm. Thiên hạ những nơi đó đã quen với những áp đặt từ người khác và xem việc tuân phục là một cái gì đó rất hay ho. Người ta cứ sung sướng và an tâm khi thấy mình là người ngoan đạo trong một tôn giáo hay trung thành trong một ý thức hệ chính trị một cách vô điều kiện. Chuyện gì ngoài ra đều không quan trọng.

Từ đó suy ra, cái gọi là lực lượng đối trọng phải là cái gì đó thâm trầm và tuyệt đối chân thành. Trang Tử từng nói, biển nằm ở chỗ thấp nhất nên gồm thu hết nước từ muôn sông. Mọi thứ đều trở về với cái căn bản nhất, vì đó là điểm hẹn sau cùng của vạn vật. Hãy quên hết mọi nhãn hiệu, chúng ta sẽ nhìn thấy nhau trong tim mình lập tức!

Tất cả những phân cách văn hóa, đối lập chính trị, dị biệt tôn giáo cũng từ đó trở

thành mù sương. Dĩ nhiên, trong một chu kỳ nào đó, mọi thứ sẽ lại tái hiện; nhưng ít nhất, xin hãy nhớ rằng thời điểm đáng quan tâm nhất chính là phút giây trước mắt. Phút giây đẹp đẽ trong hiện tại sẽ là một quá khứ đáng nhớ và cũng là một tương lai tuyệt vời.

ĐỪNG BAO GIỜ EM HỎI

Một ngày, có đám khách xa lữ tàu ngẫu nhiên lạc bước đến thảo am lão thiền sư, một người đã lâu quên mất chuyện thù tạc với đời. Thấy ông có vẻ kiêu lời nhưng không đến nỗi người trệ khẩu, đám khách giết thời gian bằng mấy câu vấn đạo.

Khi được hỏi vì sao hiền thánh xưa giờ có vẻ không tha thiết chuyện sử dụng thần thông phép mầu như nương mây cưỡi gió về hưởng nhàn ở những chốn bồng lai tiên cảnh trên núi tuyết hay biển xa, mà cứ một đời ẩn cư những thâm xứ quạnh hiu xa vắng, lão thiền sư nheo mắt nhìn người hỏi:

-Chính thiên nhân và huệ nhân đã khiến thánh nhân như vậy đấy. Ngồi yên mà thấy hết mọi sự, và biết có đến tận nơi thì cũng không thấy thêm được cái gì ngoài những bóng nắng ảo hóa, thế bao nhiêu phép màu gì đó có còn là chuyện hứng thú nữa không ?

Một cư sĩ tóc trắng vẽ người tân học nói mấy câu tỏ ý nghi ngờ chuyện thánh nhân không thích gì. Ông nói sống ở đời không thích ghét gì hết thì như cây không có nhựa sống. Lão thiền sư cứ có dịp thì lại cười hề hề:

-Ngay đến kẻ phàm phu chỉ cần biết vài chuyện ruồi bu cũng đủ khiến người ta hết thích này nọ, cần gì phải thánh mà ông tin với không tin.

Chẳng hạn biết chắc lúc nào mình sẽ chết, những chuyện buồn vui gì sẽ xảy

đến ngày sau, hay thiên hạ đang nghĩ gì về mình...Người biết được chừng đó thôi thì có cho làm ngọc hoàng cũng không vui nổi, nói gì là thích. Ông nói rất đúng, thánh nhân giống hệt cội cây không còn nhựa sống, phải vậy các ngài mới có thể viên tịch Niết bàn. Nhưng nói vậy không có nghĩa là thánh nhân sống hắt hiu cằn cỗi như một kẻ muốn tự tử. Không còn ham thích gì nhưng các ngài cũng chẳng bất mãn thú chi. Mọi sự tùy duyên, không hy cầu cũng không trốn chạy, thánh nhân sống bằng niềm thanh thản của một người làm xong việc nằm chờ giấc ngủ đến. Đơn giản vậy thôi.

Một người khách nãy giờ ngồi im lặng một góc bỗng hắng giọng hỏi một câu thiệt khó nghe:

-Tui bây giờ vẫn còn tin Phật, nhưng

chỉ muốn quy y Nhị Bảo, không kể Tăng Bảo được không ? Tăng ni thời này bó tay luôn !

Lão thiên sư cười to như không thể dần lại:

-Có cưới đâu mà đòi ly dị. Tăng bảo trong Tam bảo chính là Pháp bảo được thể hiện qua con người. Người không có Pháp bảo thì sao gọi là Tăng Bảo. Đối tượng mà ông bất mãn vốn không có trong Tam Bảo.

Một người khách ngồi cạnh nghe vậy hỏi thêm:

-Xin hỏi nếu không nhìn mặt những tăng ni đó thì ai sẽ dạy đạo cho chúng con?

Lão thiên sư khoát tay :

-Nếu họ bê bối mà có cái để dạy ông thì chỉ nên nghe họ mà đừng nhìn họ. Nếu họ trong sạch mà dốt nát thì ta nên nhìn họ mà không cần nghe. Nếu tăng ni không

có gì để ta nghe hay nhìn thì ông mất thời gian làm gì với thứ lỗ thầy lỗ thợ đó. Vả chăng, Phật Pháp là di sản của Phật để lại cho người cầu đạo, không dành riêng cho tăng ni nào hết. Mình bại liệt hay sao mà đến gia tài của bố để lại cũng phải nhờ người khác làm trung gian ban bố.

Cái mà tăng ni thời này có hơn cư sĩ chỉ là thời gian rỗi rảnh, họ có điều kiện tham cứu hơn. Nếu cư sĩ biết dành thời gian tự học nhiều hơn thì tăng ni chỉ là địa chỉ tham khảo !

Câu chuyện mỗi lúc một sâu và xa hơn, một cậu cư sĩ trẻ tuổi nhìn thiền sư rồi hỏi:

- Xin hỏi người đi chùa ngày một đông và chùa chiền ngày một tráng lệ sao có người lại bảo thời này là đời mạt pháp?

Lão thiền sư bật cười:

-Tinh thần chánh pháp không thể tính

trên số người đi chùa hay số đo chiều cao, chiều rộng của chùa tháp. Hãy chọn bừa một vài người trong biển người đi chùa rồi hỏi họ lý do đến chùa, hay hỏi tăng ni tiết mục nào quan trọng nhất trong các buổi lễ đông đảo, lúc đó ông sẽ thấy chánh pháp chỉ là một khái niệm xa xỉ và viễn tưởng.

Thử hỏi ai là người phải chịu trách nhiệm cho sự tình này ? Câu trả lời có lẽ phải là cả hai phía tăng ni và cư sĩ. Nói rõ ràng thì tăng hay tục đều là khách trầm luân như nhau, cư sĩ có lòng cầu giải thoát thì không thể tự cho mình cái quyền dễ người trong cái gọi là đạo nghiệp tu hành. Mai kia trên giường chết mọi người đều phải một bóng lên đường vào cuộc đi mù mịt của kiếp tử sinh. Nhưng hiếm người cư sĩ thấy ra lẽ này. Vì sao lại thế chứ ?

Bởi từ lâu ngày họ đã được hướng dẫn kín đáo rằng cứ có nhiều tiền thì có thể nhờ người khác hộ niệm, khỏi phải tu học gì hết. Trường hợp thứ ba còn thảm hơn: Cúng dường mạnh tay để quảng cáo bản thân, tính ra rẻ tiền mà hiệu quả hơn việc lên báo, lên đài. Đại khái đời mạt pháp là thời điểm mà hầu hết tăng ni và cư sĩ đều thích mở nhà hàng nhưng thức ăn toàn là đồ hộp, chỉ việc khai ra hâm nóng rồi đặt lên bàn cho khách. Đó không là mạt pháp thì còn chờ lúc nào nữa.

Khách lại hỏi thêm:

-Dám hỏi thiền sư một vài dấu hiệu đặc trưng của đời mạt pháp để chúng con biết mà thêm tinh tấn ?

Thiền sư nhắm mắt một lát rồi nhìn xuống trả lời:

-Đại khái tăng ni không muốn giải

nhưng thích được khen giỏi, khoái sống như phàm nhưng lại muốn được xem là thánh, coi chùa quan trọng hơn Phật. Về phía cư sĩ, hiếm người đến với tăng ni để học đạo giải thoát. Thường người đến chùa chỉ nằm trong vài ba trường hợp: Do hoàn cảnh mà quen biết tăng ni rồi lui tới như bè bạn, lâu ngày tự nhiên có được nhãn hiệu Phật tử, hoặc xem tăng ni như trung gian giúp họ liên lạc với một cõi trên nào đó để van xin khẩn khứa.

Những hướng dẫn sơ sài thiếu trách nhiệm của tăng ni không đáng cho cư sĩ cùc cung tận tụy để hồi đáp. Một người bệnh không có lý do gì phải một đời thờ phụng lang băm. Cái họ cần phải là thuốc hay, thầy giỏi. Một quan hệ thầy trò dựa trên niềm tin mù quáng kiểu đó dễ khiến đệ tử thành ra nô lệ hơn là học trò của

thầy, một kiểu nô lệ chung thân không có tiền công và cái họ nhận được chỉ là một xấp vàng mã !

Có câu chuyện đáng buồn này ta đọc được ở đâu đó lâu lắm rồi, mà mỗi lần nhớ lại cứ nghe ngậm ngùi mà ray rức khôn nguôi. Có đôi vợ chồng nhà kia nghèo khổ cơ cực lắm, còng lưng làm lụng mà vẫn không đủ ăn, đã vậy mỗi ngày còn phải dành ra ít tiền xương máu để trả dần một món nợ lớn mà họ đã vay từ nhiều năm trước. Nhăm sống ở quê nhà không xong, họ dắt díu nhau biệt xứ đi làm thuê ở một chốn xa. Ngày trả xong món nợ kia cũng là lúc họ đã bạc tóc, thân tàn ma dại, người quen ngày nào gặp lại đổ mà nhận ra họ là ai. Vậy mà trời xuôi đất khiến, một ngày kia, giữa chốn xứ lạ quê người, hai vợ chồng nghèo kia gặp lại đúng người chủ nợ năm

nào. Đó là một người bạn cũ giàu có và tốt bụng.

Người bạn nhà giàu sững sờ nhìn cặp vợ chồng nghèo trong bộ dạng tả tơi ốm đối:

-Sao lại ra nông nổi này chứ, hai người đi đâu mười mấy năm nay, rồi giờ sống ra sao mà ngó thảm quá thế này ?

Hai vợ chồng nghèo nhìn nhau rồi lại nhìn cô bạn giàu có, họ ngập ngừng ngượng ngịu một hồi rồi cô vợ nhìn vào mắt người đối diện:

-Bồ có nhớ chuyện mười mấy năm trước đã cho tui mượn sợi chuỗi ngọc để đi dự tiệc không ?

Cô bạn gật đầu:

- Nhớ chứ, vì hình như sau đó không lâu thì bạn bè kháo nhau là hai người đã mất tích, không ai liên lạc được.

Người thiếu phụ nghèo khổ khó khăn lắm mới có thể nói tiếp:

-Sau đêm đó tụi này làm mất chuỗi ngọc, đến tận giờ cũng không biết nó đã rơi mất ở đâu hay bị ai lấy trộm, nói ra sợ bồ không tin rồi nghĩ quấy.

Cô bạn nhà giàu nóng ruột:

-Rồi sao nữa hả ?

Anh chồng của người thiếu phụ nói thay vợ:

-Tụi tôi cầm cố hết nhà cửa , bán luôn miếng đất hương hỏa rồi mượn thêm chỗ này chỗ kia để có tiền tìm mua một chuỗi ngọc giống hệt của bà để đền lại. Rồi từ đó bỏ xứ đi luôn. Mãi đến gần đây mới trả xong món tiền nợ năm đó. Giờ ra đường thấy ai đeo chuỗi ngọc giống vậy cũng sợ điếng hồn không dám nhìn nữa.

Cô bạn giàu có nghe đến đó thì đưa hai

tay ôm đầu kêu trời:

-Ủy trời đất, xâu chuỗi tôi cho hai người mượn năm đó là đồ giả, đeo cho vui vậy thôi. Từ lúc mấy người đem trả lại đến nay tôi có bao giờ đụng đến nó nữa đâu. Trời ơi là trời, vậy là tiêu mất một đời của ông bà chỉ vì cái món đồ quý đó.

Cả ba người đều khóc, và cả ta nữa, lần đầu đọc được câu chuyện đó cũng nghe xót xa không chịu nổi.

Nhưng câu chuyện đó không phải hư cấu đâu, nó có thật và xảy ra từng ngày trên hành tinh này khi từng bữa trong thiên hạ vẫn có biết bao người phải trả một cái giá thiệt đắt cho những thứ hàng hoá không đáng để họ chạm tay. Đó là những sản phẩm chính trị, tôn giáo, xã hội...được tạo ra từ những động lực như gian trá, ích kỷ, dốt nát, vô cảm, tắc trách

mà cái nào cũng độc hết, cái nào cũng để lại những tác hại là hút cạn sinh lực hay khiến người ta hoang phí kiếp nhân sinh một cách oan uổng tức tưởi.

Lão thiền sư đột nhiên trở tay lên chiếc đồng hồ trên vách:

-Bốn năm rồi, hồi nãy ai nói có chuyến tàu lúc 15, rửa mặt uống nước rồi tà tà đi là vừa. Đi mà trả cho xong mấy món nợ đời !

Ông cười hiền khô, rồi đứng dậy với lấy tay nải, nói mà không nhìn ai trong đám khách:

-Ta có việc phải vào làng, am gần ga, biết đâu lại có dịp mấy người lỡ chuyến tàu mà ghé đây gặp lại.

Dáng người gầy gò của nhà sư già nhanh chóng chìm khuất trong đám lau trắng. Nắng chiều bỗng vàng rực như

lửa, có chút gió ở đâu thổi về mang theo cái mùi ngai ngái của một trại bò nào đó. Tiếng còi tàu lửa vang lên từ cuối chân trời. Đám khách rời am và có người vừa đi vừa ngoái đầu nhìn lại đồi lau. Thảo am của nhà sư già không còn ở đó nữa. Nó khuất tầm nhìn của họ hay là nó chưa từng tồn tại...

ĐỜI HU

Ông một đời là nghệ sĩ, chuyện cay đắng của nhân gian cứ là nguồn cảm hứng thú vị cho ông làm thơ, vẽ tranh, viết nhạc. Ông tung tăng trong biển lệ trần gian vì luôn thấy nó là của ai đó.

Vậy rồi một ngày, những buồn đau ấy xảy ra trên chính ông. Tuổi già cô quạnh, ốm đau, chứng bệnh nan y hành hạ ông từng ngày. Lúc này, bầu nhiệt huyết sáng tác cạn khô, ông thấy cái gì không là lỗi bịch kịch cỡm thì cũng tào lao phù phiếm.

Một đêm mất ngủ, ông bẻ bút ném cọ, đem hết tác phẩm một đời ném vào bếp lò làm củi nấu ấm trà khuya uống một mình.

Khói bốc quanh chén trà đặc sánh mà ông chỉ nghe ra cái gì nhạt nhẽo, lạnh môi...

Hôm ấy, một người hâm mộ đến thăm ông, hỏi ông bây giờ muốn nhất cái gì và tiếc nuối nhất chuyện gì. Ông nhìn vào mắt người hỏi, rồi thều thào:

-Ta chỉ tiếc mình đã tiêu phí một đời cho những mộng mị hoang đường. Nếu có thể quay ngược lại thời gian, ta sẽ chỉ sống hết mình với cái gì là thật nhất. Nhưng... cái thật nhất của đời không có gì đáng để sống đâu cháu ạ !

(Chuyện Phiếm Thầy Tu tập 2)

ĐI HÁI PHÙ VÂN

Suy cho cùng, kiếp người hay cuộc tu chỉ là những lần ghé lại đầu đó. Nói ở nghĩa nào thì người ta không ai có thể chung thân với một thứ gì miên viễn. Mình không bỏ nó thì nó cũng xa mình. Ta có thể mất nó vì nhàm chán hay không còn cơ hội nắm níu. Và cái mà ta yêu nhất cũng có nhiều kiểu bỏ ta ở lại mà đi. Hồi xưa bắt chước theo kinh mà nói thì cái gì cũng là bè cỏ qua sông... Giờ có thêm tí tuổi, nhiều lúc nằm ngẫm nghĩ một mình, thấy câu nói ví von đó hay quá chừng, hay đáo để.

Kinh chép: Ngày xưa có ông đạo sĩ Sumedha thừa sức chứng quả La-hán, nhưng ông không cam tâm giải thoát gọn nhẹ, lặng lẽ và an nhàn như thế. Ông chỉ muốn thành một vị đại giác y hệt Thế Tôn Nhiên Đăng để mà gồng gánh thiên hạ. Phật nhìn kỹ căn cơ của ông không phải loại xoàng, bèn ừ cho một tiếng. Ông vui quá, trở thành Bất Thối Bồ-tát, đời đời thủy chung với đại nguyện của mình. Kinh nói Thế Tôn Cồ Đàm chính là kiếp cuối cùng của ông đạo sĩ Sumedha ngày trước. Khổ tu chừng đó thời gian, thành Phật rồi chỉ sống thêm 45 năm thì bỏ đời mà đi. Trước sau thọ lượng chỉ vừa vắn 80 năm ngắn ngủi. Với Ngài vậy cũng là quá nhiều. Bởi nào ai biết Ngài từng có ý viên tịch từ năm 35 tuổi, ngay sau khi thành Phật. Với những người nặng tình với Phật thì thời

gian 80 năm đó chẳng bỏ bèn gì. Đến ngài Ānanda còn thấy Phật đi quá sớm, tôn giả đã khóc thầy bằng nước mắt của một bậc thánh. Thôi thì gì cũng một áng phù vân, khác nhau chẳng là mây lành ngũ sắc hay mây xám báo giông. Khoảng ba tháng sau ngày Phật tịch, hiểu ra chuyện đó, tôn giả Ānanda không buồn nữa. Rồi thì đến phiên ngài cũng theo Phật mà đi biệt!

Đó là chuyện của thánh hiền. Còn với phàm tâm thì sao chứ? Lại cũng vẫn là chuyện được rồi mất. Mất có hai cách: Một là không muốn giữ nữa nên buông; hai là bàn tay quá yếu không đủ sức nắm níu nên đành để vượt mất. Cái quan trọng là người ta có thấy được cái nguyên tắc khốc liệt của cuộc đời là anh phải lần lượt bỏ lại hết để mà đi tới hay không.

Thằng bé phải buông hết những món

đồ chơi của trẻ con để trở thành người lớn. Đó cũng là một hành trình trong đời. Rồi thì tầm nhìn của thiên hạ phải tiếp tục đổi khác để có thể yêu lấy những người không phải thân thuộc huyết thống. Yêu được một người dung nào đó thì các cô cậu bắt đầu trưởng thành. Giai đoạn này lại cũng chỉ là một chặng đường phải vượt qua. Rồi sẽ có một ngày, yêu hay không chẳng còn là chuyện đáng nói nữa. Vấn đề lúc này chỉ đơn giản là có cần thiết hay không mà thôi. Thích hay không chỉ là chuyện phụ. Bước tới được giai đoạn này, hầu hết đều là những tay có hai màu tóc.

Đó là chuyện đời. Chuyện đạo ngẫm kỹ hình như cũng đâu khác gì. Giai đoạn tu chứng nào cũng chỉ là một trạm dừng qua đêm, mai sáng phải tiếp tục đi về phía trước, lên trên cao. Ai nghỉ chân lâu quá,

coi chừng cuộc đi đang nảy sinh vấn đề. Đã gọi là con đường thì lúc nào cũng chỉ để đi, không phải để ở. Muốn lên đỉnh núi, phải biết rời khỏi chân núi. Mọi thành tựu trên đường hành đạo đều chỉ là những lũ quán, những bến đò, những sân ga, phi cảng.

Có những cuộc lên đường chất đầy những kỷ niệm như xe bò chở đá. Có những cuộc lên đường nhẹ nhàng như mây trắng đầu non. Hành giả trên đường tu phải là kẻ hành nhân một đời làm những cuộc giả biệt. Nói thiệt, con đường nào cũng có những trở ngại, nhưng ai dám bảo mình chưa từng lưu luyến một nơi chốn nào đó trên những dặm trường đã một lần ghé qua. Rồi thì nói một cách đau lòng nhưng không thể khác hơn, là ai cũng phải cần răng mà băng mình đi về phía trước, hướng tới những chiều cao

mà mình chưa đến được. Nguyên tắc thì nghe đơn giản vậy, nhưng thực tế không một hành giả nào đến đích mà chân không rướm máu, chưa kể một trái tim rách bươm với những gai cở tàn độc trên đường.

Không bỏ được cái thích, người ta làm sao có được những thứ cần. Tôi được em, có nghĩa là tôi phải mất bản thân tôi. Càng sống nhiều với những ràng buộc, tôi càng đánh mất những cơ hội tự do. Chợt nhớ một câu danh ngôn dành cho mấy người mê mua sắm: “Khi anh mất tiền cho một thứ vô ích nào đó, có nghĩa là anh cũng đang làm mất số tiền để mua một món cần thiết nào đó!”. Tiền bạc thì trên đời có nhiều người thừa sức hoang phí. Nhưng tuổi đời thì không bao giờ được vậy. Ai cũng chỉ có nhiều lắm là trăm năm cho

một kiếp người. Còn ăn, hết nhịn. Vậy mà trở trêu thay, thời gian lại là thứ bị người ta tiêu hoang thường nhất.

Những dặm đường ngát hương hoa cỏ, những không gian mây trắng trời xanh, những tuyết trắng, nắng vàng, rồi thì áo hồng áo lục, chung tình hay phụ bạc, thề non hẹn biển gì rồi cũng một cuộc biển dâu... Gì cũng phải bỏ lại hết để mà đi. Đi về đâu mới được chứ? Ừ thì một cõi phù vân!

Onceland, mùa đại hạn tuổi 40

ĐI MYANMAR NÊN BIẾT

Lâu nay đã có rất nhiều chư tăng và cư sĩ người Việt sang thăm Miến Điện (Myanmar), nhưng hầu hết là nhắm đến việc tu thiền, thăm viếng chư tôn túc hoặc tham quan các ngôi đại tự nổi tiếng để cúng dường. Những mục đích đó đương nhiên đều là công đức, nhưng nếu biết thêm tí chuyện thì công đức của chuyến đi sẽ viên mãn và nhiều ý nghĩa hơn.

Người Việt sang Miến Điện có lẽ nên liên lạc với chư tăng bản xứ hoặc nhờ cậy các tăng ni sinh VN đang tu học tại đây để đích thân đến thăm vài điểm đến sau đây:

- Những ngôi chùa đang nuôi dạy các

vị Sa Di. Họ hiện vẫn chưa là cao tăng nhưng họ là rường cột tương lai của Phật giáo, không riêng gì Miến Điện, và tất cả danh tăng Miến Điện đều có một tuổi thơ giống hệt vậy. Rất nhiều nơi các vị Sa Di phải ngồi bệt dưới sàn nhà để học, không ghế không bàn, thậm chí đèn đóm cũng không đủ sáng và điều kiện sinh hoạt mỗi ngày hoàn toàn là chuyện hên xui, bữa vậy bữa khác.

Họ không xin xỏ, nhưng rõ ràng họ rất cần đến sự hỗ trợ của chúng ta. Xin đừng đợi đến lúc họ nổi tiếng mới tìm đến cúng bái thì hình như đã muộn, và khi ấy các danh tăng cũng không còn cần đến chúng ta nữa.

-Điểm đến thứ hai là các bệnh viện tăng ni vốn luôn thiếu thốn mọi mặt và không một sự hỗ trợ nào của ta là thừa.

Có thể nói tất cả tăng ni đang nằm chữa bệnh tại đây đều là vô danh, bởi các vị danh tăng thì đều có thí chủ hộ trì trong điều kiện tốt hơn nhiều. Lúc khỏe, tăng ni vô danh đã khổ, nay bệnh hoạn càng khổ hơn. Một chén cháo sáng hay ly nước buổi chiều cho họ là cả một công đức lớn.

-Đối tượng thứ ba là các tu nữ Miến Điện vốn không được lưu tâm nhiều lắm. Mang thân nữ, nhưng họ vẫn là người xuất gia, có giới có văn, và vẫn là một phần sức sống của Phật giáo hôm nay cùng mai sau.

Họ cũng đáng được xem là thầy bạn của cư sĩ, đặc biệt cho hàng phụ nữ với nhau. Thường các Phật tử chỉ nhắm đến chư tăng mà không để ý đến đến các tu nữ. Tăng được giúp mười thì ni chỉ được một, khi nhu cầu sinh hoạt thì ai cũng như ai. Ai là phụ nữ xin nghĩ đến một ngày mình

cũng đi xuất gia trong hoàn cảnh đáng buồn ấy xem sao. Thương người cũng chính là thương mình vậy.

Ta có nhiều cách để hỗ trợ các đối tượng vừa kể. Mỗi ngày bỏ vào heo đất một đồng mà xem như từng ngày đang nuôi dưỡng sinh mệnh của Phật giáo. Người tu hành nào cũng là hơi thở của Phật giáo. Hỗ trợ người tu hành là tiếp thêm nguồn dưỡng khí ấy.

Đã có lòng thì đều là công đức đáng quý, nhưng để tránh những phiền phức không đáng có, ta có hai cách hành động ổn nhất:

-Trực tiếp liên lạc những người chủ quản đang điều hành các cơ sở, không thông qua trung gian nào hết.

- Cách hai là liên kết một nhóm bạn đạo vừa ý nhất để mỗi năm đích thân sang tận

nơi tự tay cúng dường.

Một công đức hoàn hảo là không để lại một sự phiền lòng nào, từ lúc khởi sự đến vài mươi năm sau nhớ lại. Mong thay!

EMAIL TỪ TUYỆT TÌNH CỐC

“Buồn...như ly rượu đầy, không có ai để cạn, buồn như ly rượu cạn, không còn gì để say. Buồn như trong một ngày hai đũa không gặp mặt. Buồn như khi gặp mặt chẳng còn chuyện để vui..”

Tôi xin thể sống thể chết rằng đó mới chính là định nghĩa sâu thẳm và chính xác nhất mà người Việt Nam có thể đóng góp vào kho tàng Phật học để giải thích về bản chất cuộc đời theo Tam Tạng Pàli.

Đức Phật từng nói đến ba hình thái tồn tại của cái gọi là Khổ Đau trong thế giới này. Thứ nhất là Khổ Khổ (dukkhadukkha), sự hiện hữu của tất cả những gì chúng

sinh ghét sợ. Thứ hai là Hoại Khổ (viparinàmadukkha) tức sự vắng mặt của những gì thiên hạ thích thú. Và thứ ba là Hành Khổ (abhisankhàradukkha), ám chỉ bản thân sự tồn tại của chúng sinh, dù trong tình trạng nào bất luận, cũng đã là một cái khổ. Sự hiện hữu đó không bền và thường xuyên bất toại. Nó phải vô thường để tiến triển (xin xem lại bài Những Ngọn Nến Đời) và phải bất toại để làm nên cái gọi là Hạnh Phúc. Không đói sẽ ăn không ngon, không nhớ thương quần quai thì khi gặp gỡ sẽ không sung sướng. Đại khái, cuộc đời có ra sao thì cũng cứ là một biển khổ!

Trong Tăng Chi Bộ Kinh có ghi lại câu trả lời của ngài Xá-Lợi-Phất cho câu hỏi của một du sĩ ngoại đạo rằng trong Phật Pháp chuyện gì khó làm nhất. Dĩ nhiên

câu này có nhiều cách trả lời, nhưng do hiểu được tâm tình của người hỏi, ngài Xá Lợi Phất đã trả lời rằng ba việc khó cho một người học Phật là bỏ hết để xuất gia, vui được với nếp sống xuất gia và làm đúng bốn phận người xuất gia.

Đời xuất gia là khó vì có như thế nào cũng mệt. Vị ngọt là những danh lợi sẵn đón dễ khiến thầy tu tiêu tùng. Vị đắng là những thử thách nghiệt ngã cũng dễ đánh gục thầy tu. Và cuối cùng, cái nhạt nhẽo vô vị trong đời sống thường nhật cũng tàn độc không kém. Nó là những ngày tháng lê thê không có gì để lo toan, chẳng có chi để đam mê và nói dễ hiểu là vô duyên như nước...cống. Tôi muốn gọi cái vị ngọt kia là Mê Hồn Chuởng, những thử thách cay đắng là Toái Cốt Chuởng và cái tẻ nhạt trong đời tu là Hàn Âm Chuởng.

Nói để ai đó thương, tôi đã dính Hàn Âm Chưởng từ mấy hôm nay, chẳng biết nó đến từ đâu, không chừng từ mưa gió nhân gian mang tới. Chẳng tha thiết với thứ gì. Đã thử đủ cách, kể cả a-lô cho một Thị Nở để xin chén cháo hành vì ngờ mình đang mắc hội chứng Chí Phèo. Cũng chẳng xong, đến lúc ngồi viết bài này chén cháo cũng còn nguyên đó. Nguy! Kiến nghĩa bất vi vô dũng giả. Ai trong đạo tràng biết được tiên đan linh dược gì đó làm ơn... rút đao tương trợ!

GA CHIỀU

Sân ga buổi chiều đông kín người, giờ tan tầm hôm nào cũng vậy. Vài ba chiếc băng ghế rải rác, mỗi chiếc không thể ngồi nhiều hơn ba người. Thế là ai cũng đứng. Có kẻ muốn được đứng sau một ngày ngồi nhiều, có kẻ như muốn ngồi mà không còn chỗ trống. Hẳn thuộc nhóm thứ ba, không nhớ mình muốn ngồi hay đứng. Chỉ thấy cái gì đó thú vị quanh đây và muốn quan sát. Mắt nhìn ra đường ray như để ngắm tàu, nhưng hẳn vẫn thấy rõ những gì xảy ra quanh mình.

Người đông lắm. Dân Châu Âu hút thuốc như không còn dịp nữa. Khói thuốc

mịt mù. Hầu hết im lặng co ro chịu lạnh, và cũng có không ít cô cậu rúc mình vào chiếc áo khoác để nói phone hay quẹt ngón tay lên chiếc điện thoại. Người đứng lố nhố. Mỗi lúc một nhiều những người lộ vẻ muốn ngồi. Nhưng sân ga lúc này làm gì còn chỗ....

Rồi thì tàu đến. Người ta tự động đứng vào hàng để chờ đến lượt mình bước lên tàu. Dòng người trên sân ga mỏng dần, ít dần. Những băng ghế bây giờ được bỏ trống, không còn ai ngồi nữa. Người ta đang rời sân ga, để về đâu đó. Họ đến đây không phải để ngồi lại với những chiếc băng ghế. Kẽ may mắn có chỗ ngồi hay người phải đứng suốt buổi....cuối cùng đều phải rời đi.

Sân ga không phải chốn về, chỉ là chỗ ghé. Về để ở, ghé để đi. Sân ga nào cũng

chỉ là điểm ghé, điểm tạm dừng để mà đi tiếp. Nên chuyện ngồi hay đứng ở đây hình như không là quan trọng. Cái nào cũng chỉ là tạm thời, trong thời gian thiên hạ chờ đợi một chuyến tàu. Hẳn băng quơ nhìn lại sân ga lần nữa, trước khi nó khuất hẳn tầm mắt. Hẳn chạnh nhớ đến sân ga biên giới, nơi lát nữa hẳn sẽ xuống tàu để đi về căn nhà trên núi. Lúc đó, đến cả chỗ ngồi trên chuyến tàu này hẳn cũng phải bỏ lại. Nói gì là một băng ghế trên sân ga.... Nắng đã tắt hẳn sau những ngọn đồi.

Ngồi trong tàu không lạnh, nhưng hẳn biết ngoài kia và chỗ hẳn sắp xuống tàu sẽ có rất nhiều gió lạnh....

*(Trích Tâm Thức Gió Lùa / Chuyện
Phiếm Thầy Tu 2)*

GIỌT LỆ A TU ĐÀ

Trong cả thành phố này, anh chị chỉ có tôi là chỗ thân nhất, vừa là thầy vừa là bạn. Buổi sáng anh gọi phone bảo trưa nay đến đón tôi về nhà dùng cơm cho vui. Hôm nay là sinh nhật của thằng Alexander con một của anh chị. Thằng bé thiệt ngộ, tròn quay như con heo sữa, không biết sợ người lạ và không biết học ở đâu cái cách hôn gió từ xa. Bàn tay ngó hết nải chuối cau.

Tôi lục mãi rồi cũng tìm ra một món quà cho thằng bé. Đó là một con khỉ bằng bạc mua ở Atlanta mấy tháng trước. Con khỉ có thể nhắm mắt mở mắt, hai tay ôm

trái đào và trên đầu có chiếc khoen để xỏ dây đeo được.

Chiếc bánh sinh nhật nhỏ xíu với hình một con gấu bằng kem màu xanh đọt chuối. Được người lớn cổ vũ, thằng bé chu miệng thổi tắt mấy ngọn nến bé xíu gắn trên bánh và bi bô câu chúc Happy Birthday. Rồi thì cái bánh được xẻ tư, mỗi người một phần. Thằng Alexander mặt mũi tèm lem những kem tự đứng tuột khỏi ghế rồi tung tăng chạy khắp nhà. Loanh quanh một lát, nó chạy đến chỗ tôi ngồi, nắm lấy ngón tay út của tôi mà lắc:

- Ông sư ăn bánh đi ông sư, Happy Birthday...

Anh vội chạy đến nắm lấy bàn tay đầy kem của nó, sợ nó bôi kem lên y tôi. Nó vùng vằng không rời tôi, miệng cứ toe toét cười rồi hát câu Happy Birthday. Tôi

nhíu mày. Ô kìa, Alexander, con hát nữa đi, hát cho ông sư nghe. Nó lại hát. Nãy giờ, đây là lần thứ năm tôi nghe nó hát câu đó theo cách của nó. Happy Bad Days (ráng vui trong những ngày buồn) chứ không phải Happy Birthday (chúc mừng sinh nhật). Thằng bé chưa đi học, nên chỉ có thể hát theo những gì được nghe tại chỗ. Nó phát âm sai chữ Birthday mà không hề ngờ rằng mình vừa làm nên một đại sự. Về chữ nghĩa, có thể tôi đọc sách nhiều bằng mấy lần bố mẹ nó cộng lại, nhưng có ai ngờ rằng tôi vừa được thằng bé kia điểm đạo.

Tôi chợt nhớ câu chuyện ẩn sĩ A-tư-đà trong Phật sử. Kinh ghi rằng ngay sau khi hoàng tử Tất-đạt chào đời vài hôm, sư phụ của vua Tịnh Phạn là ẩn sĩ Asita (A-tư-đà) đã từ Tuyết Sơn vào cung xin gặp mặt

hoàng tử, và ông đã cười lớn ba tiếng rồi khóc ba tiếng ngay khi nhìn thấy hoàng tử. Vua thấy lạ mới hỏi có sự. Nhà ẩn sĩ trả lời rằng ông cười vì mừng cho sự kiện hoàng tử sẽ là bậc đại giác, nhưng khóc là vì biết mình không thể sống đến ngày hoàng tử chứng đạo giải thoát.

Thằng bé Alexander dĩ nhiên chẳng là cao nhân gì ráo, nhưng ba người trong nhà nó hôm nay chẳng ai biết được tôi vừa học được một bài học ngàn vàng từ thằng nhóc kia. Nhờ nó dốt, nó ngọng, mà nói ra được một câu minh triết răn đời thiệt ý nhị. Phải mà, sinh nhật là ngày bắt đầu một kiếp lưu đày thì có gì đáng chúc mừng chứ. Ông Voltaire của Pháp từng nói, lẽ ra người ta không nên khóc khi một ông lão từ trần mà phải khóc trong ngày một thằng bé vừa chào đời mới đúng!

Từ đó mà suy, câu chúc kia phải được sửa lại theo thằng Alexander mới tuyệt. Happy Bad Days. Ráng mà vui trong cả những ngày bị xem là xui nhất, những ngày chẳng có gì để vui. Vui được những ngày đó thì ai cũng là hiền thánh.

Sao tôi lại nói thế chứ? Gẫm kỹ mà xem, thực ra có ngày nào trong đời mỗi người có thể là ngày vui hay buồn. Vấn đề tuyệt không nằm ở chỗ con số trên tờ lịch, cũng không phải sự kiện gì đó xảy ra trong ngày; chẳng hạn, đám cưới, đám tang, sinh nhật, tân gia... Vấn đề chỉ gói gọn trong thái độ tâm lý mỗi người. Hơn hai ngàn năm trước, khi Trung Hoa đã có Kinh Dịch, tại Ấn Độ, đức Phật đã dạy rằng ngày nào người ta sống thiện, sống lợi ích cho mình và đời thì hôm đó là ngày lành. Và người ta chỉ có thể an tâm hạnh

phúc khi không làm ác, không sống trong những vọng niệm bệnh hoạn. Sống trong tha thứ, buông bỏ thì ngày nào cũng là ngày lành, tháng nào cũng là tháng tốt. Chẳng hạn đối với một người như đức Phật thì ngày nào cũng là cát tường. Bốn mươi mấy năm trụ thế của Ngài là những ngày tháng đẹp nhất trong lịch sử thế giới. Theo tôi, ngày buồn nhất chính là ngày Thế Tôn viên tịch ở rừng Sa-la xú Kusinārā. Ngài ra đi là ngọn đèn chánh pháp đã tắt, những gì còn lại chỉ là dấu mòn Ngài để lại và không phải ai cũng có thể nhìn thấy để mà đi. Nhưng trên đời còn có người nhớ đến Phật, làm theo lời Ngài thì xem như Phật vẫn còn đó.

Theo đó mà nói, sống theo chánh pháp là sống như có Phật trên đời. Ngày nào người ta sống thiện thì ngày đó là

ngày vui. Vậy thì câu nói ngọng nghịu của thằng bé Alexander tuyệt vời lắm thay. Happy Bad Days. Hãy ráng mà vui sống trong cả những ngày xui nhất, buồn nhất, những ngày xem chừng chẳng có gì để vui. Cảm ơn bé Alexander, tôi đã nghe câu nói của bé trong hoàn cảnh không bi đát như ẩn sĩ A-tư-đà ngày xưa lúc gặp hoàng tử Tất-đạt. Biết đâu chừng, câu nói của bé Alexander sẽ theo tôi suốt quãng đời còn lại như một công án, một câu thần chú hộ mệnh giữa cuộc đời có vẻ buồn nhiều hơn vui này...

-Xin lỗi sư, buồn quá trời, không biết kêu ai, chỉ còn biết kêu sư. Sư đang ngủ à ? Thôi xin để khi khác vậy..

-Ồ, không có gì đâu anh, bữa nay khách sáo quá vậy. Bạn bè mà !

Thì ra, lại chuyện nhà, cũng là chuyện đời hẳn. Tu gần hai mươi năm, gì cũng giỏi. Cứ đà đó có làm tăng thống cũng chưa vừa sức. Vậy mà theo gia đình qua Mỹ mấy năm, đi học dở dang, chưa ra trường thì rớt. Rớt ở đường tu. Cô bé ấy ngó cũng dễ thương, gia đình Phật tử ba đời. Cùng chung một lớp, mưa nắng, đói lạnh có nhau. Cái xe cà tàng một tuần nằm đường mấy lần, vậy mà đủ chỗ để chở một cuộc tình. Xe đằng ấy hư thì qua ngồi xe này. Xe hư cho người gặp nạn mà.

Chẳng kịp chuẩn bị cho một mái ấm tươm tất như vẫn mơ ước, một chúng sanh kháu khỉnh ra đời, trong căn hộ Apartment mấy thước vuông. Thằng bé béo núc, trắng nõn như chú heo con. Thôi thì cứng chiều như ngọc, nhưng cũng chỉ được ít lâu. Hai bàn tay ấy xưa giờ chỉ có

kinh tượng, viết lách, nay thay tả cho em bé, gớm chết được. Nhiều bữa xui, thằng bé làm xấu trước giờ cơm. Rửa ráy cho con xong, hăn nuốt cơm không vô. Nàng thì cứ thanh thản vô tư, một đĩa tung hoành, lùa cơm ào ạt. Hăn ngó sang bên cạnh, thằng bé cứ hồn nhiên tròn mắt nhìn hăn mà ư a ngọng nghịu. Ngán quá, hăn buông đĩa đứng dậy. Nàng thấy lạ, hỏi. Hăn ầm ớ. Hiểu ra, nàng khóc như mưa, đòi chết. Lúc này hăn bất giác nhìn lại nàng rồi giật mình. Mình vẫn vậy, sao nàng già kiểu gì nhanh quá. Áo quần trẻ nãi, giọng nói chanh chua. Ngày xưa gì cũng cười. Một vài cái liếc trộm đủ làm người ta mất ngủ mấy hôm, bây giờ kiếm hoài không ra chỗ để thương. Vậy mà hăn đâu ngờ nàng còn phone riêng cho tôi để tố khổ, tả oán:

-Hồi trước, thương ảnh cái hóm hình tế nhị. Viết lách, nói năng cứ như hiền triết. Chuyện đời chuyện đạo thông tỏ tình tường. Đứng gần nghe cả một trời chở che ấm cúng. Bây giờ gì cũng đem đổ sông biển. Thấy ghét không chịu nổi. Bất mãn, ngạo đời, tự ti mà lại tự tôn. Ngày xưa người ta bác sĩ kỹ sư châu hầu mình suốt buổi, mà mình xem rặt một đám phàm phu không đáng cho sờ vạt áo. Đem bụng thương ảnh, tưởng ảnh y chang những gì vẫn nói, vẫn viết. Bây giờ lỡ thợ, lỡ thầy. Mình bắt đầu già để càng chườm mắt khi thấy ảnh nhờn nhờn cái mặt triết gia. Sao hồi đó hồng quan tử thi bất tịnh gì đó để người ta lấy mới khác. Gì cũng lộn chỗ !

Nói thiệt, tôi cũng còn trẻ, trang lứa với hần, vậy mà thấy cảnh đời hần rồi những khi thấy xe bị hư dọc đường cũng

tự nhiên nổi ốc. Nạn nhỏ không chịu nổi, nạn lớn đến làm sao chịu thấu. Tôi tuyệt không đủ nội lực để san sẻ gì với hần. Chỉ biết nghe cho hần nói. Ngày trước hần giỏi hơn tôi gấp mấy lần.

Hần cúp máy rồi, tôi cứ nằm yên đó ngó lên bức tranh mực Tàu trên vách. Ở đó có con thuyền hờ hững trên sông, chẳng biết sắp vào bờ hay vừa rời bến. Tôi nhớ đến vợ chồng hần. Qua sông thì không dò này cũng còn thuyền khác, nhưng nếu nhầm dò thì thêm mất thời gian. Chuyển dò đòi người còn ghê hơn vậy. Nhầm thuyền rồi thì đôi khi lỡ cả một đời. Nàng nhầm hay hần nhầm. Ai đáng trách hơn ai ? Tôi bỗng nghe từ xa xoi một tiếng gọi dò, như vọng ra từ bức tranh, rồi rùng mình. Chỉ mong người đời muốn sang sông thì tự biết chọn dò mà đi, kéo lờ làng

một đời, rồi biết đâu , cả muôn kiếp. Suy cho cùng, ngày nào trong mỗi đời người cũng là những chuyến đò. Mọi xuất xử của tam nghiệp đều cần đến những quyết định. Cõi trầm luân là một giòng sông. Tôi bất giác đọc trộm câu thần chú của Phật giáo Bắc Truyền: Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha. Hãy qua sông, hãy lên đường, và xin nhớ, chọn đúng một con đò. Đò ơi !

HAI PHƯƠNG TRỜI

Ở các phi trường quốc tế cỡ lớn, đi qua các cổng lên máy bay (boarding gate), với chút quan sát ta có thể thấy được rằng hành khách ở mỗi Gate thường có vài điểm giống nhau: Trước hết là điểm đến, sau đó là ngôn ngữ hoặc mắt mũi, trang phục.... Dĩ nhiên không kể những người du lịch tứ xứ. Hôm nay ở phi trường Zürich, tôi đang cầm cúi bước đi bỗng giật mình khi bước ngang một vùng âm thanh hỗn độn ồn ào toàn tiếng Tàu. Ba giây sau tôi nghe thông báo trên loa phóng thanh thì biết chỗ mình vừa đi qua là Gate của đám khách về Shanghai. Nhìn họ, tôi rút ra một bài

học ngộ nghĩnh: Có điểm đồng thì người ta sẽ tìm đến cạnh nhau.

Tin tôi đi, nơi nào và lúc nào trên hành tinh này cũng thế. Chợ búa, phố xá, chùa chiền, sân ga, phi trường đều vậy cả. Phải có điểm gì đó giống nhau người ta mới tìm về cạnh nhau. Kể cả trường hợp không thích nhau nhưng điểm giống nhau sẽ đưa thiên hạ đến với nhau dù có thể không thèm nhìn mặt nhau.

Trong nhiều năm ở xứ người, tôi từng có vài người tạm gọi thân quen và một ít trong đó đã cố khẳng định rằng sinh ra chỉ để hiểu tôi, rằng “thấy rất thích hợp với mọi thứ thuộc về thầy”, nghĩa là tất tần tật về cả kiến giải, lối nghĩ, cách nói năng, kiểu sinh hoạt... của thằng tôi này.

Tôi xúc động lắm, nhưng chẳng hiểu sao tự thâm tâm cứ thấy ngờ ngợ, lòng cứ

tự hỏi: “Lý nào chứ.... lẽ nào mà...”, dù có một cô học trò đã nhiều lần một hai cố tỏ rõ rằng đã hiểu sạch những điều tôi nói, thậm chí hiểu cả ý nghĩa công án gì đó trong từng động tác sinh hoạt của tôi mới ghê chứ. Chẳng hạn xoè tay là pháp hành, nắm lại là pháp học, thông tay là pháp thành (!). Có điều là điểm đồng giữa đôi bên tìm hoài không thấy. Thứ họ cần thì tôi không có, cái tôi có thì họ chẳng cần.

Tôi đã hơn một lần nói ra với họ nhận xét đó của tôi, họ không tin và có người còn khẳng định rằng thầy sinh ra chỉ để hiểu lầm con.

Thời gian trôi đi, duyên tụ rồi duyên tán, một ngày tìm thấy minh sư tiền kiếp, họ gọi thế và từng người lần lượt biến mất không dấu vết, để lại cho tôi một khoảng lặng. Không điện thoại, không Email,

không tin nhắn Message!

Chiều nay tôi từ Châu Âu bay về Mỹ, khi ngang một cổng lên máy bay ở phi trường tôi nhớ đến họ và ngậm ngùi khi thấy mình đúng.

Những người tự nhận tri kỷ của tôi đã không cùng chuyến bay với tôi, đích đến dĩ nhiên khác và nếu thế chỗ ngồi chờ bay cũng phải là hai phương trời cách biệt.

Mỗi người trong chúng ta cứ hệt như hai vì sao Sâm Thương trong thiên văn Tàu cổ đại, cái này mọc đầu hôm và cái kia lúc về sáng.

Người trong đời, nói gì thì cũng mỗi người một phương, có cầm tay nhau suốt kiếp thì cũng cứ là Sâm với Thương.

Tôi bất giác nhìn ra phi đạo hút mắt ngoài kia....Một chiếc máy bay của hãng Etihad vừa cất cánh, có lẽ để về đâu đó ở Á

Châu, còn tôi lát nữa đây sẽ bay về Mỹ, bay một mình. Sâm đây này, bây giờ Thương ở đâu ...

(Chuyện Phiếm Thầy Tu tập 2)

HÀI CỔ BỜ SƯƠNG

Họ cười sóng trùng dương mà đi về những miền đất lạ, coi thân sinh tử như giọt sương mai và hành trang chỉ là một lòng đại nguyện không muốn chỉ riêng mình thoát cỏi trầm luân....

Họ chân cứng đá mềm qua những miền gió cát chất đầy đầu lâu xương trắng, những sơn đạo hoang vu chỉ có gió núi mưa rừng và hành trang vẫn là một chữ thương đời...

Họ một đời ẩn tích sơn lâm để làm cái gương sống đạo cho muôn người sinh tử theo đó mà tiến tu...

Họ học giả, họ thiền sư, họ du tăng, họ chẻ đá khai sơn gầy dựng đạo tràng, họ mở đạo tạo tăng để tìm người truyền thừa mạng mạch tông môn, họ chịu đánh chửi khinh miệt, họ gánh hết khổ nạn nhân quần, họ làm mọi sự gian truân chỉ vì một chữ Phật ở đời. Phật là hiểu, là thương, là bao dung, là chia sẻ chân tình không điều kiện. Đời mất Phật rồi thì thiên hạ quay về với thuở hồng hoang. Hồng hoang ngay từ trong tâm thức, với những trái tim không tình người và những khối óc chỉ biết sắt thép. Đại khái buồn ghê gớm. Vậy là đời cần có Phật.

Tôi muốn thưa rằng họ là những Phật Âm, Huyền Trang, Giám Chân, Pháp Hiền, Nghĩa Tịnh, A Đề Xá, Tôn Khách Ba,...Không có họ, có lẽ Phật giáo hôm nay không có kinh điển và cái gọi là tông

môn. Thiếu hai món này, dám hỏi đạo Phật còn lại gì. Kiểu Phật giáo bất lập văn tự gì đó thực ra đã tan theo ngọn lửa trà-tỳ ngay sau ngày Thế Tôn viên tịch. Đời nay không có kinh văn thì hậu nhân cầu pháp khác gì người nấu sủi tìm cơm!

Rồi chuyện đời biển dâu, hữu hình hữu hoại, Phật còn bỏ đời mà đi thì nói gì hàng môn đệ phàm nhiều hơn thánh. Thời mạt pháp đời càng gieo neo nghìn lần mà đạo lực người hoằng dương ngày một thiếu hụt. Đã huyễn hóa, đời nay càng thêm nhiều trò huyễn hóa, đạo nghiệp hoằng dương từ đó cũng phải thêm chút cơ xảo để hướng dẫn người sơ học và đó cũng là cái có chẳngặng đừng cho bao thú thị phi tan nát can tràng.

Tôi nhớ từng viết ở đâu đó rằng đời vì lục căn mà trầm luân thì người hành đạo

giải thoát cũng phải từ lục căn mà tìm ra chỗ thoát. Hiền thánh xưa đạo lục thâm hậu với cơ man những phương tiện diệu dụng, người sứ giả Như Lai hôm nay đôi khi chỉ còn biết trông cậy vào vài món du hí tam muội thời thượng. Tất cả những hình ảnh, âm thanh khả dĩ chớ được ít nhiều gợi ý cho người học đạo đều được tận dụng như những thân cây, mảnh gỗ, hay thùng thau chum chước cho người chết đuối trên dòng. Ý nghĩa tận dụng đó dĩ nhiên cũng bị lợi dụng thâm hiểm, nhưng suy cho cùng, nói theo Cơ-Đốc-Giáo, người hoằng dương chính là những kẻ vác thập giá khổ nạn mà đi, chen lấn với cả những người anh em ham chơi để làm cho xong nghiệp lớn và dĩ nhiên tai tiếng chia đều!

Một buổi khuya cách đây mấy hôm tình cờ đọc thấy một bài báo trong nước

rồi thì nói như Quang Dũng “Đường đi không gió lòng sao lạnh”, nghĩa là không dưng mà cứ nghe bùi ngùi một nỗi riêng không tên gọi.

Bài báo do một tay ký giả trong nước xem chừng cũng là người mộ Phật. Chỉ một bài phóng sự con con đăng báo mà tác giả cứ như rút hết tâm tình mà tán, mà dậm như chuyện riêng đời mình. Chuyện kể về một vị đại ca giang hồ ở Đà Lạt sau những sóng gió gặp phải trên đường lăn lộn đã một ngày ngẫu nhiên tìm đến với Phật qua câu chuyện về một nhà sư nghệ sĩ ở Huế. Bài viết thâm thiết chí tình và ly kỳ như tiểu thuyết Duyên Anh nhưng lại là chuyện có thật. Bỏ hết những ngày tháng gay cán máu hận, chàng trai trẻ kiêu bạt kia đã phủi tóc xuất gia và chọn lấy một kiểu sống đạo thật lạ và cũng rất

thời thượng: Hoảng dương bằng máy ảnh!

Nhà sư trẻ đó đã chọn lấy một con đường vừa sức mình và có lẽ cũng là người khai sơn phá thạch cho một kiểu tu hành thời đại. Sao cũng là hoảng dương hết, đưa người về với Phật qua những âm thanh, sắc tướng cũng là một kiểu lợi tha. Tôi bỗng nhớ đến một nét riêng rất độc đáo trong văn hoá tâm linh Việt là hầu như người Việt nào cũng bắt đầu yêu Phật bằng những tiếng chuông chiều mõ sớm nghe được ở đâu đó, có khi chỉ là tiếng vọng từ một quãng đời thơ ấu. Rồi thì hình ảnh một bát hương, một mái chùa, đều là một phần hồi ức của tuyệt đại đa số người Việt nông thôn. Trong những trường hợp đó, mùi thơm vi diệu ở cõi Chúng Hương gì đó bên Phật giáo Bắc truyền có lẽ không gần gũi bằng chút mùi nhang phảng phất

bên bờ ruộng buổi chiều hay những thảo am lẻ loi đầu đó bên lưng đồi, chân núi. Cả cái Pháp Âm Sư Tử Hồng gì ấy cũng không ru được lòng người hữu hiệu như một tiếng chuông rơi rớt đầu đó trong một buổi chiều muộn. Tôi nhớ mấy câu truyện ngắn của Tự Lực Văn Đoàn cũng đã tận dụng những tiếng chuông chùa ở xóm làng Bắc Việt để làm nền cho không ít những tình huống rất tế nhị. Thế là mùi hương hay âm thanh nếu được vận dụng đúng chỗ cũng cứ là những con đò đưa người sang sông.

Dĩ nhiên không thể đem so sánh một chút mùi nhang hay một tiếng chuông chiều với một tấm ảnh nghệ thuật, nhưng tôi cứ muốn thưa rằng gì cũng tốt, làm sao thấy được thì thôi. Cái quan trọng vẫn là cái đó đưa ta về đâu.

Nói chuyện người rồi lại nhớ chuyện ta. Từ rất lâu ngày, tôi vẫn có những giây phút như quên mình trước những tấm ảnh nghệ thuật của Phật Giáo Nhật Bản. Những khi đó, tôi cơ hồ đã quên mất những gì là Tào Động, Lâm Tế để chìm sâu vào một khuôn sân trải đầy cát trắng, một bóng người đen sẫm bên cạnh lầu chuông, một dòng nước rót nhẹ vào hốc đá từ một cái máng tre hay đôi bàn chân ai đó như đang bước nhẹ nhàng thanh thản trên một sàn gỗ và xa xa ngoài sân là vài ba chiếc lá vàng im tiếng. Chỉ chừng đó thôi, lòng đủ thanh thản để hít sâu thở chậm, để nhớ Phật và quên hết ưu phiền. Trộm nghĩ, nếu tiếp tục xem thêm vài chục tấm hình tâm đắc kiểu đó thì coi như tôi đã có ít nhất một giờ trầm tưởng, một kiểu công phu của nhà Phật. Người nghệ sĩ tác giả của mấy bức ảnh đó

rõ ràng đã hoằng pháp theo cách riêng của mình để cứu vớt một tục khách là tôi, giúp tôi quên mất gì là Nam Truyền Bắc Phái, Đại Tiểu Hiện Mật,.. để đơn giản nhớ tới những chuyện căn bản nhất là buông hết mọi gánh nặng, xoá nhòa mọi biên giới để đạt tới những gì cao rộng nhất. Tôi đã yêu mấy tấm ảnh đó đến mức quên mình đốt chữ Hán để đùa rồn văn tự bằng cách dịch sai chữ Nhiếp Ảnh thành Bắt Bóng, là trò chơi ghi lại khoảnh khắc sinh diệt của một quá khứ phù du, là trò chơi dạy người ta hiểu rõ bài học Khắc Dấu Mạn Thuyền rất mực thâm hậu.

Hai đêm nay cứ ngủ sâu một tí lại mơ thấy mình bỏ hết kinh tượng để cầm lấy cái máy ảnh lang thang đâu đó bên Ấn, bên Tàu để chiêm ngắm vạn hữu bằng công phu Nhiếp Ảnh Tam Muội. Nhưng

trời ạ, lúc quay về quán trọ mới hay chiếc máy trên tay mình lâu nay chỉ là loại máy Kodak chụp hết cuộn phim thì vắt. Giật mình thức giấc rồi thì có được một bài học nửa lạ nửa quen: Mắt tuệ kém cỏi thì khả năng ghi nhận dễ có vấn đề.

Xin cảm ơn sư Chân Hữu, người đã rũ áo giang hồ để trở thành phương trượng ngôi chùa Định Quang rêu phong cũ kỹ, quê hương của Cố Đại Trưởng Lão Giới Nghiêm và nhà thơ MĐTTA tại làng Giạ Lê Thượng. Tôi cũng xin cảm ơn anh nhà báo đã viết bài về nhà sư kỳ lạ đó và dĩ nhiên cũng phải cảm ơn những người đã đọc bài viết này của tôi. Chỉ cần trong lòng có Phật, trong tim có tình người thì thể hiện nào cũng là một cách thể lợi tha.

*Thôi thì muôn nẻo hoằng dương
Đưa nhau được một đôi đường cũng vui!*

HÃY YÊU NHƯ CHƯA YÊU LẦN NÀO

Tôi chỉ là kẻ lãng du trong cõi Phật pháp và thỉnh thoảng ghé chơi dăm khu vườn văn nghệ như một cách nghỉ chân.

Nói thiệt, tôi chẳng biết ông Lê Hữu Hà nghĩ gì khi viết bảy chữ này. Nhưng tôi đã xem đó như một đề nghị rất Phật giáo. Tôi chưa hề là một thiền sinh nghiêm túc, nói gì là thiền sư. Tôi chỉ là kẻ lãng du trong cõi Phật pháp và thỉnh thoảng ghé chơi dăm khu vườn văn nghệ như một cách nghỉ chân. Và chính bảy chữ đó của người nhạc sĩ họ Lê từ lâu đã là một khẩu quyết cho tôi những khi nghe, đọc, ngắm nhìn cái gì đó tình cờ bắt gặp.

Chẳng hạn tôi đã yêu ca dao Việt Nam từ những lời rất lạ. Tôi đã tự ru tuổi thơ của mình bằng những lời quê hiểu sao cũng xong: Tưởng giếng sâu anh nổi sơi dây dài, ai ngờ giếng cạn anh tiếc hoài sơi dây. Thân người khó được, chọn sai lý tưởng thì mất toi một đời. Tôi thích hiểu câu ca dao kia bằng cách nghĩ như vậy. Tôi muốn mình suốt đời là một thằng bé chần trêu trên cánh đồng văn nghệ để giữ lại cái quyền mộng mị theo cách riêng. Cái quyền cảm nhận cuộc đời mà không bị ám ảnh bởi những nguyên tắc, công thức.

Tôi vẫn hiểu có những trường hợp dù muốn hay không, người ta phải chấp nhận một sự thật duy nhất, không thể suy diễn tùy thích. Như trong lĩnh vực khoa học, mọi người phải hiểu trái bom là trái bom. Hiểu khác đi, sẽ không còn dịp

hiếu. Hay trên đường đạo, người ta không thể hiểu phá chấp, giải thoát là muốn làm gì cũng được. Bởi khi cho rằng mình tự do vì không bị ai ràng buộc, thì rất có thể người ta đang bị ràng buộc bởi phiền não của chính mình. Tôi phải lạc đề mấy hàng để yên tâm không bị sự phụ mắng cho là đùa ham chơi quên tu. Rào đón xong rồi thì xin trở lại sân chơi.

Hơn hai mươi năm trước, tôi từng học qua bài kinh Chuyển Pháp Luân để tụng ở chùa. Ngày đó cứ thấy lạ với câu xác quyết của đức Phật rằng đây là nhận thức về bốn Thánh Đế mà Ngài chưa từng nghe (ananussuta), nay khởi lên nơi Ngài với một sự quán triệt toàn diện, sâu sắc nhất. Sao lại thế được? Thuở còn là Bồ-tát, Ngài đã chẳng từng ngồi dưới chân bao vị Phật quá khứ để học thuộc như cháo những

giáo lý Thánh Đế, Duyên Khởi,... đó sao? Sao lại bảo là chưa từng nghe? Hơn hai mươi năm sau, lang thang qua những nẻo đường trần, tôi chợt mơ hồ nhận ra một chuyện. Những gì Bồ-tát học thuộc lòng kiếp xưa chỉ là những tấm ảnh không hồn do người khác chụp xong đem trao cho Ngài làm kỷ niệm. Những gì Bồ-tát Tất-đạt chứng nghiệm dưới gốc Bồ-đề sau này mới đúng là của riêng Ngài. Như sau này Ngài cũng từng xác định với tôn giả Kaccāna: Thánh trí ở đây không phải vay mượn từ người khác!

Bỗng nhiên tôi muốn chạy ngay về Bình Ý để đến ngôi bên mộ ông Lê Hựu Hà và nói một lời cảm ơn, cùng một câu hỏi ngu ngơ nhất: Ông đã học A-tỳ-đàm bao giờ để có đề nghị đó. Hãy yêu như chưa yêu lần nào. Và chưa hết, tôi từng hết hồn

khi tình cờ nghe một ca từ của Trịnh Công Sơn: Tìm em, tôi tìm... tìm đêm chưa từng, tìm ngày tinh khôi. Vạn hữu là một dòng chảy bất tuyệt của vô số sát-na sinh diệt. Cái sau thừa tiếp cái trước bằng một lực đẩy có tên gọi chuyên môn là Thường Cận Y Duyên. B không phải là A, nó hoàn toàn tinh khôi và chưa từng xuất hiện, nhưng nó không thể có mặt mà không có A.

Tôi biết có hơn một nửa trong số những người đọc bài viết này đang trách tôi sao làm chuyện tu sĩ ca ngợi nhạc sĩ. Xin thưa, hơn cả Lê Huy Hà, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn là nhạc sĩ Việt Nam có nhiều nhất những nhạc khúc mà dù nghe bằng tai hay đọc bằng mắt đều được cả. Vì không muốn các vị buồn lòng rằng tôi đã phá giới khi nghe nhạc Trịnh, tôi đành nói dối rằng tôi đã đọc bằng mắt những ca khúc của Trịnh

Công Sơn in kèm trong một số cuốn sách viết về ông sau ngày ông mất, của khoảng hai mươi tác giả trong và ngoài nước (như Bùi Vĩnh Phúc, Bửu Ý, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Thanh Ty, Nguyễn Đức Xuân,...).

Không riêng với trường hợp hai nhạc sĩ trên, mà với nhiều nhà khác cũng vậy, tôi yêu tác phẩm của họ theo cách hiểu của riêng tôi. Như đã thưa ở trên, trừ ra vài chuyện sinh tử cấm kỵ, tôi vẫn thích phiêu bồng bằng đôi chân của mình và chẳng vui vẻ gì khi ngắm nhìn thế giới bằng nhãn quan của người khác. Chán chết. Vả chẳng, tôi là đứa dốt, rất e ngại những gì mang tính kinh viện bác học. Đó cũng là lý do khiến đến tận tuổi này tôi vẫn cứ là cái thằng người có một nhân thân như các vị có thể đã biết.

Viết dở lại viết dài, đúng là chẳng nên, nhưng buộc tôi phải dừng lại ở đây thì dang dở quá! Chẳng lẽ đến tuổi này gì cũng dở dang sao chứ!? Tôi đang muốn nhắc lại tâm tình của tôi đối với vài nhân vật khác ngoài hai nhạc sĩ vừa nhắc. Thôi thì ngắn gọn vậy. Xem như từ chỗ này về sau là tôi viết cho tôi, không viết ra mai một lại quên mất. Già rồi.

Thầy Tuệ Sỹ có rất nhiều thơ hay, nhưng tôi nhớ dở, chỉ nhớ lổm đổm, quên mất xuất xứ, và hôm mai vẫn thỉnh thoảng đọc thầm một mình như thằng khùng đọc thần chú. Đọc với tất cả cảm xúc nồng nàn mà không hiểu thầy muốn nói gì. Thôi thì, ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục cũng là cái ao:

*“Phút vội vã, bỗng thấy mình du thủ
Thấp đèn khuya, ngồi kể chuyện trăng tàn”.*

Nghe ra chút gì đó hiu quạnh nhưng rất đổi nhà Thiền. Thầy tu cần chừng đó thôi cũng đủ. Một chút nao nao, ngậm ngùi, nhưng không hề tục lụy. Có đọc mấy câu thơ kiểu đó thì mới chịu nổi kiếp đời chẳng giống ai của một thầy tu. Có yêu được xương rồng và cồn cát thì mới mong về chơi sa mạc. Không yêu được cũng nên ráng tìm cách để yêu. Vì thế giới này rộng hay hẹp là nằm ở khả năng thích nghi của mỗi người. Và chỉ có yêu thì mới dễ dàng thích nghi. Tôi còn nhớ thêm hai câu khác của thầy (tạm không dùng chữ Thượng tọa nghe chẳng thơ tí nào):

“Đôi mắt biếc mang nỗi hờn thiên cổ
Vẫn chân tình như mưa lũ biên cương”.

Ý nghĩa đích thực của hai câu này, tôi chịu! Nhưng tôi yêu chúng theo cách của tôi. Tôi hiểu mắt biếc ở đây là một tấm

lòng không hệ lụy nhân gian. Không hệ lụy nhưng không phải vô trách nhiệm. Anh không cần đến những thứ đó, nhưng thiên hạ có người cần đến. Hãy thương lấy người ta. Bồ-tát đứng trên cuộc đời nhưng mắt không rời cuộc đời. Thương người sinh tử, xót kẻ lâm than. Với riêng mình sao cũng được, nhưng thấy thiên hạ đổ lệ thì chẳng đành lòng. Nỗi đau sinh tử, lâm than của nhân sinh đúng là mối hờn thiên cổ. Mắt còn thấy thì lòng còn xót. Có điều xót thì xót, nhưng trước sau lòng tu vẫn phải hồn nhiên đến đại khờ để làm ngơ được trước những trò đời nhắm vào mình, để tiếp tục yêu thương chân tình, không toan tính mặc cả. Biên cương là mán mọi, khờ khạo. Mưa lũ thì vô tâm vô tri, cứ chỗ thấp thì tìm về. Vô thủy về trước và vô chung về sau, mưa lũ luôn thế. Mạnh liệt,

hết mình và thơ ngây, mộng muội. Chỉ nhắm đến những khía cạnh tích cực của mưa lũ thì người ta có thể ôm nó vào lòng như một đứa bé hư. Mây phải có chút hư đốn mới là con của mẹ. Hoàn thiện, ngoan ngoãn quá, có thể mây làm mẹ thấy xa cách vì không có dịp mắng yêu mây, hiểu chữa thẳng nhóc?

Tôi hiểu hai câu thơ đó của thầy Tuệ Sỹ theo cách nghĩ của tôi, và hình như nhờ vậy tôi đã yêu chúng không chán. Ai đó bắt tôi hiểu chúng theo cách khác, kể cả cách của thầy, có thể tôi sẽ tìm cách quên chúng đi. Vì chúng không còn như tôi nghĩ nữa. Yêu lần hai thì làm sao có thể yêu chúng như chưa yêu lần nào.

Rồi thì ông Phạm Công Thiện. Ông uyên bác từ lúc nhỏ tuổi, nhưng có lẽ vì thế mà xa cách dân gian. Bởi giống hệt

thiên hạ thì có gì để nói. Một cách gián tiếp, tôi mang ơn ông nhiều chuyện. Chỉ bực mình một chuyện nhỏ là ông ấy có vẻ chẳng mặn mà với Nam tông. Thế thôi! Nhưng được cái ông chẳng cực đoan. Bởi giải đến mấy mà cực đoan thì cũng sâu như cái giếng dầu thôi. Mà thế giới này đâu phải chỉ có một chiều không gian. Tôi có tất cả sách của ông Phạm Công Thiện. Để đọc và giàu tính trách nhiệm nhất trong số đó có lẽ là cuốn Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ Và Triết Học, nghe đâu ông viết năm 25 tuổi. Với mấy cuốn còn lại, tôi phải thề độc rằng hiểu nổi thì chết liền. Kể cả cuốn thơ Ngày Sinh Của Rắn, nói là thơ mà hầu hết vẫn cao xa trừu tượng quá chừng. Tôi nói là hầu hết vì trong tập thơ đó có vài chỗ theo tôi là đủ để làm nên tên tuổi một nhà thơ, với điều kiện nhà thơ đó đừng có

chi những bài thơ khác chẳng ngang tầm với chúng. Làm Thôi Hiệu của Việt Nam là ok rồi. Đó là những đoạn thơ đã được nhà văn Vĩnh Hảo và ông Nguyễn Hưng Quốc trích dẫn, nhắc nhở.

Ở đây dĩ nhiên không thể trích dẫn ra hết những chỗ tuyệt vời đó. Tôi chỉ còn đủ thời gian để nhắc lại hai câu của tập thơ trên, như nhiều người vẫn yêu thương chúng:

*“Mưa chiều thứ bảy tôi về muộn
Cây khế đòi cao trở hết bông”.*

Tôi cứ trộm nghĩ, người Việt Nam muốn làm thơ, viết văn và yêu nước thương quê chỉ cần để ý cái hồn của hai câu thơ đó. Giản dị, thiết tha và gợi cảm quá chừng. Người học Phật nếu chịu để

ý sẽ thấy các luận thư đời sau dù có bắt đầu bằng mấy chữ Như Thị Ngã Văn cũng không sao có được cái hồn hậu, giản phác, thâm thúy theo cách CẦN và ĐỦ mà ta luôn bắt gặp trong kinh điển Pāli và các tập A-hàm. Yêu tha thiết chân thành cái gì đó, người ta có thể chỉ nói rất ít nhưng chan chứa khôn cùng. Đó cũng là trường hợp của ca dao:

*“Với tay mà ngắt ngọn ngò
Thương em đứt ruột giả đò ngó lơ”.*

*“Ngó lên Sở Thượng thêm buồn
Muốn chăm cội rễ, ngắt đường xa xôi”.*

*“Đường dài ngựa chạy biệt tăm
Người thương có nghĩa, trăm năm cũng về”.*

Nhắc tới một người, lại nhớ về bao người khác. Tôi lại muốn nhắc chơi những câu thơ của ông Bùi Giáng, thầy Lê Mạnh Thát, ông Quách Tấn, Thượng tọa Viên Minh, Thượng tọa Triều Tâm Ảnh,... Nhưng ở trên đã trót nói rồi, yêu thì nói ít cũng xong. Yêu thì để trong lòng mà nhớ. Chỉ mong mai này có kẻ tri âm kéo áo bảo viết thêm bài nữa thì có thể xem đó như một nhân duyên mới. Đường dài ngựa chạy biệt tăm...

HÀNH HUƠNG

Ngày 1 tháng 4 thì phải, tôi ghé chân ở Shangri-la, một miền đất khuất nẻo của Vân Nam. Để đến được nơi này, từ Lệ Giang, xe phải đi mấy giờ liền qua một sơn đạo chênh vênh ở độ cao chóng mặt. Tôi đã thấy gì? Trời ạ, giữa một nhân gian tẻ toái gồm đủ thiên hình vạn trạng của bao thứ bào ảnh ảo tượng, tôi lại bất ngờ nhận ra mình đang hiện hữu ở một nơi chốn mà mọi thứ đều ở mức tối giản. Những bóng người hiếm hoi, những con trâu Yak lúc ẩn lúc hiện, vài cánh chim lẻ loi giữa một bầu trời xám xịt lạnh buốt. Quanh tôi cơ hồ chỉ còn lại hai thứ gió và đất. Đất mênh

mông và gió thổi tràn. Tôi lại bất ngờ nghĩ về những cánh đồng chiêm ở quê tôi mùa nước lũ. Một phương trời chỉ toàn nước và gió.

Tôi nhớ đã đọc ở đâu đó rằng hầu hết dân Việt đã lớn lên trong bối cảnh sông nước nên văn hóa Việt có cái gì đó thấm đẫm cái hồn của nước: Phiêu linh, trôi dạt, đẩy đưa và trầm luân. Thơ nhạc của dân Việt từ đó cứ mệnh mang cái hồn của nước, của thủy triều lớn ròng, của những dòng sông con rạch. Bất trắc, cuồng bạo mà cũng lẻ loi, âm thầm. Tôi muốn gọi đó là thứ văn minh của Thủy Đại và Phong Đại. Còn ở Shangri-la, đó là cõi riêng của thứ văn minh Địa Đại và Phong Đại. Xin các nhà A-tỳ-đàm học đừng giải thích cho tôi rằng trong mỗi giọt nước hay hạt bụi cũng có đủ Tứ Đại. Cách nói đó là của

người muốn đi mà chẳng muốn về. Còn cách nói của tôi, là cho người tạm thời chỉ muốn về mà chưa muốn đi.

Tôi đã yêu thấu tim cái hồn của đất và gió trên Shangri-la. Cái tình đó đến với từng thứ bắt gặp trên đường: Những ngôi tháp làm nên từ những hòn cuội mà khách đường nhật được ở đâu đó rồi thành tâm góp lại thành khối. Những ngôi tháp ngó giản bạc đơn sơ mà có ai ngờ là công trình của bao thế hệ, bao kiếp người. Tôi đã bàng hoàng khi nhìn lên lưng núi sau ngôi đền Tiểu Lhasa để thấy hàng mật chú Om Mani Padme Hum được tạc trên đá. Hoàn tráng và linh thiêng gấp triệu lần hàng chữ Hollywood trên một ngọn đồi ở California.

Tôi lang thang mười câu chữ chỉ để quay về với một chuyện nhỏ. Người Phật tử

Việt Nam vẫn nghĩ gì về khái niệm Tứ Đại? Tôi nhớ ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) từng lấy Tứ Đại để nói về Tâm Pháp một cách ảo diệu. Tôi lại nhớ đôi điều về Dịch Học của Tàu. Ở đó, Ngũ Hành được hiểu rộng lắm, cứ xem lại 64 quẻ Dịch thì biết. Thậm chí âm luật (cung, thương, giốc, chủ, vũ) trong cổ nhạc Trung Hoa cũng từng được hình thành từ nguyên tắc Ngũ Hành. Rồi thì phương pháp ăn kiêng Oshawa của Nhật Bản. Qua đó, khái niệm Âm Dương được mở rộng và dẫn đến một phương trời rất lạ cho người ăn kiêng. Họ nhìn đâu cũng thấy nguyên tắc Âm Dương.

Bằng dăm thứ học lóm được từ giáo lý A-tỳ-đàm, tôi mơ hồ thấy ra vài chuyện nhỏ có liên quan đến điều vừa nói. Chẳng hạn hạnh nghiệp của chúng sinh sẽ đưa người đến những môi trường sống tương

thích; và từ bối cảnh đó, những tâm thái tương ứng sẽ được hình thành và củng cố. Người mang hồn đất sẽ về với đất, kẻ mang hồn gió sẽ về với gió. Đại khái là vậy. Dĩ nhiên hành giả không thể lẫn lộn hai thứ Tâm và Vật, nhưng một triển khai hay liên tưởng kiểu đó có lẽ cũng là cần thiết.

Xin nhớ lại xem, có phải kinh xưa vẫn từng nói đến những người – mà từng chuyện buồn vui trong đời dễ dàng hằn sâu trong tâm khảm như chữ khắc trên đá, như chữ viết trên nước hay chỉ một thoáng vu vơ như vệt sóng nhạt nhòa. Có phải trên đời này vẫn tồn tại những tâm hồn tục lụy như nước ở thể lỏng để suốt đời chỉ nhắm chỗ thấp để tìm về, hay lại những tâm hồn như nước ở thể khí sẵn sàng bốc hơi để bay cao. Có phải từng người trong chúng ta vẫn ngày ngày có riêng một cách

để sống đời nặng nề như đất, len lõi linh động như nước, bạo liệt như lửa và thanh thản như gió. Chưa hết, gió, nước trong định nghĩa của A-tỳ-đàm không như gió nước trong thi ca từ phú. Tùy chỗ mà nói đến những khía cạnh khác nhau để qua đó thấy ra sinh phong của mỗi người.

Trên đường vào thăm một hồ nước ở Shangri-la hôm đó, tôi đã tình cờ gặp được một thiếu nữ Tây Tạng. Cô lặng lẽ như đất và nhẹ nhàng như gió. Nhìn cô, tôi chợt hiểu vì sao đạo Phật đã có được cội rễ vững chắc ở đây. Cô gái Tây Tạng có lẽ không từng đọc về ngài Xá-lợi-phất, nhưng cô đã sống như một phần lời dạy của ngài. Đi nhờ một đoạn đường, cô đã biết điều như một người có học. Xe dư chỗ trống, cô vẫn nhấp nhóm không dám ngồi thoải mái, lượm hết rác trên xe như một

cách sống sòng phẳng không muốn nợ nần và phong cách tự trọng như một bà chủ trước những khách lạ đến thăm vùng đất của mình. Ai dám tự cho mình là văn minh trước những con người hồn hậu mà sâu thẳm đó. Ai đành lòng bảo người Tây Tạng là thiếu số và dốt nát khi họ đã giữ được một Phật giáo cận nguyên thủy hơn cả người Tàu. Và giữa khi người Tàu đang đánh vật với những Tam Luận Tông, Pháp Tướng Tông, Thiên Tông, Tịnh Độ Tông chống trái nhau thì người Tây Tạng lặng lẽ và trầm tĩnh đọc kỹ từng trang Trung Quán, Câu Xá, Duy Thức để khỏi phải tự giam mình vào những biên kiến trẻ con. Họ trưởng thành từ thế kỷ thứ bảy, đón Phật giáo về quê hương mình, để rồi từ đó có riêng một cõi văn minh của chữ viết và tư tưởng.

Chính biến 1959 đã xóa sổ một Tây Tạng hành chính, nhưng một Tây Tạng tâm linh đã mang cái hồn của đất và gió mà lên đường sang trời Tây, rồi thì khắp thế giới. Tôi từng có dịp ghé thăm một tu viện Tây Tạng ở Thụy Sĩ. Thảo nguyên và gió cát Tây Tạng vẫn phảng phất ở đó như một Shangri-la phiêu dạt. Trong khi đó, người Việt cũng vì một chính biến mà biệt xứ và cái hồn sông nước của Việt Nam cũng từ đó mà nổi trôi mấy phương trời. Bốn Đại có đi đâu cũng tìm về những góc riêng tương thích. Ta có là ai thì cũng là một hạt bụi sẵn sàng trở về với đất, một giọt nước sẵn sàng về sông, một chút gió sẵn sàng về lại trời rộng và một chút lửa để tự hủy mình cho những hóa thân trùng trùng.

Bỗng dưng muốn dừng lại ở đây vì một chút chạnh lòng hồi nhớ Shangri-la. Tôi lại muốn trở lại cái lặng lẽ của đất và bời bời của gió để khép lại bài viết dù tự biết mình vẫn chưa nói hết những điều phải nói. Một bài viết ngắn ngủi như chút lòng thay một lá thư xa để gửi về một Shangri-la lặng lẽ cuối trời.

HÌNH NHƯ

Mấy ngày Tết vào Internet xem lai rai mấy bài viết về Việt Nam như một cách đón xuân. Giờ gì cũng xa xôi, những người quen xưa, những kỷ niệm cũ, một phương trời cố quận,... giờ đều là nghìn trùng. Thôi thì thấy nhau trên internet cũng là một kiểu tái ngộ, tương phùng.

Chẳng cần hò hẹn, mấy địa chỉ được nhớ tới đầu tiên bỗng là những Làng Mai, Trúc Lâm, Chuyển Pháp Luân. Mọi khi có thể nhiều hơn, nhưng bây giờ là những ngày Tết, tìm đọc chút gì có hơi hướng cây đa cũ với bến đò xưa hình như phải lúc

hơn. Vì mẹ ơi, xuân này con vẫn chưa về được!

Rải rác khắp các trang báo online là những bài viết về lễ hội chùa Hương sắp tới, về ngôi chùa bằng đồng mới khánh thành trên núi Yên Tử, về Phật Học Viện ở Sóc Sơn, về chuyến thăm quê lần hai của Hòa thượng Làng Mai, về mấy ngôi chùa mới của dòng thiền Trúc Lâm Việt Nam. Bây giờ với công nghệ vi tính ngày một tân tiến, hình ảnh âm thanh trên mấy trang báo Phật giáo online cũng ngày một rõ ràng, đẹp mắt, sướng tai hơn. Tôi ghé thăm từng trang rồi tần ngần như một tục khách trưa hè dừng chân bên mái tam quan một ngôi cổ tự. Chùa lớn lại đẹp, sân rộng mái cao, u tịch cao nhã. Một chút chuông gió, một làn khói nhang mơ màng đâu đó. Trong vùng tâm tưởng mơ hồ,

khách bất ngờ nhắm mắt ngủ quên một giấc ngắn trong yên bình, rồi thì mộng và thực tan vào nhau thành một nhúm khói thật nhẹ...

Từ rất lâu ngày, tên gọi Phật giáo trong tôi là những lời Phật dạy còn ghi chép được trong kinh điển và được một số người đem vào đời thực bằng những hành trì trên bản thân. Bỏ đi những gì hại mình hại người, bỏ dần những thành kiến cố chấp, mở lòng ra để thương và hiểu cuộc đời ngày một rộng hơn, xa dần những biên giới không cần có. Nhưng rồi tôi đã thấy gì trong cái gọi là Phật giáo hôm nay. Những chuyện riêng tư trong sinh hoạt thường nhật của các vị đại sư Tàu hay Việt lần lượt được đánh bóng để dựng nên cái gọi là cõi Thiên Trung Quốc hay Việt Nam. Tất thấy những rượu thịt của Tế Công

đến chuyện chém mèo, đốt tượng, đánh người, gào thét của các ngài Nam Tuyền, Đan Hà, Lâm Tế lần lượt được tận dụng để tạo nên một dáng riêng cho Phật giáo một phương. Lúc nào rồi rảnh bình tâm, một người học Phật ngồi yên ngó lại xem hậu nhân biên địa đã đẩy Phật giáo cội nguồn về tận cõi nào. Kiểu Phật giáo đó cơ hồ chỉ là khách lạ của thứ kinh bối điệp mà lúc cần, người ta mới nhận đó là suối nguồn căn bản của Phật pháp uyên nguyên.

Ai cũng có quyền yêu nước thương nòi, ai cũng nên trân trọng bối cảnh văn hóa mà mình từ đó sinh trưởng, nhưng cứ tùy thích mà mang cái tâm tình đó mà gán ghép lên bất cứ cái gì khác thì hình như không nên. Khoa học được gọi là khoa học vì ở đó không có sự tùy tiện. Anh có là ai trên hành tinh này cũng phải ứng dụng

đúng cách những nguyên tắc căn bản của computer nếu muốn sử dụng nó. Trong cõi chuyên môn đó hình như không có chỗ cho những tâm tình riêng tư. Chúng ta có thể tạo riêng một trang web đầy ắp những Đường Thi Từ Tống với hình ảnh các bức thư pháp hay tre trúc, cây cảnh theo phong cách Tàu, Nhật, Việt, Hàn nhưng con đường thực hiện trang web đó phải giống với thiên hạ. Ta có bao nhiêu cái riêng cũng mặc, nhưng phải có tối thiểu một cái chung căn bản với thiên hạ để không bị lạc lõng giữa đời.

Qua sách vở, tôi chỉ biết một hai vị đại sư người Hoa thời hiện đại như ngài Quảng Khâm, ngài Ấn Thuận nhưng tôi đặc biệt đọc nhiều về các ngài có lẽ cũng vì một lý do là các ngài không cố ý tạo riêng một dòng tư kiến nào hết. Đó cũng là trường

hợp một số danh nhân Phật giáo khác như bà Dipama của Ấn Độ, ngài Achahn Chah hay bà Achahn Naeb của Thái Lan, ông Ubakhin của Miến Điện,... nếu không xem trước phần tiểu sử, thì khi đọc họ ta không thể biết họ là người xứ nào, lớn lên trong bối cảnh văn hóa ra sao. Điều họ nói hay viết chỉ nhằm chung mọi người để ai đọc hay nghe cũng được, cố tránh cái riêng tư để không tự đưa mình vào một góc tù tắc tị xa lạ với thiên hạ muôn phương. Nói về bụi trúc, hòn đá, thác nước, thậm chí cỏ thì cứ theo thiên nhiên mà nói. Dem tâm tình riêng tư mà ghép vào thì rõ ràng lợi bất cập hại. Tôi yêu vườn cảnh thì tôi tìm học ở anh về những thứ làm nên vườn cảnh, tôi không muốn anh khoe mẽ về khu vườn cảnh của anh. Có cần chứng minh gì đó để minh họa thì một chút thôi, làm ơn

đừng bắt một người Nhật Bản phải nghĩ về vườn cảnh theo cách một người Thụy Điển.

Một người Tây phương hôm nay muốn tìm hiểu về Phật giáo, nếu không cảnh giác sẽ lọt tằm vào một Phật giáo Tàu ngon ơ. Lúc định thần ngó lại anh ta sẽ ngỡ ngàng với cái gọi là Phật giáo theo những gì mình vẫn đọc thấy trong sách vở trước đó. Có thể có người sẽ giải thích với anh rằng đó là thứ Phật giáo sinh động, không phải khô cứng vô hồn như những trang bối điệp mà anh đã đọc. Lời trấn an đó dĩ nhiên có thể giúp anh yên lòng, nhưng mai này có dịp tìm sang Nhật Bản, Hàn Quốc rồi về Việt Nam,... ở đâu người ta cũng nói hết vậy. Thế là trong anh có ít nhất non chục kiểu Phật giáo khác nhau. Không có một cội nguồn chung, thiên hạ

xa nhau từ căn cội. Rồi thì phân hóa, chia cách, tương tranh.

Những cái RIÊNG có thể góp phần phong phú lý kỳ nhưng thiếu cái CHUNG thì tự dưng trở thành những mảnh vụn rời rạc khó xài. Người Việt từ mấy ngàn năm Bắc thuộc đã biết đến Phật giáo qua nhiều cái RIÊNG của Trung Hoa, và gần như không còn nhiều thời gian để tìm hiểu về cái CHUNG nên có giữa những người tu Phật. Thế rồi lịch sử đất nước lại phải trải qua những biến động kinh thiên, để nay người Việt lại có thêm nhiều cái RIÊNG của thời đại qua những tiêu ngữ khác...!

Người ngoài thò tay vào thực hiện chuyện đó đã đành, mà đến cả những người trong nhà cũng vì mục đích riêng tư nào đó mà thay nhau tô đậm những

góc riêng để khai thác điều họ muốn. Giờ ta còn trẻ, còn khỏe, thấy sao cũng được, càng náo nhiệt càng vui. Nhưng đời người ngắn ngủi, ai lại chẳng có lúc cao niên dầm thắm, muốn tìm về một cõi tịnh để di dưỡng tâm linh trước khi về đất. Lúc đó người ta sẽ phải giạt mình cho những cuộc chơi quá đà thời trẻ. Giờ thì Chúa hay Phật trong lòng mình chỉ là những bóng hình lờ lợ, sặc sỡ, không biết phải dựa vào đâu để tựa nương. Hai ngôi chùa cách nhau vài phút lái xe đã có hai lối hướng dẫn tu học trái nghịch, Tăng ni gặp gỡ trên đường học đạo thì mỗi người một cách nói chẳng giống nhau về Phật. Đó chính là cái giá phải trả cho sự tình quá nhiều cái RIÊNG mà thiếu một cái CHUNG.

Tính đến nay đã có không ít bậc long tượng chốn Già-lam của Việt Nam vốn

người uyên bác chân tu đáng mặt sơ tổ khai sơn các dòng truyền pháp, nhưng thành công như ý có lẽ không quá một bàn tay. Lý do có thể nằm ở chỗ ai nhớ được cái CHUNG càng nhiều thì thiên hạ tìm đến càng đông. Chỉ vì họ thấy được mình ở đó. Họ đến như là về nhà, hay tối thiểu cũng như viếng thăm thân tộc. Thế là thấy gần, thấy thương. Của riêng còn một chút này! Bỗng nhớ cụ thi hào họ Nguyễn nhà mình quá đổi!

HÌNH NHƯ EM CŨNG

Một câu chuyện của thời chưa ai biết gì về Computer hay Internet.

Ngày ấy, một thương gia bí ẩn đến từ Trung Đông bất ngờ ra một thông cáo tuyển vợ với hai điều kiện quái dị là người chấp nhận lấy ông phải tuyệt đối lìa bỏ mọi quan hệ liên lạc với bất cứ ai ngoài ông và điều thứ hai là dám theo ông đến cùng trời cuối đất mà không cần biết trước đó là đâu, cũng như sẽ làm gì, sống ra sao. Tất cả người đẹp sau khi đọc xong thông cáo trên đều lạnh người lắc đầu nguây nguây. Ai lại dại đến thế chứ, con người chứ đâu phải thú gì... Thân gái dặm trường, biết

đâu ông chồng kỳ lạ kia lại đem vợ tể thần ở chốn hoang đảo rừng sâu hay bắt làm chuột bạch cho một thí nghiệm tàn độc nào đó thì có mà tiêu một kiếp hồng nhan.

Vậy mà phút cuối cũng có một người đẹp đã liên lạc với người đại diện của ông thương gia. Nàng là một sinh viên xuất thân cô nhi viện theo chân các Sơ lưu lạc nhiều nước và tự nhận là không có tình thân, không quê hương và thậm chí hồi ức kỷ niệm với nàng cũng là một thứ xa lạ. Ông thương gia vui quá, tiệc tùng suốt mấy ngày để mừng mình tìm thấy báu vật. Người con gái ấy đẹp và rõ ràng chẳng giống ai trong đám quần thoa và đó chính là mẫu người mà ông ao ước.

Mười năm rồi ba mươi năm trôi qua, chuyện tình của người thương gia vẫn đẹp như trong mùa cưới. Tuổi già, hai vợ chồng

ông về sống lặng lẽ ở một thôn trang bên Ý và ông đã mất trước bà mấy năm.

Một chiều kia ở nghĩa trang có hai người viếng mộ, một bà cụ và một người đàn ông trẻ tuổi, nhìn hết mẹ con. Ngồi trên chiếc băng đá xanh rêu nằm cạnh dãy mộ, giọng người đàn bà đều đặn thông thả:

- Ngày con dắt Verona về ra mắt, mẹ chợt nhớ đến tờ thông cáo tuyển vợ của ba con ngày xưa. Mẹ đã muốn nói đôi điều với nó nhưng lại thôi. Bây giờ thời thế đã khác, mỗi người một phận, thôi thì cứ xuôi theo tự nhiên. Có chuyện này ngộ lắm, ngày ba con còn, mỗi lần nhắc lại ông đều cười đến chảy nước mắt. Ba con có chút ấn tượng xấu về phụ nữ qua mấy cô bạn gái trước lúc gặp mẹ. Thế là ông ra cái thông cáo quái gở kia để tìm một người vợ

không tò mò, ít nói và không có quá nhiều quan hệ với thân nhân hay bè bạn. Chỉ vậy thôi. Còn mẹ, gốc cô nhi mà, mẹ đã hiểu thông cáo kia theo cách của mình nên gặt đầu cái rụp để theo ba con. Nhiều người cứ bảo chắc tại mẹ nghèo nên liều mạng, nhưng chỉ có mẹ hiểu mình muốn gì, nghĩ gì. Sau này nghe mẹ giải thích, ông ấy nói, lấy bà coi như tôi cưới hết tinh hoa phụ nữ trên đời. Ông nịnh đầm giỏi lắm, nhưng mẹ tin câu nói đó là thiệt, dù không dám nhận mình xứng đáng vậy.

Người đàn ông đang dỗi mắt nhìn ra cổng nghĩa trang, nghe đến đây thì đưa mắt nhìn vào bà cụ như thôi thúc bà nói tiếp. Bà cụ hắng giọng khe khẽ, rồi chậm rãi bằng một giọng nói xa xôi như đưa người quay về một dĩ vãng nào xa lơ lắc:

- Mẹ là cô nhi nên dĩ nhiên không thân

thích, từ bé đã quen với những bất trắc, bất toàn. Đọc thấy thông cáo bắt mình không được tò mò chỗ sẽ đi là đâu, sẽ sống như thế nào, thì mẹ bật cười một mình. Có độc thân hay lấy ai ngoài ông ấy thì cuộc đời mẹ làm gì lại chẳng có những điều không thể ngờ trước. Chuyện huê vốn. Điều kiện thứ hai là ngoài ông ấy thì mình không còn một liên lạc quan hệ nào với bất cứ ai, kể cả sự nắm níu một nơi chốn cũng là điều ông ấy không muốn. Cứ nhắm mắt theo ông là được. Ba của con muốn mẹ chỉ biết có ông ấy và chỗ hai người đang có mặt. Mẹ lại cũng hiểu điều này theo cách của mình. Chuyện quan trọng nhất đời chính là điều gì sinh tử nhất trong mỗi thời điểm, mỗi lúc mình chỉ có thể dốc lòng cho một chuyện hay một người thôi. Lãng xãng quá thường hỏng việc. Kể

cả những bận lòng kiểu hồi ức nhiều khi cũng không phải điều cần thiết. Lắm lúc phải quên cho bằng được con người cũ của chính mình thì người ta mới học được những điều mới lạ. Điều kiện thứ hai này lại cũng là chuyện có nói thêm thừa. Thế là mẹ gật đầu không do dự. Hiểu được chừng đó thì những thói xấu thường thấy như tò mò, nhiều chuyện, hiếu sự sẽ không còn nữa. Ba của con thâm thúy chỗ này.

Gió chiều thổi lồng lộng qua nghĩa trang, nắng đã tắt từ lâu. Hai mẹ con bà cụ từng bước ra cổng. Sau lưng họ là một nắm mồ của một trong những người đàn ông may mắn nhất thế giới.

HOẠT TỬ MỘ

Trong 11 sách võ hiệp của Kim Dung, tôi đặc biệt chú ý đến một vài nhân vật mà không biết tại sao. Chuyện buồn trong kiếm hiệp Kim Dung cũng nhiều, nhưng thật lạ, nỗi lầm lỡ của Nhạc Linh San cứ làm tôi sợ không muốn đọc lại Tiểu Ngạo Giang Hồ. Như từ sau lúc đọc thấy Tiểu Long Nữ thất thân với Doãn Chí Bình sau núi Chung Nam, tôi chịu không nổi, và đã đứng vào vai Dương Quá để mà trách Kim Dung sao tàn nhẫn chơi ác. Xót cho Nhạc Linh San, tiếc cho Tiểu Long Nữ, tôi cứ ngại phải ôn lại chuyện buồn của họ, dù chỉ một lần để mắt xem phim.

Chiều nay ngẫu nhiên mở TV ngay đài Hồn Việt, thấy trên đó đang chiếu phim Thần Điêu Hiệp Lữ và đúng vào đoạn Cô Long bắt Quá Nhi qua đêm trên giường hàn thạch, còn chính nàng thì thả mình trên một sợi dây giăng ngang vách động để nằm ngủ. Tôi bỗng nhiên nghĩ nhiều về lời giải thích của Tiểu Long Nữ vì sao thầy trò họ phải nằm ngủ trên hai món bất thường đó. Ngày xưa chẳng hiểu sao tôi không hề để ý đến chỗ này. Chỉ là mấy câu nói đơn giản thôi. Ai cũng cho lúc nằm ngủ là thời điểm buông xả, thư giãn, thanh thản, thanh thoi nhất, nhưng đối với một cao thủ thì thanh thoi, thư thả đồng nghĩa với xao lãng, thiếu cảnh giác, gì cũng bỏ ngõ. Chính chiếc giường hàn thạch này hay sợi dây mong manh kia sẽ buộc người nằm đó luôn trong tình trạng

tỉnh táo với các nguồn công lực luôn được điều động để đương sự khỏi bị lạnh, khỏi bị rớt. Từ đó, dù chỉ nằm ngủ người ta vẫn tiếp tục có cơ hội để trau dồi nội lực, thăng hoa võ công. Lại một cơ hội để Kim Dung nhấn gửi một kinh nghiệm sống kỳ tuyệt. Bài học đó lại nhắc nhở tôi một câu nói kinh điển của người Tàu xưa là CƯ AN TƯ NGUY, dầu có sống trong yên ổn đến mấy cũng không quên chuyện phòng bị bất trắc. Tôi e đây cũng chính là nguyên tắc cần nhớ của một hành giả thiện Quán trong đạo Phật. Còn ngoài đời ư? Quên mất đạo lý này cũng dễ chết như chơi!

Tôi nhớ lại một câu nói của viên tướng ngoài ải khi trách mắng lính canh lo ham chơi bỏ phiên gác: Mấy chục năm qua ở đây không có giặc ngoại xâm, nhưng chỉ một đêm không ai gác thành, chuyện gì

cũng có thể xảy ra.

Từ đó mà suy, một cá nhân hay cộng đồng hoặc cả một đất nước hình như không nên có những đêm ngủ ngon giấc, tôi muốn nói theo nghĩa bóng, theo đạo lý Cư An Tư Nguy vừa nói ở trên. Bởi ngon giấc lúc này có nghĩa là say men chiến thắng, là yên lòng quá sớm với những thành tựu tạm thời. Đời là một dòng nước, gì cũng phải trôi đi không ngừng, nên gì cũng là giai đoạn. Ôm chặt bất cứ giai đoạn nào cũng đều là vùi mình trong cõi phù du. Anh phải luôn thao thức, trở trăn với những dặm đường trước mặt. Chưa chết, anh còn phải đi lên và đi tới. Anh khoái ngủ quá thì coi như thua.

Một người muốn có sức khỏe, thì không thể yên lòng với vài phút chạy bộ mỗi sáng rồi tha hồ tống hết vào mồm bao

thứ tôm cua cá thịt. Một cư sĩ không thể yên lòng với vài ba lần đi chùa mỗi năm rồi lãng quên Phật pháp. Một học giả không thể yên lòng với vài ba công trình rồi trùmmềm tự đắc. Một tu sĩ không thể mãn nguyện với một kiếng chùa có vài chục tín đồ tới lui cúng bái rồi tự cho mình đã hoàn mãn đạo nghiệp. Một tổ chức không thể nằm yên mà tồn tại với một đám thành viên thỉnh thoảng họp thành báo cáo cho vui. Một đất nước không thể được xem là thịnh vượng phát triển với một mớ sân golf, khách sạn và xe cộ sang trọng ngoài đường để rồi số gái điếm nhiều ngang gái nhà lành.

Bất cứ ai cũng phải ngủ dầy như Tiểu Long Nữ, ai cũng phải dám ngủ trên giường hàn băng như Dương Quá. Ngủ mà phải thức, phải tỉnh, không được quên,

không được mê sảng chiêm bao. Sống là phải hi vọng vào chuyện vui, nhưng không thể thờ ơ với những bất trắc. Cuộc đời là nắm mồ Hoạt Tử Nhân của Lâm Triều Anh, dẫu có buồn hay vui anh vẫn phải sống cho ra hồn. Không phải cho riêng ai hết. Cho chính mình và cả thiên hạ. Cổ Mộ mang tiếng là nắm mồ, nhưng kỳ thật người ở đó luôn tỉnh táo nhất thiên hạ, kể cả lúc họ nằm ngủ. Thế là, tuy gần như vô danh, nhưng rõ ràng Cổ Mộ Phái đã là chỗ xuất thân của các cao thủ hàng đầu trong thiên hạ. Dấu ấn của nó qua tới Y Thiên Đồ Long Ký vẫn còn phảng phất qua một kỳ nữ áo vàng. Thuỳ mị đoan trang nhưng một tí nội lực của người con gái ấy cũng đủ làm bàng hoàng tất cả cao thủ thâm hậu nhất...

Onceland, mưa 8/08

HÓA CỐT

Tivi rồi internet mấy hôm nay đồn dập liên tiếp những tin tức về chuyện người Việt trong và ngoài nước biểu tình. Mỗi nơi biểu tình vì những chuyện khác nhau, nhưng nổi bật vẫn là chuyện lần đầu tiên sau nhiều năm tại VN có chuyện biểu tình. Và điều đáng nói là mấy cuộc biểu tình trong nước tuy ngó như có động cơ khác nhau, nhưng thật ra lại có một mối tương quan khăng khít đến kỳ lạ.

Trước hết, người ta bất chấp cả chuyện tù tội để biểu tình nhằm đòi lại đất đai, và mới một hai hôm nay thì có thêm mục biểu tình phản đối Trung Quốc về vụ mấy

hòn đảo ngoài Đông Hải. Tôi đọc báo về mấy cuộc biểu tình đó rồi tự nhiên thấm thía một chuyện thiệt ngộ. Một bên là những cuộc biểu tình bị nghiêm cấm vẫn được người ta bán mạng thực hiện, và một bên là những cuộc biểu tình do nhà nước ngầm khích lệ thì có vẻ như không sẵn sàng kéo dài lâu bền cho lắm. Ấm ỉ đấy, nhưng ngộ kỹ, hình như thiếu lửa!

Khi chuyện áp bức hay hà khắc gì đó đè nặng toàn thể quốc dân thì ai cũng dễ dàng cúi đầu chấp nhận, vì thiên hạ nghĩ đó là mệnh trời hay vận nước và như vậy thì ai lại nghĩ đến chuyện liều mạng lên tiếng hay quật khởi gì ấy làm chi. Bởi đó là chuyện chung mà. Ngu đại chi một mình phản kháng rồi một gông trong cô đơn. Từ đó, bao chuyện bạo chính có diễn ra mấy chục năm cũng không sao, thậm chí thiên

hạ quen dần với mọi sự trái khoáy nghiệt ngã nhất, chỉ vì họ chưa thấy “cái tôi” của mình bị tấn công trực tiếp. Họ tiếp tục với giấc ngủ đầy mộng mị của mình. Thế rồi khi cái nhà, miếng đất của người ta bị mất đi, thiên hạ mới sực tỉnh. Lúc này ta mới thấy rõ, trong tâm khảm phần lớn thiên hạ đất nhà quan trọng hơn nước nhà. Cái nào gắn liền với buồng tim, khúc ruột của người ta thì người ta mới chịu quan tâm hết mình. Từ đó, tôi ngờ rằng trong lòng thiên hạ không phải lúc nào nợ nước cũng lớn hơn thù nhà.

Viết đến đây tôi chợt nhớ đến vài chuyện vặt. Chỉ trong non mười năm sống tại Mỹ, tôi đã nghe khoảng chục người nói với tôi cái mẹo học tiếng Mỹ mà theo họ là thần tốc và hiệu quả nhất chính là tìm dịp sống gần người Mỹ càng nhiều càng

tốt và trên hết là ... yêu tha thiết một ai đó là dân Mỹ chính công. Những người đó có một giải thích giống hệt nhau: Khi thương người ta thì tự nhiên phải ráng hiểu người ta muốn nói gì, kể cả hơi thở của họ mình cũng không bỏ sót. Thế là giỏi. Bao giờ tôi cũng bật cười trước mấy tiết lộ đó, nhưng tự thâm tâm vẫn lén đồng tình. Khi mình gần bó sinh tử với cái gì thì tự nhiên sẽ sống chết với nó ngay. Chuyện đơn giản thôi. Từ đó, quyền lợi của một quốc gia hay cả dân tộc nhiều khi còn nhỏ hơn tiếng cười của cậu út trong nhà mình. Chuyện tu hành hình như cũng vậy. Bao nhiêu kinh điển, giáo sử, rồi tăng ni Phật tử trùng điệp lắm lúc không đủ sức đẩy mình đi tới trong cuộc tu. Bởi còn thấy cái quan tài nằm ở trại hòm thì vẫn chưa khá được, người tu hành phải thấy nó lồ lộ

ngay trước mắt mình trong từng phút thì họ mới chịu nhả ga phi nước đại.

Và chuyện thứ hai. Hồi nào còn bé, ai trong chúng ta cũng tưởng rằng trên đời này chỉ có người trong gia đình mình là đối tượng số một để mà xa thì nhớ và ở thì thương. Nhưng rồi ngày trưởng thành, chuyện không còn như vậy nữa. Ai gắn bó đời mình nhiều nhất, trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi của mình sâu đậm nhất, dù đó là một người dưng, cũng hoàn toàn có thể chiếm lĩnh tim ta, tình ta và đời ta. Tình máu mủ lúc này thật ra vẫn còn đó, nhưng có thể nó chỉ là vấn đề lý lẽ, đó là chưa kể đến trường hợp nó đem lại cho ta những áp lực tâm lý tai hại. Ai không tin lời tôi, xin cứ để ý mấy người có gia đình thì biết. Một người đàn bà hay đàn ông lạ hoắc nào đó vừa bước vào nhà ta vài hôm

đã đủ xóa sạch bao thứ tình huynh nghĩa
đệ máu mủ trước đó ngay. Dĩ nhiên cũng
có ngoại lệ, nhưng đã là ngoại lệ thì không
có nhiều. Thế là, càng đi xa vào đời, người
ta càng có khuynh hướng tìm về những
vòng tay kẻ lạ. Miễn là...

Rồi chuyện thứ ba. Tôi biết nhiều
người Việt Nam yêu nước ghê gớm, chỉ
cần không đứng trên đất Việt Nam thì họ
sẵn sàng tham dự tất cả những cuộc biểu
tình nào nhằm đến quyền lợi của dân tộc,
đất nước. (Lý do là Việt Nam ta đến nay
vẫn chưa quen được chuyện biểu tình). Ấy
vậy mà những kẻ yêu nước đó lại rất lơ mờ
về sử Việt, thơ Việt và chẳng khoái du lịch
hay thậm chí chụp ảnh nước Việt. Trong
khi đó, họ luôn gọi Trung Quốc là Tàu một
cách ác cảm, nhưng lại thuộc rất nhiều
thơ văn Tàu, chỉ uống trà Tàu, thường du

lịch Tàu, mua sắm đồ Tàu, coi phim Tàu. Đại khái gì cũng Tàu, đến mức cứ sợ chết rồi sanh lại làm người Tàu. Lý do ư? Nghe họ giải thích rồi ai cũng đành phì cười thông cảm. Này nhé, món văn hóa nghệ thuật nào của Tàu cũng chui thẳng vào tim mình mà ngứa, và một khi chúng đã trở thành máu me trong người mình rồi thì làm sao mà dứt áo phủi tay đây. Mình chống cái bá quyền Đại Hán của Tàu chứ đâu có chống cái hay của Tàu. Thôi đành xin lỗi người mình vậy.

Nói vậy có nghĩa là thứ gì trên đời này cũng đều có thể khiến ta sống chết với nó, một khi nó đã là một nhu cầu thiết yếu. Đắng như thuốc Bắc, mặn như muối cục, đau như kim chích thuốc, ta chấp nhận hết. Nói gì là những thứ ngọt ngào. Miễn sao nó là một phần đời của mình thì xong

ngay. Trộm nghĩ, đó cũng chính là lời giải thích vì sao có những tăng sĩ dám một mình vào rừng lên núi làm bản tăng khổ sai, chẳng phải để tìm Động Hoa Vàng mắc toì nào cả, mà là một cứu cánh giải thoát. Họ bất chấp mãnh thú độc trùng, lam sơn chướng khí, chỉ vì đại nguyện một ngày tung cánh hạc tểch khỏi cõi trầm luân.

Nói thiệt, nếu bây giờ muốn xúi ai dấn thân xã hội, nhập cuộc chính trường, hoạt động văn hóa hay tu học Phật pháp, tôi cũng sẽ đem “cái tôi” của người ta treo lủng lẳng trước mặt họ thì mới hi vọng họ chịu thí mạng hành sự. Đó không phải là củ cà-rốt treo đầu gậy, mà là giọt nước cho người khát nước.

Mượn chút chuyện đời để lạm bàn chuyện đạo với chút thiện chí của một người không biết làm gì hơn, tôi vẫn

mong có một ngày thiên hạ đi xa thêm một bước trong cả chuyện đạo lẫn chuyện đời để thấy rằng chuyện của chung cũng là chuyện của mình. Chung và riêng vốn không có ranh giới. Chừng đó không cần phải mượn gạo nấu cơm nữa. Không cứ phải đem treo cái quyền lợi cá nhân lên trước mắt mới chịu hành động hết mình. Bởi rõ ràng trong thiên hạ kia rõ ràng có cả mình và mình đây thực ra cũng là một phần trong cái gọi là thiên hạ ấy mà. Mong thay.

(Chuyện Phiếm Thầy Tu - 2014)

HÒN CUỘI

Ngôi thảo am của sư phụ hần chỉ là một lều tranh hai gian. Chỗ cao và đẹp nhất dành thờ Phật. Trên đó là một bức tượng Phật nhỉnh hơn nắm tay một tí, được khắc sâu vào một hòn đá cuội. Mặt kia của hòn cuội vẫn cứ xù xì. Nhìn như Phật ngồi trong hang. Mặt tượng đẹp như người sống. Bức tượng không to, hần khi đó thì bé tẹo, nên ngày ngày lễ Phật nhìn lên chỉ thấy hòn đá. Thỉnh thoảng sư phụ lau dọn bàn Phật, có thỉnh tượng xuống phủi bụi. Thế là hần được dịp ngắm cho thỏa.

Năm hắc lên mười, sư phụ có việc phải xuống núi vài hôm, hắc được dắt theo. Năm đó trời hạn, cháy rừng. Ngày về gì cũng ra tro. Sư phụ thân nhiên dọn dẹp nền nhà rồi dựng lại lều mới. Hôm sắp lại bàn Phật, sư phụ đặt lên đó một hòn cuội đen thui, không nhìn ra tượng Phật. Hắc hỏi, sư phụ mỉm cười hiền lành:

– Tượng bây giờ không còn như xưa, xoay vô trong cũng thờ được vậy. Cầm mi đựng đến. Tội!

Hắc không dám hỏi thêm. Rồi gì cũng quen. Hôm mai hai buổi công phu, đôi mắt nhắm nghiền, hắc vẫn thấy khuôn mặt từ bi của Phật trong hòn cuội.

Mấy năm sau sư phụ tịch. Hắc một mình lau dọn bàn thờ và thỉnh tượng Phật xuống lau rửa. Xoay mãi, không thấy Phật đâu. Chỉ thấy một hòn cuội xù xì, đen

nhẽm. Năm ấy ai đó đã lấy mất bức tượng khi thầy trò hẩn vắng nhà...

Hẩn cầm hòn cuội, đưa mắt ngó ra sân, nhớ thầy thắt ruột.

HUYỀN KÝ

Ông lão chậm rãi mở cửa am thờ. Một cái khám nhỏ nằm sâu trong tường, một bức tượng Phật kiểu Nhật Bản đang được an vị trong đó. Một vầng hào quang trắng đục bao quanh tượng Phật, không rõ ánh sáng đến từ một nơi nào trên trần nhà hay một bóng đèn được lắp kín đáo đâu đó. Trước khám thờ chỉ có một chiếc bàn gỗ mặt hẹp nhưng chân cao, thoáng nhìn giống hệt một con hạc đang hầu Phật. Như quên mất người khách đang đứng sau lưng mình, ông lão lặng lẽ chấp tay làm lễ một lúc, trong im lặng. Đoạn, kính cẩn đưa tay lên bàn thờ cầm lấy một chiếc

hộp gỗ nhỏ chừng hơn gang tay, rồi nhẹ nhàng mở ra. Hắn như nín thở nhìn theo từng động tác của ông lão. Trong đó chỉ là một cuốn sách, một xấp giấy cũ thì đúng hơn. Ông trao cho hắn.

Nó đáng gọi cổ thư, giấy thô ráp ố vàng, chữ nghĩa bên trong là thứ văn tự gì đó nếu chẳng của Tây hạ hắn cũng Thổ Phồn cổ tự, trông như đàn kiến bò trên những lông trúc lục bình. Mặc, dăm trang cuối sách là những trang viết tay dày đặc, Anh ngữ hắn hoi, văn pháp đương đại, thậm chí từng dòng chữ cơ hồ còn thơm mùi mực. Có điều bút khí cuồng lộng, ý tứ thần dị. Hắn chong mắt xăm soi.

“Muốn hoá thân ra người Quán Tự Tại, đừng học cách Ở, hãy học phép Đi. Dúm cơm khô trong túi du hành còn đặc dụng hơn trang viên giữa phố. Hãy biến những

thứ có được ra hành trang trên đường. Đừng nghĩ chuyện dài lâu, không buồn vui nào dài quá một nháy mắt. Ai cũng sợ mù lòa, nhưng thích sống vô minh. Và mặc ta vô minh, đời cứ thế vô thường. Hãy tận dụng sáu cửa nội tại để trăm năm không trôi mất. Thời gian chỉ tồn tại khi ta biết cách tồn tại.

“Người hoàng đạo chớ sợ đời mạt pháp. Mạt pháp chỉ là tên gọi một cách tồn tại khác của Chánh pháp. Chánh pháp luôn có cách tồn tại trong mỗi thời kỳ. Tùy căn cơ, chánh pháp được hiển hiện qua những chiều kích khác nhau. Hãy trao cho trẻ con những món đồ chơi, gương lược cho phụ nữ, hoa rượu cho nhà thơ, cổ thư cho học giả, cùng với một lời nhắn nhủ cho mỗi người về mục đích của cuộc chơi. Rong chơi có mục đích được gọi là hành hương,

dắt tay người cũng là cách độ chúng. Cùng nhau vào cuộc chơi với xâu chuỗi trên tay mỗi người, không niệm Phật cũng cứ là tu niệm. Đừng ngồi cô độc bên đường ôm hòm bối diệp mà tưởng tiếc ngàn xưa.

“Thái độ nào cũng chỉ là một sự bày tỏ, thể hiện, một tiếng nói. Việc đời hay chuyện đạo đều cần đến một lời rỉ tai là không nên bỏ xác ở một kết luận nào hết. Đời là một cuộc đi. Còn hơi thở là còn bước đi và giảo nghiệm. Sao cũng là tốt, miễn đừng bao giờ nghĩ đến hai chữ Tốt Nhất. Chữ Nhất thường đi chung chữ Lầm. Chỉ nên Tốt Hơn, đừng bao giờ là Tốt Nhất. Thế giới đã đổ máu, nhỏ lệ, chỉ vì những nhãn hiệu. Chớ tin kẻ tìm thấy chân lý, hãy lắng nghe người đang tìm chân lý. Đời vô thường nên con đường nào cũng chỉ là giải pháp tạm thời. Đừng mong lấy

cái ngắn hạn giải quyết chuyện đời thiên thu. Mùa đông có tuyết trắng và cảnh khô, thế chẳng đủ tuyệt vời lắm sao? Cứ gì phải vì luyến tiếc mùa xuân mà cưỡng cầu thứ hoa khô giả tạo. Mùa nào thức nấy. Người hành giả rong chơi với bốn mùa trong tim và ngay trước mắt.

“Một trong những thứ kinh thư đáng được thờ lạy nhất trên trái đất này chính là mấy cuốn sách danh ngôn. Thật lạ lùng khi người ta có thể cóp nhặt đủ thứ để lập giáo xưng danh một cách nghèo túng, kể cả những vá vúi vay mượn đầy bệnh hoạn, mà chưa hề có người tuyên xưng thứ kinh điển ngàn vàng ấy. Chúng là tinh hoa ngàn đời của nhân loại, là máu huyết của vô số cổ nhân, và nằm ngoài tất cả mọi nhãn hiệu. Thần tượng vĩ đại nhất trên thế giới này phải nằm ngoài mọi nhãn

hiệu để có thể đại diện cho tất cả những thứ cao đẹp. Hiếm một tín đồ của bất cứ tôn giáo nào trên đời chịu để ý rằng càng lên tiếng suy tôn giáo chủ một cách ồn ào thì càng thu hẹp không gian tồn tại của đối tượng mình tôn thờ. Chỉ nên nhắc đến cõi tinh thần của các thần tượng, đừng xây lên những bảo tòa cao ngất vốn xa lạ với nhân gian và làm chướng mắt những người chưa tìm thấy sự khảm kính ở đó. Hãy để các vị ấy hiện hữu một cách thơ mộng và cao khoáng như trăng khuya, biển chiều, núi cao, sông dài. Những thứ thiên nhiên đó không cần đến sự quảng cáo. Và tình yêu thiên nhiên sẽ không tạo ra những khoảng cách không nên có giữa những tim người.

“Đừng ham cái Dễ mà chối bỏ cái Bì xem là Khó. Mọi thứ trước khi trở nên dễ

dàng đều phải là khó khăn. Hãy yêu cái đơn giản, nhưng đừng ham chi chuyện dễ dàng. Ai đó đã bảo, hãy sống đơn giản theo mức đơn giản vốn có của đời sống, nhưng nhớ đừng tìm cách đơn giản hơn nữa. Học hành một cách đơn giản là thông tuệ, cố gắng đơn giản hơn mức cần thiết là lười biếng.

“Ở một tuổi nào đó trong đời hãy học cách yêu lấy đáy thăm của sự yên lặng. Cách nói đó oách quá, ăn cắp của một tay nông ngạo. Nghe ra không được thật thà và tới nơi tới chốn bằng hai chữ vô danh. Phải. Nhớ câu nói của ai đó, tuyệt diệu nhất vẫn là sự giàu có của một người vô danh. Hãy tự xem mình là kẻ đang bị truy sát, lộ diện là tự sát. Hãy bắt đầu yêu lấy nỗi vô danh để làm quen với sự lặng lẽ của mộ địa. Một trong những thú vị lớn nhất

của nhân gian là trồng hoa trên đỉnh ngàn, đêm đêm nghe gió xuôi về đồng bằng, mang theo món quà vô danh của mình. Vô danh mà vô tình vô tâm, đó chỉ là kiếp đời của một tử tù trong hầm sâu ngục tối. Vô danh mà có tâm, có tình chính là tận hưởng sự hiện hữu phù vân.

“Một ngày mùa đông về chơi một góc nhỏ Thượng Hải, rong chơi mấy hôm bỗng nhận ra mình đã già, đã thay đổi nhiều quá. Ngày trước cứ một lòng khẳng khẳng đi tìm cái tinh khôi của đạo Phật, thường xuyên dị ứng với những thứ đơm đặt của đời sau. Bây giờ bụng cứ nghe vui râm ran kín đáo, khi tình cờ bắt gặp đâu đó một dấu vết của Phật lẫn khuất, vương vãi trong dân gian. Một chút thôi, cũng cứ thấy quý. Lòng đã tự tìm thấy một thỏa hiệp rồi chẳng? Không hiểu nổi chính

mình, ngày về bèn đem chuyện hỏi lại một người quen. Nhận được câu trả lời ngộ nghĩnh không biết nên vui hay buồn: Đã già rồi đó, vòng tay lớn hơn vì mắt đã chịu nhìn xa hơn. Người bỗng dễ thương là người sắp chết đấy biết không?

“Ba ngày xuân, nhằm dịp cuối tuần, chẳng đi đâu hết. Không chốn đi cũng chẳng có người để gặp. Chợt nhận được thư xa, từ nghìn trùng quê cũ. Một người quen vẫn chưa quên mình. Kể cũng là thương. Đôi câu hỏi han, dăm ba lời trách, pha chút vui buồn như kiểu mưa nắng bên đó. Chẳng biết phải nói gì, chợt nhớ lại một bài thơ vừa làm cách đó không lâu, sẵn sàng như một lời đáp cho câu hỏi đã biết trước. Em hỏi tôi ngày trở về cố quận. Tôi trả lời đâu cũng chốn quê hương. Em hỏi tôi bao giờ thôi lận đận. Tôi xin thưa:

Cứ suốt kiếp trên đường. Em hỏi tôi gió phương này có lạnh? Tôi trả lời: Đời giá rét chung thân. Đợi mưa gió bên ngoài chừng ráo tạnh, đốt thơ mình nhóm lửa sưởi đôi chân. Em hỏi tôi sao một đời khinh bạc, phủi tay hoài những ấm lạnh tình thân. Tôi trả lời gã tiên khờ đi lạc, buổi kim tiền sao có nổi tri âm!”

Trong ánh sáng mờ nhạt của am thờ, hần đứng đọc một mạch không sót một chữ, toàn bộ mấy trang giấy đỏ. Đọc trong im lặng và nghe mình như đang lên đồng. Đúng hay sai, một phần hay toàn bộ, nội dung kỳ quái trong cuốn sách kia. Hần lẽ phép trả lại cuốn sách cho ông lão và từng bước rời khỏi am.

Bên phiến đá trắng được kê làm mâm trà giữa khu vườn tĩnh mịch, trong cái không gian vắng vát một mùi hương lạ

của loài hoa nào đó mọc chen trong những kẽ đá, ông lão giữ am nhỏ giọng kể lại cho hẳn câu chuyện cũ:

“Thầy trò lão gặp nhau lần đầu ở Nam Kinh. Trên một chuyến tàu đêm. Nhân duyên là cái gì đó không nói được nhưng có thật trên đời ông ạ. Khuya hôm đó, lão lóng ngóng thế nào mà lại làm đổ cả ly trà nóng trên chân sư phụ. Lúc đó thầy chỉ mới ngoài bốn mươi.

“Đang cúi xuống định lau lấy chiếc giày ướt đầm kia như một cách xin lỗi, lão bỗng nghe một câu nói rành rọt, chữ nghĩa và âm sắc như của một người bản xứ:

- Ông cụ đừng làm vậy, tôi có thứ trà này ngon lắm, cụ có sẵn nước sôi ở đây sao, hay là ngồi uống với tôi một chén.

“Ông có tin không, người vừa nói với tôi câu đó là một thầy tu nước ngoài. Nếu

không tận mắt nhìn, ai biết được đó là tiếng Tàu của một người ngoại quốc chỉ đến Trung Hoa chưa được chừng vài bận. Văn hoá của một xứ Tàu kín cửa suốt mấy chục năm đã không cho phép lão có được cái tư phong cần có trước hoàn cảnh đó. Thật lạ, chỉ sau vài ba tuần trà, lão bỗng thấy mình không thuộc về miền đất này nữa. Lão đã thuộc về người khách lạ vừa quen biết trong tình huống kỳ cục đó. Chỉ hỏi lão hai câu về gia đình và sức khỏe, sư phụ nhìn thẳng vào mắt lão rồi hỏi không ngập ngừng: Ông cụ có chịu về tu hành với tôi? Nói thiệt, con người đó có rữ lão đi ăn mày lão cũng gật đầu ông ạ. Chúng tôi đến Thượng Hải, sư phụ bảo lão viết một cái thư về cho hai thằng con trai.

“Cứ vậy là lão về sống với sư phụ. Thầy lạ lắm, chuyện gì cũng nói trên bàn trà.

Lão học đạo cũng ở ngoài vườn. Không giấy mực gì hết. Bất cứ thứ gì nhìn thấy chung quanh đều có thể là cái cớ để thầy nói về Phật học. Từ các món gia dụng trong nhà đến những chậu kiểng, hồ nước ngoài vườn. Từ đó, làm gì và ở đâu lão cũng thấy Phật pháp và như nghe cả tiếng nói của sư phụ. Hai mươi năm trời trôi qua vùn vụt. Vậy rồi thầy đi. Thanh thản lắm, không bệnh hoạn gì hết, chỉ nói muốn nằm nghỉ. Đến lúc vào báo giờ cơm trưa, lão mới biết. Hơn một tháng trước đó, bỗng dưng sư phụ cứ dặn dò lão chuyện này chuyện khác. Lão không thể linh cảm ra điều gì. Rõ ràng sư phụ nhỏ hơn lão đến chục tuổi mà. Cuốn sách đó sư phụ để trong chiếc va-li hành lý mà ngày trước vẫn dùng trong những chuyến đi xa. Lão thờ ở đây như một kỷ niệm gần

bó với sư phụ nhiều nhất. Sư phụ đi nhiều, quen nhiều, sao lại chọn lão chứ. Đến giờ lão vẫn chưa hiểu và cũng chưa từng hỏi qua sư phụ chuyện đó. Chỉ biết rằng ngoài Phật pháp, chưa hề nghe thầy nói đến thứ gì khác. Nhớ lại một câu dặn dò bằng quơ của sư phụ ngày trước, lão đã rải tro di cốt của thầy xuống biển ngay sau lễ hóa thân. Gia tài sư phụ để lại cho lão chính là những gì lão đã nghe được ngay từ bàn trà này và vài thứ vật vĩnh trong hành lý gió bụi của thầy ngày xưa. Cái am này giờ cũng đã mục nát rồi, mai này tới phiên lão đi xa, chắc chỉ còn lại khu vườn hiu quạnh này.”

Đang nói đến đó, lão liếc mắt vào chiếc đồng hồ tường treo trên vách gỗ sau lưng, rồi xin phép khách đến gióng nhẹ ba hồi chuông để bắt đầu buổi kinh

chiều. Hắn cứ như ngẩn ngơ khi nhìn theo lão, nhìn đến từng món vật dụng chung quanh. Đúng là cái gì ở đây cũng phản phát bóng dáng người sư phụ kỳ lạ của lão. Cái đồng hồ tường khó tìm thấy ở bất cứ đâu: hai chiếc kim trên đó chỉ là hai que trúc mong manh gắn vào một mảnh đá tròn dát mỏng. Cái gọi là chuông kia cũng lạ lùng, trông như một cái bát khất thực của nhà sư đem treo ngược, những dư hưởng sau cùng của chuông nghe như tiếng muỗi bay.

Không muốn quá rầy ông lão đang tụng kinh bên trong, hắn khẽ khàng bước nhẹ ra phía cổng tìm cái gì bỏ bụng buổi chiều. Ông lão khi này vừa bảo đêm nay sẽ đãi hắn một buổi uống trà giữa đêm để ngắm hoa quỳnh nở. Hắn đã ra khỏi khu vườn mà bên tai vẫn như nghe rõ ràng

một giọng nói xa lạ: Mặc ta vô minh, đời
lặng lẽ vô thường!

HỤU

Cả nhà dắt nhau đi du xuân, gì cũng sắp đặt sẵn, chỉ việc cho tháp tùng thêm một gã du sĩ có cũng như không, thế là hẳn có ngay một chuyến giang hồ vật.

Verorin mấy ngày này đang vào đông, ngó đâu cũng tuyết một màu tuyết trắng trông đến nao lòng. Lần đầu trong đời mình, tôi được đặt chân đến một cõi vắng lạ lùng đến vậy. Ở độ cao trên 2300 mét, tứ bề là những đỉnh đá trắng nõn. Xa xa dưới kia là một sơn thôn gì cũng bằng gỗ, không xài được cũng cứ giữ nguyên đó như một bài học sống động về nỗi đời thành hoại. Gió sớm lan man, tôi đi như

không còn thấy ai quanh mình. Chợt nhớ quá chừng hai câu thơ của ngài Không Lộ:

*“Hữu thời trực thưởng cô phong đỉnh
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư”.*

Một buổi gậy sài lên non thăm
Tiếng cười lạnh thấu cả trời hoang.

Dễ chừng đã mười năm, năm nào cũng là một cái Tết qua rồi mới nhớ. Trà mút từ lâu chỉ là một thứ kỉ niệm. Ngán ngọt, nhưng thiếu thì nghe cũng quạnh. Thầy tu chuyện đó bình thường, ầm cúng quá mới là chuyện lạ. Ai ngờ năm này lại có được mấy ngày xuân thật khó quên. Nhớ ngài Không Lộ, tôi bỗng nghe mấy năm tuyết trên tay ấm như một bàn tay người. Ấm lạnh tình đời từ đó chỉ là chuyện nhỏ.

Sau hơn năm phút đi cáp treo lên tận đỉnh, tôi bàng hoàng thấy mình như một cánh chim di trú vừa ghé xuống một miền đất lạ. Sáng sớm, đỉnh núi như không người, tôi còn kịp nghe những hơi thở nồng nàn của núi còn sót lại từ đêm trước. Nhanh chân rảo quanh, tôi tìm thấy cho riêng mình một mỏm núi chĩa chu bằng phẳng với mấy hòn cổ thạch được sắp xếp tuyệt đẹp, như một trận đồ thời xưa. Tôi nhớ Hoàng Dược Sư, rồi tiếng sáo của ông. Tôi nhớ ông như hoài niệm một con người có thật ở đời. Mà ngẫm kỹ, ai trên đời này lại chẳng là một huyền thoại chứ. Chúng sanh, thọ giả giai thị hư vọng. Tôi gọi mấy người trong nhóm, bảo họ vừa tìm thấy một ngọn cô phong. Họ nghe chữ đó lạ tai, hỏi lại cho rõ. Tôi lắc đầu cười. Nói rõ lại thêm dây dưa. Thôi thì phong lai sơ trúc

vậy. Cứ đưa họ đến đó, họ thấy ra sao thì cảm nhận vậy. Chân lý vốn kỳ chữ nghĩa, huých toẹt chỉ gây hiểu lầm. Một người ngó như có chút chiều sâu, ngồi được mấy phút bảo là buồn ngủ. Thiên hạ đã lười thức tỉnh từ vạn đại, giờ đứng trước chỗ cần mở mắt cũng cứ dật dờ. Bỗng nghe thương lạ.

Năng lên từng góc núi, may quá sáng nay trời lặng gió, bầu trời tuyết chung quanh chợt dễ gần như màu áo lụa. Rồi thì trong niềm êm ấm đó, hơn mười ngày ấm lạnh buồn vui bỗng tràn về trong trí nhớ như một cuộc hẹn. Đúng là phàm tâm, có leo đến đỉnh núi vẫn cứ lè tè một tác. Tôi vốc một nắm tuyết bóp nát để tìm lại chút tỉnh thức, chân lại rời đi.

Tôi lại tung tăng qua mấy mỏm đá, và như có sơn thần dắt dẫn, tôi bỗng dừng

lại và gửi mắt vào một đụn tuyết lớn. Mấy thằng bé đi chung với tôi đang nghịch tuyết ở đó. Tôi nghe rõ ràng một đoạn đối thoại của chúng:

- Mình hốt tuyết này về nhà chơi được hôn?

- Mày ngu quá, mày thích thì chơi ở đây, đem về thì tuyết tan hết!

Trời ạ, tôi nghe như thằng bé đó đang mắng tôi. Nó như đã hiểu được rằng tôi vừa có một suy nghĩ y hệt như thằng bé kia. Tôi đã đại khờ muốn hai ngày nữa sẽ mang theo về Mỹ những nắm tuyết buồn vui ở đây. Xứ này lạnh ngắt, gì cũng dễ khiến rùng mình, nhưng cứ khó quên. Buồn vui nào ở đây cũng hiểm như một cục tuyết lọt trong giày. Chẳng đáng gì, mà cứ buồn thấu tim. Gót chân du sĩ

thường nứt nẻ, một chút giá lạnh cũng đủ khiến cực lòng.

Mà năm tuyết trẻ con kia hình như không chỉ là chuyện của riêng tôi. Ai trong đời chẳng mười năm ngược nguồn hốt tuyết. Cái mình thấy và cái mình nắm được thường chẳng là một. Yêu một tài danh sân khấu, người ta thường bàng hoàng nhận ra một con người thực không có đèn màu, hoa tươi và những tiếng vỗ tay. Thiếu mấy thứ đó, hình như ai cũng giống nhau thôi. Hạnh phúc hình như là trò nghịch tuyết, đau khổ hình như là năm tuyết đã tan. Từ đó, lại hình như, tôi vừa có thêm một định lý sống đời. Tôi yêu em là năm tuyết, và tôi có em là năm tuyết đã tan!

Tôi xuống núi một mình. Cái thùng cáp treo như rộng thêm nghìn trượng.

Có cuộc giác ngộ nào mà không khốc liệt như thế chứ. Tôi xuống núi với hai bàn tay không có chút tuyết nào. Gì cũng còn nguyên vẹn sau lưng tôi. Tỷ kheo vào làng như con ong đi tìm mật, không hề làm tổn hại một cành hoa lớn nhỏ nào. Tôi lại nghe thêm lời kinh đó giữa bạt ngàn núi tuyết Vercorin

Moeriken, 10.02.2008

KHỎI LAM CUỘC TÌNH

Mùa Vu Lan, đọc báo trong nước thấy thiên hạ bây giờ bỗng khoái chuyện vàng mã hơn bao giờ hết. Một ông triệu phú miền Bắc chỉ trong một đêm đã đốt sạch 1000 con ngựa giấy và hình nhân trị giá 400 triệu đồng Việt Nam. Đổi sang tiền Mỹ, số vàng mã đó trên 20 ngàn dollar. Lại thêm một chuyện để suy nghĩ...

Có lẽ không ít người đã cho ông triệu phú đó là mê tín, là thiếu trí. Nhưng thử hỏi những người không đồng ý chuyện đốt vàng mã có đúng là không mê tín, mù quáng như ông ta? Bỏ một đời theo đuổi một lý tưởng sống hại mình hại người, dù

về đời hay đạo, chẳng phải đốt vàng mã thì còn là gì nữa. Ai dám nghĩ những giấc mộng đời chẳng là vàng mã!

Con người là phải vậy thôi. Cái gì cụ thể rõ ràng quá thường không hấp dẫn người ta. Thiên hạ cứ nghĩ về những thứ xa vời để tha hồ mộng mị. Tình yêu đầu đời, ma túy, tước vị,... và bao thứ mê muội khác ở đời đều phải có chút gì váng vất mơ hồ mới cuốn hút được người ta. Ai nghe hay đọc đến những nhận xét kiểu này cũng cứ lắc đầu chối phăng: Riêng tôi thì đâu có vậy, đừng vợ đũa cả nắm chứ!

Anh chống đối chuyện đốt vàng mã nhưng thay vào đó là anh đốt cả đời mình cho một viễn tượng xa vời nào đó trong tình yêu, tôn giáo, chính trị và đôi khi cả văn hóa nữa. Vui đầu làm một nhà thơ, đêm ngày mơ màng với những câu chữ, ý

tứ man mác... Hay đêm ngày cầu nguyện một ông via bà via nào đó mà không cần đến một chút suy tư tra vấn... Hoặc theo đuổi một nỗi quan hoài về xã hội mà chưa một lần ngó lại xem nó có là niềm hoang tưởng hay không... Tất cả đều là những kiểu đốt vàng mã, thậm chí còn tốn kém gấp ngàn lần thứ vàng mã mà mấy bà vẫn đốt đều đặn mỗi Vu Lan nữa.

Chuyện vàng mã đâu phải chỉ có chừng đó cái để nói. Còn có một cái khác nhức nhối hơn nhiều. Trong số những người bỏ tiền mua vàng mã về đốt ấy, có không ít những tay trí thức hần hoi. Ai dám bảo họ đốt nát, mê tín. Vật lộn với trường lớp để kiếm được mảnh bằng như một cần câu cơm rồi lặn xả vào đời kiếm sống, họ đâu kịp có thời gian để nghĩ nhiều về cái gì nằm ngoài nhịp sống thường nhật, chẳng

hạn tôn giáo hay triết học, tư tưởng gì đó. Rồi thì một ngày có tiền trong tay, họ hành xử theo cách của người có tiền là có hay không một cỏi âm phủ cũng mặc, cứ theo lời người ta mua vàng mã đốt cho nhiều vào. Nếu không có ai nhận được những tro khói ấy thì ít gì mình cũng được cái tiếng, nghĩa là một tí mặt mũi.

Nhưng đó mới là trường hợp thứ nhất. Trường hợp thứ hai chiếm đông nhân số hơn. Đó là khi thiếu chủ kiến, không có được khả năng suy nghĩ độc lập, người ta thường khoái chạy theo đám đông. Đám đông thì làm sao sai được. Chẳng lẽ chừng đó thiên hạ đều thiếu suy nghĩ hay sao chứ. Thế là mua và đốt. Đốt vàng mã, người ta còn đốt theo đó bao nhiêu những thứ khác nữa: Trí tuệ, tiền bạc, thời gian, tình người,... Mấy trăm triệu đồng của

ông triệu phú kia lẽ ra có thể giúp cho biết bao người thiếu ăn thiếu mặc.

Thân người nan đặc, chánh pháp nan văn, nhưng nếu không biết tìm minh sư thiện hữu thì cũng là một kiểu đem tiền mua vàng mã. Tôi cứ nhớ hoài câu hát dân gian đầy tục lụy này: Tưởng giếng sâu anh nổi sợi dây dài, ai ngờ giếng cạn anh tiếc hoài sợi dây. Nghĩ mà thương rồi tiếc cho nhiều người mất mấy chục năm vô giá của đời mình để lần bước theo một kiểu hướng dẫn sai lạc, nhiều lúc cũng thấy nó có vấn đề nhưng rồi vì lý do nào đó mà tiếp tục lê gót. Từng ngày trôi qua là từng đồng lớn vàng mã được họ mê mải mỗi lửa. Ngày cuối đời, cái có được chỉ là một chút tro tàn chưa kịp bay đi.

Chiều mưa Vu Lan, ngồi nghe Chiều Phủ Tây Hồ của Phú Quang mà ngậm ngùi

thay. Em đốt đời mình, ta đốt đời ta, cũng như thiên hạ đốt vàng mã vậy thôi. Hóa vàng đi em!

KHÔNG ĐỀ

Phật giáo Nguyên thủy có tám muôn bốn ngàn pháp môn. Cộng cả chánh tạng lẫn chú sớ thì đúng là một khu rừng lớn. Nếu chỉ cần ghé mắt đọc qua một lượt cũng mất không dưới mười năm. Giáo sử ghi rằng, vào thế kỷ mười Phật lịch, một trưởng lão người Nam Ấn là ngài Buddhaghosa đã ra đảo Tích Lan dịch kinh rồi viết một bộ luận thư – mà theo giới học Phật thì có thể tạm cho thu tóm được nội dung đại lược của Phật ngôn nguyên thủy.

Càng về sau, lời Phật càng được biết qua nhiều hình thức hơn: Từ các sách biên khảo, chú giải, đến những lời thơ, ca từ,

rồi thì các công trình điêu khắc, hội họa... Thậm chí một dòng chữ thư pháp treo ở thư phòng hay viết trên đèn giấy, chạm trên cột nhà hay khắc trên vách núi. Mọi chất liệu, mọi hoàn cảnh đều là những mặt nước phản chiếu ánh sáng Phật pháp.

Tôi có biết một người đã dùng đến hình ảnh một vũng nước đêm trăng để mô tả một người tu Phật. Theo đó, một người học Phật là chỗ phản chiếu của chánh pháp. Người đi đêm biết được ánh trăng còn nhờ nhìn vào chỗ có nước. Người muốn hiểu Phật có thể ít nhiều nhìn vào những người tu Phật. Dĩ nhiên nước càng nhiều, càng sạch thì khả năng phản chiếu sẽ nhiều hơn. Nước càng ít, hoặc càng dơ bẩn thì sức phản chiếu sẽ yếu đi. Cũng như không phải ai tự nhận là con Phật

cũng có thể phản chiếu được hình ảnh của đức Phật.

Đêm khuya. Giường kê sát cửa sổ, gió cứ len vào khe hở, lạnh buốt, không ngủ nổi. Tôi bước ra phòng ngoài, vặn TV cho nhà bớt quạnh. Đôi lúc vắng vẻ quá cũng là một sự nặng nề. Trên TV đang chiếu phim. Một lời thoại lọt vào tai, nghe ngộ nghĩnh, tôi tắt máy và đi tới đi lui. Tôi bỗng nhiên muốn bẻ đôi câu nói đó, vì phải như vậy mới đã!

YOU HAVE TO (hãy nên, cần phải). Một nửa của câu thoại trên là như vậy đó. Tôi bỗng thấy không một không gian nào trong đời còn có thể mênh mông hơn một câu nói dở dang. Nó mênh mông vì sẵn sàng cho mọi điền khuyết. Tôi chợt nghiệm ra một chuyện, dĩ nhiên chỉ là trong cảm nhận của riêng tôi, rằng toàn

bộ tám muôn bốn ngàn pháp môn trong những lời Phật còn truyền lại hình như chỉ gói gọn trong một nửa câu nói ngắn ngủi đó. Đúng vậy, tôi muốn nói là YOU HAVE TO.

Độc giả cho rằng tôi điên? Xin thưa, toàn bộ lời Phật dường như chỉ nói đến hai chuyện NÊN LÀM và KHÔNG NÊN LÀM. Trong cả ba tạng đều nói đến hai chuyện đó. Và bài kệ trừ danh Không làm điều ác, Thực hiện điều lành, Gìn tâm trong sạch..., hoàn toàn có thể dịch bằng ba lần YOU HAVE TO!

Trọn đời tu hành và suốt cuộc tử sinh vạn kiếp về sau, ngày nào chưa thành tựu chánh trí giác ngộ, thì toàn bộ công phu tu dưỡng của một người có thể chỉ là những khẩu quyết bắt đầu bằng ba chữ đó. Đó là một lời khuyên, một đề nghị, một

mệnh lệnh, một gợi ý. Và còn tử sinh thì ai cũng phải biết tuân thủ một số mệnh lệnh, nói gọn một chút là những nguyên tắc. Anh có nổi loạn, có thêm tự do đến mấy cũng phải chấp nhận một số nguyên tắc. Nói một cách rất ráo, đó chính là một mô tả sâu thẳm nhất về sự Bất Toàn của đời sống. Tôi vừa thưa ở trên, câu nói dở dang kia là một đạo tràng bát ngát. Ta có thể ghép vào sau đó bằng vô số những động từ cần thiết: You have to relax (hãy thư giãn), forgive (tha thứ), forget (lãng quên), fight for (giành lấy), destroy (phá hủy), eliminate (loại trừ)...

Rồi thì cũng xin nghe nốt một nửa câu nói còn lại chứ? Dĩ nhiên rồi. Sở dĩ tôi phải chừa lại một nửa ấy để nói ở cuối bài vì nói ra là hết chuyện, là không còn gì để nói nữa. Theo Phật giáo Nguyên

thủy, người xứng đáng nói ra một nửa ấy phải là một người đã giải thoát phiền não. Bởi trọn vẹn câu nói kia là YOU HAVE TO DO NOTHING (Anh chẳng cần phải làm gì ráo). Chỉ tiếc đây là một bài viết bằng tiếng Việt, cái uyên áo cần có đã bị mất đi phần nào khi phải chuyển ngữ kiểu này.

Đúng vậy. Theo giáo lý Nam truyền, chỉ có vị La-hán là có thể DO NOTHING. Nghĩa là... Xin cùng im lặng để nghe tiếng hạc ngang trời!

Đêm mùa đông của tôi bỗng đẹp, bỗng thơ chẳng kém cái đêm Tô Thức viết ra bài Xích Bích Phú thừa nào...!

KỶ VẬT NÀO CHO EM

Tôi không nhớ đã đọc ở đâu câu nói này: Nếu không có gì quý giá để lại cho đời, thì ít nhất cũng đừng để lại một điều gì tệ hại. Khoảng trống đó cũng có thể gọi là một thứ di sản không tệ. Tôi nhớ đến câu nói đó, chỉ vì chiều nay đọc thấy trên Internet một tin nhỏ mà thú vị: Các nhà khoa học Anh quốc vừa phát minh một kiểu lò hỏa táng, được đặt tên Resomator, không khói, không tạo ra bất cứ khí độc nào có hại cho môi trường thiên nhiên và sức khỏe con người. Vậy là kể từ bây giờ, với kiểu lò hỏa táng đó, ít nhất thiên hạ sau khi nhắm mắt cũng không bắt bầu

khí quyển này gánh thêm một chút của nợ nào như xưa giờ nữa.

Nhưng đó chỉ là cho phần xác. Còn cái khoản phần hồn nữa chứ. Giá người ta có thể chế tạo thêm một kiểu lò tương tự cho những lầm lỗi của chúng sinh thì hay biết mấy. Một chính khách điên rồ sau khi xuôi tay sẽ vĩnh viễn biến mất cùng với cái học thuyết chính trị bậy bạ của mình. Một giáo chủ tà phái sẽ đem theo vào lòng đất những rao giảng lầm lỗi của mình. Và bất cứ một ý tưởng độc hại nào trên đời này cũng đều đi theo kẻ đã khai sinh nó mà chìm vào hư vô. Với kiểu lò hỏa táng đó, lịch sử thế giới sẽ không nhuộm máu lệ như bây giờ. Chúng ta đang rất cần đến một kiểu lò hỏa táng không khói cho những lỗi lầm của nhân loại.

Ai dám bảo mình bé mọn không đủ sức để lại một ảnh hưởng nào cho nhân thế, rồi thì muốn làm gì cũng được? Trong Giáo Lý Duyên Khởi của Phật giáo, không một thứ gì trên đời này là bé nhỏ đến mức không thể tạo ra những tác động. Anh vô danh, nhưng chuyện anh làm, điều anh nói, đề tài anh suy tư... hoàn toàn có thể để lại một hậu quả khôn lường cho thế giới. Có biết bao trẻ vị thành niên sa đoạ, bạo lực và tự tử chỉ vì nghe thấy ai đó nhắc đến những chuyện ấy. Và kẻ khơi mào cho những thảm cảnh ấy thường khi chỉ là một người chẳng tiếng tăm.

Một tuổi trẻ vô tâm tung tăng cõi tình trường và để lại một cuộc tình buồn cho ai đó. Một tay gian thương chỉ nghĩ đến túi tiền của mình rồi thương vụ tội lỗi nào cũng làm. Một nguyên thủ quốc gia coi

trọng chuyện nhà hơn chuyện nước. Một cá nhân ích kỷ chỉ nghĩ đến tự ái bản thân mà quên mất đại cuộc thiên hạ... Toàn bộ bọn họ đều để lại cho nhân gian những di sản buồn, những dấu vết không nên có sau ngày mình đi. Ta có thể không tin chuyện tái sinh luân hồi, nhưng ít gì cũng có thể hiểu được cái lẽ đời cụ thể này: Nếu tiền nhân ngày xưa đã sống bạt mạng chẳng kể gì đám hậu tấn thì thế giới hôm nay, có ta trong đó, đã ra sao rồi?

Tôi là một tu sĩ Phật giáo, nhưng ngoài Tam Bảo và những thiện hữu tri thức đồng đạo, tôi còn mang ơn biết bao người thiên hạ vô thần hay ngoại giáo, cho dù họ chưa bao giờ biết đến tôi. Tôi học họ những câu nói, những cách sống, cách nghĩ. Tôi mắc nợ họ, vì đó là những di sản mà tôi ngẫu nhiên thừa kế ngon lành.

Người ta nói một chiếc lá lìa cành không hẳn là đã chấm hết. Nó có thể mục nát và thành đất để nuôi dưỡng những mầm sống khác. Cả cái gọi là mây nước mù sương trên hành tinh này cũng đều là từng cuộc tuần hoàn của những di sản, những kỷ vật, những thứ đời trước để lại và những thừa tiếp của đời sau.

Cũng như chuyện tội mình vậy đó. Em đi rồi, nhưng kỷ niệm về chuyện mình ngày đó sẽ mãi hoài theo tôi suốt kiếp. Đó cũng là thứ gia tài em để lại cho tôi. Ngày mai rồi cũng đến lượt tôi lên đường, và phía sau cuộc đời mình, tôi có biết mình đã để lại gì cho người khác: Một câu nói làm ai đó tổn thương, một ý tưởng xây dựng tình người, một nụ cười cho kẻ nhớ lại hay giọt nước mắt cho người nhắc tới? Tất thấy đều là những di sản, những gì ta

gửi lại trần gian này, nơi mình đã một lần đi qua...

Ta có nhiều cách nói về những kiểu sống đời. Một trong số đó là khả năng truyền thừa xứng đáng những giá trị: Nhận cái xứng đáng và để lại những cái xứng đáng. Nếu chẳng làm nổi chuyện đó, thì thôi, xin cứ ra đi như một cơn gió lành. Đời sẽ chẳng phải phiền lòng thu dọn bất cứ rác rưởi nào sau lưng ta. Kể sống được vậy ít gì cũng đáng được gọi là đệ nhị hiền giả.

Mong thay!

“KIẾP NÀO CÓ YÊU NHAU”

Bước vào một phòng kính trông như chiếc thang máy bằng pha lê trong suốt, tiếp theo là một động tác nhanh gọn như búng ngón tay vào một nút bấm, người con gái ấy đã lùi ngược mấy ngàn năm để trở về quá khứ tìm thấy tất cả những gì tưởng đã vĩnh viễn mất dấu. Chuyện cũ được tái hiện bằng tất cả hình hài vốn có.

Trong kinh điển Pali có nói đến hai khả năng kỳ đặc của một người chứng đắc thắng trí là Túc Mạng Trí (Pubbenivàsanàna), khả năng nhớ lại những tiền thân của mình hay người và Vị Lai Trí (Anàgatamsanàna), khả năng

thấy trước những chuyện đời sau. Tôi đã bắt đầu bài viết với một câu chuyện giả tưởng mà người con gái trong đó đã sử dụng một thứ kỹ thuật hiện đại gần giống với Túc Mạng Trí để tìm về dĩ vãng nhưng không phải chỉ là nhớ lại, mà là một sự tái hiện rất cụ thể. Tôi muốn nói gì qua cách so sánh ấy?

Trong một bài viết trước trên một trang web Phật giáo, tôi từng nhắc rằng thế giới Thi Thiết không bao giờ vô thường, vì nó chỉ là những khái niệm. Khái niệm chỉ có thể bị lãng quên chứ không thể vĩnh viễn biến mất. Chỉ vì nó không là cái gì đó thực hữu. Nó còn đó, mất đó và mất đó nhưng còn đó. Nó mất trong niềm quên và tái hiện trong nỗi nhớ...

Nói vậy, chúng ta có thể bất tử không? Dĩ nhiên là được. Như chính khoa học

hiện đại cũng chấp nhận giả thuyết rằng người ta sẽ đạt được tốc độ ánh sáng khi trở thành cái gì đó giống hệt ánh sáng. Theo A-Tỳ-Đàm của nhánh Nam Truyền, ta cũng có thể vĩnh sinh khi ta chỉ tồn tại trong khái niệm. Nói vậy, khái niệm là giải pháp duy nhất cho ước mơ trường sinh. Quá khứ có thể tái hiện trong hình hài những khái niệm. Cả tương lai cũng vậy, nó hoàn toàn có thể được nhìn thấy qua những hình dung, một tên gọi khác của khái niệm. Ta không thể bắt tử trong hình hài của Danh Sắc, của một thứ hiện hữu y cứ trên các năng lượng duyên tạo. Còn lệ thuộc vào duyên sinh, nghĩa là còn phải chấp nhận duyên diệt. Đó chính là căn bản của giáo lý Duyên Khởi. Và tôi trộm nghĩ đó cũng là một nguyên tắc Vật lý và cả Sinh Học. Vạn vật sinh diệt trong

một sự tương ứng như vậy đó. Ăn dâu thì phải nhả tơ, cây chuối thì phải ra buồng, việc xong thì phải chết. Đến trong khối sương thì phải đi trong sương khối. Muốn được trường tại cùng hư không thì phải hoá thân vào một hình thức tồn tại giống hết hư không.

Bài học đó là một công thức căn bản cho vô số chuyện đời, kể cả việc tu học. Muốn trọn kiếp không quên đạo thì phải biến những lời kinh văn tự thành một thứ sinh lực trong tâm khảm. Kinh điển bằng giấy thì dễ mục nát, kinh điển trong computer thì cũng có thể bị tẩy xoá. Chỉ có kinh tượng trong lòng người tử vì đạo thì mới hằng tại một đời. Giấy tốt sẽ lâu mục, máy tốt sẽ lâu hư, chữ nghĩa nhờ vậy còn hoài. Càng lệ thuộc những nhân tố phù hư thì sự tồn tại càng ngắn ngủi. Tình yêu chỉ

dựa vào bóng sắc ngoại diện sẽ tàn phai khi ngoại diện tàn úa. Tình yêu sẽ bất tử khi nó tồn tại trên cái gì đó không lệ thuộc năm tháng. Lời xưa cũng nói tượng đất ky nước và tượng gỗ ky lửa. Chỉ có kim cương là lâu bền. Nhưng hơn cả kim cương, cái gì càng giống hư không thì sẽ trường tại gần như hư không. Chung quy, hình thức tồn tại sẽ quyết định thời gian tồn tại. Ừ thì, “kiếp nào có yêu nhau...”

KIỆP DÃ TRÀNG

Một thiền sư trú danh người Thái Lan là ngài Achahn Chah từng nói rằng hành giả đừng quá tin tưởng vào cảm giác bản thân. Những gì mình thấy thích thú hay ghét sợ nhiều khi chỉ là một sự hiểu lầm. Có điều là xưa giờ thiên hạ thường khi không chịu suy lý bằng trí tuệ, mà chỉ đánh giá vấn đề theo tình cảm thương ghét của mình. Do được huân tập nhiều đời, thói quen đó có một sức mạnh khó cưỡng. Người ta sẵn sàng bỏ ra cả đời để vun xới các cảm giác buồn vui mong manh như một con dã tràng mòn đời bên bờ biển với những giấc mơ cát trắng bẽ

bàng. Ngồi yên ngắm nghĩa những buồn vui thương ghét trong lòng mình rồi bình tĩnh xem phản ứng của mình là do thứ nào tác động. Tôi nghĩ đó là một công phu quan trọng. Dĩ nhiên đây không phải chuyện đầu hôm sớm mai mà làm được, Tôi chợt muốn dùng một cụm từ, mà có lẽ nhiều người không đồng ý, để gọi tên một phép tu dưỡng là Tự Kỷ Âm Thị. Buổi đầu chuyện gì cũng khó, nhưng nếu nghiên rằng tập luyện lâu ngày thì tôn tin chắc chắn rằng có thể thành công. Đó là một tâm niệm có vẻ máy móc-rằng đã biết cái gì cũng phù du sao mình ngu thế!

Buổi đầu, nó có vẻ là một sự dối lòng hoặc là có chút ngây ngô. Nhưng qua nhiều ngày, tôi tin nó sẽ trở thành một thói quen. Bởi rõ ràng mọi phiền não chỉ là thói quen. Và thói quen này chỉ được

chấm dứt bằng một thói quen khác. Ở đây tôi tuyệt không muốn sử dụng bất cứ thuật ngữ chuyên môn nào trong kinh điển. Tôi không muốn có kẻ nói tôi tiếp tục rao giảng lỗi nhải hoặc xấu hay làm tốt. Chỉ cần một phần mười độc giả chấp nhận bài viết này thì tôi vui rồi. Mọi nhận xét khác..xin gửi gió cho mây ngàn bay!

Mỗi ngày hay tối thiểu mỗi tuần một lần hãy thử làm ngược lại ý muốn nào đó của mình xem sao. Chẳng hạn một buổi sáng ngồi trước máy Computer để làm việc, khi liếc mắt vào một đồng email hay tin nhắn mà mình nghĩ là không giúp ích cho công việc hay cho đời sống của mình. Cả điện thoại cũng vậy. Nếu thực tập được, hãy ráng lạnh lòng không bắt máy khi đọc thấy những số điện thoại mà mình đoán chắc rằng không ích lợi.

Cái phiền trong cuộc sống thường nhật thường xảy đến từ những thứ rác rưởi như vậy. Hãy can đảm làm ngơ với chúng để tránh hoang phí những phút giây vàng ngọc của đời sống ngắn ngủi. Đời sống có nhiều thứ đáng mất thời gian hơn những phiền phức không cần thiết ấy. Từ chối càng nhiều những thứ vớ vẩn thì tự nhiên đời sống có ngay những giá trị khó ngờ. Một cái tủ cất chứa quá nhiều những thứ rẻ tiền thì không còn chỗ cho những thứ đáng giá nữa. Muốn bên trong cái tủ thêm giá trị thì phải biết bỏ đi những gì không xứng đáng. Đó hình như lại cũng là một nguyên tắc.

Cứ thử chơi trò Tự Kỷ Âm Thị đó trong một thời gian. Có thể đó cũng là một trò chơi phù du như đã tròng xe cát thôi, nhưng một ngày nào đó gặp chuyện, ta

sẽ thấy ra cái diệu dụng của trò chơi thú vị mà cũng cực kỳ gian lao này. Mời anh, mời chị, mời cả những người tôi có thể gọi là em. Sân chơi là cõi lòng mỗi người. Hãy tập chơi một mình với riêng mình. Ô hay, ngoài kia là một bãi cát vắng người, ta ngồi xuống với ta như một cõi đi về...!

LÃNG MINH

Chuyện xảy ra ở Ấn Độ, trong một ngày của hơn hai ngàn năm trước...

Buổi chiều. Có một chút gió lạnh từ mặt sông thổi lên. Du sĩ Nilanetra vừa tắm xong, ông đứng trên bờ cát phủi từng mảng nước còn dính trên người. Trời sắp tối rồi, ông cúi thủi bước về ngôi đền đổ nát bên đường để tìm chỗ ngả lưng qua đêm. Hành trang của ông ít ỏi đến mức không thể bỏ quên món nào: Một cái bát đất dùng chung cho việc ăn uống tắm gội và một cái chăn mỏng màu cỏ úa cũng đã nhàu nát luôn đắp trên người như một kiểu giáo phục, và thường khi còn là mái

nhà cho ông. Mấy năm sau này lớn tuổi, ông có thêm chiếc gậy có thể tìm thấy ở bất cứ đâu: Một nhánh cây khô cầm vừa tay. Ai hỏi ông sao đăm đăm đến vậy cho khổ cái thân, ông bảo cứ ở đâu có người thì gì cũng có, mình chỉ nên chuẩn bị những gì không ai giúp được.

Đêm cuối năm trong ngôi đền cổ. Trời mỗi lúc một lạnh, Nilanetra đốt một ít phân bò khô để sưởi rồi thì cứ ngồi vậy mà ngủ quên lúc nào không hay. Những người quen biết thường kháo với nhau rằng Nilanetra tu hành mấy chục năm chẳng có sở chứng gì phi phạm, ngoài chút công phu nghe cũng lạ tai. Ông có thể nhớ rõ mình đi vào giấc ngủ và thức giấc bằng hơi thở ra hay vào. Chuyện đó nếu ông không nói ra thì ai mà biết được, vậy mà nó cũng thành giai thoại. Ngán

thiệt.

Buổi sớm mai bên sông, trời còn dày sương. Du sĩ Nilanetra thu mình ngồi trước đồng lửa, ông gõ nhẹ ngón tay lên chiếc bát đất theo một nhịp điệu mơ hồ, ánh mắt như đang dõi ra mặt sông xa vời. Ông nhớ lại giấc ngủ đêm qua. Có lẽ đã hơn hai mươi năm rồi, ông chưa từng có một giấc mơ lạ lùng kiểu vậy. Nói là chiêm bao, nhưng nó là một đoạn dài hồi ức, chính xác và chi tiết đến không ngờ...

Ngày đó, sau mấy hôm liền ngồi bên bờ sông ngó theo dòng nước đã cuốn trôi cái xác của người chị họ mà người lớn bảo là thủy táng gì đó để hồn chị về trời, cậu thiếu niên Nilanetra cứ tự hỏi mình một điều không sao có lời đáp: Sương khổ gì một đời rồi cũng bị thả trôi sông kiểu đó hay sao ?

Mấy hôm sau, một nhóm du sĩ đi ngang nhà đã đồng ý cho Nilanetra tháp tùng sau một câu nói lạnh ngắt của cậu với người thân trong gia đình: Hoặc đi hoặc chết. Chẳng biết vì sao cậu lại có được suy nghĩ này: Cứ sống khổ như điên sẽ bớt được phần nào nỗi sợ hãi. Nilanetra đã lên đường từ đó. Thời gian của kiếp đời du sĩ không thể tính bằng năm tháng. Vừa làm mát vừa làm vỡ trên dưới chục cái bát đất, thay mới gần chục tấm vải choàng, Nilanetra đã ra một du sĩ chính hiệu: Không tình thân, không cố quận, không nhớ nổi chuyện gì ngoài hơi thở. Và để qua được chừng ấy đoạn đường tu trì khốc liệt, ông dĩ nhiên đã phải trả một cái giá đắt hơn mạng người.

Năm ấy, nhóm du sĩ dừng chân ở một ngôi làng trù phú để an cư mùa mưa. Cơm

bánh đưa tận miệng và chỗ ở thiết đàn hoàng đã làm gã du sĩ trẻ chùn chân không muốn đi nữa. Và tệ nhất, trong vài ngày sau cùng trước khi phải rời đi, một chuyện động trời đã xảy ra. Hôm đó, cô con gái của ông thợ gốm trong làng sau khi rót cho Nilanetra một bát sữa nóng, đã nói nhỏ vào tai chàng một lời thầm thì nhẹ như hơi thở. Nàng rủ chàng ở lại làng nắn đất sét với nhau một đời !

Du sĩ Nilanetra chết điếng, toan đem trả lại thầy chiếc bát đất để được ở lại. Nhưng chàng đã được cứu nạn bằng mấy câu nói của lão du sĩ già trong nhóm: Cầm lấy cái bát đất này, chúng ta chỉ có một lựa chọn là đi tới, đi hoài. Dừng lại, chúng ta không còn là mình nữa. Hãy nhớ, ngày xưa từng người trong chúng ta đâu phải ngẫu nhiên chọn lấy con đường này. Chúng ta sẽ có lỗi

với ba đời du sĩ. Chúng ta dễ dàng bỏ cuộc, mai một thiên hạ ai người cho cơm du sĩ nữa. Hãy quên đi nắm đất sét của người ta, tội mình còn có cái khác lớn hơn.

Cứ vậy mà nhóm du sĩ cũng đã tiếp tục lên đường đầy đủ túc số, không mất một ai. Họ đi về phía mặt trời mọc để sống qua ngày và về phía trời lặn để tìm chỗ qua đêm. Họ tiếp tục đi với hai bàn tay không sự sản và qua mấy mùa mưa nắng, họ đã bao lần dừng lại để an táng những du sĩ vĩnh viễn nằm lại bên đường và đón nhận thêm những du sĩ trẻ tuổi để giữ lại một dòng chảy....

Nhóm du sĩ đã gặp gỡ và đã chia tay biết bao là những đồng đạo khác nhóm, rồi thì một ngày kia họ đã hạnh ngộ với một đoàn du sĩ xem chừng chưa gặp qua bao giờ. Căn cơ, bài bản và thanh tịnh...

Nét chung của họ là vậy. Bậc thầy của họ nghe đâu là một ông hoàng bỏ ngôi đi tu. Sau ba ngày đêm sống cạnh nhau ở một góc rừng, thầy trò của Nilanetra tiếp tục lên đường và ba năm sau, sư phụ của Nilanetra đã vĩnh viễn nằm xuống ở một thôn nghèo. Trước lúc nhắm mắt, lão du sĩ nhìn quanh các đệ tử và thều thào:

- Ta đi rồi, các con hãy về với họ. Ba năm nay, ta chỉ đợi ngày này...Chúng ta chỉ có mỗi cái bát đất, chưa đủ để qua sông đâu, các con ạ. Hãy về với họ. Hãy nhìn kỹ, họ không nắm giữ bất cứ cái gì hết. Kể qua sông thực sự phải vậy các con à !

Mùa mưa năm đó qua đi, nhóm du sĩ huynh đệ của Nilanetra chính thức chia tay nhau. Tăng đoàn gặp gỡ ngày trước đã nhận hết bọn họ. Riêng Nilanetra tiếp tục con đường cũ. Chàng hiểu rõ lý do mình

chọn lấy quyết định đó. Trên đời này không phải lúc nào cái tốt nhất cũng cái hay nhất. Chàng chọn lấy cái gì vừa sức mình. Sau khi về thăm ngôi tháp đá thờ tro cốt sư phụ, Nilanetra trở lại ngôi làng cũ để gặp lại người xưa lần cuối. Người con gái năm nào giờ đã ra kẻ lạ khi nhìn thấy cố nhân. Giàu có và hạnh phúc, nàng lạnh lùng như không còn nhớ mặt người cũ. Vài chiếc bánh, một chén sữa....Đó là những gì chàng nhận được bây giờ.

Nilanetra lên đường với một tâm cảm thật lạ, thanh thản nhẹ nhàng. Nhẹ nhàng vì thấy mình giờ không còn gì để nặng lòng nữa, dù đôi lần trong những đêm khuya vẫn còn nghe một chút ngậm ngùi không tên. Và những buồn vui ấy đã hoà tan vào bài tập hơi thở mà Nilanetra đã học được từ một tăng sĩ áo vàng mà

chàng vẫn gọi là Người Bên Ấy với một
khẩu quyết thiệt ngộ:

*Biết rõ hơi vào ra
Không người cũng chẳng ta
Những buồn vui thiện ác
Gì cũng áng mây qua ...*

Hai mươi năm sau, vào một buổi chiều
của năm 563 trước Tây Lịch, Nilanetra
bắt gặp một nhóm tăng sĩ áo vàng, có
cả một sư huynh của mình ngày trước,
đang sụp mình đánh lễ một gò đất từ xa...
Ông lại gần hỏi thăm. Họ bồi hồi cho ông
biết đức Thích Tôn gì ấy đã viên tịch hơn
tháng qua, gò đất kia chính là chỗ dựng
đài hỏa táng...

Biết mình đã lỡ dịp gặp mặt một bậc
đại giác, lại nghe kể chuyện ngày sau khi

Phật Pháp sắp mãn kỳ tăng sĩ chỉ còn một mảnh vải vàng trên cổ, Nilanetra bất giác đưa tay nắm chặt tấm áo choàng của mình:

-Ta không có thần thông để trong nháy mắt có thể đi ngàn dặm không gian, nhưng rõ ràng ta đã vì thiếu duyên mà đi trước mấy ngàn năm thời gian để tới được thời mạt pháp trước bao người thiên hạ !

Megahut, đầu hạ 2009

LÁ CHÚC THU DƯỚI NỀN CỔ THÁP

Chùa Túc Châu ở Tế Nam là ngôi pháp vũ nổi tiếng một thời với nhiều đời phương trượng chuyên tâm un đúc các thế hệ long tượng cho Phật giáo Trung Hoa từ thời Thanh mạt. Nghe đâu ngoài một tờ thánh chỉ sắc tứ, chùa còn lưu giữ không ít bút tích đề tặng của nhiều thân vương Thanh triều cùng vô số danh sĩ thiên hạ đương thời. Trong thời buổi mà đời sau miệt thị là phong kiến ấy, chốn già-lam thường là chỗ gặp gỡ của các bậc nhân tài cao sĩ khắp triều dã. Một buổi xướng họa, vài tuần trà hay chỉ một cuộc cờ ở đó rất có thể sẽ là khởi điểm cho một sự cố hay biến chuyển

nào đó về văn hóa hay thời cuộc trong thiên hạ. Chùa Túc Châu từng là một điểm hẹn kiêu đó. Hoà thượng Vạn Khánh là phương trượng đời mười bốn ở đây.

Một tấm lưng khòm trên hình hài gầy guộc, y phục nâu sòng và chỉ dùng mỗi cây gậy trúc khẳng khiu để tới lui đây đó, không ít người thoát nhìn cứ ngỡ hòa thượng là một lão nông nào đó đến vắng cảnh chùa. Hiếm ai trong lần sơ ngộ có thể ngờ được cái sở học kinh người và một đạo hạnh thâm hậu phía sau vẻ ngoài thô lậu thanh bần ấy. Mấy mươi năm trước, ngài đã từ quan để đi tu với phương trượng chùa Túc Châu lúc đó là đại lão tăng Vạn Tường, tương truyền là một kỳ nhân có thể chỉ uống nước lạnh suốt nhiều tháng trong mỗi lần trì tụng một bộ kinh nào đó. Danh sư xuất cao đồ, học chúng Túc Châu

không hiếm người mẫn phúc kinh luân để thừa tài an bang tế thế.

Đầu thập niên 1940, tình hình chính trị Trung Quốc ngày một phức tạp, xã hội cũng theo đó biến đổi tệ hại hơn. Tình trạng sinh hoạt của chùa Túc Châu dĩ nhiên cũng ít nhiều bị ảnh hưởng theo dòng thác thời cuộc. Tăng chúng tông học tại đây ngày một thưa thớt. Từ con số trăm vị lúc cực thịnh xuống còn không được một nửa, vậy mà cũng phải bữa cháo bữa rau. Rồi một ngày sau năm 1949, có ai đó ác tâm tố cáo chùa chứa phản động, chính quyền ra tay truy xét thô bạo rồi giải tán toàn bộ học chúng chùa Túc Châu. Bao nhiêu đồ đệ tinh anh thực học của hoà thượng Vạn Khánh giờ chẳng còn ai. Ngài trở thành một ông từ già với hai chú tiểu tóc đào giữa ngôi đại tự mệnh mông.

Chùa vắng như không người, nhưng tai mắt công an vẫn ngày đêm lảng vảng. Thời gian trôi nhanh không ngờ được. Khách vắng lai thưa dần, rồi không còn ai về thăm Túc Châu nữa. Tin tức ở đó ngày càng hiếm hoi. Một ngày mùa đông năm 1981 có vị lão tăng ghé lại Túc Châu xin ngủ nhờ qua đêm. Chùa chỉ còn hai sư bà hom hem. Khu hậu viên ngổn ngang chuồng trại. Sau ngày giải phóng, chùa Túc Châu có lúc được trưng dụng làm trại chăn nuôi gia súc. Sau một thời gian chăn nuôi thất bại, chùa Túc Châu lại bị bỏ hoang rồi dần dà địa phương cho mời hai sư bà từ một chùa khác sang trông nom nhang khói ở đây. Từ sau lúc hoà thượng Vạn Khánh viên tịch, chẳng biết hai chú tiểu hầu ngài đã trôi dạt về đâu.

Tiếp đãi vị lão tăng như một khách quý, có lẽ phần nào cũng do thấy ông cao tuổi, hai sư bà cung kính hướng dẫn ông đi thăm quanh chùa và khi đi ngang ngôi tháp sau hậu viên, họ thản nhiên cho biết trong đó là chỗ thờ di cốt vị phương trượng cuối cùng của chùa Túc Châu. Vị lão tăng ngỏ ý muốn được vào làm lễ, hai sư bà dĩ nhiên đồng ý. Lòng tháp chật hẹp, lại nặng mùi ẩm mốc. Ông ngậm ngùi nhìn lên một cái bục lụa màu đỏ đặt trên bệ thờ. Trong đó là chiếc tiểu sành đựng di cốt của hòa thượng Vạn Khánh. Một nhúm nhang đang cháy dở dang bên cạnh. Vị lão tăng đưa mắt nhìn quanh rồi khẽ giật mình. Ông vừa đọc thấy hai hàng chữ ngoằn ngoèo trên vách tháp. Cố giữ vẻ tự nhiên, ông chỉ tay lên vách rồi từ tốn hỏi hai sư bà :

- Xin lỗi, chữ gì trên đó lem nhem quá, hai sư bà có thể đọc cho nghe được không ạ ? Mắt tôi kém quá ...

Hai người gật đầu :

- Chúng tôi có thấy, thưa thầy, nhưng không đọc được là những chữ gì. Có lẽ chỉ là hình hí họa của ai đó tiện tay thôi ạ!

Nằm trần trọc trong gian phòng rộng thênh của sư phụ ngày nào, Đại Chuyết cứ nghĩ mãi đến hai dòng chữ đọc được khi nãy. Có lẽ cho đến bây giờ thiên hạ vẫn chưa ai chú ý đến chúng. Hai sư bà không đọc được chỉ do họ không thể ngờ đó là hai dòng thảo tự được viết ngược. Thảo tự của mỗi người hầu như đều có chỗ tùy tiện riêng tư, đã vậy nếu bị viết ngược thì càng mù mịt hơn. Ông đọc được chỉ vì từ lúc còn là học tăng, một vài huynh đệ đồng khóa của ông đã cùng nghĩ ra lối viết ấy để

xướng họa trong lúc giải trí. Những người đọc được kiểu lộng thư này dĩ nhiên không nhiều. Hai dòng chữ kia tiếp tục nhảy nhót trong óc ông như một thách đố:

*Đài thượng vô tục diệm
Tháp hạ hữu di thư*

Câu một đúng là hoàn cảnh của học viện Túc Châu bây giờ. Thế còn câu hai? Phải chăng sư phụ còn có điều muốn nhắn gửi? Ngài muốn dặn dò điều gì, cho ai?

Sáng sớm hôm sau, ngay từ lúc sương mù còn chưa tan hết, Đại Chuyết đã lặng lẽ cầm chiếc đèn pin lần ra ngôi tháp với một thanh gỗ nhỏ trong tay. Sau một lúc chau mày quan sát, ông cúi người gõ nhẹ xuống từng viên gạch dưới nền tháp. Đây rồi. Trong góc cùng của tháp có một viên

gạch không được trát vữa. Đại Chuyết gỡ nhẹ tấm gạch lên và bắt giắc rùng mình. Một cuộn giấy tròn được phong kín bằng sáp nện nằm khuất dưới lớp cát mỏng.

Xếp lại viên gạch vào chỗ cũ, Đại Chuyết quay về phòng rồi vặn lớn ngọn đèn. Gió sớm mùa đông vẫn lạnh như cắt da và thổi tràn từng đợt qua khóm trúc lớn bên cửa sổ, thế mà ngồi trong phòng, Đại Chuyết cứ phải lấy tay áo thấm mồ hôi trán.

Bên trong lớp sáp kia đúng là lá thư của ngài Vạn Khánh. Một lá thư dài, khá dài, và cũng là những dòng thảo tự viết ngược, đầy cả hai mặt giấy. “Chư đệ tử! Không muốn người ngoài đọc được lá thư này, ta đành một lần khiến mình chẳng giống mình là sử dụng ám tự, dù đó chỉ là kiểu lộng thư của huynh đệ các con. Ta

không thể biết trước ai sẽ là người tìm thấy lá thư, nhưng vẫn hi vọng đó sẽ là một người trong số các con.

“Sự biến xảy đến với Túc Châu quá bất ngờ, khiến ta không kịp có được một buổi uống trà cùng các con như vẫn mong mỗi, để bây giờ phải ngồi một mình mà nói với các con bằng mấy dòng này. Muộn chẳng? Có còn kịp lúc nữa hay không, các túc đồ của ta? Ta cũng như các con, đều là những người tay trắng. Cái duy nhất ta có thể để lại cho các con chỉ là những thứ ta nhận được từ sự phụ mình và đã lấy đó làm hành trang trên đường đạo nghiệp. Ngày nào đọc được lá thư này của ta, có lẽ các con sẽ hiểu rõ thêm vì sao ngày xưa ta đã như quá vô tâm khi chọn cho các con những pháp hiệu nghe qua có phần nghịch nhĩ: Bất Tài, Vô Đức, Vô Năng, Vô Học, Vô Trí,

Tiểu Mạn, Đại Chuyết... Chỉ một người duy nhất trong số các con có được chữ Vạn của dòng truyền pháp Túc Châu, đó là Vạn Nhậm. Điều đó do đâu, ta sẽ nói ở sau. Chỉ nên biết, ai ta cũng thương đồng đều hết. Và ngay trong việc đặt cho pháp hiệu cho từng người cũng không hề có chút thiên vị. Chỉ có khổ tâm dụng ý mà thôi. Bây giờ các con chẳng còn bên cạnh ta nữa, mấy dòng tâm huyết này thay ánh mắt ta dõi nhìn theo từng bước luân lạc của các con...

“Với Bất Tài, ngọn bút kinh nhân của học viện Túc Châu, hãy luôn nhớ lời ta: Người thế gian còn biết nói lập thân tối hạ thị văn chương, trong cửa đạo chữ nghĩa cũng chẳng qua là một trong nhiều phương tiện hành hoạt. Đời kẻ cầm bút lắm khi bạc tựa kiếp tầm: Rút hết tinh anh ghi chép chuyện đời để sau cùng người

thương tâm tổn trí lại cũng chính là mình. Chỉ nên cầm bút khi không thể có chọn lựa nào khác, và luôn biết được chỗ dừng để không mắc lỗi. Chép chuyện đời sao bằng ghi chuyện mình và ghi chuyện mình sao hơn được việc lặn lội sửa mình!

“Với Vô Đức, người nổi bật trong đám học trò của ta về khả năng giám chúng, nên nhớ lời ta: Quản chúng ở trình độ rất ráo phải được bắt đầu từ khả năng tự hoá, tự quản. Con sẽ là một phương trượng mẫu mực khi biết tự khiêm để trở thành biển lớn dung chứa muôn sông. Tăng tục bên con là người từ muôn phương sao tránh được những dị biệt. Hãy quên mình đi, để không một cá tính nào của người thiên hạ có thể làm phiền lòng con. Đào dưỡng và cư mang các thế hệ tăng-già là trọng nhiệm thiêng liêng nhất của nhà

thiền. Lúc cần, hãy biết lãng quên tất cả những ý niệm Lớn Nhỏ Bỏ Thử. Trong Phật môn không hề có việc người cai trị và kẻ bị trị. Thử hỏi ai có quyền nghĩ những trưởng tử nào đó của Như lai đang nằm dưới tay mình? Những tục niệm như ghét thương, sở hữu cũng cần được cảnh giác. Người xuất gia phải sống bằng ý niệm không nhà, nếu không cần cần sẽ là trò cười thiên hạ khi bỏ nhà nhỏ rồi lại vào nhà lớn. Bao dung, và xả kỷ là những điều cần cội cho sự nghiệp truyền đăng của một phương trượng.

“Với Vô Năng, người chới ngồi với phong phạm một giảng sư quán chúng, hãy nhớ lời ta: Hiền thánh xưa nay có được khả năng lập ngôn vì đã qua được bước đầu lập hạnh. Bản hạnh vững vàng thì ngũ ngôn tự khắc có hấp lực. Tài hoa

trên chót lưỡi đầu môi chỉ là trò chơi của một sớm một chiều. Ngay đến người tập võ trong dân gian cũng phải thành tựu nội công mới mong có được chuỡng lực. Những bậc pháp khí đến cầu pháp sẽ nhìn con ra sao hơn là nghe con nói gì. Đức Thích Tôn và các cao đồ của ngài thuở trước đều dùng đủ cả thân giáo và ngôn giáo để độ sinh. Không trang nghiêm được lòng mình, người nói pháp dễ mắc lỗi lầm, mà trong đó, Tự Tán Hủy Tha là một điều đại kỵ của người sứ giả Như Lai, khiến tổn giảm âm đức, đánh mất lý tưởng nối truyền huệ mạng.

“Với Vô Trí, một học tăng thừa tài kinh quốc, thân đắp Phật y nhưng vẫn nặng lòng với thế cuộc, hãy nhớ lời ta: Xót thương quần sinh chính là bản hạnh của Bồ Tát, nhưng nên thương thế nào cho

hợp cách với một Sa Môn. Đừng bao giờ chọn cho mình con đường dẫn đến tuyệt địa. Vì lắm khi mãi lo dẫn thân bạt mạng mà tự mất lối về. Việc chưa xong mà trước sau đều nghìn trùng không bờ bến, chơi vơi giữa dòng. Lại nữa, khả năng kinh quyền cũng là một vốn liếng quan trọng cho con. Đến như việc ôm bát khát thực để tìm một bữa ăn còn phải nói đến hai chữ Tùy Duyên thì kể chi đến chuyện an bang tế thế càng khó lắm thay. Kẻ làm tướng cầm quân ra trận còn phải nhớ những điều cấm kỵ trong binh gia để tránh vong mạng oan uổng thì kẻ nuôi hạnh Bồ Đề càng phải thận trọng mười lần. Chúng ta thân gửi Không Môn mà lòng chẳng quên thương đời, nhưng lòng dẫu có thương đời cũng nên nhớ thân đang tại Không Môn. Đến được rồi cũng đi được, đó chính

là bản lãnh tự tại của một Bồ Tát giữa biển lửa tử sinh. Và tinh thần tự tại đó còn có một ý nghĩa quan trọng khác là Bồ Tát chỉ luôn hành động bằng sự tự quyết thông qua lòng đại bi và đại trí của chính mình, tuyệt không vì tác động nào khác hay của bất cứ ai.

“Với Vô Học, người luôn xứng danh với ngoại hiệu Tòng Lâm Thủ Sách bằng sở kiến thâm viễn và lòng cầu học vô bờ, hãy nhớ lời ta: Mỗi cá nhân chỉ là một hạt cát nhỏ nhoi giữa vũ trụ bao la với kiếp sống trăm năm vốn ngắn ngủi như một chớp mắt trên dòng thời gian vô thủy vô chung. Những điều có thể học được thì nhiều như cát biển. Kiến thức của người uyên thâm nhất thiên hạ nhiều lắm chỉ là một vốc cát biển, một nắm lá rừng. Do đó cái chí yếu của việc học cốt nằm ở chỗ sử dụng

mà thôi. Mỗi cuộc bình sinh chỉ có một lý tưởng sống, người hiếu học đến mấy cũng chỉ nên chọn lấy điều có thể ứng dụng cho lý tưởng sống đời ấy. Càng ham vun vít nhăng cuội thì sau cùng mọi sở tri có được chỉ là những thứ nửa vời vô dụng. Hãy tùy sức mà học lấy những gì thực sự bao hàm được cả hai ý nghĩa tự lợi và lợi tha. Ngoài ra tuyệt chẳng nên phí sức. Nên phân biệt rõ điều mình thích và cái mình cần. Kiếp nhân sinh tựa phù vân nên vốn không có đủ thời gian cho những đam mê vô bổ. Kẻ học đạo giải thoát càng phải lưu tâm cảnh giác những sở tri chướng vốn ngăn ngại tuệ nghiệp. Đôi khi chỉ vì chút hư danh mà cam tâm vui đầu làm một sách quên tu há chẳng hoang phí thân người lắm ru!

“ Ta đặc biệt cho Vạn Nhậm cái pháp hiệu nghe ra đàng hoàng nhất ấy cũng

là có chỗ dụng ý. Hẩn không sở đắc một biệt tài nào xuất chúng, tất cả ở hẩn chỉ ở mức Cần và Đủ. Sở trường duy nhất của hẩn là một tâm địa có thể dung hòa mọi thứ, và có thể khởi hành ở mọi lĩnh vực. Đó chẳng là bản lãnh mà Khổng Phu Tử xưa đã tự nhận xét về mình khi so sánh với các đệ tử hay sao ? Dĩ nhiên trong một đại sự quan trọng Vạn Nhậm tuyệt không thể không cậy nhờ đến từng người trong các con, và ngược lại, các con có lẽ cũng rất cần đến một người giống hẩn. Tương duyên chính là mạch sống trong quan hệ sinh tồn của vạn pháp hữu vi. Muôn duyên hòa hợp nhau mà vận hành đồng bộ. Trong đó không có chính thứ, trước sau, trên dưới, mạnh yếu theo chiều dọc vì tất cả đều có cùng cái giá trị của một mắt xích trong chuỗi tương quan. Ta chỉ

lo là khi thiên hạ ai cũng muốn trở thành sao sáng thì một người như Vạn Nhậm quả là không dễ gặp. Ta may mắn có được một học trò như hần, chỉ tiếc hần quá yếu mệnh. Còn nhớ buổi chiều an táng hần, ta đã đau xé lòng như ngày xưa đức Khổng đã khóc thương Nhan Hối. Các con nên hãnh diện vì một huynh đệ như hần. Dù hôm nay hần đã không còn nữa...

“Còn nhiều, nhiều lắm. Có thể nói một trăm hai mươi học tăng ở Túc Châu đều có sở trường. Trong mấy trang giấy này làm sao ta có thể kể ra hết từng người. Nhưng chung quy lại, mỗi người trong số các con có thể phần nào dựa theo ý nghĩa tên mình mà đoán được dụng ý giáo huấn của ta. Nên nhớ, hãy lấp đầy sở đoản và phát huy sở trường bằng một khẩu quyết duy nhất: Vạn Pháp Do Duyên, Tùy Thời

Tiến Thoái! “Ta viết lá thư này khi các con đã ra đi ba năm mười một tháng. Viết khi tự biết mình không còn lại bao nhiêu thời gian. Viết mà không biết gửi cho ai, và làm sao gửi. Ta đặt lá thư dưới nền cổ tháp với một lời ám chỉ mơ hồ trên vách. Ta chỉ xem đây như một trò chơi định mệnh với kết quả thật mong manh. Hi vọng mai này khi trở lại Túc Châu, ai đó trong số các con sẽ tìm thấy lá thư này. Nếu được vậy, đúng là duyên phận sư đồ của chúng ta vẫn còn đó...”

Thầy Đại Chuyết bàng hoàng gấp lại lá thư. Ông lặng người tưởng lại gương mặt từ bi của sư phụ rồi nghĩ đến số phận của từng người trong huynh đệ ông từ sau ngày chia tay nhau năm đó ở Túc Châu. Quá nửa số đó đã bằng mọi cách rời Hoa Lục để tìm ra hải ngoại. Kể sang Nhật,

người sang Đài Loan, Hương Cảng, rồi cả Âu, Phi, Mỹ, Úc. Thành công cũng có, thất bại cũng nhiều. Chỉ tiếc không ai đọc được lá thư này của thầy để rồi không ít người đã vong thân ngay trên chính sở đắc của mình. Lá thư của sư phụ như ngầm chứa những lời cảnh báo nghiêm trọng và buồn thay, nó đã chính xác một cách tàn nhẫn.

Chiều hôm đó, Đại Chuyết ra tháp lạy thầy lần cuối rồi lặng lẽ ra đi với lá di thư cất kỹ trong túi áo như một kỷ vật mà cũng là món hành trang sắp sửa muộn màng. Ông về lại Ireland với ngôi thiền thất bé nhỏ của mình bên một bờ nước quanh hiu sống bằng số lương ít ỏi của một giáo sư trợ giảng. Không đạo tràng, không tiếng tụng, không môn đồ, làm ít lỗi ít. Ông nhớ mãi câu nói đó của sư phụ ngày xưa khi đặt cho ông cái tên Đại Chuyết.

LÁ CỜ KALAMA

Lá cờ Phật giáo hiện tại có từ năm 1952 do ông Olcott nghĩ ra, với 5 dải màu tượng trưng cho các hạnh lành của Bồ Tát Thích Ca trước khi thành Phật. Nhiều năm qua chúng tôi vẫn có chút ý muốn làm mới lá cờ này để Phật giáo có thêm một biểu tượng trẻ trung, nhưng không có dịp thực hiện ý tưởng của mình. Nay nhân việc thành lập trung tâm Kalama, chúng tôi mạo muội đưa ra màu cờ Phật giáo kiểu mới cho riêng Kalama. Làm vậy, chúng tôi không hề có ý phủ nhận công lao tiền nhân, mà ngược lại, với chủ ý tôn sùng tinh thần của các vị.

Ai hôm nay nhìn vào lá cờ riêng của Kalama cũng thấy ra lá cờ truyền thống trong ấy, có khác chăng chỉ là một kiểu trình bày mới, một bố cục mới, nhưng trên tinh thần cũ.

Một lẽ nữa, vì chỉ là lá cờ của riêng Kalama và chỉ dùng tại trung tâm này nên chúng tôi cũng không ngại tình huống tiếng đời. Vì trộm nghĩ việc trừ dập thiện chí, thóa mạ sáng tạo thời nào cũng có, nếu ai cũng trùm chặn để được an toàn thì...

*Xin hỏi nhân gian trời cao đất rộng
Tội tình chi mòn gót những lối mòn
Chánh pháp nan văn, thân người khó được
Tâm thức khô cần cho hoa lá héo hon...*

LỐI XUA THU THẢO

Trời đất ở đây đang vào thu, cỏ cây đẹp đến chết người, nhưng bây giờ là tiết tháng mười, nên mới 5 giờ chiều thì nắng đã muốn tắt. Tôi ngẫu nhiên có mặt trên con phố này vào thời điểm sáng tối giao ban ấy, để lại có dịp thám thía một điều hết sức bình thường mà chiều nay thì bỗng nhiên rất lạ: Không cái gì ở đây là mới lạ với tôi hết, dù hôm nay là lần đầu tôi tới nơi này. Mọi thứ ở đây sao mà quen thuộc đến vậy. Rồi thì như một kẻ mộng du, tôi bật cười một mình. Có đi bao xa thì tôi cũng không sao trốn được cái bóng của mình, có đi bao xa thì cũng chỉ là sự trở

về, sự quay lại để mà trùng phục, tái hiện (samsāra)!

Chuyện đó nghe qua như huề vốn. Ai học kinh Phật lại chẳng biết qua cái điều rất đổi căn bản và đơn giản đó. Nhưng tôi vừa thưa rồi, không phải tôi vừa nhớ lại bài học giáo lý cũ, mà là thấm thía một điều từ lâu cứ ngỡ là mình đã học xong, chẳng còn gì để bàn đến nữa.

Tôi lại bước đi trên con phố, con đường lát đá không lưu lại tiếng chân, để tôi có thể lắng nghe trọn vẹn toàn bộ cái gọi là âm thanh một buổi chiều với những gió thổi, lá rơi và thoảng hoặc một tiếng còi xe từ đâu đó. Lối đi này chỉ dành cho người đi bộ. Thế là tôi yên tâm bước, dù vẫn luôn nhớ giữ lẽ phải để không làm phiền những người khách ngược chiều. Suốt mấy giờ đồng hồ chiều nay, như một cái máy được

điều khiển bằng một software cài sẵn, đôi chân và ánh mắt tôi chỉ dừng lại ở những nơi chốn gần như giống hệt nhau: Một góc cổ thụ xù xì, một tảng đá xanh rêu, một dòng nước trong vắt, những cửa hiệu nhỏ xíu kiểu boutique với những mặt hàng không thay đổi, như tranh tượng Á châu hay sách cũ.

Tôi giật mình khi nhớ lại bao lần lang thang đâu đó, hình như khẩu vị của tôi chưa từng thay đổi. Dù có thể đó là một nơi chốn chỉ mới đặt chân đến lần đầu, tôi cứ như đang quay về, chỉ vì tim tôi và mắt tôi chỉ hướng về những gì quen thuộc. Có đi đâu, với tôi cũng là tìm về chốn cũ bằng những con đường mới. Như chồn nhớ hang, như hổ nhớ rừng, trẻ con nhớ mẹ, viễn khách nhớ quê. Thế giới này có rộng lớn bao nhiêu cũng mặc, cái quan trọng là

cảnh giới của riêng tôi ra làm sao. Tôi có thể nhìn thấy nó qua bao nhiêu điều gợi ý, và bản thân nó có đủ để tôi vươn khỏi đầu cây ngọn cỏ để tới được trời xanh hay không. Không từng bỏ thời gian để nhìn lại cảnh giới nội tâm chính mình, cõi sống của mỗi người có thể chỉ quẩn quanh trong một bể cá kiếng.

Trong một thoáng phiêu linh tôi bỗng thấy mình chẳng còn là một du sĩ ta bà như vẫn tưởng, mà chỉ là một chú cá hồi (salmon) đang giã biệt trùng khơi để một mình làm chuyến ngược nguồn về lại nơi chốn mình đã phôi sinh từ bao đời kiếp. Tôi cũng nghe đâu đó trong sâu thẳm tim mình nổi niềm hoài quận của một người Do Thái điêu linh đang từng bước trở về miền đất Hứa của riêng tôi, như tôi đã hứa với chính mình, chứ không phải một đáng

cao xanh nào hết. Phải mà, Bồ-tát hay không Bồ-tát thì ai lại chẳng có một cõi miền để quay lại. Có điều rằng cõi miền ấy là đâu để một hạt cát hóa thân thành Phật hay tiếp tục vắn xoay trong biển đời miên viễn. Thì ra tôi chỉ là những gì chính mình vẫn hoài vọng và chốn đi về của tôi cũng chính là phương trời mình vẫn đau đáu ngoái nhìn. Một con cá hồi, một người Do Thái...Ai cũng chỉ là chừng đó mà thôi!

Tôi nhớ từng đọc ở đâu đó câu nói này: Hãy cho tôi biết 5 điều anh thích nhất và ghét nhất, tôi sẽ cho anh biết con người của anh ra sao. Con số 5 đó không lớn, nhưng theo tôi, hình như nó cũng tạm đủ để phác họa một con người cùng cảnh giới lai vãng của anh ta.

Nói vậy, nhưng nhiều khi chẳng cần đến con số 5 ấy để mà hiểu một người hay

một chuyện. Trong vùng tâm tưởng lan man, tôi chợt như nghe lại bên tai mình một câu chuyện trẻ con ai đó mới kể chiều hôm qua, để rồi phải giật mình khi nhận ra rằng nơi chốn để tôi quay về bây giờ phải là ở đâu.

Thằng bé Marlon 4 tuổi trong một bữa điểm tâm đã cầu nhàu với mẹ:

- Con chẳng khoái cái thứ phô-mai Emmentaler này tí nào, gì mà nhiều lỗ như tổ ong đấy mẹ ạ.

Bà mẹ biết rõ cu cậu chỉ thích kiếm chuyện, nhưng vẫn ôn tồn, dỗ dành:

- Mẹ biết, nhưng sáng nay nhà mình chỉ còn một thứ phô-mai này thôi. Con chịu khó một tí đi. Thôi thì thế này, cứ ăn hết phô-mai còn mấy cái lỗ trên đó thì chừa lại.

Thằng bé loay hoay một lát, rồi cũng

chén sạch miếng phô-mai vì không biết phải làm sao để chứa lại mấy cái lỗ!

Con đường lát đá trên con phố cổ buổi chiều cứ lặng câm không bật lên một tiếng động nào, nhưng rõ ràng tôi vừa nghe thấy mồn một từng bước trở về của mình trên một vùng đất hẹn:

*“Đường dài ngựa chạy biệt tăm
Người thương có nghĩa...trăm năm cũng về”
(Ca dao)*

Moeriken, Oct/25/09

LỆ GIANG

Một trong không nhiều những nơi chốn ở xứ Tàu mà tôi cứ thầm hẹn sẽ quay lại nhiều lần ngay khi có dịp, chính là Lệ Giang. Nhỏ mà xinh, lặng lẽ mà sinh động và trên hết vẫn là những con đường đi hoài không mỏi, ngó hoài không chán. Tôi chỉ lưu lại đó có hai đêm mà còn thương đến vậy. Nếu nấn ná thêm đôi ngày ai biết được tôi có đủ sức giũ áo về Mỹ hay không. Rồi thì cuộc vui nào cũng tàn, thiên hạ trong đoàn chia tay nhau. Khi chỉ còn lại một mình ở Thượng Hải mấy ngày cuối, nằm giữa một thành phố sầm uất náo nhiệt bậc nhất Trung Quốc mà lòng tôi cứ

trôi về một góc Vân Nam, nơi có con phố xưa mang cái tên đẹp như một người con gái. Tôi vẫn không hiểu nổi vì sao mình đã yêu Lệ Giang đến vậy. Chân đã rời bỏ mà lòng cứ như đã gửi lại đó, như một cái nợ tiền kiếp. Tôi xuống phố đêm để tìm chút mỗi mệt cho giấc ngủ được sâu hơn. Nhìn quanh bá tánh trên đường, một ly nước uống vội trong trà quán, rồi thì tôi cũng đã hiểu ra có sự.

Tôi đã có mặt ở một nơi chốn không thuộc về mình, những nụ cười ánh mắt bắt gặp đâu đó trên đường, trong quán thấy đều là của tạm dành cho viễn khách. Mình là khách, thiên hạ không có chi để nặng lòng thương ghét. Thiên hạ cũng không ai là người quen để còn có dịp gặp lại, thế là mình cũng nghe thanh thản. Sao cũng được, vui thì thôi, rồi sẽ quên nhau trong

đời. Thế là thương, là nhớ, là cảm. Vì đều cùng là kẻ lạ. Tôi đã thương nhớ Lê Giang vì ở đó tôi chỉ là kẻ lạ sẵn sàng rời bỏ nó mà đi. Ô hay, đó cũng là một triết lý để sống đời. Ngán nhất trong đời là phải gánh lấy thứ đã chán, phải gặp thứ đã không muốn thấy. Khổ nào cũng làm chảy máu phàm tâm, nhưng nếu được quyền chọn lựa, tôi thà chịu Ái Biệt Ly Khổ (thương mà phải xa) hơn là Oán Tăng Hội Khổ (ghét mà phải gần). Chia cách dù gì cũng là một kiểu buông gánh. Còn khoản cưu mang, dù là cưu mang vật chí thân chí ái, thì có trời mà biết lúc nào nó thành ra của nợ. Thế là cho em xin vậy!

Tôi bỗng nhớ lời Phật xưa. Hình như Ngài suốt một đời chỉ kêu gọi những cuộc lên đường, những sự buông bỏ. Từ Giới học, Định học đến Tuệ học, suy cho cùng

chỉ là những cuộc xoay lưng, chối bỏ, để làm khách lạ giữa trần gian. Tôi nhớ kinh ghi một lần đến thăm bệnh một vị tỷ kheo, đức Phật đã hỏi để nhắc nhở người bệnh: Người có thấy người là các uẩn hay các uẩn là chính người hay không? Đừng ngộ nhận những đau đớn đó chính mình hay chính mình đang chịu đựng những đau đớn đó. Vị tỷ kheo đã được đề nghị làm kẻ lạ với chính mình. Huyền diệu lắm thay! Đến cả pháp môn Vô Lượng Tâm cũng thế. Hành giả phải tránh nhìn về đời từ hai thái độ thương ghét. Thế là làm khách trong nhau rồi còn gì. Ai có quên điều tôi vừa nói, xin giở lại Thanh Tịnh Đạo Luận xem có phải vậy không.

Nhớ Phật rồi thì lại nhớ Ma. Tôi bỗng nghe tâm đắc quá chừng một ca từ của nhạc sĩ Trần Quảng Nam, biết đã lâu mà

mãi đến ngày ở Thượng Hải mới thấy thấm: Hãy Cứ Là Tình Nhân. Đừng lấy nhau, đừng cột đời nhau bằng giá thú hay nhẫn cưới, vì như rứa có thể sẽ mất nhau trong đời. Vâng, hãy cứ là tình nhân, là hai kẻ lạ vừa mến nhau trên đường để mà một đời yêu nhau, có nhau, như tôi đã yêu Lệ Giang và có nó trong tim mình. Nói xa xôi một chút, như tôi đã từng một lần thưa với người đọc, rằng thì là chúng ta chưa từng có nhau bao giờ, những giọt nước trên một dòng chảy làm gì có nổi một cuộc tương hội chứ. Hợp nhất, tương phùng thì ra chỉ là ảo giác. Người ta khổ vì chỉ thấy đời qua ảo giác. Từ đó, làm kẻ lạ trong mắt nhau chính là một kiểu sống minh triết. Hãy thấy ra sự thật để mà tự do và giải thoát.

Thương hay ghét nhau suy cho cùng là trao nhau những gánh nặng, những đòi hỏi. Tôi bỗng nhiên muốn gọi Phật Pháp là pháp môn Khách Sáo, nghĩa là luôn giữ lại một khoảng cách khách khí với tất cả những gì thương thích hay ghét sợ. Cái khổ nhờ vậy sẽ được hạn chế, niềm vui nhờ vậy sẽ được lâu bền hơn một tí và đẹp hơn một xíu!

Nói vậy cũng có nghĩa là sẽ có một ngày tôi phải quên mất Lệ Giang khi tự thấy mình không thể tiếp tục làm khách lạ ở đó. Có thương ghét một ai hay phương trời nào đó thì có nghĩa là tôi đang từng phút quên mất vai trò khách lạ của mình. Một trong những giây phút tuyệt diệu nhất đời tôi là những khoảnh khắc thấy mình độc lập tự tại bên cạnh những gì thân quen nhất. Huyết thống hay thâm

giao sẽ mất đẹp khi đôi bên bắt đầu đặt vấn đề khoảng cách. Khoảng cách lúc này đồng nghĩa với trọng lượng cộng với nhiệt độ. Ông Albert Einstein đọc thấy bài viết này của tôi hẳn sẽ đề nghị làm thêm một trái bom nguyên tử nữa không chừng!

Nói mấy rồi phút cuối vẫn nhận rằng kẻ lạ đang viết bài này cứ nhớ Lệ Giang tha thiết. Tôi mang ơn nó với những con đường lát đá, những dòng nước lượn lờ lưu cữu như chuyên chở những tâm tình từ thiên cổ. Tôi yêu nó với những chiếc lồng đèn đỏ đêm đêm giăng đầy trên phố như những chờ đợi, hẹn hò và réo gọi. Và sau cùng tôi yêu Lệ Giang vì nó đã cho tôi những suy tư tưởng chừng vừa tìm thấy từ một ngôi cổ tháp rêu phong. Đúng là trả hết một đời cũng chưa hết tình nhau!

LỜI CUỐI CHO NGƯỜI

Tất cả áo cơm đã nuôi lớn tôi 40 năm qua đều là của chung tất cả Phật tử VN. Tuyệt không một ai là quan trọng nhất trong món nợ ân tình khôn trả ấy. Nhưng bên cạnh cái chung ấy, vẫn có một điều riêng mà tôi những tưởng không thể không nhắc đến, đó là một ân tình vô danh, từ chối mọi danh xưng ở đời, đã đi ngang đời tôi như một tri âm tiền kiếp.

Những gì tôi đã làm được trong hai mươi năm trở lại đây, cho đạo và cho người, nếu không có bàn tay vô danh ấy hỗ trợ âm thầm thì ở đây tôi phải sính ngoại một tí để tránh nói ra một câu tiếng

Việt: I have nothing without you !

Mãi đến đêm nay tôi mới nhắc đến vị ân nhân ấy, chỉ vì hai lý do. Trước hết, cô là một đối tượng nhạy cảm trong mắt thiên hạ: Một phụ nữ chỉ lớn hơn tôi vài tuổi. Và lý do thứ hai, cô vừa mất chiều nay.

Cô đi nhẹ nhàng, thanh thản như tôi vẫn ước mong được thế. Một mình cô đơn chống chọi can trường với cùng lúc nhiều chứng nan y, cô vẫn lạc quan để chờ đợi ngày phát hành trọn bộ Kinh Nghiệm Tuệ Quán 3 cuốn. Nhưng cuốn hai vừa in xong, cô đã không kịp nhìn thấy.

Cô ra đi khi chưa một độc giả nào biết đến sự có mặt của cô trên đời này. Từ chối mọi nhắc nhở vinh danh, cô vẫn bảo cảm giác vô danh ấy cao sang lắm, bởi người đời hiếm ai chịu làm một đoá lan rừng cô đơn chết khô lặng lẽ trên vách đá nghìn

trượng. Giữa khi bao người thiên hạ cứ chen chúc nhau ngoi đầu tìm chút danh phận, lắm khi rõ ràng bất xứng mà vẫn cứ, thì con người ấy cứ âm thầm làm hạt ngọc vùi sâu trong bãi lau, bờ cát. Tôi vẫn luôn cúi đầu trước những suy nghĩ và kiểu sống của người cộng sự chỉ hợp tác online ấy.

Cô yêu niềm vô danh như loài sò hến một đời thỉnh lặng, nhưng ở cô, trên hết có lẽ vẫn là tấm lòng độ lượng vô bờ. Nhớ những lần đây đó râm ran những điều tiếng thị phi về tôi, tôi sợ cô buồn nên gọi phone hỏi thăm. Cô cười cho tôi nghe, để trấn an tôi thay vì ngược lại: Con nghe hết rồi, đọc hết rồi, mà có phải lần đầu đâu. Có mệt mỗi thì bay về đây con nấu cơm cho ăn một tháng để nghỉ ngơi. Chừng nào thấy khỏe thì đi, đi kiếm thêm một mớ thị phi nữa về làm quà...

Vậy đó, con người ấy là vậy đó. Luôn là một điểm tựa cho tôi trong những phút giây ngật nghèo nghiệt ngã nhất. Vậy mà chiều nay cô đã không từ mà biệt. Tôi còn lại một mình với mớ hồi ức quá lớn cho một trái tim đã cơ hồ không còn chỗ chứa...

Cô đã một mực im lặng, cô muốn tôi cũng im lặng. Chúng tôi cùng im lặng, để từ đó, cuộc đời cô đã trở thành một dấu lặng trong nhạc khúc phiêu linh nhất mà tôi được nghe trong đời mình. Một bóng hình đã vô tướng, một tiếng nói đã vô thanh. Nhưng chính cái vô thanh và vô tướng ấy mới là những nhịp cầu dẫn đưa cô hòa tan vào cõi vô cùng, không biên tế. Xa nhau rồi, mỗi lần nghĩ về cô, tôi mới hiểu cái gì là sự hòa tan trong cõi thinh không. Nhớ lần nào đó tôi cũng đã nói, phải là cái gì tương tự hư không mới thật

sự là vô cùng và bất tử...

Đêm nay, tôi viết mấy dòng này như làm động tác vẫy tay từ biệt một nhân cách đẹp, một tâm hồn hiếm hoi khó gặp trong cả cuộc bình sinh và mấy dòng này cũng là lời giải thích vì đâu các tập sách tiếp theo của tôi sẽ không được phát hành sớm như đã định. Người cộng sự mẫn cán vô tư nhất đã vừa bỏ tôi mà đi.

Ở đây, tôi cảm thấy không cần thiết có một lời nguyện cầu chúc phúc nào cho người vừa mất. Cô đã từng ngày tự siêu độ cho mình ngay khi còn sống. Nước ở thể lỏng luôn nặng nề để tìm về chỗ thấp nhất, nước ở thể khí luôn nhẹ nhàng, cứ có dịp lại bốc hơi về trời làm mây, không cần đến một lời kinh cầu nào của ai hết....

Và đêm nay tôi cũng xin giữ lại cho riêng mình những dòng lệ khóc người,

để mai này chúng còn có thể trở thành những giọt mồ hôi vất vả trên từng dặm đường phía trước của tôi khi cô không còn nữa, như nhân cách của cô chiều nay cũng đã hóa sinh thành một làn mây trắng trên cao.

Viết xong mấy dòng này, cũng xin bẻ bút thề độc không bao giờ viết một lời ai điếu nào cho ai nữa !

*Ừ thôi, giọt nước về trời
còn chi nuối tiếc cõi đời khói sương
Ừ thôi, người đã trên đường
tiếc thương mấy cũng vô phương mất rồi
Từ nay cứ ngó lên trời
thấy mây trắng...lại nhớ người ngày xưa !*

*Toại Khanh khắp ký
Thụy Sĩ, mùa đông 2018*

MẬT TÔNG

Diễm, từ Việt Nam gửi một tin nhắn cho tôi qua Yahoo Messenger để hỏi về Mật Tông. Cô bảo sáng nay vào paltalk nghe thiên hạ nói về hai chữ đó mà phút cuối vẫn mù mờ. Tôi hỏi sao cô không hỏi trực tiếp trong Room, cô nói giọng Huế của mình trọ trọ khó nghe, nói ra lỡ người ta không hiểu thì dị ờm (mắc cỡ chết). Tôi cứ bần khoản không biết phải nói sao về một chuyện không phải sở trường của mình. Không nói thì kẹt cho cả đôi bên: Diễm tiếp tục mù tịt về một chuyện kể cũng nên biết và tôi mang tiếng ăn quẩn

cối xay. Dù thiết ra thiên hạ có nghĩ sao thì trái đất vẫn quay mà.

Vậy rồi bài viết này ra đời. Muốn viết, tôi phải đọc lại nhiều thứ. Vậy là tôi viết bài này cho tôi, cho thiên hạ hay cho một Diễm xưa đều được cả. Dĩ nhiên, cũng mong Diễm nhớ giùm chuyện vui buồn ngày cũ, tiếp tục là một ấn chứng Mật Tông chẳng cần để người đời tọc mạch làm chi!

Tôi nhớ pháp môn Tứ Niệm Xứ được đức Phật gọi là Ekayano với những ý nghĩa là con đường duy nhất dẫn đến giải thoát, đồng thời là con đường của sự độc hành, viễn ly. Pháp môn Mật Tông – trước hết, cũng cần được tìm hiểu từ tên gọi như vậy. Theo chỗ tôi hiểu, nói cách gì thì Mật Tông cũng là một con đường tu chứng có đặc điểm nổi bật là kín đáo. Kín đáo vì nhiều lý

do: Pháp môn này theo người Mật giáo thì có những chỗ dễ hiểu lầm đối với người chỉ ghé mắt tò mò, nên tốt nhất ai tu nấy biết. Thứ hai là sở chứng của một người tu hành là vượt ngoài ngũ ngôn thường tình, biết giải thích sao cho một người ngoài cuộc. Thứ ba, pháp môn này đòi hỏi việc hành trì phải ẩn mật thâm lặng mới có ép-phê, phô trương hình thức chỉ làm hỏng công phu. Về nội dung tu học, Mật Tông cũng hướng đến sự chấm dứt phiền não thông qua việc giác ngộ thực tướng vạn hữu. Có điều là cách hành trì thế nào thì phải là người chịu theo Mật Tông mới biết. Người ngoài như tôi chỉ biết thêm một chuyện nữa là vai trò của một sư phụ trong Mật Tông lớn lắm, được xem là Ngôi Báu Thứ Tư sau Tam Bảo. Bởi nếu đưa chân vào hành trình huyền ẩn cơ mật

như vậy mà không có điểm tựa tinh thần cụ thể thì có nước chết. Nhưng chung quy, Mật tông là con đường luôn đề nghị hành giả tuân thủ nguyên tắc Omerta, chung thân thủ khẩu như bình, hé môi thì không xong. Như một người cụt hết hai tay đang ngậm chặt một nhánh cây giơ ra vực thẳm, mở mồm là nát xương. Nôm na là tự biến mình thành ngê sò ốc hến, im lặng một đời.

Tôi biết có người nghĩ tôi vừa mới đùa rởn trên một chuyện nghiêm túc. Nhưng gẫm lại, ô hay, hình như những ý nghĩa đó cũng cần thiết cho tất cả pháp môn tu hành của các bộ phái khác trong Phật giáo thì phải. Hành trì phải là lặng lẽ làm theo. Đâu có pháp môn nào kêu gọi sự khoe mẽ, phô trương bản thân. Như vậy, ta có thể không biết tới Mật Tông, nhưng những ý

nghĩa về Mật Tông vừa nêu ở trên, thì có lẽ ai người tu Phật cũng phải biết. Biết để sống lặng lẽ, tu âm thầm và nhờ vậy ai cũng dễ thương hết.

Suy cho cùng, tu hành là sự nhìn lại chính mình. Người tu Phật hình như chỉ nên nghĩ về người khác để sống vị tha. Không giúp được ai thì chẳng thà đừng nghĩ tới thiên hạ. Để dành thời gian mài giũa chính mình cũng là một cách lợi tha. Vì có thêm một người hiền thiện thì thế giới bớt được chút rắc rối. Độc cư lúc này cũng mang ý nghĩa Bồ-tát đạo, và chính ở ý nghĩa này, Hiển giáo và Mật Tông bỗng đứng tạo phùng ngoạn mục.

Nói dễ mịch lòng và dễ bị hiểu lầm, tôi không hoan nghênh việc ai đó đeo tượng Phật trên người. Vì nhiều lý do. Trước hết, mang cả tượng Phật vào những nơi bất

tĩnh thì hình như là bất kính, bất xứng. Thứ đến, tượng Phật trên cổ là tượng Phật ít được tưởng nhớ nhất, bởi đeo hoài thành quen. Vậy thì người đeo đã đánh mất ý nghĩa của tượng Phật rồi. Lý do cuối cùng, nhiều khi để người khác biết mình thuộc tín ngưỡng nào thì cũng không hẳn là tốt. Bằng chứng là tôi không mấy cảm tình với ai đeo thánh giá. Do đó tôi cũng không muốn tín đồ đạo khác bức mình khi họ thấy tượng Phật trên cổ những đồng đạo của tôi. Mình có Phật trong lòng, trên chùa và ở nhà là đã nhiều rồi. Quan trọng là trong tim mình có Ngài hay không. Đó là chưa kể trường hợp đeo tượng Phật rẻ tiền thì không ai chịu, mà tượng Phật đắt tiền quá thì cổ đeo mà bụng thì nặng, nặng vì sợ mất, sợ bị giựt, rồi thì đến mấy ngày Bát Quan Trai phải mất công tháo

cởi. Khổ quá. Về khoản này thì tinh thần kín đáo của Mật Tông hay tuyệt.

Sau khi đọc tin nhắn của Diễm, tôi bèn vào Internet lục lạo để tìm cho cô cái gì đó đeo trên cổ thay thế tượng Phật mà vẫn có ý nghĩa tu hành. Đúng ra thì không đeo gì vẫn là tốt nhất, nhưng có người lỡ mắc chứng Thèm Nặng Cổ thì sao? Đây rồi, tôi vừa tìm thấy một mặt dây chuyền hình bánh xe tám căm, hiểu là Pháp Luân hay Vô-lăng của thuyền Bát-nhã đều Ok. Người không phải Phật tử thì nghĩ đó là biểu tượng hải quân hay tàu biển gì đó cũng được. Đó là tu Mật Tông vậy. Miễn là tự mình biết riêng mình và ta biết riêng ta!

Ai nói sao thì nói, thỉnh thoảng tôi vẫn nghĩ rằng cái gì trên đời cũng đem lòe ra cả thì đâu còn gì hay ho nữa. Nửa kín nửa hở mới chết người chứ. Biết bao thiên hạ

cứ mộng mị về Diễm Xưa của ông Trịnh Công Sơn, Hoàng Thị Ngọc của ông Phạm Thiên Thư, rồi cả thứ lá Diêu Bông gì đó của ông Hoàng Cầm, và bút hiệu TTKH của tác giả bài thơ Hai Sắc Hoa Ti-gôn,... Nhiều lắm. Một góc nhỏ riêng tư lơ mờ nhân ảnh vậy mà thơ mộng dào dạt. Ai dám bảo mấy ông nghệ sĩ đó chẳng biết gì về Mật Tông chứ!

Này nhé, mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ, dài tay em mấy thuở mắt xanh xao... Tôi hiểu được ý nghĩa mấy lời đó thì chết liền. Vì đó là thần chú Mật Tông mà. Thần chú thì phải như rủa chú, và đã là chú thì mần rãng mà giải thích được phải không o nó!?

MỘT LẦN CHỢT NGHE QUÊ QUÁN TÔI XUA

Có người không hiểu Phật, than Phật giáo tiêu cực, nói toàn chuyện không vui. Từ đó Tăng ni chỉ được nhớ tới trong những ngày buồn như đám tang, cúng thất, cầu an cho người sắp đi. Rồi thì người ta còn đi xa hơn, xuống thấp hơn một tí, là khi nói đến Tăng ni là họ tưởng ngay đến những người mặt sạch, một cọng tóc cũng không có. Thậm chí họ cho mình cái quyền châm chọc khiếm nhã khi nhìn thấy Tăng ni đâu đó. Một chuyện mà có uống mật gấu họ cũng không dám làm đối với những người thế tục cạo trọc.

Có người không hiểu Phật, bảo Phật giáo Nguyên thủy là cục bộ, cũ kỹ, đóng khung, thiếu năng động. Rồi thì tự cho mình sứ mệnh làm mới mọi thứ. Có những cái MỚI đáng xem là tối tân hiện đại, nhưng cũng có những cái MỚI chỉ là thứ sản phẩm nửa chim nửa chuột, vừa đủ tạo ra một loài dơi.

Có người không hiểu Phật, đọc đâu đó về cái gọi là thời Mạt Pháp rồi thì nỗ lực làm cái việc mà họ gọi là bảo vệ chánh pháp bằng tất cả phương cách thế tục nhất. Nói như ai đó, Phật giáo cần được hiểu đúng chứ không cần đến một vành đai sắt tự vệ. Chánh pháp là những gì rất thật, như nắng gió, mưa sương, luôn cần được thấu đáo chứ không cần ai bảo vệ theo cách làm rào đuổi gà. Hiểu được thiên nhiên cũng là bảo vệ thiên nhiên. Không bị ngộ nhận

thì Phật pháp tự dựng hưng phát. Lo ngọn
quên gốc là một chuyện đáng buồn cho
nhiều người hôm nay.

Có người không hiểu Phật, trách Phật
pháp không có những phát minh khoa
học, trách Phật im lặng về những vấn đề
nóng bỏng mà khoa học hiện đại đang cố
tìm hiểu. Gì mà quanh năm bốn mùa cứ
Lục Căn, Tam Độc, Tam Học, Tứ Đế. Chán
chết được!

Có người không hiểu Phật, cho rằng
thiếu nghi thức màu mè thì không thể
quyến rũ quần chúng. Thế rồi những
phương tiện thầy thím kia chỉ đem về
cho Phật giáo những chuyên gia xin xăm
thích nhang khói nhưng luôn lẫn tránh
những cơ hội văn kinh thánh pháp. Họ sợ
nghe giảng như ai kia sợ thần chú!

Có người không hiểu Phật, cho rằng cứu cánh Niết-bàn gì mà buồn quá đỗi. Cái họ cần đến là một nơi chốn thơm ngát mát mẻ có thể tung tăng vọng niệm, hoặc thanh cao hơn một tí là có chỗ để họ ngồi... tụng kinh!

Có người không hiểu Phật, than các pháp môn tu hành truyền thống khô khan quá. Họ bày biện nhiều trò nghe qua đã thấy hấp dẫn. Có điều là sau mấy chục năm tu vui kiểu đó, một ngày kia họ phát hiện mình vẫn đứng yên ở chỗ xuất phát.

Có người không hiểu Phật, than lời Ngài có vẻ khó theo, bèn tự kiếm ra một con đường xem chừng ngắn hơn, dễ dàng hơn, dễ hiểu hơn. Cuối đời, họ giật mình ngó lại, mình chẳng còn là một Phật tử nữa, món duy nhất còn giữ lại được chỉ là cái pháp danh sư phụ đặt cho ngày trước.

Nhìn lên ảnh tượng Thế Tôn họ bỗng thấy xa lạ quá chừng!

Vậy thì trong mấy mươi năm hoàng pháp, đức Phật đã nói những gì? Nói kiểu ỡm ờ thì Ngài chẳng từng nói một câu nào hết. Nếu nói cận nhân tình một chút thì suốt cuộc độ sinh đức Phật chỉ nói đến hai chuyện: Cái gì là khổ đau và thế nào là con đường thoát khổ.

Chưa thấy được việc trầm luân sinh tử là một gánh nặng thì có bốn ba, đôn đảo cách mấy cũng quẩn quanh trong những hình thức hiện hữu cách này hay cách khác. Nhà Phật gọi đó là samsāra – tức là hành trình của những tái hiện, trùng phục, lặp lại những thứ đã diễn ra từ vô thủy như những bèo bọt trên sóng nước. Chưa thấy được lý tưởng căn bản của đường tu là thấu suốt, buông bỏ và lợi

tha thì mọi đạo lộ đều có thể là những lối mòn quanh. Chưa thấy chán ngán những trò đùa hí lộng của nhân gian thì người ta vẫn còn đắm lụy những thứ màu mè trẻ con không thật sự cần thiết cho hành trình trưởng thành của bản thân. Bao nhiêu bày vẽ, bay nhảy, tô điểm, thêm thắt đều chỉ làm mất thời gian trước cái gọi là nội dung Phật pháp ấy.

MỘT VÒNG TAY CHO THANH TẠNG

Tôi là một người có đến 1001 lý do để không thể và không nên trở thành một tay du lịch chuyên nghiệp, nhưng thiết tình trong bụng vẫn tự nhủ sẽ tìm dịp thăm viếng một vài nơi trước khi giữ sạch những giấc mơ xê dịch, để yên lòng lên non tìm động hoa vàng nào đó mà đánh giấc thiên thu. Một trong những nơi chốn mộng mơ đó chính là Machu Picchu ở tận xứ Peru. Chỉ là một di tích rêu phong, cũ kỹ thôi, nhưng nó có thể được coi là một Angkor hay Bình Mã Dũng ở Nam Mỹ.

Tôi biết đến địa danh này qua một bài viết trên Internet có tựa đề 1000 Places-

To-See-Before-You-Die, giới thiệu những nơi chốn đáng viếng trong một đời người phù vân. Tôi đã bàng hoàng khi ngắm qua mấy chục tấm ảnh chụp ở Machu Picchu để lại giật mình khi được biết rằng nó sở dĩ còn nguyên vẹn như vậy là nhờ toạ lạc ở một vị trí cực kỳ hẻo lánh, nằm ngoài khu vực đi lại của những người Tây Ban Nha thực dân mấy thế kỷ trước, tránh được chuyện bị họ đào xới tìm vàng. Theo các sử liệu, công trình này được người Inca thực hiện vào khoảng năm 1450, hơn một thế kỷ trước khi thực dân Tây Ban Nha (conquistador) tìm sang Nam Mỹ và lật tung thế giới của người Inca để moi vàng rồi thiêu hủy gần như trọn vẹn nền văn minh rực rỡ của họ. Theo tôi, nếu chẳng kể đến lĩnh vực minh triết, nền văn minh Inca đáng được xếp vào vài ba

chiếc nồi văn minh đáng nể nhất của trái đất xưa giờ.

Tôi dĩ nhiên chẳng có nhiều thời gian hay kiến thức để nói nhiều về một di tích du lịch nào hết, nhưng câu chuyện về Machu Picchu cứ khiến tôi suy nghĩ nhiều về vài điều liên tưởng. Vì sao Machu Picchu không bị giày xéo? Phải chăng mọi thứ trên đời đôi lúc cũng cần đến những bối cảnh thích hợp để tự bảo toàn. Ở đây tôi muốn dùng chữ Cõi Riêng. Có phải đó cũng là lý do ngày xưa đức Phật đã từng đề nghị các đệ tử của Ngài dừng tung tăng trong Ma Giới, chỉ nên vắng lai trong cảnh giới Chánh Pháp. Một bước rong chơi sa đà là khó có dịp quay đầu. Xưa nay biết bao người đã chết thảm chỉ vì bắt chước thiên hạ nói năng kiêu thánh hiền như cư trần bất nhiễm, hay vào địa ngục cứu người

rồi thì an lòng lăn xả vào tục lụy ngay khi chưa kịp có đủ khả năng tự vệ. Tôi nhớ báo chí trong nước khi nói về sự cố sập cầu ở Cần Thơ năm ngoái, đã cho hay hai nhịp cầu khổng lồ kia bị đổ chỉ vì giàn giáo quá yếu không chịu nổi sức nặng hàng ngàn tấn của phần bê-tông chưa kịp khô, chưa đủ cứng.

Từ hơn một năm nay, gần như toàn bộ các nguồn thông tin của Trung Quốc đều đổ dồn một phía để đánh bóng sự kiện Olympic vào tháng 8 năm 2008. Ai có thường theo dõi CCTV9 của Trung Quốc hẳn đã thấy như vậy. Người ta đã bằng mọi cách kích thích sự chú ý của thiên hạ bằng những quảng cáo rầm rộ và chuyên nghiệp. Vậy mà chỉ trong non một tuần nay, hào quang của Olympic Bắc Kinh 2008 đã có nguy cơ bị đẩy lùi sau một loạt

tin tức về những cuộc biểu tình đẫm máu ở Tây Tạng, và hôm qua, làn sóng xuống đường đã lan rộng đến Tứ Xuyên, nơi có một phần lãnh thổ của Tây Tạng ngày trước. Tôi đã bàng hoàng khi nhìn thấy trên TV, rồi youtube, trên internet, những hình ảnh đổ máu của người dân Tây Tạng trong mấy ngày qua. Ai khổ tôi cũng thương, nhưng ở đây, còn có thêm một chút tình đồng đạo. Dân tộc đang lâm nạn kia cũng là những người thờ Phật như tôi.

So với những chủ nhân ông của nền văn minh Inca ở Mỹ Châu mà tôi vừa nhắc ở trên, dân Tây Tạng có nhiều điểm đồng dị rất đáng lưu ý. Cũng đều có một lãnh thổ nằm xa khuất cuối trời, cách ly hẳn những miền đất ồn ào nhất của hành tinh. Cả hai đều sở hữu một nền văn hóa độc đáo và hiện nay, cả hai đều bị thôn

tính. Đó là những điểm giống nhau. Còn về chỗ khác nhau? Dấu vết còn lại của nền văn minh Inca bây giờ có lẽ chỉ là cái di tích Machu Pichu đáng gọi là kỳ quan kia. Trong khi đó, người Tây Tạng hình như có may mắn hơn một chút. Ngoài 6000 tự viện bị thiêu hủy sau năm 1959 với hàng trăm ngàn tu sĩ bị giết chết, họ đã kịp có một cuộc di tản đáng nể: Người thủ lĩnh tâm linh của họ là đức Đạt-lai Lạt-ma vẫn còn đó ở xứ người với một chính phủ lưu vong, và bước chân hoàng pháp của tăng sĩ Tây Tạng cũng đã theo đời lưu lạc của họ mà in dấu khắp mọi châu lục, thậm chí thành công hơn cả Tăng ni Việt Nam hải ngoại. Tôi nhớ đã đọc ở đâu đó một ý kiến rằng việc Trung Quốc đánh chiếm Tây Tạng không hẳn là cái họa cho xứ sở này. Tôi không dám có ý kiến trong chuyện đó,

chỉ thấy rằng quốc vận của Tây Tạng đã cho tôi nhiều bài học vô giá. Và một trong số đó chính là cái ý tưởng mà tôi đã nêu ở phần đầu của bài viết này.

Người Tây Tạng nhờ có một vị trí địa dư hẻo lánh, nên đã được an toàn trong một thời gian dài. Trong khi Trung Hoa hùng mạnh là vậy mà từ ngàn xưa vẫn phải liên tục khổ ải với các dân tộc láng giềng phía Bắc. Thứ đến, với kiểu hành trì khép kín của Phật giáo Tạng Truyền, đạo Phật của người Tây Tạng tuy không phải là nguyên thủy so với thời Phật, nhưng xưa giờ vẫn không có nhiều lắm những xáo trộn biến tướng so với thời kỳ của các ngài Atisa, Padmasambhava, Marpa, Naropa, Milarepa... Thậm chí đến tận hôm nay, có lưu lạc ở đâu, Phật giáo Tây Tạng gần như vẫn giữ lại được hầu hết những nét riêng

xưa giờ của mình. Có thể nói đó cũng là sự thành công đáng nể của dân tộc vong quốc này.

Tâm điểm của bài viết này chỉ quán quanh một ý: Dầu có phải tiếp cận với thiên hạ để phát triển và học hỏi, anh phải có một góc riêng để mà quay về. Bởi ăn nhờ ở đậu trên chỗ của người khác thì không làm sao lâu bền được. Và phương trời riêng tư đó của anh chỉ có thể an toàn vững chắc khi chính anh có được khả năng tự cố. Người còn của còn, người mất thì của cũng mất. Dân Inca hôm nay chỉ còn lại một di tích vật chất, thế là trang sử vàng của nền văn minh đó chỉ còn chờ ngày mục rã. Ở người Tây Tạng thì tình hình có khác. Cái họ giữ được không chỉ là những gì có thể sờ chạm. Cõi riêng của họ sâu thẳm hơn nhiều. Thậm chí nếu cả cao

nguyên Thanh Tạng có biến mất như một làn khói, thì dấu vết của người Tây Tạng và Phật giáo xứ này còn có biết bao nhiêu là những vùng đất mênh mông để tiếp tục tồn tại. Đời sống, rồi cuộc tu của mỗi cá nhân hình như cũng vậy: Anh phải có được một cõi riêng thật sự là máu thịt của mình, để mai này trời có sập xuống, thì anh vẫn cứ thanh thản tự tại. Trong hoàn cảnh nào, màu áo nào, anh vẫn tiếp tục là một hành giả, một Bồ-tát, một Vô Vị Chân Nhân.

Chiều nay tôi vào www.flickr.com như một thói quen những khi mệt mỏi. Và thật ngẫu nhiên tôi đánh chữ Tibetan Monk để rồi bắt gặp mấy tấm ảnh nhìn qua mà cứ nao lòng. Một khoảng trời xanh ngắt in đậm đỉnh núi tuyết cao ngất đầu đó thật xa, và đôi ba nhà sư Tây Tạng

bên con đường mòn chân núi đang ngồi nhìn về cuối trời, như vẫn chờ đợi mỗi mòn một ngày về xa xôi của dân tộc. Họ bây giờ mất hết rồi. Một vùng đất cao nguyên với những hồ nước trong xanh ngàn đời, những thảo nguyên bốn mùa lộng gió, những tu viện rì rầm tiếng kinh cầu, những lối mòn chân núi vàng rực với màu vàng hoa cải, những đoàn du mục lâu rồi không biết gì đến chiến chinh... Không còn gì nữa. Họ đã im lặng suốt nửa thế kỷ, và mấy ngày qua, niềm im lặng đó đã tràn bờ và cái giá mà họ phải trả sao mà đắt. Máu họ đã chảy, họ đã ngã xuống cho một lối về của quê hương. Quê hương vẫn nghìn trùng, và họ thì lại phải đi xa ngay lúc này. Phải rồi, với họ, cái chết chỉ là một cuộc đi xa. Viết tới đây tôi lại nhớ đến một đoạn phim buồn trên youtube.

Một người Tây Tạng bị bắt đứng úp mặt vào bức tường tu viện, và cảnh sát Trung Quốc đã nổ súng. Làn khói súng tan đi, xác người Tây Tạng ngã vật xuống, và vết máu trên vách tường nơi anh vừa đứng đã ngẫu nhiên đọng lại một chữ VĂN (文) trong Hán Ngữ, chữ Văn viết theo lối cách điệu và đã được chọn làm biểu tượng cho Olympic Bắc Kinh 2008!

Bài viết này như một lời nguyện cầu, một vòng tay hướng về cao nguyên Thanh Tạng, nơi có hàng triệu trái tim đang có cùng một giấc mơ...

Onceland, March 22/08

MỘT CỐI TÀ DUƠNG

Chút nắng tàn le lói trên con đường bụi dẫn về học viện Nalanda. Thầy Devaguru lại trông thấy cái bóng người gầy gò ấy đang ngược chiều với mình. Nghe trông lòng một chút thương cảm, ông gấp lại cuốn sách đang đọc dở dang và chuẩn bị một nụ cười thiệt ấm. Thầy Subhuti đang trên đường về lại khu rừng sau học viện. Thầy không học ở đây, nhưng sáng nào cũng về phố khát thực qua con đường này. Thỉnh thoảng ghé vào một khu vườn quen để nghỉ trưa và chiều lại về rừng. Có lẽ hôm nay cũng vậy. Bởi các vị bên ấy hiếm khi lang thang trên đường vào giờ

này. Cứ gặp nhau hoài thành quen biết. Nhưng nhiều lắm cũng chỉ là vài câu han hỏi, không nhiều hơn. Biết nói gì đây.

Họ chào nhau bằng lễ Sa-môn. Thấy trời còn sáng, thầy Devaguru bỗng nhiên muốn rủ thầy Subhuti ngồi xuống một lát. Ông muốn hỏi thăm cho biết vài chuyện. Ông hỏi với giọng ái ngại:

-Một bữa ăn mà mất nhiều thời gian vậy có mệt lắm không thầy, hình như thầy ngày nào cũng rời rừng từ sáng?

Thầy Subhuti nheo mắt cười hiền lành:

-Thiệt ra không chỉ là một bữa ăn đâu thầy, còn nhiều thứ khác nữa chứ. Thầy xem, vận động cơ thể, tập nghe đời chửi, gieo duyên cho cả những người nghèo nhất và xê dịch cái hình ảnh y vàng trên đường cũng là một cách hoằng đạo tích cực.

Thầy Devaguru nhìn xuống đất một lát, ông muốn biết thêm chuyện khác về những người bạn tu gặp hoài vẫn lạ này. Lâu nay ông chỉ biết về họ qua mấy cuốn luận thư từ thời Phật giáo bộ phái.

-Suy cho cùng mình là anh em, nhưng sao cứ có cái gì ngăn ngại kỳ cục quá. Nhiều lúc tôi muốn ôm chầm lấy thầy...

Thầy Subhuti bật cười, hai bàn tay vẫn đặt trên bình bát khất thực:

Cũng anh em cả thôi, nhưng kẻ đi buôn làm giàu thì sao có dịp ngồi ăn cơm với những người anh em ngồi giữ đất hương hỏa. Thầy xem, có người nói tội này không biết gì về bên đó. Sao lại xa lạ nhau quá vậy chứ? Một chữ Ekayano ám chỉ Bốn Niệm Xứ, thực ra chứa trọn Phật đạo rồi còn gì. Sống theo đó thì tự nhiên có bi với trí, nôm na là hiểu và thương.

Tầng cao nhất của hai món đó chính là Phật quả. Tuỳ theo căn cơ mà người ta dừng lại ở tầng nào. Vậy mà người ta sửa lại thành Ekayano là Nhất Thừa gì đó để diễn dịch lý tưởng Bồ-tát, rồi thì anh em xa nhau. Thầy xem có đau không. Thầy tu nói chữ “buồn” nghe kỳ quá, nhưng ngẫm lại cũng ngậm ngùi thầy ơi.

Thầy Devaguru giật mình:

-Cứ cho Pháp Hoa đã đi quá xa, nhưng còn những Trung Luận, Hoa Nghiêm... hình như bên thầy không mấy mặn mà?

-Hôm nào rảnh, thầy ngó lại xem anh em hiểu nhau như vậy nên không? Hai bài Tiểu Không, Đại Không trong Trung Bộ và Đại Duyên trong Trường Bộ của thời nguyên thủy, đã nói hết mọi sự về Giáo Lý Duyên Khởi và khái niệm Không Tánh gì đó từ lâu. Tán rộng quá dễ hiểu

lầm. Phật không dở hơn chúng ta đâu. Kể hữu duyên nghe ít cũng đủ, người vô căn nói sao cũng mịt. Thà để họ mịt mù còn hơn là gây ngộ nhận tội nghiệp người ta. Cả Trí Kim Cang(Vajiranana) gì đó từ nguyên thủy cũng đã dùng để gọi Thánh Trí La Hán, quán chiếu vạn pháp vô ngã. Vậy mà có người đành đoạn gọi anh em là Tiểu Thừa, có tu đến La Hán cũng còn chấp Pháp. Không biết họ đọc ở đâu cái đó. Họ có lẽ đến chết vẫn không ngờ được rằng anh em chúng tôi vẫn xem Phật Trí Vô Thượng của Thế Tôn là do duyên tạo và cũng không nằm ngoài Tứ Tướng. Xin hỏi chấp pháp là sao?

Thầy Devaguru quên trời đang tối, ông xuất hạn và nghe lạnh cả người:

-Thế thầy nghĩ sao về bộ Bát Nhã sang sông của bên này?

-Tôi có trộm đọc bộ sách đó một lần, mà cứ có cảm giác đó là bản sao chép sai lạc của vài bộ Sớ Giải của kinh điển nguyên thủy. Đặc biệt là khái niệm Ba la mật mà trong bộ sách đó cố tình tô đậm, thực ra gần như không có trong giáo lý nguyên thủy. Chữ Parami hiểu theo khái niệm Lục Độ, Thập Độ, theo tôi biết thì rất xa lạ trong kinh điển truyền thống. Về tên gọi Sang sông hay Đáo Bỉ Ngạn gì đó thì trong kinh điển truyền thống của chúng tôi cũng có, nhưng ngắn gọn hơn nhiều. Trong đó không gọi là Paramita mà là Parayana. Chỉ mười trang thôi, nhưng xét kỹ nội dung cũng là trọn vẹn hành trang sang sông thầy ạ. Trước mắt, tôi thấy người ta còn có vẻ muốn dùng chữ Jhana, ám chỉ bốn tầng thiền chứng của thời nguyên thủy, để gọi chung cho tất cả

những gì có liên quan đến việc xếp bằng, hay suy tưởng, hoặc tưởng tượng về Phật pháp theo cách riêng.

Vầng trăng đầu tháng đã treo trên hàng cọ bên đường. Hai thầy chia tay nhau. Kẻ về học viện, người đi lên rừng. Đêm đó thầy Devaguru thức trắng.

Mấy năm sau, thầy Devaguru rời khỏi Nalanda với mấy gùi kinh tượng. Thầy đi về Đông Độ để chép cho xong mấy dòng giáo sử, như chứng tích của một giai đoạn chánh pháp đang đi vào bóng đêm của biển dâu.

Ra khỏi biên giới xứ Ấn, thầy dùng lại tên thật của mình là Huyền Trang!

MỘT CỎI ĐI VỀ

Tôi về thăm Thalwil một ngày nhiều gió. Khu nghĩa trang trước nhà người Phật tử đẹp như một công viên. Tôi đã ngồi mấy tiếng đồng hồ ở đó để một mình trải nghiệm một cảm giác chưa từng có trong đời mình...

Từ mấy năm qua trong đời mình, tôi đã có nhiều dịp để biết thêm những nghĩa trang đẹp đến mức chỉ mới nhìn qua, mà cứ nghe ngậm ngùi cho những không gian vẫn dành cho người còn sống. Những nghĩa trang đầy hoa, với những con đường thiết nhiều những cội cổ thụ cao vút, tán lá thâm u suốt ngày lộng gió,

như chứa hết những lời thì thầm của bao kẻ đã nằm xuống mà chưa đành lòng lìa bỏ chút hình hài còn gửi lại đây.

Tôi đã ngồi một mình trên chiếc băng đá cạnh một bia mộ bằng cẩm thạch trắng muốt chạm hình thiên thần tuyệt đẹp, như vừa lấy ra từ một viện bảo tàng nào đó. Trong làn gió trưa mang theo một tí mùi rong rêu từ bức tường đá nghĩa trang, tôi như chìm sâu vào cơn đại định của những trầm tưởng thật lạ...

Mười năm trước, một hình hài đỏ hồng chào đời ở đâu đó trên trái đất này với bao nhiêu là những lạ lẫm, nghi ngờ. Thằng bé ngày đó đã khóc vì sợ hãi, vì sự bất kham của cơ thể trước môi trường mới, những điều kiện sống chưa quen được. Nó đúng là người khách lạ trên tay người mà nó sẽ gọi là mẹ. Rồi thì nó lớn lên để

một ngày biết yêu những người dung, về sống ở những miền đất lạ, càng xa lạ càng khoái... Để một đêm khuya hay chiều mưa nào đó trên xứ người, nó chợt nhận ra một điều mà bao năm qua chính mình chưa từng ngờ tới, nghĩ đến: Thì ra nó vẫn một đời cô đơn. Nó, hay bao người khác, đều có chung một định phận hắt hiu kiểu đó. Vòng tay mẹ, rồi vòng tay người tình, trời ạ, hình như vẫn chỉ là những vòng rào ôm lấy một nghĩa trang quanh hiu, từng luống hoa bao quanh một ngôi mộ đá lạnh lẽo. Chẳng ai hiểu ai, dù chỉ là một phút, nói chi là tri kỉ một đời.

Tôi ngẫu nhiên đưa mắt nhìn ra con đường lớn cạnh nghĩa trang. Một bà cụ ăn vận sang trọng đang dắt con chó nhỏ đi ngang. Một hình ảnh làm tôi nao lòng. Hom hem, cần cỗi, mệt mỏi và cô độc, bà

cụ trông như một nghệ nhân điêu khắc đang hoàn tất những đường nét sau cùng cho bức tượng nhân sinh. Bà vẫn đang một bóng trên quãng đường còn lại của đời mình. Sau những hên hò, gặp gỡ rồi thì gì cũng bỏ lại hết sau lưng. Bao nhiêu thân quen, rồi cả yêu đương gì đó, chi cũng là những giây phút đến rồi đi. Chẳng hiểu sao, tôi cứ nhìn theo dáng bà cụ rồi tự đoan chắc với mình rằng mãi đến tận giờ, bà vẫn giống hệt như hồi còn nằm ngo ngoe trên tay mẹ ở chỗ không biết mình là ai và yêu ghét trên đời là gì. Có sao sống vậy, được gì cầm nắm. Và quan hệ giữa bà với bao người chung quanh chỉ là mối liên lạc hữu cơ rồi cả vô cơ gì ấy giữa những cỏ rêu hoa lá trong một nghĩa trang đời để làm nên một chốn đi về của những vong hồn xiêu lạc.

Ngẫm lại bao phận người, tôi cứ nhớ đến tục lệ gõ mộ tìm chồng của bộ lạc Kabati bên Nam Phi. Đó là một cổ tục hơi buồn, nhưng cũng thật đẹp và nhiều ý nghĩa. Những góa phụ Kabati khi không cam tâm cô đơn suốt đời thường dựng lều bên mộ chồng để đêm đêm lấy gậy gõ vào đó cho đàn ông qua đường nghe thấy để họ biết đường mà tìm tới xem mặt. Ưng bụng thì lấy nhau, nếu chẳng ai ghé vào thì người góa phụ cứ ngồi đó mà gõ mộ chồng để tiếp tục chờ đợi. Tôi đọc thấy tục lệ kỳ lạ này của Phi Châu mà cứ nhớ lại chuyện người thiếu phụ quạt mồ mà Trang Tử ngày xưa đã gặp. Nhưng ngẫm kỹ thì đâu phải chỉ có góa phụ mới quạt mồ hay gõ mộ. Ai trên đời lại chẳng có lúc thèm nghe một tiếng lòng. Rồi cả khi nhận được lời đáp, mỗi người vẫn một

cõi riêng, chẳng qua chấp vá cảm xúc mà sống cho qua một kiếp người thiệt nhiều những khoảng trống không sao lấp nổi. Ai cũng cô đơn vì một đời không tri kỷ. Nhưng thử hỏi chính mình còn chưa hiểu nổi bản thân thì làm sao có thể giao phó cho chuyện đó cho ai khác chứ!

Tôi bỗng thấm thía riêng mình với một câu chữ tiếng Anh. Tu học là một hành trình tìm đường (looking for the way). Một cuộc lên đường để tìm ra một lối đi. Chữ WAY đó hay lắm. Xé nhỏ ra từng chữ cái, W-A-Y, nó còn là một hành trình tự vấn. WHO ARE YOU (Anh là ai giữa muôn trùng thiên hạ) và WHERE ARE YOU (Anh đang ở đâu trong trời đất bao la này). Nhìn sang mấy chiếc thập giá trên những bia mộ trước mặt, tôi bỗng nhớ đến một câu nói hiếm hoi của Krishnamurti về Công

giáo cho những người đang là hay chưa là một tín hữu Ki-tô: Hãy thánh hóa chiếc thập giá bằng cách hiểu rằng hình ảnh thập tự là minh họa cho lý tưởng xóa bỏ một cái TÔI. Hãy viết xuống một chữ I (Tôi) trong tiếng Anh rồi gạch ngang để xóa bỏ nó, ta sẽ có ngay một chiếc thập giá. Đó là một chiếc thập giá cần có cho thế giới hôm nay, bất kể châu lục nào, và cho toàn thể nhân loại, bất kể anh thuộc tín ngưỡng nào hay không có tín ngưỡng. Chiếc thập giá đó sẽ đem người ta về gần với nhau, để hiểu mình là ai, đang ở đâu và phải làm gì. Hình như là vậy!

Xin một đời thâm tạ những miền đất đã cứu mang tôi, cho tôi một cõi sống, và cũng chính ở nơi đây tôi muốn nói lời cảm ơn những nghĩa trang khắp nơi trên trần thế này, những nơi tôi đã học nhiều điều

về nỗi chết. Đừng sợ buồn, đừng sợ vắng, mong bao người thiên hạ hãy một lần ghé lại một nghĩa trang nào đó để biết mình là ai và rồi sẽ đi về đâu. Hãy ghé lại để thấy bao toan tính hư vinh trên đời thật ra chỉ là những gì quá đổi phù phiếm, mù sương. Tôi tin đó cũng là một cách thể tu hành. Vì như ở trên đã nói, cuộc tu là hành trình tìm kiếm một con đường (WAY): Who You Are, anh là ai giữa bao người và Where You Are, anh đang ở nơi đâu giữa cuộc trầm luân này!

Moeriken, mưa tháng Sáu 2008

MỘT THUỞ YÊU NGƯỜI

Nhà nằm cạnh rừng, chỉ trèo lên mười bước là cái gì cũng ở dưới chân. Có lẽ chỉ ở xứ sở này mới có những khu rừng kiểu đó. Rừng trên những dãy đồi cao tiếp nối nhau qua nhiều làng mạc, những khu dân cư thường có cái tên kết thúc bằng một chữ Wil mà theo nghe đâu là tiếng địa phương, tương đương với Village trong tiếng Pháp, Anh hay xóm, thôn trong tiếng Việt. Rupperswil, Therwil, Watwil, Thalwil,...tôi đã có dịp đi qua cả chục cái Wil như vậy. Và một chuyện thật dễ thương, làng dù xa vắng quanh hiu đến mấy cũng có đủ mấy tiêu chuẩn căn bản

cho điều kiện sinh hoạt tối thiểu là điện, đường, trường, trạm. Xe buýt lên tận nơi hẻo lánh nhất, tiệm quán lớn nhỏ gì cũng đủ những món thiết yếu, điện đóm cứ sau 8 giờ đêm là chỉ còn nửa giá, trường ốc cho trẻ con Khang trang nhất, nhì thế giới...Nhờ có mấy điểm son đó, cái xứ sở lạnh giá buồn thiu này cũng còn có chỗ để mà yêu!

Những ai đọc tôi thường có lẽ vẫn thấy tôi có cách yêu người, yêu đời bằng một nhãn quan chẳng giống ai. Tôi vẫn yêu cái này bằng cách liên tưởng về cái nọ. Phải qua vài ba lớp trung gian kiểu đó hình như mới không bị hụt chân. Vì nói như lời Phật, chẳng thứ gì trên đời lại có thể tồn tại độc lập mà chẳng cần một tỉ tương quan khác. Yêu kiểu đó cho chắc ăn. Một kiểu yêu không kẹt cứng trong góc tù, vay

đầu này trả đầu kia. Và tôi cũng đã yêu cái xứ sở này bằng thứ tình yêu lòng vòng đó.

Chiều nay nghe quần chân, tôi xách túi thả bộ xuống làng một mình để gặm nhấm cảm giác nhìn quanh không ai. Trong cái quanh vắng mênh mang của một thôn xóm thưa người, tôi bỗng ngộ ra một điều thú vị, Hình như định nghĩa hay nhất cho khái niệm hạnh phúc không đánh giá nhiều lắm đến những thứ vàng son, nhưng lựa gì ấy, mà là một khả năng có nhiều chọn lựa. Hơn một tháng qua, tôi như quên mất chuyện mình đang sống cách bìa rừng chưa tới hai mươi mét, dù ngày nào cũng lên đó đôi ba lần. Lý do đơn giản là từ nơi này tôi có thể xuống làng, ra phố trong vài phút.

Anh có là ai, sống ở mức nào cũng mặc, cái quan trọng là giữa đất trời này anh

có thể tự tại đến đâu. Tự tại ở đây là khả năng tự quyết với những lựa chọn bày đầy trước mặt, dù chỉ là những lựa chọn mắt phàm khó thấy. Tôi nói rồi, tôi đã ít nhiều yêu xứ này chỉ vì nó là một miền đất cho phép người ta có nhiều chọn lựa, một tên gọi khác của sự tự tại. Bắt chước cao nhân hiền thánh chê bai tiền bạc vật chất, trong khi thiếu một chút là chết nhăn răng thì rõ ràng không nên, nhưng cứ chăm bẵm vào mấy món cơm áo gạo tiền rồi quên mất quyền tự do của mình thì cũng chết thảm. Tôi vừa nghèo vừa dốt, nhưng cứ thấy tùy sức mà sống thanh thản hình như vẫn là tuyệt nhất. Trong kinh, Phật dạy một tỳ-kheo nghèo xơ xác vẫn có thể là một cánh chim trời, và chỉ cần một tấm lòng biết san sẻ, dù chỉ một vá cơm khát thực cho bạn tu thì cũng là một kiểu sống có ta có

người, có nhận và có cho. Chuyện ít nhiều hay sang hèn ở đây hình như không quan trọng bằng tâm tình nào ta đã có được khi mở rộng bàn tay, kể cả một vòng tay. Trọn vẹn đến vậy thì còn đòi chi nữa chứ!

Khả năng tự tại đó hình như không chỉ là những gì vừa nói, mà còn là nhiều thứ khác. Như tín ngưỡng, kiến giải, và vô số chuyện tương đương. Một đêm khuya vào Internet tìm xem vài trang Web Phật giáo khắp nơi, tôi chợt nhận ra một chuyện thú vị. Cứ cho Phật giáo hôm nay là có từ một vị Phật, vậy mà sau hơn hai chục thế kỷ, các thế hệ Phật giáo đồ ở khắp nơi đã thay phiên nhau suy diễn, vẽ vời ảnh Phật theo quá nhiều cách riêng. Có nhiều cách vẽ vời hơi quá tay, nên ngó hoài hồng thấy Phật ở đâu, chỉ thấy mặt mũi người vẽ trong đó mà thôi. Để Phật là Phật theo cách của

Phật thì tha hồ học, tha hồ tu, vì Phật thứ thiệt thì mệnh môn lắm. Nhưng khi Phật là tác phẩm của phàm phu thì thời gian người ta cãi nhau nhiều hơn thời gian học Phật. Lý do ư? Tôi làm sao chấp nhận được Phật của anh chứ? Tôi có Phật của riêng tôi. Thế là mỗi nhóm người tu Phật lại có một vị Phật theo ý thích của mình, và sự ra đời của các nhánh Phật giáo chính là cái hội chợ phù hoa cho những người ham vui đó. Chỉ xui cho ai bước đầu học Phật lại ôm chân một tổ sư nào đó rồi thì không còn cơ hội nhìn thấy cái chân thân của Phật xưa. Và cái phải đến sẽ đến, thay vì theo chân Phật để đi ra, đi lên, thì người ta lại quay về với cái cốt phàm phu của mình để đi vào và đi xuống.

Viết đến đây, tôi lại nhớ đến lần nói chuyện với một người quen gốc Công giáo,

dù nay hình như vẫn chưa kịp là Phật tử. Hôm đó, tôi nhớ cô bé đã hỏi tôi có từng đọc qua Thánh Kinh và nghĩ gì về Chúa. Tôi ngần ngừ một giây rồi trả lời mà không dám nhìn mặt người đối diện:

- Chẳng hiểu sao tôi cứ thấy buồn khi nghe ai đi theo mấy tôn giáo dạy thờ Thượng đế hay Thiên Chúa gì đó... Hai chữ đó gọi theo tiếng Anh là God, mà God thì chỉ là hai phần ba của chữ Good (tốt, lành, thiện, hay, đẹp). Mình tu là tu theo cái tốt, chứ theo chi cái dở dang đó. Ý nghĩa của chữ God nghèo nàn thấy mồ. Sống đời hay sống đạo đều phải tự tại mới sướng!

Cô bé liếc tôi một cái dài ngoằng, tôi làm rớt chiếc muỗng trên tay. Đêm đó về không ngủ nổi. Chúa đã phạt tôi bằng cách sai em đến lấy mất của tôi niềm tự

tại...Nhưng chẳng lẽ bây giờ thầy chùa lại xưng thần danh Chúa hay sao!?

Moeriken, tháng Sáu 2008

NAM PHƯƠNG THOẠI ĐẦU

Công trình thủy điện Tam Hiệp của Trung Quốc đã xóa sổ nhiều khu dân cư trù mật, gồm cả những cổ thành đầy ắp di tích lịch sử. Zuckerberg, một du khách người Đức đã may mắn ghé qua Sư Thành, một cổ trấn kiểu vậy ở Triết Giang trước khi nó thực sự biến mất vài tháng sau đó dưới đáy nước và trong đêm ngủ nhờ một ngôi chùa ở đó cậu đã có một giấc mơ kỳ lạ.

Cậu đã thấy lại nhà sư già ban chiều, người tự giới thiệu chỉ là ông từ chứ không phải phương trượng gì ráo. Lúc đó Zuckerberg thoáng có ý xem thường cái dáng vẻ lão nông cục mịch của nhà sư già,

nhưng thật lạ, trong giấc mơ, vị lão tăng kia bỗng phương phi và đạo mạo khác thường.

Nhà sư già hỏi cậu tên gì. Cậu trả lời là Zuckerberg. Vị lão tăng nheo mắt một giây, đoạn gật gù ra chiều thích thú:

- Đường Sơn đại huynh...Người Trung Quốc sẽ dịch cái tên của cậu như vậy đó, và sẽ thích gọi như vậy hơn !

Zuckerberg có thể nghe rành rọt từng câu nói của nhà sư già, rõ ràng đến mức cậu không còn nhớ nhà sư nói thạo tiếng Đức hay cậu nghe giỏi tiếng Tàu, dù sáng ngày thức dậy cậu biết rõ cả hai chuyện đó đều là không tưởng.

Không hỏi gì về quê quán hay nghề nghiệp, nhà sư cứ như đã biết rõ mọi sự về Zuckerberg. Nhà sư già hỏi mấy câu bâng quơ về chuyến đi Tàu rồi bỗng nhiên nhìn

sững vào Zuckerberg, ông bảo:

-Đi theo ta, có cái này hay lắm, dành sẵn cho cậu đây...

Dắt Zuckerberg ra con suối sau chùa, nhà sư già trở tay xuống đó, một tấm bia đá rêu phong khắc đầy chữ. Ông mỉm cười tinh quái:

-Đọc theo cách nhanh nhất mà cậu có thể, trước khi nó chìm hẳn trong dòng nước sâu thẳm này.

Thấy Zuckerberg còn đang bối rối, nhà sư già gợi ý:

- Hãy đọc từ dưới lên trên, nhờ vậy thời gian của cậu sẽ dài hơn, số hàng đọc được cũng sẽ nhiều hơn. Chỉ bằng cách này cậu mới theo kịp con nước đang lên !

Từ chỗ hai người đang đứng xuống đến mặt suối nhiều lắm là vài thước tây, vậy mà chiều dài của tấm bia đã kia cơ hồ

phải nhiều hơn vậy rất nhiều lần, đủ để Zuckerberg phải mỗi nhừ cả tay để chép lại những dòng chữ trên đó. Mà cũng lạ, tám bia viết tiếng Đức hay Zuckerberg biết đọc tiếng Tàu, ông cũng không nhớ được. Ông cứ đọc rồi chép, chép xong lại đọc. Rõ ràng một chuyện phi lý chỉ có trong chiêm bao.

Zuckerberg đã đọc hết tám bia đó, trừ mấy dòng ở giữa, khi cậu rời mắt khỏi tám bia trong tích tắc để ước lượng phần còn lại của nó.

Đến tận bây giờ Zuckerberg vẫn còn thắc mắc tại sao trong cơn mơ ấy cậu đã không nhờ nhà sư già đọc giùm cho cậu chép có phải hơn không. Bây giờ mấy dòng ấy viết gì làm sao đoán ra được, cậu vò tóc trách mình. Từ sau ngày về lại Đức, có ít nhất ba lần chúng hiện lên chớp nhoáng cho cậu đọc lại hay để trêu người không

biết và lần nào cũng thế, Zuckerberg chưa kịp định thần thì chúng lại biến mất.

Tấm bia được chạm khắc rất đơn giản, viên ngoài chỉ gồm một đường gợn sóng như dáng rồng lượn được cách điệu. Minh văn bên trong được bắt đầu bằng một thứ văn phong mơ hồ không giống cách viết của người Hán xưa nay...

“Ngày sương giáng, tiết trọng thu, năm Khai Bảo thứ ba triều Bắc Tống, lão tiều họ Khuất đến cầu pháp với sư Tiêu Phiến ở Vô Lượng Sơn. Kẻ hậu học quê mùa họ Lữ thấy tiếc lời pháp nhữ Phật thân nếu để cuộc gặp này không được đời sau biết đến, nên mạo muội lời quê đem khắc trên bia để ghi lại. Người hỏi không chứng đắc, người đáp cũng không đắc chứng chỉ vì không có gì để chứng đắc thì làm sao có ai đắc chứng.

“Xin được cho nghe về chuyện sinh tử:

-Không nên bận lòng về khởi thủy cuộc sống theo cách nghĩ phàm phu. Chỉ nên biết cái gì đã tạo ra nó. Sáu căn đời này nếu không tu tập sẽ có thích ghét nọ kia, từ đó tạo ra sáu căn đời sau, làm nên dòng trầm luân bất tận. Nói gọn là dòng chảy thừa tiếp của nhân với quả, nói rộng và rõ hơn là mười hai mắt xích của lý Duyên Khởi.

Xin được cho nghe về phiền não:

-Vì không hiểu được vạn hữu do chư duyên tạo thành và đã có mặt thì cũng do các duyên mà biến mất nên phàm phu thích cái này, ghét cái nọ. Trước mắt chúng làm khổ ta đời này, xa hơn, chúng là điều kiện sinh tử cho đời sau kiếp khác.

Xin được cho nghe về lý nhân quả:

-Cái gì ở đời cũng có thể là kết quả có

được từ những nhân duyên nào đó và hoàn toàn có thể là nhân duyên dẫn đến một hậu quả nào đó. Một câu nói hay một suy nghĩ đều có thể để lại một hậu quả tốt xấu cho mỗi người và từ đó ảnh hưởng đến vô lượng thiên hạ. Một sợi tóc hay hạt cát luôn có thể là cái bắt đầu cho một đại sự nào đó. Nhân quả luôn tương ứng nhau. Hiểu được điều này, một niệm bất thiện cũng là đáng sợ để tránh.

Xin được cho nghe về Phật Đạo:

-Có hạt cát biết mình chỉ là hạt cát, tự trau luyện thành ngọc và hoá độ vài năm cát khác trên sa mạc sinh tử.

Xin được cho nghe về Chỉ (samatha):

-Sức mạnh của nước hay sức nóng của lửa chỉ phát huy tối đa khi được tập trung đúng mức và từ đó trở thành nguồn năng lượng hữu ích.

Xin được cho nghe về Quán (vipassana):

-Không biết vạn vật thực ra là gì, chỉ gồm toàn những nhân tố vô thường, làm sao có thể chán để buông.

Xin được cho nghe về con đường giác ngộ:

-Nói rộng là ba mươi bảy pháp Bồ Đề Phần, nói gọn lại là từng nhóm nhỏ trong đó.

Thất Giác Chi chính là Bát Thánh Đạo, Tứ Niệm Xứ chính là Thất Giác Chi. Kỳ dư, diệc phục như thị.

Xin được cho nghe về yếu chỉ 3 tạng:

-Không biết A Tỳ Đàm thì không biết Phật đã thấy gì mà thành Phật, không biết Kinh tạng làm sao biết Phật và thánh chúng đã diễn bày cái hiểu của mình ra sao, không biết Luật tạng làm sao biết

đường về giải thoát qua mỗi sinh hoạt nhỏ trong ngày.

Xin được cho nghe về phép an tâm:

-Cái khổ của người đứng kẻ lạ không làm ta nặng lòng. Phải buông tay thì tự nhiên nhẹ lòng. Cứ thấy mình là mình thì tâm nào có thể an.

Xin được cho nghe về pháp tu nhanh nhất:

-Càng nóng lòng thì chỉ khiến đường xa thêm. Vả, không hề có pháp môn nào nhanh hay chậm, tùy căn tánh mà hợp với pháp môn nào thôi. Nhanh hay chậm chỉ là giả niệm.

Xin được cho nghe về chuyện lễ bái và xưng niệm:

-Niệm Phật phải là nhớ nghĩ đến Phật bằng tâm bằng trí, không phải chỉ bằng miệng. Hôm nay ta tu bằng cái gì thì mai

sau giải thoát bằng cái đó. Tu bằng cách niệm suông ở miệng thì chỉ thành Phật ở cái miệng.

Xin được cho nghe chuyện hoằng pháp và truyền thừa:

-Chỉ có trí và bi mới đầy được pháp luân của Phật. Mọi lý tưởng nằm ngoài tinh thần đó đều chỉ khiến bánh xe pháp thành vuông, không giữ được hình tròn để mà lăn tới.

Xin được cho nghe về trú xá, tự viện:

-Chùa hay nhà chỉ là chỗ nấu thân, người tu phải coi trọng chỗ nấu tâm. Tâm không trú pháp thì nhà cửa nào cũng chỉ là chuồng trại, lồng cũi.

Xin được cho nghe về chuyện ăn uống:

-Tất cả những món ăn thức uống chỉ là để nuôi thân, miễn là hợp luật hợp pháp thì được. Thân xác cần được nuôi dưỡng

thì tình thần cũng cần phải như thế. Phật đạo suy cho cùng chỉ là hành trình nuôi lớn nội tâm bằng những thức ăn tâm linh.

Xin được cho nghe về Sa môn tướng:

-Y áo tăng ni là quy định của ba đời Thế Tôn, nhưng chỉ đắp áo cho thân mà lãng quên nội tâm thì khác gì ngôi nhà mái dột vách nát. Tăng ni khi ấy chỉ là phường hát ăn vận theo vai diễn cho đời xem...”

Trở về Đức được mấy tháng, Zuckerberg đã gặp lại vị lão tăng trong mơ, và hỏi ông 3 dòng chữ đã không kịp ghi. Ông lại nheo mắt tinh quái:

-Thầy hay sách cũng chỉ đưa cậu đi một đoạn đường nào đó, không phải cái gì cũng réo người khác. Nếu đơn giản thế thì chư Phật có thể tu giùm chúng ta hay sao chứ. Hãy nhớ, điều cậu chứng ngộ không giống như cái đã học trong kinh điển, nhưng là

kinh điển cậu không thể có được cái thấy lúc chứng ngộ!

Bảy năm sau, Zuckerberg nhận được một gói quà từ một nhà sư người Hoa trao tận tay. Đó là một đôi guốc gỗ khá đẹp thường được chur tăng ở vùng nông thôn Trung Quốc sử dụng, và một lá thư viết bằng Trung văn của vị lão tăng:

“Yên thân chưa đủ, còn phải an tâm nữa. Đây mới là giai đoạn tối hậu trong đạo nghiệp. Câu trả lời cho nỗi thắc mắc ngày xưa của cậu giờ không quan trọng nữa, nhưng ta vẫn phải gửi cậu cho trọn. Mấy câu nói của ta trong giấc mơ của cậu bên Đức 7 năm trước có chứa mấy dòng chữ đó, nhưng là câu nào thì cậu bây giờ dư sức đoán ra. Nếu đoán sai mà vẫn thấy tâm đắc thì coi như cũng đã...”

Zuckerberg giật mình, vị lão tăng kia là người thế nào mà lại biết được giấc chiêm bao của cậu.

Và nếu vậy, hẳn ông cũng đã biết Zuckerberg vừa rũ bỏ chiếc áo khoác của một bác sĩ chuyên khoa thần kinh để xuất gia từ 2 năm nay. Zuckerberg ngày nào giờ đã là một Tỷ kheo với pháp danh Supinaññu, Quán Mộng. Và thầy cứ nghe văng vẳng từ một một nơi nào thật xa câu nói của vị lão tăng. Yên thân chưa đủ, còn phải an tâm. Lá y tỷ kheo trên người và nếp sống khép mình trong hình thức xuất gia nhiều lắm cũng chỉ là một sự yên thân.

Muốn an tâm, thầy còn phải đi xa hơn nữa, còn nhiều việc phải làm, phải học, vượt qua, trải nghiệm...

Supinaññu nhìn ra cửa sổ, những bông tuyết đang bay lất phất bên ngoài và

từng phút phủ kín một lớp dày lên những cành khô. Đã hai hôm nay trời ở đây như quên nắng. Konstanz đang vào mùa đông, mùa đông đẹp nhất trong đời Supinaññu.

Waldshut, March/20/2014
(Riêng tặng anh chị Sibylle và Rolf)

NGÀY ĐÓ TÔI VỀ

Tôi về giữa nhân gian như một kẻ lưu lạc đang hồi quân. Ô hay, quanh tôi có quá nhiều những lăng xưa đền cổ, những bài học ngàn vàng từ muôn đời cổ nhân truyền thừa di dưỡng. Mà sao tôi chỉ thấy ra những dấu vết buồn thay vì là những bài học để chiêm ngưỡng và học hỏi. Tôi chỉ biết ngó mấy viên ngói vỡ để rồi buồn nhớ ngu ngơ. Dấu xưa không đủ để dạy tôi bài học nào về hai chữ kinh nghiệm sao chứ. Tôi cứ nôn nao chờ đợi một bình minh tuyệt đẹp có nắng sớm, có hoa bướm, với những làn hương. Tôi không hề biết rằng mình vừa lỡ dịp.

Tôi đi giữa cuộc đời như một viễn khách nơi miền đất lạ. Có biết bao thứ tình khôi mới mẻ vừa chớm nở đây đó chung quanh và trước mắt, mà sao tôi cứ hững hờ không tận hưởng nắm bắt. Thời gian đang trôi và đẩy lùi hiện tại vào một cõi xa miên viễn. Thay vì đứng nhìn một đoá hoa vừa chớm trong sương, tôi đã lần lữa chậm bước, mắt nhắm tai ngơ. Tôi bỗng nhiên tiếc nhớ một cái gì xưa cũ và lần bước trở về khu lăng mộ để tìm nhặt những viên ngói vỡ mà mình đã một lần nhìn thấy. Không còn kịp nữa, mù sương đã bắt đầu kín lối. Nghe một mùi hương lạ, tôi nhớ ra đoá hoa buổi sáng và muốn trở gót. Nhưng bây giờ đã là chiều muộn. Đoá hoa kia đã héo úa từ bao giờ.

Tôi ghé ngang cuộc đời như một người khách ngóng dò. Lẽ ra tôi đã có thể sang

sông từ trưa. Vậy mà chỉ vì bất chợt thấy thềm một phút ngã lưng, thềm được tắm sông hái trái, lại bay bướm trộm ngấm cái dáng lưng ong của cô hàng nước trên bến, rồi ngần ngừ chẳng chịu qua sông. Một chuyến dò ngang, rồi thêm chuyến nữa, tôi đã quên mất chuyện sang sông. Trời tối dần, cô hàng nước đã bỏ đi, ông lão lái đò cũng về bên kia sông ngủ sớm. Tôi nhớ ra thì không còn kịp nữa. Vậy là đêm nay tôi sẽ phải nằm lại bến sông lộng gió này để chờ chuyến đò sớm mai. Mạnh áo phong trần mong manh làm sao đủ để chịu nổi cái lạnh mùa đông se sắt dưới góc còng già khẳng khiu này chứ...

Hắn lang thang rong ruổi giữa đời như một đứa học trò khờ trốn thầy xuống núi. Thầy là một cao sĩ bác lãm cổ kim, hắn quên mất, chỉ muốn đi tìm danh sư trong

thiên hạ. Sá gì chứ một ông già xó núi mù sương. Hắn đi và không tìm thấy gì. Một ngày định mệnh, có bậc danh sĩ chốn kinh sư nghe hắn đi tìm thầy giỏi trong đời, ông không nói gì mà chỉ trở tay về núi. Trời ạ, đó là hướng núi trụ xứ của thầy hắn. Hắn hốt hoảng quy sơn, đường về bỗng xa ngàn trùng, cỏ gai ngập lối. Trong ánh trăng non đầu tháng, ngôi cổ tháp rêu phong vẫn đứng đó như một dáng người đang đứng đợi. Hắn gõ cửa để chỉ nghe tiếng gõ của bàn tay mình. Sư phụ đã không còn nữa. Mẩu nến vụn chỉ đủ rọi sáng một góc nhà cho hắn tìm thấy mảnh di thư nhạt nhoà. Trời ơi, hắn lang thang chừng ấy năm tháng chỉ để tìm thấy mỗi manh giấy nhỏ xíu này sao chứ...

Lão vẫn gọi nàng trong mơ như nhớ người tình xưa. Ngày đó, tay trắng yêu

người, lão tự hiểu là bất khả. Rồi thì biệt xứ mười năm để ngậm ngãi tìm trầm, xuống biển mò ngọc, lên núi đào vàng, lưu lạc xứ người, trôi giạt hoang đảo. Một ngày tìm thấy trên châu, lão trở về quê cũ và kẻ đầu tiên lão gặp là một bà lão móm mém ho hen đang dò bước trên đường. Nghe khách lạ hỏi tên một người con gái, bà nheo mắt nhìn rồi nhận mình là cô ấy. Bao năm rồi ai chẳng già đi. Lão ngỡ ngàng bối rối rồi thì bà lão chống gậy bỏ đi, sau khi ném lại một câu lạnh ngắt: Hồi đó hổng nói thì ai biết, giờ thì hẹn gặp nhau ở dưới đó là vừa!

Ngày xưa nàng Scheherazade đã kể ngàn lẻ một câu chuyện để cứu chừng ấy mạng người. Tôi giờ kể mấy chuyện thôi, nên có lẽ không cứu được ai. Mà ngẫm kỹ thì chỉ để tự cứu mình. Vậy thì ngại gì chẳng kể, ta kể cho ta. Người xưa kể chuyện để qua

được ngàn đêm sinh tử, tôi giờ ngồi viết lại
mấy chuyện vặt để qua được mấy giờ đồng
hồ nhạt nhẽo của một đêm tối mùa đông.
Rời bàn viết, tôi đi tới lui trong gian nhà
vắng và ngẫu nhiên nghe trong vô thức
một lời hát nửa lạ nửa quen:

*Em đi qua chuyến đò
thấy con trăng đang nằm ngủ
con sông là quán trọ
và trăng tên lãng du*

*Em đi qua chuyến đò
lẳng nghe con sông nằm kể
trăng ơi, trăng rất tệ
mày đi, nhớ chóng về*

*Tôi vui chơi giữa đời
Ối a, biết đâu nguồn cội*

tôi thu tôi bé lại

làm mưa tan giữa trời....(TCS)

NGÀY ĐÓ CHÚNG MÌNH

Tôi đi xa mới về. Thùng thư trước nhà đầy ắp, cả cái hộp thư riêng ở bưu điện cũng không còn chỗ nhét. Ngoài phần lớn những thứ đáng vất, từ cả hai thùng thư, tôi có trên mười cái thư và vài gói bưu phẩm không thể không mở ra. Thiệp xuân, rồi thì vài cái hóa đơn, dăm ba món quà Tết của mấy người thân sơ đâu đó, có gói thức ăn đã bắt đầu hư. Nhưng gì cũng là ân tình, tôi xếp hết lên bàn rồi đi ngủ.

Ba giờ sáng, tôi thức giấc vì một cơn khát cháy cổ. Đã nói giờ tôi cứ như người già, bất luận mấy giờ đêm, dậy rồi thì khó mà ngủ lại. Như một thói quen lâu ngày,

tôi thả mình xuống chiếc ghế ở bàn viết, ngó quanh và rồi giật mình nghĩ đến một chuyện thiệt lãng mà cũng dễ sợ. Nếu trong chuyến đi vừa rồi tôi có mệnh hệ gì thì ai sẽ là người mở giùm hai thùng thư, rồi họ sẽ làm gì với mấy thứ trong đó. Cả mấy cái email trong máy, rồi một trang blog như gian phòng riêng trên internet, nơi tôi vẫn xem là chốn dung thân sau cùng để gặp gỡ ai đó. Tất cả sẽ mãi mãi là một bí mật, khi đến chính tôi còn lăm khi quên mất password. Mỗi ngày trên hành tinh này đã và đang có bao nhiêu những hộp thư trên internet vĩnh viễn không còn người đọc, người duy nhất có thể mở ra cỗi riêng ấy đã không còn dịp trở về. Ai trong thời buổi này lại không có những chuyện riêng tư trên internet, ai lại chẳng nóng lòng muốn đọc một vài cái email,

hay nôn nao chờ về đến nhà rồi nhảy bổ đến bàn viết để vào thăm trang blog của mình. Nhưng có ai ngờ trước rằng mình sẽ chẳng bao giờ còn có cơ hội đó nữa. Từng người luôn có sẵn những hành trình đang đợi chờ phía trước, những cuộc đi có thể là không hẹn được ngày trở lại. Nếu có chuyện tái sinh, trong vòng quay bất tận của những chu kỳ thành hoại của trời đất, ngày họ quay lại được có thể đang là lúc con người trên mặt đất này đang ở vào một thời điểm văn minh hơn bây giờ gấp triệu lần, hay lại đang trong thời kỳ nhân loại chỉ còn biết có lửa rừng và hang đá. Mọi ấn tích hôm nay, khi ấy chỉ còn là cát bụi hay những mẫu hóa thạch ngậm ngùi câm lặng. Bao nhiêu những hò hẹn, hờn dỗi, yêu đương, thù hận, toan tính thiện ác,...trong cái gọi là internet gì đó của

ngày nào đều trở về với cõi không. Trong đó có cái đã được biết đến, và cả những thứ chưa một lần được ghé mắt.

Trong một bối cảnh ngược lại, nhân loại ngày sau có thể tìm lại được tất cả những gì đã từng được lưu trữ trong nền văn minh điện toán hôm nay, và có thể đọc hiểu trọn vẹn những tâm tình của người xưa. Và thử hỏi những người xưa ấy lúc này đã ra sao. Lại vẫn là những huyền thoại như dấu vết của vua Tutankhamon trên Kim Tự Tháp bây giờ. Suy cho cùng, mọi toan tính lo liệu của nhân sinh chỉ là một cuộc chơi phù du của vạn hữu.

Tôi từng đọc thấy ở đâu đó một kiểu phân loại thời gian khá lạ lùng, nhưng xác đáng và cứ bắt tôi phải suy nghĩ. Đó là thứ thời gian sinh học, Biological Time, được tính trên từng diễn biến sinh hóa

của mọi loài sinh vật trên trái đất. Từ những khoảnh khắc biến diệt của mỗi tế bào trong từng giây đồng hồ, cho đến cái gọi là kiếp người trăm năm. Loại thời gian thứ hai là Geographical Time, tạm hiểu là thứ thời gian địa quyển, tính trên những biến động lâu dài của lớp vỏ trái đất, gồm những cuộc chìm nổi của các lục địa, sự hình thành của bao thứ trầm tích, hóa thạch,... Và trong loại thời gian này, vài ba thế kỷ chỉ là một nháy mắt. Nói ra có vẻ cải lương, bên cạnh kinh Phật, tôi vẫn nhớ hoài mấy câu thơ muốn quên cũng khó. Ông Trần Tế Xương thì phải, từng có 4 câu này, ai nghe qua một lần cũng thuộc:

*“Sông kia rày đã lên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai
Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò!”*

Rồi thì ông Vũ Hoàng Chương, nghe thơ mộng hơn một chút nhưng cũng buồn nẫu ruột:

*“Ta còn để lại gì không
Kìa non đá lở, nọ sông cát bồi”.*

Và thi sĩ Phạm Thiên Thư nói về chuyện đó theo cách riêng của mình:

*“Cuộc đời chớp lóe mưa bay
Càng đi, càng thấy dậm dài nỗi không...”*

Nhưng rồi, mọi sự không phải chỉ là những ngậm ngùi hiu hắt đó. Ở đây tôi phải nhớ ơn một nhà thơ Cơ-đốc là Nguyên Sa, khi ông nhắc tôi rằng thực ra tôi vẫn còn đó một phương trời Nhị Đế. Tôi đọc ông, rồi thở phào. Phải vậy chứ, nếu

không ai chịu nổi. Ông nói: “Cuộc đời
đầy có phù vân, ở trong mây nổi có phần
thiên thu!”. Câu đó hiểu sao cũng xong. Tôi
e thuở sinh tiền nhà thơ họ Nguyễn chẳng
có nhiều dịp biết đến giáo lý A-tỳ-đàm, từ
đó có lẽ cũng không ngờ mình đã gửi tặng
Phật giáo một câu thơ hay. Từ chiều sâu
hun hút và một độ cao ngút ngàn, trong
giáo nghĩa Chân Đế không hề tồn tại một
khái niệm thời gian nào hết. Ngày đêm,
bốn mùa, trước sau, nhanh chậm,...đều
chỉ là những quan niệm giả lập y cứ trên
sự tồn tại và biến mất của cái gì đó. Lúc này
người ta đang quần quanh trong cảnh giới
của Thi Thiết, Chế Định (paññatti), Biến
Kế (parikappa). Rõ ràng trong kinh xưa,
đức Phật không nói nhiều về thời gian, chỉ
trừ trường hợp chẳng dặng dưng. Điều
Ngài đặc biệt nhấn mạnh luôn là những gì

người ta sống và làm trong cái gọi là thời gian ấy. Khái niệm năm ba ngàn năm gì đó thực ra chẳng là gì, chỉ có Vạn Lý Trường Thành, Kim Tự Tháp, Kinh Thánh, Kinh Phật mới là đáng nói, vấn đề là từng người trước khi về đất đã để lại gì sau lưng mình. Thuở bình sinh, ai cũng ăn nhờ ở đậu trên những gia tài di sản của tiền nhân, trước ngày nằm xuống cũng xin làm ơn để lại chút gì cho lớp hậu tấn như một kiểu sống sòng phẳng. Và nếu chuyện tái sinh là có thật, biết đâu trong đám hậu sinh kia lại có cả chính mình. Thế là, nói như ông Nguyên Sa, cuộc đời đâu có phù vân, ở trong mây nổi có phần thiên thu..!

Một cái email, dăm ba hàng chữ trong một trang blog, một bài thơ ngắn trong website, một công trình lớn ngoài đời,... đều là những gì ta để lại cho nhân gian.

Không có gì là nhỏ hay lớn, chỉ có cái tác dụng của nó là lợi hay hại, ít hay nhiều mà thôi. Một cái email có thể nguy hiểm như một viên đạn pháo, mà cũng có thể là một liều thuốc cứu mạng một người hấp hối. Cái email đó có thể không kịp có người đọc, trang blog đó có thể sẽ vĩnh viễn đóng cửa, nhưng cái tâm tình hay cái tấm lòng của người viết nên chúng không phải là vô nghĩa, bất luận là tốt hay xấu. Cái hạnh phúc lớn nhất của một kiếp người, theo tôi, là giả dụ có một ngày nằm xuống trên đường, chưa kịp về đến nơi chốn đã định, người ta vẫn có thể yên tâm với những gì mình đã hoàn tất hay còn đang dở dang. Chỉ vì họ đã làm những việc lớn nhỏ đó bằng tất cả tâm tình đẹp nhất. Chẳng hiểu mắc chứng gì, hay do mới chia tay một người tín hữu Cơ-đốc trên đường, mấy

ngày nay nói gì thì tôi cũng cứ nhớ Chúa. Bà sơ Theresa, một người từng lãnh giải Nobel hòa bình, có một câu nói hay không tả được: “Chúng ta có thể không làm được chuyện gì lớn lao, nhưng hoàn toàn có thể làm việc gì đó với một trái tim vĩ đại. Đó chính là cái chìa khóa, là lời giải thích vì sao có người vẫn bất tử giữa dòng đời sinh hóa phù du”.

Ta rồi sẽ gặp lại ta, gặp lại chính mình trong một hậu thân khác. Ta rồi cũng gặp lại em, người mà ta đã một lần buồn vui với những ân oán tình thù. Tử sinh không nên có những hò hẹn, ai thoát ra được thì nên mừng giùm cho nhau. Có điều là, nếu một ngày em ghé lại lều cỏ của tôi, khi tôi đã là viễn khách ở một phương trời khác, một bầu nước sạch với mấy vốc gạo trắng cùng một góc nền đủ đốt qua đêm, có phải

là một món quà lớn ra để lại cho nhau không hả? Ừ thì, cuộc đời đâu có phù vân...

NGÀY SAU SỎI ĐÁ

Lâu nay, và gần đây nhất là ngay tuần này, báo chí Phật giáo trong nước (nhất là trang Giác Ngộ online) đã liên tục đăng tải những bài viết của Tăng ni Phật tử xa gần về hiện tượng cải đạo ở Hàn Quốc và Việt Nam do các tôn giáo khác thực hiện trên những Phật tử.

Người viết bài này là một tu sĩ Phật giáo nên dĩ nhiên cũng không hề muốn một người Phật tử nào bỏ đạo, dù với bất cứ lý do nào. Tôi làm sao có thể yên lòng khi nhận ra chuyện cải đạo kia ngày một lây lan đến mức đáng ngại. Nhưng rồi cũng là dĩ nhiên, khi tôi đã tự hỏi vì sao

càng lúc có quá nhiều những người con Phật lại rời Phật để tìm tới những chỗ dựa tinh thần khác. Câu trả lời lập tức có ngay, không qua một giây do dự nào hết.

Một cách khách quan và công tâm nhất, ta phải chấp nhận một thực tế khó nuốt là các đạo tràng tự viện có điều kiện giúp đỡ tinh thần cho Phật tử hình như vẫn chưa làm việc hết công suất. Tôi muốn nói đến những khía cạnh thiện chí, cách thức và trên hết là lý tưởng hoằng đạo. Tăng ni những nơi đó có thực lòng muốn cư sĩ hiểu đạo hay chỉ muốn thiên hạ cúng bái cung đón cho mình. Đó là về khía cạnh thiện chí. Còn trong trường hợp Tăng ni (hay ban hướng dẫn gì đó) có chủ trương hướng dẫn Phật tử học đạo thì cách thức tiếp cận cư sĩ và phương pháp giới thiệu Phật học có đủ hấp dẫn người ta hay chưa.

Xin đừng nghĩ ai cũng ngoan ngoãn như bầy chiên để ta tha hồ chần dặt. Ai cũng cần được lắng nghe , dù họ đến chùa gặp Tăng ni trước hết là để lắng nghe. Nếu tôi không lầm, thì điều mà Phật tử học được về Phật giáo hầu hết là theo khả năng và sở thích của Tăng ni chứ không phải theo nhu cầu thật sự của chính những người cư sĩ đó. Anh chỉ biết dạy tôi tụng niệm, réo gọi thần thánh, mà chưa bao giờ cho tôi biết những điều căn bản đại khái như tôi là cái gì trên đời này, tôi ở đâu tới, sẽ về đâu và ngay bây giờ tôi phải làm gì, sống ra sao.

Nói thiệt, nếu điều tôi học được từ Phật giáo chỉ là những thứ bái sám, van xin, khẩn nguyện sông thì mai này ai có cái để tôi thờ lạy, khẩn khứa tôi cũng coi là một với Phật giáo. Nghĩa là chuyện cải

đạo dễ như trở bàn tay. Lý do là Tăng ni chưa hề dạy tôi cái cốt lõi tinh hoa độc đáo của Phật giáo., vốn chỉ có ở Phật giáo. Xin đừng đợi mất bò mới lo làm chuồng. Đó là một câu nói tuyệt hay của ông bà xưa. Và điều cuối cùng mà cũng là tối quan trọng là lý tưởng hoằng đạo. Ta cứ nghĩ đến số lượng tín đồ mà không quan tâm đến việc giúp họ được khá hơn về tinh thần: Từ bi nhiều hơn, trí tuệ nhiều hơn, sống an lạc hơn, thanh thản và bình tĩnh hơn. Lý tưởng cao nhất của người hoằng đạo là nhắm đến 2 lợi ích của chúng sinh: đời sống hiện tại và cứu cánh Phật đạo. Để thực hiện được lý tưởng đó, người hoằng đạo lẫn kẻ học đạo buộc phải tránh được đôi điều đại kỵ:

- Cú bị ám ảnh bởi những ty hiềm hệ phái, hoặc mặc cảm hoặc tự tôn, Tăng

ni cố tránh hướng dẫn Phật tử những điều mình cho là ngoài luồng, tức không thuộc đường lối mình đang theo. Dù đó vẫn là Phật giáo. Chẳng hạn ai cũng cần được hướng dẫn một nếp sống tỉnh thức, năng động thì ta lại khiến họ trở nên mê tín, cả tin. Để giúp đỡ một người đang dốc lòng tìm đạo giải thoát mà chỉ biết bày vẽ chuyện linh thiêng huyền hoặc thì tôi e là đã lộn thuốc. Mai này họ có chạy theo thầy khác thì xin hiểu rằng đó là chuyện tất nhiên. Lời Phật cụ thể rõ ràng, cái gì mơ hồ mộng mị thì e đã là ma đạo. Nếu người Việt không tin nhau thì xin thử đi một vòng các xứ Phật giáo xem người ta đã và đang tu học những gì. Ăn quần cối xay thì làm sao khá nổi!

- Lời Phật dạy là cho tất cả chúng sinh, cho nên trước mỗi vấn đề Ngài luôn có

nhiều cách trình bày. Đó chính là quyền lợi của người học Phật. Người học Phật phải được học cái mình cần chứ không phải theo sở thích của Tăng ni hướng dẫn. Nếu Tăng ni sở tại xét mình không thể làm được việc đó thì nên có gan mời thỉnh Tăng ni nơi khác tiếp sức. Xin đừng bao giờ biến Phật tử địa phương thành của riêng cho mình., mình bắt lực rồi muốn ai cũng là thái giám...

- Tu hành tránh chuyện cực đoan đã đành, đến chuyện hoằng pháp cũng phải vậy mới nên. Phật pháp có cao sâu đến mấy, người giảng dạy có là ai cũng mặc, trong việc hoằng đạo vẫn phải lấy tâm lý của người nghe làm trọng. Làm sao cho người ta hiểu đạo tốt hơn là chỉ khiến người ta thích mình. Nhưng quá chú trọng nội dung giáo lý rồi bắt người nghe

phải uống thuốc đắng, hình như cũng không nên. Phải có cái này cái kia.

- Không thể ích kỉ thiên cận. Thầy giáo nào không muốn đông học trò, kẻ bán buôn không ai chán ghét khách hàng, bác sĩ hay luật sư nào lại không muốn nhiều thân chủ, nhưng cái muốn đó được biểu hiện ra sao là điều quan trọng. Phật giáo nhắm đến số người giác ngộ, chứ không phải kẻ a tòng.

- Bản thân người cư sĩ muốn học đạo không thể thơ ngây giao mạng mình cho Tăng ni. Nếu anh chị thấy đời là biển khổ, thấy mình phải giải thoát trầm luân thì xin làm ơn nhớ rằng Tăng ni nào đi nữa cũng chỉ là những người bạn đường trong một thời điểm nào đó. Ta chỉ có một ít thời gian cho cái cơ hội thân người khó được mà lại không lưu ý đến cái gì là minh sư

thiện hữu, cứ thấy gần là xấp vô, coi như đi đứt trăm năm. Theo kinh mà nói, cơ hội mang kiếp trùn để dễ hơn thân người một tỉ lần. Ai cho tôi nói quá lời thì xin xem lại ví dụ con rùa mù mà Đức Phật đã nhắc đến trong kinh. Trên đại dương có một tấm ván nhỏ trôi dạt từ Đông sang Tây và trên tấm ván có một lỗ thủng vừa vặn một cái đầu rùa. Có một con rùa mù dưới đáy biển, trăm năm trôi lên một lần, cơ hội đưa đầu vào đúng cái lỗ thủng trên tấm ván kia còn lớn hơn cơ hội một kẻ phàm phu có được thân người. Lý do ư? Một ngày ta có được bao lần sống bằng tâm người, gồm những từ bi, trí tuệ, kham nhẫn, hành xả...

Tháng rồi có ông hội trưởng một ngôi chùa mới lập, than với tôi là người đi chùa ngày một vắng, dù người Việt trong nước sau này qua Mỹ ngày một đông. Tôi nhớ

mình đã trả lời ông hội trưởng sau một phút ngẫm ngợi, nửa đùa nửa thật, mà ông nghe rồi ra chiều thấm thía lắm. Tôi bảo ông hãy thử sửa tên chùa thành Nhị Quan, rồi qua Tàu hay về Việt Nam rước ngay 2 pho tượng Quan Âm với Quan Công thiết lớn, thiết đẹp tôn trí trước sân (nhớ kèm theo hai thùng công đức cũng to tương xứng) thì chỉ sau hai năm, càn khôn thay đổi, lúc đó tha hồ xây to cất rộng, tiền bạc chỉ là chuyện nhỏ như kiến. Đó là mô hình chùa Tăng. Nếu mai này muốn xây chùa Ni thì cứ thay tượng Nhị Quan bằng hai pho Thiên Hậu hay Bà Chúa Xứ thì bà con về chạt đất. Có điều là khi đó chùa không còn là Phật giáo nữa, vậy thôi.

Tiền ông hội trưởng đi rồi, tôi còn lại một mình ngó ra sân trước, nhớ mấy cái bill tháng tới rồi chột se lòng. Trời ạ, hay

là tôi cũng phải qua Tàu một chuyến hay sao chứ!

Tôi là đứa dốt, lại viết bài này với nội dung kiểu vậy-đúng là đưa mặt cho chúng đấm! Nhưng im lặng đã quá lâu rồi, giờ nín nữa e mình thêm lỗi với đạo chăng!? Đành coi như một kiểu vị pháp thiêu thân và ngưỡng mong người đọc xa gần một lòng thể tất. Mong lắm vậy thay!

Assam, ngày 8 tháng 9 năm 2011

Toại Khanh cần bút

NGÀY XUÂN ĐỌC THƠ HAIKU

Từ lúc đầu biết đến, tôi vẫn chỉ yêu lối thơ Hai Cú của Nhật bằng cảm nhận đơn sơ của một thằng bé nhà quê giàu tưởng tượng khi đứng trước mấy con hạc gỗ, chớ đá trong đình làng. Tôi hiểu chúng theo cách riêng của tôi. Kích cỡ mỗi bài thơ Hai Cú ngắn gọn đến mức gần như khuyết tật, nhưng cái khoảng trống nằm đằng sau đó thật mênh mông. Tôi thấy mình có thể bước hẳn vào đó để tắm sông hái trái như cách tôi đã từng đối với mấy câu chuyện Thiền Tông. Tôi như chỉ có một cách ghé mắt nhìn vào, cái nào không bắt mắt thì lơ đi. Cái nào thấy được thì tha hồ mộng mị.

Đêm trừ tịch, trước giờ giao thừa xuân Bính Tuất, nằm một mình đọc chơi một tập thơ Haiku để chờ giấc ngủ, rồi thì sẵn ngọn bút chì ở đầu giường, tôi ngoáy vội những câu chữ tiếng Việt bất thần chảy ra khi mắt liếc vào bản dịch Anh Ngữ. Tôi không phải một thi sĩ hay dịch giả chuyên nghiệp. Bài viết này chỉ là chép lại những gì nửa vờ đã khai sinh trong đêm xuân ấy. Ai đó lấy tự điển hay sách văn phạm để phiên trách tôi thì cũng đành vậy. Trong những câu thơ dịch này, tôi không hề phân biệt đâu là hoa lái, hoa lý hay hoa ngâu. Tập Haiku có non ngàn bài, tôi chỉ có thể đọc hiểu chưa được một phần mười trong số đó. Khoảng cách giữa lòng tôi và các tác giả người Nhật xa xôi quá, tôi không thể đọc hiểu tiếng Nhật, đành hiểu họ qua một trung gian không lấy gì làm

trung thực. Do chút bệnh nghề nghiệp, đôi lúc người viết buộc người đọc phải cực lòng dùng chân ở những nơi chốn không thuộc về mình.

*Under hazy moon
Water and sky are obscured
By the frogs
(Buson)*

*Trăng sương
trời đất giao hoà
một con ếch nhảy
vỡ oà thái không.*

Hình ảnh này sao mà giống hệt một chỗ trong Tâm Pháp A-Tỳ-Đàm Nam Truyền. Một dòng tâm thức chủ quan đang trôi chảy yên bình, bỗng một Hữu

Phần Dao Động xuất hiện và sau đó là một chuỗi lẫn tẩn những tâm thức khách quan. Mười bảy sát-na biến mất, mặt nước Hữu Phần tiếp tục yên ả. Và cạnh đó là một cái gì có vẻ cận nhân tình hơn. Một dòng chảy nhân sinh đang lượn lờ trên dòng lịch sử bình ổn, bỗng dưng xuất hiện những cá tính bất thường. Xung đột nổ ra, thương hận tình thù hoặc núi xương sông máu một thời, rồi gì cũng qua. Dòng tử sinh muôn đời là chuỗi ghép nối của những êm ả và ba đào ấy.

*Ah ! Summer grasses !
All that remains
Of the warrior's dreams
(Basho)*

*Trong mơ
Anh lính mỉm cười:
Một vùng cỏ hạ
Bên trời
Mênh mông?*

Ai cũng có một cõi riêng của mình. Dòng chảy của cuộc sống có thể xô đẩy ta về một phương trời biên biệt nào đó, nhưng nỗi riêng vẫn đau đáu đâu đó trong tim người. Điều sinh tử hệ trọng là cõi quê hương sau cùng đó của mỗi người là đâu, yên bình hay lửa đạn. Ai cũng cần một chốn về và nơi chốn ấy hoàn toàn nằm trong sự chọn lựa cá nhân. Anh lính có thể chết trong chiến chinh, nhưng cõi riêng của anh luôn là một vùng cỏ hạ.

A kite

In the same place

In yesterday's sky

(Buson)

Lưng trời

thả cánh điều bay

Ừ thì cũng chính chỗ này

Hôm qua!

Có phải con người vẫn nghìn đời vùi mình trong những ngộ nhận ngậm ngùi. Trên dòng dịch chuyển vô thủy vô chung từ vạn đại tiền thân, chưa một vui buồn nào hiện hữu quá một sát-na. Ai đó đã bảo, ta không thể hai lần tắm cùng một chỗ trên dòng nước. Ta nắm níu tưởng tiếc một cánh hoa đã trôi mất trên dòng, và từ đó, cõi nhân gian buồn nhiều hơn vui. Thay vì tất cả phải được nhìn ngắm

như thật, không đắng không ngọt, mọi hiện hữu chỉ là cái gì đó mệt nhoài cũ rích và cần được vượt qua như một đoạn sông, cần được bỏ lại như những chiếc bè cỏ nặng nề khi người viễn khách đã sang bờ khác. Đã hay Sẽ hoặc Đang chỉ là những tên gọi khác nhau cho một sự tình ở các thời điểm.

*Peach-blossoms
But the ferryman
Is deaf?
(Shiki)*

*Hoa đào trong gió
Hát ca
Ông dò nghẽn ngang
kể là như không.*

Nhận thức luôn cần thiết cho cả sự hiện hữu và giải thoát. Biết để dẫn thân, và biết để vượt thoát. Và khả năng đó chỉ có được từ sự lắng nghe. Chân lý chỉ hiển hiện cho người có mắt muốn thấy, có tai muốn nghe. Đánh mất khả năng nghe nhìn là muôn đời giam mình trong ngục tối của mê lầm. Dòng đời vẫn trôi qua trong sự vô tri của những tâm hồn gỗ đá. Thực tại vẫn đầy ắp chung quanh, liệu con người có lắng lòng để nghe thấy.

*With every falling petal
The plum-branches
Grown older.
(Buson)*

*Tuổi đời
Là mỗi cánh hoa*

*cội mai từ đó
thêm già mỗi xuân*

Một cách thơ mộng mà cũng không kém phần ngậm ngùi, đời người là chuỗi dài của những lần lớn ròng của sông nước, của từng bữa ăn, từng đêm tối chong mắt và từng buổi chiều vàng vọt. Ba vạn sáu ngàn ngày là vừa đủ cho một kiếp người trăm năm. Phật còn dạy đời người cần được tính đếm qua những hơi thở, những giây phút buồn vui, những khoảnh khắc thiện ác. Thời gian chỉ là một khái niệm giả lập mặc ước trên sự hiện hữu của các hiện tượng sinh tử. Nên chẳng những lễ hội tung bừng để mừng ngày mình thêm một tuổi vào dịp xuân sang, thêm một bước tiến gần về mộ địa. Lớn tuổi để thêm

vững vàng có lẽ vẫn tốt hơn là để trắng thêm vài sợi tóc buồn.

*That's good, this too is good
New Year's day
In my old age!
(Royto)*

*Vui sao
Vui thiệt là vui
Đón xuân để nhớ rằng
Tui đang già!*

Ai cũng muốn sống lâu, nhưng không ai muốn già. Lão thiền sư đã đón xuân bằng niềm tỉnh thức của riêng mình. Ông nói thế, liệu ông có vui thật không? Có thể ông đã cười giùm thiên hạ thì đúng hơn. Như ai đó đã từng nói về kiểu tượng Bồ

tát Di-Lạc của Trung Hoa: Đại phúc năng dung, dung thế gian nan dung chi sự- từ nhân thường tiểu, tiểu thế gian khả tiểu chi nhân (Bụng ngài to là để chứa những chuyện đời khó bao dung, gương mặt hiền kia luôn cười là để cười lên những nghịch lý đáng cười). Cũng hết chuyện vui xuân, thiên hạ muôn đời vẫn chối bỏ cái mình cần và chạy theo cái mình thích. Và khổ thay đó lại là cuộc trốn chạy kẻ nuôi dưỡng mình và kiếm tìm kẻ xoay lưng với mình. Trong cách nhìn nào đó, thiên hạ muôn đời vẫn là những trẻ con ham chơi quên mất dặm về.

*Planting my stick
In the quagmire
The first sun of the year.
(Issa)*

*Ngày xuân
Trồng một nhánh cây
xuống giữa đầm lầy
năm sau ngày này
có cái chổng đi*

Tôi có dịch sai chăng ? Chẳng sao hết, cứ thích lối ngẫm nghĩ đó. Thế là đủ, tôi đâu phải một nhà khoa học đang đối diện một công trình khoa học nào đâu. Chuyện đời lắm lúc vẫn cần đến những cách hiểu như thế để thấy ra vài khía cạnh chuyên biệt và rõ ràng thực tại luôn có nhiều ngõ vào. Tôi chỉ thấy ở bài thơ Haiku đó cái tâm sự của một ông lão giữa ngày xuân vẫn còn nhớ ra buổi về của đời mình, và cũng là nhớ về một chuyến đi xa không ngày trở lại. Buổi đẹp trời nào cũng có một hoàng hôn hun hút chờ đợi ở cuối ngày.

*The smoke
Is now making
The first sky of the year
(Issa)*

*Một làn khói tết
nhẹ bay
Gửi năm sau
một chút mây
gọi là.*

Nghĩ mà thương quá chừng. Một chút khói ngày xuân bỗng tự có một sứ mạng lớn quá, chút thán khí bay lên từ một bếp lò nhà quê hay đun rơm ngoài nội chợ ngang nhiên sánh vai với một đám mây trời, dù chỉ là đám mây của một ngày đang chờ hẹn. Không có gì trên đời này là tầm thường vô dụng hết, chỉ cần một

định hướng, nói xa hơn, một tâm hồn, thì gì cũng có thể thăng hoa. Thi nhân lúc này trong nỗi niềm lăng đãng đã kịp tự nhận một trách nhiệm trong cuộc chơi phù sinh, để đem cái lăng mạn lòng mình chấp cánh cho một làn khói vô tri và trao nó một ý nghĩa tồn tại, dù chỉ là sự tồn tại của phù vân!

*New Year's present:
The baby in the bosom
Holds out her tiny hands
(Issa)*

*Quà xuân cho mẹ
Có gì
Ngoài bàn tay chú nhóc tí
Ngo ngoe.*

Bài thơ có ít nhất hai cách hiểu, tôi chọn cách nghe như sai. Qua giao thừa này, tôi đã băm bảy tuổi. Tôi thật sự xa quê rời mẹ bảy năm rồi. Và thật lạ, ngày tôi nhớ mẹ nhiều nhất thường không phải Vu Lan mà là những ngày tết. Có lẽ tôi chưa từng có một kỷ niệm nào với mẹ vào dịp Vu Lan. Thằng con nào chẳng thế, còn mẹ thì cứ xem Vu Lan là của ai đó chẳng dính dáng chi với mình. Người ta nói thượng đế không thể cùng lúc có mặt khắp mọi nơi nên đã tạo ra những bà mẹ và món quà ngài tưởng thưởng cho các bà mẹ chính là những gì vẫn làm khổ họ. Đạo Phật vẫn nhắc đến một triết lý tương tự: Người ta phải luôn yêu lấy những thứ làm khổ mình để có cái mà trầm luân. Trở lại đời thường, mẹ chỉ có thể chịu đựng mọi thứ bằng niềm vui có con để khổ. Nhưng

nói vậy là lạc đề rồi, tôi không muốn ai lấy câu này đặt vào trường hợp tình mẹ. Tôi thường dị ứng với những lời lẽ hiểu để suốt suốt, ở đây chỉ muốn tô lại một góc nhỏ của bài thơ hài-cú trên: Đến một ngày vui nhất trong năm, mẹ cũng chẳng muốn gì hơn nữa, khi bà đã sở hữu một thứ gọi là Lòng Mẹ. Người ta thành Phật được cũng nhờ vào một tấm tình gần giống vậy, với tất cả chúng sinh. Mọi khổ nạn trần gian trong tim người lúc đó cứ như những quà tặng ngày xuân. Lạy Phật từ bi, con xin nguyện cầu cho mẹ con ở cuối trời và tất cả bà mẹ trong đời có một mùa xuân vui.

*In my hands a branch of plum-
blossoms*

*Spoke the greetings
Of the New Year
(Shiki)*

*Nhánh mai
cầm trên tay người
đã nói nghìn lời
cung chúc tân xuân*

Tôi chợt nhớ hai câu thơ chữ Hán đã đọc được đâu đó có nội dung, theo tôi, gần giống bài hài-cú trên này: Ngô đồng nhất điệp lạc-thiên hạ cộng tri thu (một chiếc lá ngô đồng rụng xuống, đủ để thiên hạ biết mùa thu sắp về). Ngày xuân ở Việt Nam có mai vàng, dù chỉ một nhánh nhỏ bên hiên cũng đủ khiến thiên hạ rộn ràng. Nhật Bản hẳn là cũng có những loài hoa báo xuân kiểu đó. Tôi chưa có dịp về Nhật và chữ Plum trong bản tiếng Anh cứ khiến tôi ngại ngùng, dù tôi chỉ đang cảm thơ chứ không phải dịch thơ. Mà sao cũng được, chỉ cần nhìn một nhánh hoa báo xuân

trên tay người, ta sẽ thấy ra một ngày tết vui. Cũng như cảm nhận một tình người, dù chỉ từ một bàn tay hành khất, ta sẽ tin được tính thiện vẫn tồn tại trong nhân gian. Nói kiểu mệnh mang thơ mộng, không sợ ly kinh nhất tự, thì ở đâu có từ bi ở đó là thiên đường, ở đâu có tỉnh thức ở đó có hiền thánh.

Nếu chỉ một cành hoa báo xuân đủ để biết Tết, sao người đời tiếc gì một tín hiệu thiên đường và màu áo hiền thánh cho nhân gian bớt đi những chuyện buồn không đáng có!

New Year's day

What luck! What luck !

A pale blue sky

(Issa)

*Ngày xuân
May quá, không mưa
Cho bầu trời Tết
được vừa đủ xanh*

Tôi tình cờ nhặt được chữ Vừa Đủ và bất chợt thấy ra đường như chủ ý của tác giả cũng xa gần quanh đấy. Ngày xuân, ông không nhắc nhở bánh mứt, rượu thịt, hoa trái. Ông chỉ tâm tạ thiên nhiên đã bỗng nhiên hào phóng dễ thương không trái gió trở trời để có thể chứa lại một chút trời xanh cho người trần vui Tết. Ông không dám mong nhiều hơn nữa. Người hành giả luôn thế. Hoàn cảnh nào cũng có thể tương nhượng, thỏa hiệp, dễ thương lượng, và tự tại vô ngại. Ngày xuân không cầu Vạn Sự Như Ý, chỉ mong được Ý Như Vạn Sự. Liệu còn nỗi vui xuân nào mình

triết hơn thế nữa. Vui xuân tỉnh táo như thế, có lẽ không mùa nào trong năm có thể làm khó được thi nhân!

New Year's day

I do not hate

Those who trample on the snow

(Yayu)

Tết đến

giữa mùa đông lạnh giá

giận sao đành

người đạp tuyết tầm mai!

Rõ ràng tôi đã cố hiểu bài thơ theo cách của mình, một phần có lẽ do vướng vít với bốn chữ Đạp Tuyết Tầm Mai, bỏ đi thì tiếc quá. Thôi thì đã trót vui xuân, chuyện gì cũng nên hỷ xả. Trong chúng ta có ai từng

là một người tình của tuyết trắng, yêu đến điên mê thứ vật chất xốp nhẹ, trắng nõn, như có như không kia, mà không phải ở chốn lạnh lẽo nào cũng có được. Tuyết đẹp một phần vì nó cũng là bèo bọt ngắn ngủi. Nắng lên, tuyết sẽ tan. Yêu được cái mong manh trong niềm tỉnh thức cũng là một nghệ thuật. Vì yêu được tuyết, người ta phải yêu cả cái lạnh lùng thâm thiết của nó. Giống hệt bao thứ hệ lụy khác trên đời này vậy. Và ngay trong lúc ngấm nghĩa, chiêm ngưỡng người tình tuyết trắng của mình, nhà thơ đã nghe ra những bước chân tục tử đang dày xéo, dẫm đạp lên cái trinh nguyên nõn nà của thảm tuyết đang trải rộng mênh mông kia. Ông thương tiếc và cũng muốn giận dỗi, bỗng nhớ ra nỗi giá lạnh se sắt từ người tình trái nết của mình đang thấm sâu vào những kẻ

du xuân nọ. Họ cũng yêu cái đẹp mà ông đang yêu và phải trả giá, như ông đã yêu và cũng đang trả giá. Nếu đã đồng bệnh sao lại không thể tương lân, và một ngày đẹp như Tết thì hẹp hòi gì mà không có nổi một đại lượng cho người. Khi mai này xuân rồi cũng qua, tuyết kia nếu vẫn còn mùa thì cứ sau mỗi đêm, cô người tình ấy lại tiếp tục trình nguyên tinh khôi như cũ. Vì mọi thứ ở nàng luôn nằm trong cuộc tử sinh của một kiếp đời bèo bọt, mất đi rồi sẽ có lại, thiệt gì. Thế là ta có được một bài thơ đẹp.

The first day of the year

I remember

A lonely autumn evening

(Basho)

*Ngày xuân
cứ nhớ nao nao
một chiều thu quạnh
buổi nào
xa xôi*

Người ta vẫn bảo người đa tình thường dễ phụ tình. Kỳ thực, họ đa tình nhưng còn có tính đa mang. Gì cũng vơ vào rồi khổ suốt bình sinh. Cuộc đời là một chuyến đi. Đường càng xa, càng nên thu vén hành lý. Ta khó lòng xê dịch ngàn trùng khi quá nặng vai. Đôi lúc thiên hạ khổ chỉ vì tự đặt ra cho mình quá nhiều nhu cầu, gì cũng thấy cần nên cứ thấy tiếc. Nỗi niềm đó nhiều lúc càng vô lý khi cái họ cứ mang chỉ còn là một xác khô của quá khứ, một nhánh hoa đã trôi mất và còn đọng lại trong tâm tưởng, vừa đủ cho

một niềm tưởng tiếc vô duyên.

Tự thâm tâm, chẳng hiểu vì sao tôi lại không hề nghĩ trên đây là một hoài niệm của nhà thơ trong ngày xuân mới, mà là một tiếng cười chế giễu ném vào những người cực lòng đuổi bắt muôn màng những khoảnh khắc thực tại vốn sinh động tinh tuyền. Bẩm sinh con người không đến nỗi thiếu tự do, nhưng thiên hạ vẫn cứ thích cái thú vui đau thương như một hình thức khác của dục cảm. Thế là nô lệ một đời. Người ta thích đóng khung tâm cảnh của mình chỉ vì e sợ cái bao la bát ngát dễ khiến họ choáng ngợp. Trong bối cảnh tôn giáo dường như cũng thế. Người ta thích dựng lên những thần tượng để có dịp tâng phục nhằm chạy trốn trách nhiệm tự ngộ, thích chật hẹp để tìm chút ấm cúng.

Có người hỏi tôi trong Phật giáo Nam truyền dường như không khích lệ việc trì niệm hồng danh đức Phật A-Di-Đà. Tôi nhớ đã từng lắc đầu không do dự rằng đó chỉ là một ngộ nhận đáng trách. Chúng tôi đúng là có trì niệm hồng danh Di-Đà, nhưng bằng chữ Phạn, chứ không phải qua âm Hán Việt. Và câu niệm chữ Phạn ở đây là Namo Amitabuddhanam (cũng có thể phiên âm là Nam Mô A-Di-Đà-Phật, nhưng chữ A-Di-Đà ở đây tương đương với chữ Hằng-Hà-Sa), nghĩa Việt là “Con Xin Kính Lễ Vô Lượng Phật, hay Tất Cả Chư Phật”. Trong khi câu niệm phổ thông trong khắp vùng Đông Á là Namo Amitàbhabuddhaya, phiên âm là Nam Mô A-Di-Đà Phật và chỉ có nghĩa là “Con Xin Kính Lễ Một Vị Phật Có Hồng Danh Là Vô Lượng Quang”, vì ánh sáng quanh Ngài

nhiều vô kể. Trì niệm một đức Phật sao bằng tất cả chư Phật. Nếu quả thật có các Phật Quốc, một sự lựa chọn chật hẹp sao sánh bằng sự thoải mái tùy duyên.

Ô hay, tôi đã đi quá xa bài thơ của thi hào Tùng Vĩ Ba Tiêu, có lẽ chỉ vì cái cảm giác vui xuân mà quá chén chẳng ? Xin được chút độ lượng trong ngày mừng xuân mới vậy.

*This New Year's day
That has come at last
It is just a day.
(Horo)*

*Chào mừng
tết đã đến đây
Ngắm ra
lại cũng một ngày phù du!*

Nên chẳng đôi lời thưa gửi nhằm nhí cho một bài thơ như vậy. Buổi tiệc nào cũng tàn, giọt lệ nào rồi cũng khô. Nhân gian đã tìm đủ cách níu lại bước đi lạnh lùng của cái gọi là thời gian, như trò chơi thả diều của trẻ con. Diều có lúc được gió, có khi đứt dây. Một nhòai hay hào hứng đến bao nhiêu rồi kẻ chơi cũng phải thu dây, rời bãi khi chiều đã xuống quá sâu. Tôi có lắm không khi nghĩ rằng tất cả nền văn hoá trên trái đất đều được nhào nặn ra chỉ để phủ nhận bài thơ này?

*New Year's day
The hut just as it is
Nothing to ask for.
(Nanshi)*

*Xuân sang
thì mặc xuân sang
am cỏ nghèo nàn
khách đến
chào sông.*

Nói vậy đã quá đủ cho một nếp nhà thanh bạch của người ẩn sĩ. Ngó trước trông sau chỉ là một mái che mưa nắng với bốn phía vách sẵn chỗ cho gió lùa quanh năm. Cái duy nhất đáng giá của thảo am có chẳng chính là tâm hồn cao rộng của người am chủ giữa cuộc đời tất bật áo cơm và danh lợi hảo huyền. Đón xuân trong một am nghèo như thế có thể không phải là nghèo. Hay có nghèo cũng cũng chẳng đến nỗi hèn.

*New Year's day
What I feel, has been too much
For the words.
(Daio)*

*Ngày xuân
Trăm nỗi
buồn vui
Ta chẳng đủ lời
Nên lại vô ngôn.*

Người ta nói nhiều chỉ vì một trong vài lý do rất dễ hiểu: Không đủ ngôn từ nên phải dây dưa, hoặc vấn đề vốn chẳng có gì đáng nói đành phải lê thê để gọi là, hay cũng có thể là ngôn ngữ được dùng như lớp vỏ bọc cho một tâm hồn nghèo túng. Nhà thơ của chúng ta có thể không nằm trong trường hợp nào cả. Trong mắt

ông, có những chuyện nói bao nhiêu cũng không đủ và nếu nói được cũng chẳng để làm gì. Ngày xuân có lẽ không nên để phí bằng một việc hoài công như vậy. Chi bằng nằm khoèo ra đó lắng nghe đất trời chuyển dịch hồn nhiên, để thêm cơ hội hiểu ta hiểu đời.

*The first day of the year
Through the door of my hut
A field of barley.
(Shoha)*

*Am nghèo
ngồi đón xuân sang
ngó qua cửa
cánh đồng vàng
mênh mông.*

Muốn đủ thì sẽ đủ, muốn vui thì tự nhiên vui. Có người từng bảo Dục An Tất An hình như nhằm nói chỗ này. Có gì đổi được một tâm thái cao vời thanh thản đủ để trọn vui với hình ảnh một cánh đồng lúa chín trong một ngày xuân mà không cần bận lòng chuyện gì ngoài ra nữa. Một văn hào đương đại lừng danh của Nhật từng bảo rằng ông có tận lực kiếm tiền cũng chỉ để có thời gian rỗi rảnh làm việc mình thích. Nhà hiền triết Diogene của Hi Lạp xưa khi được vua A-Lịch-Sơn hỏi cần gì để chu cấp cho, cũng chỉ ước oải yêu cầu sau một cái ngáp vặt là xin được để yên để tắm nắng sáng mà không bị ai quấy rầy han hỏi. Quà xuân kiểu này cao sang lắm vậy, vì không phải ai cũng thưởng thức nổi!

*The stream through the field
Ah ! the sound of the water
It is New Year's day
(Raiyan)*

*Rạt rào
nước chảy qua nương
Ô hay, nhớ lại
Ngày xuân đang về.*

Có nhiều con đường để đi vào một cảnh giới. Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền. Có người phải thấy một cảnh hoa báo xuân mới hay tết đến. Có kẻ chỉ nghe một tí gió thổi, nước chảy đã thấy trọn vẹn một ngày tân xuân. Có người liễu đạo bằng cả một đời khổ tu trên non cao rừng thẳm, khắc khổ kiên khem chay tịnh. Có

kể chỉ nghe qua một câu nói cũng đủ thấy
ra lẽ huyền.

*The first dream of the year
I kept it a secret
And smiled to myself.
(Sho-u)*

*Giữ riêng mình
giấc mơ xuân
lặng cười đã đủ
đâu cần kể ai!*

Đạo khả đạo phi thường đạo. Nói ra
được bằng lời thì đâu còn là Đạo nữa. Ngôn
ngữ chỉ để ám tả gián tiếp cái bóng mờ của
thực tại. Ôm chặt ngữ ngôn là dán mắt
vào ngón tay chỉ trăng, ngàn đời không
thể thấy được mặt trăng. Kinh điển Bắc

truyền có một đóng góp đáng giá là đã tạo ra được những cách nói ởm ờ thơ mộng khó tìm thấy trong Phật ngôn truyền thống. Nhưng âm thanh nào cũng chỉ đưa ta đến cửa. Đoạn đường còn lại là của thể nghiệm, thực chứng. Có lẽ đó là lý do hiền thánh xưa nay chỉ đưa người một đoạn và luôn im lặng khi có ai đó hỏi về cảnh giới giác ngộ của các ngài. Niềm vui ngày xuân của một cao sĩ cũng là một nỗi riêng không thể nói hết bằng lời. Vì họ không hề vui xuân bằng những mai vàng pháo đỏ. Họ có cõi riêng. Muốn hiểu họ, hãy là họ.

The New Year's day

The desk and bits of paper

Just as last year

(Matsuo)

*Ngày đầu xuân
Tôi với tôi
Thư trai cứ quạnh
Như hồi lập đông.*

Cái thâm hậu của người Thiền là có thể thấy ra thực nghĩa của thời gian. Nó có thực không, có đến và đi không? Nó chỉ có thực khi ta thấy đó là chuyện cần thiết. Thiền hạ vui xuân vì thấy có một thời gian đến và đi, họ sợ mùa đông để yêu mùa xuân. Người hành giả không yêu cái chi, cũng không ghét cái gì. Họ không hề tiễn biệt mùa đông hay đón tiếp mùa xuân. Nói nôm na, thấy Như Thị chỉ đơn giản là lúc nào cũng thấy NÓ thế thôi. Họ đùa rỡ với khái niệm thời gian như một đứa bé giỏi chơi điều. Nó luôn trong tay

người chơi. Đêm xuân đọc được bài thơ
kiểu vậy, độc đáo lắm thay.

Calm days

The swift years

Forgotten

(Taigi)

Tháng ngày biên biệt

chảy xuôi

Chuyện nhân gian ấy

gì rồi cũng quên

Thời gian có thực không ? Đó là một câu hỏi ám ảnh tôi suốt một thời tuổi trẻ. Bây giờ đã qua nửa đời, tôi tự cho phép mình thôi thắc mắc. Có ai đó từng bảo rằng toàn bộ cuộc tu chỉ gói gọn trong khả năng chống chèo một cái lá trên dòng

nước chảy xiết. Huyền nhiệm lắm thay.
Buồn vui từ đó chỉ là những người khách
lạ bên thêm, kể gì những hồi ức chỉ vừa đủ
làm nặng thêm chiếc lá bình sinh.

*A little bit of a nuisance
These flowers blooming
The sleeping Buddha.
(Issa)*

*Hoa nghịch ngợm
nở tung niềm tĩnh mịch
tượng Phật nằm
mắt khép
động từ tâm*

Phật giáo có ít nhất ba loại kinh điển:
Kinh chữ, Kinh người và Kinh tượng. Chữ
để đọc, người để noi và tượng để chiêm

ngắm. Nhiều lúc nhìn thấy một khuôn mặt đẹp trên bức tượng Phật nào đó, người ta cũng có thể thấy ra lắm điều về những gì Ngài đã chứng ngộ, sở đắc và thuyết giảng. Chỉ riêng sự lặng lẽ trên mặt tượng cũng là một cuốn kinh ngàn trang diễm tuyệt. Một cái hoa nở, một chiếc lá rụng, đôi lúc cũng là quá ồn ào bên cạnh niềm tĩnh lặng vô bờ ấy. Nhưng không phải ai cũng thấy chừng đó âm lượng là ồn ào. Nhà thơ đã có được lỗ tai thứ ba.

I will knock

At the gate in the darkness

Where the U flowers leaves off

(Kyorai)

*Ta gõ cổng
giữa mịt mù trường dạ
cánh hoa nào vừa rụng xuống bên hiên*

Gọi cửa giữa đêm không phải một việc làm vô cớ, hẳn phải có một duyên sự. Dù người gõ cổng là chủ hay khách. Và trong tâm cảnh chật hẹp đó, vẫn có người còn có thể nghe ra một tiếng hoa rụng, thậm chí cảm nhiều hơn nghe. Bài thơ là một dấu lặng menh mông với mùi hương nhẹ nhàng mộng mị của một đoá dạ lan cuối vườn. Thế giới sẽ đẹp hơn khi thiên hạ có thêm những người đủ sức tham dự vào dấu lặng ấy. Nhân gian đau thương vì quá hiếm người thích lắng nghe thứ tiếng động vô thanh này.

*From what flowering tree
I know not
But ah, the fragrance
(Basho)*

*Ta đâu biết
loài hoa nào đang nở
chỉ bất ngờ
đâu đấy
một mùi hương.*

Từ ngọn nguồn nào trên non cao mà chảy về đây, bao nhiêu miền đất đã từng cứu mang nó,..Tất cả câu hỏi đó đôi lúc không cần thiết khi người ta đang đứng bên một dòng suối tuyệt đẹp. Tại đây và bây giờ, thế đã đủ. Những hòn đá rêu mốc giữa dòng, những đoá hoa dại ven bờ, những chùm bọt nước trắng xoá tung lên

dội xuống trong một không gian mờ đục bụi nước, không đủ để người du khách đắm mình hay sao ? Truy tìm cái xa hơn dòng suối trước mắt chẳng là một kiểu hoang phí đấy sao ? Ai không thưởng thức được từng giây phút hiện tại sẽ suốt đời đau khổ. Câu nói đó nghe như quá đáng, nhưng xem chừng không gì đúng hơn. Một đoá hoa, một mùi hương, đôi lúc chừng đó đã đủ rồi. Hãy tận hưởng nó thay vì cứ loay hoay với những tìm hiểu lý tính. Thưởng hoa nhờ vậy được nâng lên một chiều cao nghệ thuật khác.

*By a house collapsed
A pear-tree is blooming
Here a battle was fought.
(Shiki)*

*Bên căn nhà đổ nát
Cội lê vẫn ngát hương
Ai ngờ đâu hôm trước
Ở đây bãi chiến trường*

Đời sống, nói kỳ cùng, cũng chỉ là một sự đáp đối giữa những gương mặt khác nhau của vạn hữu trong cuộc biến diệt không ngừng từ thiên thu đến ngàn sau. Khả năng sinh tồn một cách thông minh hình như phải là khả năng tùy duyên nhi hoá. Không thể thay đổi được cuộc đời thì người ta cũng có thể thay đổi cách nhìn đối với nó, từ một khía cạnh khác hay bằng một thái độ khác. Ta muốn buồn thì ở cung son vẫn buồn, ta có thể tự vui thì căn nhà đổ nát sau chiến cuộc cũng luôn sẵn có những thú để thưởng thức. Một

chút hoa dại bên hè, một làn khói xám len
lỏi giữa trời chiều, chẳng hạn.

*A pear-tree in bloom
In the moonlight
A woman reading a letter.
(Buson)*

*Đêm rằm
lê nở mặc lê
nàng ngồi
dưới bóng trăng thề
xem thư*

Có thể nhà thơ chỉ muốn vẽ một bức tranh nhẹ nhàng, đơn giản. Nhưng bệnh nghề nghiệp cũng dắt tôi vào một lối đi riêng lẻ. Xa xa trên ngọn đồi kia là một thư sinh, có thể một người làm thơ, đang

ngồi nhìn trăng mà độc ẩm. Dưới chân đồi, trên lối mòn dẫn về phố, có đôi tình nhân đang dìu nhau bước đi trong trăng. Bên chân bảo tháp trong hậu viên một ngôi chùa cổ, có vị tăng đang lặng lẽ tĩnh tọa. Và đâu đấy trong những lùm bụi, tôi như nghe được âm thanh khản đặc của một loài chim ăn đêm nào đó. Trong một cõi trăng rằm, tùy hoàn cảnh, mỗi người một việc. Đời sống là một sự lựa chọn.

The old pond
The frog jumps in:
The sound of water !
(Basho)

*Ao hoang
Lau lách mấy chòm
Một con nhái bén
nhảy tòm:
nước xao?*

Một trong những bài thơ nổi tiếng nhất của thi hào Tụng Vĩ Ba Tiêu. Đã có trên mười bản dịch tiếng Việt cho nó. Tôi dịch cho vui, không hề tự cho là một thách đố. Hình như đã có hơn hai bản dịch tiếng Anh đã hạ chữ Plops ở cuối bài thơ để diễn cái âm thanh từ cú nhảy của con vật. Do hoàn cảnh, tôi dịch chữ Frog là Nhái thay vì làẾch. đành chịu thôi. Không hiểu thiên hạ đã cảm và hiểu bài thơ này ra sao, ở đây tôi tiếp tục đi lẻ loi trên con đường của mình, và thấy ra một hành giả Thiền Quán. Ba thứ Căn, Trần

(cảnh), Thức gặp nhau trong thoáng hiện của Xúc (trong Viniscaya cũng gọi Xúc là Trikasamnipàta: Chỗ tương hội của Lục Căn, Lục Trần và Lục Thức). Nói vậy cũng có nghĩa rằng đây chính là bức tranh minh họa cho toàn bộ cái gọi là Thế Giới. Bởi nói theo A-Tỳ-Đàm thì thế giới này có thể thu tóm trong một chữ Xúc ở nghĩa rộng. Các nhân duyên gặp nhau và hình thành nên cái gì đó. Sinh hay diệt đều là thời khắc hội ngộ của chư duyên. Các pháp có thể xuất hiện từ sự góp mặt của những nhân tố nào đó, và cũng có thể xuất hiện nhờ vào sự vắng mặt của những thứ nào đó. Có hay không, đôi khi cũng là một kiểu trợ duyên, và đều có thể là nhân tố tạo sinh. Miễn là khi chư duyên hội tụ hợp lý thì vạn vật hình thành. Ta gọi đó là Xúc ở nghĩa rộng nhất. Tôi đọc bài thơ trên của

Basho với một liên tưởng như vậy. Và bên cạnh lý do âm vận, tôi cũng đã thử kết thúc bản dịch tiếng Việt của mình cho bài thơ trên bằng một hình ảnh để nhìn, thay vì là một âm thanh để nghe như bao dịch giả khác vẫn chọn lựa.

Hình như Nghe hay Nhìn là hai con đường khác nhau để ta đi vào hai cảnh giới không giống nhau. Ở đây phép tượng thanh đã được thế chỗ bằng cuộc chơi tượng hình.

Onceland, Giêng Bính Tuất

NGÀY XUÂN VIỆT ĐỌC THƠ NHẬT BẢN

Cái chết thì ở đâu và thời nào cũng có, nhưng mỗi nền văn hoá có một cái nhìn khác biệt nhau về nó. Chẳng hạn giữa bao nhiêu thiên hạ chỉ biết ham sống sợ chết, hãy thử đến hỏi chuyện một người Phật tử Tây Tạng hay cư sĩ Miến Điện xem họ nói sao về cái chết thì ta sẽ thấy rằng hình như cái biết của mình về chuyện đời chưa được bao nhiêu hết. Chuyện về người Nhật cũng là trường hợp tương tự. Phật giáo đến Nhật từ năm 502, sau khi dung hợp với Thần Đạo (Shinto) bản địa, đã trở thành một nguồn sống kỳ diệu cho

tâm thức Nhật Bản. Có lẽ khó tìm thấy ở đâu một dân tộc có thể nói về cái chết một cách thơ mộng và bình tĩnh như người Nhật. Từ một công trình biên tập của soạn giả Yoel Hoffmann, cuốn Japanese Death Poems, ta được biết thêm một chuyện thú vị: Ngoài thứ thi ca thông thường lấy cảm hứng từ đời sống, người Nhật xưa còn có một loại thơ khác rất độc đáo, đó là Jisei-ku, Từ Thế Cú, lấy cảm hứng từ cảm giác đối diện cái chết. Các tác giả của loại thơ này thường khi chỉ sống thêm vài giờ hay thậm chí vài phút sau khi đã hoàn tất bài thơ!

Ngày xuân đem chuyện chết chóc ra nói thì xem chừng không đúng chỗ. Nhưng đó chỉ là kiểu định kiến thường thấy ở đời. Trong Phật Pháp thì có ngày nào mà mỗi người không phải đối diện với

những khoảnh khắc sinh diệt chứ. Ai lại chẳng mang sẵn trong mình cái bản chất phù sinh của một bọt nước, còn đó mất đó. Thực ra dám trực diện với cái chết mới chính là biết sống đang hoàng và ngon lành nhất. Cái tâm tình của một tử tù dễ khiến người ta nên thánh. Đời sống khi đó không còn là những thứ mình thích hay không, mà là cái gì cần thiết nhất mà thôi. Ôm nỗi chết mà sống tử tế hơn thì sao lại sợ nhắc đến nó. Hầu hết chuyện bày ở đời đều bắt đầu từ chỗ người ta không nhớ nhiều cái ngày về đất.

Cổ tích kể rằng ngày xưa có ông vua lúc về già bỗng dưng muốn đọc hết những thi thư kinh truyện hay nhất trong thiên hạ trước khi xuôi tay về trời. Ông đem tâm nguyện đó nói với các học giả uyên thâm nhất nước. Họ thấy vua không còn nhiều

thời gian, nên đã hợp sức nhau rút ngắn, thu gọn những sách vở mà theo họ là tinh hoa tri thức thiên hạ vào trong ba pho kỳ thư dày cộm rồi đem dâng vua. Nhà vua già nhìn qua rồi lắc đầu ngao ngán. Ông mắt kém, đau lưng, dễ mệt thì làm sao đọc hết mấy cuốn sách nhìn qua đã ngán đó. Tội nghiệp các học giả lại phải bao phen rút ngắn mấy bộ sách kia theo đề nghị của vua. Chuyện đáng lo là ngắn mấy thì vua cũng lắc đầu. Sách mỏng dần theo hơi tàn của nhà vua, ông bây giờ mở mắt còn thấy khó nói gì là đọc sách. Cuối cùng, vào buổi chiều trước khi vua băng, một học giả trăm tuổi đến quỳ xuống trước giường chết của vua và trình lên một mảnh giấy nhỏ, tâu rằng bao nhiêu chuyện đời kim cổ đông tây đều nằm hết trong đó. Ông vua già đang thoi thóp nghe vậy mừng

quá, ông chìa tay cầm lấy tờ giấy nhỏ xiu đó, liếc mắt nhìn vào và mỉm cười mãn nguyện, rồi thì ông đi.

Câu chuyện trên vốn là cổ tích của xứ nào không ai biết, có điều là người Nhật đã chuyển tay nhau cái nội dung của mảnh giấy đó để sống thơ mộng và chết bình thản từ bao đời qua, rồi tạo nên một dòng thơ có lẽ lạ lùng nhất thế giới: Từ Thế Cú. Những tác giả của dòng thơ đó có thể là một thiền sư hay một thi sĩ chuyên nghiệp, khác biệt nhau nhiều điểm nhưng đều gặp gỡ nhau ở một lối về, đó là khả năng chào biệt nhân gian với nụ cười thanh thản nhất. Xin hãy nghe một vài người trong số họ đã nói gì về mảnh giấy bí ẩn vừa nói ở trên...Và cũng xin nhắc lại rằng đó là những dòng chữ thật sự là tuyệt bút được họ viết ra ngay trước

lúc là đời, có khi chỉ là vài giờ ngắn ngủi.

*The road I take
To paradise is bright
With flowers
(Sokin, mất năm 1818)*

*Tôi từng bước nhẹ
bỏ lại cõi sương
về Tây Thiên
một con đường cỏ hoa*

Thử hỏi trong số người quen quanh ta đã có một ai nói được vậy về cái chết. Một cuộc đi không có gì tiếc nuối, sợ hãi. Kẻ hành nhân chỉ lặng lẽ chờ đợi cái thời khắc lên đường bằng một cảm giác không thể thơ mộng hơn.

*I die
the evening of the day
the hibiscus blooms
(Koson)*

*Tôi đi
về cõi tịch liêu
vào đúng buổi chiều
hoa bụt trở bông*

Bỗng dưng nghe nhớ hai câu thơ của ông Phạm Công Thiện: Mưa chiều thứ bảy tôi về muộn, cây khế đời cao trở hết bông. Một chút hoa thôi, nhiều khi cũng là cái có lớn để người ta suy nghĩ nhiều, đủ là một ấn tượng khó phai trong lòng bất cứ ai có được trái tim biết thở.

*Now as a spirit
I shall roam
The summer fields
(Hokusai)*

*Như loài dã quỷ
Phiêu phong
Ta đi
Qua những cánh đồng
hạ xanh*

Nhắc thơ người, tôi cũng có lúc nhớ thơ mình. Dịch bài này của Hokusai, tôi chợt nhớ một bài thơ cũ đã làm từ lâu lắm, phút cao hứng muốn lấy nó làm bản dịch cho 3 câu thơ Nhật trên mà không dám:

*Mai tóc bạc, chưa vẹn đời du sĩ
đi trăm năm sao hết những con đường
dâu biển ơi, trước lúc về yên nghỉ
xin một lần làm mây trắng muôn phương...*
(TK)

*Butterflies in flight:
The journey's end
Suma Akashi
(Chikuro)*

*Ta rồi đến lúc phũ tay
Như con bướm nhỏ
đã bay cuối đường*

Cuộc vui nào rồi cũng tàn, bữa tiệc nào cũng tan. Những vui buồn nhân sinh có ghê gớm đến mấy cũng phải có lúc chấm hết. Chuyện cần làm là anh phải sống để

hiếu biết đúng sự thật, bao dung và buông bỏ, không phải để nắm níu. Xưa, vua Salomon của Do Thái được một người đến hiến cho chiếc vòng bằng bạc cùng một lời tâm rằng ai đang buồn nhìn vào chiếc vòng sẽ không buồn nữa, nhưng kẻ đang vui thì đừng nhìn vào nó, coi chừng sẽ hết vui . Vua Salomon nghe vậy thì càng tò mò, ông cầm chiếc vòng lên ngắm kỹ và thấy trên đó có khắc một dòng chữ ngắn ngủi: Gì rồi cũng qua đi.

*Of late the nights
Are dawning
Plum-blossom white
(Buson)*

*Đêm tàn
trời lại bình minh*

*một đoá hoa lành
vừa nở sáng nay*

Cái chết của người lành thì đơn giản như vậy đó, mát lạnh và thơm ngát. Và không phải ai cũng có được kiểu chết đó. Anh sẽ chết theo cách anh đã sống. Kể cả những cách chết không đẹp mắt lắm, thì trong đó kẻ ác và người thiện cũng có chỗ khác nhau. Một người cỡi mây mà đi, một kẻ đeo gông mà bước.

*A parting word?
The melting snow
Is odorless
(Bokusui)*

*Một lời gửi lại trần gian
đời người*

*một năm tuyết tan
nhạt phèo*

Thế giới này, nói cho cùng, là những năm tuyết: Thấy vậy mà không phải vậy. Thấy tuyết đẹp thì xin cứ để nguyên vậy rồi đứng ngắm từ một khoảng cách nào đó. Tuyết sẽ tiếp tục đẹp và thơ khi người ta chỉ ngắm nó qua một chút tưởng tượng. Lại gần nó, hốt nó lên tay, người ta sẽ phải thất vọng. Sức nóng trên tay người sẽ làm nó chảy tan thành nước.

*Oh I don't care
Where autumn clouds
Are drifting to.
(Bufu)*

*Ta đi
về cõi hư vô
kể chi mây trắng
đạt xô phương nào.*

Trong khi một người rũ áo ra đi, gì cũng chẳng màng, thì vẫn có kẻ trong giờ phút lên đường xem chừng vẫn còn bịn rịn với một chút tình khó dứt, nhưng kỳ thực, hai thái độ khác nhau mà vẫn cùng một chiều cao. Kẻ ra đi chẳng tiếc nuối gì, ngoài chút bận lòng rất nhẹ nhàng:

*I have not yet grown weary
Of this world – where do
Fall breezes blow?
(Gofu)*

*Ta chưa đành dạ xa đời
Còn thương chút gió bên trời
những hôm...*

*Farewell
I pass as all things do
Dew on the grass.
(Banzan)*

*Tôi đi
như giọt sương rơi
như nhân gian
vẫn muôn đời
tử sinh.*

Nhẹ nhàng, thanh thản quá. Nếu thuở bình sinh ai cũng sống trong tỉnh táo, biết cười hỏi cái chết từng ngày, thấy được niềm sinh diệt trong từng buổi, thì bữa đi

đâu có chi bận lòng nữa. Biết trước lâu rồi.
Sống nhất là những người không thấy có
gì khác biệt giữa cái chết cuối đời với cái
chết vẫn diễn ra từng hôm sớm...

*The longest winter night
Plum pedals fall and finally
The western moon.
(Bankoku)*

*Đêm dài đông chí
một cánh hoa rơi
vàng trắng khuya
đã cuối trời Tây thiên.*

Khó ai có thể vẽ nên một bức tranh
sinh động và đầy đủ hơn vậy về cái chết...

*Like dewdrops
On a lotus leaf
I vanish.*

(Senryu - Xuyên Liễu)

*Đời như giọt nước cành sen
Trăm năm
Nào có bỏ bèn gì đâu.*

Một trong những đóng góp vĩ đại nhất của Albert Einstein là việc định nghĩa lại khái niệm thời gian. Ông đã đưa nhiều người đến cửa đạo bằng con đường Vật Lý, thay vì là những thuyết giáo tâm linh.

*Looking back at the valley:
No more dwellings, only
The cuckoo cries.*
(Bako – Mã Quang)

*Ngoái nhìn
thung lũng đều hiu
không ai
ngoài tiếng chim chiều
kêu sương.*

Gì cũng sắp đến rồi, mọi chuyện chỉ còn là sự chờ đợi, lắng nghe. Bước chân thời gian lúc này rõ ràng hơn bao giờ hết, như từng giọt nước, từng tiếng thạch sùng trong nhà vắng, tiếng bướm bay ngang đèn, tiếng lạc ngựa trên đường, và cái âm thanh xa vời như có như không từ thung lũng đâu đó bên kia núi...

*Plum pedals falling
I look up – the sky
A clear crisp moon.
(Baiko)*

*Mãi nhìn theo
Cánh hoa rơi
Ta ngó lên trời:
Một mảnh trăng con.*

*Now spring has come
Into my world:
Farewell!*

*Bấy nhiêu năm
Cũng kiếp người
Ta chia tay nhé
cuộc đời đang xuân...*

Nhà thơ đã ra đi đúng vào tháng Giêng
năm 1905, thọ 80 tuổi,

*The year is ending:
I have not left my heart
Behind.
(Hankai)*

*Rồi năm cũ
cũng qua đi
Ta về cõi tịnh
Chẳng gì tiếc thương...*

Không bỏ lại tim mình phía sau, Yoel Hoffmann chú thích câu tiếng Nhật Kokoro Nokori Wa nghĩa là không còn gì tiếc nuối.

*The cuckoo's voice
Is all the more intriguing
As I die
(Keido)*

*Ngày ta về với thiên thu
Mong nghe được tiếng chim gù
Cũng vui.*

Một ước mơ nhẹ nhàng đơn giản quá,
và phải bình thản đến mức nào đó, kẻ trên
tử sàng mới có thể tiếp tục hồn nhiên cà
rớn đến thế.

*Summer
Is upon me:
A lotus leaf.*

(Kassan, mất ngày 12 tháng 6 năm
1818, thọ 57 tuổi)

*Kia rồi, Mùa hạ đã sang
Em ơi một lá sen tàn bên hiên.*

*My old body:
A drop of dew grown
Heavy at the leaf tip.
(Kiba)*

*Thân già
rồi cũng vô thường
phù du
như một giọt sương
đầu cành*

*Seventy-one
How did
A dewdrop last?*

(Kigen, mất ngày 23 tháng 8 năm
1736, thọ 71 tuổi)

*Bảy mươi năm rồi cũng qua
Trời ơi, một kiếp sương là vậy sao!*

*Today is the day
For one last view
Of Mount Fuji
(Kimpo)*

*Chiều nay
đã cuối đường trần
Còn trông thấy núi
một lần này thôi.*

Nhớ xưa Phật từng nói một câu tương tự vậy, khi biệt Vesali trước ngày về Kusinara để không bao giờ nhìn thấy ngôi cổ thành này thêm lần nào nữa.

*The joy of dewdrops:
In the grass as they
Turn back to vapor
(Koraku)*

Ô hay
từng giọt sương rơi
Chúng reo:
Ta lại về trời làm mây

Nói thiệt, tôi chỉ mong ngày chết cũng có thể an lạc như thế. Cái chết thực ra không phải là kết thúc, mà là một cuộc bắt đầu.

*When you contemplate the waters
At day break, you can hear
The lotus blossom.
(Kyokusai)*

Sớm mai
ngắm nước ven hồ
nghe cành sen nọ
bất ngờ mãn khai.

*A journey of no return:
The wanderer's sack is
Bottomless.
(Kyoshu)*

*Lên đường
về cõi hư vô
chợt nghe
chiếc túi giang hồ
rộng thêm...*

Chiếc dầy của người du sĩ hôm nay
bỗng như mênh mông hơn, những gì
có được một đời bất chợt chẳng là gì hết.
Hành trang cho cuộc đi còn lại những gì,
ngoài một chữ Không!

*Since time began
The dead alone know peace
Life is but melting snow.
(Nandai)*

*Chỉ tàn hơi mới bằng an
Bình sinh
một nắm tuyết tan ỡm ờ.*

*All freezes again
Among the pines, winds whispering
A prayer.
(Riei)*

*Nửa rồi,
một chút thu phong
trên những ngọn tùng
gió hát
lời kinh.*

*A water bird, asleep
Floats on the river
Between life and death.
(Robun)*

*Con vịt trời
lại ngủ quên
theo sóng
bồng bênh
giữa nổi tử sinh.*

Cứ như một bức tranh thủy mặc tuyệt đẹp, ta có thể nghe thấy ở đó cái không gian lững lờ giữa hư và thực. Ngó con chim trời mà nghĩ đến mình. Và không riêng gì ai hay một thứ gì ở đời, vạn hữu vẫn đang tồn tại trong niềm tử diệt, để cái cũ trở thành cái mới, đắp đổi nhau mà thành hoại.

*I shift my pillow
Closer to the
Full moon.
(Saiba)*

*Nhìn ra, trăng rải đầy sân
Ta kê cao gối
Cho gần trăng hơn.*

Như một cuộc tình từ thiên thu, trăng bao giờ cũng đồng hành với con người. Trẻ con, tình nhân, nhà thơ, ẩn sĩ....Ai chẳng yêu mê vầng nguyệt. Và ở đây, người thi sĩ của chúng ta khi tự biết mình phải lên đường vào cuộc hành trình không bè bạn thì vẫn còn trông đợi ở trăng chút tình bằng hữu sau cùng. Trăng có thể là bạn cho mọi người ở mọi lúc, mọi nơi, chỉ vì nó có như không, không mà có...Chỉ bằng

kiểu hiện hữu đó nó mới có thể đi với người ta suốt mọi hành trình.

*I borrow moonlight
For this journey of a
million miles.
(Saikaku)*

*Ta đi
Muôn dặm trùng san
Mượn nhau
Chút ánh trăng vàng
được không?*

Một bài thơ thật đẹp, nó đẹp còn vì giây phút chào đời của nó cũng là thời khắc cận tử của nhà thơ. Trên đường vào cõi chết ông vẫn còn kịp nhắn gửi lại cho nhân gian niềm tự tại cần có của một

người hiểu được chuyện đời. Cũng trên cái
tinh thần an lạc vô lượng đó, có người chờ
chết bằng một kiểu thơ mộng khác:

*Boarding the boat
I slip off my shoes:
Moon in the water.
(Seira)*

*Xuống thuyền
Giày tuột khỏi chân
Ô hay
Trên nước
một vầng trăng trôi!*

Hành giả đã ngộ có thể thấy sông núi
là sông núi, hay sông núi là Tú Đại đều
được hết. Chân Đế hay Chế Định lúc này
tùy lúc mà ngấm. Cái hoang tưởng của

một người điên hay hồn thơ một nghệ sĩ hoặc khả năng thấu thị của một hành giả Tuệ Quán có điểm giống nhau là thấy thêm một chiều không gian khác của sự vật mà người thường không thấy được. Có điều là thấy ra sao để bị gọi là điên, ra sao để được gọi là nghệ sĩ và ra sao mới là bậc thức ngộ.

Cũng là trăng giờ hấp hối, qua giọng thơ của một người khác:

*Rain clouds clear away:
Above the lotus shines
The perfect moon.*
(Seishu)

*Mây tan,
trời lại trong ngần*

*trên cành sen
chợt một vầng trăng khuya.*

Qua họ, cái chết cơ hồ không còn đáng sợ nữa. Nó đã là một cuộc đi, một hành trình, một khúc quanh khác, vậy thôi. Mấy lời thơ sau đây của vài tác giả cứ khiến tôi e ngại không dám bàn ra tán vào, họ nói hết rồi, còn gì cho tôi nói nữa đâu:

*I wake and find
The colored iris
I saw in my dream.
(Shushiki)*

*Ta choàng dậy
Ngó qua song
trời ọ,
đóa hồng vừa thấy trong mơ!*

*For eight and fifty years
I have had my fun
With moon and flowers.*

(Tanko, mất ngày 27 tháng 3 năm
1884, thọ 58 tuổi)

*Một vầng trăng
mấy khóm hoa
năm mươi tám tuổi
thế là đủ vui!*

Nhiều hay ít lắm lúc không phải là chuẩn mực của đời sống, điều cốt tử là anh đã cảm nhận mọi sự ra sao, Con số 2, 3 đôi khi cũng đã là quá nhiều với một người xem gì cũng là mây khói.

*I wish my body
Might be dew in a field
Of flowers.*

(Tembo, mất tháng 8 năm 1823, thọ
83 tuổi)

*Ước gì có thể hoá thân
hạt sương lạnh
giữa vô ngần cỏ hoa.*

Chỉ có bậc cao sĩ mới có thể yêu được
sơn lan và dã hạc, chỉ có người hiểu đạo
mới có thể có nổi cái khả năng vong thân
tận tuyệt đến thế.

*The voice of the nightingale
Makes me forget
My years.*
(Uko)

*Mãi nghe chim hót trên cành
Bao năm tháng cũ
Cũng đành phôi pha.*

Cái gì cần quên thì không nên nhớ nữa.
Ký ức phải được chọn lựa, vì có thứ trong
đó là hành trang và có món chỉ là gánh
nặng trên đường. Những khi đó, chúng
chỉ là chút phiền hà cho một thực tại đẹp.
Được nghe chim hót trước giờ đi, vậy là
nhất rồi. Gì đó ngoài ra, xin gửi lại cho đời.

*I am not worthy
Of this crimson carpet:
Autumn maple leaves.
(Kyohaku)*

*Mùa thu
thảm lá mông mênh*

*bàn chân tục lụy
dẫm lên sao đành.*

Sắp bỏ hết lại cho đời để mà đi, người thơ vẫn một mực chân thành trân trọng cái đất trời huyền hữu như thuở nào vẫn sống trong nó. Một thảm lá vàng vẫn cứ thiêng liêng trong lòng một người biết sống và chết trong trách nhiệm, cứ luôn thấy mình có điều phải nghĩ, có chuyện phải làm và cứ thấy mình luôn là bé mọn để có thể cúi đầu trước vạn hữu phù sinh. Và đó cũng là tâm sự của một người khác:

*When I am gone
Will someone care for
The chrysanthemum I leave?*

(Kizan, mất năm 1851, thọ 64 tuổi)

*Ta rồi nhắm mắt
Xuôi tay
chỉ thương chấu cúc
biết ai chăm giùm*

*The second month:
Plum blossoms filling out –
I fade away.
(Gohei)*

*Tháng hai
vườn trắng anh đào
Chỉ hiềm
Tôi đã mòn hao lắm rồi!*

Than là mệt, nhưng vẫn còn đủ tỉnh táo để yêu được cái trần gian này qua mấy nụ hoa nhỏ xíu. Chết kiểu đó đâu có sợ hãi. Tôi dĩ nhiên không dám so tác giả với

đức Phật, nhưng đọc mấy câu tuyệt mệnh này của ông, tôi cứ nhớ lại mấy ngày cuối cùng của Thế Tôn ở Vesàli trước khi về đến Kusinàra để viên tịch. Đêm đó, ngài ngồi với tôn giả Ānanda và khen trăng ở Vesàli bằng mấy lời đẹp như thơ. Bà con nào tò mò, xin vào đọc trong kinh Đại Bát Niết Bàn của Trường Bộ Kinh.

Clear sky

The way I came by once

I now go back by.

(Gitoku)

Vẫn bầu trời thăm

Trên kia

Tôi theo ngõ cũ

trở về cố hương

Nếu tác giả từng biết qua giáo lý Duyên Khởi, tôi cho đây là một kiểu rút gọn cái biểu đồ 12 mắt xích của Sinh Tử Luân.

*A graveyard:
Autumn fireflies
Two or three.
(Gensho)*

*Nghĩa trang
lặng ngắt như tờ
đôi con đom đóm
hững hờ trong đêm.*

Nói chết chỉ là sự trở về cũng được, là bước chân đầu tiên cho một hành trình mới cũng được, miễn là không có ai chết cả, chỉ có sự hoán chuyển của những nguồn năng lượng, thế thôi. Thấy được

vậy, cái chết hoàn toàn có thể được nhìn
ngắm bằng mắt, bằng tai.

*Upon the lotus flower
Morning dew is
Thinning out.*
(Fuso-Bất Tranh)

*Trên cành sen
buổi sớm mai
màn sương đầu ngày
từng phút
dần tan...*

Quan sát được từng bước chân của
thần chết một cách lãng mạn đến vậy
không phải ai cũng làm nổi.

*Rise, let us go
Along the path lies
The clear dew.
(Fujo)*

*Nào, ta làm cuộc lên đường
Hành trình
Là một ngõ sương
cuối trời.*

Phải nhẹ như gió mới có thể dẫm lên sương mà đi. Người khuân vác đủ thứ trên vai và trong lòng thì làm sao đạt tới được cái công phu thượng thừa đó chứ!

*Empty cicada shell:
As we come
We go back naked.
(Fukaku- Bất Giác)*

Ngó xác ve
bỗng chạnh lòng
trần gian
ai chẳng tay không
đi, về.

Bài này ai nghe qua cũng hiểu, cũng thuộc. Vậy mà người ta sẽ quên ngay thôi. Nếu chẳng thế, sao cái hành tinh này đến giờ vẫn cứ khổ như điên vậy chứ?

*A parting gift to my body:
Just when it wishes
I'll breath my last.*
(Ensei-Diên Thanh)

Chút quà, Tôi tặng chính tôi
Không chi, chỉ một làn hơi cuối cùng.

Cái chết như một cuộc chơi. Tác giả đã nhắc tôi nhớ đời mình thật sự là gì, và chi mới là điều cần thiết nhất. Cái đó nằm ngoài mọi âu lo, toan tính của phàm tâm. Đâu phải đợi đến lúc phải há to miệng để tìm hơi mới nhớ đến nó. Sao không là lúc này chứ? Thở trọn vẹn để sống khỏe, thở tỉnh thức để lòng không u mê, thở với từ tâm để có thể bao dung vạn hữu. Chỉ luyện thở thôi, cũng đủ khiến mình và người cùng được an lạc rồi.

Autumn gust:

I have no further business

In this world.

(Ensetsu)

Chỉ là một trận gió thu

phủ tay vào cõi sa mù tôi đi.

Tôi phải cảm ơn nhà thơ nhiều lắm,
nghe ông nói về cái chết mà bắt ham luôn!

*Cargoless
Bound heavenward
Ship of the moon.
(Dohaku-Đạo Bách)*

*Thuyền trắng
nhẹ tếch về trời
chở theo đó
một nỗi đời hư vô.*

Không phải ai cũng có thể đưa mình
tới được cái cảnh giới không trọng lực để
có thể nằm ngoài mọi sức hút của trần
gian. Nhẹ hơn hạt bụi, phiêu bồng hơn cả
một cánh hạc, để hoá thân thành cái gì đó
như là tia nắng, để có thể đi xa, đi nhanh

về trời. Thầy tu chết được vậy còn sướng hơn sống làm vua triệu lần.

*I wait, white clouds
And dark clouds passing-
A cuckoo cries.
(Chosui-Điếu Túy)*

*Tử sàng
nằm ngóng mây bay
hay chưa!
bất chợt hiên ngoài
tiếng chim...*

Tôi bỗng hình dung tác giả như một người đã dọn sẵn hành lý cho cuộc du hí nghìn dặm nào đó, chứ không phải một người đang nằm chờ chết. Thanh thản, tươi trẻ và tràn ngập năng lượng.

*Leaves never fall
In vain – from all around
Bells tolling.
(Chori)*

*Lá vàng
Nào ngẫu nhiên rơi
Quanh ta
giờ đã mấy thời chuông ngân.*

Cứ như điều tâm đắc của một hành giả
đã tìm ra lời đáp cho cái công án mà mình
đã một đời tham chiếu.

*This final scene I'll not see
To the end- my dream
Is fraying.
(Choko)*

Chưa gì
Mà mộng đã tan
đời như một giấc kê vàng
sớm phai.

Nhiều khi kiến thức cả đời chỉ là
những bài học trên mặt giấy, phải đợi đến
phút ra đi người ta mới có đủ bằng cứ để
nghiệm ra trọn vẹn những gì mình vẫn
chỉ biết qua đầu môi.

“Paradise”
I murmur, sleeping
In my netted tent.
(Chora)

Ồ mặc kệ, trần gian muôn khổ ải
trong lều sương, ta gọi mãi thiên đường.

Chẳng hiểu sao, tôi cứ chẳng muốn hiểu là tác giả đang có ý cầu vãng sinh chi đó trong giờ cận tử. Tôi mơ hồ nghe thấy trong mấy dòng ngắn ngủi đó một sự an lòng và niềm tin vào cái thiện. Ai sống lành sẽ ra đi an lạc, thế thôi. Tác giả tin vậy và thấy ra một chốn về yên bình đang đợi chờ mình ở đâu đó cuối trời.

*I long for people –
Then again I loathe them:
End of autumn.
(Chogo)*

*Chờ nhau
để lại chán chường:
Một mùa thu đã vô thường
Hôm qua.*

Chờ đợi hay hoài vọng vào bất cứ thứ gì ở đời cũng đều là dọn đường cho một nỗi chán chường, ngán ngẩm. Nó không đến hay khi đến không còn như ta nghĩ, hoặc ta lúc này không còn sẵn sàng để đón nhận nó nữa. Tới đâu hay tới đó, nói nghe bạc mà chắc ăn hơn. Chuyện đời như con nước trôi, chuyện Khắc Dấu Mạn Thuyền dẫu có nghe thêm nghìn lần thì người đời cứ cố lãng quên để được sống đại khờ. Và hình như người nào hiểu chuyện cũng đều nói vậy khi bàn tay đã sắp bắt cánh chuồn:

*In earth and sky
No grain of dust
Snow on the foothills.*
(Chirin)

*Rỗng không
một cõi đất trời
có chẳng
một tí tuyết rơi
chân đôi.*

*Child of the way
I leave at last
The willow on the other shore.
(Benseki)*

*Rồi như thằng bé
trên đường
Ta đi
bỏ lại cõi dương
bến này.*

Nori No Chigo trong tiếng Nhật còn có thể hiểu là đứa bé trong đạo học, như

chính tác giả vào lúc cuối đời cũng đã chọn cho mình cái ngoại hiệu là Honi (Pháp Nhi). Ông khiêm tốn tự nhận mình lâu nay vẫn chỉ là một đứa bé tung tăng trong cửa Phật, sở chứng chẳng có gì đáng nói. Giờ thì đứa bé đó phải đi xa, bỏ lại bờ bến cũ có cội liễu ngày nào vẫn đùa chơi ở đó.

Sadly I see

The light fade on my palm:

A firefly.

(Kyorai)

Ngôi buồn

Ngó xuống bàn tay

một con đóm nhỏ

đang bay lập lòe.

Sinh mệnh của người thơ cũng đang leo lét mong manh như vệt sáng nhỏ nhoi trên mình con đom đóm. Nhìn thấy cái bé tẹo vô nghĩa của phận người, nổi chết không còn là cái gì kinh khiếp nữa. Nó chỉ là sự tắt ngúm của một đóm lửa li ti.

Six and sixty

Setting sail in tranquil water

Breeze among the lotus.

(Usei, mất năm 1764, thọ 66 tuổi)

Sáu mươi sáu tuổi

Giòng thuyền

Qua hồ sen tạnh

về miền trăm năm.

Đọc bài thơ, tôi cứ bồn chồn thật lạ.
Sao ai cũng có thể ra đi ngoạn mục đến vậy,

khi đến tận giờ tôi vẫn rùng mình mỗi lần nghĩ về cái chết của mình mai này. Nhiều lúc không mong có bạn sống cùng, mà chỉ mong tìm thấy một người có thể giúp mình có được phút ra đi cho thanh thản.

Tôi mua cuốn Japanese Death Poems của Yoel Hoffmann từ giữa năm 2008, những đêm khó ngủ lấy ra đọc chơi vài trang rồi nếu cao hứng thì dịch chơi vài câu. Ngôn phong từ đó cũng rời rạc theo từng giai đoạn tâm cảm. Những tưởng có lẽ sẽ lâu lắm mới có dịp sưu lục mấy cái note bút chì đó để ghép với bài Bình Thơ Haiku đã viết mấy năm trước cho thành một tập di cảo cuối đời, ai ngờ hôm nay lại phải đem ra xài rồi. Cơ duyên gì ư?

Sáng mừng một tết Kỷ Sửu nghe tin một người ơn cũ bên nhà đang hấp hối, tôi giật mình bàng hoàng. Sao chẳng lựa

trước hay sau tết, mà cứ nhằm ngày đầu năm mà xảy ra chuyện kiểu này. Mừng một tết Đinh Hợi nghe tin cô Bảy Vĩnh Phúc ra đi, mừng một tết năm Kỷ Sửu lại nghe tin cô Ba Lộc An muốn giũ áo. Kiểu này mai kia cứ giáp tết là phải hồi hộp rồi. Nói không mê tín cũng thiệt là khó. Lưu lạc đã đúng 10 năm, nếu kể đạo nghiệp thì càng thêm thẹn với ân nhân ngày trước đã từng kỳ vọng. Thôi thì đành mượn mấy trang bút khảo văn vợ này làm chút quà xuân gửi về quê nhà trước khi quá muộn.

Vài ghi chú trong bài viết là y cứ phần chú giải của Yoel Hoffmann. Ai muốn đọc cho đã, xin tìm giùm cuốn Japanese Death Poems của ông rà soát lại. Nguyên cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ cho người bệnh có ở lại thì sớm kiện khang, có ra đi thì cũng nhẹ nhàng đủ để viết lại cho đời

một bài Từ Thế Cú kiểu Việt Nam. Mong
lắm thay!

Megahut, mừng 2 Tết Kỷ Sửu
Toại Khanh Cần Bút

ĐIỀU ĐẠI KỶ NĂM NGỌ

Nói rộ̀t ráo thì năm nào cũng vậy thôi, cũng 12 tháng với 4 mùa và loanh quanh mấy vụ nắng mưa lạnh nóng. Nhưng riêng cái năm Ngọ này hình như có chút đặc biệt, bởi cái hình ảnh con ngựa trong đó. Cứ nhắc đến ngựa thì trước hết và bao giờ tôi cũng nghĩ ngay đến cái câu Ngựa Quen Đường Cũ. Bốn chữ đó thâm hậu ghê gớm.

Cứ theo nhà Phật mà nói, luân hồi chỉ là hành trình ngựa quen đường cũ. Chữ Phạn Samsara cũng có nghĩa là ngựa quen đường cũ. Lịch sử thế giới, xét về mặt gì cũng cứ là ngựa quen đường cũ.

Muốn văn minh hơn, muốn sung sướng hơn, ngon lành hơn, con người phải thoát ra được cái được gọi là lối mòn hay đường cũ ấy.

Một cái tật xấu làm khổ mình, phiền người nhưng không thêm sửa hay sửa hoài không được, đó là ngựa quen đường cũ.

Mình hôm nay, năm nay không khá hơn mình hôm qua, năm trước cũng là ngựa quen đường cũ.

Chẳng ra gì mà cứ tự thấy ghê gớm vĩ đại, là ngựa quen đường cũ.

Một mối quan hệ bế tắc mà không rút ra được, từ hôn nhân đến bất cứ quan hệ nào khác, cũng đều là ngựa quen đường cũ.

Với kẻ tu hành cứ quanh quẩn với chút thành tựu tu chứng hay danh lợi mà không tháo cởi ra được để đi xa hơn, lên cao hơn, cũng là ngựa quen đường cũ.

Biết đó là gánh nặng, là hệ lụy, là tào lao, là bậy bạ, là vô ích, là có hại... mà không bỏ được, cứ khư khư giữ lấy hay tiếp tục theo đuổi, thì đó là ngựa quen đường cũ.

Tất cả khổ ải nhân gian đều là do ngựa quen đường cũ. Không dám hoài nghi cái cũ, cứ e sợ cái mới, chỉ dám theo lối mòn, sống lòng chậu cũng được, đó là ngựa quen đường cũ.

Mẹ sinh ta ra hoàn toàn tự do, tay chân thoải mái, lớn lên vào đời bị đủ thứ ràng buộc một cách tội nghiệp mà không dám nghĩ đến chuyện thoát thân, đó cũng là do ngựa quen đường cũ...

Ngày nào cũng online, không có chuyện cần thiết cũng online, đó cũng là ngựa quen đường cũ.

Bận chuyện không vào được Facebook để hiệp thông thiên hạ thì lòng như lửa

đốt, đó cũng là ngựa quen đường cũ.

Biết online là phiền nhiều hơn vui, hại nhiều hơn lợi, mà vẫn cứ miệt mài triền miên trên đó, cũng là ngựa quen đường cũ.

Sang năm Ngọ, ngựa không thể cứ QUEN đường cũ, mà ngược lại phải QUÊN cho bằng được con đường cũ. Cái dấu nón bên trên chữ quen đơn giản vậy mà có thể cứu lấy một đời người, một gia đình, một xã hội và biết đâu cả thế giới. Chính cái dấu nón đó đã biến một kẻ phạm phu thành bậc đại giác, một bóng người vô danh trở thành bóng mát cho hoàn vũ, chỉ vì cái dấu nón ấy thôi.

Viết đến đây hình như cũng đã quá nhiều, đành ngừng vậy, không khéo lại có người bảo là... ngựa quen đường cũ thì nguy!

Happy new year, xin chúc mọi người năm này sớm tìm thấy những con đường thiết mới, thiết đẹp cho một nơi đến thiết lành. Mong lắm vậy thay!

NGƯỜI ĐÀN BÀ TÔI QUEN

Tôi gọi chị là đàn bà chỉ là để phân biệt với đàn ông. Đến tận giờ, chị vẫn một đời bỏ ngõ đêm hồng. Cách biệt nhau nhiều phương diện, nhưng tôi vẫn trộm xem chị là bạn, là một người chị ở nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Nhiều lúc nghĩ lại mà giật mình, ngoài chị, tôi hình như không còn ai thân quen hơn thế nữa.

Tết này nữa, tôi bốn mươi rồi. Và không biết nên nói là vui hay buồn khi đến tận tuổi này tôi vẫn không có được một tình bạn đúng nghĩa, đại khái là mình có ra làm sao vẫn thương, vẫn giúp. Ngay trong Tử Vi, các cung Phu Thê hay Tử Túc

của tôi cũng tệ lắm. Nhưng may mà làm thầy tu, nên chuyện đó lâu nay coi như chẳng đáng nhớ nữa. Chuyện bạn bè hay vợ con thì là vậy, nhưng tôi may mắn có được vài cuộc gặp gỡ còn đáng hơn hai thứ đó cộng lại. Tôi nhớ từng gọi đó là những cuộc kỳ ngộ, tức những cuộc gặp gỡ ly kỳ với những con người đặc biệt. Chuyện tôi quen biết chị là một trong số một vài cuộc kỳ ngộ đó.

Nhan sắc không đẹp cũng không xấu, tiền bạc không thiếu nhưng chẳng dư, dở dang đại học nên cũng không phải thứ dốt, cuộc đời và con người của chị không thể xếp hẳn vào loại nào được, bởi nó nằm giữa các cực. Có điều là nói theo người xưa, chị cao số lắm. Tôi biết chị mười năm rồi, từ lúc còn ngó được một tí, đến nay xuống sắc lắm rồi, vẫn vò vố vậy thôi. Nghe đâu

trong một lần về thăm Việt Nam mấy năm trước, có kẻ biết chị ở Mỹ và ngỡ là có tiền nên ra sức dòm ngó ít lâu. Sau thấy chị kẹo quá, hấn biến luôn. Chị trở về Mỹ với chút buồn rồi thì đâu lại vào đó.

Tôi gọi chị là Phật tử vì thấy chị biết đi chùa, biết xưng hô cư xử phải phép với tăng ni. Ngoài ra gì cũng không. Không học đạo, không tu trì gì ráo. Chị là vậy đó, nhưng cứ bắt tôi phải hồ nghi về con người thật của chị. Nửa ma nửa người, nửa tốt nửa xấu, nửa khôn nửa khờ. Những thứ mâu thuẫn đó không phải trước hay sau nhau, mà cùng lúc có mặt. Tôi thấy nhức đầu khi nghe chị nói chuyện, nhưng không thể không suy nghĩ.

Một ngày, sau gần cả năm không liên lạc, bỗng nhiên chị gọi tôi hỏi thăm vớ vẩn đôi điều, rồi giải thích bằng quơ: Đời

người ngán quá, con sợ mấy chuyện thù tạc vô nghĩa. Hỏi thăm nhau mà chẳng giúp được gì, thôi im cho xong. Lang thang ngoài mấy tiệm sách hay vào Internet đọc cái gì đó còn hay hơn, phải không sư ?

Tính cách của chị là vậy, ai buồn cũng mặc, nói năng như muốn chửi vô mặt người ta. Nhưng chị có nhiều suy nghĩ lạ lắm. Lần đó ngẫu nhiên tôi hỏi chị chuyện chính trị. Chị phì cười trong phone: Có triều đại hay chính thể nào kéo dài được thiên thu đâu, nói chi là vạn tuế. Hay dở gì cũng phải sụp đổ cái khác thế vào. Đã vậy nếu có kiếp sau thì ai biết mình sẽ sinh vô dân tộc nào mà kêu gọi yêu nước thương nòi. Quan trọng nhất là kiến thức, dốt quá thì không nghĩ ra được cái gì. Nếu trước và sau 1975 dân miền Nam biết nhiều

hơn một tí thì số người khổ nạn sẽ không nhiều như đã...

Một đạo thiên hạ khắp nơi rộ lên phong trào về nước làm từ thiện, tôi lại nghe chị nói mấy câu thiệt ngộ: Ai có nhiều tiền cứ đưa đây, con về nước làm từ thiện giùm cho. Lấy tiền của thiên hạ để làm nở mặt mình thì khó gì. Nếu thương người, hãy nghĩ cách khác lâu bền và khó gây hiểu lầm một tí.

Cách đây hai năm, nghe tôi nói muốn có riêng một đạo tràng để làm văn hoá, chị cười không kịp thở: Nếu có lòng thì thời buổi này thiếu gì cách. Coi chừng có cái tư riêng rồi thì lý tưởng thay đổi. Người Mỹ nói tàu nằm ở bến cảng thì luôn an toàn, nhưng sự an toàn nhàn hạ đó không phải lý do để người ta đóng tàu. Có nhiều kẻ trời sanh phải long đong mới dễ thương !

Giữa năm ngoái, một đêm chị gọi tôi với giọng nói thật lạ và cho hay bác sĩ đang nghi ngờ chị mắc một trọng bệnh hiểm người bị. Tôi chợt lo sợ một chuyện xa xôi, hời hợt lung tung, kể cả việc sẵn sàng bay về với chị vài bữa, rồi tôi gợi ý chị lên West Virginia tham dự một khoá tu ở đó. Tôi thật bất ngờ khi trong hoàn cảnh đó còn nghe chị phán mấy câu ráo hoảnh: Sư có biết con sợ thiên sư và sách thiên lắm không, lắm thầy thì nhiều ma. Kinh nghiệm thực tế của mỗi cá nhân thì quý lắm, nhưng nhiều cá nhân quá thì cái cá nhân này có mà chết. Cái gì nguồn cội và nguyên thủy thì đơn giản và chắc ăn hơn. Nhưng con hiểu ý sư rồi, sẽ chọn ngày lên đó một chuyến.

Đầu năm 2007 tôi có đi Tàu một chuyến. Ngày về tôi đã khoe với chị một

bức tượng Phật rất đẹp. Tôi chụp hình bức tượng và gửi qua email rồi hỏi nếu chị thích thì sẽ gửi biếu chị. Chị cảm ơn và câu trả lời làm tôi giật mình: Trong nhà con chỉ thờ những tranh tượng không sợ hư mất. Ngày trước có dạo lên Internet tìm được mấy tấm ảnh Phật đẹp lắm, muốn in ra giấy để thờ, nhưng nếu mai này có đi đâu chẳng lẽ phải mang theo hay sao. Con có cái Laptop, và save sẵn vài tấm hình Phật vừa ý, mỗi lần tụng kinh một mình cứ mở máy ra rồi nhìn vào đó là xong. Nếu không, chỉ cần một tờ giấy trắng với cây bút chì, chỉ chừng 30 giây đồng hồ là có ngay tấm ảnh để lạy rồi !

Mấy hôm trước khắp nước Mỹ râm ran chuyện bầu cử, tôi hỏi chị chọn ai, chị nói tỉnh như không: Cha nội nào cũng mấy năm thôi, ai cũng được. Con chỉ quan tâm

những cuộc “bầu cử” ảnh hưởng cả cuộc đời mình !

Chị có nhiều cách nghĩ thiệt lạ và buộc tôi nhớ hoài, như nhớ những bài học để sống đời và hành đạo. Câu nói nào của chị cũng có thể hiểu nhiều cách và gợi ý nhiều điều.

Mùa đông này có vẻ lạnh hơn năm ngoái. Cách đây nửa tháng, chị gọi phone thăm tôi và hỏi có muốn chị gửi đồ ấm. Tôi bảo xứ này thiếu gì mấy thứ đó, chỉ cần hơn mười đồng là có ngay cái áo mặc ấm chết bỏ. Nếu được chỉ xin chút mút gừng là quý rồi. Mười ngày trôi qua, tôi nhận được gói quà của chị. Ngoài gói mút gừng vàng óng như màu mật ong, là hai cái áo lót bằng vải mềm với bốn túi trên dưới, dây kéo (zipper) hằn hoi. Chị gửi kèm theo đó mấy chữ: Mút gừng cho mùa đông và

hai cái áo mặc mùa nào cũng được, khỏi mang túi hay đeo belt-bag phiền phức.

Tôi chẳng biết chị mua hai cái áo ở đâu, có vẻ hàng hiếm, may ở Tàu. Chị thiệt thà đến mức để nguyên cả tấm thẻ giá trên đó, mỗi cái áo 9 đồng 99 cent. Chị như nhớ cả size áo của tôi, và cái màu đưa cái thật dịu mắt. Đã bao lâu rồi tôi mới nhận được những món quà kiểu đó. Rẻ mà quý, đơn sơ mà nồng nàn. Như con người và ngôn ngữ của chị, ít mà nhiều, bông lớn mà sâu sắc, giản dị mà cần thiết. Thế thôi, một đời người còn cần gì hơn vậy nữa. Mùa đông này là của chị đấy biết không?

Santosa 11/24/08

NGƯỜI TÌNH VẠN HỮU

Ngày giáp xuân, tôi ngẫu nhiên xem được trên Internet một cuốn phim thiết ngộ, nhìn quanh chẳng có ai để mà rủ rê xem chung, cũng tiếc. Cái tựa phim gồm cả tiếng Anh lẫn tiếng Tàu. Cái tựa tiếng Anh trần tục lắm: *Love Me - Love My Money* (Yêu Tôi Hay Yêu Tiền). Cái tựa tiếng Hoa thì gần với tâm tình Việt Nam hơn: *Hữu Tình Ấm Thủy Bảo* (Thương Nhau Ưống Nước Cũng No).

Lâu nay có người vẫn hỏi tôi sao ngó như thích làm một gã thầy tu lãng du trong cõi Phật học, hơn là một hành giả nghiêm túc, một tu sĩ cần cần trong chốn

Không Môn lặng ngắt thanh tịnh, để cứ thỉnh thoảng viết một bài Điểm Phim, đời nhiều hơn đạo. Biết nói sao đây, khi câu trả lời nhiều lắm cũng chỉ là thế này: Hình như chỉ trong những cuộc rong chơi lên đênh mà cũng liễu lĩnh đó, tôi mới có dịp nhìn lại xem lời Phật đã vào được bao sâu, bao xa trong tim óc phàm phu mù mịt của mình. Câu chuyện phim mà tôi muốn kể hầu độc giả ở đây cũng là một dịp rong chơi kiểu đó... Và đối với riêng tôi, cuốn phim rẻ tiền này là một bức tranh minh họa sinh động và thú vị cho cái gọi là hành trình nhận thức và tu chứng của một hành giả Tuệ Quán!

Nàng là cô con gái cứng của một hào trưởng có chút gia tư ở vùng nông thôn của Hồng Kông. Không chịu được những áp đặt của ông bố, nàng bỏ về phố sống tự

lập để tìm chút thanh thản riêng tư cho mình. Vào một ngày thật đẹp, nàng đã gặp hẳn, một gã thanh niên lạ lùng: Một nửa đàn ông với một nửa trẻ con, bủn xỉn mà ham vui, hồn nhiên mà cũng đôi khi láu cá không chịu nổi. Có điều hẳn đẹp trai lắm (Lương Triều Vỹ mà), và nhiều lúc ngoan hiền như một thằng bé. Theo tôi, đây là một cuộc tình đẹp, dễ thương và cảm động. Không đẹp sao được, yêu nhau, ngoài vai trò một người tình nhỏ, nàng phải thường xuyên vào vai một bà chị, thậm chí làm mẹ để mà chăm sóc rồi mắng mỏ và xếp đặt nhiều thứ cho hẳn. Hẳn nghèo, nhưng thật lạ, lắm lúc lại có cái phong thái của ông chủ lớn để khiến nàng buồn cười và ngạc nhiên, rồi thì hẳn trở lại cái con người chẳng ra chi của mình để tiếp tục được nàng chở che đùm bọc.

Và rồi một ngày, khi quyết định lấy nhau, ngay sau đêm hợp cẩn, nàng đã khám phá ra một sự thật kinh thiên đả rồi cuốn phim cũng kết thúc ngay sau đó. Thì ra lâu nay nhân vật nữ của chúng ta (Thư Kỳ đóng) không hề ngờ rằng mình vẫn đi lại bên một ngọn Thái Sơn. Cái gã nhân tình kiết xác bủn xỉn kia ngoài một nhân dáng khó chê, kỳ thực còn là một cậu ấm phú hào, có học vị lại có tài riêng, nhưng chính mấy điều kiện chói lọi đó đã là một rào cản nặng nề cho những cuộc tình đẹp. Thèm yêu và muốn được yêu như bao gã tình nhân bình thường khác trên trần thế này, nhưng đáng tiếc là những giai nhân qua ngõ đời hẳn cứ xem của hơn người. Những thứ hẳn có, đối với họ, buồn thay, còn đáng giá hơn chính bản thân hẳn nữa. Họ thích những buổi tiệc tùng, dạ vũ với

kim cương, áo váy đắt tiền hơn là những thâm thì thủ thủ trong trong niềm yêu thiết tha thành thật. Họ vùi vùi tiền bạc, có thì vui, không thì hờn, rồi thì chia tay. Sau non tá cuộc tình như thế, trái tim bị giầy vò với những trò chơi quý tộc kiểu đó đã khiến cậu công tử của chúng ta thật sự mệt mỏi, và chỉ còn một chút nữa thì đã vô phương cứu chữa.

Vậy rồi trong một khoảnh khắc thật ngắn ngủi mà tôi vẫn cho là rất diệu kỳ, hắn đã tìm ra một ngõ thoát thật ngoạn mục cho đời mình. Hôm đó, Martha, người tình đồng đánh sau cùng của hắn đã vùi một khoản tiền lớn, lớn hơn nhu cầu hoang phí bình thường của một cô gái chỉ biết ăn diện. Xót của thì ít, chán đời nhiều hơn, hắn lần đầu từ chối nàng. Nàng bỏ đi, hắn lại cũng lần đầu tiên thấy mình lạnh

lòng không níu kéo năn nỉ. Một chục cô gái kiểu vậy có dứt áo ra đi cũng chẳng ai buồn tiếc, có điều thiệt tệ hại là, Martha đã để lại cho hần một định kiến khó dứt là, tình yêu vốn không có thật, tình cảm nam nữ chỉ là thứ quan hệ tiền bạc và thể xác.

Và chỉ có một người duy nhất có thể dạy hần học lại một bài vỡ lòng đảng hoàng về tình yêu. Hần đã gặp nàng vào một cơ hội dở khóc dở cười. Hôm đó, ngay sau ngày cô tình nhân dễ ghét kia bỏ đi, hần ra phố, vào quán ăn và phát hiện mình không đủ tiền mặt để thanh toán một bữa ăn. Thê thảm hơn nữa, mấy cái thẻ ngân hàng trong ví của hần đã bị cô tình nhân rút sạch tiền. Đúng ra chút mất mát đó không nghĩa lý gì với hần, nhưng trong hoàn cảnh trước mắt thì đúng là bẽ mặt. Chính người con gái kia đã cứu nguy

cho hắn, dù chỉ bằng chút lòng thương hại. Vậy rồi hắn quyết định không rời cô nàng, chỉ vì hắn mơ hồ thấy ra rằng không phải ai đến với hắn cũng vì tiền. Từ chỗ chịu ơn, rồi mến phục và phải lòng người ta lúc nào không hay, hắn ngày càng hiểu rằng không thể sống thiếu nàng. Thế rồi càng lúc càng thấy hứng thú với cuộc chơi giấu mặt này, hắn cứ đành tiếp tục giấu biệt thân phận, lãng quên con người cũ của mình để vào vai một gã con trai dở hơi chỉ biết sống bám váy đàn bà. Cái thú vị nằm ở chỗ, hắn bây giờ đã biết ăn tất cả những gì nàng cho, bất kể ngon dở, đắt rẻ và sẵn sàng cho nàng đánh mắng, và đau đến đâu thì hắn nghe ngọt đến đó mới chết chứ. Vì hắn biết nàng thương hắn. Quên mất thân phận một cậu ấm triệu phú để yêu một người không biết gì về nhân

thân của mình, hấn yêu trong niềm yên tâm, không toan tính lo âu ai sẽ bòn rút lợi dụng mình. Đã vậy, lần đầu trong đời mình, hấn đứng vào vị trí của một người đứng trong bóng tối của thân phận nhìn ra ánh sáng nhân tâm để hiểu thêm bao điều mới lạ từ một góc khuất ly kỳ nhất. Hấn đã yêu như đang vào một cuộc chơi trẻ con dù rất người lớn, yêu như một diễn viên dù rất chân thành, yêu cà rồn mà vô cùng minh triết. Còn nàng, yêu phải một người như hấn, bỗng dưng không còn là một người tình nhỏ nữa, để bất ngờ vĩ đại đủ để độ lượng, vị tha đủ để quên mình, dù luôn nồng nàn và nữ tính rất mực. Tôi nhìn hấn trong những ngày tháng đó mà hồi hộp, và cứ sợ hấn không giấu được cái máu cậu ấm thì cuộc chơi sẽ kết thúc. Trong khi đó, nàng yêu hấn bằng cùng lúc

nhiều thiên chức khó ngờ nhất. Có thể nói tuy là một người tình, nhưng nàng nhiều lúc đã phải cúi xuống để mà yêu hẳn bằng cái tình mẫu tử. Hẳn trí trá với thiên hạ, nhưng về với nàng thì như một đứa bé để nàng là mẹ, một thằng em cho nàng làm chị, dù lúc cần thì cũng là một gã đàn ông đáng mặt: Mạnh mẽ và lãng mạn. Cứ vậy mà họ cũng có với nhau những buổi ăn tối với nến thơm, hoa hồng, rượu đỏ và nhạc nhẹ. Ngó cũng sang, nhưng thấy đều là những chật chiu của một cuộc tình nghèo.

Ngó kỹ họ, tôi bất ngờ học được nhiều bài giáo lý: Hãy biết đồ giả là đồ giả, rồi thưởng thức nó với tâm thái nhẹ nhàng nhất. Hẳn biết mình đang đóng kịch, nhưng hạnh phúc vô bờ khi thấy những ngày tháng bụi bờ đó đẹp quá. Sống là xiếc, là diễn, là cầm nhẹ mà không nắm chặt, là

đi bằng giày cỏ, là biết mình xem hát. Chưa hết, khi ôm chặt một thân phận, anh chỉ có thể sống một kiểu đời. Càng có nhiều hóa thân, anh càng có nhiều cơ hội nhập cuộc. Đời anh sẽ nhờ vậy mà mệnh mệnh hơn. Đã vậy, khi cái tôi của anh lớn quá, công kênh với nhiều nhãn hiệu quá, anh khó sống thoải mái nhẹ nhàng. Với nàng, tôi có bài học khác: Bồ-tát có thể yêu vô lượng chúng sinh bằng tấm lòng vô hạn, vì các ngài hi vọng mà không kỳ vọng vào ai hết. Never expect but hope. Yêu được như vậy, ai cũng có thể là người tình vạn hữu, chữ này ở đây hiểu sao cũng xong: Người tình của nhất thiết chúng sinh, hay người tình mà gì cũng có. Hãy nhìn nàng trong ngày cưới mà thương không chịu nổi. Thấy cha chồng mà cứ tưởng đó là người do gã hôn phu trời ơi thuê về. Thấy

mấy quan khách lảng vảng từ xa, nàng cũng làm hẩn không thể nín cười bằng một câu hỏi duy nhất: Thuê hả? Bao nhiêu vậy? Đến tận lúc này, ngoài tình yêu giữa hai người, nàng vẫn cho hẩn là một con số không, một người tình rỗng ruột để có thể yêu chiều hết lòng mà không gợn chút hy cầu. Cao xa quá!

Và, hay cho một cuộc tình không âu lo toan tính. Chàng không mong đợi lợi dụng nàng, và nàng cũng chỉ biết trao ra mà không biết nghĩ đến chuyện nhận lại. Thế là an toàn. Một cuộc tình người lớn mà vui vẻ nhẹ nhàng như cuộc chơi trẻ con. Xem xong cuốn phim này, tôi chợt nhận ra một chuyện thú vị: Người hiểu được lời Phật mới đúng là một nghệ sĩ lớn. Cũng đi đứng nằm ngồi, cũng buồn vui nói cười mà luôn hiểu gì cũng là của

giả. Lúc sơ cơ, có thể đó chỉ là thứ tự kỷ ám thị, nhưng theo năm tháng, tâm niệm đó sẽ là máu thịt, là của riêng, là gia sản từ trong huyết quản. Bắt chước người xưa mà nói, Cư Trần Bất Nhiễm thì không nên, nhưng trộm nghĩ kẻ tu hành có thể hành đạo và sống đời bằng cái tâm niệm hay khẩu quyết đơn giản này cũng được: Phải thấy đời là giả để mà dễ dàng yêu thật, hãy thấy cái gì lớn lao đến mấy cũng là chuyện bình thường để mà không âu lo.

Hãy là một nghệ sĩ lớn trong mọi cuộc chơi, hãy là một học trò giỏi để cái gì cũng là một bài học, hãy là một người thầy để làm gương lành cho kẻ khác. Và nếu được, hãy là một người tình, nhưng không là người tình nhỏ, để có thể nhìn nhau từ mọi chiều cao và vòng tay đủ lớn để ôm lấy vạn hữu. Mong thay!

NGƯỜI TỪ TRĂM NĂM

Cái tuổi 40 thiệt khó nói là già hay trẻ. So với tuổi 80 thì đó là nửa đường, nhưng với tuổi 70 thì đã quá nửa. Vậy rồi cứ nghe se mình một tí là nghĩ ngợi lung tung. Thời nay ngoài mấy kiểu chết bất trắc, còn có chuyện dư đường, dư mỡ. Không kể bệnh nan y, chỉ cần vài năm không chịu thử máu là chuyện gì cũng có thể xảy ra.

Tôi tay trắng vô sản còn ngại chết đến vậy, thử hỏi mấy người thứ gì cũng có thì còn thăm đến mức nào. Vua Tàu rồi vua Ai Cập, vị nào cũng muốn được trường sinh. Không được trường sinh ở cõi này thì cũng mong được bất tử ở cõi khác. Họ dùng đủ

cách, từ linh đơn thần dược lúc sống đến việc xây dựng lăng mộ ướp xác với nhựa thông rồi thắp mấy ngọn đèn trường minh bằng dầu cá. Nhiều kẻ nhà giàu thời nay vẫn đêm ngày bòn của thành núi rồi hi vọng được các nhà khoa học dùng cách nào đó giúp mình sống thêm. Với mấy bà thì sống dai chưa đủ, phải trẻ đẹp thiệt lâu mới chịu, dù đường dài phải nhờ dao kéo từng xẻo liên miên để giằng co với con tạo.

Mấy hôm nay tôi ngẫu nhiên đọc mấy bài báo thiệt lạ. Các tử phú Việt Nam trong nước gần đây đã biết học theo người Tàu dùng các loại thần dược gì đó từ thai nhi ngâm rượu, cho đến những động vật khó ngờ nhất hoặc mua gỗ đàn hương, ngọc am về làm giường nằm, ghế ngồi để ngày đêm ngửi lấy mùi hương của chúng như một kiểu linh khí giúp sống lâu. Thế đã

hết đâu, họ còn kín đáo chuẩn bị hậu sự cho mình sau này bằng cách cho người xây lăng mộ với cả kỹ thuật cổ truyền lẫn hiện đại để xác họ mai sau được trường tại tể thiên. Hồn đi xa mà xác vẫn còn đó thiên thu như một cách nấn ná với đời thì cũng đỡ tủi. Người da trắng ngoài này thì văn minh hơn, ngoài chuyện tới lui bác sĩ theo định kỳ, ăn uống theo công thức, còn trù bị cho mấy kiểu hậu sự rất hiện đại: Cho đông lạnh thi hài để mai kia được hồi sinh, hoặc cao siêu hơn một chút là dặn thân nhân lấy tro hỏa táng của mình gửi vào vũ trụ. Một công ty Mỹ ở Houston cho biết giá cả mỗi vụ gửi tro như vậy tốn đến hàng chục ngàn Mỹ kim. Đại khái, tùy theo trình độ văn hóa, sở thích cùng khả năng tiền bạc mà mỗi người có một cách sợ chết và ham sống

khác nhau. Mới đây, danh ca Michael Jackson đã tìm đến bác sĩ Gunther Von Hagens lùng danh thế giới để mong được trường xuân bằng một đề nghị thật độc đáo: Ông bác sĩ muốn thay gì trong người chàng cũng được, nhựa dẻo hay kim loại đều ok, miễn là thay thế được mấy món phù du trong hình hài giả tạm này để mười năm sau chàng còn có thể tiếp tục tung tăng nơi miền dương thế.

Chẳng hiểu sao tôi cứ ngỡ rằng, mấy nhà cầm quyền độc tài trên thế giới thường có những tham muốn quái gở chỉ vì sau khi có quyền lực và tiền bạc trong tay thì bắt đầu sợ chết hơn. Có điều là vốn sống tâm linh nghèo quá, họ chỉ có một hai cách sợ chết vừa trẻ con vừa lỗ bịch. Không biết phải làm sao trước cái chết đang lù lù đến gần từng bữa, họ điên

cuồng với ước mơ trường thọ hoặc dốc hết mọi thứ cho con cháu như một cách đầu tư cho cái TÔI gián tiếp của mình. Mình có đi thì một phần máu me của mình vẫn còn gửi lại trần gian này. Thế là con họ bằng trời, dân tha hồ khổ. Nếu họ nói làm vậy chỉ vì thương con thì rõ ràng họ đã quên hay không biết câu nói này của Thiệu Khang Tiết (người Tàu, đời Tống): “Nhi tôn tự hữu nhi tôn phúc, mặc dù nhi tôn tác mã ngư”, Con cháu có phúc họa riêng của họ, đừng vì con cháu mà làm thân trâu ngựa bất kể thiên hạ. Tôi để ý thấy rằng, nếu không có được một lòng lành bẩm sinh, thì người ta phải nhờ đến cái văn hóa mà mình hấp thụ để sống làng nhàng, ước mơ làng nhàng và có sợ chết cũng một cách làng nhàng. Văn hóa Tây phương bao gồm cả tâm thức tôn giáo lẫn

chính trị thường có vẻ bất lực trong việc xây dựng một nhân sinh quan lành mạnh. Xin găm lại mà xem, thường chỉ có mấy kẻ quái gở nông nổi mới khoái chuyện tẩm ướp cái xác thối của mình để được làm ma xó trong mấy lăng mộ mà thôi. Nhân loại ai chẳng ham sống sợ chết, ham sướng sợ khổ, nhưng một khi không có được vốn liếng tâm linh căn bản, người ta rất dễ thành ra quái vật với những suy nghĩ ích kỷ và tàn bạo khó ngờ.

Nói lung tung này giờ nhưng câu hỏi quan trọng nhất vẫn còn lơ lửng đó: Làm sao có thể bất tử, chuyện đó có thực không? Xin thưa ngay, có đến 1001 cách để khiến mình trường sinh bất tử, thọ ngang nhật nguyệt. Có điều là tùy theo căn cơ của bản thân mà mỗi người có được bất tử hay không và bất tử theo kiểu nào.

Nói theo kinh Phật, cứ sống với phiền não thì cũng là một cách sống hoài trong ba cõi. Trở thành thánh nhân chấm dứt luân hồi cũng là một con đường bất tử. Lưu phương thiên cổ như hiền thánh xưa nay cũng là một kiểu bất tử, hay để tiếng xấu muôn đời như mấy tay bạo chúa cũng là một kiểu bất tử khác. Uớp xác hay xây đền, dựng bia cũng là một kiểu nấn ná nhân gian, để lại con đàn cháu đống để nối dõi tông đường cũng là một kiểu nấn ná, để lại cho đời sau những công trình hữu ích cũng là một kiểu nấn ná,... Nhưng mấy chuyện đó cao siêu quá, mới đây có một bản tin văn nghệ làm tôi suy nghĩ hoài. Nữ diễn viên Natasha Richardson người Anh vừa qua đời trong lúc học trượt tuyết tại Canada ngày 17 tháng 3 vừa qua. Cô đi đã mấy hôm rồi, mà thiên hạ vẫn chưa

hết bàng hoàng. Cô chết trẻ, mới 45 tuổi, và ra đi ngay giữa lúc có trong tay tất cả những thứ tốt đẹp nhất: Nhan sắc, tiếng tăm, tiền bạc, tình yêu, con cái. Cô xuất thân từ một gia đình xuất sắc (Mẹ cô từng đoạt giải Oscar, chồng cô hiện là một đạo diễn tiếng tăm và cô có hai cậu con trai đẹp như thiên thần). Tôi là thầy tu nên quan tâm đến một thứ khác. Cô diễn viên đã để lại di nguyện là hiến nội tạng cho bất cứ ai cần đến. Và lập tức tâm nguyện đó của cô đã được thực hiện: Một cô bé 7 tuổi tên Morgan McCracken đang thập tử nhất sinh đã được cứu sống bằng phần cơ thể hiến tặng của Natasha Richardson. Cô diễn viên đã vĩnh viễn ra đi, nhưng cô hiện vẫn tồn tại qua một hình hài khác: Trên người cô bé 7 tuổi kia và trong tim mọi người!

Descarte thì phải, từng bảo: tôi tư duy tức là tôi tồn tại. Tôi ở đây lại muốn nói câu khác: Tôi được nhớ đến cũng là tôi đang tồn tại. Lão Trang đã là người hai ngàn năm trước, nay ta vẫn có thể nhìn thấy họ sừng sững trong từng trang Nam Hoa hay Đạo Đức Kinh. Ai đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh mà lại không thấy thầy Khổng đang ngồi trước mặt dù ông cứ một mực cho rằng mình chỉ thuật nhi bất tác. Chùa Từ Ân, tháp Đại Nhạn bên Tàu có thể sụp đổ hư hao nhưng dầu đến muôn sau, ai là người nghiên cứu kinh Phật chữ Hán lại có thể quên được ngài Huyền Trang!? Thay vì cảm thấy an lòng hay thích thú với những kiểu chuẩn bị hậu sự thuần túy vật chất, sao ta lại không thử làm quen với một kiểu hạnh phúc khác lâu bền và hữu ích hơn. Chẳng hạn để lại cho người

sau một đóng góp nào đó, và thời gian bất tử của mình sẽ tùy thuộc vào giá trị của thứ mình để lại. Trộm nghĩ trong lòng, mấy người mù trên thế giới hôm nay, khó có một thần tượng nào vĩ đại hơn Louis Braille và Charles Barbier, những người đã tạo ra loại chữ Braille có thể đọc bằng tay. Hãy học cách hạnh phúc qua niềm vui mình tạo cho kẻ khác. Nó càng được nhân rộng, sự hiện hữu của ta trên đời này càng rõ ràng hơn. Từ đó, trăm năm không phải là giới hạn sau cùng cho sự hiện hữu của một con người.

Chuyện đời nhiều khi cũng huyền nhiệm lắm thay!

NGƯỜI TRONG MỘNG

Mời nhau, hẹn nhau mà chưa từng biết mặt nhau. Đó là tình cảnh của họ chiều nay. Hấn xuống máy bay và lơ ngơ giữa những dòng người xuôi ngược, ngó quanh đến muốn rách mắt để tìm cho ra một cặp Từ Hải - Thúy Kiều theo như lời dặn mơ hồ qua điện thoại:

-Con cao như Mỹ, da ngăm, râu nhiều. Bà xã trắng hơn, ốm và tóc dài.

Đúng là một cuộc trốn tìm giữa cõi biển dâu viễn mộng. Hấn bây giờ phải làm cái chuyện rất không nên, là quan sát thiên hạ. Ông này đen cao nhưng có vẻ Trung Đông quá, ghê thấy mồ. Bà kia rõ

ràng Á Châu nhưng ngó như dân xì -dầu hay kim chi gì đó, cũng hồng phải người mình. Cậu kia mặt lạnh quá, cô nọ phúc hậu quá, phải chi họ là người đi đón hân. Nhưng họ ngó lơ hân rồi. Tìm tiếp. Trời ạ, cặp kia nhìn gian quá, lạy trời không phải họ. Chưa kể đến việc tìm ra người cần tìm, chỉ riêng chuyện ước ao phải chi cặp này rồi cầu trời đừng là cặp kia...đã khiến hân bù đầu.

Nhưng rồi hân chợt giật mình nhận ra một điều thú vị. Việc quan trọng trong lòng hân bây giờ hình như không còn là tìm người cần tìm nữa, mà là tìm ra kiểu người hân muốn, qua nỗi ước mơ, niềm hi vọng của riêng hân lúc này. Sự đợi chờ lúc này đã thành một cuộc chơi mà chính hân cũng không ngờ...

Từng phút, từng phút trôi qua, hân

làm cái việc quan sát, đánh giá, chọn lựa, phân loại một cách thành thực và cần mẫn: Giọng nói ồm ồm trong phone không thể của một người thư sinh thế này, cô kia thì làm sao có thể là vợ của một anh Từ Hải được chứ, bà nọ lớn tuổi quá, cô đó làm sao đã có chồng được, sợ tốn tiền đậu xe thì làm sao sang như ông kia, kẻ thích tới trễ thì làm sao nhanh nhẹn như bác ấy chứ, chưa biết mặt đã dám mời khách lạ đến nhà thì đâu làm sao có vẻ cẩn trọng như ông này,....

Hắn đang miên man chìm sâu trong cảnh giới Thiên Hạ Tam Muội thì có một tiếng gọi giật sau lưng:

-Trời, thầy, tụi này đi kiếm thầy khắp nơi mà không thấy. Hỏi mấy nhân viên chỗ lấy hành lý có thấy một ông thầy tu không, họ nói có thấy nhưng nói ông thầy

đó lạ lắm, cứ nhìn người qua lại rồi tủm
tủm cười một mình !

Câu chuyện ruồi bu ở phi trường chiều
nay, với hẳn, bỗng dưng là một gợi nhớ
thật chua xót. Có không ít người trong
lúc bơ vơ niềm tin đã sẵn sàng quỳ sụp
dưới chân những thần tượng mà họ thấy
thích hơn là cần. Kể cả những Phật tử
chính hiệu, không ít người đã vẽ vờ hình
ảnh đức Phật qua kiểu hình dung mà họ
thấy thích, họ cố hiểu lời Ngài theo lối họ
muốn. Từ đó, cái gọi là Phật Pháp trong
lòng họ lúc này đã là cái gì đó của riêng họ,
họ tuân theo khuôn mẫu của lòng mình
với những kiến thức và cảm tính có đóng
dấu cái TÔI to đùng trên đó. Đức Phật lại
viên tịch thêm một lần nữa trong lòng
những người kiếm tìm Ngài. Thử hỏi đó
có phải một chuyện đáng buồn không ? Ai

có tình, có tâm lại không thấy xót xa với
nỗi đau người chết hai lần!

NHẤT TỰ NHƯ SƠN

Lại một đêm thức khuya, tôi online thăm thú đó đây rồi lại thù người vì một loạt suy nghĩ liên hoàn. Bỗng dưng nhớ tới một chuyện nhỏ, ngẫm kỹ cũng ngộ. Theo truyền thống Phật giáo Nam truyền xưa đến giờ, những rào cản về nhân chủng, quốc tịch, văn hóa hay ngôn ngữ, tuyệt nhiên không thể ngăn trở việc một tử-kheo sám hối lầm lỗi với thầy bạn đồng môn. Chỉ cần xác định đó là một tử-kheo thứ thiệt (không phải người tự ý đắp Y) thì các tử-kheo có thể thực hiện việc sám tội. Một tử-kheo người Đức có thể sám hối với một tử-kheo người Miến Điện mà

mình tình cờ gặp được giữa núi rừng Thái Lan hay Vân Nam. Và các vị tỷ-kheo đầu giỏi hay dở cũng phải thuộc lòng mấy câu Phạn ngữ để trình tội và chứng tội. Sở dĩ nghi thức đó được xem trọng, là bởi vì toàn bộ ý nghĩa của việc sám tội chính là bạch hóa sở hành bản thân, để có thể dễ dàng nhận lấy những hỗ trợ tinh thần từ thầy bạn.

Chữ Bạch Hóa nghe qua có vẻ hơi xa lạ trong sinh hoạt thường nhật, nhưng suy cho cùng, có biết bao trường hợp quan trọng trong đời sống phải cần đến việc bạch hóa, nghĩa là làm sáng tỏ, phơi mở để mọi sự có thể vận hành trôi chảy, thông thoáng. Có thể ai đó cho tôi đã dùng sai từ, nhưng xét kỹ một tí, sự tình có lẽ đã không đến nỗi. Chẳng hạn bác sỹ phải biết rõ ta bệnh gì thì mới có thể điều trị

đúng mức. Hay một người thợ máy, một ông kỹ sư phải biết rõ máy móc trục trặc ở đâu thì mới có thể khôi phục nó được. Nghĩa là một khi vấn đề bị khuất lấp thì cơ hội giải quyết rất mong manh. Trở lại với từng Pháp môn tu học được Đức Phật đề nghị ngày trước, hình như điều nào cũng đều nhắm tới việc bạch hóa một thứ gì đó. Người giữ giới thì phải biết sám tội, người học đạo thì phải đào xới mọi góc ngách kinh văn, người tu chánh niệm thì phải trung thực ngó thẳng vào tất cả những gì mình có thể quan sát, tốt xấu gì cũng phải được nhận diện. Chỉ cần có một góc khuất, vô số vấn nạn sẽ từ đó mà hình thành. Rắn rết, chuột gián bao giờ cũng ẩn mình ở những chỗ tối!

Ngẫu nhiên, tôi chợt nhớ một chữ chuyên môn, vẫn được dùng để gọi khả

năng bạch hóa của một chính phủ hay hệ thống hành chính nào đó, là transparency, người Tàu nay dịch là thấu minh, sự trong sáng rõ ràng. Một xứ sở ngó mênh mông vậy vẫn có thể so sánh với một thân người hay một cỗ máy. Khi bản thân nó có quá nhiều những góc tối thì làm sao có thể có được những giải pháp. Cũng như một cá nhân có quá nhiều những điều che giấu thì có lẽ đến lúc dứt hơi vẫn cứ là một mớ bòng bong, thế nghiệp hay đạo nghiệp của đương sự hẳn có vô số vấn đề tồn đọng.

Tôi dốt, chỉ biết đại khái rằng có một liệu pháp cực kỳ đặc dụng vẫn được các bác sĩ tâm lý áp dụng để giúp bệnh nhân của mình, là tìm cách ngó thẳng vào vấn đề và không giữ lại những nội kết hoặc ẩn ức nguy hiểm. Chẳng hạn phải hiểu rõ vì sao mình lại sợ món vật đó, vì sao mình

không thể tha thứ cho người kia. Các bác sĩ dĩ nhiên không thể giúp người ta thành Phật, nhưng rõ ràng họ đã giúp nhiều người tránh được chuyện tự sát hay điên loạn. Tôi rất muốn gọi phương thức trị liệu nói trên bằng một từ Bạch Hóa.

Thậm chí, tôi còn muốn đi xa hơn, khi cứ muốn gọi Phật pháp là một hành trình bạch hóa bản thân, giải ảo những ngộ nhận, giải thiêng những tín điều, khai giải mọi khuất lấp. Trong Luật tạng Pāli, đức Phật từng dùng hình ảnh một chú gà con phá vỏ trứng để ẩn dụ một vị chứng ngộ thánh trí. Và trong Kinh tạng, ngài cũng dùng chữ vivataccheda (việc cắt bỏ màn che) để mô tả sự giác ngộ của một vị La-hán. Trong cả hai trường hợp đó, rõ ràng, tất cả công phu tu chứng chỉ là hành trình phơi mở, bạch hóa những góc khuất.

Đêm nay ngẫu nhiên đọc được một bài báo trong nước rồi thì thù người ra ngẫm nghĩ bao thú chuyện. Thực tình, tôi thường chẳng mặn mà lắm với những bài báo có nội dung kiểu xã luận, vì hầu hết trong số đó, chỉ liếc qua tựa đề, ai cũng có thể đoán chừng nội dung một chiều bên trong. Dĩ nhiên đó cũng chẳng phải lỗi ai. Gặp thời thế, thế thời phải thế. Có điều là cái chữ Bụt trong tựa đề đã bắt tôi phải đọc sâu, đọc kỹ một chút. Thời gian sau này chữ Bụt đúng là đã có thêm ý nghĩa nhiều hơn ngày trước. Thế là đọc, rồi thì ngẫm nghĩ lung tung.

Sau một hồi tư lự giữa đêm với đủ chuyện đạo và đời, nếu lúc này phải trả lời câu hỏi rằng tôi sẽ làm gì để tìm ra một giải pháp cho vấn đề được nêu trong bài báo vừa đọc được, tôi cũng sẽ nhắc lại mỗi

một từ Bạch Hóa. Nhà trường đòi tăng học phí, phụ huynh thì kêu trời. Bên nào cũng có lý do ngon lành, vậy là kẹt cứng. Tôi học dốt, chỉ có một chữ Bạch Hóa để góp ý thôi. Nói ngắn gọn nhất, nếu xưa giờ mọi chuyện không có gì khuấy lấp, nghĩa là được bạch hóa, gì cũng trong sáng rõ ràng, thì nay phụ huynh trong nước đâu đến nỗi phản ứng kinh khủng như vậy.

Một chữ Bạch Hóa từ đó chẳng những là Nhất Tự Thiên Kim mà còn hơn thế nữa, phải được xem là Nhất Tự Như Sơn, một chữ thôi, mà nội dung xuyên thấu vạn hữu. Trộm nghĩ thiên hạ có tin Phật hay không cũng mặc, cứ chịu khó suy nghĩ một tí, Ngài không có nói sai đâu. Mong thay!

March/12/08

Toại Khanh

NHẬT KÝ TÔN NGỘ KHÔNG

Hắn không nhận ai là thầy, cũng chẳng ma nào chịu làm đệ tử của hắn. Không ít kẻ vẫn bảo hắn có tài lạ, nhưng chưa ai gọi đó là kỳ tài. Không ai có thể chịu nổi hắn quá ba ngày, dù có người bái phục gọi hắn là kho sách của thiên hạ. Nhận xét đó cũng không quá đáng vì nghe đâu hắn từng bỏ ra một nửa gia tài có được để cúng dường các tiệm sách từ trong nước ra hải ngoại và đã có không dưới mười năm đóng cửa nằm đọc sách như một ăn gỗ. Ngày xuất quan, người gầy nhom xám ngắt như xác ướp. Kẻ nghiện truyện võ hiệp thì gọi hắn là Ngũ Độc Tôn Giả.

Tâm đắc hết mình với câu Thiên Thượng Thiên Hạ-Duy Ngã Độc Tôn của hoàng tử Tất Đạt buổi sơ sinh, hẳn xem đó như câu thần chú để hành xử ở đời với cốt cách coi trời bằng vung và hình như chưa một lần cúi đầu trước bất cứ ai. Một phần cũng vì câu kinh học lóm được từ đâu đó là Nhất Thiết Chúng Sinh Giai Hữu Phật Tính. Ai cũng có Phật Tính như nhau thì cần gì có chuyện tôn ti cho thêm phiền. Đã vậy, phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng mà lị, mọi hình thức bái lạy hay chào hỏi cũng đều là mù sương cả. Và cũng từ kinh điển thượng thừa mà hẳn đã đọc được, thánh hiền đã chẳng từng lý luận không bái lạy ấy mới chính là bái lạy đó sao!

Dọc ngang khắp nẻo các bí kiếp ẩn mật của phái Ma Ha Diễn, một đêm kia thấy buồn chán rồi sinh tò mò, hẳn đột nhập

tàng kinh các của Trưởng Lão Giáo tham cứu tứ tung ngũ hoành và vỗ đùi cười lớn một mình giữa khuya. Trước mắt hần là bài kinh Ca-La-Ma gì đó hay tuyệt, cứ như một hện hò từ tiền kiếp. Bài kinh không ngắn không dài, có điều thông tuệ như hần thì đâu cần phải đọc hết, một nửa cũng đã xong. Đừng tin bất cứ điều gì chỉ vì nó được ghi chép trong sách vở, hay chỉ vì được truyền tụng lâu đời, hoặc được gán ghép cho một tiền nhân lẫy lừng nào đó. Bài kinh thực ra vẫn chưa hết, nhưng hần đã thấy sướng tít, không thiết đọc thêm nữa. Đó cũng là nghề riêng của hần: Gì cũng một nửa. Đến bài kệ bốn câu của hoàng tử Tất Đạt hần cũng chỉ nhớ được hai câu đầu. Thế cũng quá đủ. Thầy tổ hay kinh thư cũng đều là phù vân. Trong các tổ sư gia của Ma Ha Diễn đường cũng có

vị từng chủ trương Bất Lập Văn Tự ấy mà. Chữ nghĩa mà chi. Đến Nhan Súc bên Tàu xưa không phải Phật tử còn biết nói sách vở là căn bản của thánh nhân. Ông đây thì dẹp hết. Làm theo lời thánh đó chứ.

Bức hình Phật duy nhất trong phòng hắt ngay sau đó đã được tháo xuống và nằm chung một bếp lò với mấy chục pho sách mà hắt đã nghiền ngập từ mười năm trước. Hắt đốt sách, đốt hình Phật mà miệng cứ mỉm cười vì chập chờn trong đám khói mịt mù kia là hình ảnh một thiền sư Đan Hà đốt tượng, một Nam Tuyền chém mèo. Một đêm thôi, ông đây đã đại ngộ, đã đường hoàng sánh vai những cổ nhân mà một thời mình vẫn cho là cực kỳ ghê gớm.

Rồi mùa hè cũng qua, mùa đông lại về. Sau bao năm tháng ta bà khắp thiên hạ

theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, ngoài những lúc quá khích hay mỗi nhừ, hần vẫn cứ phải đối diện thiết tha với những dằn vặt của chính mình. Ta về nghe nhớ muôn phương. Ta đi lại nhớ cuối đường trăng treo. Hần từng ngắm trăng treo ở đỉnh Linh Thụ Sơn vàng vạc một niềm Cổ Ấn, từng ngồi ngóng mưa chiều ở Trùng Khánh, Nam Kinh vát một cỏi nhớ Đường Tống mịt mù. Đi chán, hần soi gương đếm tóc bạc trên đầu và chạnh lòng với nghiệp tu vẫn đang dang dở. Ấy vậy rồi hần lặng lẽ quay về cái am nhỏ xiu và bản như tổ cú ở một góc trời. Từ đó thay vì một cỏi đi về như cha nghệ sĩ nào đó đã nói, thì với hần lại là một cỏi đi với một cỏi về. Trong những lần đại ngộ đột xuất kiểu đó, hần vát túi hành lý xuống gầm giường rồi tự thề không lang bạt nữa. Hần

dọn dẹp chiếu chăn rồi nhắm mắt thiền định theo cách trích điểm và tổng hợp: Ngũ Cầm Hí, Dịch Cân Kinh, Bát Đoạn Cầm, rồi Du-Già của Ấn, khí công của Tàu, phép bế tinh của Tây Tạng và thiền Sổ Túc của Phật gia. Tất cả đều để huê như trong cùng một ly Cocktail. Chưa hề nghe thấy qua kiểu pha chế cầu kỳ này, nhưng mỗi lần tu luyện thập cầm kiểu đó hẳn cứ như khoẻ ra. Có người thấy lạ, đã hỏi hẳn tu theo pháp môn nào, hẳn phì cười nhắc lại câu nói của ông thánh nào đó bên Tàu xưa: Tận Tín Thư Bất Như Vô Thư, quá tin sách thà đừng đọc sách. Học hỏi cái cũ chỉ là để sáng tạo cái mới theo tinh thần kế thừa có phê phán và chọn lọc. Hẳn mở miệng là trích dẫn. Chẳng hiểu thánh hiền đông tây đã nhập vào hẳn từ bao giờ để mỗi lần hẳn mở miệng là lại thấy ngay

một ngài ngự ra ngồi đó !

Và đến hẹn lại lên, khi cơn đại ngộ bất chợt qua đi, hấn lại thềm được đi. Thềm ghê gớm, nhớ viễn phương như đau đầu một người tình đang réo gọi trên đường. Những khi đó, để trả lời những người từng nghe hấn thề suốt đời nhập thất, hấn lại mượn lời xưa: Ung Vô Sở Trụ Nhi Sinh Kỳ Tâm. Và hấn giải thích rành rọt là không ở một nơi cố định thì mới có hi vọng thành tựu những sở chứng kỳ diệu vốn không có được ở kẻ thường trụ một chỗ !

Hấn lại lên đường và tiếp tục đọc sách như điên trên những dặm trường để tiếp tục rước thêm hiền thánh vào lòng và tiếp tục biến chế, suy diễn sao cho thuận tai người và hợp ý hấn.

Nam nhi tự hữu xung thiên chí, hứu hướng Như Lai hành xứ hành. Hấn viết

hai câu thơ của ngài Quảng Nghiêm nào đó vào chiếc va-li với một kiểu thư pháp như ký họa và xem như một lời trấn an mỗi khi bất chợt thấy mình chẳng giống ai. Và phải là bậc kỳ tài khi hẳn có thể đọc vanh vách hàng trăm câu nói phá cách trong các sách ngữ lục của Thiền Tông chỉ với mục đích giải thích về hành tung của chính mình. Và về khoản này hẳn ai cũng phải nhận rằng ngữ khí của các thiền sư Ma Ha Diễn đúng là cực kỳ đặc dụng. Bởi ngôn ngữ thiền hiểu sao cũng xong và xưa nay đâu đã có ai dám đưa ra một định nghĩa nào cho những câu nói mù mịt đó. Hú vía!

Hẳn có nhiều tài vật. Không một món nào tới nơi tới chốn, nhưng hầu như gì cũng biết, đủ để bỏ túi đi ăn giỗ. Thấy nhiều người không ưa kiểu ôm đồm của

mình, hắn giải thích nghe cũng xuôi tai mà dễ ghét. Người có hạnh lớn phải biết khắp chuyện đời để cứu mang thiên hạ, Bồ-tát phải đủ sức làm thầy chúng sinh. Hoa kiểng, thư họa hắn đều biết ít nhiều, nhưng giỏi nhất là chuyện uống trà. Hắn có vẻ là một trà tượng thâm hậu, có thể nói trăm chuyện về trà. Có điều hắn lão không ai chịu được. Cứ mỗi bận rót trà ra chén cho mình hay mời khách, hắn lại trầm giọng ngâm ngùi nhắc lại mỗi một câu: Nước mắt chúng sinh. Và hắn chỉ uống toàn thứ trà trăm mỹ kim một lạng. Đắt đỏ thay những giọt lệ đời !

Hắn sở hữu cả trăm bộ ấm chén thuộc loại quý hiếm đắt tiền đủ làm khiếp vía những tay uống trà thâm niên nhất và hàng chục bức tượng cổ mà giá trị có thể tính bằng trọng lượng vàng ròng tương

đương. Để giải thích cái sự sản ấy, hẩn xuề xòa : Tác hữu trần sa hữu, vì không nhất thiết không. Có thì có tự mảy may, không thì cả thế gian này cũng không. Gì cũng là bóng nguyệt lòng sông cả. Có điều là hẩn đã giữ riêng cho mình quá nhiều cái gọi là bóng nguyệt ấy!

Từ sau ngày đốt bỏ bức hình Phật duy nhất vẫn treo trên vách, hẩn bỗng thấy căn phòng trở nên phàm tục không chịu được. Hẩn lại một lần nữa tham chiếu tư tưởng thánh hiền ba đời để vận dụng phương tiện thiện xảo rồi lang thang đâu đó mười ngày tậu về gần chục bức hoạ Quán Âm Bồ Tát theo cả phong cách Đôn Hoàng lẫn Vân Nam, cực kỳ nữ tính và gợi cảm khôn tả. Nếu không có cái hoa sen đỡ chân và vầng hào quang quanh người, đồ ai dám treo mấy bức hoạ đó lên mà thờ lạy.

Tôn giáo nhiều lúc cũng là cái giá treo hữu hiệu cho thật nhiều thứ. Và Phật giáo hậu thời xem ra càng độ lượng trong cái khoản cứu mang và bao dung ấy. Người quen ghé thăm, thấy mấy bức tranh kém vẽ thánh bèn hỏi. Hẳn nhẹ nhàng khoát tay:

-Phương tiện giả nhất thời chỉ dụng ấy mà. Nghệ thuật không sao tách rời tính thời đại. Phật giáo vào đời phải chấp nhận mọi thứ để nhập thế chứ. Phật pháp bất ly thế gian pháp. Cầu đạo mà tách rời nhân gian là đi tìm lông rùa sừng thỏ bác ạ!

Có người hỏi sao mua chỉ quá nhiều những thứ nhảm nhí để chưng bày trong chỗ riêng tư mà không xây dựng một đạo tràng hay Phật điện cho lớn rộng, hẳn bật cười vào mũi kẻ vô tri:

-Trúc ly mao xá phong quang hảo, đạo viện tăng phòng tổng bất như. Chùa đất

mà Phật vàng vẫn quý hơn đình viện
mênh mông mà không có nội dung ông
ạ. Vả chẳng am đây tuy hẹp mà giá trị nội
tại tuyệt không phải nhỏ, ứng dụng đúng
như lời cổ đức: Càn khôn tận thị mao đầu
thượng, nhật nguyệt bao hàm giới tử
trung. Mọi thứ ở đây bảo đảm với ông đều
là giá trị đến tóc tơ. Ông lại thắc mắc sao
chốn thanh tu mà có quá nhiều tài sản tư
hữu à? Ông lại quên rồi, ninh chấp hữu
như Tu-di sơn, mặc chấp vô như giới tử.
Thà tài sản tư hữu chất đống như núi Tu-
Di vẫn tốt hơn là nghèo khổ đến mức gì
cũng ít oi như hạt cải. Lại cũng lời thánh
hiền đó chứ. Vấn đề là ta có đủ huệ căn
để nhận thức và thực hiện hay không mà
thôi. Hiểu ra được thâm ý cổ đức thì mọi
sự càng thoải mái ông ạ!

Ông khách tóc bạc kia tuổi đã cao, đi

đứng cũng nhiều, tham vấn không ít, nay nghe được những diệu lý huyền cơ kia xem chừng cũng một dịp được khai thị. Ông gật gù tán thưởng, dù tự thâm tâm vẫn có chút tồn nghi nhưng không dám nói ra vì ngại bị mắng là thứ tiêu nha bại chủng thì nguy. Ông khúm núm bên thêm xá dài, hấn đỡ tay ông và mời ra vườn sau thưởng trà, dĩ nhiên vẫn là thứ trà mỗi lạng trăm mỹ kim. Đang lúc cao hứng, hấn nói muốn tặng ông một bức tượng để thờ làm kỷ niệm rồi lấy ra một bức Lão Tử cỡi trâu bằng gỗ chạm khắc sắc sảo. Ông khách há hốc:

-Kính thầy, tôi... tôi làm sao lại đi thờ loại tượng này ạ?

Hấn nheo mắt nhìn ông một lát rồi lắc đầu như thương hại:

-Cái nguy nằm ở chỗ đó ông ạ. Học

Phật mà không nghiên cứu sâu xa thì làm sao được. Này nhé, ông là Phật tử Nam Tông. Phái Nam Tông vẫn tự gọi mình là Theravàda phải không ? Thera là trưởng lão, là ông già. Vàda nôm na là học thuyết hay giáo nghĩa đúng không? Vậy dịch gọn chữ Theravàda có phải là Lão Giáo không ? Bức tượng Lão Tử này là một biểu tượng về ý nghĩa đó.

Nghe giảng đến đó, ông lão giật mình nhìn hẩn ngưỡng mộ. Thì ra ông vẫn còn nhiều chỗ bất thông ngay trong chính nguồn cội của mình. May nhờ cao nhân chỉ điểm. Thấy ông có vẻ lý hội ít nhiều, hẩn hoan hỷ tiếp tục:

- Tại sao Phật giáo không phát triển mạnh mẽ như Cơ Đốc Giáo hay Ấn Giáo ? Chỉ vì thái độ câu chấp những tiểu tiết của một số người trong chúng ta. Cái gì

tải đạo được thì tận dụng hết ông ạ. Ông xem, người Việt mình bây giờ thực tế lắm. Nói chuyện với họ, chúng ta nên tránh những chữ mắc mớ tối nghĩa. chẳng hạn thay vì Ba-La-Mật hay Đáo-Bỉ-Ngạn tôi vẫn thích nói là Pháp môn Tu Tới Bến. Tới Bến ở đây rõ ràng dễ hiểu hơn hai chữ kia nhiều. Thậm chí khi ông dịch chữ Savaka là Thanh Văn sẽ khiến bà con bối rối, thay vì chữ Thính Giả nghe xong ai cũng hiểu ngay...Còn nhiều và nhiều lắm, những sáng kiến mà tôi luôn mong có dịp để thực hiện, làm một cuộc cách mạng...

Ông khách càng lúc càng thấy khó thở, không biết do mấy chén trà đậm hần mời hay vì sắp sửa tẩu hỏa nhập ma với những lý lẽ đặc dị của hần. Ông lễ phép cáo từ và hần lại ấn mạnh vào tay ông bức tượng Lão Tử như sợ ông bỏ quên.

Ba năm sau, nhân dịp về thăm con cháu, ông khách già năm xưa từ một tiểu bang xa xôi ở miền Bắc bay về thành phố nhỏ xíu heo hút này và cũng ráng dành một buổi đến viếng hân. Tìm mãi vẫn không thấy căn nhà nhỏ ngày trước của hân, ông ghé vào hỏi thăm một người Mỹ cạnh đó và rồi quay xe trở ra phố. Trên con đường sầm uất kia có một căn tiệm rộng rãi đường bệ với tấm biển lớn treo phía trước Oriental Imports Corp. Mặc ngoài một cái Jacket đỏ sẫm, hân đang đứng điều động mấy anh phụ việc người Mỹ xếp dịch mấy két gỗ to đùng mà ông đoán là hàng hóa nhập cảng từ Á Châu. Gặp ông, hân ngỡ ngợ một lát rồi phá lên cười:

- Thật quý hóa, tôi không ngờ gặp lại ông ở đây. Ông vẫn khoẻ luôn chứ ạ?

Ông khách thấy tóc tai của hân giờ đã

để dài nên không biết xưng hô ra sao, chỉ biết mỉm cười gượng gạo. Có lẽ hiểu được ý ông, hân tỉnh bơ:

- Gì cũng nhân duyên ông ạ. Duyên tụ duyên tán...

Cúi nhìn xuống đất trong một giây, hân lại cười với ông:

- Ông cũng nhớ mà, tà pháp phải bỏ đã đành, đến chánh pháp cũng phải bỏ luôn. Gì cũng là bè cỏ qua sông !

Đến tận lúc này, chữ nghĩa thánh hiền vẫn tiếp tục nằm sẵn trên môi hân, như những ngày xưa...thân ái!

Ông cụng lên xe một lúc rồi vỗ trán nói một mình: Hình như ông thầy đảo ngược câu kinh thì phải. Về xem lại thôi. Mình già rồi, lắm cảm thiệt!

Florida, đầu hạ 2006

NHỚ LINH XƯA

Trong văn chương Việt Nam có biết bao là những câu chữ hay ho để mà nhớ, để mà cảm, vậy mà thật lạ, đối với tôi ba chữ Nhớ Linh Xưa trong mấy bài văn tế vẫn cứ là đẹp nhất, lồng lộng và sâu thẳm, chan chứa và nồng nàn nhất. Lý do ư? Ai sống ở đời lại chẳng có những ngớ ngẩn riêng tư không thể giải thích chứ!

Giữa mùa Vu Lan của năm bốn mươi tuổi, tôi bỗng giật mình khi có người hỏi về chữ Hiếu. Biết tôi vẫn thỉnh thoảng viết lách, họ hỏi tôi đã có bài về Vu Lan hay chưa. Tôi then quá, xa mẹ cả mười năm, mỗi năm gọi phone cho mẹ chưa được

một lần, vậy thì lấy tâm tình hay tư cách gì để viết về Vu Lan đây chứ, hay lại cứ che mặt gạt người để mà viết dối, nói láo!?

Vậy rồi cứ theo thói quen, tôi mở TV để chạy trốn chính mình, để khỏi thấy mặt mình trên gương, bóng mình trên vách. Suốt đời cứ vậy thôi, như con cù lần thích che mặt, như đà điểu thích vùi đầu trong cát. Thế rồi chỉ sau vài phút dán mắt trên màn ảnh TV, tôi đã nhớ ra một chuyện ly kỳ: Thì ra tôi nào phải bất hiếu, và nếu tôi có vì khiêm cung mà không dám nhận lấy hai chữ chí hiếu, thì trộm nghĩ thiên hạ cũng không nên nhận bừa hai chữ đó. Vì có lẽ hiếm người có thể dành nhiều thời gian nhớ mẹ hơn tôi.

Chuyện gì nhìn thấy cũng có thể khiến tôi nhớ mẹ. Dù nhớ chỉ để nhớ mà thôi. Một người thiếu phụ lắm lùi trên

đường giữa chiều muộn với một đứa bé nép mình bên cạnh vòi vĩnh nọ kia, hay một người đàn bà tay xách nách mang đủ thứ đồ đạc đang hối hả trên con phố mưa như để về nhà trước tối,... Ở sân ga hay phi trường, xứ này hay xứ khác, ở đâu tôi cũng có thể bắt gặp những hình ảnh kiểu đó để mà chạnh nhớ về mẹ tôi. Tôi hiểu, thế giới này có ra sao, có khó sống đến mấy, chỉ cần còn có mẹ, đứa con nào cũng còn đất sống. Mai kia mẹ đi xa rồi, giàu có đến mấy thì thiên hạ cũng không sao tìm lại được phương trời ấm cúng kỳ diệu đó nữa. Tôi ít thuộc thơ về chữ hiếu, một phần lý do có lẽ là tôi sợ thứ chữ nghĩa suốt mướt, ướt nhẹp hay mềm xèo của những thơ văn về mẹ mà Vu Lan nào cũng thấy tràn lan ra đó. Nhưng trong số ít những dòng thơ hiếm hoi tôi nhớ được về mẹ, thật ngẫu

nhiên, lại là của hai nhà sư không còn mẹ nữa. Trước hết là hai câu của Hòa thượng Chơn Điền:

*“Mẹ xa, con chẳng còn gì
Bơ vơ đến cả khi đi lúc về”.*

Bài thơ dài cả chục câu, tôi chỉ nhớ được chừng đó thôi, nhưng cũng quá đủ để nhớ mẹ rồi. Rồi thì hai bài thơ của Thượng tọa Triều Tâm Ảnh, cũng nhớ dở dang, không trọn vẹn, chỉ mong không nhớ sai:

*“Từ độ lớn khôn đi vào đời dâu bể
Con chưa một lần đến đáp thâm ân
Con lặn hụp trong vô vàn máu lệ
Khi quay nhìn thì sương trắng đã
phù vân*

Tóc mẹ bạc như tuyết pha đầu núi
Dáng mẹ gầy như vế hạc trăm năm
Đã bao đêm chong đèn khuya lệ tủi
Ôi kiếp người sao cứ mãi ăn năn...
Giọt lệ khô như gió nam Trường Sơn
Bao nhiêu tuổi tác bấy nhiêu buồn
Nửa đêm nhớ mẹ trùm chăn kín
Khóc một mình, ôi chỉ một mình con...!"

Như tôi cũng đã thừa rồi, hiếm ai dành nhiều thời gian để nhớ về mẹ như tôi. Chuyện gì buồn vui cũng là cái cớ để tôi nhớ về mẹ bằng tất cả tim óc. Tôi đã nhớ mẹ qua bất cứ hình ảnh nào của các bậc cha mẹ trong đời mà tôi quen biết, trong giao thiệp hay chỉ nhìn thấy trên phim ảnh sách báo... Có điều là không ít hình ảnh trong số đó cứ khiến tôi đau đầu một nỗi riêng không chịu thấu:

- Họ là những bậc cha mẹ với tuổi đời chưa bao nhiêu nhưng đã bắt đầu quên mất tuổi trẻ của mình cho đứa con đầu lòng. Một tuổi trẻ tất bật áo cơm, không có rong chơi, không có ngơi nghỉ, không có thời gian riêng tư, dẹp luôn những không gian độc lập để sống như mình vẫn ao ước thời chớm lớn. Họ Mất hết cho cái mà họ cho là Được – đó chính là đứa con!

- Họ là những doanh nhân tài ba và thành công, chính xác trong từng con số tính toán, chi li với từng phân lời, tiên đoán như thần mọi biến động trên thị trường, nhưng tất cả những cái tỉnh táo đó chỉ nhằm vào một đầu tư thật liều lĩnh, có thể gọi đó là một kiểu Risky Investment, đầu tư mạo hiểm, đó là niềm kỳ vọng vào con. Ai bình tĩnh sáng suốt nhất cũng phải nhận rằng trong mỗi đầu tư đó, thật ra chỉ

có 50% cơ hội lấy lại vốn, đừng nói gì đến chuyện lời lãi. Cứ lo cho lắm vào, ngày con biết yêu người đứng thì cha mẹ thường chỉ là những bóng mờ sa mạc. Nếu không có những ràng buộc vật chất như tiền bạc nhà cửa thì quan hệ đôi bên còn thăm đến mức nào. Biết hết, nhưng đối với các doanh nhân đó, họ vẫn dành ưu tiên lớn nhất cho mỗi đầu tư phiêu lưu này. Nhìn họ, tôi nhớ mẹ quá chừng...

- Họ là những người hiểu đạo, có đốt ra tro, họ vẫn là Phật tử với tâm niệm thường trực về nỗi đời hư ảo, họ thừa biết trầm luân là khó siêu dễ đoạ, họ biết kiếp người là mong manh, họ biết gì rồi cũng bỏ lại để về đất, họ biết thân người khó được, họ thừa biết mọi quan hệ chỉ là khách trọ qua đêm trong lữ quán đời, họ biết đời sống phải là từng khoảnh khắc tận dụng

một cách hữu ích. Họ biết hết. Hiểu biết một cách bài bản, không thua một tu sĩ thứ thiệt. Vậy rồi họ có con, và Phật pháp mờ nhạt dần trong lòng. Những phút giây bình tâm họ cũng hiểu mình đang đánh mất bản thân, đang làm ngược lại điều mình hiểu. Nhưng vì con, họ thấy sao cũng được. Kể ít lời thì chỉ im lặng, hoặc khất hẹn tuổi già sẽ tu nhiều hơn. Kể cứng miện thì tranh luận: Chăm sóc gia đình thiệt đàng hoàng đã là tu rồi. Họ nói có lý, không ai cãi với họ, chỉ thấy tội nghiệp khi nhìn thấy họ ngày một phóng dật hơn. Kiểu đó thì mai một tụng kinh cầu siêu cho họ phải đọc lâu hơn một chút rồi. Ôi tấm lòng những bậc cha mẹ. Nhìn họ, tôi nhớ mẹ tôi quá...

- Họ là những chính khách từng ôm ấp biết bao hoài bão xây dựng non sông đất

nước, từng vào sinh ra tử để bôn ba hành động, vậy mà khi nắm được quyền bính thì họ mới hiểu ra rằng – đối tượng ưu ái nhất trong lòng họ không phải là quê hương hay dân tộc gì cả, mà chỉ là mấy đứa con mang trong người dòng máu của họ! Họ chấp nhận trở thành tội nhân thiên cổ của người đời, tự chà đạp lên lý tưởng chính trị thuở nào, miễn là vinh thân, phì gia, và đám con cái cháu chắt của họ sống như ông hoàng bà chúa là được. Ở tuổi về già, chắc chắn có lúc họ cũng ngồi nghĩ đến chuyện luân hồi quả báo mà rùng mình với chính bản thân, nhưng chỉ cần nhìn lên tấm ảnh con cái treo trên tường – thì họ tiếp tục đi theo con đường tội lỗi của mình! Chỉ có cha mẹ mới có thể hy sinh ghê gớm như thế cho con cái mà thôi. Nghĩ về họ, tôi lại nhớ mẹ tôi.

- Họ là những kẻ có chức có quyền, có bằng giấy hoặc bằng dỏm tiến sĩ; tuy nhiên, một đôi người vốn có một nhân cách bẩm sinh không tệ, và dĩ nhiên có thể rũ áo từ quan trong danh dự, nói theo trong nước là hạ cánh an toàn, nhưng vì tương lai của con cái, họ thò tay vào chàm mà nhúng. Nhúng càng sâu, càng đậm thì càng tốt. Đôi lần họ cũng có ý rút tay, nhưng chỉ vì một chút vôi vỉnh của con, mong mỗi con mình được bằng chị bằng em với thiên hạ thế là chuyện gì họ cũng làm: Đục khoét của công, tham nhũng, hối lộ, lừa đảo, phản bội, hại người... Chỉ vì con cái thôi. Nếu vợ họ mắc chứng vô sinh thì họ đâu có tệ đến mức đó chứ. Bởi nếu họ chỉ là người độc thân hay chỉ có vợ mà không con thì tình trạng có thể khá hơn nhiều. Bao la thay là lòng cha mẹ!

- Họ là những tay gian thương hay anh chị giang hồ, sẵn sàng bắt người khác chết để mình sống. Thiên hạ bảo họ là máu lạnh, là không có tim. Nhưng nào ai biết họ vẫn có những bữa cơm tối với gia đình, và con cái chính là động lực để họ không sợ tội ác nào hết. Làm thuốc giả, buôn thuốc nghiện, bán vũ khí, bắt cóc tống tiền hay cướp giật giết người... Họ tàn nhẫn với tất cả thiên hạ, nhưng đừng vì thế mà nói họ không có tim. Họ có tim, nhưng nó chỉ thuộc về mấy đứa con của họ. Tim ai lớn rộng chứa được thiên hạ thì là hiền nhân, tim nhỏ hẹp quá thì ra ác nhân. Hình như là vậy.

Hôm qua, đài CCTV9 của Tàu đưa tin Việt Nam đang bị lũ lụt nặng, người chết và mất tích không đếm xiết. Và báo chí trong nước qua internet đã cho hay một vị

quan chức hàng đầu chính phủ có gửi điện vào chỗ lữ để thăm hỏi và động viên đồng bào bị nạn. Tôi không rõ ai trong đám dân chúng bị nạn đã đọc được bức điện đó và trong hoàn cảnh hiện tại nếu có đọc thì để làm gì. Tôi lại nhớ đến một đoạn phim trên Youtube do người quen giới thiệu về hôn lễ của con gái thống tướng Than Shwe bên Miến Điện. Giữa khi mấy chục triệu người dân đói khổ ngật nghèo, thì đám cưới xa hoa đầy ắp kim cương kia hết như một nụ cười mai mả châm biếm treo trên miền đất Phật. Thiệt lạ lùng, ngay sau khi xem qua đoạn băng đó, tôi chỉ nghĩ đến một việc đơn giản: Nhà cầm quyền các nước chẳng thương dân chỉ vì họ chỉ biết lo cho con, yêu thương một cách mù quáng. Một nụ cười của con đổi bằng nước mắt của triệu người dân cũng được. Chỉ bằng cách

nghĩ đó, tôi không thấy căm ghét ai nữa, mà thấy cảnh đời nào cũng là cái cớ để người ta nghĩ về cha mẹ. Tôi đã nhớ đến mẹ tôi, một kiểu nhớ chẳng giống ai. Dĩ nhiên mẹ tôi không phải là đại diện cho tất cả những bậc cha mẹ mà tôi vừa kể, tôi chỉ thấy ở đây một sự tương đồng duy nhất, đó là mấy chữ Trái Tim Cha Mẹ. Còn trái tim đó được thể hiện ra sao thì còn tùy ở mỗi người. Một cách đơn giản nhất, càng nhớ mẹ, tôi lại càng nghĩ nhiều về những bậc cha mẹ trong dưới gầm trời này và cầu nguyện...

NHUNG RỒI CÓ NHỮNG

Có những cuộc lên đường là sự trở về quê cũ chốn xưa, cũng có những cuộc đi đúng là hành trình tìm về cõi lạ. Có những chuyến lên đường như là cuộc vận động để mình sống hơn, khỏe hơn, đẹp hơn. Có những cuộc lên đường là sự tìm về với bóng tối quanh hiu, chỉ khiến mình gầy yếu và hao tổn sinh lực...

Có những sự ngồi yên là tĩnh tọa để vào sâu, lên cao, đi xa. Kiểu ngồi khi đó như dáng núi, đá tảng, như voi đứng, cạp nằm. Cũng có những thời khắc ngồi yên chỉ là sự ở lại với đôi chân bất lực, với một góc buồn không sao trốn thoát. Ai lúc này

cũng có dáng ngồi như tượng võ gỗ mục, kiểu ngồi của đá nát vàng phai...

Có những nỗi buồn cứ như thuốc đắng, làm người ta vũng vàng già dặn hơn. Nỗi buồn càng sâu, sự trải nghiệm càng lớn. Và dĩ nhiên cũng có nỗi buồn giống hệt thuốc độc, khiến người tan nát can tràng qua từng phút gặm nhấm nỗi đau.

Có những niềm vui là thảo nguyên ngút ngàn hoa cỏ cho lòng lành tung tăng, niềm vui càng lớn thì con người cũng lớn theo để ra bậc hiền nhân. Có những niềm vui chỉ là tên gọi khác của tục lụy, vui mà chứa mầm đau, như mật ngọt trên lưỡi dao hay sắc màu trên mình rắn độc.

Có những cuộc chuyện trò là lời tri tâm của những người tri kỷ thông tuệ, nhất tợ thiên kim và một phút cạnh nhau có khi bằng mười năm đọc sách. Lại cũng

có những cuộc chuyện trò vô nghĩa như tiếng côn trùng hợp tấu trong đêm, như tiếng muỗi bay báo trước một cái gì bất ổn.

Có những sự im lặng là lối sỏi dẫn vào thiên thất sơn động. Đó là sự im lặng của người có nhân, có xả, có trí, có bi. Có những sự im lặng chỉ là cách đồng lõa với vô tri gỗ đá, với vô cảm lạnh lùng. Không phải ai cũng hiểu được và có được sự im lặng lợi mình, lợi người. Phật giáo Bắc truyền gọi đó là sự im lặng của tôn giả Tu Bồ Đề, của nhị tổ Ca Diếp. Phật giáo Nam phương gọi đó là niềm thinh lặng của Vô Tướng Tâm Giải Thoát (Animitta-cetovimutti).

Có những sự chia xa chỉ là tạm biệt, đi mà có hẹn về. Xa kiểu đó tuy xa mà gần. Có những cuộc chia tay là vĩnh biệt, là đi không nghĩ đến lúc về, quay đi không mong có lúc nhìn lại. Xa nhau kiểu này

đúng là nghìn dăm thiên nhai, là nghìn thu vĩnh quyết. Trong đạo hay ngoài đời, chỉ cần biết cái gì cần tạm biệt hay vĩnh biệt, hình như chẳng còn gì để nói thêm.

Có những sự bày tỏ là chia sẻ, trao tặng báu vật. Cũng có sự bày tỏ chỉ là buộc người phải ăn trái đắng, uống độc dược. Biết chọn cái để cho và biết lựa món để nhận hình như cũng đủ là phép sống ở đời.

Có những thứ chỉ đọc hay nghe một lần cũng đủ khiến kiếp này không là vô nghĩa. Có thứ dẫu đọc hay nghe một đời cũng chỉ là đếm lá trên non.

Có những sự kết hợp tuyệt vời đến mức không thể tốt hơn, không còn cách nào khác hay hơn nữa. Lại cũng có những cuộc kết hợp chỉ là chấp vá tật nguyên, sai nôi lộn nắp, chỉ khiến người trong cuộc thêm đau.

Từ đó, có những cuộc tình như đến từ vô lượng tiền thân, tìm thấy nhau giữa biển người dễ dàng như đã hẹn. Và nói như một người, có những cuộc tình không là trăm năm!

NHỮNG GIỌT THỦY NGÂN

Nghe đài, xem báo để rồi hay tin miền Trung Việt Nam đang chìm trong giông bão. Cơn bão Xangxane tràn vào Đà Nẵng, miền đất yêu thương một thời của tôi. Tôi thấy giọt nắng đầu đời ở miền Nam, nhưng biết giọt lệ đầu tiên ở Đà Nẵng. Nghe người đau để thấy lòng xót.

Tôi lục tung cả đồng giấy tờ để tìm lại số điện thoại của mấy người quen ở Đà Nẵng, để gọi về hỏi thăm những Phật tử quen biết ngày trước. Như một nhân duyên, số điện thoại của Trâm hiện ra với ba con số 051 của Đà Nẵng và bên cạnh chỉ là một chữ Trâm viết vội. Tiếng Trâm

ở đầu dây bên kia, như muốn lạc trong mưa bão. Cô đã có chồng và một đứa con trai đầu lòng. Tôi đang hỏi thăm về từng người quen thì bỗng nghe một tiếng động gì đó mơ hồ và rồi giọng con nít khóc. Tôi đoán là thằng bé con của Trâm. Tôi hỏi trong nụ cười: vừa đánh nó à? Trâm cũng cười: Nó quậy quá Sư ơi, làm bể cái ống thủy rồi. Rồi thật bất ngờ, Trâm hỏi tôi: Sư có còn nhớ cái ống thủy bị bể trên chùa hồi đó không? Tôi thở dài: Sao lại không nhớ chứ!

Năm 1996, tôi ra Đà Nẵng và bị sốt li bì. Trâm đến thăm rồi thì thang thuốc lung tung. Chiều hôm đó loay hoay thế nào, tôi làm rớt chiếc ống thủy trên nền gạch, gãy đôi. Nhìn mấy giọt thủy ngân tung tóe trên sàn, Trâm lấy chiếc que khều nhẹ để lùa chúng gom lại với nhau thành một.

Nhìn Trâm hồn nhiên, tôi chợt nghĩ đến một chuyện và cười một mình. Trâm hỏi, tôi nói bâng quơ: Có trôi nổi bao nhiêu cũng đừng đánh mất bản chất và không bao giờ lai tạp những thứ không thích đáng. Không biết Trâm có hiểu gì không, chỉ thấy cô nhìn xuống đất dăm chiêu.

Rồi thì hai năm sau tôi xa xứ. Quê người có những nhân duyên bất ngờ, tôi tiếp tục trôi dạt về Florida, một tiểu bang sát biển. Cái lạ lùng là câu chuyện về cái ống thủy bể không ngờ đã trở thành vận mệnh của tôi. Rõ ràng tôi đã là một giọt thủy ngân mồ côi và những cuộc hạnh ngộ trong đời tôi cũng hết như cuộc gặp gỡ của những giọt thủy ngân. Hai năm trước tôi có chuyện về Houston và đến thăm Thầy Kavindasiri người Miến Điện sống trong một căn hộ Apartment gần

chợ Hồng Kông. Gọi lên là Thầy nhưng về tuổi đời, tuổi đạo và cả kiến thức Phật học thầy Kavindasiri đáng là sư phụ của tôi. Biết tôi cũng sống một mình, thầy nói một câu thiệt ngộ: "Đôi khi phân tán (scattering) cũng là một cách mở rộng (spreading). Cái quan trọng là đừng bao giờ mất liên lạc với những người bạn lành. Được vậy thì ở đâu cũng thể thôi"

Hôm chia tay thầy Kavindasiri ở chân cầu thang, tôi lại bất ngờ nghe nhớ Đà Nẵng quá chừng. Tôi vừa nhớ lại câu chuyện cái ống thủy bể với mấy giọt thủy ngân. Tôi với vài tâm hồn đồng điệu cũng giống những giọt thủy ngân. Vì bản chất tương đồng mới có thể dẫn tới sự tương hợp. Muốn gặp được thánh hiền ba đời, mỗi người phải dọn lòng theo cách thánh hiền đã dạy. Mưa rơi xuống đời không

phân biệt nơi chốn, nhưng không phải ở đâu cũng nhận được những lợi lạc từ những cơn mưa. Hãy dọn lòng như dọn đất để sẵn sàng đón mưa về. Hãy là một giọt thủy ngân để kết hợp với thủy ngân. Lưu lạc mấy rồi cũng tao ngộ.

Cơn bão Xangxane thổi tung đất trời Đà Nẵng, nhưng cũng đã đưa tôi về lại với giọt thủy ngân ngày cũ. Bên Mỹ thiên hạ bây giờ có lẽ hiếm người dùng lại thứ nhiệt kế cũ xì mà ngày xưa chúng tôi đã dùng. Họ dùng nhiệt kế chạy pin, nên không biết thủy ngân là gì. Lòng người từ đó cũng ly tán. Ở đời nhiều lúc chuyện chẳng có gì nhưng ngầm kỹ thì chẳng gì là vô nghĩa. Dù đó chỉ là mấy giọt thủy ngân.

NHỮNG NGỌN NẾN ĐỜI

Sáng Chủ Nhật. Một người quen gọi phone hỏi tôi sáng nay có viết thêm bài mới bỏ lên mạng. Họ hỏi bằng cái giọng của bà chủ hỏi người làm. Như tôi ăn lương tháng của ai đó để viết bài. Tôi chợt nghe chạnh lòng, một cảm giác tưởng đã mất tiêu từ mấy năm dài vô sở trụ và đặt hết nhân gian ngoài bậc thêm rêu. Vậy mà...

Thì ra thiên hạ nghĩ viết lách là chơi trò xếp hình, xếp chữ. Ra chợ mua một đồng hình hay mẫu chữ cắt sẵn rồi về cắm đầu ráp lại theo một hướng dẫn sẵn. Đời con tầm cũng bạc đến thế là cùng.

Tôi bước vào nhà tắm và rồi một mẫu nến vụn ở đó đã đập vào mắt tôi như một chia sẻ. Tôi vừa nhớ đến hai câu thơ của ông Lý Thương Ẩn. Xuân tàn đào tử ti phương tận, lập cự thành khô lệ thủy can. Lý do tồn tại của con tắm là nhả tơ, khi không nhả tơ được nữa thì tắm cũng chết. Lý do tồn tại của ngọn nến là cháy sáng, là tự hủy mình để soi rọi nhân gian. Hành trình hiu hắt đó chỉ chấm dứt khi nến đã tàn.

Đời người suy cho cùng cũng là một hành trình tự hủy để tồn tại: Đốt cháy tuổi thơ để trưởng thành, đốt cháy tuổi trẻ để thành nhân và chuyên môn một chút thì mỗi phút giây đốt cháy năng lượng trong từng tế bào để tìm về cõi chết.

Trong giáo lý Duyên Khởi, cái khổ trước sản sinh và nuôi dưỡng cái khổ sau.

Trong đời sống thường nhật, người ta đã phải tiêu thụ, thiêu hủy cái này để tạo dựng cái khác. Lịch sử văn minh nhân loại là những trận lửa và những cuộc hồi sinh tiếp nối nhau. Và từ nền tảng đó, vô thường là một quy luật tồn tại của vạn hữu. Phật giáo nói ra sự thật đó không phải để nhân gian thêm buồn, mà ngược lại, để người ta sống thanh thản, nhẹ nhàng, tự do hơn. Vì tự do chính là nhìn thấy sự thật. Chưa thấy được sự thật thì sống trong ảo giác, mà ảo giác lại là lối về của nước mắt. Thấy ra sự thật, người ta trưởng thành và không còn cái sợ hãi của trẻ con khi bị đứt tay hay bỏng lửa. Vậy thì đời sống mỗi người rõ ràng là những ngọn nến. Lúc mê thì chỉ tự hủy để tồn tại và trầm luân, lúc ngộ thì tự hủy để soi sáng và giải thoát.

Tôi nhớ hình như chưa có nhà thơ nào có thể làm thơ hay mà không cần đến những phút giây khổ nạn. Thơ họ phải có từ những giây phút tự cháy. Bản chất của đời sống là bất toại, là xót xa. Không bước vào để tận mắt nhìn thấy nỗi xót xa thì ngôn ngữ không có sức sống. Nói năng theo cách vô bệnh thân tâm thì chỉ toàn là sáo ngữ hư ngôn. Phải có hành trình vạn lý thì mới có được một du ký xuất sắc. Đó cũng là lý do của chữ Chợ Đời. Anh phải trao ra cái gì đó thì mới có được cái anh muốn. Tiền nào của nấy.

Tôi nhớ lại rồi. Hôm nào không nghe trong lòng có lửa, hôm đó có nói hay viết gì thì cũng nhạt nhẽo vô hồn như người ta ca hát bằng thứ ngoại ngữ mà mình chưa rành. Đó chỉ là nhép miệng một thứ không thuộc về mình. Trong khi đó, ngọn

nén nào cũng phải tự cháy bằng tim bác của chính nó. Anh phải sống bằng cách đốt cháy năng lượng của chính mình, phải giải thoát bằng cách đốt cháy những ngộ nhận của tự thân. Sống bằng năng lượng của người khác thì chỉ là con ốc mượn hồn. Và giải thoát thực sự thì không thể bằng những kiến giải vay mượn mà thiếu sự tiêu hoá.

Tôi vừa ngừng gõ bàn phím để đọc lại bài viết và chột giật mình. Tôi vừa viết cái gì đây? Hình như chưa một bài tiểu luận nào trước đây gửi trên Phapluan.net tôi lại viết bằng tâm tình một ngọn nến như bây giờ. Nhưng liệu tôi có làm người đọc bị bỏng lửa vì sức nóng của nó. Có lẽ tôi phải gọi phone hỏi chuyện đó với một người quen đã sang sông. Quanh tôi chẳng có ai để mà hỏi ý. Nhưng trời ạ, hình như đó

không phải là phong cách một ngọn nến.
Nó phải tự cháy. Dù lòng vẫn không thể
nào quên nổi một ngọn nến đã sang bờ
khác!

NGÔI GIỮA MÙA THU NHỚ LÁ VÀNG

Tôi dĩ nhiên cũng có một thời tuổi trẻ, giai đoạn đòi hỏi gì cũng phải sòng phẳng, rõ ràng: Vui buồn, thương ghét, gần, xa,... và mỗi thứ trong đó xô tôi về từng góc riêng của những tâm cảnh hỷ nộ, ái ố. Rồi thì tuổi đời chồng chất, cộng thêm những hoàn cảnh sống đặc biệt, dần dần tôi nhận ra những thay đổi rất tự nhiên trong lòng mình. Chúng như những khúc quanh phải có trên một cuộc đi dài, và đôi khi là những lối thoát cần thiết cho từng bế tắc. Những lúc đó, từng ranh giới biệnn biệt vẫn khiến tôi cực lòng trước giờ bỗng nhậtnhà rồi biến ảo thật đẹp mắt, đến

mức khó ngờ.

Một trong những bước đi ấn tượng nhất mà tôi còn nhớ được là một ngày bỗng nhiên buột miệng đọc suông bài thơ Xóm Ngự Viên của thi sĩ Nguyễn Bính và rồi cùng lúc bắt gặp một bài Hai-Cú của Basho. Như cách nói của người Nhật, tôi đã một thoáng Satori (bừng tỉnh). Bài thơ của ông Nguyễn Bính dài lắm, nhưng tôi đặc biệt nhớ hoài hai câu cuối cùng: Hôm nay có một người du khách Ở ngự viên, mà nhớ ngự viên !

Thật kỳ lạ, tám thế kỷ trước, nhà thơ Basho của Nhật cũng từng có một cảm niệm tương tự thế. Như một tao ngộ từ hai cực thời gian. Ở đây tôi dùng bản dịch của Robert Hass (trong The Essential Haiku):

*Even in Kyoto
Hearing the cuckoo's cry
I long for Kyoto*

*Đang ở Kyoto
Nghe tiếng chim gù
Mà nhớ Kyoto !*

Thì ra khái niệm xa gần chỉ là của giả. Trong tâm tưởng chúng ta, một khuôn mặt bên cạnh hay ngoài ngàn trùng thật ra vẫn luôn giống hệt nhau về khoảng cách. Độc giả làm ơn nhắm mắt lại để kiểm nhận câu nói này của tôi xem đúng hay sai. Trong mắt ta, có thể có xa với gần. Nhưng trong tâm tưởng, gần xa là một. Lúc này đến cả thời gian cũng không là thật. Đó là lý do vì sao trong A-Tỳ-Đàm nguyên thủy thời gian và không gian chỉ được xem là

những khái niệm Thi Thiết giả lập, không có thực tướng. Người học Phật hôm nay có thể nhìn thấy đức Phật với ba mươi hai hảo tướng, thấy cả những khổ quý dạ-xoa kỳ hình dị tướng một bụng sân si, mà không cần đến khả năng thiên nhãn của một người chứng đắc thiên định. Ở đây tôi tuyệt không phủ nhận giá trị của pháp môn Chỉ Tĩnh (samatha), cũng không phải đề nghị độc giả sống mộng mị ảo tưởng, một điều đối lập với trí tuệ quán chiếu (vipassanà). Tôi chỉ đang lạm bàn về một khía cạnh của A-Tỳ-Đàm.

Đêm qua một người quen email cho tôi bảo rằng họ cứ thấy bức mình khi thiên hạ cứ bắt chước thiên sư kêu gọi sống trong hiện tại khi mà cuộc sống trước mắt buồn khỉnh khiếp. Nhớ lại, đó cũng là một nỗi riêng của tôi. Tôi đã quá hãi với những câu

nói đã vào khuôn mẫu, như Hỷ Vui Với Giây Phút Hiện Tại hoặc những chữ Thiền, Đạo, Tỉnh Thức, Quán Chiếu được sử dụng tràn lan bừa bãi như một thứ thời thượng. Tôi nghĩ rằng dù từ lập trường nào, thiên hạ có lẽ cũng nên bắt đầu hành trì lời Phật từ những bài vỡ lòng về những vấn đề căn bản. Chẳng hạn Hữu Bộ có 75 pháp, Duy Thức có 100 pháp, Thượng Toạ Bộ có 84 (Niết-Bàn, 1 Tâm Vương, 52 Tâm Sở, 28 Sắc pháp, 2 Thi Thiết). Trong một bài viết lãng đãng mù sương thế này lại nhắc đến những quy tắc khô khan kiểu đó hình như không phải chỗ. Nhưng không hiểu được Kiếm Tông, Khí Tông là gì thì võ học Hoa Sơn sẽ kết thúc xót xa trong tay một quân tử kiếm kiểu Nhạc Bất Quần!

Xin nhắc lại, tôi đang lăm lăm bàn về một chuyện nhỏ trong A-Tỳ-Đàm, cộng thêm

cái email hiu hắt kia, nên tôi phải nghiêm túc xác định rằng cuộc chơi nào cũng phải có luật. Tôi đang nói đến tính tương đối của hai thứ Thời Không bằng cách nói lai rai của một người gần bạc tóc vẫn ham chơi. Và giờ thì xin quay lại với mấy câu thơ của hai thi sĩ đã nhắc ở trên với một khẩu quyết căn bản là muốn rong chơi trên những cành lá hãy tìm về nguồn gốc trước đã. Nói vậy cũng có nghĩa là muốn thấy cái như thực thì phải hiểu ra cái gì là ảo hoá, và thấy được cái gì là ảo hoá thì mới thấy ra được cái như thực.

Thấy được tính ảo hoá trong những cái mình vẫn cho là thật, chắc chắn ta được an lạc hơn nhiều. Vì hiểu chúng chỉ là những thứ tương đối, áp lực trong ta không còn là chuyện bắt buộc nữa. Đó chính là lý do của bài viết này.

Độc giả có thấy khó chịu khi tôi nói rằng theo những gì vừa viết ở trên thì chưa bao giờ có một cuộc chia tay hay gặp gỡ nào đúng như ta vẫn tưởng. Dẫu có đứng cạnh nhau hay cách nhau nửa vòng trái đất thì khoảng cách của đôi bên vẫn là vấn đề tâm lý mà thôi. Anh phải nghĩ đến tôi trước đã. Trong tâm tưởng của anh không có tôi thì coi như tôi đã là người khuất mặt. Đó là lý do vì sao có người đứng giữa ngự viên mà than nhớ ngự viên, ngồi giữa lòng phố Kyoto mà bảo rằng nhớ Kyoto. Ngự viên hay Kyoto mà họ tưởng nhớ có thể là một dĩ vãng. Tôi biết có độc giả muốn xắn tay áo nhảy vào giải thích với tôi như thế. Nhưng xin thưa, nếu hai nhà thơ kia có nghĩ về cái ngự viên hay Kyoto trước mặt thì liệu có

khoảng cách nào giữa hai cái xưa nay đó trong lòng họ chứ !

Nó tồn tại vì ta nghĩ đến nó. Nên nếu bây giờ tôi có ngồi giữa một trời thu mà nghĩ về những chiếc lá vàng năm cũ hay những chiếc lá vàng đang rơi đầy trước mặt thì trong lòng tôi trước sau chỉ có một khoảng cách. Vậy thì những khái niệm cô đơn hay gặp gỡ hình như lại cũng là những thứ ở ngoài không thật có giữa nhân gian.

Sáng nay tôi ra thùng thư trước nhà và rồi thấy thêm một mảnh giấy thông báo tìm người mất tích. Một câu chữ thiệt ngắn bên trên mấy bức ảnh người cứ làm tôi suy nghĩ: Have You Seen Us (bạn có từng thấy qua chúng tôi ?). Một câu hỏi có ý nghĩa sâu thẳm như một công án, hiểu sao cũng có thể giác ngộ. Bởi như đã thưa ở trên, chúng ta chưa từng gặp gỡ hay ly

biệt, gần hay xa chỉ là một cách nói, và như vậy trên đời làm gì có sự mất tích của ai đó. Có chăng là trường hợp chữ Mất Tích được dùng để gọi một người sống phóng dật không tự biết mình là ai hoặc để gọi một vị đã Niết-Bàn. Họ đích thực là những người Mất Tích đúng nghĩa nhất. Nhưng nói cho vui vậy thôi, mai kia tôi có đăng trí đi lạc và cảnh sát đăng tin tìm người thì quý độc giả cũng làm ơn thực tế một chút, nghĩa là có gặp tôi thì gọi giùm cảnh sát. Quý vị cứ lo ngồi đó quán chiếu thì chỉ tội cho cái thân già của tôi phải ngủ dưới gầm cầu theo kiểu ngủ dưới hải đăng ngày trẻ!

NÓI NHỎ MÌNH NGHE

Như một hiệu ứng xã hội, tin tức về vụ lùm xùm của mấy vị sư Thái Lan gần đây coi như tràn ngập các báo VN, tôi chỉ biết báo Online. Từ việc một thầy trụ trì triệu phú xài tiền như nước, lạm dụng trẻ vị thành niên đến chuyện mấy chục vị hút chích ma túy. Đọc thêm phần comment của độc giả trong nước, tôi chột giật mình. Đã hơn hai tuần rồi, một khoảng thời gian khá dài cho dư luận, vậy mà chưa một tăng ni hay cư sĩ VN nào chính thức có một tiếng nói cho độc giả VN mà tôi nghĩ là rất cần thiết vào thời điểm này. Thử tìm cách gợi ý các vị tăng sinh VN đang du

học, thầy nào cũng lu bù sự vụ. Có vị còn trả lời, sư rảnh thì viết đi. Một câu nói hiểu sao cũng được. Nghĩ mãi, tôi lén uống vài giọt mật gấu để ngồi vào bàn viết. Chỉ đơn giản viết lại vài điều mà rất nhiều người VN đã biết nhưng không ít người xứ mình hình như chưa biết.

Có lẽ lúc này ta nên nhắc lại một gợi ý nhỏ. Sống trong đời sống, cần có một cái nhìn. Tôi muốn nói một cái nhìn tích cực. Chẳng hạn thay vì trách bên hoa sao lại có gai thì ta nên vui vì bên gai mà vẫn có hoa. Đại khái vậy. Tôi tin kiểu nhìn đó chắc chắn có lợi cho ta và cho đời hơn. Trong bài viết này tôi chỉ muốn nói về chuyện phải hiểu sao về các nhà sư trẻ đang có nhiều vấn đề ở các xứ Thái Lan, Miến Điện. Với các vị trẻ tuổi tu học ngon lành thì từ lâu tôi chỉ biết cúi đầu vô ngôn.

Cách nghĩ của một người Thái, Miến, Lào, Khmer, Tích Lan về nhà sư theo tôi biết là không giống như các dân tộc khác. Ở mấy xứ tôi vừa nhắc, bên cạnh những nhà sư dành suốt một đời cho lý tưởng cầu đạo giải thoát một cách đúng nghĩa, số này chắc chưa đến một nửa, phần lớn còn lại là những người xuất gia như một hiện tượng xã hội, văn hóa.

Tôi đang lêu lổng, bà nội khóc quá, muốn tôi đi tu ít lâu cho bà nhìn thấy trước khi mất, thế là tôi đi. Tôi đang hư đốn, mẹ hứa cho tôi món gì đó đắt tiền mà tôi thích, với điều kiện tôi vào chùa ít lâu. Đó cũng là cái cớ để tôi thành nhà sư trong vài tháng, như đi làm vậy. Tôi chẳng hiểu biết gì Phật Pháp, nhưng thấy mấy cô gái tôi thích cứ có vẻ cảm tình với mấy chàng từng đi tu, ngó đạo đức hơn, thế là tôi đi tu vài tháng.

Trong dòng họ tôi, thế hệ nào cũng có nam giới đi xuất gia và trong làng tôi trường hợp đó nhiều lắm, thế là tôi cũng có thể trở thành nhà sư cho bằng chị bằng em. Kể cho đủ, chắc phải đến 1001 lý do kiểu vậy. Và một điều quan trọng nữa, ngôi chùa hay hình bóng chư tăng trong tâm thức người dân các xứ Phật giáo Nam Truyền không quá xa lạ như với các dân tộc khác. Từ bé ai chẳng từng ăn uống, vui chơi, học chữ ở chùa. Bởi trường học và giếng nước của làng nhiều khi phải nằm trong đất chùa mới đúng điệu. Thế là anh đi.

Với những nhà sư kiểu này, vốn rất đông đảo, khả năng giám sát của giáo hội chắc chắn rất giới hạn. Giỏi lắm là trên mặt nổi mà thôi. Các tân sư thường chỉ được yêu cầu một ít chuẩn bị khá nhẹ nhàng. Biết sử dụng y bát, học thuộc ít

kinh tung để xoay sở mấy trường hợp cần thiết, ở đâu thì tuân thủ vài quy định sinh hoạt ở đó, biết lễ phép với vị nào trực tiếp giám quản mình, trước đám đông đi đứng chững chạc một tí. Với chừng đó điều kiện là đủ để làm nhà sư trong ít lâu rồi. Và cũng từ sự đơn giản đó, rất nhiều kẻ hờ nguy hiểm đã được các vị sư ngăn ngày này phát hiện và tận dụng triệt để nhằm nguôi ngoai nỗi niềm gì đó trong những tháng ngày ăn mày lộc Phật. Thế rồi khi một chuyện xấu của họ bị phanh phui, báo giới tranh thủ theo kiểu thương mại, người không cảm tình với Phật giáo thì qua đó tha hồ nghị luận phê phán. Phàm tâm lạ lắm, bên cạnh khuynh hướng phù thịnh bất phù suy (vui ké với người thành công, giầy xéo kẻ ngã ngựa), còn là thói quen ghen ăn tức ở để chạy theo đám

đông, mượn dịp thổ lộ ác cảm của mình, thế là nạn nhân của các vụ scandal chỉ có mà chết.

Có cho vàng cũng không ai dám lên tiếng bênh vực những vị sư đang gặp rắc rối với pháp luật và giáo luật, thương lắm thì cũng chỉ mũ ni che tai vậy thôi. Nhưng qua những gì tôi vừa thưa ở trên, nếu hôm nay có người hỏi tôi nên nghĩ gì hay làm gì với mấy vụ lùm xùm đó, có lẽ tôi trước sau chỉ có một câu trả lời: Trái hư thì sẽ tự rụng hoặc bị hái bỏ, quan trọng là rán mà chăm sóc thiệt đàng hoàng mấy trái còn lại, đừng để mất bò mới lo làm chuồng. Và rốt ráo nhất, thay vì chửi ai đó là sư hổ mang hãy dịu giọng lại để nói nhẹ nhàng rằng: Ít ra con rắn hổ mang đó cũng rán làm sư. Thêm một hình ảnh đẹp thì sẽ bớt được một hình ảnh xấu. Hình như là vậy.

Giữa lúc các tôn giáo trên thế giới đang tối mặt với quá nhiều vấn đề, nhịp sống hiện đại ngày càng đẩy tuổi trẻ toàn cầu vào những cuộc chơi thiếu tâm linh. Không thể chỉ trách họ, một phần trách nhiệm còn nằm ở những người có thể giúp họ mà không thêm giúp. Vô trách nhiệm là món nợ lớn nhất mà người lớn đang vay của tuổi trẻ các thế hệ sau. Có lẽ đây là lúc ta phải nhắc lại câu nói của TT Mỹ F.J. Kennedy rồi sửa lại một tí. Đừng hỏi tại sao chuyện đời lại như vậy, mà nên tự hỏi mình đã đóng góp được gì cho cuộc đời để nó tốt hơn. Nói gọn một chút, đời sống phải là hành trình của những câu hỏi và lời đáp. Ta không thể vô tâm đánh giá mọi sự theo cách mình thích, mà phải đánh giá mọi sự theo đúng cách mà nó đang là.

Muốn làm được chuyện đó, trước điều gì người ta cũng cần có một câu hỏi: Tại sao (why) nó lại thế ? Rồi tìm hiểu một cách nghiêm túc.

Tôi dốt đặc, không phải vờ khiêm tốn, nhưng xin rút gọn bài viết này bằng một công thức. Một đứa bé tám tuổi biết đặt những câu hỏi hay, coi như nó đang trưởng thành. Một người tóc bạc không biết làm những câu hỏi, thì coi như đang cải lão hoàn đồng theo nghĩa xấu nhất. Ở đây công thức được phát biểu là : $\text{Eight (8)} + \text{Y (đọc là Why)} = \text{Eighty (80)}$. Từ đó suy ra, một người tám mươi tuổi (eighty) không biết đặt câu hỏi sẽ thành ra đứa trẻ lên tám. Công thức là: $\text{Eighty (80)} - \text{Y} = \text{Eight (8)}$. Xin hẹn gặp lại ở bài viết sau, chủ đề là Khi Thằng Dốt Bàn Về Giáo Dục.

Bangkok, ngày giỗ cha 13.7. 2013

OSANGA

Vào Facebook mới hay sư đã về Châu Á hơn tháng rồi, tôi bỗng ghen tỵ với sư. Có người sao đi đúng dễ dàng đơn giản quá vậy, xách túi là đã ở trên đường. Có người muốn đi phải toan tính trừ bị đủ thứ, rồi giờ cuối chưa chắc đi được. Tôi gửi sư mấy chữ hỏi thăm, chủ yếu muốn thêm vốn liếng cho một chuyến đi nào đó của mình sau này.

Sư đang loay hoay với mấy chỗ trọ học, nơi thích thì không được ở, chỗ được ở thì lại không thấy thích. Internet lúc có lúc không, vậy mà cũng rần tranh thủ trả lời đầy đủ mấy câu hỏi của tôi. Lạ

một điều là tôi thấy ở cuối mỗi email, sư không dùng tên cũ, mà thay vào đó là một cái tên lạ hoắc. Cứ như ai đó, không phải sư. Ủ, tôi nhớ rồi, cái tên Osanga. Tôi có đọc về sư huynh của ngài Thế Thân (Vasubandhu), tác giả bộ luận Câu Xá, là ngài Vô Trước (Asanga) nên cứ tưởng sư thích cái tên đó nhưng viết lộn. Mà sao lộn hoài được chứ, cả năm bảy email đều viết vậy. Trong email gần đây nhất, tôi hỏi sư chuyện đó.

Câu trả lời của sư làm tôi tá hỏa:

- Sư không hiểu chỉ vì cái sở tri chướng, vướng kẹt trong điều đã biết. Cứ hồn nhiên như trẻ con sẽ vào được nước Chúa. Đạo hiệu Asanga cao siêu lắm, tôi làm sao dám mơ tới. Osanga đâu phải tiếng Phạn gì đâu, là tiếng Việt đấy.

Osanga là Ở-Sân-Ga. Tôi chưa muốn

về nhà, còn muốn đi thêm ít lâu. Kiểu nhà
tôi yêu nhất đến giờ vẫn là nhà ga !

PATIN

Tôi vừa trở về từ một chuyến đi xa vài hôm. Một cách nói thiệt đẹp, là đi hoằng pháp độ đời, dù rõ ràng suýt nữa bị đời độ. Đây ắp mười tiếng đồng hồ ở đó là những tái ngộ, sơ ngộ và cả hạnh ngộ. Gặp lại dăm gương mặt quen cũ, biết thêm vài gương mặt mới, và nổi bật là em, một người mới gặp lần đầu. Mát lạnh mà cũng se sắt, đại khái như một làn gió độc. Tôi trúng gió và chỉ có một mình.

Đêm đầu tiên trở về nhà, giữa khuya khoắt, một mình trên chiếc giường nhỏ xíu, nơi bỗng nhiên là cõi chiến trường với một lực lượng không cân sức. Ta yếu địch

manh, hỏa lực được điều động ở mức hy sinh. Kinh vẫn được huy động khẩn cấp, ào ạt, vậy mà nhiều lúc cứ tưởng phải xài tới cò trắng. Kinh Bảy Mồi được đưa lên tuyến đầu. Có bốn bảy nai từ rừng về làng: Bảy một say mồi quên lối về rừng, chết sạch. Bảy hai lánh hẩn nhân gian theo cách nghĩ cực đoan, lúc đói quá bầm bụng mò về và thiếu cảnh giác, sập bẫy không thoát một con. Bảy ba khôn ngoan biết rút lui trước khi sập bẫy, nhưng chỗ ẩn nấp lại nằm trong vùng không an ninh, cũng lần lượt có đi mà không về. Bảy bốn tinh quái nhất, biết ăn mồi chừng mực và chỗ giấu mình nằm ngoài tầm kiểm soát của thợ săn. Mình thuộc bảy nai nào đây? Chịu!

Bỗng nhớ một bài báo vừa đọc cách đây không lâu. Trong đó đăng tin một chiếc phi cơ không bung được bánh đáp, phải

hạ cánh bằng bụng, thập phần nguy hiểm, may mà phút cuối vạn sự an lành. Rõ ràng, khi bánh đáp không mở được, người ta chỉ có thể có hai liên tưởng: Hoặc là đáp bằng bụng, một chuyện liều lĩnh chỉ mới nghĩ đến đã nghe lạnh người, hoặc là bay mãi trong không gian, nhưng đó lại là điều bất khả. Phật dạy chúng tôi cứ như một cánh chim trời: Bình bát là chiếc mỏ kiếm ăn và lá y là đôi cánh. Nhưng so với chiếc phi cơ, chẳng ngờ chúng tôi lại có điểm tương đồng: Tuy là những cánh chim trời, nhưng chúng tôi phải tuyệt đối tuân thủ những nguyên tắc an toàn như một chiếc phi cơ. Cát cánh hay hạ cánh đều phải tuyệt đối chính xác và an toàn. Sai sót một li, người đi không về. Trên từng bước hành đạo và hoằng đạo, chúng tôi có thể bỏ mạng chỉ vì một lí do nhỏ xíu. Vậy mà trong chuyến

bay vừa rồi tôi gặp em. Và em như một làn gió độc, mong manh mà chết người. Em không hề ngờ rằng chiều nay tôi về giữa lúc vừa trúng gió mà không có nổi một bè bạn. Tôi đã như một phi công bạt mạng hạ cánh cô đơn trên một phi đạo không đèn. Gian phòng đọc sách của tôi mọi khi ấm cúng quá chừng, nhưng đêm nay, lần đầu tôi chợt nhớ ra là bức tượng Phật ở đó bằng đồng. Lạnh ngắt và xa lạ!

Tự thấy đang ở thế bị động nguy hiểm, tôi tung chăn rời giường đi tìm thêm quân lương, sách lược. Ngang qua chỗ để cái TV, chẳng biết cái gì xui khiến, thò tay bấm nút mở. Một sân băng ngút ngàn, trắng xóa, với một bóng người đang xoay tít trên đó. Thon gọn, rắn chắc, uyển chuyển mà mạnh mẽ. Ngồi xuống mà xem, quên mất vì sao mình ra đây. Trời sao giống

hoàn cảnh của mình quá vậy!

Bên dưới mũi giày của cô bé trên đó là một mặt băng trơn khủng khiếp. Nó được tạo ra từ nước, vốn không phải cho những bám víu lâu dài. Ai trên đó cũng phải di chuyển liên tục, càng nhanh càng tốt. Xê dịch, lìa bỏ, dứt khoát, ngắn gọn...Đứng lại chỗ này, rõ ràng là một sự cố, một sự bất thường, kể cả bất tường. Dừng lại là té ngã, là tai nạn, là xây xát, là đau đớn. Phải đi tới, không được ngừng lại, trừ phi bước khỏi sân băng, bỏ lại cuộc chơi. Nhưng động tác rời sân cũng phải đúng điệu, ai cũng có thể té huỵch trong giây phút chỗi từ sân băng. Vì bản chất của nó là nước, là bất trắc, không thể tin cậy.

Xin cảm ơn em, người đã cho tôi cậy nhờ vài tiếng đồng hồ để làm một cuộc trầm luân thơ mộng trong tâm tưởng.

Xin cảm ơn cô bé trên sân băng đã bày tôi một kỹ thuật sống đời. Ai cũng là người ơn của tôi.

Tôi trở vào ngủ lại và trong cơn mê chập chờn, bỗng thấy em bỗng bênh trên một đám mây trắng, bay lướt ngang tôi với một nụ cười đẹp không chịu nổi: Con nè sư, con đùa thôi, nhưng sư đã thắng. Ai cũng chỉ là kẻ bên đường, về tới cuối đường thì ai cũng còn lại một mình sư ơ!

Tiếng chuông điện thoại reo giữa đêm, tôi liếc nhìn dây số mới thấy lần đầu và biết là đã đến lúc mình tập trượt băng. Tôi nghe đau nhiều nơi ngực trái. Mà thôi. Băng rồi sẽ tan, gì rồi cũng tàn. Tôi đã quá sợ những chuyến bay mù mịt, và có lẽ suốt đời vẫn sợ hoài những phi đạo không đèn. Và dĩ nhiên, cả những buổi chiều nhiều gió.

PHIÊU PHONG

Trăng đã ngang đầu núi. Trời như thấp lại với những cụm mây đen nặng nề. Dưới kia là con đường lớn dẫn vào thị trấn. Quạnh hiu. Gió nhiều, mang theo đó những bụi bặm và một làn mưa phùn rất nhẹ chỉ có thể cảm nhận được trên da người. Đây đó thỉnh thoảng vài ba bóng người với khăn nón kín đầu. Họ bị lạnh, những người khách dạ hành kia. Nó thì không. Nó đi như một làn gió. Nhẹ nhàng và không bị ngăn trở. Hơi nước từ những cơn gió làm nó cuộn lên một nổi thèm. Nổi thèm chết người được. Nó khát nước và chỉ mong được uống dù chỉ một

giọt sương đêm đọng trên lá. Nhưng thật thắm, nước với nó chỉ là một khái niệm. Nó nhớ lại cuộc gặp gỡ với vị du sĩ trên đường chiều nay. Cả hai có vài điểm tương ngộ. Không tài sản, không mong cầu và không vội vã. Chỉ khác nhau mỗi một điều duy nhất. Vị du sĩ đang thanh thản uống một vốc nước lược ra từ tấm vải lọc. Đó là việc duy nhất mà nó mong mỗi nhưng không sao làm được. Nước đối với nó chỉ là một khái niệm. Nó lặng nhìn vị du sĩ. Bao lâu nay nó chưa từng nhìn thấy một người nào có ánh mắt như thế, phong thái như thế. Cao cả, từ tâm và có thể tin cậy. Nó đến gần bên cạnh, nhưng vị du sĩ cơ hồ không hay biết gì.

- Ngài đang uống nước ? Có thể cho con một chút được không ạ ?

- Ai đấy ? - Vị du sĩ khẻ khàng nhìn quanh.

- Thưa, là con đây, con muốn xin ngài một ít nước để uống...

-Ồ, lạ thật, ta có thấy ai đâu, nhưng nước đây, trong chiếc bầu của ta vẫn còn một ít đấy !

Nó mừng rỡ, dốc ngược chiếc bầu vào lòng bàn tay của mình và ghé môi. Trời ơi, vẫn cái vị đắng tàn nhẫn đó. Đắng ngắt và sền sệt, không nuốt được. Nó bật khóc. Những giọt nước mắt mặn như muối chảy xuống môi nó. Nó nghe vị du sĩ chắc lưỡi :

- Ta hiểu rồi, oan nghiệt, bao lâu rồi nhỉ?

- Thưa, con cũng không nhớ nổi, chỉ nhớ được rằng ngày xưa ở đây có một dòng sông bên lở bên bồi. Ở đây là bên bồi, rồi dòng nước cứ vậy mà xê dịch và bây

giờ nó đã nằm bên kia như ngài thấy đấy.

- Và người đã chịu vậy từ đó đến giờ ?

- Vâng ạ ! – Nó gật đầu, buồn thiu.

- Có biết vì sao chứ ?

- Thưa, chỉ mơ hồ qua những điều nghe thấy trong nhân gian. Con xin được ngài từ bi khai điểm ạ !

- Lòng người như bàn tay, khi cố ý nắm chặt cái gì thì không sao đón nhận được thứ khác. Hãy biết tháo cởi, buông bỏ, mở rộng cho nhẹ nhàng. Mọi cảm giác chỉ là mù sương. Hãy tụng đọc thứ thần chú này. Giờ sắp tối rồi, ta phải đi đây !

Nhìn vị du sĩ phát áo đi về cuối đường, nó quên hẳn cơn khát và bất giác chấp nhẹ hai bàn tay, một động tác mà nó chưa từng thực hiện từ ngày ấy.

Suốt mấy mươi năm trời, hấn vào ra ngôi dinh thự đồ sộ ấy. Những hàng cột bằng gỗ quý đen bóng trên một nền đá hoa tuyệt đẹp. Những chiếc độc bình cao ngang đầu người, những bức tượng hiếm quý mà kẻ ăn người ở cũng ngại chạm tay vào. Trân ngoạn trong nhà hấn nhiều như hàng chợ. Mỗi bữa ăn của hấn có giá trị bằng số tiền mua một nô lệ. Từ bé, ngoại trừ bản thân mình, hấn chưa thương yêu được một người. Bao nhiêu tâm tình hấn đều dồn hết cho những thỏi kim loại màu vàng lấp lánh chất đầy mười chiếc rương gỗ và mấy chiếc tráp cất giấu những viên đá kỳ lạ luôn chiếu ngời khi gặp ánh sáng. Nhiều đêm hấn thức đến tận khuya để ngồi đếm và ngắm nghía chúng.

Một buổi trưa nắng nóng như nung người, đang ngồi cho mấy cô tớ gái quạt

hầu, hần bắt chợt trông thấy hai người hành khất có vẻ như hai mẹ con, áo quần rách nát cùng bị gậy trên tay, đang ghé vào trước cổng nhà hần. Sau khi nhìn vào nhà và chấp tay vái liền mấy cái, người đàn bà đến bên mấy chiếc vại lớn bằng đất nung đen bóng màu da lươn đặt trên sân và đưa chiếc chén mẻ vào đó múc lấy nước uống. Nhìn dòng nước mát chảy trên ngực áo bẩn thỉu của hai người hành khất, hần bỗng dưng cau mày rồi như nghĩ ra điều gì, hần đứng dậy, bước ra hiên nhà quát lớn :

- Dơ dáy không chịu được, cút xéo, không biết phép tắc gì cả, cút !

Người đàn bà hoảng hốt nắm lấy tay con bước nhanh ra cổng. Chỉ tội nghiệp thằng bé dường như vẫn chưa hết cơn khát thì đã bị mẹ kéo đi. Nó ngơ ngác quay

nhìn vào nhà hắt như chưa kịp hiểu vì sao hai mẹ con lại bị xua đuổi.

Bóng hai mẹ con người ăn mày chưa khuất trên con đường bụi, hắt đã lớn tiếng gọi mấy gã người làm ra sân đổ hết số nước còn lại trong mấy chiếc vại sau đó cọ rửa sạch sẽ rồi đem cát hết vào kho. Một anh người làm có vẻ thắc mắc :

- Thưa ông chủ, lão gia lúc sinh tiền muốn đặt mấy vại nước trước sân là để những người qua đường có nước dùng. Thế sao nay ông chủ lại....

- Không cần hỏi gì hết - Hắt nạt ngang- Đây đâu phải là chợ để ai muốn ghé thì ghé. Thứ quân rác rưởi tanh hôi ấy nhìn mà muốn mữa. Khi thì hai người, lúc thì năm ba người kiểu ấy, ta không chịu được nữa. Có muốn uống nước hay gì ấy thì cứ ra ngoài sông, ngoài suối, đừng vào đây

làm bản mặt người ta !

Hắn sống như thế đến năm bảy mươi tuổi. Rượu quý từng bữa chảy tràn trên mâm ăn của hắn, nhưng một giọt nước lã giúp người vẫn không ra được đến cổng nhà. Thế rồi đêm kia, sau một bữa no say và được cô hầu trẻ nâng giấc, hắn ngủ vùi và không bao giờ dậy nữa. Một miếng đờm chặn ngang khí quản chẳng hiểu sao cứ làm hắn thấy như bị ai bóp cổ. Hắn cố sức đẩy nó ra, nhưng bất lực. Hắn đuối sức và nghe chân tay lạnh dần. Trong cơn hoảng loạn mịt mù của tâm thức, hắn cứ thấy một hàng chum vại bị lật úp trên sân. Ngạt thở và khô cháy cả cổ họng, hắn ra đi khi cô hầu vẫn đang ngon giấc bên cạnh và dĩ nhiên không hay biết gì.

Như vừa choàng dậy sau một giấc ngủ mệt nhọc, nó thấy mình đang đứng ở đầu giường và lạ chưa, bên cạnh người con gái trẻ đang nằm ngủ kia là một thân người già nua nửa lạ nửa quen. Là chính nó đấy chẳng ? Không thể được. Nó đang là người đứng nhìn kia mà. Là một người khác chẳng ? Sao lại thế được. Nó cứ mơ hồ thấy ra một cái gì rất gần gũi thân quen với hình hài đó. Nhưng sao cũng được, cái quan trọng nhất với nó lúc này là cơn khát nước. Nó đến bên chiếc bàn gỗ quý chạm trổ có đặt sẵn một mâm trà với đầy đủ ấm chén. Bình trà như chỉ mới với đi một ít. Nó rót ra chén. Một thứ nước sền sệt và đắng ngắt. Nó đi quanh nhà để tìm nước uống. Ở đâu cũng là thứ nước quái quỷ đó. Nó bước ra sân và nghĩ đến mấy vại nước mát lạnh ở đó. Nhưng trên sân bây giờ

không còn một vại nước nào. Nó lên tiếng gọi người nhà. Không một lời đáp. Cả bước chân của nó bây giờ hình như cũng không hề gây ra bất cứ tiếng động nào. Mơ hồ hiểu ra một điều, nó hoảng hốt. Quơ quào tay chân, nó thảng thốt khi thấy mình không hề gặp phải một vật cản nào. Chỉ sau mấy bước chân, nó nhận ra là mình vừa đi xuyên ngang bức tường nhà kiên cố. Nó lao mình vào bóng đêm. Nó đi tìm nước uống và cũng để chạy trốn chính mình. Nó chết khát và đã đi tìm nước suốt chừng ấy cuộc biển dâu của núi sông tang hải.

Bao người thân quen của nó ngày xưa đã lần lượt theo nhau về đất. Xương thịt họ biến thành cây cỏ đất đá. Bao nhiêu gia tài sự nghiệp cũng theo khói theo mây. Bao nhiêu thế hệ tiếp nối nhục vinh sinh

tử trên mảnh đất này trong sự chứng kiến của nó. Nó đã bao lần tận mắt nhìn thấy trong những giếng lạn, mồ hoang những thỏi kim loại vàng chóa, những viên đá lấp lánh ánh sáng, những món trân ngoạn tùy táng được bao người thiên hạ dốc sức kiếm tìm , mơ ước. Với nó bây giờ những thứ đó là vô nghĩa. Trong cơn chết khát lịm người, đôi lúc nó vẫn nhếch cười méo mó khi thấy bao người sống chết giành nhau những miếng kim loại màu vàng kia, hay chỉ một mảnh vụn đá màu mà họ cho là ngọc quý ấy. Có đáng cười không khi nó thèm khát từng giọt nước mà thiên hạ vẫn dùng để rửa chân mỗi ngày, và họ lại ao ước có được những vàng ngọc mà nó vẫn nhìn thấy hằng bữa, thậm chí không còn nước bọt để nhổ lên đó !

Nó gập lại vị du sĩ lần thứ hai trên ngọn đồi cạnh bờ sông, cũng vào một buổi chiều muộn. Ngài như có vẻ muốn qua đêm ở đây. Nó mon men đến gần. Không đợi nó lên tiếng, vị du sĩ hỏi lớn trong gió chiều :

- Muốn xin nước uống à ?

- Thưa không, con chỉ cần nghe và nhìn ngài cũng đủ rồi ạ !

- Muốn nhìn ta, cứ nhìn, muốn nghe ta nói gì, hãy hỏi !

- Xin hỏi vì sao con có thể chỉ nghe ngài đôi câu đã không thấy khát nước ?

- Ô, có thể do người đã thấy được cái gì là giả vọng !

- Thế xin hỏi ác nghiệp đời trước của con là giả hay thật ạ ?

- Tùy cách nói !

- Con xin vô phép khi hỏi rằng mọi

người tham tài vì không thấy được những gì con thấy, nhưng con không hiểu tại sao ngài có thể nhìn thấy tất cả mà lại không tham ạ ?

- Họ tham vì họ thấy cần !

- Con thấy mình có nhiều điểm giống ngài : Lang thang, cô đơn, không sở hữu, thấy nhiều, biết nhiều, nhưng xin hỏi vì sao con không thể an lạc như ngài ạ ?

- Ô, ta chỉ khác người một chữ Tuy Nhiên : Ta không tài sản nhưng không phải nghèo, có thể thiếu nhưng không thêm khát, ta buông bỏ chứ không phải vứt tay, một mình nhưng không cô đơn. Có thể đó là lý do ta an lạc hơn người. Nhưng có bao giờ người hiểu rằng người thật ra vẫn an lạc hơn muôn người thiên hạ...khi họ thêm khát đủ thứ trên đời,

thèm khát đến tận lúc chết. Người thì không, người chỉ khát nước !

Nhìn bóng nó đổ dài bên sườn đồi, mong manh như một vệt khói run rẩy, vị du sĩ khoát tay :

- Luân lạc đã lâu, thế cũng đủ rồi. Nay duyên đã mãn, khá thoát luân hồi !

Ngài nói thầm thì như đọc chú. Nó cúi đầu và tan biến theo một làn gió thơm vừa thổi đến. Từ ấy mỗi sáng sớm thôn dân quanh vùng lại thấy một chú tiểu tóc đào theo hầu vị du sĩ khát thực. Chú đẹp lắm, nhiều người muốn lân la hỏi chuyện, nhưng bao giờ đến ngõ quanh sau ngọn đồi lau thì cũng chỉ còn lại mỗi vị du sĩ. Hỏi về chú, ngài chỉ mỉm cười.

PHƯƠNG TRỜI NÀO CHO EM

Một người quen vừa đi California về, đem đến biếu tôi một ít quà vật gồm chút trà và bánh ngọt. Món nào cũng có hộp đựng thật trang trọng, đẹp mắt. Tôi tháo ra từng thứ, muốn đi nấu nước để pha trà mời khách và cũng để nếm thử hộp bánh. Nhưng rồi tôi lại ngồi yên. Lý do ư? Tôi vừa nhìn thấy hàng chữ Quangzhou, China bên ngoài mấy hộp trà bánh. Quảng Châu, Trung Quốc, nơi có phi trường Bạch Vân (Baiyun) bụi nhiều như mây và cũng là một trong những trọng điểm kinh tế hàng đầu của Trung Quốc với vô số hàng hóa làm ra mỗi năm, từ hàng giả (nhái)

đến hàng dỏm (không đủ tiêu chuẩn). Đến sữa bột cho trẻ nít còn bị dư độc tố thì kể gì thức ăn cho người lớn. Ngán quá.

Theo thống kê của World Bank năm 2007, chỉ riêng tại Trung Quốc đã có đến nửa triệu người chết mỗi năm vì tình trạng ô nhiễm môi trường, từ các nguồn khí thải như tàu xe hay nhà máy công nghiệp đến những hóa chất độc hại được sử dụng bừa bãi trong nông nghiệp toàn quốc. Chính phía Trung Quốc cũng nhìn nhận từ hàng chục thước trên không đến mấy chục mét dưới lòng đất ở xứ sở này – khó tìm nơi nào không bị ảnh hưởng ít nhiều từ cái thảm họa môi trường đó. Hình ảnh những dòng nước đen ngòm hay một bầu trời xám xịt những bụi khói công nghiệp, từ lâu đã trở thành quá quen thuộc trong mắt người Đại Lục. Người ta

bảo đó là chuyện đương nhiên phải xảy ra, như là cái giá phải trả để nước này trở thành một cường quốc như Anh, Mỹ, Đức, Nhật.

Chuyện ô nhiễm ở xứ Tàu hình như không phải chỉ là mỗi vấn đề môi sinh, nó còn mở ra bao nhiêu điều phải suy nghĩ.

Ô hay, chuyện nước Tàu sao giống hệt chuyện riêng của từng người trên trái đất này hôm nay. Mỗi cá nhân luôn có những cái giá phải trả cho từng ước mơ của mình. Bản thân mỗi người cũng là một xứ Tàu, muốn trở thành hay có được cái gì đó thì anh phải thải ra bao nhiêu là khí độc, và phải sử dụng bao nhiêu là những độc tố chết người để rồi chính anh là người đầu tiên hít thở bầu không khí đó trước khi thiên hạ chung quanh gánh chịu những thứ do anh thải ra. Anh sẽ là sản phẩm

mà cũng là nạn nhân của môi trường do chính anh tạo ra.

Xin đừng quên rằng, từng hơi thở của anh luôn ảnh hưởng đến người khác. Tôi có nói quá lời đâu: Nếu anh sống bằng kiểu sống hại người, mỗi phút giây hiện hữu của anh là một cái họa cho người khác. Anh còn thở thì thiên hạ còn phải mệt dài dài. Còn nếu anh sống hữu ích, mỗi hơi thở của anh sẽ là một đóng góp cho đời!

Cái gọi là môi trường sống ấy thật ra rộng lắm. Nó không những là bối cảnh chung quanh anh, mà còn là bầu không khí riêng tư mà chính anh hít thở, tồn tại từng giờ nữa. Xin đừng nói với tôi là anh giàu có, mạnh khỏe và trẻ đẹp thì chuyện gì cũng ok. Một khi không có được cõi sống nội tâm ngon lành thì anh có đi đâu, làm gì, ăn gì, mặc gì...thì cũng không

chạy trốn được cái bóng hắc ám của mình. Anh có đi đâu cũng không trốn được cái bóng hắc ám của mình. Anh có đi đâu vẫn không sao trốn được tấm hình hài sắp già bệnh của mình. Không một phương trời nào có thể giúp anh trốn lánh được cái thế giới nội tâm nghèo nàn không đủ chánh tín, chánh kiến mà lâu nay anh cứ quên dòm ngó tới để chăm sóc, hàm dưỡng. Với nó, anh có đến bao nhiêu nơi chốn sang trọng, thơ mộng, lãng mạn trên hành tinh này thì cõi riêng của anh vẫn cứ là một góc tối đìu hiu.

Nói vậy có nghĩa là không chỉ những nhà hoạt động kiểu ông Al Gore mới là người bảo vệ môi sinh cho trái đất, mà đến cả những hành giả sống chánh niệm từng giờ cũng đáng gọi là những người đóng góp đáng kể vào môi trường sống

của nhân loại. Phật dạy đem vật chất của mình chia sẻ cho người khác là tài thí, nhưng đem lại sự an lòng cho người khác cũng là một kiểu bố thí khác, vô úy thí. Bằng vào cái từ trường của một lòng lành, ta hoàn toàn có thể tạo nên một môi trường sống an lạc cho kẻ khác. Biết rõ mình đang làm gì, nói gì để tránh những manh động nguy hiểm cho người khác thì có khác gì việc vun trồng những cội cây xanh cho trái đất chứ. Trái đất này rõ ràng đang cần đến những cánh rừng kiểu đó.

Thế giới hiện nay không hẳn là dễ sống hơn, hiện đại và tiện nghi đấy, nhưng anh có nhiều cơ hội đau khổ hơn, với hàng núi vấn đề của nó: Người ta dễ có điều kiện để bị trầm uất, điên loạn và dễ bỏ quên bản thân hơn, từ sức khỏe thể xác đến đời sống tinh thần. Kể cả hạnh

phúc gia đình cũng bị đe dọa nhiều hơn. Liên lạc nhau tiện hơn, nhưng lòng người cũng từ đó mà dễ ly tán hơn, thiếu kiên nhẫn hơn. Đi lại thoải mái hơn nên người ta cũng dễ rời xa nhau hơn. Người ta có thêm nhiều phương tiện để bày tỏ và thực hiện suy nghĩ của mình hơn, nhưng trong lòng người thì thường ác nhiều hơn thiện, thế là thiên hạ càng mệt mỏi hơn. Thế giới hôm nay đã là một môi trường sống cần được cảnh giác nhiều hơn. Bởi ở đây bây giờ độc tố nhiều hơn, rủi ro nhiều hơn, dù luôn có vẻ hấp dẫn hào nhoáng hơn.

Mọi sự chỉ còn trông cậy vào mỗi cá nhân. Tuy từng người chỉ là một hạt cát trong biển người, nhưng chính từng cá nhân mới là nguồn cội của mọi vấn đề trên thế giới. Chuyện tôi viết ở đây rõ ràng chẳng mới mẻ gì, nhưng hình như cái

thảm họa môi trường của hành tinh này thì ngày nào cũng có thêm những phát tác mới. Nguy ngập lắm thay!

Tôi không tin có một thiên đường kiểu như các chính khách vẫn hứa cuội, chỉ mơ có một ngày ở đâu trên trái đất này cũng có thể hít thở thoải mái an tâm, trà nào cũng uống được, bánh nào cũng ăn được và ai cũng tin cậy được. Mong thay!

Đại Liêu, Sept/20/09

QUÀ XUÂN CHO LỚP KINH TẠNG VIETHERAVADA

Trong lớp giáo lý, nhân nói qua các tôn giáo trên thế giới, sư phụ có nhắc đến đạo Baha'i ở Ấn Độ:

-Đạo này chủ trương có một đấng cha chung của muôn loài, nhân loại là con cái của Ngài, mọi người là bình đẳng và tôn giáo nào cũng là một phần lời dạy của ngài gửi xuống....

Một cô nổi tiếng lanh chanh chọt lên tiếng hỏi:

-Mình có thể nói đạo Cao Đài của Việt Nam tương tự đạo Baha'i không, thưa sư phụ ?

Sư phụ gật gù:

-Tạm cho là vậy cũng được...Nhưng về tên gọi thì người ta có đạo Baha'i, mình có đạo Batam cũng có thể nói là tương đương!

Cô học trò nhìn sững thầy, sư phụ thông thả như không:

- Người mình đọc ngoại ngữ thích bỏ dấu, nên đọc Baha'i thành Bà Hai. Còn đạo Batam là đạo Bà Tám, đạo riêng của mấy người thích nói nhiều !

Bà mẹ ngồi sau xe đạp cho cậu con trai chở. Thấy con hì hục nặng nhọc, bà xót xa và muốn con quên mệt nên hỏi đùa:

-Con nhỏ bạn của mày chắc chắn nặng hơn má, vậy mà hôm qua mày chở nó lên con dốc này thấy nhẹ nhàng lắm mà !

Cậu con trai hỏn hển quệt mồ hôi trán, trả lời từng tiếng đứt khúc:

- Dạ, chữ hiếu phải nặng hơn chữ tình chứ má !

Con thấy hầu hết thiên hạ có thể vì tình yêu với một người nào đó mà làm nhiều chuyện, thậm chí tự tử hay mất trí, nhưng không thấy ai vì lòng bác ái mà đánh đổi nhiều như vậy ạ ?

- Dễ hiểu thôi con, với phần lớn thiên hạ thì....người tình quan trọng hơn tình người !

Đệ tử hỏi sư phụ:

-Người xuất gia có còn tình cảm nam nữ không thưa sư phụ ?

-Ồ, đôi khi con ạ, như một kiểu tai nạn vậy mà !

-Nhưng so với cư sĩ thì tình cảm của tu

sĩ có gì khác không thưa sư phụ ?

Sư phụ gãi đầu, trầm ngâm một lát rồi nhìn quanh nói nhỏ:

- Người như mình thì trong chuyện tình cảm....sợ đổ bể nhiều hơn sợ đổ vỡ con ạ !

Anh bộ đội trong lúc nóng giận đã mắng ông tướng tư lệnh là đồ dốt, lập tức bị tổng giam với mức án 20 năm tù. Một phóng viên quân đội thấy mức phạt nặng quá, đã tìm hiểu và được giải thích:

- Vô lễ với cấp trên thì tối đa vài tháng tù giam, nhưng anh này dám nói ông tướng là đồ dốt thì gánh thêm tội tiết lộ bí mật quốc phòng, chưa bị bắn đã là quá nhẹ rồi !

QUAY ĐẦU LÀ BỜ

Đất thiên viện rộng hai mươi mẫu Tây, và ngẫu nhiên được phân đôi bằng một con suối mùa nào cũng chảy xiết. Thầy cho làm một chiếc cầu gỗ nối liền hai bờ, đặt tên suối là Vọng Tuyền, rồi gọi bên đây suối là Bến Mê, bên kia là Bờ Giác. Bến Mê gồm nhà bếp, phòng ăn, khách xá, nhà kho, phòng y tế. Bờ Giác gồm chánh điện, thiền đường, tăng xá, giảng đường. Những hạng mục bên này nghe thiêng liêng vậy, nhưng thật lạ, bên Bến Mê bao giờ cũng đông đúc vui vẻ hơn !

Thiên hạ nhiều người có vẻ rất thích thú với cách thầy gọi tên hai khu đất,

nhưng lâu ngày cơ hồ rất ít người còn nhớ tới ý nghĩa thật sự của hai tên gọi đó, chỉ xem chúng như những địa danh dân gian kiểu làng mơ, xóm mận.

Hôm đó ngày Chủ Nhật, sau buổi thiền tập đại chúng, thiền sư rảo quanh thiền đường thấy vắng hoe. Hỏi thị giả, vị này trả lời tỉnh bơ:

-Thưa, sáng nay người ta qua Bến Mê hết rồi ạ, bên đó đang đổ bánh xèo !

(Chuyện Phiếm Thầy Tu 2)

RỒI MAI EM ĐI

Báo chí khắp nơi mới loan tin một vị cao tăng Việt Nam vừa mới viên tịch tại California. Bên cạnh chút ngậm ngùi như đã từng có với bao cáo phó khác, tôi chợt có thêm một nỗi riêng rất lạ. Cảm giác đó phải tới mấy giờ sau mới có.

Trời đã chớm lạnh từ mấy ngày nay. Mùa đông sắp về rồi, và một người già cũng vừa bỏ đây mà đi. Đêm một mình giữa bốn bề sách vở. Tôi liếc mắt vào mấy giá sách quanh phòng và se lòng một lát. Mình cũng đã nửa kiếp rồi. Nếu một ngày sáng đi mà chiều không về nữa thì chuyện gì sẽ xảy ra với mấy cuốn sách này nhỉ?

Tôi có một bức tượng của ngài Huyền Trang bằng đồng trắng, tuyệt đẹp, giá rẻ thôi, nhưng không phải có tiền là mua được. Ngài không phải đối tượng thờ cúng của thiên hạ nên hiếm người nghĩ đến việc đúc tượng vẽ tranh. Mai này nếu tôi đi không về, người khác biết có giữ lại bức tượng hay đem bán đồ tháo như một món đồng nát. Tôi nhớ xưa giờ thiên hạ thường e ngại với đồ cũ của người chết. Trừ khi đó là một danh nhân hay món đồ kia quá đắt giá. Tôi và bức tượng ngài Huyền Trang không nằm trong số đó.

Ở Mỹ có nhiều cái vừa hay vừa...hình như dở. Một người ra khỏi nhà luôn có thể không còn dịp quay về nữa. Mình có chuyện gì thì người ta đưa thẳng vào bệnh viện hay nhà tù, không có việc quay lại nhà mình làm gì, dù chỉ một phút. Ai trên

xứ Mỹ cũng có thể là một Kinh Kha bên bờ Dịch Thủy. Chẳng cần là tráng sĩ cũng một đi chẳng về. Vì cái chết là Tần Vương, là bạo chúa. Và nước trên sông đã trôi đi thì chẳng quay về bao giờ.

Mọi thứ tôi có được, suy cho cùng, chỉ là những thứ phải bỏ lại. Ai cũng biết nói danh lợi là phù vân, hay gì cũng là bè cỏ sang sông. Nhưng tận đáy lòng, mỗi người có thật sự nghĩ như vậy không? Cứ nhìn cách thiên hạ đối nhân xử thế thì biết. Nhìn kẻ khác nằm xuống, ai cũng lén nghĩ còn lâu mới đến phiên mình. Dù sự tự tin đó tuyệt không có chút gì làm bảo đảm.

Tôi chợt nhớ mấy câu nói của một bà cụ Phật tử. Sư biết không, mấy người là bác sĩ luật sư gì đó nhiều khi không có nhiều hột xoàn như mấy bà tiểu thương. Hoặc là ăn học cao nên sở thích trên mây, hoặc là

chỉ lo gửi tiền vào nhà bank để tiện dụng. Nữ trang của mấy bà ăn học cao nhiều khi chỉ là đồ nhựa. Còn dân tiểu thương thì đơn giản lắm: Bà có tiền thì bà đeo đồ đắt tiền cho sướng. Hộ xoay càng bự thì tương lai mình cũng chắc ăn hơn. Nhưng có nhiều bà chỉ mua mà không dám đeo. Họ sợ cướp. Đại khái, tôi ngầm hiểu là bà cụ muốn nói tôi nghe về một chân lý là đừng xem thường dân tiểu thương. Tôi chợt dạ...

Chuyện tu hành hình như cũng vậy. Lắm khi nghiên cứu cao siêu mà nội lực tu hành toàn bằng nhựa. Trong khi đó nhiều bà cụ sang Mỹ rồi vẫn gói bánh bở mỗi để có tiền gửi về làm phước bên Việt Nam. Tôi nghe nói ngày xưa đi biểu tình chống ông Diệm, mấy bà già trầu thường liều mạng nhất. Trong mắt người học Phật

sơ cơ thì các cụ có vẻ chỉ là Tiểu Thương, thậm chí Tiểu Thừa, nhưng lòng họ đơn giản lắm và lắm khi Đại Thừa ngút ngàn. Họ gần chết nên minh triết hơn, hay là vì họ đến với Phật qua con đường đơn giản nhất nên không gặp nhiều vấn đề như các học giả?

Mấy lúc sau này tôi thường tự thấy mình đã già nên hình như cũng hiểu các cụ nhiều hơn. Phật Pháp đôi lúc cũng nên ngắn gọn một chút, chẳng hạn chỉ một câu nói: Sống sao để không sợ chết, hoặc sẵn sàng để ra đi bất cứ lúc nào. Đừng mặc cảm chi những tiểu thương, tiểu thừa. Có được hột xoàn cỡ bự thì ngon lành rồi. và nếu được, cũng đừng khoe mẽ làm gì, coi chừng bị cướp. Hãy nhớ lời ông Trịnh Công Sơn: *Tự mình biết riêng mình và ta biết riêng ta!*

SÔNG NẮNG VƯỜN XUA (GỬI MẸ BÊN KIA ĐỜI)

Mẹ mất rồi. Nghe được tin đó từ bên nhà, suốt mấy giờ đồng hồ tôi chỉ nghe thấy bên tai mình ba chữ đó. Tôi ra sau nhà cắt vội mấy nhánh hồng rồi vào thắp hương trên bàn Phật. Tôi quỳ xuống nhìn lên pho tượng và lạ lắm, chỉ thấy phản phát ở đó gương mặt của mẹ. Bà đang nhìn tôi và tôi như nghe rõ ràng một câu nói: Mẹ bình yên rồi, sự đừng buồn. Một chút tàn nhang rớt trên lá y tôi vẫn không hay...

Tính đến tháng tư năm này, tôi tròn 41 tuổi, xa mẹ vừa vặn 11 năm. Mẹ còn,

không thấy gì đặc biệt. Những khi nhớ, chỉ nghĩ đơn giản là thiếu gì dịp gặp lại, dù nói thiệt, tôi cũng không biết đó là dịp nào. Chẳng biết vì sao cứ nghĩ đơn giản là mẹ sẽ còn đó hoài hoài để chờ mình về. Rồi thì bữa nay mẹ đi mất, tôi giật mình thấy sao có thể hồn nhiên vậy. Mẹ như dưỡng khí, thở suốt một đời hiếm khi nhớ mình thở bằng gì. Khi bị ngạt thở mới chịu nhớ vì đâu mình sống được. Mẹ xa rồi người ta mới hiểu cái gì là thiêng liêng nhất đời. Cảm giác mồ côi mẹ giống cái chết ở chỗ mỗi đời người chỉ có một lần, khi hiểu được thì xong rồi, chẳng còn dịp kinh nghiệm lần hai để mà chuẩn bị tinh thần!

Buổi trưa ra sau nhà nhìn xuống mặt hồ mênh mông. Thiệt lạ, tôi nhìn từng đợt sóng lăn tăn trên hồ mà cứ tưởng như đang thấy lại dòng sông quê cũ năm nào,

nơi một phần tuổi thơ của của tôi từng nằm lại đó. Tôi như nghe lại cả tiếng còi tàu ban trưa từ một còi nào thật xa vắng, có mẹ tôi bên một bờ lá điều hiu và một mảnh vườn con hững hờ vàng với vài ba cây ổi sủ. Giờ thì mẹ đâu còn nữa. Gì cũng chỉ là một còi ký ức nhói đau... Bao thú cao đàm khoát luận ở đời giờ chỉ còn là một trò chơi con trẻ, gì cũng không nằm ngoài một ánh mắt của mẹ ngày xưa...

Bỗng thấy cô đơn quá chừng. Sở tri Phật học cũng chừng đó, không khác đi, vậy mà lòng phàm vẫn cứ đau đáu. Vậy là Vu Lan này không còn bông hồng nữa rồi, chỉ còn là hoa trắng. Đơn giản quá, nhưng đau như một vết chém treo ngành.

Bỗng giận mấy người không biết thương mẹ. Chuyện của họ mà mình cũng giận được. Có ai biết tôi bây giờ có muốn

mượn tạm một bà mẹ của ai đó để mà thương cũng không được nữa. Mẹ tôi đi rồi. Bà mẹ nào khác trên đời với tôi lúc này nhiều lắm cũng chỉ là giống mẹ, không phải mẹ tôi. Nhiều khi mình coi thường những gì trước mắt, một đời kiếm tìm những thứ xa xôi cao vời, khi tỉnh lại mới thấy cái mình cần đã không còn nữa.

“Này các tử kheo, đây là thời điểm để các người tinh tấn tu học, khi mà tăng chúng chưa chia rẽ nhau, khi mà chuyện khát thực còn dễ dàng, khi mà nhân gian chưa lâm cảnh loạn lạc, khi mà tấm thân này còn khỏe mạnh vững vàng...” Trong nỗi đau nhớ mẹ, tôi bỗng nhớ lại bài kinh đó như một chút quà nhét vội vào tay nải của mẹ trước khi bà vĩnh viễn bỏ tôi lại mà đi.

Xin cúi đầu thăm tạ mấy người anh em trong nước đã tranh thủ cho tôi nhìn thấy lần cuối quan tài của mẹ trước lúc hỏa thiêu. Hãy biết tranh thủ thời gian trước khi chuyện gì cũng là quá muộn.

Tôi thức trắng để viết bài này như một món pháp thí gửi muôn phương. Một người đọc hiểu thôi, coi như tôi vừa bòn chút công đức để mẹ tôi có cái cầm tay trên đường...Dù tôi vẫn tin trong trong chuyện tu hành, mẹ không đến nỗi là một người tay trắng.

Bốn đêm trước, mẹ còn bên đó. Đêm này mẹ ở đâu ? Cõi trầm luân nghìn trùng ở cả hai nghĩa đen và bóng. Giá có thể yếu mệnh để gặp lại người, con sá gì những năm tháng phù du....

SỐNG LÀ CHỌN

Hắn được một anh Tây ba lô truyền cho cái kinh nghiệm đắt giá mà lại không tốn nhiều tiền là chỉ cần hai cái chai nhựa rỗng, loại một lít, thì người ta có thể không bị chết đuối.

Sau ngày cưới, hắn đi Honeymoon với nàng và trên đường ra hòn đảo thơ mộng đã chọn, chiếc canoe tiện nghi của hắn đã va vào đá ngầm và sắp chìm. Hắn hét cô vợ trẻ mới cưới:

- Em đổ nước trong mấy cái chai ra để làm phao lợi, nhanh lên, phụ anh một tay!

Cô vợ có vẻ chần chừ ngần ngại, hắn quát mắt thét lớn:

-Em còn chờ gì nữa, trời ơi là trời, em muốn đứng đó chờ chết hả?

Cô vợ nhìn hẩn rồi buông một câu lạnh ngắt:

- Mình chỉ còn đúng 4 chai nước ngọt, em đang tính xem tụi mình nên chết đuối hay chết khát!

Đời sống hay cuộc tu, suy cho cùng, chỉ là những phút giây chọn lựa thông minh và quyết định đúng lúc, chần chừ là chết không kịp trối!

Toại Khanh
(Chuyện Phiếm Thầy Tu tập 2)

SƠN TĂNG VÀ SƠN TỰ

Tôi biết Thượng tọa hồi tôi còn bé tẹo, vào khoảng năm 1980, lúc tôi còn sống trong rừng Bình Sơn (Long Thành), và theo lời đồn đại thì từ thời cư sĩ, Thượng tọa đã là một trong vài ba cư sĩ thâm hậu có hạng về giáo lý A-Tỳ-Đàm. Sau này tôi chẳng ngờ có dịp sống gần Thượng tọa một thời gian. Lúc đó hình như chừng năm 1988, hay 1989 chi đó. Chúng tôi gặp lại ở chùa Lá Giang, gần tổng kho Long Bình. Có một kỷ niệm thật đẹp mà có lẽ bây giờ thượng tọa vẫn chưa quên. Trong vài tháng sống gần đó, tôi đã xin học riêng với thượng tọa phần Duyên Hệ của A-Tỳ-

Đàm, tức học về 24 duyên trong bộ Phát-Thú của tạng A-Tỳ-Đàm thay vì chỉ là 4 duyên như bên Duy Thức (Nhân Duyên, Cảnh Duyên, Tăng Thượng Duyên và Đăng Vô Gian Duyên). Lớp học chỉ có hai thầy trò: Thượng toạ và tôi. Nhớ có hôm đang học, trời nóng như thiêu, chúng tôi đã giải khát bằng thứ nước vừa quay từ cái giếng bếp đã cạn đến đáy, đục như nước vo cơm. Vậy mà mỗi người cũng nốc một tô đầy... Thượng toạ xuất thân con nhà binh, gì cũng ngắn gọn và dứt khoát, nhưng sống gần thượng toạ lâu ngày sẽ hiểu được cái gì là tình đồng đội. Lính mà. Dễ ăn, dễ ngủ, điều kiện sống ra sao Thượng toạ cũng hễ hà như một người lính phong trần. Từ thời cư sĩ, Thượng toạ nổi tiếng giỏi võ, giỏi toán, bậc thầy về cờ tướng, học gì cũng mau. Có lần tò mò, Thượng

toạ đọc chơi sách phong thủy và tử vi, chỉ trong mấy tháng đã có thể tróc huyết và chấm tử vi bằng cách bấm tay như một người khổ học mười năm. Có người xin học, Thượng tọa cười xòa. Gặp tôi thì nên hỏi học A-Tỳ-Đàm, lộn chỗ rồi. Nhớ lại mà thương. Hồi còn bên nhà, cứ gặp mặt Thượng tọa là tôi nhớ nhà sư Huệ Đàn văn võ song toàn trong Quán Chợ Đêm Khuya, một tiểu thuyết võ hiệp của Việt Nam. Bẵng đi mấy năm, vào khoảng sau năm 1990, tình hình trong nước tương đối dễ thở một chút, tôi chợt nghe tin Thượng tọa đã cùng vài ba huynh đệ trang lứa thực hiện một chuyến giang hồ vật từ Nam ra Trung rồi cả miền Bắc. Hành trang mỗi người chỉ là một bình bát, và trên chuyến đi có lúc phải ngủ ngoài trời. Cả bốn vị đều là những giảng sư uyên bác, nhưng

bồng nhiên cùng muốn im lặng để được đi, để thấy đạo không qua chữ nghĩa mà là những bước đi rất thực trên đường với biết bao ma chướng ly kỳ. Tôi đã không có duyên tháp tùng trong chuyến đi đặc biệt đó, nhưng lòng cứ thầm mong trong đời tu của mình ít nhất cũng có vài cơ hội góp mặt trong những cuộc đi kiêu đó để biết được phong vị độc đáo của cái gọi là hành cước du phương mà tưởng chừng chỉ có trong thời Phật từ mấy ngàn năm trước. Sau này lưu lạc xứ người, những lúc ngồi nhớ lại chuyện cũ bên nhà, tôi cứ thầm nguyện một cơ hội bằng vàng để tất cả huynh đệ ngày xưa cùng nhau tái ngộ trong một cuộc pháp du bên xứ Phật rồi nếu trời thương, là thêm một chuyến sang Tàu cho thoả mộng bình sinh. Cơ duyên mỗi thời mỗi khác, chúng tôi bây

giờ biết đâu lại có thể ước mơ chuyện đó...

Trước ngày xa quê ít lâu, nghe tin Thượng toạ đã được mời về làm trụ trì để trùng hưng một ngôi chùa trên núi Lớn ở Vũng Tàu đã hoang phế từ lâu. Tiếng là hoang phế nhưng theo tôi, đó là một trong những ngôi chùa thơ mộng bậc nhất của Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam. Khách xa có thể về chùa bằng xe hơi qua một sơn đạo thơ mộng chạy ngang Dinh Ông Thượng (Tây xưa gọi là Villa de Blanc, chỗ an trí và nghỉ ngơi cho các vua cuối cùng của nhà Nguyễn). Chánh điện của chùa nhỏ xíu như một cái am trên núi Cẩm, sau chùa có gốc Bồ Đề cổ thụ khá cổ quái. Nhưng cái độc đáo hạng nhất của chùa chính là những liêu phòng cất bên triền núi. Liêu nào cũng đơn giản với tường gạch và tôn xi-măng, nhưng đều có một

sân nhỏ ngo xuống biển Bãi Trước xanh ngắt một cõi trùng khơi. Từ chùa xuống biển có một con đường bậc thang dài hun hút làm từ trước năm 1975. Khách theo lối này xuống biển sẽ có dịp đi ngang qua một lô-cốt thời Pháp mà có thời là Tu Viện Chơn Không của Hoà thượng Thiền sư Thích Thanh Từ. Đúng là một cõi nhớ! Năm 1986, ở tuổi chớm lớn, tôi từng ngồi một mình ở sân trước một lầu phòng ở đây mà ngo trông ra biển...buồn muốn khóc. Lúc đó là mùa mưa, một người quen của tôi vừa xuống tàu vượt biển cách đó vài hôm. Tôi nhớ họ bằng một cảm giác thật lạ lùng mà sau này mới biết là có ít nhất hai người đã dùng cảm giác đó để làm thơ và gọi người ta là chị. Đó là chị trong Lá Diêu Bông của ông Hoàng Cầm và nhân vật chị khá bí ẩn của nhà thơ Nguyễn Bính.

Thượng toạ đã về làm phương trượng một nơi chốn huyền hoặc như thế. Và một vài hạnh tu đáng quý của Thượng toạ là biên soạn và ấn tống kinh sách. Bao nhiêu tài chánh có được từ việc bán sách lại được Thượng toạ cúng dường cho các chùa nghèo hơn chùa mình. Tôi phải mang ơn Thượng toạ khi nhờ Thượng toạ mà tôi vững tin rằng chẳng có gương lành nào là chuyện chỉ có trong cổ tích. Sau này có người quen về thăm Việt Nam, tôi vẫn giới thiệu họ về chùa thượng toạ với một kiểu quảng cáo nửa đùa nửa thật: Tiện như khách sạn, thơ mộng như cõi tiên, thanh tịnh như chùa, cao như núi và hoàn toàn miễn phí. Và điểm đặc biệt là hành giả tu Tứ Niệm Xứ có thể yên tâm khi ở trọ tu thiền vài hôm bên cạnh một học giả A-Tỳ-Đàm thâm hậu. Tôi không hề cường

điều tí nào trong lời mời chào ấy. Ở những kiếng chùa nguy nga như Ngọc Bích, Niết Bàn ở Bãi Dứa hay Thích Ca Phật Đài ở Núi Nhỏ không sao có được những đặc điểm mà tôi vừa kể. Bởi tất thảy đều sang trọng và xa lạ với những người yêu cõi tịnh...

Nãy giờ, tôi vừa kể lại một phần hồi ức của tôi về một nhân cách đặc biệt, một gương sống, một hạnh tu đáng lưu tâm, và về một cảnh chùa nên ghé. Mọi chi tiết đều là chuyện thật. Tôi vừa nhắc đến Thượng tọa Chánh Minh ở chùa Bồ Đề trên núi Lớn ở Vũng Tàu. Có điều đáng buồn là ngôi chùa núi vừa kể ở trên, sau cơn bão Durian vừa rồi đã gần như mất dấu. Vị sơn tăng trụ trì bây giờ biết làm gì để khôi phục mọi thứ hay lại một bát du phương như ngày cũ. Tôi tin Thượng tọa không phải là người gặp khó thì buông xuôi,

nhưng nếu chướng duyên lớn quá, ai biết được thượng toạ lại trực nhập cảnh giới Tỳ Đàm Tam Muội để an trú Vô Tướng Giải Thoát và quán chiếu rằng đạo tràng miên viễn thiên thu bao giờ cũng là cảnh giới nội tại, để rồi một bóng rời non theo đời mây ngàn hạc nội... Và như thế mai này khách viễn phương về thăm Vũng Tàu rõ ràng đã mất đi một địa chỉ khó tìm ở đâu...

FL mùa đông 2006

TẢN MẠN TÂM TU

Không học Phật pháp thì không biết đường nào để giải thoát, nhưng cái thấy trong lúc chứng ngộ – tuyệt nhiên không giống với những gì ta đã học. Tám bản đồ không phải con đường, càng không phải chỗ mình muốn đến. Nhưng bỏ mất nó thì có mà chết, mà ôm cứng lấy nó cũng chết. Muốn tu học ngon lành, hãy hỏi mấy em hướng đạo sinh cách dùng bản đồ.

Công đức bố thí giúp ta được giàu có, nhưng giá trị của sự giàu có không bằng một phần triệu của cái tâm bố thí. Dầu ta có giàu đến cỡ nào đi nữa.

Người tu hành phải biết sống vô sản, nhưng không tài sản chưa hẳn là sự tu hành. Cái tâm không tha thiết vật chất là tâm của hiền thánh, sự nghèo khó trong nỗi thèm khát nợ kia chỉ là đời sống của loài ngạ quỷ.

Người ta nói té ở đâu thì phải đứng lên từ chỗ đó. Mọi khổ ải trầm luân luôn bắt đầu từ sự có mặt của ngũ uẩn, nhưng không biết nhìn lại ngũ uẩn mà có thể giải thoát thì là chuyện xưa nay chưa từng.

Những may mắn ta có được bây giờ chỉ là quả lành từ quá khứ. Một người điên hay đứa con nít chỉ biết trái xoài trên tay, không biết phải làm sao để sau đó có thêm những trái xoài khác.

Thuyết Pháp và lập chùa là giúp người khác tu tập. Nhưng người làm hai việc đó thường rất dễ quên mình. Xưa nay kẻ

trúng số hiếm bao giờ là người bán vé số. Không hiểu tại sao.

Kẻ tu hành cứ lo đi đứng đây kia thì tâm tư dễ bị loạn động. Nhưng ở hoài một nơi coi chừng tâm tư tù đọng. Nếu phải đi, lòng cần như gió và nếu phải ở, tâm nên như nắng, đóm nắng bên thêm.

Giới luật là dây hàng rào bảo vệ người, đất và tài sản bên trong, chớ không phải để giam hãm, nhốt tù chủ nhân.

Ý nghĩa của chuyện tu hành là để bỏ được cái gì, không phải để có được cái gì. Hai động từ này đã thay đổi lịch sử Phật giáo.

Một sợi tóc hay chiếc lá me nhỏ xíu có thể khiến ta đắm mình trong một niềm vui hay nỗi buồn chất ngất. Vậy mà nhiều lúc đi ngang một ngọn núi hay hồ nước mênh mông, ta vẫn không có cảm giác gì

đặc biệt. Ở đời không có gì là nhỏ hay lớn tuyệt đối, cái cốt tử là lòng mình ra sao.

Đọc báo thấy sự ngoan hiền tuyệt đối của người dân Triều Tiên, rồi nhìn lại sự răn rấp của Phật tử và giáo dân một số nơi, nhiều người thấy tiếc đến nhói ruột. Ước gì kẻ lãnh đạo của bấy chiên lành đó biết tận dụng sự trung thành tận tụy kia một cách thông minh và thiện chí, thì chuyện tốt nào làm không xong chứ. Người ta chỉ biết chăn nuôi nhằm những mục đích rất nhỏ nhoi.

Trên mấy chiếc máy bay dân sự của Mỹ luôn có câu này ở lưng ghế trước mặt hành khách: Life Vest Under Your Seat. Phao cứu hộ nằm ngay bên dưới ghế ngồi của bạn. Ô hay, câu này nghe quen quen, hình như có một câu Pháp Cú cũng có nội dung tương tự!

Mấy chục tuổi đầu, một ngày nhận ra chuyện này lạ lắm. Một người thông minh và thiện chí vì tha đến mấy cũng mặc, cứ trao tay họ chút quyền lực thì hầu hết ai cũng đột nhiên ngu, ác, và tham giống hệt nhau. Khác biệt chẳng là hình thức biểu hiện. Tôi lạnh người khi tìm hoài đến giờ vẫn không thấy ngoại lệ.

Người cư sĩ càng ít hiểu biết giáo lý thì cơ hội làm nô lệ sẽ lớn hơn cơ hội làm đệ tử của Tăng ni.

Ở một số cửa hàng bên Mỹ, người ta ghi câu này trên cánh cửa phòng vệ sinh: No Merchandise Beyond This Point. Tạm hiểu là đừng mang hàng hóa vào đây, hoặc chuyện buôn bán là ở ngoài kia, không phải trong này. Trời ạ, lẽ ra câu này phải được treo ở nhiều nơi lắm.

Người ta ít khi có hứng thú với món

hàng mình đang bán, cần thứ gì tương đương thì vẫn thích tìm đến mua ở chỗ khác. Người tu học coi chừng mình cũng vậy, qua ngày dài tháng rộng không còn tin vào những gì mình vẫn rao giảng tuyên truyền. Đưa người vào đạo, còn mình hướng tâm về đời.

Buôn có bạn, bán có phường. Trong cửa thiên hình như cũng thế. Người tinh tấn hay giải đãi luôn đi theo nhóm, nhóm càng đông thì quan điểm của mình càng được củng cố. Cái bầy được nuôi dưỡng lâu ngày cũng thành ra một cái đạo chứ chẳng chơi!

Mọi kiến thức và suy tư ngoài kinh điển phải được quy chiếu trên kinh điển, nhằm chứng minh Phật pháp uyên nguyên, không phải những thứ có thể thay thế lời Phật. Vào youtube nghe Tăng

ni bây giờ thuyết giảng dễ thấy mọi sự đang đi ngược lại.

Người có nghe thấy chút ít về Phật, mỗi khi có chuyện đau buồn thì thường muốn tìm về bên chân Phật. Khổ nỗi có được mấy người lúc vô sự lại chịu nghĩ đến việc xây dựng một Phật giáo ngon lành. Thế là cái Phật giáo mà thiên hạ tìm đến lúc hữu sự chỉ là một biển hiệu mang tính biểu hiện.

Ai cũng sợ chết, sợ bị đoạ, nhưng kiểu sống của thiên hạ thì giống hệt như hai chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra. Dù chúng có thể đến ngay đêm nay hay sáng mai không chừng. Ngộ thiệt.

Lời dạy nguyên thủy của đức Phật rất thực tiễn, dễ chứng minh qua đời sống thực tế. Nhưng không hiểu sao người học Phật hôm nay lại chỉ dốc lòng tin vào

những điều huyền hoặc xa vời, và chê lời dạy thứ thiệt của Phật là tiểu thừa nhỏ bé. Sợ sách cần hay sao mà ngại nghiên cứu kỹ lưỡng một chút. Thời mạt thế rồi sao chứ!

Ăn gì cũng sợ dư mỡ, dư đường hay cao huyết áp. Vậy mà về tinh thần thì bất cần đến khó hiểu, ai nói gì cũng tin, cũng cố nhét vào óc như là lời thánh. Bảo là ngu thì giận. Người ta thương mình mà lại hận người ta. Thế có nên không?

Học vị hay bằng cấp trong đạo lẫn ngoài đời luôn rất cần thiết, nhưng nó là bảo chứng cho một trình độ kiến thức có thật, không phải cái có thể thay thế cho kiến thức mà mình chưa có. Không gì nguy hiểm cho bằng việc ngồi lên một phi cơ mà người lái không có đủ kiến thức của một phi công.

Kể viết bài này chỉ là một gã tục tử, chọn cách nói để chúng chửi, còn hơn là im lặng ồm ờ để mặc những điều trái khoáy mặc nhiên tồn tại ở đời. Viết xong có vì vậy mà chết cũng tốt hơn là sống trăm tuổi mà làm con hến vô tri, vô trách nhiệm.

Mong lắm vậy thay!

ÁO HẠ VÀNG - TÂM KINH THỜI ĐẠI

Nói y như trong kinh thì vạn hữu không gì là ngẫu nhiên. Mỗi cọng râu, ngọn cỏ hay từng con ong, cái kiến thấy đều do nhân duyên mà có. Ai người học Phật đều ít nhiều biết qua chuyện đó. Vậy mà có ai trong số này lại không một lần bất chợt đứng dưới hiên mưa mà bỗng nhiên nhớ về một chuyện xưa cũ càng không hò hẹn. Không phải ngẫu nhiên thì còn là gì nữa. Một câu hát băng quơ nghe được ở đâu đó, một gương mặt hay ánh mắt tình cờ bắt gặp trên đường nhiều khi cũng đủ làm một cái cơ để vực dậy một hồi ức tưởng như chẳng mắc mớ liên can gì hết. Kỳ thực,

từng cái xem chừng là ngẫu nhiên ấy cũng là một kiểu nhân duyên khác. Thiếu đi những thứ nhân duyên bất ngờ và đa đoan đó, biết đâu cuộc đời càng buồn thêm. Cuộc đời là một tuồng ảo hoá, khách trầm luân là những diễn viên, chuyện đời từ đó phải cần đến những khía cạnh kịch tính. Chuyện tu học của tôi cũng là một thứ chuyện đời, nghĩa là nó cũng không nằm ngoài nguyên tắc đó.

Hồi nào đầu óc giản đơn, học kinh Phật như một cái máy, cách cảm nhận lời Phật của một cậu bé chỉ đơn giản là chụp lại mọi sự bằng chiếc máy ảnh không biết suy tư. Thấy sao tin vậy, nghe sao hiểu vậy. That's it, no more. Rồi thì một ngày, người ta già hơn, có thể hư đốn hơn, lem luốc hơn, nhưng cách hiểu vấn đề cũng được thay đổi để lời kinh xưa lúc này coi như đã

trở thành một nguồn sống sinh động và thấm thía hơn, nếu người ta vẫn chưa bỏ Phật mà đi.

Một ngày của tuổi bốn mươi, tôi ngẫu nhiên bắt gặp trong hộp thư email của mình một cái thư lạ. Lạ vì cái Subject của nó, và cũng vì người gửi là một nhân vật kỳ lạ. Chưa biết mặt nhau bao giờ, từ vài tháng nay bỗng nhiên cứ dồn dập gửi cho thật nhiều email. Không thăm hỏi gì hết, chỉ ròngh những thứ góp nhặt từ muôn phương, để tôi nghe, ngắm và đọc. Chẳng gì ghê gớm, vài ba tấm ảnh lạ, dăm thứ tin tức giật gân, đôi khi là một nhạc khúc. Có cũng vui, không cũng được, dù nhiều khi buồn buồn tôi lại có ý trông. Chiều nay, tôi lại nhận được một cái email của người bạn giấu mặt đó. Một chuyện bình thường nhưng có chút lạ. Nó lạ từ cái chủ đề: Vàng

Em Áo Hạ. Cả một thứ tiếng Việt dễ dãi nhất cũng không ai nói năng, viết lách kỳ cục như vậy. Nhưng mà nó lạ, và cứ nghe hay. Gói theo cái email đó là một cái File Video (thơ của Hư Vô, nhạc Phạm Quang Ngọc). Tôi mở ra và bàng hoàng. Cái mà tôi nghe được, xin thề, tuyệt không phải thứ tình ái lãng nhãng mà nhạc khúc đó đang diễn tả. Tôi vừa cảm nhận được cái mà nói bằng ngôn ngữ của ngành Vật Lý hiện đại là Chiều Thứ Tư của Phật Pháp. Một góc cạnh thật mới lạ, tinh khôi, dù thực ra muôn thuở đã là vậy. Mới là mới đối với gã dốt này thôi. Ô hay, tôi tự hỏi mình, sao thiên hạ bây giờ lại không thử dùng cách nói này để nói về Phật chứ, dĩ nhiên nên nghiêm túc hơn một tí là được. Người ta viết nhạc Phật giáo mà cứ như để xua đuổi thiên hạ. Thay vì réo gọi nhau về

dưới chân Phật, người ta lại khiến thiên hạ bỏ chùa mà đi, nhiều khi còn chạy mất cả dép. Ai hồng tin xin cứ kiếm mấy cái CD nhạc đạo nghe thử một lần thì biết. Nhưng đó là chuyện của ai, ở đây tôi chỉ xin nói chuyện mình.

*Em qua, bóng đổ hiên ngoài
Đàn chim sáo nhỏ vút bay cuối ngàn
Giật mình hạ rớt thên thang
Nở trên nhánh tóc, em vàng cánh hoa.*

Mùa hạ ở đây bỗng dưng là một thứ gì đó có đủ hồn vía hân hoi, như một sinh vật, không còn là một hiện tượng thiên nhiên nữa. Nó còn ly kỳ hơn, khi đường hoàng hoá thân vào từng cánh hoa phượng vàng, và cùng đưa em vào hạ. Em, hoa vàng và mùa hạ lúc này đã là một. Tôi

đã xem, nghe rồi chợt nhớ về một bài học cũ. Toàn bộ cái gọi là thế giới, trong kinh Phật, chỉ là con số 18: Lục Căn, Lục Trần và Lục Thức. Ngoài ra không còn gì nữa. Từ cái hiểu lầm, người ta biết thương ghét và nghĩ ra muôn thứ ảo tượng và đặt cho chúng những tên gọi Chính Trị, Văn Hoá, Khoa Học, Nghệ Thuật, Triết Học, Lịch Sử, Ngôn Ngữ, kể cả Tôn Giáo. Một mớ khái niệm cộng với chút tình cảm ghét thương đã làm nên mọi sự ở đời. Tất thấy những thân sơ thù bạn, ân oán tình thù đều chỉ là những cuộc chơi của người chưa biết mình thực ra là những gì ghép lại. Tôi yêu em, thế là nhìn thấy trong hoa có em, trong em có mùa hạ, và rồi một ngày, cả ba chỉ là một. Để mùa hạ có thể rơi trên tóc người, và màu vàng của hoa đã là một với em. Nhưng như thế đã hết đâu:

Nắng trong veo...thấu lựa là
Áo em mỏng quá, lòng ta gấp ghềnh
Dù là một thoáng lênh đênh
Đã nghe mùa hạ chảy trên phím đàn
Từ em tóc xõa sang ngang
Hàng cây nghiêng nón rộn ràng
tiễn nhau.

Thơ hay của thiên hạ tôi đọc cũng nhiều, nên có dốt mấy, cũng có thể bảo rằng bài thơ này chưa phải là tuyệt tác. Có điều lạ lùng, có lẽ đây là lần đầu tiên tôi chịu nghe và đọc một bài thơ tình bằng một tâm cảm đã đời đến vậy. Tôi đã nghe thấy ở đó một bài tâm kinh, nhưng không phải Tâm Kinh Bát Nhã của nhánh Bắc Truyền. Tâm Kinh ở đây là kinh nói về đạo qua ngộ tình và phải được cảm (không phải hiểu) bằng trái tim (không phải óc).

Đến nắng ở đây cũng đã được ghép thêm phần hồn. Nó soi thấu lựa là một cách có ý thức, không phải một hiện tượng thiên nhiên. Vì trong nắng bây giờ có gã tình si mê gái đang dõi nhìn gót sen người đẹp. Thế là hẳn xem ánh nắng như một tên đồng lõa. Và nếu vật vô tri có thể trở thành động vật thì ở đây cái phàm tâm của gã tục tử kia cũng có thể là một với trời đất quanh mình để có thể gập ghềnh, triền dốc như mặt đường mà em đang đi trên đó, để sóng dấy đất bằng, để bóng sắc em tuy chẳng ba đào mà vẫn có thể khiến chết đuối người trên cạn mà chơi!

Lục Trần, Lục Thúc, Lục Căn ở đây đã phổ vào nhau đến tận tuyệt. Mùa hạ đã là cái tâm cái tình của gã tục tử để góp mặt hết mình vào cuộc chơi. Nó len vào từng nốt nhạc trên dây đàn và trong cỗi âm

thanh đó, những hàng cây kia bỗng đứng là những khách mời, những chứng nhân cho một cuộc tình vỡ giữa chiều nắng hạ. Tôi lại nhớ hai câu thơ của Trần Dạ Từ: Lần đầu ta ghé môi hôn, mấy con ve nhỏ hết hồn kêu vang. Bao nhiêu Uẩn Xứ Giới Để có rảnh thì đều cùng về tham dự hết. Rồi thì:

*Em mang mùa hạ qua cầu
Ta như khách lạ tìm đâu bóng mình
Bên đời có nắng lung linh
Để em giấu kín chút tình phơi pha
Còn thương góc phố quê nhà
Vàng em áo hạ, buồn ta mưa về...*

Như trên đã thưa, mùa hạ bây giờ đã được chuyển thể (transform) để có thể theo em qua cầu bỏ lại một thằng khờ

sau lưng. Em và mùa hạ đã là một, em đi rồi mùa hạ cũng đi. Và cả ánh nắng mùa hạ nữa, nó cũng tham dự vào nỗi chia xa của chúng ta. Và không phải chỉ hôm nay, đến bao giờ em còn là một cố nhân chưa quên nỗi thì cứ thấy nắng hạ hoa vàng thì tôi sẽ thấy em về, như từ bây giờ, những cơn mưa với nỗi buồn của tôi sẽ mãi mãi là một. Trong ngôn ngữ lòng tôi từ giờ sẽ mãi hoài động lại hai cụm từ ghép không thể tách rời: Vàng Em Áo Hạ và Buồn Tôi Mưa Về. Nhưng đâu phải chỉ một mình tôi ngớ ngẩn đến vậy, hồi xưa còn sống, ông Nguyên Sa cũng hơn một lần mơ hồ như thế vào một thuở yêu người:

Áo nàng vàng, anh về yêu hoa cúc

Áo nàng xanh, anh mến lá sân trường!

Là vậy đó. Gì cũng là một cuộc chơi.
Và, dầu chong đèn thức trăm năm, người
sinh tử vẫn mãi nằm chiêm bao!

TÊN CHÙA

Thiền viện cất xong đã gần một năm, chỉ có hàng rào và cánh cổng gỗ sơ sài, không có bảng tên. Bà con nhiều người đề nghị với thầy nên dùng tạm một cái tên gì đó rồi viết lên tấm bảng nhỏ để ngoài đường với lý do đơn giản là mọi người có cái tên để gọi thiền viện khi cần.

Lần đó, trong một khoá tu, nghe một số hành giả nhắc lại chuyện này, thầy trầm ngâm một lát rồi thông thả:

-Tên của thiền viện không phải không có, tui tính toán lâu rồi, nhưng cái gì cũng phải có thời điểm thích hợp. Tui tính nếu sắp tới bà con về thưa thớt quá thì tui

sẽ đặt tên thiền viện là Văn Thánh, hàm chứa hai ý nghĩa:

-Văn Thánh là nơi hành giả chỉ lắng nghe theo lời Phật, không theo tà sư ác hữu; chỉ nghe theo tiếng nói trí tuệ, của thánh hiền ba đời mười phương, không theo thúc đẩy của phiền não.

-Nghĩa cuối cùng...Văn Thánh nói lái là Thanh Vắng, nghĩa là giống như chùa Bà Đanh!

TẾT CÓ LÀ XUÂN

Tết. Một chữ thôi mà sao cũng đủ làm cái cơ lớn để tôi bâng khuâng quá chừng. Tôi đã sống qua chừng đó năm tháng rồi sao? Vậy là tôi sẽ không còn đủ thời gian để tận mắt chứng kiến bao điều sẽ xảy ra trên hành tinh này với những buồn vui khó nói trước...

Tôi sẽ không còn có dịp ngồi trên những chuyến bay dân dụng có tốc độ nhanh như ánh sáng, nhưng cũng không phải sống âu lo khi đến một ngày nào đó vũ khí nguyên tử tràn lan khắp địa cầu, muốn nổ khi nào cũng được.

Tôi sẽ không còn dịp nhìn thấy những thành phố khổng lồ hoa lệ trôi bồng bềnh trên các đại dương, hay những khinh khí cầu có sức chở triệu người bay bằng năng lượng mặt trời, nhưng cũng không phải chúng kiến những cuộc chiến tranh hay khủng bố trong vài phút đã có số nạn nhân phải đếm bằng dãy số năm bảy con zero.

Tôi sẽ không còn dịp nhìn thấy những thiên tài lừng lẫy của các thế hệ mới, nhưng tôi cũng không phải ngậm ngùi nhìn thấy những thần tượng một thời của quá khứ sẽ bị lãng quên đến phủ phàng. Mọi giá trị và trật tự của thế giới khi đó sẽ bị thay đổi tàn nhẫn.

Tôi sẽ không còn có cơ hội sống được đến cái ngày phương tiện truyền thông tinh vi hơn bây giờ gấp trăm lần, tôn giáo sẽ phát triển ngoạn mục hơn nay gấp

nhiều lần, nhưng cũng sẽ không phải đau lòng nhìn thấy bao thứ tà mị được truyền bá nhanh chóng và hiệu quả trên khắp hành tinh. Đời sống tâm linh của loài người ngày ấy chỉ còn là những lừa bịp và nghi hoặc, vì cái gọi là giáo chủ hay đạo sư gì ấy cứ bước ra đường là đếm không xuể. Pháp môn tu hành rồi pháp danh đạo hiệu gì đó có thể đặt hàng qua internet!

Tôi sẽ không còn dịp nhìn thấy một ngày đời sống trên trái đất giống hệt trong phim viễn tưởng, nhân loại trên các châu lục chỉ bấm một ngón tay có thể nghe thấy nhau dễ dàng, nhanh chóng và miễn phí, nhưng tôi cũng không phải chán ngán khi nhìn quanh ai cũng là một cái máy không có tình người. Thiên hạ ngày đó sẽ mất nhau đến tuyệt cùng dù có biết bao nhiêu là phương tiện để nghe thấy nhau.

Còn biết bao cái may và rủi khác mà tôi không còn nhiều thời gian để chứng kiến trong đời mình, nhưng có một điều mà tôi có thể nghĩ đến để an lạc với riêng mình trong mấy ngày xuân cô quạnh này, là nếu giữ được lòng lành cho đến ngày bạc tóc thì cái chết của tôi sẽ là một lần giũ áo cho một cuộc lên đường, bỏ lại sau lưng một thân xác già nua còm cõi với mớ trí nhớ lan man dật dờ của một nhân chứng thời gian. Cái chết khi đó không phải là sự chấm dứt mà là cuộc bắt đầu cho một hành trình mới mà tôi tin là sẽ đẹp hơn. Tôi chỉ muốn ra đi trong sự “chán chường” chứ không phải sợ hãi, trong hi vọng vào cái mới chứ không phải tiếc nuối trong cái cũ. Nói vậy, có xuôi tay vào tháng nào, cái chết của một người như vậy vẫn là cuộc lên đường giữa một mùa xuân mới...

THIÊN LA ĐỊA VÔNG

Nhiều khi trong đời có những chuyện vớ vẩn mà cứ bắt mình phải bận lòng đến thê thiết mới lạ. Sáng nay tôi đọc báo thấy giới nhà giàu trong nước có người dám bỏ ra cả tỉ đồng, tức khoảng năm bảy chục ngàn Mỹ kim, để mua vài con cá kiểng loại quý hiếm về nuôi trong nhà cho vui. Ngó ảnh chụp mấy con cá đắt tiền đó, tôi chợt nghĩ đến một chuyện thiệt ngộ. Trong thiên nhiên làm gì có sẵn những loài động vật chỉ để nuôi trong nhà. Chắc hẳn phải có những người đầu tiên nghĩ ra việc nuôi nhốt động vật nhằm vào mục đích gì đó, lâu ngày thiên hạ thấy hay thì bắt chước

theo. Có thể những thế hệ gia cầm, gia súc đầu tiên đã phải khổ sở lắm lắm mới có thể thích nghi với kiểu sống lồng chấu chuồng cũi, rồi theo thời gian, đám con cháu của chúng cũng quen thuộc và thậm chí e sợ kiểu sống hoang dã.

Theo dòng suy tưởng vợ vẫn về mấy con vật nuôi đó, tôi bất giác rung mình khi nghĩ đến thế giới loài người. Hình như đâu chỉ chim cá mới bị nuôi nhốt, mà cả con người hình như cũng vậy, cũng đều qua hành trình Trước Lạ Sau Quen ấy để mà trở thành những nô lệ. Chẳng hạn ở đâu trên hành tinh này lại không từng có những điền chủ, lãnh chúa với bao nông nô và tá điền để họ dày dọ, bóc lột. Một chuyện nghe qua thấy khó tin lắm: Ai lại ngu ngốc gì đi làm tôi đòi cho người khác? Nhưng nguồn gốc của sự tình thì hình

như là thế này, đơn giản lắm thôi. Lúc đầu người này đóng vai kẻ tốt bụng để cứu mang người kia là kẻ cơ nhỡ. Tôi cho anh ăn mặc, nhà ở và việc làm, và anh làm việc cho tôi. Cứ sống trên đất của tôi, rồi trồng tía chẵn nuôi, đến lúc thu hoạch thì chia đôi, có điều là phần của anh luôn là con số lẻ. Chuyện đó đúng quá mà. Anh mang ơn tôi còn chưa kịp, nói gì là trách móc phàn nàn. Chuyện thăm ở chỗ là ở đời anh và tôi thì ai cũng biết mối quan hệ nặng nề giữa chúng ta, nhưng qua vài thế hệ nữa, con cháu chúng ta sẽ mặc nhiên xóa bỏ cảm giác nặng nề đó. Con cháu của anh vừa lọt lòng mẹ đã thấy con cháu của tôi ngồi trên đầu nó, tự nhiên và dễ hiểu như mây bay bên trên ngọn cây, như nước phải chảy xuống thấp và khói phải bốc lên cao. Vậy thôi. Quan hệ chủ tớ lúc này không

chỉ nằm trong quan hệ xã hội nữa, nó còn là vấn đề tâm thức: Đứa con của người tá điền đã là nô lệ ngay từ đáy lòng!

Theo đó mà nói, có được mấy người trong nhân loại hôm nay lại chẳng đang là một con cá kiểng, một đứa bé nô lệ bẩm sinh. Ai trong chúng ta lại không đang phục lụy cúi đầu trước một thứ gì đó để sống: Bên cạnh việc thường xuyên chịu thua trước bản năng bất thiện của mình, có người còn phải cúi đầu vô điều kiện trước những áp đặt của kẻ khác, trong đó có rất nhiều thứ quái gở và vô lý. Mọi suy tư và sinh hoạt của mỗi người thường y cứ trên một trong hai nền tảng đó. Từ ngày chào đời đã nghe tuyên truyền nhồi sọ, hết trường lớp thì còn có bao thứ sách báo, TV và Radio. Người ta đã phải trưởng thành với bao thứ nhét đầy trong tai,

trong óc, trong tim. May mắn nhét được thứ tốt lành thì đó là hành trang sống đời, để mà chắp cánh lên mây. Xui xẻo gặp thứ khó ngửi thì lập tức trở thành con cá lia-thia hay chim nhồng, chim két cho người ta giam cầm. Từ đạo đức, văn hóa, khoa học, đến tôn giáo, triết học, chính trị... đều hoàn toàn có thể là lồng chấu, chuồng cũi cho bất cứ ai e sợ niềm tự do trong thiên nhiên. Ông F. Nietzsche của Đức có câu này hay lắm: “Con người là cái gì đó cần được vượt qua!”.

Ta sợ gì mà không thử xét lại điều mình vẫn cho là đúng? Nhút nhát quá thì cứ vào phòng đóng cửa trùm mền rồi lén lút suy tư, hay vào rừng lên núi khoét lỗ chun xuống để nghiền ngẫm một lần thiệt đàng hoàng xem sao? Nếu đến cả chuyện đó cũng không dám làm thì anh đúng là

con cá kiểng của ai đó rồi. Tôi đau lòng vì anh, đau hơn cả một người con gái nhìn thấy gã người yêu của mình cứ suốt ngày níu áo mẹ.

Tôi là một người tin Phật, nhưng vẫn muốn mượn giọng Kinh Thánh để thưa rằng, phúc cho ai biết nghĩ trước khi tin, và đã tin rồi vẫn thường nghĩ lại. Tôi không hề hi vọng bất cứ đồng đạo nào của tôi chỉ tin Phật qua một cơ hội nào đó, rồi suốt đời không dám nghi hoặc. Một Phật giáo không có tra vấn thì không thể là ánh sáng cho ai được, nhiều lắm chỉ là một lối mòn. Dù đời hay đạo, hệ thống tư tưởng nào cấm người ta nghi ngờ thì ai cũng có thể là người khai sinh ra cái quái thai đó cả. Điều khó khăn nhất của một ông tổ là dám công khai mời gọi mọi thử nghiệm, tra vấn. Người ta xưa nay không dám đứng

lên đặt câu hỏi thường chỉ vì hai nỗi sợ hãi: E ngại người khác và không dám nhìn thẳng vào chính mình. Kẻ không biết gì nên bị phỉnh thì đáng tội rồi. Cái đáng tiếc nhất là có người biết rõ mọi chuyện hoặc vẫn có lòng ngờ nhưng vì thiếu cả quyết nên tiếp tục theo đuổi đường cũ. Ở đời của họ vấn đề chưa nghiêm trọng bằng các thế hệ con cháu hay đệ tử kế thừa trung thành nếp nghĩ của họ. Lớp hậu tấn đó sẽ như những đứa con của người nô lệ, chấp nhận thờ phụng ai đó mà không cần tìm hiểu. Đến nước này thì nói thiệt, tôi không biết họ khác biệt chim cá trong lồng chẫu chồ nào: Cũng mãi nguyện với những gì hiện có, không muốn tìm hiểu gì ngoài ra, và tệ hại nhất là e sợ tự do.

Từ đầu bài viết, tôi nhớ mình chưa hề kêu gọi ai nổi loạn hay bất tuân, chỉ

đề nghị một khả năng biết đặt những dấu hỏi một cách lễ phép và trách nhiệm, trách nhiệm với mình và với đời. Anh hoàn toàn có thể làm việc này ngay khi đang rất mực khiêm tốn dễ thương trước ai đó. Điều tôi muốn làm trong bài viết này là nhắc đến hai thứ chuồng cũi hay lối mòn trong đời: Do chính mình huân tập thành nếp hoặc do ai đó áp đặt. Rõ ràng, lý tưởng cao nhất của đời sống là giữ lại cái hay và bỏ đi cái dở, nhưng để có thể làm được việc đó, trước hết anh phải biết nghi ngờ con đường dưới chân mình. Hãy cẩn trọng trước cái mình thương thích và điều mình ghét sợ. Chính chúng đưa ta vào những chuồng cũi. Hãy biết nghi hoặc. Bởi nhiều lúc sự yên tâm quá sớm cũng dẫn đến chết người.

Nếu ngay bây giờ có người hỏi tôi đã dựa vào cái gì mà bước đi trên đường đời hay nẻo đạo, trước hết tôi sẽ nhỏ nhẹ thưa rằng tôi là một người dốt (không phải cách nói vờ khiêm tốn), nên tôi chỉ có thể hiểu được một ít chuyện, trong đó có lời Phật. Nhờ hiểu ít nên dễ nhớ lâu, rồi lấy đó làm đèn rọi đường. Tôi chỉ hiểu và nhớ đại khái ba chuyện thôi. Trước hết, cái gì cũng vô thường nên phải cẩn thận trước khi cho cái gì là tuyệt đối. Chuyện đời luôn biến đổi, các nguyên tắc hay quy luật gì đó nhiều khi phải được xét lại. Điều thứ hai, tôi tin lý nhân quả (đời hay đạo đều có) nên tự thấy mỗi người trước sau phải chịu trách nhiệm về bất cứ điều gì mình suy tư và thực hiện. Và đó cũng là cái cớ để đừng bao giờ cực đoan, vì nếu điều ta nghĩ là chuyện bậy thì lúc nào đó chính mình sẽ

lãnh đủ. Điều cuối cùng, tôi thấy hình như khi sống thiếu tỉnh thức (không đủ trí tuệ và chánh niệm để biết mình là gì và đang ra sao) thì người ta dễ dàng mắc vào hai chuyện này: Sống đau khổ hơn và dễ làm ác hơn. Khi anh sống lệ thuộc mù quáng vào ai đó, anh sẽ khó lòng tỉnh thức, bởi phần lớn tim óc của anh đã thuộc về người khác. Anh không thể điều động, vận dụng cái gì không thuộc về mình. Anh chỉ có thể sống tỉnh thức, khi anh hiểu tự do là gì và có được tự do!

Chiều nay, nếu có người đến hỏi tôi về chuyện tu học, tôi sẽ thưa rằng điều cốt tử phải làm chính là ngoài việc không khiến mình trở thành một con vật nuôi trong nhà ai đó, còn phải cẩn trọng với những chuồng cũi do chính mình tạo ra để tự chui vào. Trong bài viết trước (Ai Khổ Hơn

Ai), tôi đã tình cờ đề nghị pháp môn Hưu Thiền, Thiền Khỉ, nhằm kêu gọi sống sao cho đừng giống khỉ. Trong bài viết này, cũng thật ngẫu nhiên, tôi lại mong mỗi ai kia đừng trở thành chim lồng cá chậu. Nếu điều tôi viết không là vung tay quá trán, thì rõ ràng thứ gì trong đời này cũng có thể là những công án cho ta một đời tham chiếu. Mong thay!

THƯ TIỀN MỘT NGƯỜI ĐI

Một ngày mùa đông năm 1942, sau một cuộc đụng độ sinh tử với tàu ngầm Đức Quốc Xã, một anh lính hải quân Pháp bị thương. Sau khi được chữa lành, không đủ sức khỏe đi biển nữa, anh được cấp trên điều về một đơn vị quân báo trên bờ. Phải vĩnh viễn xa biển, xa tàu, anh không cam tâm. Lần đầu trong đời lính, anh đã khóc như một đứa trẻ. Viên sĩ quan hải quân, chỉ huy của anh trước đây, đã vỗ nhẹ vai anh:

-Chiến tranh đang hồi khốc liệt nhất, ở đâu cũng giống nhau thôi, cậu lên bờ, nhưng giông bão không thua tụi này ngoài

biển. Ở đâu chúng ta cũng vẫn là người trên biển. Chỉ cần cậu chưa buông súng !

Một ngày mùa hè năm 2006, tại Huế, một tay họa sĩ Hà Nội có tài nhưng sống trác táng trụ lạc bồng đưng phủi hết nợ đời vào núi xuất gia với một thiền sư rồi một ngày lại cũng bồng đưng thấy mình hết duyên với chiếc áo tu, anh vào lạy thầy xin hồi tục.

Sư phụ nhìn anh đang quỳ trước mặt và thông thả buông từng lời tâm huyết nhất, những câu nói mà ngài không mấy khi có dịp để nói trong suốt đời tu của mình:

-Con còn tin Phật thì có đi đâu, về đâu, con vẫn là người của chùa. Con đến minh bạch và đi cũng minh bạch. Đó là cách sống đẹp của những người còn có chỗ tôn nghiêm trong lòng. Thầy tự hào vì con.

Một ngày mùa thu năm 2012, thầy Matsuo Gavesako, một đệ tử lớn của thiền sư Achahn Chah đột ngột xã giới về đời ngay khi tuổi đã ngoài 60. Ông là người Nhật nhưng lại được xem là một danh tăng lừng lẫy ở Thái Lan. Chuyện hoàn tục của ông đã gây một chấn động lớn trong giới Phật tử Thái. Bạn ông, một thiền sư người Thái, đã trả lời mấy người thắc mắc về chuyện của ông:

-Có nhiều lý do để người ta không tiếp tục ngồi xe hay đi tàu nữa, cái quan trọng là lòng còn muốn đi tới hay không. Lòng chưa quên đích đến, thì phương tiện nào cũng vậy thôi. Vạn sự tùy duyên, cưỡng cầu chỉ hư việc!

Mùa đông năm nay, một sớm mai tuyết rơi nhiều trên một ngọn đồi ở biên giới Thụy Sĩ, tôi đọc được dòng tin nhắn

đủ làm quên mất cái lạnh quanh mình. Sư Tịnh Đạo, một trong không nhiều những vị sư đệ thân thiết nhất của tôi, vừa quyết định xả giới hoàn tục. Xuất gia từ bé, học xong chương trình đại học Phật giáo ở viện đại học Mahachulalongkorn (Bangkok), và sau hai năm dốc sức hỗ trợ Phật sự ở chùa Phật Pháp tại Florida, Hoa Kỳ, đã một ngày nghe nặng vai với quá nhiều những áp lực không lối thoát, sư đã chọn lấy con đường khác để đi. Tôi tiếc, tôi thương một người sư đệ như sư, nhưng tuyệt không một lời níu giữ. Sư có học đạo, có hành trì, và biết rất rõ chữ Duyên trong cửa Phật. Điều tôi muốn nói với sư có lẽ cũng không khác điều sư đã biết. Tôi gọi phone và trong mấy phút, kể hết cho sư nghe những điều vừa viết ở trên. Trong đời tu của mình, tôi đã chứng kiến rất nhiều lần hoàn tục của

huynh đệ và lần nào, với những huynh đệ nặng tình nhất, tôi cũng luôn có một mong mỏi: Phải đi thì đi, nhưng nhớ chọn đúng đường để bước, để tụi mình còn gặp lại một ngày sau. Hành trình nào cũng là con đường để đi, không khác. Miễn là không lệch hướng, đạo tình huynh đệ vẫn luôn là vậy.

Ở mấy xứ xem Phật giáo là quốc đạo như Thái, Miên, Miến, Lào, Tích Lan thì chuyện một nhà sư hoàn tục chỉ là chuyện bình thường. Thậm chí một thanh niên từng là nhà sư luôn được xem trọng hơn một người chưa từng. Điều quan trọng nhất, theo luật Phật, là đương sự phải đến và đi trong sự minh bạch. Còn là nhà sư thì hoàng pháp, về đời thì vẫn tiếp tục hộ pháp. Phật giáo có chỗ đứng cho cả tăng lẫn tục. Ở vài trò nào người ta cũng có

thể đóng góp cho đạo, bằng cách này hay cách khác. Với Phật tử người Việt, buồn thay, tình hình lại khác. Không ít người mình cứ xem việc hoàn tục là một sự thua cuộc, trốn chạy, xuống cấp. Từ đó, bản thân người hoàn tục thường rất dễ mặc cảm khi gặp lại những người quen cũ. Vô tình, ta mất đi một người bạn lành, một cư sĩ từng trải qua những ngày tháng trải nghiệm thực thụ trong Phật Pháp.

Mấy hôm nữa tôi lại đi xa rồi, không biết lúc nào có dịp gặp lại. Chỉ mong ngày xưa chân bước trên đất chùa, nay về đời, sự lúc nào cũng có mái chùa trong tim. Tội mình sẽ gặp lại nhau ở đó. Chợt nhớ ông Phạm Công Thiện: Đã đi thì đã đi rồi, thượng phương lựa trắng cuối trời đông đưa...

Và cũng bắt chợt nhớ về thầy Tuệ Sỹ:

*Một bước đường thôi nhưng núi cao
trời ơi mây trắng động phương nào
đò ngang neo bến đầy sương sớm
cạn hết ân tình nước lạnh sao...*

*Một bước đường xa, xa biển khơi
mấy trùng sương sớm nhuộm tơ trời
thuyền chưa ra bến bình minh đỏ
đã mấy nghìn năm tống biệt rồi...*

Tôi viết mấy lời này cho một người vừa bỏ lại hiên chùa sau lưng, mà cũng là chút tâm tình cho những người cư sĩ vẫn chưa đủ rộng vòng tay cho một người bạn lành vừa quay về cạnh mình. Vẫn họ đấy thôi. Họ không phải người bỏ cuộc, chỉ là chọn lựa một kiểu đi khác.

Mong lắm vậy thay !

Tampa một ngày mùa đông 2015

THƯ GỬI MỘT NGƯỜI QUEN

Lâu nay có một anh cư sĩ ngoài giờ làm việc kiếm sống vẫn lặng lẽ dành thời gian nghiên cứu kinh sách. Anh giỏi tiếng Pháp và Tây Ban Nha, tiếng Anh khởi nói (bởi anh có bằng đại học Mỹ). Anh đọc mấy tài liệu Phật học ngoại ngữ rồi chép lại bằng tiếng Việt những gì thấy tâm đắc. Anh nói sợ mang tiếng Dịch Giả. Chiều nay anh gửi một email cho tôi, hỏi một câu thật khó trả lời: Người dịch kinh Phật cần trang bị những gì ?

Tôi trả lời bằng email nên anh không thấy được cái nhú mày bắn khoắn của tôi. Tôi nói lẽ ra anh phải đi hỏi mấy thầy có

bằng tiến sĩ, có những công trình phiên dịch đem cân ký không hết, sao lại hỏi một người tay ngang như tôi. Nhưng không nói gì hết thì cũng kệt quá.

Tôi loay hoay một lát rồi hồi âm cho anh bằng một email cùn cợn. Tôi thưa với anh mấy điều mình cho là quan trọng trong việc dịch sách Phật, dĩ nhiên chỉ là theo chỗ thấy biết chủ quan.

-Mình là người Việt, muốn nói hay viết nghiêm túc bắt buộc phải có căn bản tiếng Việt. Ngoài khả năng cảm nhận cái hồn Việt (nắm bắt được cách biểu cảm hiệu quả), còn cần đến nhiều hỗ trợ khác, chẳng hạn khả năng chữ Hán. Ta có thể không giỏi nhưng không thể mù tịt hoặc lan man ở mức Chi, Hồ, Dã, Giả. Dốt chữ Hán, tôi muốn nói Hán cổ, thì khả năng tu từ dứt khoát có vấn đề. Có đọc sách của

HT Tuệ Sỹ, HT Viên Minh, HT Triều Tâm Ảnh hay các ông Bùi Giáng, Phạm Công Thiện, Đỗ Long Vân,...ta sẽ thấy ngay điểm này. Ngôn ngữ họ dùng là tiếng Việt đó chứ, nhưng đẹp và hiệu quả hơn nhiều tay khác cũng tiếng tăm chẳng kém. Có những khái niệm tạm thời còn chưa phổ biến với người Việt nên chưa có chữ sẵn trong tự điển tiếng Việt, hoặc có rồi mà chưa rõ ràng, thế là người biết chữ Hán lại phải ra tay mấy chỗ này. Chữ đó mình chế ra mà ai đọc hay nghe qua cũng hiểu và bị thuyết phục. Đó là lý do cho gạch đầu dòng đầu tiên của tôi: Người Việt phải chấp nhận biết chữ Hán, như người Âu Mỹ biết tiếng Hi Lạp, La Tinh để khi cần có thể chế ra từ mới mà dùng. Mấy vụ này phải học ở người Nhật, khi họ lấy chữ Hán của Tàu làm ra những từ Nhật gốc

Hán đẹp kinh khủng.

-Công cụ thứ hai của người Việt dịch sách Phật là kiến thức giáo lý. Anh nói với tôi là anh có thể đọc hiểu chục thứ tiếng, nhưng một khi kiến thức Phật học của anh nghèo rớt mồng tơi, chất không đầy lá me, thì vốn liếng ngoại ngữ của anh chắc chắn sẽ gặp vấn đề. Anh sẽ phải dịch theo cách ôm tự điển, kiểu học trò trung học vẫn làm.

Một khi anh không có được căn bản giáo lý, ngôn ngữ của anh sẽ thiếu Phật Chất. Thiếu giáo lý, anh không đủ năng lượng đạo lực để chia sẻ cho người nghe anh, đọc anh. Tin tôi đi, một ông tiến sĩ cái gì cũng giỏi nhưng thiếu Phật học thì một đoạn kinh Phật do ông này dịch sẽ không có được sự lan tỏa cần thiết của một trang kinh Phật. Đụng đến anh thì anh chỉ biết

ôm một chồng từ điển ra gào thét thì chỉ làm khổ thiên hạ.

Người có nghe liếc qua bản dịch của anh sẽ thấy ngay chỗ khuyết tật của anh. Người đọc có hiểu biết có thể im lặng không nói gì, nhưng từ rày có chết họ cũng khó lòng để mắt đến cái gọi là bản dịch của anh. Lý do ư? Đọc để làm gì chứ, để bực mình à? Chưa kể trường hợp đáng tiếc nhất là ngôn ngữ tàn khuyết trong cuốn kinh anh dịch sẽ khiến người chưa biết đạo đánh mất hảo cảm nên có đối với kinh Phật. Dĩ nhiên đó là thái độ hấp tấp, nhưng thiên hạ vẫn không ít người lười biếng tìm hiểu. Ấn tượng ban đầu không đẹp thì người ta bỏ luôn. Trường hợp này, cái dốt của anh lẽ ra là vô tội lại có lỗi lớn với đạo. Nói gọn lại, anh phải có kiến thức chuyên môn về thứ anh dịch, chỉ biết đọc

hiếu ngoại ngữ tuyệt đối chưa đủ làm ăn gì cả.

-Cái thứ ba, không nên gọi là công cụ nhưng cũng có tác dụng tương đương và tuyệt không thể thiếu. Đó là tâm hồn học thuật. Học là phải bằng lòng cầu tiến, ai cũng phải thấy chỗ dở của mình để bỏ và thấy cái hay của người để học. Cái bậy nhất trong học thuật (dĩ nhiên gồm cả chuyện dịch thuật) là chỉ chấp nhận cái mình thích, mà gần trăm phần trăm là cái gì mơn trớn cái tôi của mình.

Và sau cùng, điều đại kỵ trong học thuật là sự dè bĩu người khác. Thái độ khen mình chê người xét về đời hay đạo đều hình như không đẹp. Hãy chứng minh cái hay của mình, đừng làm gì khác, nếu muốn tìm kiếm fan ủng hộ. Và nếu mình tào lao mà vẫn có fan thì xin đọc lại

lời này trong kinh Koran: Không gì nhục nhã bằng sự tán thưởng của một đám đông thiếu suy nghĩ.

Tôi chỉ gửi anh hai điều mà mình có thể nghĩ ra lúc này để trả lời anh. Viết lẽ phép như có thể. Vậy mà đầu hôm, anh gửi một email thế này:

-Không hiểu sao cứ có cảm giác là bị sư mắng. Tự nhiên thấy nhột cả người, đỏ rần cả mặt như bị kể tội. Kiểu này có lẽ giải nghệ luôn, về dịch sách cho riêng mình đọc.

Tôi hết cách can gián, dọa trong hai tiếng đồng hồ nếu anh không đổi ý sẽ post bài viết này lên FB. Không ngờ anh hồi âm lập tức: Nếu sư tin mình nói đúng và không sợ bị chúng chửi, xin cứ post bài. Xét phản ứng của thiên hạ trên đó, dù im lặng cả đám hay lên tiếng kiểu nào đi nữa,

con sẽ tặng sư cái vé máy bay đi Mallorca để rửa tai nghe chuyện đời.

Tôi yêu Mallorca hơn người ta có thể tưởng, thế là...

Toai Khanh, 7/12/2014

TIẾC THƯƠNG MỘT NGỌN GIÓ

Tiếp ký by Toại Khanh

Thiền sư S.N Goenka vừa tắt hơi ngày Chủ nhật vừa qua.

Thật khập khiễng khi đem so sánh ông với học giả D.T Suzuki người Nhật của thế kỷ trước. Một người giới thiệu Phật giáo cho Tây phương bằng những tác phẩm viết lách, những nghiên cứu thâm hậu và những suy tư minh triết trăm năm có một. Một người giới thiệu đạo Phật cho thế giới Âu Mỹ chỉ bằng một lời kêu gọi mọi người ngồi lại trong im lặng để thở trong tỉnh thức. Kết quả của hai công việc

dĩ nhiên có điểm khác, nhưng chỗ giống nhau ở họ có lẽ là cùng đánh thức những tâm hồn chán ngũ nhưng không biết làm sao để thức và thức để làm gì.

Một trong những lời nhận xét hay nhất về ông D.T Suzuki là “ông đã đưa nhiều người đến cửa”. Đối với thiền sư cư sĩ S.N Goenka, tôi muốn dành một câu khác: Ông đã sống theo cách mà ông hướng dẫn người khác.

Giữa lúc trí thức Âu Mỹ những thập niên 60-70 buồn chán lửa đạn chiến tranh rồi tìm đến với những thao thức của J.Krishnamurti hay Jean Paul Sartre, Henry Miller, Aldous Huxley...Cư sĩ Goenka đã kiên nhẫn và nhỏ nhẹ mời gọi họ cùng ngồi xuống bên ông với bài tập về phép hít thở đơn giản hơn bất kỳ thứ Yoga dưỡng sinh nào, không cần kỹ thuật rắc

rối, lý thuyết rườm rà khó nhớ khó hiểu. Anh chị chỉ việc ngồi xuống cạnh tôi và biết rõ mình đang thả ra vào trong những buồn vui ra sao. Anh chị sống tỉnh táo thì sẽ không còn manh động, không còn những ưu tư không cần thiết và sẽ sớm thấy ra ý nghĩa thật sự của đời sống là gì.

Xin đừng tưởng con đường của Goenka đơn giản rồi cho nó dễ đi. Với một tấm lòng lớn rộng và đời sống minh bạch như vậy, mà ông vẫn cứ phải đánh vật với vô vàn những trở lực để có thể đi trọn hành trình sống chia sẻ của mình. Ông vốn người Miến Điện gốc Ấn, học đạo với sư phụ U Bakhin người Miến, nhưng vì cái tội không chịu khoát áo tu sĩ, không chịu khó làm một học giả tinh thâm Phật học kiểu trường lớp bài bản như giáo sư Mehm Tin Mon, thế là từ buổi đầu ông đã

vấp phải sự bất phục của những người cứ quen cho việc dạy thiền phải là đặc quyền của các thiền sư tu sĩ. Ông là cư sĩ một vợ sáu con thì khả năng thoát tục được bao nhiêu mà dạy người ta thoát tục!

Khó khăn là thế, vậy mà ông cứ cần mẫn bước đi trên con đường của mình. Bí quyết duy nhất của ông là không bao giờ dạy thiền chỉ vì muốn làm thầy. Ông chỉ đơn giản xác định sống thiền là điều quan trọng số một, còn việc chia sẻ lý tưởng đó thì hoàn toàn là chuyện tùy duyên. Phật xưa còn phải vậy, nói gì là ông bây giờ. Làm việc không có hy cầu thì làm gì có thất vọng. Không thất vọng thì lúc nào lòng cũng tin yêu nhân gian như mối tình đầu. Chính công thức đơn giản đó đã từng bước nâng ông lên vị trí một bậc thầy tâm linh của thế giới xô bồ tạp loạn hôm nay.

Chuyện về đời ông là chuyện một thiền sư, nhưng cách nghĩ và kiểu sống của ông hoàn toàn có thể là chỗ nhìn ngắm cho bất cứ ai muốn tìm thấy một lý tưởng sống đẹp ở đời. Hôm nay ông đã không còn nữa, tôi nhắc về ông để tôn kính và tiếc thương một nhân cách lớn. Lớn không phải vì con số trên trăm cơ sở thiền định của ông trên khắp thế giới, mà là vì những gì ông đã tác động và để lại trong lòng những người đã tìm đến con đường quán niệm tự thân qua lời dạy đơn giản đến bất thường của ông. Ông đơn giản đến mức hạn chế cả việc thờ lạy tranh tượng đức Phật, tránh nhắc nhiều đến những thuật ngữ Phật học, và nói ra khó tin, ông là thiền sư Phật giáo ít nhắc đến chữ Phật nhất. Ông muốn người ta thấy lời Phật là đạo trời đất không phải của riêng một ai hay một hệ thống tư

tưởng, tôn giáo nào hết. Ông không muốn ai đó đến với thiền viện bằng cái mặc cảm ngoại đạo hay vô thần.

Tôi từng có cơ hội đến viếng một trung tâm Vipassanà của ông ở Mont Soleil, Thụy Sĩ. Không khí ở đó đúng là của một chốn thanh tu tuyệt vời cho người sống chánh niệm, nhưng tìm mãi không thấy bất cứ một pho tượng hay bức tranh Phật nào, tôi chợt rung mình với một cảm giác thật lạ. Phật giáo nguyên thủy vốn không có tranh tượng của đức Phật, hình ảnh về Ngài chỉ được nhìn thấy qua cách sinh hoạt của từng người đệ tử. Phật nói, Phật im lặng, Phật bước đi, Phật tĩnh tọa,... đều trong tỉnh thức và từ mẫn. Ai làm được chừng đó việc là đang phác họa chân dung Ngài đấy. Tôi từng đến viếng hơn chục thiền viện tiếng tăm ở Miến Điện và

Thái Lan, nhưng chưa bao giờ có được cái cảm giác kỳ lạ đó. Xin làm ơn đừng nghĩ tôi đang so sánh để khen chê, tôi chỉ đang nói đến một cảm nghiệm cá nhân.

Điều đặc biệt nữa phải nhắc đến khi nói về thiền sư S.N Goenka, đó là về chuyện vật chất trong đời ông. Trước khi thật sự chuyên tâm vào việc tu thiền và dạy thiền, ông là một thương gia có hạng. Nói rõ ràng, ông có nhiều thứ để buông bỏ theo nghĩa đen. Ông đi dạy thiền và sự thành công được ghi dấu bằng việc ra đời các thiền viện ở những nơi ông từng đi qua. Nhưng điều thú vị là ông tuyệt không biết gì về món tài chánh được dùng cho việc mua bán hay xây dựng cơ sở. Ông đến với cái ông có trong tay, và ra đi không lấy theo chút gì của người thiên hạ. Mai một có duyên thì ông lại ghé về, bất tiện thì xem

như chưa từng thấy nhau trong đời. Kể lui tới những nơi đó cứ việc đọc sách ông viết hay nghe băng ông giảng rồi tu, chẳng cần phải hao tốn cúng bái gì hết. Bởi có khi ông còn nhiều tiền hơn đệ tử nữa là khác. Tuyệt. Một ông thầy ngon lành thì không bao giờ để đệ tử thấy mình cần gì ở họ, và tệ nhất là dòm ngó cái mà họ đang cầm mỗi tay.

Xin nói rõ, tôi không hề có ý nói rằng muốn làm thầy dạy đạo thì phải nhiều tiền, tôi chỉ muốn nói rằng phải có tâm trạng của người nhiều tiền thì mới nên làm thầy dạy đạo. Nghĩa là chẳng mong đợi gì ở kẻ khác. Người ta không nhờ cậy mình chuyện gì đó thì thôi, mình chẳng có lòng trông đợi chi ở người đang học đạo dưới chân mình. Đó mới đúng là thầy ở nhiều nghĩa.

Ông có vợ và luôn có bà bên cạnh trong nhiều năm dạy thiền khắp thế giới. Có người chỉ trích ông chuyện đó, nhưng người viết bài này lại rất tâm đắc với kiểu sắp đặt này của ông. Bởi một lẽ đơn giản thôi. Ông có đủ mọi thứ để trở thành một thần tượng trong lòng các đệ tử nam nữ, lời ông tiếng ve là điều khó tránh. Nghiêm túc đến lạnh lùng như Krishnamurti mà trong tiểu sử cũng có chỗ bị bôi đen, không phải vì chuyện chi ghê gớm mà chỉ là điều nhạy cảm. Thiền sư Goenka hình như có thấy ra điểm này, ông đã mạo hiểm để được an toàn. Các người có nghi ngờ thì cứ, tệ lắm thì tôi với vợ tôi. Và người bảo vệ thanh danh một người đàn ông trong chuyện ấy không ai tuyệt hơn bà nhà!

Nhớ lại một bài thơ xưa có nội dung đại khái là gió qua bụi trúc không để lại tiếng

động và chim nhận bay qua hồ không để lại bóng mình trên nước, tôi muốn gọi thiền sư S.N Goenka là một ngọn gió. Một cuộc đời chỉ biết trao ra, không nắm giữ thứ gì cho mình, rồi đến ngày đi cũng đơn giản như chưa từng đến. Ông di chúc người nhà không quàn xác quá 3 hôm, kẻ cần nhìn ông lần cuối thì liệu mà về. Có duyên thì kịp, thiếu duyên thì muộn. Vậy thôi.

Tôi đọc bài cáo phó được gửi đi từ Mumbai, Ấn Độ, rồi bất giác nhớ lại Phật giáo Việt Nam ta. Cứ tu lâu thì thành hoà thượng, thành phương trượng rồi thì vị nào cũng an nhiên thu thần thị tịch, chết kiểu nào cũng được thù dật bằng những sáo ngữ kinh người như thế. Phần tiểu sử thì bao giờ cũng phải có điệp khúc “thông minh từ bé, sớm có duyên lành với Phật,

gia đình nhiều đời thâm tín Tam Bảo...”. Và cuối cùng, hễ là cao tăng thì dứt khoát phải có Xá- lợi. Người lạ thì nói sao cũng được, nhưng nội bộ biết rõ nhau như bàn tay thì bảo sao tin nhau được nữa.

Thiêu xác bằng củi là một phương thức an táng phổ biến ở Ấn Độ xưa giờ. Nghèo thì cho cháy sơ sài rồi thả xuống sông, giàu thì đủ củi cho cháy trọn vẹn, nhưng còn tí xương. Chỉ có thiêu bằng điện thì sạch và gọn nhất, có thể điều chỉnh cho cháy tan mọi thứ. Tôi thấy trong bản tin cáo phó nói ông Goenka sẽ được hoá táng bằng điện, có lẽ ông không muốn để lại Xá-lợi hoặc biết mình không có Xá-lợi nên chọn cách dứt điểm mà hay.

Theo cách nghĩ và cách nói của những Phật tử nửa vời thì một con người tu hành cỡ vậy hẳn là đã được về cõi Phật hay

vào chốn Niết Bàn vô tung bất diệt nào đó. Nhưng theo chỗ tôi hiểu trong giáo lý truyền thống thì mỗi người đều có vô số tiền nghiệp bất thiện từ quá khứ, luôn nhiều hơn phần thiện nghiệp, nghĩa là tiền trong nhà bằng ít hơn tiền nợ ngoài đời, nên kiếp này có tu bao nhiêu cũng chưa chắc sẽ cầm lấy công đức đó mà đi lên. Ta không thể loại trừ trường hợp một bậc chân tu tắt thở rồi phải đi trả nợ cũ đã vay từ nhiều kiếp trước.

Với riêng thiền sư Goenka, dù có chuyện gì xảy ra, đời này ông đã sống đẹp quá, nếu có phải trả nợ gì đó thì chắc chắn cũng sẽ có một ngày ông là một ông chủ lớn chẳng còn chút nợ nào trong tay nữa. Mong lắm vậy thay. Kính bái !

Schwarzwald, Oct/2/2013

TÌNH SỬ MỸ CHÂU

Tôi lớn lên trong làn hương Phật tự. Máy chục năm dài những tưởng chỉ có một phương trời Cổ Ấn trong lòng, nhưng hình như không phải chỉ có vậy. Tự chỗ sâu kín nhất của một trái tim đầy ắp phàm tình, thực ra vẫn còn đó một góc riêng thật độc lập cho cái gọi là tình quê.

Dòng sử Việt đúng là có những bến bờ thơ mộng mà ở tuổi này cứ nhắc đến thì tôi vẫn cứ thấy xao xuyến. Dù có thể đó chỉ là một thứ huyền sử truyền kỳ, nhưng tôi yêu thì cứ yêu. Vì đó là chỗ về của một thứ tình trần. Ở đó có câu chuyện về một nàng công chúa Tiên Dung ngẫu nhiên

tìm thấy kẻ tình chung trên một bờ cát ven sông, rồi chuyện về hai người sau đó đã trở thành một gợi ý lớn cho dân mình về một hướng đời không quẩn quanh trong vòng cơm áo. Lại có câu chuyện về một chàng Trương Chi yêu không phải chỗ, để kết cuộc còn buồn hơn cả chuyện người Tiêu Lang bên Tàu. Rồi thì huyền thoại về nguồn gốc Việt với mối lương duyên của một Âu Cơ từ núi với một Lạc Long Quân từ biển để rồi mở đầu cho một định mệnh khốc liệt của con cháu đời sau phải vì vận nước hắt hiu mà ra biển tìm cha hay lên rừng tìm mẹ, thực hiện một “cuộc bỏ phiếu bằng chân” chưa từng có trong mấy nghìn năm Việt sử. Và thật lạ lùng, với riêng tôi, nổi bật trong những giai thoại truyền kỳ đó lại là câu chuyện về một My Châu nạn nhân đầu tiên của

một chuyện tình phản gián trên xứ Việt. Câu chuyện về My Châu đã kết thúc bằng câu nói của thần Kim Quy với phụ vương của nàng: Giặc chính là kẻ ngồi sau lưng bệ hạ!

Ý nghĩa sâu thẳm của câu nói này đã buộc tôi phải nhìn kỹ lại khả năng minh triết của người Việt xưa. Giữa bao câu chuyện quần quanh những tình yêu trai gái dung tục rồi ân oán tình thù cùng vô số tiên với bụt nhan nhản đây kia trong khắp những truyền thuyết dân gian, thì theo tôi đây mới chính là một trong vài chỗ độc đáo nhất của cái gọi là văn hiến nghìn năm của dân Việt. Câu nói đó hoàn toàn có thể là một khẩu quyết không những cho hành giả Phật giáo, những tướng lãnh ngoài trận mạc, doanh nhân trên thương trường, chính khách trên chính trường,

mà còn là bất cứ ai đang góp mặt trên trái đất này. Bởi vấn đề lớn nhất của mỗi người chúng ta thường chẳng phải ở đâu xa, nó có thể là chung quanh hay thậm chí ngay trong lòng mình. Tôi nhớ một danh nhân người Mỹ nào đó cũng đã nói một câu có ý nghĩa tương tự: Những vấn đề ở phía trước ta và sau lưng ta xem ra chẳng thấm tháp gì so với những vấn đề bên trong ta!

Cái bi kịch lớn nhất của giai thoại My Châu, theo tôi, chỉ là một chữ Vô Tri của người trong cuộc. Chữ đó có thể hiểu là sự thơ ngây, nhẹ dạ, chủ quan, của hai nhân vật chính trong truyện là An Dương Vương và công chúa My Châu. Kẻ tin con, tin rể và người tin chồng. Câu chuyện về họ đã gợi nhớ cho tôi một bài học giáo lý cổ điển: Hình như nỗi đau nào cũng khởi đi từ bóng tối của nhận thức!

Rõ ràng, thiên hạ yêu được nhau không phải vì hiểu nhau mà là vì hiểu lầm về nhau và không thấy rõ nhau. Cứ chăm bẵm ngó nhau bằng một cái nhìn tinh tường sắc sảo thì có lẽ hôn nhau còn khó, nói gì là cưu mang gồng gánh nhau một đời. Thậm chí, trễ hơn một chút, lúc đã lấy nhau rồi, chỉ cần biết rõ người kia nghĩ gì về mình hay ai đó ngoài ra mình thì tôi e không một cuộc hôn nhân nào còn có thể tiếp tục. Cũng may, chẳng ai biết gì ráo, thế là cứ dối nhau mà sống, cứ đại khờ mà tin yêu nhau, chịu cực gánh nhau suốt mấy chục năm trời hiu hắt.

Nhiều lúc tôi cứ ngẫm nghĩ một mình những chuyện không đâu rồi cười với riêng mình như một gã điên. Trời ạ, nếu biết từng người thiên hạ đã nghĩ sao về mình có lẽ tôi không sống nổi. Nếu có thể

biết trước nơi chốn và thời gian mình sẽ chết, thiên hạ chắc chắn sẽ thay đổi rất nhiều. Nếu trong từng phút có thể nhìn rõ triệu lần những da và tóc của ai đó được cấu tạo như thế nào có lẽ chẳng còn ai có thể vẽ tranh hay làm thơ ca ngợi ái tình. Nhiều và nhiều lắm những chuyện mà chúng ta không biết và không nhìn thấy. Dĩ nhiên tôi không bảo những trường hợp trên đây là Vô Minh. Tôi chỉ muốn qua đó nhắc lại ý tưởng rằng chẳng biết gì thì dễ sống hơn, nhưng sống không hiểu biết thì cũng dễ chết hơn!

Tôi nhớ từng nói ở đâu đó rằng hành trình làm người hay cả cuộc đi từ phàm sang thánh luôn đòi hỏi nhiều cái biết khác nhau. Cái biết đầu tiên để mà tìm ra cái thương hay ghét. Biết thêm chút nữa thì gì cũng buông. Khổ thay, thiên hạ

thường dừng lại ngay sau cái biết đầu tiên nên không thể đi xa hơn, rồi cứ vậy mà luẩn quẩn một vòng tròn nhỏ xíu nhưng dai dẳng và dằng dặc suốt bao đời.

Trong giáo lý Duyên Khởi của Phật giáo, cuộc luân hồi của vạn loại chúng sinh là một vòng tròn khép kín, không có chỗ bắt đầu hay kết thúc. Từ đó, bất cứ mắt xích nào trong 12 Duyên Khởi cũng có thể là chỗ bắt đầu. Vô Minh hay Xúc, Thọ, Ái,... đều được cả. Đức Phật luôn tùy duyên mà thuyết pháp. Nhưng có thể nói rằng cách chọn Vô Minh làm mắt xích đầu tiên để nói về dòng sinh tử vẫn là hình thức phổ biến, nổi tiếng, được nhớ đến nhiều nhất. Lý do ư? Chỉ vì như đã nói, cái mơ hồ trong nhận thức rõ ràng là một tâm điểm quan trọng trong bất kỳ sự tình rối rắm nào trong đời. Trong giáo

lý nguyên thủy, tất cả phàm phu cứ mang cái chủng tử đại khờ ngộ nhận làm hành trang đi khắp muôn cõi. Nỗi đại khờ đó cứ như con rắn trong Thánh Kinh đã xui Adam và Eva ăn trái cấm. Tôi thờ Phật nên dĩ nhiên chẳng tin chuyện đó, nhưng rất lấy làm thú vị khi biết thêm rằng con rắn kia trong Thánh Kinh là một biểu tượng của cái gọi là trí khôn. Nó khôn nhưng xúi người khác làm bậy. Vô Minh trong Phật giáo hình như cũng vậy. Đó là cái khả năng bươn chải, quơ quào của chúng sinh như là một phản ứng tất nhiên trước những niềm đau nỗi khổ. Khi khổ quá, loài nào cũng tận lực bật dậy để tìm lối thoát. Nhưng trước sau chỉ là những lối thoát tạm bợ: Hoặc gây tạo ác nghiệp để đi vào ác đạo, hoặc tu nhân tích đức để sống hưởng thụ hạnh phúc nhân thiên, hay

có khá hơn một tí là ly dục tu thiền để về Phạm cung sống lãng quên đời. Mãn thọ về trần thì đâu lại vào đó. Những lối thoát đó đều do Vô minh bày vẽ cả.

Chung quy, trầm luân là một cuộc đi nghìn trùng của những lần đại khờ lăm lờ. Chỉ trong thơ ngây người ta mới có thể yêu lấy kẻ thù, ôm ấp cái hại mình và quay lưng với chính bản thân. Như My Châu đã cả tin người tình Trọng Thủy, như An Dương Vương đã trao hết niềm tin cho chàng rể quý phương ngoài. Lại cũng mượn ý kinh mà nói, ai trong chúng ta cũng nuôi hàng tá kẻ thù trong nhà. Ai trong chúng ta lại chẳng là người nuôi ong tay áo. Đó chính là những mầm loạn ngay trong lòng mình. Ai người học Phật lại không biết đến một ông vua tên A-xà-thế thời đức Phật. Cái tên A-xà-thế

là chữ phiên âm từ chữ Ajātasattu hay Ajātasatru, Hán dịch là Vị Sanh Oán, kẻ thù chưa chào đời. Cũng gần tương tự như tích chàng Oedipe trong truyện cổ Hi-Lạp, nhà vua Bimbisāra được dự báo là sẽ chết dưới tay đứa con trai còn đang nằm trong bụng hoàng hậu, nhưng chính cái phụ tử thâm tình đã buộc ông làm ngơ mọi sự để rồi về sau bị con mình tống ngục và hành hạ đến chết. Vua đặt cho hoàng tử cái tên gọi Ajātasattu kia để nhắc con về cái thâm tình phụ tử, mà cũng là chút kỷ niệm về lời tiên tri thảm khốc mà ông thiệt bụng chẳng muốn tin, nhưng xót xa thay, nó linh như sấm. Ngẫm lại mà xem, ai trong chúng ta lại chẳng có ít nhất một đứa con Vị Sanh Oán trong lòng mình chứ. Ở đây, nó chính là nỗi thơ ngây chết người trước những hoàn cảnh lẽ ra rất cần đến một

khả năng trưởng thành. Thế là từng người, từng tập thể, từng xứ sở đã dắt nhau về huyệt mộ khi mà nhân gian cứ sống trong bóng tối của ngộ nhận và manh động.

Tới đây tôi chợt nhớ một lần trò chuyện với ai đó về ý nghĩa của hạnh phúc trong tinh thần Phật giáo. Khi được hỏi có sự khác biệt nào giữa sự hạnh phúc của người tu hành và một người thế tục, tôi nhớ đã trả lời rằng hạnh phúc thế gian luôn đòi hỏi một tá những thứ điên cuồng, mờ ám, mông muội thì mới có được. Tất thấy những hạnh phúc trên bàn ăn đến phòng ngủ đều thế cả. Tỉnh táo quá, công khai quá, sáng suốt, bình tĩnh quá thì khó có nổi một niềm vui thế tục nào. Ngược lại, hạnh phúc hay sự an lạc của người tu tập luôn cần đến sự sáng suốt, tỉnh táo, bình tĩnh, quang minh lỗi lạc. Những yếu tố

này càng nhiều thì sự an lạc càng lớn. Vì chân hạnh phúc không thể song hành với vô minh. Và như ai cũng thấy, hành động trong bóng tối thì rất khó kiểm soát được hậu quả, dù nó có ngọt ngào đến mấy.

Hôm nay ai sang Quảng Châu bên Tàu cũng có thể đến viếng mộ Triệu Đà người đã tạo ra một trong những chuyện tình đau lòng mà cũng ly kỳ nhất trên thế giới. Nhưng gẫm kỹ lại thì cần gì phải đặt chân đến đó khi mà có ai quanh ta lại chẳng là một My Châu. Nghĩa là Trọng Thủy, Triệu Đà cũng quần quanh đâu đó mà thôi. Dù chuyện đau lòng nào trên đời cũng khởi đi từ những nhầm lẫn, nhưng theo tôi, cái mê đắm và cay đắng nhất vẫn là thứ vô minh tự nguyện. Chết kiểu đó có lẽ hết hình hài thì cặp mắt chưa chắc đã chịu nhắm cho. Lúc ấy ai còn hơi sức đâu mà

hét lớn hai câu thơ của Cao Bá Quát ở pháp trường ngày đó!

TIẾNG CHIM RỪNG TRÚC (để nhớ Mein Mama)

Phật giáo đã có ít nhất 2500 năm lịch sử; và có lẽ, cũng đã có chừng ấy lần các thế hệ Phật giáo đồ xao lòng nhớ lại câu chuyện Phật dự hứa ngày viên tịch, báo trước giây phút bỏ lại trần gian. Theo kinh xưa, chuyện đó xảy ra vào ngày rằm tháng Giêng cuối cùng trong đời Thế Tôn, để ba tháng sau đó, Ngài đi xa không về nữa. Bốn mươi lăm năm trước đó, cũng vào ngày rằm tháng Giêng, lần đầu tiên đức Phật xác nhận sự ra đời của Tăng đoàn với một lời giáo hối được xem là toàn bộ tinh

thần Phật pháp về sau: Lánh ác, làm lành, thanh lọc nội tâm.

Tôi nhớ từng nghe thấy đâu đó một nhận xét thật xác đáng rằng, điều vi diệu trong Phật pháp nằm ở chỗ, dù Thế Tôn có nói nhiều bao nhiêu cũng nhằm vào một lý, và có nói ít bao nhiêu cũng bao hàm vạn sự. Một vài bài kinh ngắn trăm chữ lúc Ngài vừa thành đạo hay dăm ba câu dặn dò trước lúc viên tịch – đều gói trọn toàn bộ tinh hoa chánh pháp. Đệ tử ngày sau chỉ theo đó mà tu học cũng đủ thành Phật, chẳng cần đòi hỏi gì hơn. Thật lạ, đang viết đến đây, tôi bỗng quên mất kinh Phật để nhớ về lời Chúa một cách thấm thía.

Chuyện kể rằng vào một mùa mưa đông, giáo xứ xa xôi kia phải gánh chịu một trận bão lụt thật dữ dội. Tất cả giáo dân dẫn nhau đi lánh nạn, và khi chạy

ngang nhà thờ, họ nhìn thấy vị linh mục khả kính của mình đang đứng cầu nguyện trong mưa. Họ giục ông cùng đi để chăm sóc cho nhau. Ông một mực từ chối và bảo: Cha không tin Chúa bỏ chúng ta! Lát sau một giáo dân chạy xe hơi ngang, ông ta giục vị linh mục lên xe đi lánh nạn và lại cũng nghe câu trả lời tương tự: Cha không tin Chúa bỏ chúng ta! Vài giờ đồng hồ tiếp theo, nước dâng cao ngang ngực người lớn, một nhóm giáo dân chống thuyền ngang nhà thờ, họ giành nhau kéo vị linh mục lên thuyền, nhưng lại cũng thất bại trước niềm tin mãnh liệt của ông. Hai tiếng sau đó, cảnh sát huy động trực thăng cứu hộ những cư dân còn sót lại trong vùng. Lúc này nước đã dâng cao khỏi cổ người lớn và vị linh mục vẫn kiên trì đứng yên trong nước để cầu nguyện. Tôn trọng tự do tín

ngưỡng, các nhân viên cứu hộ không dám cưỡng bức vị linh mục khả kính lên trực thăng. Vài phút sau, ông lên thiên đàng. Mình mảy ướt đẫm, cặp mắt mờ lẹ, vị linh mục ngược nhìn Thiên Chúa:

- Vì sao Thiên Chúa bỏ mặc con, hay ngài đã không nghe được lời con cầu nguyện?

Thiên Chúa ngao ngán nhìn vị linh mục thuần tín kia rồi lắc đầu:

- Ta đã là trời, nghe con hỏi, ta còn biết kêu trời nào nữa đây chứ! Ta đã nghe thấy lời cầu nguyện đầu tiên của con và liên tục gửi đến cả đoàn giáo dân với xe cộ, thuyền bè và cả trực thăng cứu hộ, nhưng chẳng hiểu sao con cứ từ chối!

Câu chuyện trên tuyệt không có ý nghĩa châm biếm, chỉ là một cách mô tả sinh động những thái độ đạo học cần

tránh và nên có. Ngay trước khi viên tịch, đức Phật cũng từng nhấn mạnh: Các tỷ-kheo còn trông đợi gì ở ta nữa? Những gì mà bậc đạo sư cần phải làm cho đệ tử bằng lòng bi mãn, ta đã làm tròn. Đây là những cội cây, nhà vắng, hãy tinh tấn thiền định, chớ để mình phải hối tiếc về sau. Và một trong những điều tuyệt đối quan trọng mà đức Phật luôn đặc biệt nhắc tới đó là sự nỗ lực tự thân. Tây phương cũng có một câu nói tương tự: Trời chỉ cứu kẻ biết tự cứu. Từng người tu Phật phải tự cầm đuốc và bước đi bằng đôi chân của chính mình. Chư Phật chỉ là người dẫn đường. Thờ Phật như thờ thần không phải là thái độ sáng suốt của người tâm đạo giải thoát.

Một cách nôm na, mỗi người học Phật chỉ có cơ duyên thích hợp với một vài món trong vô số pháp môn tu học. Bất luận kẻ

học ít hay người đa văn đều phải có thời gian thân chứng, thể nghiệm pháp môn thích hợp với mình. Kết quả cao thấp, ít nhiều, dĩ nhiên tùy thuộc vào nhiều yếu tố như sự nỗ lực của bản thân, sự trợ lực gián tiếp hay trực tiếp của minh sư, thiện hữu cùng những điều kiện sinh hoạt, bối cảnh tu học. Sự gia trì của Tam Bảo cần được hiểu là những kết quả tu học hơn là sự phù hộ của một thần tượng linh thiêng nào đó. Sự tu học hôm nay cho ta ít nhất hai lợi ích: Nguồn đạo lực hiện tại và căn bản cho mai sau. Nếu có thêm phước cũ đời trước, đời sống và cuộc tu sẽ được nhiều điều như ý. Kể cần chuyên nhưng kém túc duyên, thì ngoài chút khó khăn riêng tư – cũng thành tựu được những kết quả tương tự. Và có nói gì, chung quy, chuyện siêu hay đọa luôn nằm ở trong tay

từng người. Nếu trăm sự có thể trông cậy vào một ai đó ngoài mình, chẳng hạn chư Phật, thì hôm nay ai cũng thành Phật cả rồi. Bởi theo kinh xưa, đã từng có vô lượng chư Phật xuất hiện ở đời, mà nay kẻ trầm luân vẫn còn đầy ra đó. Nói cho dễ nghe, chư Phật có nhiều khả năng để giúp đỡ chúng sanh, nhưng khả năng đó chỉ có tác dụng đối với những người có một công phu tu học đang hoàng.

Dù ta muốn hay không, thời gian cũng trôi đi qua. Giây phút nào cũng là cuối cùng, vì một đi không trở lại. Từ hai năm nay, mỗi lần nhớ ra mình đang có mặt trong một cuộc vui, tôi lại tự nhủ không bỏ sót một giây nào. Vì tôi biết, giây phút đó sẽ vĩnh viễn mất đi. Sau này có may mắn tìm thấy những giây phút tương tự thì đó cũng chỉ là cái mới. Tưởng tiếc, hoài

niệm nhiều khi là một kiểu sống hoang phí, dù sống kiểu nào thì cũng là sống. Tôi không có ý xúi ai ham chơi, chỉ muốn mượn cách nói dễ hiểu lắm này để nhắc lại chút tinh thần Niệm Xứ: Tại đây và bây giờ. Thế thôi. Và bỗng dưng tôi muốn chấm hết ở đây với chút suy tư trong một bài viết cũ của mình: Mặc ta vô minh, đời lạng lẽ vô thường!

TIỂU NGẠO GIANG HỒ

Họ muốn giết sạch những sinh mạng mà họ xem là hạ cấp, thừa thãi hay nguy hiểm để tái tạo những thế hệ mới vừa ý hơn, cao cấp hơn, tiến bộ hơn, một thứ người thượng đẳng, đỉnh cao trí tuệ. Nhưng sau cái chết của hàng triệu người, dẫu lại vào đó. Và chuyện duy nhất mà họ làm được, tổng kết lại, chỉ là sự phá sản, phá hoại. Họ làm bậy và được hàng triệu người đồng tình, trung thành đến chết. Cái đê nhất vô lý đó đi ra từ một nguyên do duy nhất: Hiểu lầm! Người thì tưởng lầm là mình có thể dàn xếp càn khôn, và kẻ thì tưởng lầm là người kia nghĩ đúng!

Hãy là người BIẾT CHUYỆN trước khi dựng lên hay phá đổ một thứ gì đó. Vận mạng nhân loại và cả trái đất này tùy thuộc vào việc mấy người nắm quyền lực có nhớ được nguyên tắc tối thiểu đó hay không. Trong sự thiếu hiểu biết, việc xây dựng hay đập đổ đều có nghĩa là phá hoại, nghĩa là đều nguy hiểm như nhau.

Sáng nay ngồi xem một chương trình TV, tôi bỗng chợt dạ nhớ lại một kết quả nghiên cứu đọc được ở đâu đó rằng, hơn một nửa năng lực của nhân loại, gồm tiền bạc, công sức và thời gian - là dành cho chuyện ruồi bu! Người ta thường nặng lòng cho cái mình thích hơn là cái mình cần. Thị hiếu lúc này đã lấn lướt nhu cầu. Thay vì kêu gọi sự chiêm ngắm bản chất của đời sống để nuôi lớn trí tuệ, sống trách nhiệm để nuôi lớn từ tâm, xóa bỏ kì thị để

mở rộng biên giới giao tiếp, thực tập sống thanh thản để trường thọ một cách lành mạnh thì người ta đã đốt tiền, nướng thời gian cho những thứ ngược lại. Thế giới cứ vậy mà ngày một thê thảm. Rồi thì thỉnh thoảng có một người nắm bắt được chút ít nhược điểm tâm lý của thiên hạ, nói hay viết chút gì đó có tác dụng của một ngón tay gãi ngứa đại chúng, lập tức được phong thánh. Những tiêu pha nhảm nhí lại được tái hiện. Tình trạng thế giới hôm nay giống hệt một người bệnh ghẻ nặng. Càng ngứa càng gãi, càng gãi càng lở, càng lở càng ngứa, càng ngứa thì càng gãi! Một vòng lẩn quẩn tròn vo, không có lối thoát!

Trong cái gọi là thiên hạ ấy, đúng là luôn có vô số bộ óc trác việt, nhưng tôi nghĩ có lẽ hầu hết chúng ta có mẫu số chung là tham sống sợ chết, ham sướng

sợ khổ; nên thỉnh thoảng có ai lợi khẩu, biện tài, hay giỏi tổ chức thì chỉ cần một củ cà-rốt với khúc gỗ ngắn cũng đủ đưa thiên hạ vào một cuộc chơi trẻ con. Ai thường đọc sử Tàu hẳn còn nhớ Thái Bình Thiên Quốc của Hồng Tú Toàn. Nhân vật này cũng chủ trương thờ Chúa, nhưng đã truyền đạo bằng một tốc độ và hiệu quả, mà trong cả hai ngàn năm tồn tại trên đời, tòa thánh Vatican chưa bao giờ làm nổi. Hôm nay xét lại, toàn bộ cương lĩnh chính trị và tôn giáo của Hồng Tú Toàn chưa đầy một cuốn vở học sinh. Nghĩa là còn ngắn hơn cả cuốn Mein Kampf của Adolf Hitler. Người ta theo vì tự thấy thích, nhưng có trường hợp ly kỳ mà cũng thường thấy, là vô số kẻ đi theo ai đó chỉ vì sức hút từ đám đông. Họ không có khả năng phán đoán, giám thức, nên cho là cứ theo thiên hạ thì

chắc ăn, Họ hồn nhiên cho rằng không lý gì cả một biển người như vậy lại sai lầm hết được sao! Họ quên rằng người ta có thể tuyên truyền cái hiểu sai cho người khác, nhưng khi gặp chuyện thì không ai có thể gánh vác giùm ai những nỗi đau. Khổ ai nấy chịu. Tôi nhớ đã nghe hay đọc đâu đó rằng một chuyện đã sai lầm thì dù có bao nhiêu người chấp nhận cũng vẫn là sai lầm. Và nếu điều đó là sự thật thì dù chỉ có một người biết đến hay thậm chí không ai biết đến thì nó vẫn cứ là sự thật.

Tôi được biết những đồn đại về quái vật hồ Ness ở Tô-cách-lan hay chuyện đĩa bay cũng giống vậy. Người tận mắt nhìn thấy cái gì đó thì không bao nhiêu, nhưng kể tin lời hoặc thấy bằng ảo giác thì nhiều vô số. Thì ra cái gọi là trí tuệ, kiến thức hay sự tỉnh táo của mỗi người có lẽ phải xét

lại. Dĩ nhiên là chính ta làm chuyện đó tốt hơn người khác. Hãy bắt đầu từ bây giờ trước khi quá muộn. Vì từ đầu, tôi đã bắt đầu bằng những u mê chết người của ai đó, và thiên hạ đã trót yêu mê những tuyên truyền cao tay nên đã cùng dẫn nhau vào những cánh đồng chết, những trại tập trung. Chưa hết, còn có một cái chết thâm khác là đôi khi người ta ít nhiều đã mơ hồ thấy ra cái sai của mình, nhưng vì tiếc công hay tự ái nên tiếp tục bảo vệ cái mà chính mình đã dày công theo đuổi dù đang ngày một mất niềm tin. Cái xui cho thiên hạ là dù được bảo vệ bằng bất cứ lí do nào, những ngộ nhận luôn có một tác dụng duy nhất là độc hại.

Tôi viết một mạch rồi đọc lại, chột lẩy làm lạ khi này giờ không hề nhắc gì đến chữ Phật, chùa, tu hành, Niết-bàn, giải

thoát. Ô hay, nói như ai đó, Phật pháp bất ly thế gian pháp. Cạm bẫy ngoài đời hay trong đạo xem chừng cũng hết nhau, khác chăng là hình dáng miếng mồi mà thôi: Miếng thịt hay miếng tàu hũ và đều được chiên giòn thơm ngát!

TÔI XEM PHIM QUỲNH CHÂN Y

Phật điện thâm nghiêm huyền mặc, một cô bé tuổi chừng bảy tám dầm dề mồ hôi, khấu đầu trước Phật tượng để thực hiện cho bằng được 3000 cái lạy chỉ với một mục đích duy nhất là được gặp lại người mẹ mà mình chưa từng biết mặt. Và có ai ngờ giây phút đó đã là điểm bắt đầu cho một trận ba đào nhân thế.

Cô bé ấy đi tìm mẹ, một kỹ nữ tài hoa mệnh bạc, đã mắc lỗi nghề nghiệp là vụng dại yêu người, rồi thế là có cô. Để giải thoát cho con, nàng đem gửi nó ở chùa. Hôm nay, nó đã vừa đủ lớn để đi về phố, mà cũng là về đời, để tìm mẹ, cội nguồn

của nó. Rồi hình ảnh những người kỹ nữ nhìn thấy trên đường, đã đưa cô bé vào một định phận thật khốc liệt. Phạt chất trong cô không đủ mạnh để làm nguội lạnh dòng máu ca kỹ mà cô đã kế thừa từ mẹ. Tình mẹ đưa cô rời chùa, nhưng niềm đam mê thống lụy kia đã đẩy cô về với đời, cõi trầm luân nằm ngoài ánh đèn Phật tự. Nhìn thấy ánh mắt cô bé trông theo đoàn ca kỹ, tôi ngẫm hiểu đời cô từ giờ đã vận vào một thứ khổ nghiệp.

Cái độc đáo của câu chuyện bắt đầu ở chỗ bàn tay từ tâm đầu tiên đón nhận cô trở lại với đời cũng chính là bàn tay sẽ đưa đời cô vào chỗ oan nghiệt. Người trong kỹ phường gọi bà bằng một danh xưng trịnh trọng là Hàng Thủ Bạch Vũ. Cái ngọt ngào rất chân tình của bà đã là một níu kéo khó chối từ cho cô bé ham vui kia. Bà biết

gốc tích đáng nể của mẹ cô ngày xưa và cái tài thiên phú của cô hôm nay. Bà đón nhận cô, nuôi dạy cô, nhưng cũng là để giết chết đời cô. Góc cạnh này thiệt thâm thúy. Chốn đất lành bình yên là mái chùa đầy ắp đạo tình ngày nào với cô, bây giờ không phải chốn về đích thực, chỉ là một lữ quán qua đêm mà thôi. Cô không bao giờ thuộc về nơi chốn đó. Cô đi tìm mẹ chỉ là tìm lại cội nguồn của cái hình hài da thịt, nhưng cô bỏ chùa để được múa hát chính là tìm về cội nguồn sinh tử của cô. Tìm gặp lại mẹ không phải cứu cánh cao nhất của đời cô, cô còn có một nguồn cội khác còn hơn cả vòng tay mẹ nữa. Cô quên chùa, quên Phật, quên thầy, chỉ để được hát múa như những người ca nữ mà cô đã nhìn thấy. Lại một bài học khác của nhân gian: Người ta vẫn thường xoay lưng với

chính mình bằng cách chối bỏ đất sống để tìm về cõi chết, và ngoài cái nhu cầu cơ áo thường nhật, mỗi người còn luôn bị tác động bởi những hấp lực thâm kín nào đó từ đáy lòng.

Nhiều năm trước, tôi từng đọc mê mẩn cuốn Bay Đêm của Saint Exupéry, rồi thì Chàng Hải Âu Kỳ Diệu (dịch từ nguyên tác tiếng Anh là Jonathan Livingston Seagull của Richard Bach). Tôi sợ và ghét kỹ luật, nhưng mê hai cuốn sách này, chỉ vì trong đó kỹ luật đã trở thành kỹ thuật và được nâng lên thành một thứ nghệ thuật. Rồi hôm nay, tôi đã bắt gặp lại cảm giác đó khi ngồi xem bộ phim kỳ lạ này. Từ giờ, tôi đã biết kính trọng vũ nghệ Triều Tiên như đã từng không dám xem nhẹ tay nghề của những nghệ giả (Geisha) bên Nhật Bản. Ở đó, nghề ca kỹ không còn là thứ tiện nghệ

tâm thường của giới phẩn hương thường thấy, mà là thứ nghệ thuật đòi hỏi bao kỹ xảo đáng để hàng cao nhân thưởng lãm. Ngồi xem từng bài tập của kỹ phường, nghe lý thuyết rồi xem thực hành, tôi cứ ngỡ kẻ viết kịch bản cho bộ phim hẳn không chỉ muốn giới thiệu riêng mỗi chuyện múa hát.

Đành rằng chuyện đời có gay cấn ly kỳ đến mấy cũng chỉ là những cuộc chơi, nhưng có cuộc chơi nào mà chẳng có luật chơi chứ. Nghề chơi nào chẳng công phu. Để có được tiếng hát như ý, các ca nữ phải ra thác mà tập. Để có được những vũ khúc khuynh thành họ phải khổ công như một cao thủ võ thuật: Lặn nước, đi dây, treo người, đội chậu, luyện thở. Hãy thử nghe họ nói về những kỹ thuật mới khiếp. Một kỹ nữ lão luyện không thể không biết thở

và đi thế nào cho đúng mức. Hai chuyện đó bây giờ không đơn giản là nhu cầu sinh học nữa, chúng phải được xem là những kỹ thuật sống còn trong làng nghề. Họ phải bán mạng cho những bài tập kinh người đó chỉ vì một lý tưởng rất đau lòng: Trở thành món đồ chơi hoàn hảo của muôn người thiên hạ. Đời là vậy mà: Anh chỉ trở nên toàn bích hoàn thiện khi không thuộc về một cái gì riêng tư. Một kỹ nữ đúng mức có thể khiến cả thiên hạ phải yêu mình, nhưng bản thân không được phải lòng bất cứ ai trong số đó. Và lý tưởng cao nhất của một kỹ nữ thượng thặng không phải là bạc tiền hay danh phận, mà chỉ là một nỗi đau cho mình và cho người: Có khả năng khiến người đau đớn và bản thân phải nuốt được những đắng cay ghê gớm nhất. Không làm được

hay không hiểu được chừng đó nguyên tắc, sống không bằng chết. Đã thế, bất cứ một nam tử hán nào đem cái chung tình mà yêu kỹ nữ thì cũng xem như nhảm chỗ. Đời họ là vậy, không tin ai và cũng không ai nên tin họ. Họ là tiêu biểu sống động nhất cho cái gọi là cuộc thế phù du này. Kỹ phường ở đây như một chốn thâm cung không có lối ra. Người kỹ nữ chỉ có thể ra khỏi đó, tức chối bỏ được kỹ tịch, khi đã là một xác chết. Nó như bao thứ ngục tù khác trong nhân gian này vậy: Anh chỉ được giải thoát sau khi đã có một hóa thân khác. Lối mòn đôi khi đồng nghĩa với sự giam hãm.

Cô bé Minh Nguyệt Chân Y kia đã từng bước rời xa chính mình để trở thành một con người khác. Cô đã khóc hết nước mắt khi yêu người, được người yêu, và sau

cùng là không còn gì hết. Mỗi tình đầu đời của cô đã kết thúc tức tưởi khi cô đã yêu một người cao hơn tầm với, và đã vậy, mang thân một kỹ nữ, cô đã phạm phải một lầm lỗi chết người là sự rung động trái tim. Người tình chết, con người cũ của cô cũng chết. Thật khó tìm thấy một sức sống mãnh liệt hơn thế. Vùng dậy từ nỗi đau thấu trời, Chân Y trở thành một đệ nhất tài nữ. Cô múa như đi trên lưỡi kiếm, cô hát bằng lời liêu trai của loài ma nữ. Cô múa hát với bóng hình của người đã khuất, quên hết bao người chung quanh. Hát chân thành, múa chung tình. Dốc sức đến tận tuyệt, kỳ cùng, không còn gì để sợ hãi, e sợ, thế là đứng trên thiên hạ. Là một kỹ nữ, cô cũng còn là một kỳ nữ. Cô như một hành giả đã chạm mức: Ai thấy được tới nơi tới chốn cái Khổ Đế thì tự dừng liễu

ngộ được Tập Đế. Cuộc tu hành nào cũng là hành trình nhận diện Khổ Đế. Trong nghệ thuật kỹ nữ, càng kinh nghiệm đau khổ thì bản lĩnh càng lớn, để từ đó có thể làm chủ được niềm đam mê. Được vậy, thì người nghệ nhân nào cũng đạt tới đỉnh cao của nghề.

Cái kỳ lạ của bộ phim Quỳnh Chân Y nằm ở chỗ, có thể tóm gọn nội dung sâu sắc của nó qua từng lời thoại trong phim, những câu nói của người trong cuộc. Nếu có một giải Oscar cho phần lời thoại của phim, tôi rất muốn đề cử bộ phim Quỳnh Chân Y này. Có thể đó chỉ là những kỹ thuật hướng dẫn kỹ nữ, nhưng có thể nói, nhiều câu trong số đó đáng được xem là khẩu quyết cho người hành đạo: Hãy vùng rộng hai tay với tâm niệm đang ôm lấy thiên hạ, hãy biến ảo đôi chân để người xem không

biết mình đang bay hay đang bước, một vũ công thượng thừa dù múa một mình (độc vũ) hay chung với nhóm đông (quần vũ) đều hoàn hảo, hãy xem hơi thở là một với cơ thể, chỉ cần làm chủ được hơi thở sẽ làm chủ được chính mình, và trên hết, khi cần hãy quên mất mình là ai. Người viết kịch bản cho bộ phim đã đặt lên môi các nàng kỹ nữ những câu nói minh triết đáng được nhớ đời. Trong nghi thức Hiến Tân Bàn Hoa Thảo, ngày các kỹ nữ sắp ra nghề phải chịu mất đời con gái với một lễ quan theo phong tục thời đó, ta hãy nghe một cô bé nói một câu xanh rờn: Không có gì để tiếc nuối và sợ hãi, chúng ta như một đôi giày, chỉ phát huy tác dụng từ lúc được ai đó xỏ vào chân. Một câu nói độc địa khốc liệt nhưng đã ôn lại cho tôi một bài học giáo lý khó nuốt: Đời sống phải

cần đến những xây xát, trầy xước để mà trưởng thành và bắt đầu hữu dụng. Niềm đau là cái bắt buộc trong đời, và nó chính là lối thoát, là cơ hội thăng hoa của vạn vật. Chính nỗi đau đã dạy người ta biết sống linh cảm, biết trăn trở, biết choàng dậy để không mãi hoài ngủ mê. Tôi còn học thêm được câu nói khác: Không phải kẻ mạnh thì sống, mà ai sống được mới là kẻ mạnh. Tuyệt!

Chân Y bẩm sinh thông tuệ, cần mẫn và hiếu học. Chỉ hiềm một nỗi là niềm đam mê của cô lớn quá, nó buộc cô phải sa chân vào một nơi chốn lẽ ra cô không nên có mặt, dù thực ra đó mới là đất sống của cô. Phải mỗi ngày đối diện với những âm mưu bản thủ, cô đã hoang phí không ít thời gian cho những đối đầu. Nhìn quanh kỹ phường, tôi cứ e ngại cho cô, ngoài mẹ

và một cô bạn, cô gần như không còn ai để có thể tin cậy. Có một hình ảnh thật đẹp và dễ thương, mỗi khi bế tắc quá, Chân Y hoặc chạy về ôm gối mẹ hoặc tìm lên chùa để mách chuyện với người sư phụ năm nào. Thì ra bên trong sâu thẳm con người tục lụy của mình, cô vẫn còn giữ lại được chút đạo tình của một người sư nữ lạc bước đường trần, một hạt Bồ-đề lưu lạc nhân gian. Nhưng về với mẹ hay với chùa bao lâu rồi cô cũng phải ra đi, về với kỹ phường, với bao thứ nhục nhằn thống lụy luôn chờ mình phía trước. Tất thảy những thứ đó đều là cái giá mà cô phải trả.

Mối tình đầu không còn nữa, dù vẫn chưa biết qua mùi đàn ông, Chân Y đã trở thành một người đàn bà trong tâm hồn. Cô bắt đầu biết dạn dĩ, biết tận dụng sở trường bản thân và theo cô, từ bây giờ sẽ

là những ngày tháng sống tàn nhẫn để trả thù cuộc đời đã giày xéo tim cô. Và câu chuyện cứ hết như lấy ra từ kinh Phật, khi chính người giảng bầy đã sụp bầy. Chưa kịp hại ai, cô đã trở thành nạn nhân của chính mình khi yêu lấy một người chỉ vì họ có chỗ giống Ân Hạo tình cũ. Cứ vậy cuộc đời long đong của cô xem ra đã phải qua mấy lần dò. Nghĩ mà thương!

Quỳnh Chân Y là một bộ phim đẹp, chữ đẹp hiểu ở nghĩa nào cũng được. Nó đẹp nhờ ở công phu của người làm phim và những chiều sâu của kịch bản: Chiều sâu qua tình tiết và ngôn ngữ. Từng phút trong phim là những bước chân của đạo học, triết học, với riêng tôi, còn là Phật học. Phim của Hàn Quốc, nhưng khi ngồi xem, tôi cứ lan man nhớ về một tác phẩm của Ernest Hemingway, cuốn Giã Từ Vũ

Khí (A Farewell To Arms). Những tình tiết, những thời khắc quan trọng chết người đều diễn ra dưới mưa, mưa đêm rồi mưa chiều. Những thời khắc đó rất ngắn, chẳng được một phần trăm tổng thời gian của phim, nhưng cứ Chân Y gặp chuyện thì trời phải mưa, hay phải đợi có mưa thì mới sanh chuyện. Những màn mưa đó cứ bắt tôi nhớ về những dòng thác, những giọt lệ, những ba đào, những buốt lạnh tê cóng của cõi trầm luân. Bộ phim dài lắm, nhưng rốt cùng vẫn là câu chuyện đời đầy chìm nổi và đáng nhớ của người tài nữ phi thường đó bên xứ Triều Tiên xưa. Trước sau ba cuộc tình tan nát, cộng với cái thiên tài ca vũ có một không hai, Chân Y đã gián tiếp và cả trực tiếp can dự vào lịch sử văn hóa Triều Tiên. Bộ phim từ đó không chỉ là chuyện về một người, mà còn

là một tài liệu quan trọng về lịch sử âm nhạc của một xứ sở có nền văn hiến lâu đời và đáng nể như Hàn Quốc. Chính Chân Y, một kỹ nữ có tên trong sổ đoạn trường, đã là người đảm nhiệm trọng trách lớn lao đó, khi một mình dấn lên tất cả lửa dối của nhân gian, vượt qua những máu lệ nát lòng, để một mình ngồi viết lại những trang sử huyền hoặc cho dòng hương nhạc và nữ nhạc kỳ tuyệt của quê hương, để chúng có thể trường tại cùng văn hóa và dân tộc cô từ bấy đến giờ. Cứ nhìn cô lả lướt với những Kiếm Vũ, Hạc Vũ thì ta phải hiểu, qua cô, lịch sử ca vũ và cả văn hóa Triều Tiên vừa được viết thêm một trang mới. Không cần phải là người Triều Tiên, chỉ cần có chút lòng với cái đẹp, với tinh thần nghĩa dũng, người xem phải ít nhiều biết ơn cô. Sao lại phải thế chứ? Thử

hỏi, một người con gái chốn phong trần, đã một tay đưa hết bao đại quan rồi mặc khách vào trò chơi thanh sắc của mình để dạy họ biết hiểu đúng và tôn trọng thanh nhạc, để ai cũng có thể trở thành một tri âm khả kính, thì sao chẳng đáng phục? Từ vị trí một nàng ca kỹ, Chân Y đã dạy cho thiên hạ biết được cái gì là ranh giới sau cùng của sự tôn nghiêm, lòng tự trọng tối thiểu của những phận gái phong trần, và độc đáo nhất, là cô đã lớn gan đem cái ngạo khí của một nhi nữ đất Triều Tiên bé xiu mà đùa rồn lên trên cái tinh thần tự thị Đại Hán của một sứ thần Minh Triều khổng lồ thì sao lại không đáng phục chứ. Tôi cảm ơn cô, người đệ nhất tài nữ Minh Nguyệt Chân Y ngày đó. Cô đã làm tôi một phen mát ruột khi nhìn lại anh láng giềng phương Bắc từ bao đời cứ hiếp đáp dân tôi!

Với bài viết này, tôi tuyệt không có ý làm cái việc quảng cáo cho ai hết, ở đây chỉ là một lời giới thiệu, một tiếng mời gọi cho những khách tri âm, ngoài niềm yêu nghệ thuật, còn biết thiết tha bận lòng về đạo học, dù để sống đời hay hành đạo. Tấm lòng đó, Chân Y gọi là niềm tri tâm mà cô đã một đời tìm kiếm. Là một thầy tu, tôi dĩ nhiên không nên chấm hết bài viết này kiểu vậy. Nếu phải kết thúc bài viết ở đây, tôi chỉ muốn nhắc lại một danh ngôn Tây phương: “Một bắt đầu đúng đắn thì coi như đã là một nửa hành trình đến thành công. Một khởi hành sai lạc thì coi như cái đích đến bị kịch đã nằm ngay trước mặt”. Giá ngày ấy cô bé Chân Y đừng có bước chân đầu tiên để quay về phố, giá như ngày ấy kỹ phương đừng có ai thu dưỡng cô, giá như ngày ấy cô bị sư

phụ trách phạt nghiêm khắc hơn một tí, giá như Chân Y sớm biết rút lui... Tất cả những sự đáng tiếc ấy cứ làm tôi nhớ đến giây phút hấp hối của Ân Hạo, cậu đã thều thào một lời ngắn gọn mà rất thánh: Lẽ ra chúng ta không nên bắt đầu. Chuyện đời là vậy đó, nhiều khi trăm sự rồi ren chỉ khởi đi từ một cái cơ nhỏ xíu. Chữ Phạn gọi sự bắt đầu đó là Samudāya, Hán dịch là Tập Khởi. Bất luận đó là điểm bắt đầu cho một thứ gì ở đời...

Megahut, Dec/13/08

TRÁI MÍT XỨ NGƯỜI

Hôm rồi từ Pyin Oo Lwin về Mandalay, trên đường thấy có bán mít nhiều quá, bèn động lòng trần ghé mua một trái để gọi là không ngược đãi bản thân.

Mười mấy năm xa xứ, gần trăm phần trăm thức ăn có xuất xứ Á Châu mà tôi ăn được đều là hàng đông lạnh, chán như yêu nhâm dân đồng tính. Nghĩa là thấy vậy mà không phải vậy, chẳng đi đến đâu.

Trái mít tôi mua không tệ, chỉ bị thối một góc nhỏ. Trái mít không to lắm, tôi tiếc của lấy dao khoét gọn chỗ hư rồi coi như không có gì xảy ra. Ăn hết trái mít, cầm lên miếng hư vừa cắt bỏ để dọn dẹp,

tôi bỗng ngộ ra một điều mà lẽ ra phải thấy ở thiền viện mới đúng.

Thì ra cái gọi mùi thơm của trái chín chỉ đơn giản là mùi tử khí của nó ở giai đoạn bắt đầu. Thêm chút thời gian, sẽ ngửi không vô nữa. Từ trái cây, tôi bỗng đứng nghĩ đến con người.

Danh tiếng sự nghiệp chính là tử khí của họ. Bởi hầu như ai lên được đến đỉnh điểm danh lợi kha khá một chút thì tuổi đời khó mà dưới năm bó. Cứ cho họ thưởng thức thả dãn cái mình có lúc năm mươi tuổi, thì đến tuổi 70 có ông cụ bà lão nào còn hơi sức nữa đâu. Đi đứng, ăn uống, âm thanh, hình ảnh gì cũng lạt thếch.

Ngược dòng thời gian một chút, một em bé thơ ngây bỗng đứng biết buồn giận ngơ, biết ngồi một mình tư lự, biết tự động cư xử phải phép với người chung quanh,

nghĩa là em đang lớn, đang trưởng thành để già biệt tuổi mộng, giai đoạn đẹp nhất trong một đời người. Tôi muốn gọi sự dậy thì đó của em là một thứ tử khí. Bởi em đang chuẩn bị làm cha mẹ, chuẩn bị dần thân để từng ngày trong hai mươi năm tiếp theo bước vào tuổi trung niên. Nghe buồn lắm phải không ? Nhưng chẳng lẽ em muốn mình cứ mãi hoài là một em bé, một cô cậu hồn nhiên và không bao giờ có thêm một thay đổi nào khác ? Không, em phải đi tới, vạn vật phải chuyển động để tồn tại. Dù đó là những bước chân đi về cõi chết.

Nhan sắc chín muồi của một thiếu nữ, sự chững chạc của một thanh niên, rồi thì giai đoạn hồi xuân của tuổi trung niên, sự già dặn của một người đứng tuổi, theo tôi đều là tử khí. Nói trừu tượng một chút thì kiến thức, kinh nghiệm, và mọi thứ ta

có được đều là tử khí. Chúng càng nhiều thì tử khí càng mạnh, càng nồng. Hồi bé không có, bây giờ lại có, rõ ràng chúng là biển báo cho biết ta đang sắp đến chỗ cuối đường của hành trình dâu bể.

Nhớ lại mấy hôm đi tìm chỗ trọ học ở các chùa Miến Điện, nhìn lên di ảnh của các vị sayadaw đã mất được treo trên tường, tôi từng ngậm ngùi một nỗi riêng. Hồi nào còn trẻ, chắc hẳn các vị cũng từng phải bôn ba trầy trật như tôi bây giờ. Đến khi thỏa được nguyện lớn, dự hàng long tượng tăng- già, thậm chí ngồi chiếu trên của bậc quần long chi thủ, thì tóc bạc da môi, buông hết mà đi. Nếu nguyện xưa chưa dứt, biết đâu hôm nay các vị lại tiếp tục là những tiểu sa- di gầy gò thiếu ăn ở một chùa quê hẻo lánh nào đó để làm lại từ đầu mọi thứ.

Đại khái, trái ngã màu nhìn ngon mắt hơn và bắt đầu thơm thì coi như đang chuẩn bị về đất. Người có được chút gì để gọi là sự nghiệp thì coi như đang sắp xuôi tay. Ai lại không hiểu được chuyện này, nhưng mỗi người một cách nghĩ. Có kẻ không đành lòng bỏ lại thứ đang có, có kẻ ngán cảnh làm lại từ đầu, có người thì tới đâu hay tới đó.

Viết đến chỗ này, tôi chợt nhớ đến danh từ Hoa ngữ được dùng để gọi trái mít là Ba La Mật. Cái tên gọi đó có vẻ như được vay mượn từ một ngôn ngữ khác, nhưng thú vị ở chỗ nghe giống như một thuật ngữ Phật học. Ở tuổi này, tôi bỗng một ngày ngộ ra được một vấn đề tu học thú vị từ trái mít, trái mít xứ người, coi như chút Ba La Mật của một ngày lưu lạc ven trời.

TRÊN NGỌN TÌNH SÂU

Ai sống ở đời cũng phải dấn lên những buồn vui mà đi về phía trước. Có một ngày tôi chợt phát hiện ra mình có những chuyện ngậm ngùi, có thể từng khiến nhiều người thấy buồn, nhưng tôi nhớ hình như chưa nghe ai nhắc tới. Bỗng muốn kể chơi vài chuyện buồn trong số đó cho vui!

Tôi chỉ mới về Tàu hai lần trong mười năm xa xứ. Tôi từng đứng một mình trên bến Thượng Hải Than để ngắm nhìn con sông Hoàng Phố trong đêm, đêm ở đó thường nhiều gió lạnh. Tôi từng một mình thả bộ trong phố đêm Lệ Giang cho đến lúc

quán xá bắt đầu đóng cửa. Nhiều và khá nhiều những nơi chốn đây kia trên xứ Tàu đã hút hồn tôi, đến mức đã rời đi cả tháng trời sau đó còn cứ thấy nhớ như điên. Vào ra chỉ mong ngày trở lại lần nữa. Thế rồi một ngày đọc báo, thấy đâu đó những tin tức về mấy vụ nổ quặng mỏ hay tai nạn giao thông ở Trung Quốc có nhiều người chết, tôi bỗng nghe ngậm ngùi bằng một kiểu rất riêng, có lẽ chẳng giống ai. Những người vừa chết đó thường là dân nghèo, những người cả đời cũng không đủ sức đi hết những miền đất tuyệt vời của quê hương mình. Hôm nay họ đi rồi, vẫn chưa kịp biết được quê hương mình kỳ vĩ, cảm tú đến mức nào. Nghĩ chừng đó thôi, tôi cứ nghe ngậm ngùi nao nao.

Tôi lại có lúc ngậm ngùi khó tả khi nhìn thấy ở đâu đó những ông cụ bà lão

lọm khộm trên đường, hay ngồi chờ dẫn trước một hiên nhà nào đó với ánh mắt vô hồn đang dõi nhìn tận đâu. Họ bây giờ đã mất gần hết cái mà người ta gọi là trí nhớ. Họ hồn nhiên như trẻ con, thơ ngây tin cậy và hờn giận ngây ngô. Họ không còn nhớ gì những cuộc hẹn dưới khóm trúc bờ ao đêm trăng năm nào, họ quên mất những ngày mưa ngồi bó gối trông ra bờ đất đầu làng mong ngóng một người quen. Quên hết, quên sạch. Tôi bồi hồi tưởng tượng nếu mấy chục năm trước biết được hôm nay hai đứa đều sẽ như vậy, chẳng biết đôi tình nhân ngày ấy đã nghĩ gì. Vậy rồi tôi cũng buồn nhè nhẹ...

Tôi lại có lúc ngậm ngùi khi nhìn thấy một người nghe đâu đang bị phản bội mà không hay biết, vẫn cứ một dạ sắt son với người tình phụ như đứa bé con tin

mẹ. Dẫu đó là chuyện của thiên hạ, tôi cứ ngại ngại một nỗi lo vô duyên. Trời ơi, nếu một ngày chuyện vỡ lở ra thì sao chứ. Thương người này, nhưng tôi không biết phải trách người kia ra làm sao. Ai có yêu thì biết mà. Nếu con người ta làm gì cũng bằng sự khôn ngoan hữu lý thì trên đời làm sao có chuyện yêu đương chứ. Trong A-tỳ-đàm cũng nói, ngay trong cái thương hay thích bao giờ cũng có cái ngu đi kèm như trầu với vôi. Vậy rồi tôi chỉ còn biết ngậm ngùi ngó theo một cuộc tình đã không còn gì trước khi bị mất.

Có lẽ tôi nghèo, nên cứ bâng khuâng mỗi khi nghe thấy đâu đó những trò chơi vùng tiền của mấy người dư dả, giữa khi trong khắp thiên hạ có những sức sống tuyệt đẹp, lại đang thoi thóp chỉ vì không có nổi một khả năng cơm áo tối thiểu để

có thể sống cho ra phận người. Hồi còn bên nhà, nhất là những khi ngồi trên đò xe, tôi không bao giờ quên nỗi ánh mắt thèm thuồng của những đứa bé nhà nghèo nhìn mấy đứa khác cùng trang lứa đang gặm một miếng bánh hay que kem, mà nó biết là mẹ mình không mua nổi cho con. Ông Bill Gates từng nói là cuộc đời vốn không bao giờ có chuyện công bằng, hãy ghi nhớ điều đó để không so đo buồn tủi. Tôi tin Phật nên không đồng ý câu nói đó trăm phần trăm, nghĩa là tôi không nghĩ rằng cuộc đời bất công, nhưng mục đích của câu nói đó thì tôi chịu lắm. Bởi cứ đòi hỏi công bằng thì không ai sống nổi đâu. Buồn chết!

Một thiền sư Nhật Bản trên đường hoằng pháp qua các châu lục đã ghé ngang Hoa Kỳ, và khi được các phóng viên

hỏi ngài có ấn tượng nào sâu sắc nhất khi tận mắt nhìn thấy đủ thứ ở các nước mà ngài dừng chân. Sau một giây ngẫm nghĩ, vị thiên sư dăm chiêu: “Ở đâu thì cũng chỉ có vậy thôi, điều làm tôi ngạc nhiên là ai cũng biết sống chết là chuyện bất trắc nhưng cứ thích nghĩ chuyện lâu bền chắc chắn”. Với tôi hình như đó cũng là chuyện để ngậm ngùi. Nhiều lúc cầm mấy món đồ nhỏ xíu như cái đồng hồ, bút máy, hay chỉ một chiếc kim băng mà cứ băng khuâng vớ vẩn. Nếu không bị ai đó cố tình phá hủy thì chắc chắn mấy món đồ cởn con này sẽ tồn tại trên đời này lâu hơn cả tôi. Nhất khoảng điền thiên niên vạn chủ. Có dịp ghé thăm mấy tiệm bán đồ xưa (antique) thì nổi ngậm ngùi đó càng sâu. Nhiều món ở đó dễ chừng đã trăm năm, biết đã qua tay mấy đời chủ nhân, bây giờ được

bày bán ở đó để chờ đợi một người chủ mới. Những gì bây giờ tôi thương thích nhất, mai mốt không biết về tay ai. Mai mốt ở đây có thể là vài ngày nữa, vài tháng nữa, vài năm nữa hay vài chục năm nữa. Nói tới đây tôi lại muốn lạc đề một chút về cái gọi là những giá trị trong cõi phù vân này. Nhiều khi một món đồ có chứa một giá trị kỷ niệm ghê gớm đối với người này, nhưng với người khác thì chuyện đó chẳng có nghĩa lý gì hết. Mọi giá trị của một món đồ hình như chỉ là chuyện ước lệ, chỉ được áp đặt gán ép một cách tương đối. Thế là những gì tôi nâng niu hôm nay, biết đâu mai kia chỉ là một thứ phế thải trong mắt người khác. Như tôi yêu em, xem em là một nửa đời mình, và suốt kiếp chỉ có thể là gã Tiêu Lang đứng mồi côi cuối đường nhìn theo dáng em mà hoài vọng.

Vậy mà em lại thuộc về một người khác, nhưng chẳng là gì trong mắt người ta, bị lãng quên lẫn lóc mà vẫn một đời chờ đợi một phút đoái hoài. Còn tấm tình tôi thì em không thềm ngó tới một lần. Đời sống luôn đầy ắp những bi kịch kiểu vậy. Nghĩ đến đó ai lại không ngậm ngùi chứ!

Đã bảo những khổ đau bi hận của cuộc trầm luân là nhiều như cát trong sa mạc, nếu đem chất lại thành đồng cũng đủ để làm nên một ngọn tình sầu chứ chẳng chơi. Chẳng qua vì ham chơi, vì tất bật hay lại vì trót sống thơ ngây nên người đời không nhìn thấy ra cái nỗi trầm oan đó. Từ mọi lãnh vực chính trị, tôn giáo, văn hóa, xã hội, rồi thì cả khoa học, ngó kỹ đâu cũng cơ man là những chuyện buồn. Chợt nhớ một câu ngắn trong hồi ký của nhà thơ Tản Đà mười năm trước: Cái tội lớn nhất

trong đời chính là lợi dụng niềm tin của người khác vào mục đích tư lợi của mình. Ngẫm kỹ, câu nói đó sâu sắc kinh khủng.

Về chính trị, bao kẻ biết chủ nghĩa mình đang theo là tầm bậy, sai lầm, nhưng vì quyền lợi bản thân mà tìm mọi cách nhồi sọ những người thơ ngây, suốt bao thế hệ, để thiên hạ đời đời làm trâu ngựa cho mình. Và kẻ bị lợi dụng lại cứ tưởng mình là con cưng, là kẻ được ban ân sủng nên chung thân cúc cung tận tụy chẳng dám hồ nghi, rồi thì chính mình đánh mất kiếp đời tự do theo một kiểu tôi đòi tự nguyện mà không hay. Đó cũng là cái để người biết chuyện phải ngậm ngùi.

Về tôn giáo, bao người vì mong được mấy chữ tôn sư, giáo chủ gì đó mà không ngần ngại dẫn đưa thiên hạ vào mê lộ. Thiên hạ mỗi người đều có những thao

thức, trần trở nhúc nhối nên ai hiểu được nhu cầu tinh thần đó thì tha hồ bày vẽ, thế là chỉ cần đầu hôm sớm mai là đã thành chỗ dựa cho một góc nhân gian. Hành tinh này từ mấy ngàn năm qua đã oằn mình mà chứa bao thứ giáo điều rác rưởi kiểu đó. Cái đau đớn là danh lợi của kẻ giáo chủ kia nhiều lắm cũng chỉ một đời, mà cái di hại cho hậu nhân thì muôn kiếp còn hoài như một vết thương ngày càng lở lói. Lúc bình tâm ngẫm ra chuyện đó, ai lại chẳng một phen ngậm ngùi.

Về khoa học, ai cũng tưởng đó là lãnh vực sạch sẽ khả tín nhất trên đời, nhưng có mấy người ngờ được rằng cái gọi là khoa học đó cũng vẫn là sân chơi của biết bao thứ quyền lực ám muội. Tôi học dốt, chỉ biết rằng có vô số những đầu óc kiệt xuất – thay vì chuyên tâm phát minh những gì

cần thiết cho hạnh phúc chúng sinh, thì lại chỉ cúi đầu nhận lấy những cái đơn đặt hàng có nội dung chết người. Họ là những người giữ độc quyền lên tiếng về cái gọi là những kết quả khoa học, nay nói cái này có lợi, mai nói món kia có hại. Rồi thì một ngày vỡ lẽ ra, đó là ý muốn của mấy tay tài phiệt!

Biết được chút chuyện đời, mỗi lần xem đài, đọc báo thấy người ta quảng cáo một sản phẩm nào đó hấp dẫn, hay khi bị bệnh phải uống một viên thuốc tây, hoặc lúc rỗi rảnh ngồi đọc đâu đó dăm bài viết của thiên hạ, tôi cứ ngậm ngùi: Chẳng biết cái nào trong mấy thứ này là thật sự vô hại!

Từ đó, nếu mai này có người cắc có hỏi tôi làm sao có thể giải thích ngắn gọn về cái gọi là Khổ Đế trong đạo Phật nguyên

thủy, có lẽ tôi còn có thêm một cách nói rất thời thượng rằng: “Cuộc trầm luân có ra sao thì cũng chỉ là một ngọn tình sầu!”

TU LƯƠNG

Đêm, online thấy cái email của ông Bình Anson với một địa chỉ link để vào xem hình ảnh các ngôi chùa mà ông đã có dịp thăm viếng. Do chút tình cảm riêng tư, tôi chọn ngay các chùa trong nước để xem trước.

Thật lạ, tôi là người Việt và theo Phật giáo, nhưng cứ thấy khó chịu khi nhìn vào chánh điện của hầu hết chùa chiền trong nước. Cái nhức nhối là vấn đề không phải ở chỗ giàu nghèo, lớn nhỏ, mà là cái gì đó tạm thời rất khó nói, rất trừu tượng. Tôi lại theo thói quen mà nhắm mắt một lát để ngẫm nghĩ.

Trong cái tĩnh lặng mơ hồ của đêm tối, tôi bỗng nghe rõ mồn một câu nói năm nào của sư phụ. Hoa là để tô điểm Phật, đừng bao giờ lấy Phật để tô điểm hoa. Chính phụ phải phân minh. Ô hay, thì ra là vậy. Tôi mở mắt nhìn lại bệ thờ ở các chùa Việt Nam. Trời ạ, hoa trái hương đăng chất ngất trùng trùng, ngó sơ rồi lại nhớ vu vơ một lời hát: Một màu xanh xanh thêm chút vàng vàng, một màu nâu nâu thêm một chút tím tím.... Hình như là vậy. Giữa muôn trùng lễ phẩm là rất nhiều pho tượng chen nhau mà ngồi. Người sơ cơ nhìn vào khó mà biết được cái gì là chính phụ trên một bệ thờ đầy ắp kiểu đó. Đã vậy, tượng Phật trong các chùa Việt Nam hầu hết theo kiểu Tàu hay Nhật là hở ngực bày chữ Vạn và y hạ mặc cao gần ngực với giải lụa làm dây cột

lòng thông, lắm lúc trên mình tượng còn đầy vòng vàng châu ngọc. Đó là chưa kể trường hợp có nơi còn đặt pho Quán Âm Tống Tử là tượng một mỹ nhân kiều diễm bồng một hài đồng bụng bẫm đứng cạnh tượng Bốn Sư. Người ta có thể giải thích những hình tượng đó là biểu tượng cho cái gì đó cao siêu mầu nhiệm nhưng rõ ràng tác hại đầu tiên phải có của hình ảnh đó là làm hỏng hình ảnh đức Phật trong lòng không ít người sơ cơ. Trong thực tế, ngoại trừ Thanh Hải Vô Thượng Sư, không một tăng ni nào trên toàn cầu lại có lối trang phục như những pho tượng mà người Việt ta vẫn thờ. Một người ăn mặc lượm lượm và bất hợp lý như vậy rất khó di chuyển, trừ phi có phép mầu để phi hành trong gió. Và một vị đạo sư cầu kỳ như vậy hình như khó lòng mà tuyên

thuyết những đức tánh xả ly, thiếu dục, giản dị.

Chuyện tôi muốn thưa ở đây tuyệt không phải hình thức ảnh tượng hay nghi lễ thờ cúng mà là cái nền tảng văn hoá nào đã nuôi dưỡng những vẻ ngoài ấy. Xin ngẫm lại mà xem, người Tây Phương sau khi học đạo ở Á Châu về, họ đã bày trí chốn thờ phượng ra sao. Họ thực tế, ngại dư thừa, thế là chỉ thờ những gì mà họ có thể lạy. Người Phương Đông ta hầu hết chủ về cảm tính, không phân biệt nhiều về cái mình cần và điều mình thích. Đôi lúc cũng tự biết đó không phải là cái cần, cũng không phải cái mình thích nhưng lại xu hướng thiên hạ chỉ vì sợ mang tiếng là thiếu. Từ đó chấp nhận cả những cái dư, bày lên bàn thờ rất nhiều thứ mình không thể lạy.

Ta chưng hoa vì muốn làm đẹp một nơi chốn, nhưng thiếu mỹ quan thì chỉ khiến ở đó thêm khó nhìn. Tôi không có chùa chiền, nhà đất, nhưng vẫn cứ thấy khó chịu với những khuôn sân chật đầy những chậu hoa kiểng vì những nơi đó cơ hồ chỉ thấy chậu mà chẳng thấy hoa. Đời sống vốn đã lê thê lướt thướt, thêm càng nhiều cái dư thừa chỉ khiến mất thời gian, choán không gian.

Thế nhưng không phải người Á Châu nào cũng thế. Nhiều thiền viện, chùa chiền của Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản nhìn đẹp như những khu Resort. Lý do là có người đã biết nhìn ra thiên hạ để mà sửa mình, nói là bắt chước cũng được, miễn sao biết được gì là thiếu và thừa. Không có được khả năng tiếp thu này, thiên hạ dễ mắc hội chứng ao tù, một đời duy ngã độc

tôn, rồi thì trên nền tảng thiếu máu đó, cách ta tìm đến Phật Pháp cũng có vấn đề.

Nếu ta tin Phật là Bậc Nhất Thiết Trí thì cũng phải thấy đạo Ngài như biển cả. Để hiểu được biển, phải có được những phương tiện và hành trang đi biển. Lời Phật mệnh mông như sa mạc, muốn tìm vào phải có những chuẩn bị tương thích. Tôi gọi đó là tư lương, tức những gì cần thiết cho một hành trình trên đường. Tùy thuộc sở tánh cá nhân mà mỗi người mang theo mình những tư lương gì, hoặc thiếu hoặc thừa, hay Cần và Đủ. Mang tâm tình một người mê cổ nhạc, ta thờ Phật theo phong cách cải lương. Mê đắm những thứ Hip-hop, Hi-tech thì ta thờ Phật qua những công nghệ hiện đại. Gì cũng là tư lương, nhưng liệu những gì ta mang theo trên đường tìm đạo và hành đạo có giúp

được gì cho ta hay chỉ là lợi bất cập hại. Bối cảnh sinh trưởng, môi trường sinh hoạt, những thầy bạn kề cận, những gì ta thường nghe thấy hay đọc qua, tất thảy đều góp phần quan trọng vào cảm thức của chúng ta. Hành trang càng nghèo nàn, khả năng chấp cánh càng hạn chế, nhiều khi còn là sự tụt lùi. Đành rằng chim cá đôi miền cách biệt, mỗi người có riêng một căn tánh, nhưng trộm nghĩ, nói theo nghĩa bóng thì người Tây Tạng có dịp cũng nên biết khái lược về sông nước và người Việt Nam có dịp cũng nên tìm hiểu về những ngọn tuyết sơn để trong suy tư không mắc lỗi vì một đời dặm chân trên những lối mòn.

Nếu để ý một chút ta sẽ thấy ngay rằng tín ngưỡng và văn hoá ở mỗi miền đất thường mang theo dấu ấn của tâm

tình xã hội bản địa. Từ đó, nếu thiếu sự tự cố, những gì tốt đẹp nhất sẽ mất dần tính tinh khôi sau những lần sang tay trên những bến bờ du nhập. Trên đời có những thứ càng phát triển và đổi khác sẽ càng tốt hơn, nhưng có những thứ hình như càng mất bản sắc nguyên thủy thì càng tệ... chẳng hạn vàng ròng đem pha trộn mãi sẽ rẻ tiền hơn, nước càng qua nhiều pha trộn cũng sẽ khó xài hơn. Từ đó mà nói, chuyện tôi muốn thừa ở đây trước sau chỉ là một gợi ý: Khả năng tiếp thu tuyệt đối quan trọng và nó tùy thuộc vào vốn liếng được trang bị trước đó. Thiếu vốn liếng, người ta dễ mắc phải thiên kiến phiến diện rồi thì tự biến sở thích và sở kiến bản thân thành thước đo chân lý, thích cái gì thì cái đó là đệ nhất. Nguy!

Ta chỉ có thể bước đi thoải mái với đôi

giày vừa vặn với chân mình, nhưng còn một chuyện quan trọng khác là có thể mang đôi giày đó đi trên mọi nẻo đường. Lúc này vấn đề không còn thu hẹp trong đôi giày vừa chân mình nữa. Mong thay!

TỰ TẠI

Cổ tích Ấn Độ có một giai thoại khá độc đáo kể về một nàng công chúa mê săn bắn và có sở thích đặc biệt là mê xài đồ da thú. Từ yên ngựa, đến ghế ngồi, giường ngủ, cán dao, chuôi kiếm mà nàng sử dụng đều được bọc da thú, đủ các loại thú. Dĩ nhiên ngày đó công nghệ thuộc da chưa phát triển ghê gớm như sau này. Nghĩa là có nhiều món sau này làm bằng da thì ngày xưa hãy còn làm bằng những chất liệu khác.

Chuyện kể rằng một buổi trưa ngủ dậy, cô công chúa nhìn xuống chiếc giường bọc da của mình rồi nghĩ tới một điều kì quái.

Nàng đến nũng nịu với vua cha rồi nằng nặc đòi ông phải thực hiện điều nàng vừa mơ ước. Vị Hoàng đế nghe xong đòi hỏi đó đã hết hồn. Có thương con như trời biển, ông cũng không biết phải làm sao. Công chúa đòi cha lấy da thú trải khắp vương quốc, hay tối thiểu cũng là những nơi chốn nàng đặt chân đến. Không muốn con mình phải buồn lòng, ông vua vào ra khổ tâm ghê gớm. Thế rồi câu chuyện đến tai một vị lão quan trăm tuổi, Ông vào cung gặp vua và đề nghị vua cho thợ giỏi chọn loại da thú tốt nhất, mềm nhất, đẹp nhất để làm cho công chúa một tá giày da thiệt vừa vặn. Ông giải thích: Kiểu này thì công chúa có đi đến bất cứ đâu trên trái đất này thì dưới chân nàng cũng luôn là da thú. Đâu cần gì phải trải da thú tùm lum cho khổ đời. Tương truyền đó chính là nguồn

gốc của những giày dép bằng da mà ngày nay chúng ta đang xài trên khắp thế giới.

Tôi đọc câu chuyện đó từ lâu lắm rồi. Trưa nay, một người quen gửi email cho tôi kèm cái hình một cô Geisha Nhật Bản xinh xắn đang cầm dù dưới một hiên mưa có mấy nhánh trúc chìa ra từ hàng rào gỗ thông. Tôi nhìn bức hình không chán mắt, không chỉ vì nó đẹp mà còn vì một chút hồi ức ngẫu nhiên về nàng công chúa Ấn Độ với đôi giày da huyền thoại. Tôi ngó ra bầu trời đang mưa bên ngoài. Phải rồi, có đôi dép da dưới chân thì đâu cần phải trải da khắp cả vương quốc. Có chiếc dù trên tay thì có đi đâu người ta cũng như mang theo cả một mái nhà. Một dù, một dép đơn sơ nhẹ nhàng là vậy mà đặc dụng quá đổi!

Bao thú chuyện trên đời, chuyện đạo hình như cũng giống hết mấy món dù dép

đó. Anh có hồn thơ thì ở đâu cũng là cõi thơ. Anh hung hăng nóng tánh thì ở đâu cũng là chiến trường. Anh là kẻ đa tình thì ở đâu cũng là chốn tương tư. Anh có lòng vị tha thì ở đâu cũng là chỗ để phục vụ. Anh có lòng hiếu học thì ở đâu cũng là trường lớp. Anh có tin Phật thì ở đâu cũng là chốn tông lâm. Tôi từng nói nhiều về pháp môn Wireless của người tu Phật giữa thế giới hôm nay. Chúng ta thật ra có thể không cần đến quá nhiều những dây nhợ lòng thông mới có thể nối kết, liên lạc được với dây đó nọ kia. Hãy biến những đức tánh, những pháp môn tu hành thành ra cái gì đó gọn nhẹ để có thể cầm tay, bỏ túi để mà lưu lạc ở đâu trong đời cũng cứ thanh thản tự tại. Tôi yêu lắm hai chữ Tự Tại này đây. Tự tại nghĩa là ta với riêng ta, với chính mình, với mỗi bản thân, không

cần ràng rịt dây mơ rễ má với quá nhiều những quan hệ chằng chịt mà vẫn có thể sống cho ra hồn, tu học ngon lành, tự lợi lợi tha một cách ngoạn mục. Độc lập mà không tự cô lập. Một mình mà không cô đơn. Tôi gọi đó là pháp môn Wireless.

Chuyện đời cũng vậy thôi. Tôi yêu em, tin em, hy vọng ở em, vậy là tôi có em, dù tụi mình đang cách nhau muôn dặm trùng dương. Đó là thứ tình yêu Wireless. Tôi xa quê, nhưng trong tim tôi có tất cả đồng bào, non sông, những tóc bạc của thế hệ trước, những tuổi xanh của tương lai Việt Nam mai này. Tôi gọi đó là lòng ái quốc Wireless. Tôi không thể cùng lúc có mặt ở tất cả những nơi chốn lắm than trên hành tinh, nhưng những gì tôi suy tư và hành động luôn nhắm đến tất cả thiên hạ. Đó cũng là một kiểu vị tha Wireless,

Lời cuối, trong lòng có nội dung thì hình thức hay ngoại cảnh chỉ là chuyện nhỏ. Chỉ ngại một nỗi là khi chưa có đủ nội lực, tức còn đang thiếu hụt nội dung thì ước vọng Tự Tại lúc này, nói theo ai đó, đã thành ra Tại Bất Tại, người ở đây mà lòng ở kia, nôm na là thấy vậy mà không phải vậy. Người như vậy chưa thể sống Wireless, nghĩa là chưa sắm được một chiếc dù riêng tư để mà ra xông pha mưa gió. Họ vẫn cần đến những mái nhà, những chỗ che, những cưu mang của ai đó. Họ chưa đủ khỏe để tách rời một mình. Ham chơi quá, dễ bị cảm lạnh rồi thì biết đâu là vong mạng. Riêng kẻ đủ sức tu và sống kiểu Wireless thì chưa hẳn đã xong chuyện. Không có dây nối nhiều khi cũng có những phiền phức nào đó. Đôi khi là hiệu quả làm việc kém hơn, hoặc khả năng

tích lũy năng lượng cũng thường hạn chế. Từ đó, đời sống hay cuộc tu luôn là hành trình tự xét, tự tỉnh để có được một ngày đủ sức tự tại. Mong thay!

TUỔI HẠC HIÊN CHIỀU

Chẳng biết có phải đã vào tuổi xế hay sao mà cứ thấy thời gian qua nhanh quá đổi. Muốn làm gì cũng sợ không còn kịp thời gian. Đồng hồ đi mau như có ai vặn kim. Nhiều khi nhìn quanh những chuyện đạo đời bát nháo lòng cũng nghe cảm cảnh, muốn bỏ về chốn nào thiệt quạnh để tu thân mà cứ phân vân. Đi đâu, gặp ai và sẽ làm gì để mình khá hơn, khi chính mình hình như cũng góp sức một phần vào cái nhiễu nhương đáng buồn ấy.

Ngẫm nghĩ tới lui rồi lại cũng nhớ về cái chuyện khiến mình bận lòng nhiều nhất. Thời gian qua mau quá, người xấu chưa

kịp hồi tâm và người hiền chưa kịp hưởng phúc thì ai cũng phải xuôi tay mà đi. Đã vậy, thiên hạ hình như cứ tiêu hoang thời gian như thể nó còn nằm đó mãi hoài để chờ đợi họ sống cho thỏa. Đọc mấy trang báo online mà nghe ngán ngấm. Thế giới ngày một văn minh hơn, vậy mà đời sống văn hóa hình như ngày một đi xuống. Lớn bé dắt nhau đi xem những thứ phim ảnh giả tưởng rồi phù thủy như một kiểu sống thời thượng, đẩy doanh thu của mấy cuốn phim đó lên hàng tỷ dollar. Thời đại của những R.Tagore, H. Hesse đã qua mất rồi. Người ta sợ suy tư rồi già sớm, sợ mình triết quá sẽ bớt vui, nên rủ nhau sùng thượng những giá trị thiết lạ đó, tối昧. Khi anh thờ phụng những món mạt hạng thì lòng anh làm sao còn chỗ cho những giá trị cao hơn đầu gối.

Đạo hay đời, từ cá nhân đến đoàn thể, và cả quốc gia rồi toàn nhân loại cũng đều thế cả. Những nơi chốn tôn giáo coi trọng hình thức âm ỉ và lờ lợt, thì cõi tâm linh cho tín đồ bị bỏ ngỏ là cái chắc. Cứ bình tâm theo dõi tình hình tôn giáo trong và ngoài nước sẽ thấy ngay điều đó. Việt Nam nói riêng, và thế giới nói chung, ngoài việc hoang phí tài nguyên thiên nhiên, còn hoang phí một thứ khác cũng quý giá không kém, đó là thời gian. Hơn một nửa thời gian, tiền bạc và công sức của nhân loại trong từng ngày đã đổ ra cho những chuyện không cần thiết. Tôi nhớ một nghiên cứu Tây phương đã từng cho biết vậy. Rừng đã đốn có thể trồng lại, nhưng thời gian đã qua thì không sao tìm lại được. Chúng ta đang già đi trong nỗi niềm phá sản. Tôi không phải một nhà

giáo dục, nhưng cứ phát hoảng khi nhìn thấy khuynh hướng tâm lý của nhân loại bây giờ. Kẻ cầm quyền và người bị trị đang nghĩ nhiều về cái gì, đó chính là tương lai của thế giới. Cả hai thứ oxygen cho thể chất và tinh thần đang bị ô nhiễm nghiêm trọng trên hành tinh này.

Viết đến chỗ này, tôi còn nhớ thêm một chuyện khác để mà buồn. Nghĩa tử nghĩa tận, ai cũng biết chuyện đó, vậy mà ngay sau ngày ông Phạm Công Thiện ra đi, tôi bàng hoàng khi đọc thấy trên internet những bài viết mạt sát ông không còn sót chỗ nào. Từ học thức đến nhân cách, rồi đời tư và toàn bộ những công trình tác phẩm của ông gì cũng bị xem là rác. Đau nhất ở chỗ trong số những người viết bài ấy có không ít kẻ là trí thức hần hoi và còn là bạn thân một thời của người vừa khuất

nữa chứ. Người ta mắng ông để tẩy xóa ông. Đời đang đốt cháy mọi thứ hiện có, và với tốc độ chóng mặt của thời gian, mọi thứ sẽ được thay thế. Và như tôi vừa thưa, mọi thứ trên thế giới bây giờ có đủ để thay thế cho những gì thuộc quá khứ đang bị chà đạp hay không. Nhưng vậy đã hết đâu, cách đây mấy hôm, nhà văn Nguyễn Thanh Ty đã lên TV hải ngoại đấu tố Trịnh Công Sơn một cách tàn nhẫn và rẻ tiền. Và thảm nhất là những phản hồi của thiên hạ trên internet ngay sau chương trình phỏng vấn đó. Bao người đã hỉ hả mát ruột khi thấy “anh chẳng hơn gì tôi”. Vậy là vui rồi. Tôi không là người thân của ông Phạm Công Thiện hay Trịnh Công Sơn, nhưng chuyện hai ông bị mạt sát kiểu đó đã khiến tôi chạnh lòng. Tôi đốt, nhưng theo chỗ nghĩ riêng tư thì Việt Nam đã có

ai đủ để thay thế hai nhân vật đó. Chúng ta chà đạp cho trên đời không còn thần tượng, để hi vọng một ngày mình có thể ngoi lên vài tác trên một mảnh đất không còn thần tượng nào nữa. Tôi nhắc chuyện hai ông Phạm và Trịnh chỉ để minh chứng cho điều đang muốn nói là trào lưu phá cũ lập mới một cách nguy hiểm của thiên hạ hôm nay đang vào hồi quyết liệt và thật đáng ngại.

Thế giới đang tiêu hoang, đang phung phí những thứ mình có. Thời gian của kiếp người có vài chục năm, nhưng ta đã làm gì với chừng ấy năm tháng. Những giá trị của thế giới ngày một cạn kiệt, nhưng thiên hạ rõ ràng đang từng ngày chối bỏ những thứ cần được giữ lại. Ai biết đâu được sẽ có một ngày kinh sách tôn giáo sẽ được thay thế bằng mấy tập

Harry Potter, và câu đại minh chú bằng tiếng Phạn Om Mani Padme Hum sẽ được thay thế bằng một dòng chữ Mỹ Om Money Ipadme Hum. Đời nay còn cần gì hơn vậy nữa: Thiệt nhiều tiền và một cái Ipad Generation Two!

TƯƠNG QUAN HAY CHẴNG LÀ GÌ

Chia lìa, phân cách hình như lại cũng là một cách thể tồn tại của vạn hữu. Nguyên tắc đó có nói một đời cũng không hết, nhưng đầu mối của nó nhiều khi chỉ là một chuyện nhỏ, rất nhỏ. Chuyện có thể bắt đầu từ một ngày mưa nhân gian trên con phố đầy ắp thiên hạ. Biết bao là những riêng tư, lạc lõng, cô cút đang quỵện lấy nhau giữa cái biển người trùng điệp đó dưới một cơn mưa mù trời vốn cũng được làm nên từ những giọt nước rơi rạc tự trời cao.

Vậy rồi hai mảnh hồn đơn chiếc đó gặp nhau trong mấy phút trú mưa. Hai

mảnh đời, hai hoàn cảnh, cùng vô số tâm cảnh, tâm thái trong hai sinh vật bỗng tìm ra chỗ gắn kết hợp lý rồi thì một cuộc tình với những phút giây quẩn quít xoắn chặt biến hai thành một. Từ muôn thuở, cõi người ta này đã nên hình nên vóc từ những ghép nối kiểu đó để đem những món rời rã về lại với nhau và làm nên cuộc đời tương sinh tương khắc.

Hàng tỉ hình hài đã được tạo sinh từ những giọt máu, những cuộc tình. Chúng đã rời cha để về với mẹ, và xa mẹ để đi với đời rồi tự tìm về những định phận chẳng cái nào giống cái nào. Tuổi vô tri, người ta cần đến những dẫn dắt kiểu tay nắm tay. Ngày khôn lớn, rời tổ ấm, người ta thành ra những cánh chim đôi khi quên mất lối về. Vậy rồi vòng quay cũ lại được tái hiện, những lẻ loi đơn chiếc vừa được khai sinh

trên những dặm đời. Niềm tin, nhận thức, lý tưởng, hành động...vẫn mãi hoài xô đẩy thiên hạ ghé ngang những trạm dừng, lâu mau bất định. Về với Đây thì phải xa cách Đó. Rồi gì cũng là những cuộc chơi, duyên tình đôi khi chỉ là vài hôm dăm bữa hay được mười năm phù vân rồi thì sóng nước nhân gian, có thể vô tình hay hữu ý, lại bằng cách này hay cách khác xé rời những vòng tay để mở rộng cái gọi là vòng xoáy trầm luân.

Phật dạy trên đời tuyệt không thể có cái gì hiện hữu độc lập như một thực tại duy nhất. Nó chỉ là nó trong mối tương quan với bao thứ khác. Từ đó vạn hữu là một chuỗi dài tương tiếp của muôn thứ sai biệt. Và đã là sai biệt thì tương quan giữa chúng không phải lúc nào cũng tuyệt đối là tương sinh hay tương khắc. Đây

lại cũng là một nguyên tắc nữa của vạn hữu. Và chính vì mọi thứ luôn biến tướng không ngừng nên chúng phải cần đến những tác động khác nhau để sinh diễn tương thích. Nuôi dưỡng, hỗ trợ hay tàn phá, xung đột nhau đều là những cách tác động. Từng tác động có một ý nghĩa khác nhau: Giúp nhau duy trì cái cũ hay hình thành cái mới. Chuyện tốt hay xấu, nên hay đừng ở đây quả là khó nói. Vì vạn hữu là chỗ cộng hưởng của những sai biệt nên mọi định nghĩa về chúng phải nằm trong một chữ TÙY DUYÊN. Đúng chỗ, đúng lúc thì thôi. Và cũng chính ở ý nghĩa sai biệt, sự lựa chọn của muôn người thiên hạ khó bề giống nhau, dù nhiều lúc trên hình thức ngó như chẳng khác. Từ đó, mọi đánh giá lớn nhỏ, đúng sai, khinh trọng, sướng khổ trên đời hẳn là phải xét lại thôi.

Tôi đã bắt đầu bài viết này bằng cuộc gặp gỡ xem ra chẳng đáng gì của một đôi nam nữ với dụng ý gì ? Xin thưa, cũng nhằm vào điều vừa nói ở trên. Trong mối tương quan trùng điệp của vạn hữu, ta khó lòng nói cái gì lớn hay nhỏ khi chúng hoàn toàn có thể là chỗ bắt đầu của một tỉ vấn đề. Chợt nhớ câu thơ lục bát của ai đó thật đúng chỗ cho điều đang nói. Giá như hôm ấy đừng mưa, giá như hôm ấy đừng đưa em về. Phải mà, ta ngẫm kỹ lại xem, nếu chẳng có cái ánh mắt, nụ cười của ai đó bên bờ ao bụi chuối hay tiếng thầm thì trên một ghế đá công viên nào ấy mười năm trước thì tình hình thế giới hôm nay rõ ràng đã không như ta đang thấy. Năm bảy chục năm trước có trời mới biết một đứa bé vô danh nhỏ xíu nào đó hôm nay trở thành mối lo của toàn nhân loại hay

chỗ dựa tinh thần cho hàng tỉ người trên hành tinh. Thực ra bản thân đứa bé ngày ấy cũng chẳng có gì đáng nói nếu không kể đến những điều kiện nuôi lớn tâm hồn nó gồm những gì được nghe, thấy, học, đọc từ thiên hạ.

Nếu ngay bây giờ có ai hỏi tôi về cảm nghĩ đối với thế giới hay hẹp một chút là tình hình Phật giáo hiện tại, tôi sẽ trả lời không ngần ngại bằng ba chữ: Phải vậy thôi!

Tôi dĩ nhiên không muốn thấy ai buồn, và càng không muốn thấy những gì mình cho là tốt đẹp lại bị đe dọa. Nhưng rõ ràng mọi sự không thể tồn tại mà không thay đổi, và cái gọi là điều thiện cũng không thể hiện hữu nếu cạnh nó không có cái ác, chúng giành nhau cái ghế thượng phong. Chuyện đơn giản là ai cũng muốn có cảm

giác mình là kẻ cầm trịch trong những cuộc biến dâu dù chuyện đó đến nay hình như vẫn chưa ai làm nổi. Và dẫu là lá chuối-lá bàng hay lá me-lá trúc, ai cũng là một chiếc lá trên sông cả thôi. Chỉ thương cho những người thơ ngây tin lời quý mị mà bỏ hết một đời cho những chiếc lá Diêu Bông...

TỪ TRĂNG THÔI LÀ NGUYỆT

Đêm nay là một đêm đầu tháng sáu Âm lịch. Trong cái lạnh giá của đêm khuya xứ người, tôi ngồi trong bóng đêm và chờ đợi. Ngó những làn mưa bay qua vùng sáng bên cửa sổ, tôi ngậm ngùi với riêng mình. Đêm này có lẽ trăng không về nữa. Nhưng rồi tôi lại bật cười với niềm ngu ngơ của mình. Không phải trăng không về, mà là có về nhưng chỉ riêng mình không thấy. Mây dày quá, ba lớp tám tầng, ánh trăng nào có thể xuyên qua nổi chừng đó hắc ám để xuống được nơi này với tôi!

Tôi bỗng nghe trong gió đêm từng dòng ca từ kỳ lạ của một người nhạc sĩ

Việt Nam trong nhạc khúc Nguyệt Ca:

*“Tùng trăng thoi là nguyệt
Một hôm bỗng nghe ra...
Tùng trăng thoi là nguyệt
Tôi như giọt nắng ngoài kia...
Tùng trăng thoi là nguyệt
Là trăng với bao la...
Như chân ai lần về
Tùng trăng thoi là nguyệt
Mỗi mê đá thoi lăn...
Tùng trăng thoi là nguyệt
Tôi như đường phố nhiều tên
Tùng em thoi là nguyệt
Tôi xin đứng đó một mình...”*
(Trịnh Công Sơn)

Thật lạ, ngồi nghe gió khuya tôi bỗng
nhớ đến bao chuyện trên đời chẳng thuộc

về vàng trắng mà tôi đang có lòng chờ đợi. Tôi bỗng nhớ đến những góc vườn khuya có người đợi chờ mà chẳng có ai về, những sân ga có người đi mà không có ai chờ... Tôi nhớ tới cả những mảnh hồn đồng điệu chỉ cách nhau có một vuông sân, một bờ rào, một con hẻm nhỏ mà đôi bên vẫn một đời đơn chiếc. Lẽ ra họ đã thấy được nhau, có được nhau, nhưng một chút duyên nhỏ xíu cũng không có nổi. Thế là xa, thế là mất. Chút duyên đó là gì? Lời đáp cho câu hỏi đó cũng là một công án tử sinh chứ chẳng chơi.

Trăng không có người ngắm, nói cách nào đó thì vẫn cứ là trăng. Nhưng toi do chút bệnh nghề nghiệp nên cứ cho rằng nếu không có người biết tới thì trăng chẳng là trăng nữa. Theo đó mà nói, lúc này ‘trăng đã thôi là nguyệt’. Theo tôi

hiếu, lục trần chỉ là lục trần khi có lục căn, lục thức. Chữ tình là nợ hay duyên cũng còn tùy ở tim người có nó. Chánh pháp chỉ hiển hiện ở lòng người cầu pháp. Những góc rừng khe núi chỉ là đạo tràng với kẻ thanh tu khổ hạnh. Với người phở chợ thì núi rừng chỉ là miền ma thiêng nước độc mà thôi. Trời đất này có ra làm sao thì cũng còn tùy ở lòng người. ‘Nhu đêm thiếu phụ bên lầu không trăng’. Tôi lại nhớ câu hát đó bằng thứ ký ức mơ hồ với một suy diễn thật lạ. Có biết bao khu vườn đầy trăng không người ngắm, có biết bao người như tôi đêm nay muốn ngắm mà chẳng có trăng. Đời sống thường khi là những lỗ làng kiểu đó. Có biết bao người như nàng thiếu phụ kia, gì cũng có, mà chỉ còn thiếu một chút – cái đó tôi gọi là duyên...Duyên tình, duyên phận.

Trăng vẫn ở đó thôi, như một người tình thủy chung, cứ đứng hẹn lại về. Và từ muôn thuở, trăng chưa bao giờ là của riêng ai, chỉ hiềm mây che, nên có những nơi chốn đâu đó trên đời bỗng thành ra góc khuất, góc tối... cho thi sĩ không có cái để làm thơ, cho thiền sư không có lối để thiền hành, cho những đôi tình nhân không còn chỗ hẹn.

Trăng ở phương trời này, và chánh pháp giữa cõi trầm luân, vẫn muôn đời chờ đợi những người có mắt muốn nhìn, có lòng để cảm, có tim để nhận. Tim ai mù lòa, trăng cũng chết theo, và chánh pháp cũng thành có như không...

“Này các tỳ kheo, đây là những gốc cây, nhà vắng, hãy tinh tấn thiền định chớ có để mình phải hối tiếc về sau”. Tôi nhớ mang máng câu kinh đó đã xuất hiện rất

nhiều lần trong khắp Kinh Tạng Pāli. Tu hành bê bối mà cứ trích dẫn kinh điển thấy cũng ngại, nhưng viết tới đây thì rõ ràng tôi đang ở vào hoàn cảnh “người về bồng nhớ”. Suốt mấy mươi năm trời hoằng pháp độ sinh, đức Phật đã biết bao lần mở ra những phương trời lồng lộng cho các đệ tử. Với người muốn chết, Ngài mở ra những sinh lộ. Với những cánh chim, Ngài trở tay về những đường bay. Trăng Vesāli, trăng Gosiṅga. Ở bất cứ nơi nào có Phật về thì ở đó luôn có những mùa trăng đẹp. Ngài nhìn ngắm thế giới theo cách của người đã ra đi rồi nhìn lại, đã lên trên rồi nhìn xuống. Từ những góc độ đó, vầng trăng sinh tử của nhân gian bỗng thật lạ như chưa từng có. Trăng ở Ngài không chỉ là một tinh cầu, mà còn là một gợi ý lên đường ra khỏi quỹ đạo của

nhật nguyệt. Trăng kiếu đó cũng đã ‘thôi là nguyệt’. Thôi là nguyệt chỉ vì nó chính là cái gì đó cao rộng hơn nhiều. Với những người chưa được như Phật, đôi khi trăng cũng thôi là nguyệt, nhưng đó là vì những con mắt mù lòa, những trái tim không còn khả năng cảm nhận, những lòng người đã thôi phơi mở...

Tôi miên man đến gần hai giờ sáng. Và sau cùng rồi trăng cũng đã sáng. Khu rừng trên ngọn đồi cao sau nhà thấm đẫm ánh trăng. Tôi mở cửa bước ra sân thượng và vươn vai thở mạnh. Mát lạnh, thông suốt. Trăng bây giờ đã là nguyệt rồi đó. Lại cũng từ cõi vô thức xa xôi, tôi nghe mơ hồ bên tai mình bài Nguyệt Ca thiết ngộ:

*“Trăng thôi là nguyệt
Hôm nao chợt có lời thưa*

*rằng em thôi là nguyệt
tôi như đứa bé dại khờ
vườn năm xưa em đã đến
nay trăng quá vô vi
giọt sương khuya rụng xuống lá
như chân ai lần về
từ trăng thôi là nguyệt
mỗi mê đá thôi lăn..."*

Moeriken, trăng tháng sáu 2008

THỊ KÍNH

Thầy ở trên núi, sống một mình trong căn nhà hai tầng khá cũ kỹ, do một người quen cho ở nhờ trong thời gian chờ cho mướn.

Một năm trời không ai viếng thăm. Bỗng một ngày đầu đông có hai chị em kia từ Mỹ sang chơi Châu Âu, ghé ngang một đêm cho biết chỗ của thầy.

Thấy chỗ ở cô quạnh và kiểu sống lạng lẽ của thầy, họ có vẻ thương cảm ghê lắm.

Sáng hôm sau họ đột ngột xin phép rời đi, nói là để tới chỗ khác nhưng thầy cứ thấy ngạc nhiên vì thái độ của hai người không còn như chiều hôm trước và

lẽ ra thì phải sau buổi trưa mới đi chứ đâu mắc gì phải vội vã như thế. Thầy thấy lạ, nhưng không hỏi gì thêm.

Hai tuần sau, từ Mỹ, cô chị gọi sang báo tin đã về nhà an toàn, ngỏ lời cảm ơn thầy đã nhiệt tình hiếu khách rồi thì sau một tiếng e hèm, bằng một giọng nói có vẻ do dự...nàng nhỏ giọng:

-Thầy cẩn thận, có tài gì thì cũng còn trẻ mà, con thấy nếp sống đó có phần mạo hiểm. Ai biết kỳ lắm... Đúng một tuần sau đó, thầy đổi chỗ ở, tính ra khá bất tiện cho việc đi học mỗi ngày, nhưng ai hỏi thầy cũng chỉ cười.

Thì ra cô thiếu nữ tóc dài ngồi hút thuốc ở ban-công mà cô chị nhìn thấy đêm hôm trước chính là cô con gái của người chủ trước, người Đại Hàn, chết do sốc ma túy. Khuya đó cô chị đã tận mắt

nhìn thấy và cứ ngỡ là cô ta sống chung
nhà với thầy !

TỊCH HAY TỊT

Đã lâu không một email hay một cuộc gọi nào của ai, lòng ngu ngơ như đang là một ai đó vừa từ đất chui lên, chưa từng có một kỉ niệm với đời. Vậy rồi phone reo, với một câu hỏi đủ làm giật mình: Tịch rồi hả sư? Hay lại đang trôi nổi ở đâu? Rồi thì một giọng hát trầm thì nghe ngọt như kẹo dẻo: “Vì em đã mang lời khấn nhỏ, bỏ ta đứng bên đời kia...!”

Chưa, tôi chưa “tịch” đâu, chỉ mới “tịt” thôi, thấy hình như đang thiếu chút lửa, thế thôi, chẳng vì một lời khấn hứa nào hết. Dăm ba chuyện vặt cho xong một cuộc gọi, rồi thì bye nhau. Vói tay lên tắt

ngọn đèn đầu giường, chợt nghe trong thâm u trí nhớ một câu chuyện cũ càng xa lắc...

Đã quên mất là đọc từ hồi nào, chỉ nhớ chừng đó là câu truyện ngắn của một tác giả tiền chiến thì phải. Truyện kể một nhà nghệ sĩ trót dan díu với ả phù-dung, đem hết tuổi xanh đốt thành khói trắng để một đêm kia bỗng dung nghe lạt miệng, mất hẳn những cơn thèm thuốc thường nhật rồi thì cứ vậy mà đi. Chuyện chẳng có gì nhưng đoạn kết có chút chi tiết dễ khiến độc giả lạnh người và buộc phải chú ý. Một người quen đến thăm thấy ông nghệ sĩ đã chết, và một con rắn cứ rúc mãi vào mũi xác chết để tìm chút mùi vị thuốc phiện – mà chính nó cũng đã đắm nghiện khi vẫn đêm ngày lăng văng trong gian nhà ám khói của một người hút. Nguồn cảm hứng

mất đi, gã nghệ sĩ nhắm mắt. Và ông đi rồi, con rắn lảng giềng nợ cũng không còn lý do để sống.

Có ai đó từng nói, đời sống là một chiến trường, một hành trình bão táp. Sống là đam mê, vật lộn, giành giật, tranh thủ. Ngày nào, người nào không còn mấy thứ đó nữa, kể như là chết, ở nghĩa đen hay nghĩa bóng. Phật giáo hình như cũng có một cách nói gần giống vậy. Theo kinh điển Nam truyền, vì những ngu khờ nào đó mà người ta lao vào cái gọi là hành động, một tên gọi khác của đời sống, để có được những đam mê (nói ngắn gọn là thế). Một ngày tỉnh ra, không còn ngu khờ mộng muội nữa, người ta chẳng thèm làm gì ráo. Cái ác hay điều thiện lúc này đều là cái gì đó rất trẻ con, không cần thiết nữa. Bậc thánh nhân xem chuyện tu hành ngày

cũ là điều phải làm, nay hoàn nguyên rồi thì lòng thênh thang vô trước như kẻ đã qua sông ngó lui chiếc bè vừa bỏ lại. Rồi thì người đi không về. Cụ Lăn Ông từng có một mô tả hay nhất thế giới về cái khoản này: “Thiện diệc lãn vi hà hướng ác, phú phi sở nguyện khởi ưu bản!”. Với câu nói đó, nếu ông là một thiền sư Tàu, hẳn đã nhận được y bát của Lục Tổ rồi cũng nên!

Ai sống ở đời, với hoàn cảnh nào đi nữa, cũng khó mà chẳng đam mê ít nhất một thứ tục tần thô lậu hay thanh cao tiêu sái. Phải có để mà sống đời. Đời như con nước, nhân sinh như con đò, làm gì không có những chỗ ghé. Lâu hay mau cũng là ghé. Kinh nói chỉ có vị La-hán mới là cái xác thuyền trên cạn chờ ngày biến mất khỏi trần gian. Kỳ dư thiên hạ đều là những con thuyền hì hục băng mình trên

biển khổ ngó không thấy bờ, dò không chạm đáy.

Nhưng vấn đề hình như không phải chỉ có chừng đó. Tôi muốn nhắc lại một câu nói của tôn giả Ananda khi trả lời câu hỏi của vua Ba-tư-nặc rằng, trong đạo giải thoát có chỗ cho niềm đam mê nào chẳng; và nếu có, thì niềm đam mê ấy với lý tưởng ly tham của nhà Phật, có chống trái nhau? Ngài Ananda đã cho vua một câu khẩu quyết: Phải có muốn mới có đi, đến rồi không còn muốn nữa. Ở đây, niềm đam mê là nguồn năng lượng, là động lực cho một cuộc vượt thoát – thay vì là cái bắt đầu cho những quẩn quanh. Nó cứ như một dòng điện, một ngọn lửa khi có thể là điểm bắt đầu cho cả hai tình huống hủy diệt và hồi sinh. Nói theo Dịch Lý thì là lửa trong quan hệ tương sinh và lửa

trong quan hệ tương khắc. Thiếu lửa, thế giới không còn là thế giới. Dù cũng chính những ngọn lửa xóa dấu thế giới!

“Em ơi, lửa tắt, bình khô rượu...Đời vắng em rồi say với ai”. Tôi muốn hiểu hai câu thơ đó của ông Vũ Hoàng Chương theo kiểu riêng của mình bằng cách xếp chúng thành một vòng tròn để hiểu nhiều hơn theo cách hiểu thường thức. Em đi rồi, như đời không còn lửa, gì rồi cũng hết theo. Lửa = Em = Lửa!

Cảm ơn thiên hạ vừa ném cho que diêm, hay cũng có thể là một mẫu nến vụn cũng được. Vì chỉ cần có được một trong hai món, cộng với thứ còn giữ được trên tay, tôi đã có thể tìm thấy lửa. Toại Khanh chẳng là một gã mọi đi tìm lửa trong rừng thẳm thời khuyết sử đấy sao? Lửa có cháy thì phải có tắt. Trách nhiệm tìm lửa hình

như chẳng của riêng ai. Đời sống là một hành trình kiếm tìm, nhen lửa, với những đam mê khi tiên khi tục. Thành thánh thì thôi. Lúc bấy giờ lửa đã gặp nước. Hình như đó cũng là lý do chữ Diệt (滅) trong Hán ngữ lại thuộc bộ Thủy (水).

Nếu đêm nay phải viết một bài chính tả tiếng Tàu, tôi sẽ cố ý viết sai chữ Tịch (寂) trong Tịch Diệt (寂滅) thành Tịch (沙) bộ Thủy (水) thay vì bộ Miên (宀). Chữ Tịch đó sẽ thơ mộng hơn nhiều, nó không còn là sự yên lặng hiu hắt, mà sẽ là một con nước tối trên dòng sông đêm... Thệ giả như tư phù, bất xả trú dạ!

October 01, 2007

TIẾNG CHUÔNG TỪ BÊN KIA NÚI

Một ngày cuối năm, tôi trở lại Á Châu để chuẩn bị một chốn về cho tuổi già đến sớm của mình. Non tháng trước ngày bay, tôi bàng hoàng với hung tin sóng thần ở đảo quốc Indonesia (ngày 29.9.2018) với hàng ngàn người chết. Trước ngày bay mấy hôm, chuyện hồi hương, có lẽ vĩnh viễn, của hòa thượng Nhất Hạnh rồi thì sự ra đi của nhà văn Kim Dung, đều ở tuổi ngoài 90, đã khiến tôi suy nghĩ rất nhiều. Nghĩ cách bình thường thì đó là chuyện bình thường. Nhưng trong tâm thức của một người học Phật, những tin tức ấy đều là những tiếng chuông nhắc người,

những tiếng chuông vọng lại từ bên kia núi. Ngọn núi của những ảo tưởng điên mê, giả vọng. Với sự ngăn che của nó, ta thấy cái gì cũng đẹp, cũng hay, cũng mãi hoài còn đó đợi chờ mình...thưởng thức!

Chuyện đời dồn dập như những con sóng. Đêm qua chúng tôi lại biết tin thiền sư Tejaniya của trung tâm Shwe Oo Min vừa được các bác sĩ xác định là đã mắc bệnh ung thư ruột, và mọi chữa trị chỉ ở mức cầu may. Hiện ngài thiền sư vẫn phải qua lại chữa bệnh ở Singapore, nơi cố hương tọa Thiền Minh đã nằm chữa bệnh.

Không thể sống và tu trong tâm thái hoảng loạn, nhưng ta cũng không thể tiếp tục quên mất những già-bệnh-chết vẫn đang treo lủng lẳng trên đầu mình. Có chuẩn bị tâm lý, chuyện xảy đến không tệ như mình nghĩ.

Nhịp sống xô bồ, môi trường ô nhiễm, kiểu sống tương tranh lừa lọc, đều là những điều kiện xấu để đời sống nhân loại trên hành tinh này ngày một có vấn đề. Ta có thể nghèo, già, xấu, bệnh, nhưng hình như ai cũng có quyền sống an lành và chết thanh thản. Và hai chuyện đó chỉ có thể được thực hiện bằng đời sống chánh niệm tại đây và bây giờ, nghĩa là ngay từ hôm nay.

Tiếng chuông từ bên kia núi vẫn tiếp tục vọng lại, tiếp tục kể cho ta nghe chuyện mình, chuyện người, những chuyện đời hư huyền chiêm bao vẫn từng giờ xảy ra trên mặt đất này. Tai nghe chuông, bàn tay buông!

TÌNH NHỎ LÀM SAO QUÊN

Hồi còn ở bên nhà, tôi từng nghe một ông người Bắc bảo rằng dân Nam Bộ xuề xòa vậy mà ngôn ngữ của họ có nhiều chỗ độc đáo kinh người. Như chữ Nhậu chẳng hạn. Trong khi người Bắc nói uống rượu thì đôi khi chỉ có nghĩa là cho rượu vào miệng rồi nuốt ực, tức là uống rượu sông, không có mồi màng, thức nhắm gì ráo. Rồi thì ngồi uống rượu với cả một mâm cỗ thịnh thà ê hề cũng vẫn cứ là uống rượu. Tiếng Nhậu trong Nam thì không phải vậy. Chỉ có rượu thôi thì không phải Nhậu rồi. Ít gì cũng phải là một trái xoài, trái ổi để nhâm nhi, mới có chỗ để xài chữ

‘nhậu’. Nghĩa là cạnh cái uống, phải có cái ăn thì mới làm nên chữ ‘nhậu’. Chữ Nhậu phải hiểu vậy mới đúng, mới đã!

Rồi tới cái ngày xa xứ, tôi một túi vải lên đường với bao thứ gói ghém trong cái tâm tình viễn mộng, bao gồm vài món không dám xao lãng trong tác dạ. Một trong những món hành trang đó dĩ nhiên có cả một thứ ngôn ngữ đã nói đến mềm môi. Giữa xứ người mênh mông, đôi lúc chỉ thèm nghe lại một câu chữ bằng tiếng ta thiết đúng điệu cho ấm lòng. Thế thôi, vậy mà đâu phải muốn là được. Vậy rồi bỗng một ngày đang ngồi nhời như bò mấy bài vở dễ ghét của đám người mắt xanh, da trắng, tôi chợt thấm thía một con chữ tiếng Việt bao lâu qua vẫn làm tôi xao lòng mà ít khi để ý. Đó là chữ Nhớ, thâm thúy gấp trăm lần chữ Nhậu kia nữa.

Mấy tiếng Miss, Recall, Remember, Recollect, Memories... trong Anh ngữ hình như không đủ để dịch đúng chữ Nhớ của tiếng Việt. Chẳng biết có phải tôi đã giàu tưởng tượng quá chăng?

Một đứa bé giữa đêm thức giấc không thấy có mẹ nằm bên thì khóc. Đó cũng là nhớ. Biết đi biết chạy, nó không quên chỗ cất mấy món đồ chơi, đó cũng là nhớ. Tuổi dậy thì, nó cứ bâng khuâng khi nghĩ về một người đứng bằng thứ cảm giác chưa từng có với những người thân trong nhà, đó cũng là nhớ. Phạm Thái với Quỳnh Như, Loan và Dũng, Lan và Điệp, cũng đều là nhớ. Cao xa và thiêng liêng hơn một chút, người của Lục Quốc đối với Kinh Kha sau ngày chàng bỏ mạng trên đất Tần cũng là một chữ Nhớ... Đại khái, tình nhà hay tình nước, tình bạn tri

âm hay tình yêu nam nữ, cao thâu trời hay thấp tận bùn thẳy đều là Nhớ hết. Chỉ một chữ đó thôi, thi ca rồi âm nhạc nổi nhau ra đời suốt mấy ngàn năm qua. Đời sống của con người cũng không thể không dành cho nỗi nhớ kia một góc rộng và sâu. Tôi nghĩ hoài cũng không sao tìm ra được một hạng người, sống mà không cần đến tối thiểu một nỗi nhớ. Mấy ông vua thái tổ của các triều đại cổ kim đều lập quốc từ chữ Nhớ, người tầm thường xây dựng gia đình hay cuộc sống riêng tư cũng bằng một nỗi nhớ. Những tâm niệm đau đáu ngay ngáy của một doanh nhân trên thương trường, một nhà ngoại giao hay một chính khách trên chính trường, một tướng lãnh ngoài chiến trường, thậm chí trâu nhớ ngõ, chó nhớ đường cũng cứ là một chữ nhớ đó thôi. Chữ Nhớ đó càng

thần diệu vào một ngày tôi lần đầu xem kinh Phật...

“Này các Tỷ-kheo, đây là con đường duy nhất dẫn đến Niết-bàn, tức bốn Niệm Xứ này đây. Ở đây vị Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm diệt trừ tham ưu ở đời...”

Trời ạ, cái gọi là con đường giải thoát duy nhất ấy cũng chỉ là hành trình của một nỗi nhớ mà chữ Phạn xưa gọi là Sati, tiếng Anh bây giờ có dịch sao cũng không đúng. Hán tạng xưa giờ vẫn dịch chữ Sati đó là Niệm. Tôi không phải là nhà ngôn ngữ học để biện giải phân tích kiểu bác học, chỉ lấy làm tâm đắc với phép Lục Thư đã làm nên chữ đó: Một chữ Kim (今) (bây giờ) nằm trên chữ Tâm (心) thành ra chữ Niệm (念), ngụ ý Niệm là khả năng ghi nhớ mọi chuyện như là chúng đang xảy ra.

Từ lâu nay trong phòng sách của tôi vẫn có một bức tranh không mấy người để ý: Tôi đã cắt dán một trái tim ghép vào bên dưới bức hình Kim Tự Tháp của Ai Cập để thỉnh thoảng tự cho mình là hành giả. Treo nổi nhớ trước mặt mà lòng cứ quên. Quên đạo để nhớ về đời!

Như đã nói ở trên, toàn bộ những thứ làm nên cõi nhân gian vui ít buồn nhiều này chỉ là những nổi nhớ. Chuyện đó đã đành. Nhưng có ai ngờ được là đã vào bằng nổi nhớ thì cửa ra cũng vẫn là một nổi nhớ khác. Một đứa bé hay một người làm cái chuyện khai sơn lập quốc, chí đến một bậc đại sĩ cầu đạo vô thượng... ai cũng đều cầm tay một chữ nhớ mà lên đường vào cuộc bể dâu...

Nổi nhớ từ đó đã là một đất trời vạn đại cho nhất thiết pháp giới dung thân.

Nó là đất sống mà cũng là cõi chết, là cơ nghiệp dựng xây mà cũng là hành trình tự hủy. Một My Châu đã vì nỗi nhớ mà chấm hết đế nghiệp của phụ vương, một Huyền Trân đã vì nỗi nhớ mà mở rộng quốc thổ cho dân tộc, một hoàng tử Tất-đạt đã nhờ một nỗi nhớ mà trở thành bậc đại giác. Nói gọn lại, anh chính là những gì anh nhớ đến trong thao thức, trở trăn!

Tất thấy những suy tư ngỡ ngàng đó về nỗi nhớ, ai ngờ đã được phôi dựng từ một xúc cảm lạ lùng với bài thơ ngẫu nhiên tìm thấy và nghe được của ông Du Tử Lê: Chỉ nhớ người thôi đủ hết đời!

Ông nói đúng lắm. Chỉ một nỗi nhớ thôi, nghìn kiếp còn chưa thấm tháp bỏ bèn gì, nói chi là cái trăm năm ngắn ngủi của một kiếp người mù sương... Nhưng chỉ những câu chữ và ý tưởng của riêng

ông thì vẫn chưa đủ để tôi chìm sâu hơn vào những nỗi nhớ. Trần Duy Đức đã một ngày đẩy nỗi nhớ đó lên một cõi thình không xa vời mộng mị bằng những làn điệu xa vắng, khơi vơi đến mê hoặc, và cái giọng khàn khàn khó kiếm của Lê Uyên đã giúp tôi lên tới được cái ngọn nguồn thăm thẳm đó vào một đêm khuya nhìn quanh không người. Biết cảm ơn người nào trong số họ đây?

Megahut, Jan/7/09

VĂN MINH SÀ-RÔNG

Toi đã mặc y Nam Tông từ bé, giờ già rồi, sau chút phong trần mới hay lá y của Phật ban hành là đồ quý. Người Hi Lạp thời Socrates hay người La Mã thời J.Cesar đều có kiểu trang phục giống hệt y áo của PG Theravada. Các kiểu quần có ống, áo có tay thấy vậy mà không đặc dụng bằng kiểu y phục dùng tấm vải lớn trùm trên quần dưới.

Cái quần hay chiếc áo chỉ có mỗi tác dụng che thân. Trong khi đó tấm sà-rông của các dân tộc Miên, Miến, Thái, Lào, Ấn....thì ngoài tác dụng y phục còn có thể dùng làm khăn tắm, miếng trải giường,

trải chỗ ngồi, khăn choàng lúc trời lạnh (nếu có hơn hai cái).

Đó là chưa kể một điều đặc biệt nữa, phụ nữ vận sà-rông nhìn nữ tính hơn, gợi cảm hơn, xấu cũng thành dễ nhìn, thêm được vài điểm. Và nếu các cơ bị mất sạch y phục, người mặc sà-rông chỉ việc vợ vội một tấm vải là đâu sẽ vào đấy thôi.

Thậm chí kẻ mặc sà-rông có thể không cần cúng tiền cho tiệm may như kẻ mặc áo quần. Hay thiệt. Chợt nhớ chiếc khăn rằn vắt vai của các cụ ở miền tây Nam Bộ cũng đa dụng như vậy: Làm tay nải, khăn quấn đầu, khăn tắm, sà-rông, hay lúc ngang nhà có chó dữ cũng yên tâm.

Nhìn người Miến hôm nay, tôi thầm mong một điều: Đừng bao giờ cái quần hiện đại thế chỗ chiếc sà-rông truyền thống, uống lắm, buồn lắm.

Tổng chi, nếu có ai hỏi tôi sao nói quá nhiều về cái sa-rông như vậy, tôi sẽ thừa rằng tấm sa-rông chứa cả một trời triết học và đạo học trong đó chứ chẳng chơi.

Kiếp người ngắn ngủi, nên thời gian, tiền bạc và công sức phải được tận dụng cho những điều thật sự cần thiết. Mặc sa-rông, ta tiết kiệm được cả ba thứ đó.

Và một tấm sa-rông đã cũ xì vẫn dùng được nhiều việc hơn là áo quần cũ. Một món đồ giản dị, dùng được nhiều việc, rẻ tiền, vả lại thêm nét đẹp thì tiếc gì mà không coi trọng nó !

VỀ HAY ĐI

Một giờ sáng, hần nằm ngó lên tường và bỗng nhiên nghe mình “đại ngộ” khi nhớ lại cuộc gọi ban chiều của một người quen, đã mười năm không gặp lại...

- Bao giờ you trở lại Châu Âu?

- Dạ, hai tuần nữa!

- Lúc nào cũng mua vé khứ hồi (Round trip) à?

- Dạ phải, có gì không? Sao lại hỏi vậy?

- Có chứ... Nói đến một cuộc đi thì người ta thường chỉ nghĩ về chỗ đến. Nhưng với cái vé khứ hồi thì chỗ xuất phát cũng quan trọng lắm.

-Xin nói rõ hơn được không, úp mở như vậy nhức đầu lắm !

-Với cái vé khứ hồi, điểm xuất phát không giống như vé một chiều (one way). Vì với nó, người ta rõ ràng đã xác định nhà mình ở đâu. Chiều đi từ Mỹ, nghĩa là sẽ trở về Mỹ. Ngược lại, nếu chiều đi từ bên kia...

- Ừ nhỉ, sao chính tôi lại không nghĩ nhiều như vậy kìa!

-Không sao...Nếu mai mốt từ bên kia về đây chỉ mua vé một chiều thì...cũng như chuyện tu hành vậy đó: Something behind you, sometimes, is the question!

Chỉ một cái vé bay mà cứ như một pho kinh lớn: Xoay lưng nhưng có lòng quay lại hay không và đôi khi anh quay lưng với cái gì có nghĩa là mắt anh đang nhìn về thứ ngược lại. Một chân lý chết người!

VỀ NGUỒN

Từ trước tuổi hai mươi, tôi đã có dịp đọc về Thập Lực của chư Phật, trong đó có nói về khả năng thấu đáo những sai biệt (nānā) trong tâm thức muôn loài mà vị Phật nào cũng phải có. Nói thiệt, hồi ấy tôi hiểu chữ sai biệt đó theo cách tưởng tượng hơn là thấm thía. Cứ hiểu đại khái trong muôn loài chúng sinh có kẻ tu nhiều, người tu ít hay nhanh chậm, nóng nguội khác nhau. Thế thôi.

Rồi theo thời gian, có thêm chút tuổi đời, tôi nhớ lại trang kinh xưa với những suy diễn thiệt lạ lùng. Những khi nghe đài xem báo hay tận mắt chứng kiến bao thứ

thiên hạ sự, thì lòng không dung nghe như có ai đang đọc lại cho nghe những lời kinh ngày cũ. Vẫn còn đầy thôi, luôn nằm ở đó, không mất đi đâu. Đi nhiều, thấy nhiều, biết nhiều hơn, chỉ để thấy bên cõi nhân gian bao giờ cũng còn đó ánh mắt nồng nàn sâu thẳm của một pho Phật tượng rêu phong. Câu chuyện nhỏ tôi viết ra đây thực ra đã được nói đến mơ hồ trong một bài viết trước, nhưng ở mỗi tâm cảnh, cách nói có thể dẫn về một phương trời khác. Tôi đang ở trên đường mà viết bài này, nên trí nhớ lại tha hồ dạt xô về những nơi chốn chưa thuộc về mình... Miễn là qua đó, tôi lại có dịp nghĩ nhiều về hai chữ Sai Biệt trong trang kinh đã xem ngày cũ, và bỗng dung tôi muốn gọi những dòng chữ này là một cuộc về nguồn để ghé lại những bến bờ sai biệt của nhân sinh.

Một dân tộc Trung Hoa rối rắm về chính trị và chẳng chịt về lịch sử đã tạo nên một thứ văn hóa mới nhìn qua đã thấy choáng ngợp: Cầu kỳ và chi tiết trong mọi lãnh vực thi văn, thơ thùa, gốm sứ, điêu khắc, kiến trúc. May mà đám Hồng Vệ Binh trong thời Cách Mạng Văn Hóa đã tàn phá một phần lớn, nay sang Tàu ngó sơ những thứ còn sót lại hoặc mới vừa phục chế, mà ta còn thấy kinh hồn. Nói chi nếu mọi thứ đều còn nguyên vẹn cả. Chẳng hiểu sao, tôi cứ trộm cho đó là những kết tinh phải có từ một thứ, tạm gọi là tâm thức Hoa Hạ, với những nét tiêu biểu là đa cảm nhưng tàn nhẫn, nhút nhát nhưng trí trá, ham chơi nhưng sáng tạo, tài hoa. Một con người có đủ những cái nết đó thì coi như khó tin nổi; từ đó,

cái máu Tàu xem chừng cũng đa đoan khó lường lắm thay!

Nhìn sang mấy xứ Hồi giáo, người ta lại thấy ra một kiểu dáng văn hóa khác: Cũng cầu kỳ tỉ mỉ, nhưng luôn gói gọn trong một vài khuôn mẫu rất căn bản và nghiêm túc. Thánh đường Hồi giáo thì gần như chỉ có một kiểu cử hành, cử tử gì đó và luôn cao vợi, âm u, kín khuất. Tôi ngờ rằng những thứ đó đều đã đi ra từ một tâm thức thuần tín, kiem ước và kỷ luật đến tàn bạo của tín ngưỡng Hồi giáo.

Tôi lại nhớ về những người Châu Phi ở Lục Địa Đen, nơi sở hữu phần lớn những thứ khoáng sản quý hiếm bậc nhất hành tinh. Vùng đất cằn cỗi khắc nghiệt đó đã sinh ra những phận người như moi lên từ những quặng mỏ. Đen đúa, câm nín, đại khờ, chịu đựng và chờ bị người ta lợi dụng.

Người Phi Châu cả đời vẫn chưa kịp có thời gian để nghĩ về mình. Khung trời sinh quán của họ đã buộc họ phải thế. Họ sinh ra cho người khác, như những khoáng sản trong lòng đất quê hương họ – cũng chỉ thuộc về những người đày đoạ họ.

Chưa hết đâu, những người Nam Mỹ hay Bắc Âu dường như cũng đều có riêng những nét đặc thù độc đáo – mà có lẽ, đều hình thành từ những điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu ở mỗi miền đất. Và xa xôi một chút, tôi theo kinh Phật mà ngờ rằng chính tâm tình rồi thì hạnh nghiệp của từng nhóm người đã cùng đưa họ về lại với nhau như ở một điểm hẹn. Tôi thực lòng rất muốn nói rằng, chỉ riêng cái tâm thức của mỗi cá nhân cũng đủ là động lực then chốt của mọi sai biệt...

Rồi thì người Việt ta nữa chứ. Tôi cũng là người Việt nên dĩ nhiên rất ngại phải nói về người mình. Tán không khéo, đồng bào rửa cho mà chết. Chỉ có thể lén đứng ngoài lũy tre làng để ghi chép vụng trộm đôi điều vô tội vạ thì may ra yên thân. Người xứ mình chủ yếu sống nhờ đồng lúa và sông rạch, đại khái tâm thức cứ như luôn ảm ứt để từ đó nhạc thì buồn, thơ thì sầu và người mình hình như thường ngại đụng đến cái gì cần tới sự cứng rắn, kỷ luật. Một nền đất quá nhiều phù sa thì rất kỵ những công trình đồ sộ, bởi rõ ràng nó không đủ cứng.

Mùa đông này có người quen rủ sang chơi nhà anh ở một nơi mà tôi rất muốn gọi là miền đất lạnh. Tôi nhận lời lên đường, chẳng phải do ham vui, mà chỉ vì ngán nổi quần chân, sợ ngồi lâu quá một

nơi rồi suy tư rêu mốc. Đang là mùa đông nên hình như ở đâu cũng lạnh. Sau cả chục giờ bay mệt muốn tàn phế, tôi xuống một phi trường xa lạ để hiểu rằng mình chỉ từ bỏ cái lạnh phương này để tìm về cái giá băng chốn khác mà thôi. Một chút hối hận cho cái gạt đầu không toan tính. Tôi nhìn quanh những dãy phố lặng im trong chiều tối, những bóng người rảo bước, những hàng cây trụi không tiếng động. Nhìn rồi lại nhìn, tôi chợt nghĩ ra một chuyện không thể nhin cười. Tôi kể với anh Phật tử cái suy nghĩ đó. Nhịp sống xứ này sao mà lặng lẽ, nặng nề quá. Nó thích hợp cho những mẫu người lầm lì vô cảm, những thứ sản phẩm âm thầm như chăn đệm, vớ bông, áo ấm,... những thứ mới nhìn qua đã như nghe được một sự thình lạng đến buồn ngủ. Có lẽ đó là lý do

khiến người ta có dịp nghĩ nhiều về thời gian và người ta đã tìm mọi cách để lắng nghe, tính đếm từng bước chân của nó để làm nên những chiếc đồng hồ nổi tiếng thế giới. Đến tận lúc này, tôi càng có dịp để tin mình đã nghĩ đúng, rằng mấy món tâm tình-hoàn cảnh-nếp sống đã nuôi dưỡng lẫn nhau. Và từ đó, nếu chiều nay có ai hỏi tôi về chuyện tu hành, tôi sẽ một mực thưa rằng tu hành là chuẩn bị một môi trường sống, và môi trường đó của mình ngày mai hoàn toàn tương thích với đời sống nội tâm của mình hôm nay. Cuộc tu hành từ đó là sự chuẩn bị cho những hành trình, những nơi chốn tồn tại. Cho đến bao giờ KHÔNG CÒN CHỖ ĐI nữa thì thôi. Ngày ấy cuộc chơi đã khép lại và vòng tròn luân hồi đã mở ra. Nguồn cao khi ấy đã cạn nước, con thác đã thôi luân

lạc và người ta sẽ gọi những viên sỏi giữa
lòng suối khô kia là Xá-lợi!

VÌ ĐÂU NÊN NỖI

Nói như thiên hạ bây giờ thì chỉ còn dăm hôm nữa là đến mùa Vu Lan rồi. Vu Lan là ngày nhớ về cội nguồn của kiếp người. Biết thương thân thì không thể không nhớ mình đã từ đâu mà có. Tạm quên Giáo lý A-tỳ-đàm, nhiều lúc trộm nghĩ, nếu không có ai ban cho tấm hình hài này thì biết đâu bây giờ mình vẫn vất vưởng đâu đó như chút hình sương bóng khói, hoặc một đóm lửa ma trời hay lại quạnh hiu làm một nhánh rong sợi cỏ ở cuối bãi đầu ghềnh không chừng. Nghĩa nặng của song đường ghê gớm là thế, vậy mà nói thiệt, tôi chong mắt lắng tai bao

lâu rồi vẫn chưa nghe thấy một nhạc khúc nào của người Việt viết cho đàn hoàng về hai đấng sinh thành. Tôi muốn nói đàn hoàng có nghĩa là nghe xong cứ muốn buông hết để chạy về với cha, với mẹ. Tôi dĩ nhiên không dám chê khen ai hay dở, chỉ tự thắc mắc là nếu thiên hạ thật lòng hiếu để sao lại có thể tuôn ra thứ ngôn ngữ vô hồn, vô cảm, dễ dãi, rẻ tiền đó. Họ viết về mẹ mà cứ như người ta khóc muốn lấy tiền. Nói ra khó tin, tôi cho rằng một hai nhạc khúc viết về người chị (vừa ra lò cách đây vài năm trở lại) hình như còn cảm động hơn tất cả những nhạc khúc viết về mẹ xưa nay. Còn về cha, thì than ôi...! Chưa hết, người ta còn viết nhạc về Phật nữa. Trời ạ, nghe một phần nhạc khúc hay chỉ liếc ngang một đoạn ca từ của thứ Phật nhạc hôm nay, tôi cứ có

cảm giác như vừa húp một muỗng cháo vừa loãng vừa nguội. Người ta cứ hồn nhiên thả vào bài hát tất cả những thuật ngữ Phật học, nghe như một bài giáo lý, rồi thì chọn lấy một giai điệu suốt mướt để ký âm. Thế là hát.

Tôi bỗng nghe nhớ Trịnh Công Sơn quá chừng (dĩ nhiên chỉ là cách nhớ một người chưa từng gặp mặt). Tôi nhớ ông đã phù phép để hô biến gần hết những từ ngữ mà thiên hạ vẫn tận dụng để viết tình ca. Ông viết tình ca mà hiếm khi đụng đến những anh, em, môi má, hôn hít, nhớ thương... Ca từ của ông mênh mang mờ ảo, như có như không, nhưng chẳng thiếu cái gì. Nồng nàn chết người và dư hưởng bất tuyệt, nghe hay đọc qua đều thấy tê tái. Tôi là đứa dốt, lại cũng là gã ngoại đạo trong cõi nhạc, chỉ lờ mờ đoán mò rằng ca

từ của ông Trịnh (và vài người cỡ ông) có được cái ma lực ghê gớm như vậy, chỉ vì ông và họ đã viết nhạc bằng cách chép lại thật lòng những gì thuộc về họ, những gì họ đã sống chìm đắm trong đó bằng tất cả tinh huyết, không vay mượn, khiên cưỡng, gò ép. Lắm lúc ngôn ngữ của họ nghe chừng có chút vô nghĩa ngờ nghệch, nhưng đó chính là tình huống mà tôi muốn gọi là cảm xúc đã phủ kín ngôn ngữ, hay nhạc và lời đang đuổi bắt nhau tận tuyệt hết mình. Một cuộc chơi lắt léo nhưng chân thành. Thế là hay, nghe qua cứ muốn chết theo. Nãy giờ tôi tuyệt không dám bàn về kỹ thuật viết nhạc của các vị đó, chỉ muốn thưa rằng sự thành công của họ đáng được xem là một gợi ý quan trọng cho bất cứ ai muốn viết hay nói cái gì.

Tình hình viết lách của người Việt

hôm nay đúng là đang bước vào một kỷ nguyên mới. Với sự tiện lợi của internet, người ta có thể đưa lên mạng mọi thứ hay nhất và dở nhất. Từ những suy tư minh triết với thứ ngôn ngữ thần tình thiên tài, đến những câu chữ tạt nguyên bất thành văn, và lắm khi là những món trộm cắp vá víu. Thế giới chữ nghĩa của Phật giáo hiện đại cũng không nằm ngoài làn sóng thời thượng đó. Ta có thể bắt gặp trên Internet rất nhiều những công trình viết lách, biên khảo vô giá, nhưng đồng thời cũng có thể bắt gặp vô khối những thứ cóp nhặt thiếu lương thiện, thiếu tự trọng. Cơ hồ một phần thiên hạ bây giờ chỉ cần nhìn thấy cái tên của mình xuất hiện trên một bìa sách hay trên một trang website là đã sung sướng rồi, bất kể con đường và hình thức xuất hiện.

Một vài hình thức trộm đạo văn hóa phổ biến nhất hiện nay, (gọi theo chữ dùng trên báo chí quốc nội) là xào hay lược công trình của người khác bằng cách thêm bớt sửa đổi chút ít, hoặc hồn nhiên một chút là giữ nguyên, rồi gắn tên mình vào. Một cách khác nữa là tự vệ bằng một động từ ỡm ờ, mơ hồ nào đó như Soạn Dịch, Biên Dịch nằm ngay sau tên mình. Hai chữ Biên hay Soạn lúc này ngầm chứa nội dung thông báo rằng “có vay mượn chút ít” ở đâu đó, và nguồn xuất xứ thì có trời biết. Cao thượng nhất trong các cách trộm đạo là dùng tình riêng hay tiền bạc thương lượng với tác giả, dịch giả để họ vĩnh viễn quên mất công trình của họ, cho mình được phép học theo Angelina Jolie là nhận con nuôi và hứa chăm sóc tử tế!

Tôi vừa thưa ở trên rằng, những tác phẩm văn nghệ có hấp lực đều đi ra từ sự lương thiện của tác giả. Họ bày tỏ những gì chính mình đã sống trọn vẹn với những trần trở thao thức, gặm nhấm, tiêu hóa, thấm thía của riêng mình. Và rõ ràng có một biên giới rất lớn giữa cái gọi là tham khảo, học hỏi từ cuộc đời với cái gọi là vay mượn hay trộm cắp từ thiên hạ. Khái niệm tác quyền ở đây không những là vấn đề pháp lý, mà còn nằm ở lĩnh vực tâm lý nữa. Một người chưa sẵn sàng với Thiền học, lại vì trào lưu mà tham khảo tứ tung để lạm bàn về lĩnh vực này, theo tôi, chính là trường hợp vi phạm tác quyền tâm lý, cũng có thể gọi là tác quyền đạo đức. Việc này không vi phạm với đời, chỉ là có lỗi với mình. Trường hợp thứ hai tệ hại hơn, chính là việc vi phạm tác quyền pháp lý, là

lấy trọn hay cắt khúc một văn bản rồi mạo nhận là của mình. Trường hợp thứ hai này nói theo cách gì cũng là phạm tội và kẻ thực hiện phải bị xem là một tội phạm.

Thế tôi muốn nói gì qua những điều vừa thưa trên đây? Xin thưa, ít nhất là hai chuyện nhỏ. Cái gọi là công trình hay sản phẩm đáng giá trước hết phải được làm ra từ sự chân thành, lương thiện. Dù là thơ nhạc hay văn triết, phải là những ghi chép trung thực cái nhựa sống có thực trong huyết quản. Và thứ đến là khả năng phân biệt cái khác nhau giữa việc học hỏi và việc chép nhặt. Và như vừa thưa ở trên, dù là vi phạm tác quyền tâm lý hay pháp lý, đều là việc phải tránh ở một người có lương tâm và tự trọng. Đành rằng đời sống và những học hỏi, tham chiếu, trao đổi, tích lũy, và ở đời muôn sự của chung,

nhưng muốn khuôn một cái gì đó về làm của riêng, dù chỉ để vui chơi, thì cũng nên nhớ đến luật chơi mà chơi cho đúng luật. Được vậy thì mới vui cả làng.

Mong thay!

VỘC NƯỚC GIỖN TRẮNG

Ni Ni Anata Anata No Koshi ! Không, không, tôi không còn...Tôi không còn yêu anh nữa!...

Đó là lời Nhật của một nhạc khúc Việt Nam mà tôi tình cờ biết được qua Đặng Lê Quân, một danh ca vắn số của Đài Loan (sinh năm 1953, mất năm 1995).

Một người quen cũ sau khi đọc mấy bài Tiểu Luận của tôi trên trang nhà Phapluan.net đã gửi Email cho tôi qua Yousendit.com và bảo tôi hãy lắng nghe hai cái File trong đó để xem có chút ấn tượng gì về chúng không. Thiên hạ lại muốn tôi phù phép hai nhạc khúc đó ra một bài học giáo

lý. Trời đất, tôi mù tiếng Nhật, âm nhạc lại là vùng cấm. Tôi chợt nhớ đến câu khẩu quyết thứ hai nhật từ Thánh Kinh là hãy làm trẻ con để về nước Chúa. Tôi lơ đãng ngó lên trần và buông thả thính giác. Rồi thì một ảo giác thật nhẹ...

Một đêm mưa nào đó, tôi tắt hết đèn và kéo màn cửa sổ để ngó ra trời khuya đang tầm tã. Xa xa ngoài kia, là một tí đèn đường vàng vọt. Rồi một mình lắng nghe người ca nữ đó hát nhạc khúc trên bằng tiếng Nhật. Sao lại phải tiếng Nhật ? Xin thưa, với âm hưởng tiếng Việt quen thuộc, ta khó mà gửi lòng ra giữa mưa khuya để mà lưu lạc tại chỗ. Sao lại chẳng tiếng Tàu ? Xin thưa không khéo lại nhớ Tô Châu Dạ Khúc hay Bến Thượng Hải thì ta lại giạt về một bến đỗ Thi Thiết khác. Cái ta cần ở đây là một thể nghiệm cho hành giả

trong trò chơi đánh đố giữa tập khí và khả năng giác ngộ. Và với âm thanh xa lạ của Nhật ngữ, trong làn hơi xa vắng cao vút của Đặng Lệ Quân thì ta muốn trôi về đâu cũng tới.

Rồi thì nhạc khúc Diễm Xưa của Trịnh Công Sơn là cuộc chơi tiếp nối, cũng có một cõi riêng bẽnh bồng như thế. Trong tiếng Nhật nó thành ra Utsukashi Mukashi (Beautiful Past, Mỹ Tích), dịch sát từng chữ của Diễm Xưa. Để tìm tư liệu viết bài này, tôi đã vào Internet và biết thêm rằng người ca sĩ hát bài này hay nhất là cô Tendo Yoshimi. Cái lạ lùng là người Việt nghe nhạc Việt qua lời Nhật thì tự nhiên dư ra một cảm giác thật độc đáo. Gần như cảm giác uống trà Việt trong một trà thất của Nhật. Và hình như để đạt tới cái Quai Nhai Cảnh Giới của xúc cảm lúc đó thì

người nghe nên quên mất ý nghĩa của lời Việt nguyên thủy. Chỉ nghe để mà nghe. Sutam sutamattam bhavissati. Đó là một phần tư bài khẩu quyết mà ngài Bāhiya Dārucīriya đã học thuộc hai mươi lăm thế kỷ trước để trở thành một bậc thánh, dù rất yếu mệnh. Ngài cứ như một người ghé bến nhân gian để làm xong đạo nghiệp rồi từ đó ra đi chẳng về. Như Kinh Kha rời bỏ sông Dịch ngày sau. Cách ngài khoảng ba thế kỷ.

Tôi đã nghe lời Nhật của hai nhạc khúc trên đây bằng chút dụng tâm của người soi gương. Mặt gương và mặt người là hai thứ khác nhau. Tập chú vào sợi tóc trên má thì sẽ không thấy mặt gương. Chăm chút lau sạch mặt gương thì tạm thời không thấy được mặt mình. Dù hai thứ đó cùng trên một mặt phẳng. Để

thấm thía điểm này xin xem thêm trong Patisambhidamagga (Tam Tạng cuốn 31/45, chương Ditthikathā). Ngay trên một đối tượng, ta hoàn toàn có thể ghi nhận nhiều khía cạnh khác nhau. Tôi cứ muốn gọi đó là tuyệt kỹ khinh công Thủy Thượng Phiêu, đi trên nước mà không chìm vào nước. Đó cũng chính là một kinh nghiệm về phép tu hơi thở. Hành giả có thể nhìn ngắm hơi thở theo cách nào cũng được, miễn là đang lúc Quán thì không chìm trong Chỉ và đang lúc Chỉ thì không rơi vào Quán. Dù khi đã chứng ngộ thì làn ranh giữa hai cảnh giới này chưa bằng một phần tử của sợi tóc.

Hãy nghe Đặng Lệ Quân hát Không của Nguyễn Ánh 9 và Tendo Yoshimi hát Điểm Xưa của Trịnh Công Sơn để tự trắc nghiệm nội lực của mình. Hãy thử học cách tìm

quên ngay giữa cõi nhớ. Hãy nghe bằng thứ tâm trạng phiêu hốt như sương sớm trên hồ. Bay trên hồ nhưng không tham dự vào mặt nước. Ngay lúc này NÓ chỉ là NÓ. Hãy thấy NÓ đúng như bản chất tự thân của NÓ. Bất cứ thứ gì chung quanh nó, hay trên hay dưới nó dù chỉ với khoảng cách một sợi tóc, cũng đừng lưu tâm. Như đến lúc nào đó, toàn bộ Giới Bốn của tỳ kheo hay tất cả đề mục của hành giả đều gói gọn trong chữ Niệm. Buổi đầu có thể còn nhớ đó là học giới thứ mấy. Lâu dần rồi trọn vẹn tam nghiệp đều được điều động bằng Chánh Niệm. Cái họ giữ được lúc đó thực ra còn nhiều hơn cả mấy trăm học giới. Như một cua-rơ chuyên nghiệp trên đường đua có thể chỉ dán mắt vào con đường phía trước, quên sạch mọi thứ. Nhưng cũng chính nhờ vậy, sau đó anh ta

có đủ mọi thứ. Một người bán hàng rong vì phải nhớ nhiều thứ quá, cuối cùng cái thu được chẳng nhiều lắm. Vấn đề lớn trong đời sống đôi lúc không nằm trong những khái niệm nhiều ít lớn nhỏ...

Điều vi diệu thứ hai là đôi lúc trong đời, nhìn không hẳn là thấy và thấy không hẳn là phải từ cái nhìn. Hãy nghe hai ca nữ đó để có thể vượt khỏi biên giới xứ Việt và tìm về một cố đô Nhật Bản cổ kính với những ngọn thạch đăng rêu phong trong một khu vườn lạnh. Ở đó có một rừng trúc xanh tươi bốn mùa và bên kia bờ tường là một tiếng đàn Koto réo rắc xa xôi của một nàng Nghệ Giả (Geisha). Xin đừng lầm cái bản lãnh Thủy Thượng Phiêu ấy với sự tưởng tượng của một anh nhà nghèo ăn cơm với con cá bằng gỗ. Hai thứ đó khác nhau nhiều lắm. Một bên là sự tự ủy trong

nổi thèm khát, một bên là khả năng chế
đôi sợi tóc để bước vào và đứng trên mảnh
đất thực tại một cách tự tại.

Đến đây thì hẳn có người sẽ tự hỏi là
tôi đang làm cái gì đây. Giới thiệu thanh
nhạc thế tục cho một đạo tràng thanh
tịnh hay sau một cuộc rong chơi rồi buổi
về lúi lo vài chuyện vặt làm quà cho kẻ ở
nhà quét lá thờ Phật?

VÔ VỊ CHÂN NHÂN

- Đây xuống đó không xa nhưng bất tiện đường sá đò cầu, có lẽ mỗi năm con chỉ có thể về thăm thầy một lần thôi. Xin thầy bảo trọng và khi có chuyện cần, xin nhờ người nhắn tin gấp cho con. Chậm lắm cũng trong hai ngày là con đã về tới rồi.

- Cám ơn con, ta thấy vậy nhưng không sao đâu. Quanh ta bây giờ còn có các huynh đệ khác của con. Điều quan trọng là ở đâu và lúc nào cũng hãy nghĩ là có ta bên cạnh. Đừng lo lắng gì, con lớn rồi, trước sau gì cũng phải xa thầy để đi làm cái gì đó. Đạo nghiệp của chúng ta không phải chỉ có chuyện truyền thừa tại chỗ,

mà còn hoảng hóa muôn phương nữa.
Con nhớ chứ!

Gió đêm mơn man quanh thảo bạt như để mang đi câu chuyện trao đổi của hai vị sơn tăng ra khắp núi rừng. Nhà sư trẻ cúi chào lão hòa thượng lần nữa rồi bước xuống chân thang. Đi được vài bước, thầy nghe tiếng sư phụ đằng hắng:

- Quên nữa, con cũng nên đến chào lão Cầm lần cuối trước khi đi, xem lão có dặn dò thêm điều gì...

- Thưa, phải ạ, bạch sư phụ, có lẽ là vào hôm con đi ạ!

Lao sơn là một ngọn núi cao nhất trong vùng, nhưng khách xa đến viếng hầu như không chú ý đến chiều cao đó. Với họ, cái bắt mắt nhất vẫn là một ngôi cổ tự nằm cheo leo bên sườn núi với một mái ngói cong vút như lưỡi đao và những

hành lang bằng gỗ như gắn hờ trên vách đá thẳng đứng nhìn qua đã thấy chóng mặt. Chẳng biết người khai sơn xưa kia đã nghĩ gì khi chọn lấy chỗ hiểm địa kỳ khu thế này, nhưng rõ ràng ngôi chùa hiện tại đã là chốn danh thắng nổi tiếng, dù nhiều người chỉ có thể đứng nhìn từ xa. Và ngắm trăng từ sơn tự Lao Sơn là một kỳ thú của bao cao sĩ mặc khách quanh vùng.

Nhưng đối với một ít người trong số đó, hấp lực của Lao Sơn chính là một thảo xá tồi tàn nằm tro tro dưới chân núi. Chủ nhân là một tiểu phu tóc trắng mà người quen biết vẫn gọi là lão Cầm. Hiếm người ghe thấy lão mở miệng bao giờ, nên hầu hết cứ gọi lão Cầm. Lâu ngày, những người biết chuyện cũng gọi lão như thế. Kỳ thực, lão chỉ là người thậm ít nói, khi nói cũng không mấy lời và chỉ phá lệ mở

miệng với rất ít người. Đã vậy, lời lão giản phác như gió rừng, mơ hồ như sấm ký. Có điều, càng ngẫm nghĩ càng thấy kỳ lạ, xài đâu cũng được, hiểu sao cũng xong. Đặt nhẹ tay đẩy hành lý xuống đất, Tâm Huyền hắng giọng gọi khẽ:

- Lão trượng! Tâm Huyền đến chào biệt ông đây, mai một chắc là ít có dịp gặp lại ông.

Lão Cầm đang ngồi xoay lưng ra ngõ và hì hục nặn đất làm thứ gì đó như là mấy cái nôi gốm. Ông quay người lại, neho mắt nhìn:

- Chào thầy, lại đi à? Bao xa? Bao lâu?

- Dạ, sau hôm mãn khóa, hòa thượng dạy tôi xuống Dĩ Trấn dựng chùa. Lần đầu dám đương chuyện này một mình cũng thấy bất an. Ngài bảo tôi đến gặp ông.

- Đội ơn hòa thượng xem trọng lão, lão không dám đầu thầy.

- Chuyến này đi xa chỉ có một mình, cũng có chút bồi rối, nếu có được đôi lời của ông thì tôi chắc dạ hơn...

Lão Cầm vo ve chút đất thó trong tay, mắt nhìn xuống, thông thả:

- Từ chỗ không chi mà có chút gì đã khó. Khi có rồi lại đủ sức trở về với cái không chi một cách bình tâm thì càng khó hơn. Nhưng cả hai việc khó ấy đều là chuyện phải làm.

- Xin lão nói rõ hơn ạ!

- Dám vô danh khi có thể hữu danh thì phải là bậc đại hùng. Ai cũng có thể nói câu 'sự thành thân thoái', nhưng không phải ai cũng có thể đứng trong bóng đêm mà vun xén cho đời. Nói nhẹ nhàng thì cũng vì tiếc công. Chỉ có bậc đại nhân mới

có thể đứng sau thiên hạ mà quên mất công tích của chính mình. Niềm vui đó lớn lắm, vì tri kỷ của mình lúc đó phải là bậc đại hiền. Hàng cao sĩ mới nếm được cái thú cao nhã này. Nhưng nói gọn lại thì gì cũng chỉ là bè cỏ qua sông!

Một khách tăng xem chừng cũng người uyên bác đến Lao Sơn cầu pháp với hòa thượng. Gặp lúc khó ở trong người, ngài chỉ tiếp một buổi rồi cáo bệnh để nhập thất tĩnh dưỡng sau khi gợi ý vị này xuống gặp lão Câ. Được khác hỏi về các truyền thống kinh điển để xem đâu là pháp nhũ Phật thân, lão Câ cười bằng mắt:

- Lời Phật xưa là tiếng nói đi ra từ sự thể nghiệm chứ không phải tưởng tượng, và vì nhắm thẳng kẻ hữu duyên nên gãy gọn và thâm hậu như những tâm ấn xuyên

thấu lòng người. người hậu học hôm nay nếu có thiện duyên vẫn có thể nhận được những huyền nghĩa đó. Thế Tôn biết chỗ phải đến là đâu nên tuyệt chẳng cần chi thứ ngôn phong lý luận khoe mẽ của loài mọt sách vốn đầy dẫy trong các ngụy thư. Ngũ khi của ngài có cái hùng lực tự nhiên của sấm sét. Xưa nay các làn chớp trên trời chỉ đơn giản một hình rẽ cỏ mà uy lực khôn lường. Những trò hí luận của phàm phu chỉ là dấu hiện của những cơn phẫn khích trên từng sở đắc cá nhân. Một số kẻ giống người lượm củu tình cờ tìm thấy một hang động ẩn khuất đã thơ ngây nghĩ mình là người duy nhất phát hiện ra cõi riêng mâu nhiệm ấy. Họ nhặt nhanh, lắp ghép và tô vẽ chút ít rồi tự xem là một thành tựu. Hí luận của phàm phu từ đó lan man sa đà rồi lạm phát nguy hiểm.

ngươi tầm ngươi và mã tầm mã, trẻ con ham chơi cứ tìm đến với nhau mà quên chuyện khôn lớn. Chúng tung hê nhau bằng những trò cờ lau tập trận rồi thậm xưng nọ kia là những quân công chiến tích, người danh tướng để ta anh hùng.

- Xin hỏi nếu bỏ đi những gì có vẻ đơn đặt của đời sau thì liệu phần tinh khôi còn lại có quá ít ỏi chăng?

- Những thứ thiết yếu cho sinh mạng con người có thể chỉ đơn giản vài thứ như cơm nước, rau, trái, nắng gió. Ít chăng? Liệu ta có chịu ăn, chịu thở đúng mức những thứ căn bản đó để nên vóc nên hình hay chưa mà lại đi tìm thêm những linh đơn bí dược để thiên hạ thêm nguy cơ ngộ độc. Trong từng thứ hoa xuân, lá hạ, sương đông vốn đã có đủ đất trời huyền hữu. Ta đã chịu thấm thía hết mình với

chừng đó bài học chưa mà lại ham chuyện chuốt lục tô hồng thực tại để mong tìm ra những phương trời lạ chỉ khiến mất thời gian. Nếu mọi sự chỉ là nổi ngộ nhận riêng mang thì đã là đáng trách, nói chi việc cố ý dối thế gạt người lại càng nặng tội lắm thay. Bi kịch lớn nhất của thời mạt pháp là nhiều mà cứ thiếu, khi thánh hiền xưa ít mà vẫn đủ!

- Xin hỏi liệu đơn giản như thế có thể thích ứng kịp thời với lòng người hôm nay và nên chăng một hình hài mới mẻ cho Phật pháp như là phương tiện hoàng đạo?

- Ảo hóa cả thôi. Và hãy cẩn trọng kẻ bày ra được mà không dẹp được. Phàm phu có làm sao cũng không ra khỏi bàn tay đức Phật. Lời ngài dù chỉ ít như một nắm lá cũng thừa chỗ cho ta nghìn kiếp ruổi dong. Một hơi thở có bi có trí cũng là cánh

cửa dẫn vào đất Phật. Chùng đó vẫn chưa đủ chăng? Hai bàn chân bé bỏng của ta có thể cùng lúc đặt lên được bao nhiêu con đường chứ. Thấy trọn vẹn một thứ sẽ gặp gỡ bao nhiêu thứ khác. Muốn nhăng cuội để lập giáo ư? Để làm gì và cho ai? Nhặt vội dăm chiếc lá trong vườn Phật để ghép một bức tranh rồi vung vít mạo nhận mình đã tạo ra một sơn hà riêng biệt liệu có nên chăng? Đó là chưa nói đến những cạm bẫy tàn độc của ai đó muốn gây nên cảnh huynh đệ tương tàn mà đối tượng đầu tiên của họ là những tâm hồn nông nổi ưa nhãn hiệu. Thỉnh thoảng cũng có người hiểu được sự tình thì cũng vì mặc cảm cá nhân mà đành suốt kiếp đuổi theo mũi lao đã phóng.

- Xin hỏi nếu thêm thắt cái mới là chuyện chẳng nên, thì việc lược bỏ đôi

điều truyền thống mà giờ xem ra có chỗ lỗi thời, liệu có nên chẳng?

- Lời Phật được dạy bằng Phật trí nên chẳng hề có chỗ thiếu, chỗ thừa để có thể thêm hay bớt. Biết sao gọi là lỗi thời? Tập khí của chúng sinh thời nào cũng thế, như bệnh tật hay đói khát là những thứ vốn chẳng có tuổi tác nên trên căn bản, thuốc men và thực phẩm thời nào cũng thế. Vả chẳng, lời Phật chỉ mới chừng ấy năm tháng sao lâu bằng được cốt khí phiền não của phàm phu, mà có thể nói là lỗi thời? Như người thời nay có thể vì hoàn cảnh mà phải sinh hoạt theo thời thế rồi từ đó đôi khi lại thấy Phật pháp có chỗ lỗi thời, cổ hủ. Nhưng chuyện thực không như họ nghĩ. Chẳng hạn một mảnh bạc vụn hay miếng bánh nhỏ cất lại qua đêm vốn chẳng được phép. Luật ấy chừng

như có chỗ khuyết khe quá đáng. Nhưng
ngẫm mà xem, lòng phàm sao tự biết giới
hạn. Giữ được chút ít rồi ra có lúc nên cả
gia tài. Sa môn khi có sản nghiệp tài vật
ai biết được sẽ sinh thêm những chuyện
gì. Lên cao một chút, bất luận sở đắc nào
khác dù thuộc tinh thần cũng được Phật
cảnh báo là bè cỏ qua sông, dầu đó có là
đức hạnh, kiến văn hay thắng trí thiên
định, tất thấy đều là của tạm, chẳng được
cư mang tâm đắc. Chỉ một chút bám
vív, đạo nghiệp giải thoát còn đâu. Lời
Phật kỳ thực chỉ gói gọn trong hai điều
giáo hối nên làm và chẳng nên làm. Đã là
lầm lỗi biết sao gọi là nhiều, thế nào gọi
là ít. Tí lửa cũng đủ cháy rừng. Xét đến
như thế thì bàn chi đến chỗ lỗi thời hay
cập nhật trong Phật pháp để tha hồ thao
túng thêm bớt? Riêng mình có thể vì tội

căn mà thói đạo, nhưng tuyệt chẳng nên viện lý rồi công khai uốn nắn lời Phật. Nếu các thế hệ cổ đức ngày xưa đã theo thời mà tùy tiện thêm bớt Phật pháp thì dám hỏi cái gọi là kinh điển nguyên thủy mà ta gặp được hôm nay đã có hình thù ra sao? Nãy giờ khách cứ tròn mắt nhìn lão Cẩm, lắng nghe đến như quên thở. Rồi thấy ông bất chợt im lặng không nói nữa, khách sức tỉnh và vẫn ngược nhìn thành kính:

- Lão đáng là bậc long tượng trong chốn tông lâm nhưng xin hỏi vì sao cứ là một cư sĩ ẩn tích thế này để chúng sinh thiệt thòi tội nghiệp?

Giờ đến phiên lão Cẩm nhìn khách ngạc nhiên một lát, rồi thủng thỉnh đưa tay phủ áo mà trong mắt vẫn như đang có một nụ cười:

- Chắc là kiếp xưa từng có lần phạm tội Ba La Di nên đời này ngại đắp y chẳng!

Chủ khách cùng cười lớn một tràng dài. Lá rụng bên hiên. Khách chia tay lão Câm xuống làng, tình cờ gặp bà lão hàng nước ven đường. Thấy khách ra từ miếng rẫy, bà mời một chén nước và hỏi có gặp lão Câm, ông gật đầu. Bà lão ra chiều suy nghĩ:

- Người ngợm gì thật lạ, lão cứ tư mùa lạng thình như đá núi, ai đối xử ra sao cũng không nói gì. Sống nghèo một mình trong góc núi, có lẽ lão buồn quá rồi hóa cuồng chẳng?

Khách lắc đầu, mắt nhìn về phía núi:

- Nếu có cuồng thì là ai khác chứ không phải lão Câm đâu bà ạ. Với riêng ta, giữa thời mạt pháp này, người như lão đúng là Vô Vị chân nhân đấy, thưa bà.

VU LAN NGUỘI

Mẹ tôi đau nhiều, đau nặng, đúng ngay mùa Vu Lan 2008. Hôm nghe được tin buồn đó từ bên nhà, tôi đang đứng xăm xoi mấy chậu cây Bonsai ở tiệm. Buông hết, tôi nhắm chặt mắt lại trong mấy giây. Không phản ứng như một người đời, tôi chỉ điếng người trong vài giây khi nghe nói mẹ ra máu ướm cả ngực áo. Trên đường về, tôi chỉ còn thấy được mấy cái đèn đỏ để mà dừng, ngoài ra gì cũng nhòa đi. Không hề khóc, tôi chỉ không nhớ được gì nữa. Chỉ còn nhớ được một chuyện: Tôi trái tính khó thương nhất nhà, nhưng mẹ thương tôi nhất, cực với tôi nhiều nhất...

Con đã bốn mươi rồi, bây giờ gặp lại mẹ sẽ thấy khá hơn hồi xưa mà. Tôi nói thầm câu đó như một lời nguyện cầu, một câu nói cho mẹ tôi. Câu chữ rõ ràng như là bên kia đại dương mẹ tôi có thể nghe được.

Chiều nay, sau một cuộc gọi về bên nhà để biết mẹ đã khá hơn đôi chút, tôi bình tâm ngồi vào bàn viết và trong dăm phút rồi, tôi ghé vào Saigonbao.com và bắt gặp trang Web của nhà thơ Trần Trung Đạo như đã có một cái hẹn. Thơ hay văn của ông đều hay. Tôi chẳng biết gì về chính trị để bàn về khía cạnh này ở ông, nhưng tự thâm tâm rất muốn đặt cạnh ông một danh xưng thiệt xứng đáng, riêng ở mặt văn nghệ. Sinh thời, nhà văn Mai Thảo từng gọi thi sĩ Du Tử Lê là Nhà Thơ Áo Vàng, tức thi sĩ chiếu trên, trong cõi thơ tình hải ngoại, sánh ngang với Nguyên Sa,

Cung Trầm Tưởng. Đó là trong cõi Tình. Nhưng trong cõi Tâm, riêng tôi cũng rất muốn gọi nhà thơ TTĐ là nhà thơ áo vàng. Tâm tình của ông về mẹ, về quê hương, về dân tộc cũng đẹp như của nhiều người nhưng qua một giọng thơ khó tìm. Ngày trước, tôi biết đến ông qua bài thơ Em Bé Việt Nam Và Viên Sỏi làm ở trại tỵ nạn Mã Lai mười năm trước. Chiều nay là một bài thơ khác của ông về mẹ. Thơ hay về mẹ của các tác giả khác thật ra có không ít, nhưng để thấm thía bàng hoàng thì đến giờ, có lẽ khó ai qua được Trần Trung Đạo với bài Đối Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười. Mấy năm trước, tôi từng biết bài thơ này qua vài trích đoạn ở đâu đó, thấy hay, nhưng không đã đời bằng giây phút đọc trọn bài và nghe giọng ngâm chất ngất của chính tác giả cùng vài thi hữu của ông,

trong buổi chiều muộn này của mùa Vu Lan 2008.

*“Nhấc chiếc phone lên bỗng lặng người
tiếng ai như tiếng lá thu rơi
mười năm mẹ nhỉ, mười năm lẻ
chỉ biết âm thầm thương nhớ thôi*

*Buổi ấy con đi chăn hện thê
ngựa rừng xưa lạc dấu sơn khê
mười năm tóc mẹ màu tang trắng
trắng cả lòng con lúc nghĩ về...”*

Dầu vì vận nước hay giận nước mà bỏ đi, bao người con xa xứ chỉ còn có mỗi cái phone để mà biết mình còn có mẹ ở bên kia ngàn trùng. Có người còn thăm hơn, không còn mẹ ở đầu dây kia nữa. Mẹ của họ đã đi xa ngay hồi bên này phải mua

từng cái thẻ điện thoại để kêu về bên nhà với tiếng còn tiếng mất. Bây giờ gọi dễ hơn thì không còn ai để gọi. Đọc mấy câu của Trần Trung Đạo buồn nẫu ruột. Ngựa rừng xưa lạc dấu sơn khô. Ừ thì mấy đứa con của mẹ làm gì biết được buổi về là bao giờ mà hẹn. Đứa nào cũng lạc dấu, mất lối. Tóc mẹ thì cứ bạc, con thì cứ đi, đi cho đến một ngày chính mình cũng tóc trắng phù vân. Cảm ơn tác giả đã có mấy vần thơ đẹp mà đúng quá chừng.

*Mẹ vẫn ngồi đan một nỗi buồn
Bên đời gió tạt với mưa tuôn
Con đi góp lá nghìn phương lại
Đốt lửa cho đời tan khói sương*

Đọc mấy câu đó tôi cứ thấy ra hình ảnh mẹ tôi đang ngồi bên cửa ngó mông

ra đường mỗi chiều, hay lủi thủi vào ra bên bậu cửa giữa khuya với cặp mắt kèm nhèm không thấy được gì trong bóng tối nhân gian. Mấy đứa con ở cuối trời mỗi người một hướng và nếu có sống bằng thiện chí, có chút đóng góp nào cho thiên hạ, thì suy cho cùng cũng chỉ là cái việc quét lá vườn đời mà thôi. Viết lách riêng tư hay hoạt động âm ỉ đều chỉ nhằm nhen chút lửa cho quê hương đâu đó, cho tình người đây kia...

*Nhấc chiếc phone lên bỗng lặng người
giọng buồn hơn cả tiếng mưa rơi
ví mà con đổi thời gian được
đổi cả thiên thu tiếng mẹ cười*

Chỉ cần nhớ mẹ chỉ có một và thời gian còn mẹ ngày một ít dần thì một

câu nói hay tiếng cười nào của mẹ cũng thiêng liêng hết. Cái giọng ngâm của tác giả Trần Trung Đạo thật ác. Nói về mẹ phải là giọng nam trầm mới hay, đã vậy, ông còn mang theo vào đó một chút âm sắc đặc hữu của đất Quảng Nam mới chết người. Không kiêu sa như giọng Bắc, không sang trọng như giọng Huế, mà cứ đậm đà và chuẩn mực theo cách rất riêng của xứ Quảng. Nghe chính tác giả trình bày thi phẩm, rồi thì những giọng ngâm khác bên cạnh ông, tôi chợt nhận ra một điều lạ: Có giọng ngâm khiến tôi tưởng mình nhớ mẹ bằng cổ, khi cứ nghe ở đó một chút gì nghiền ngẫm. Có giọng ngâm làm tôi tưởng tim mình đang thắt lại, có giọng ngâm làm lạnh buốt đôi chân, có giọng ngâm khiến sồn cả da gà và có giọng ngâm làm tôi nghe cay nhiều ở mắt.

Mùa Vu Lan đang bắt đầu lụi xa, chuyện tôi viết ở đây bắt đầu muộn màng trên tờ lịch. Nói kiểu người trong nước, đề tài đã bắt đầu nguội, đã mất tính thời sự. Vậy mà ngồi nghe lại bài thơ của ông Trần Trung Đạo, đã làm từ bao năm rồi, tôi vẫn nghe nó tinh khôi mới nguyên như chỉ mới vừa hoàn tất chiều nay, và để tặng riêng tôi, dù nó là của chung, của cả những người hôm qua đi lễ chùa chỉ nhận được một đoá hoa màu trắng.

Xin cảm ơn tác giả bài thơ và dĩ nhiên, cảm ơn luôn những giọng ngâm đã đưa người nghe vào một góc phòng khuya với chiếc phone trên tay và giọng nói đầu kia là của mẹ. Và những bà mẹ đang chờ chúng ta ở địa chỉ này đây: <http://www.trantrungdao.com/?cat=20>

Onceland, Vu Lan 2008

XUÂN, HẠ, THU, ĐÔNG ... RỒI XUÂN

Buổi chiều ghé ngang bưu điện, ngoài những thư từ tạp nhạp, còn có một gói giấy mỏng như cuốn sách, không biết của ai gửi. Tôi quẳng tất cả vào chiếc thùng giấy sau xe. Trên đường về, có một cú phone đường dài, thì ra anh Dũng, một người quen đã lâu không gặp mặt. Anh bảo vừa gửi tôi một cuốn phim và hỏi đã nhận được chưa. Anh nói lúc xem phim cứ nhớ đến tôi và bất chợt muốn nghe tôi chia sẻ đôi điều gì đó.

Tôi không phải tín đồ của điện ảnh, chẳng mấy khi xem, nói gì là nghiện. Nhưng lúc xem xong cuốn phim đó, xem

và hiểu theo cách riêng của mình, chẳng hiểu sao cứ băng khuâng mấy giờ liền...

Cuốn phim của Hàn Quốc, cái tựa thậm thượt và nghe phát nản: Spring, Summer, Fall, Winter... and Spring. Và đúng như cái tựa, chuyện đời của các nhân vật trong phim cứ từng bước phù trầm đổi thay qua từng dấu mốc thời gian hết như bốn mùa trong năm. Cả cuốn phim cơ hồ chỉ nói đến hai người, mà nổi bật có lẽ chính là nó!

Nó hồn nhiên lớn khôn như một hòn cuội, một cánh bướm, một con nhái bén bên hồ. Sư phụ là tất cả đối với nó, và chỗ ở của hai thầy trò có lẽ thơ mộng đáng vào bậc nhất thế giới: Một am gỗ xinh xắn và cổ kính nằm giữa hồ nước mênh mông, bốn bề là cây rừng và đá núi . Nó nghịch ngợm đáo để, nhưng cũng nhiều ngộ tánh. Có lẽ đó là lý do để sư phụ xem nó như chút

bận lòng của ông giữa cuộc phù sinh nhất thiết giai không này. Nó lầm lỗi, ông phạt nó, dạy nó. Nó khóc một, ông đau mười, nhưng ông vui vì nó hiểu chuyện nhanh lắm và cũng giàu lòng nhân. Hai cái đó cộng lại cũng đủ biến nó thành ông thầy tu rồi còn gì.

Dòng đời nhanh và gọn như từng mùa mưa nắng trong cõi nhân gian. Thoắt cái, cậu bé kháu khỉnh ngày nào bây giờ đã ra một chàng trai trẻ vạm vỡ, khôi ngô, dù vẫn tiếp tục hồn nhiên tắm gội trong suối nguồn đạo tình thâm hậu của người sư phụ mà mái đầu giờ đã pha sương. Một chuyện nhỏ nhưng lại là một biến cố lớn đã xảy đến với chốn thanh tu tịch mịch này vào một ngày có khách đàn việt ghé chân.

Họ là hai người phụ nữ, một khỏe một bệnh. Sau cuộc thương lượng đơn

giải, cô gái mắc trọng bệnh kia được gửi lại chùa để uống thuốc núi. Cô ở lại một mình và sau dăm ngày lạ lẫm với nếp sống tẻ nhạt lặng lẽ ở đây, cô đã tìm thấy một niềm vui mới.

Vị sư già xem cô như một đứa con, và chàng thanh niên vô tư lự kia đã đem cái hồn hậu của núi rừng mà đối xử với cô như một cô em gái. Thế rồi tiếp nối theo đó là những ngày vui bất tận của hai người. Con thuyền nhỏ của chàng đã đưa nàng đến từng bờ cây, hốc đá, nơi đã một thời là thế giới tuổi thơ của chàng, để cùng nghe chim hót, nước chảy.

Chàng lần đầu gặp mặt và sống gần một người không phải sư phụ, và đó lại là một thiếu nữ có nhiều cá tánh. Chàng đã chết ngất trong ánh mắt, nụ cười và cả giọng nói của người bạn mới. Đổi lại, cơn

bệnh trầm kha của nàng đã bay biến đâu mất, và thay vào đó là một sức sống mãnh liệt với một thứ ân tình khó gọi tên, đã kín đáo nảy mầm với ngay người bạn khác phái vẫn gặp gỡ, rong chơi với nhau mỗi ngày.

Vào một chiều nắng quái bên hồ, giữa khung cảnh trời nước bao la gợi cảm, họ đã cuồng nhiệt yêu nhau ngấu nghiến, quên mất người sư phụ bên kia hồ đang sửa soạn buổi kinh chiều. Chuyện vụng trộm giữa hai người dĩ nhiên không thể giữ kín mãi. Hôm đó, sau một cuộc vui cháy bỏng ngay trên con thuyền nhỏ giữa hồ, hai cô cậu đã hồn nhiên ôm nhau ngủ say, bỏ mặc sóng nước vô tình muốn đưa đẩy về đâu cũng được.

Chẳng biết cơn gió quái ác nào đã xô con thuyền tự trôi về phía am. Và người

sư phụ đã nhìn thấy cảnh tượng mà ông tuyệt không ngờ được. Ông đã gọi hai người đến để hỏi thăm bệnh trạng của nàng, và sáng hôm sau đã buộc nàng rời am về phố. Nàng đã ra đi trong cái dõi nhìn đau đớn của chàng.

Đạo tâm của gã tiểu tăng bây giờ chỉ còn là một bọt nước sẵn sàng vỡ tan. Hắn đã từ một phút rong chơi bên tục mà quên mất nẻo về bờ giác. Trách gì người Trung Hoa xưa giờ vẫn truyền khẩu câu nói tiểu Hòa thượng miệng niệm Phật mà lòng không có Phật. Phật vẫn ngồi đầy thiêng liêng trong ánh nến của ngôi cổ am, nhưng trong mắt gã tiểu tăng kia, giờ chỉ còn một bóng hồng áo lục đã khuất nẻo từ lâu, mà đến tận buổi khuya này, chừng như vẫn còn lẫn khuất đâu đây với một làn hương nhẹ nhàng mộng mị.

Rạng sáng hôm sau, lặng lẽ rời am với bức tượng Phật cổ trên tay như chút vốn liếng trên đường đời trước mặt, gã tiểu tăng đã bỏ am, bỏ thầy lên đường không một lời chào. Gã đi theo tiếng gọi của Vô minh. Nhưng tất cả những tình tiết nhiều kịch tính từ đầu bài đến đây, thực ra, chỉ là cái nền cho một nội dung nằm ngoài mọi dự tưởng.

Năm tháng lại trôi đi như từng mùa xuân thu. Người sư phụ ngày nào giờ đã là một lão tăng quắc thước. Một chân nhân thâm hậu đạo lực và một cụ già hom hem hẩm hiu – cùng lúc tồn tại trong một hình hài còm cõi già yếu đó. Ông vẫn sáng sáng chèo thuyền vào xóm hóa duyên, lặng lẽ mong manh trên con thuyền nhỏ giữa hồ như một cái bóng câm lặng.

Sáng hôm đó, mở gói giấy báo đựng bánh khọt thực để chuẩn bị độ trai, ông bất chợt đọc được lệnh truy nã của nhà đương cuộc đối với một hung thủ sát nhân. Tin đăng kèm ảnh. Ông lặng lẽ đưa mắt nhìn ra mặt hồ mênh mông, như để cố nhớ lại khuôn mặt bầu bĩnh của cậu đệ tử bé xíu năm nào. Ông thấy hết, biết hết, nhưng không sao đổi khác chuyện đời.

Rồi đúng như nhà sư già đã định liệu, hắn đã trở về. Gã đệ tử vô hạnh kia đã trở về ngôi cổ am để gặp ông và mang trả lại thầy bức tượng Phật ngày nào. Ông hỏi chuyện, hắn khóc như đứa trẻ và trả lời không giấu diếm. Bỏ chùa ra đi ngày ấy, hắn đã tìm gặp được nàng và lấy nhau hạnh phúc. Nhưng cái hồn hậu, đơn bạc của núi rừng đã không cho hắn biết được cái mặt trái nghiệt ngã của chợ đời,

khi hắn thật ra không có được những gì nàng muốn. Tình phai rồi tình phụ, nàng bỏ hắn để theo một người khác. Yêu cho nhiều để hận cũng lắm, hắn giết nàng rồi tìm về với sư phụ như một phản ứng tự nhiên của đứa bé nhớ mẹ.

Bây giờ hắn đã trở về, đang ngồi đó đau đớn trước mặt ông. Chiều nay hắn khóc vì đã giết nàng, hận nàng, như ngày xưa hắn đã từng khóc vì yêu nàng, xa nàng. Nhà sư già đã lặng lẽ và kiên nhẫn xoa dịu những cơn bùng bột ngu khờ của hắn như vẫn xem hắn bé bỏng như thuở nào. Ông biết tất cả những gì phải đến nhưng không thể sửa được chuyện đời.

Ông chỉ có tấm lòng và tận lực, thế thôi. Ông đã nuôi hắn từ bé, nhìn hắn lớn khôn và vụng dại. Trước sau, với hắn, ông như một người mẹ già góc núi: Cứu mang,

đỡ nâng, tha thứ và chờ đợi. Bao năm qua ông chẳng phải vẫn đợi chờ ngày hấn trở về đó sao. Chỉ vì ông hiểu, ông biết, và ông có cõi lòng một bà mẹ.

Như đã đọc được một tương lai nào đó, ông lặng lẽ pha mực rồi khẽ khàng chép lại từng chữ bài Bát-nhã Tâm Kinh ngay trên khuôn sân bằng gỗ của ngôi cổ am, và vẫn bằng thứ khẩu lệnh nghiêm khắc ngày nào, ông bắt hấn dùng chính con dao đã gây án kia để khắc lại từng chữ đại tự mà ông vừa phóng bút trên sân. Hấn khắc chưa xong chục chữ, người ta đến đọc lệnh bắt. Nhà sư già bình thản như không, ông nghiêm trang đề nghị họ hãy đợi hấn khắc xong bài Tâm Kinh, như lời ông bảo đảm, chỉ một đêm thôi. Thời gian chờ đợi đó của mọi người, có lẽ là một trong những giây khắc đẹp nhất trong

phim. Đẹp và thật nhiều ý nghĩa.

Sáng hôm sau hấn bị áp giải lên đường và bắt đầu những ngày tù tội. Thời gian trôi đi bao lâu không ai nói được, nhưng rồi gì cũng qua. Mùa đông năm kia, có một viễn khách phong trần ghé về cổ am.

Khách bồi hồi bước qua mặt nước hồ giờ đã đóng băng, và trước sau cổ am vắng ngắt như tờ. Nhìn ra mặt hồ bát ngát, khách chết điếng khi nhìn thấy xác con thuyền xưa đang khuất trong băng giá với những vết lửa cháy nham nhở dở dang. Khách chấp tay cúi đầu như cố hình dung một chuyện cũ. Ngày đó, nhà sư già đã âm thầm hóa thân ngay trên con thuyền với một mối lửa ngay sau lúc tiễn biệt đứa học trò trên sân.

Vậy là phút cuối, hấn cũng đã trở về. Có điều là lần trở về muộn màng, hấn

về cho chính hắn. Sư phụ đã không còn nữa. Hắn quyết định lớn khôn lần nữa trước vong linh của người sư phụ mà hắn không còn cơ hội gặp lại, dù đâu đó quanh quẩn trong ngôi cổ am lúc nào cũng có một con rắn lặng lẽ nhìn hắn như chứng minh, như chia sẻ và cùng vui buồn. Sư phụ đấy chẳng?

Hắn đã quay lại con đường mà ngày xưa hắn chưa từng bước đi, dù nó luôn thuộc về hắn. Hắn trần trụi phơi mình trong băng tuyết để tác tượng, luyện công và sớm chiều hai buổi tụng niệm, như thể không còn kịp nữa. Hắn đi tìm mình, và cũng để gặp lại bóng hình của người sư phụ tình thâm tợ hải. Từng mẩu nén khuya, những tiếng mõ canh tàn hay trong chiều muộn đã từng phút giây đưa hắn trở về ngôi nhà ấu thơ với tất cả niềm

nổi thống hối, bùng vỡ.

Và giai đoạn cuối cùng của cuộc trở về ấy đã đến lúc hoàn mãn. Trong một buổi kinh khuya hắt hững nghe tiếng người gọi cửa. Chút bụi trần luân đã rớt xuống bên hiên cổ am để đưa hắt lại cuối đường. Người thiếu phụ với đứa bé mủm mĩm trên tay đã tìm đến chùa giữa một đêm tuyết lạnh. Không sao nhìn thấy khuôn mặt của nàng. Ở đó lúc nào cũng là một tấm lụa mỏng màu tím. Nàng là ai? Hắt tò mò muốn biết nhưng đành chịu. Lo cho mẹ con nàng một chỗ nằm tạm trong cổ am, một bên bàn Phật, hắt không biết phải làm gì hơn. Chỉ còn biết nhìn nàng và nghe nàng khóc. Giá còn sư phụ!

Sáng hôm sau, nghe tiếng trẻ con khóc bên ngoài, hắt chạy vội ra sân chùa. Trên mặt nước hồ giờ đã thành băng ấy,

đứa bé không mẹ đang từng bước bò về phía cổng, nơi hắn đã khoét băng làm một giếng nước dùng qua mùa đông.

Hắn kéo cái xác người lên khỏi giếng. Người thiếu phụ đêm qua đã lọt chân xuống đây khi muốn bỏ con lại ổ am và một mình lên đi trong khuya. Đến bây giờ thì tấm lụa che mặt nàng đã có thể gỡ xuống. Hắn đã thấy gì, đó vẫn là một ẩn số của câu chuyện.

Chỉ trong một tích tắc, câu chuyện ấu thơ của hắn từ mấy mươi năm trước bất ngờ sống dậy mãnh liệt với từng chi tiết nhỏ. Ngày đó thằng bé trong ổ am đã trốn thầy vào núi xuống hồ rong chơi. Như diêm báo của một định nghiệp, nó đặc biệt thích thú trò chơi cột đá vào bất cứ con gì bắt được để xem con vật phải vất vả ra sao mà sống còn với một gánh

nặng quá sức mình. Sư phụ đã phạt thằng bé đeo một hòn đá nặng trên lưng để hiểu được nó đã làm gì trên chúng sinh khác.

Ngày ấy, trong tâm tưởng một thằng bé, đó chỉ là một bài học về hạnh từ bi. Nó đã biết khóc khi không kịp cứu sống con rắn đã bị nó cột đá. Nó cứ tưởng suốt đời mình sẽ không bao giờ tái phạm trò chơi độc ác đó nữa. Nhưng ngày trưởng thành, biết yêu biết ghét, nó đã làm ngược lại.

Hắn lạnh người khi thấy rõ mình đã cột đá vào không biết bao người. Hai người thân thương nhất trong cuộc đời hắn đã phải vì hắn mà oằn lưng với những hòn đá nặng chết người. Lẽ ra hắn chỉ nên để mọi người, kể cả chính hắn, cùng được thanh thản nhẹ nhàng mà đi. Nhưng tất cả đều ngược lại. Bây giờ sư phụ không còn nữa, hắn phải tự phạt mình, để thấm

thía tận cùng cái gì là vương vít, đè nặng.

Thật khó lòng tìm thấy một hình ảnh nào trong đời có thể bi tráng hơn thế. Hẳn một mình kéo lê một hòn đá lớn, tìm lên đỉnh núi giá lạnh không người. Trên tay ôm ghì bức tượng Quán Âm. Một hình ảnh khốc liệt. Tôi muốn gọi hẳn lúc này là một hành giả, một hành giả vác tượng lên ngàn. Một hành giả đang ngược nguồn để hành hương giữa mùa đông cuộc đời, mà cũng là mùa đông tâm linh. Nhạc phim lúc này cũng bất chợt trầm hùng vang vọng một thứ âm thanh xa vời, mộng mị.

Bài Bát-nhã Tâm Kinh trong giọng đọc tiếng Hàn của người con gái nào đó như đi về từ một cõi chiêm bao với từng câu chữ Xá-lợi Tử! Sắc Bất Dị Không, Không Bất Dị Sắc... Lần đầu tiên tôi cảm nghe dòng

kinh Bắc truyền đó thơ mộng và quyến rũ đến vậy.

Theo từng bước lê chân nặng nhọc của hần qua những ngõ mòn sỏi đá, lời kinh kia như nương gửi gió rừng mà lan tỏa, phủ đầy một cõi huyền âm. Tiếng kinh thấm đẫm lòng người, len vào từng khe đá, thớ gỗ. Lời kinh làm rung chuyển mọi cõi miền không gian, đánh thức mọi mê lầm ngái ngủ, cho tất cả cùng bật dậy một sức sống tỉnh thức. Biển khổ mênh mông, mà quay đầu lại là bờ. Và bến bờ ấy đã hiện ra trong mắt hần. Hần cung kính an vị bức tượng lên mỏm đá trang trọng nhất trên đỉnh núi và cúi đầu chiêm niệm.

Hần đã bỏ lại tất cả gánh nặng trên từng dặm đường đến đây. Hần đã diễn dịch huyền nghĩa bài Tâm Kinh ra nhiều tâm ấn cụ thể giữa đời: Tha thứ, can đảm,

bao dung, thấu hiểu, cứu mang và buông bỏ. Hẩn muốn vác thay cho muôn loài tất cả những gánh nặng. Hẩn sám hối và đáp đền cho vạn hữu đã cứu mang hẩn, trong đó sư phụ và người đàn bà đã đi qua đời hẩn đang là hai giọt nước cùng hòa tan vào đại dương. Và lần đầu tiên trong đời mình, hẩn bắt chợt thấu hiểu tận cùng câu minh chú ở cuối bài Tâm Kinh đó: Gate gate pāragate pārasaṃgate bodhi svāha. Lên đường, lên đường đi, hãy qua sông để tìm về bờ bên khác!

Hẩn về lại cổ am, và một mùa xuân mới lại bắt đầu trên chính cậu bé mồ côi vừa nhập môn bất đắc dĩ kia. Nó chính là hẩn mấy mươi năm trước. Một chu kỳ mới, một tuần hoàn mới. Mọi thứ lại tái hiện trong bối cảnh hồ nước tan băng, hoa cỏ sung mãn, hồ rộng núi xanh và mọi

thứ lại bắt đầu. Ngoài kia nắng đã lên giữa một mùa xuân có rừng phong và núi đá xanh rêu. Trong cổ am, con rắn già chậm rãi bò ngang bàn Phật, lặng lẽ, thành kính.

TẠP VĂN

Một đoàn thám hiểm Trung Quốc và VN tham gia một chuyến leo núi Everest và gặp phải cơn bão tuyết dữ dội, cả bọn rõ ràng chỉ còn nước chờ chết. Bỗng trong gió tuyết mịt mù xuất hiện một đạo sĩ râu tóc bạc phơ, ông vẫy nhẹ bàn tay, lập tức trời quang mây tạnh. Cả đoàn người vô thần, vô tín ngưỡng kia không ai bảo ai tự nhiên quỳ sụp xuống tạ ơn bậc kỳ nhân đó. Cả bọn được ông dắt về một sơn động rộng và đẹp gấp mấy lần hang Sơn Đòong của VN. Đám khách được vị đạo sĩ trao cho một bầu nước bằng da nhìn rất cổ quái và mỗi người chỉ cần hớp một ngụm thì suốt

đêm hùng hực sinh lực, không biết đói lạnh là gì.

Trong đoàn có mấy tay trí thức đỏ, lúc đầu tưởng ông thầy tu kia không biết gì, sau nghe ông nói chuyện, họ hết hồn: Sống ở núi cao cách biệt loài người mà chuyện gì dưới núi ông đều biết tất, nói năng toàn bằng thứ ngôn ngữ hội thảo thiết oách.

Mê quá, họ thức trắng đêm hỏi ông đủ chuyện. Rồi thì đến lúc toán cứu hộ dưới núi tìm thấy đoàn thám hiểm trong sơn động, cả bọn chia tay lão đạo sĩ. Trước khi rời sơn động, một anh tiến sĩ đỏ tranh thủ hỏi nhanh ông đạo sĩ một câu:

-Về lý thuyết thì rõ ràng học thuyết Cộng Sản là con đường tốt nhất để đưa nhân loại đến thiên đường, nhưng vì sao mấy xứ CS luôn nghèo, dân CS luôn đói khổ hơn mấy xứ Tư Bản?

Lão đạo sĩ nheo mắt nhìn lên đỉnh tuyết trắng toát cao ngất như để chiêm nghiệm điều gì đó ghê gớm lắm, rồi thở dài:

-Do tội Tư bản cả, tội nó là thế lực phá hoại mọi công trình hay ho của CS. Ngay cả vụ cá chết ở VN mới đây cũng do bọn họ cả đấy, bằng chứng rành rành, không phải do đám Ba Tàu làm đâu ! Cả đoàn thám hiểm gồm Tàu lẫn Việt nghe thế liền quay phắt lại. Đỉnh cao trí tuệ đây rồi, đồng chí đây rồi. Họ há hốc mồm như để nuốt từng câu chữ mà lão đạo sĩ nhả ra. Lão đạo sĩ nhắm nghiền mắt trong mấy giây như để vào đại định rồi thông thả:

-Bọn Tư Bản nhé, từ những trường lớp giáo dục như các đại học hàng đầu thế giới (mà phe CS không có) đến cả rừng hàng hoá sản phẩm như tàu ngầm, máy bay, mỹ phẩm, thức ăn, áo quần, thuốc men đều

được tạo ra với một mục đích hèn hạ là đánh động lòng tham con người. Đồ của họ làm ra tốt quá mà. Hàng tỉ người trên thế giới đã bán mạng để có được mấy thứ quái quỷ đó của đám Tư Bản. Tuy những con người Vô sản chuyên chính bậc nhất không bị lung lay cảm dỗ bởi những thứ đó nhưng vợ con thân nhân của họ cứ bị cuốn vào đó và những con người thánh thiện kia đã vì trách nhiệm với gia đình mà nhận chút tiền lót tay của ai đó...Thử dẹp hết mấy thứ siêu xe, rồi thì những thương hiệu như Rolex, Chanel, Louis Vutton, Hermes...thì mấy xú CS lập tức trong sạch và tha hồ thành thiên đường. Chỉ vì mấy chai nước hoa và vài ba túi xách cao cấp của Âu Mỹ mà cá tôm Vũng Áng chết trắng!

MỤC LỤC

Ai Chẳng Là Dân Việt	3
Ẩn Lan	13
Ẩn Ngũ	34
Ai Xui Chim Sáo	37
Bàn Phiếm Trên Bàn Phím	41
Biết Trách Ai Đây	52
Bóng Mây Bên Lầu Hoàng Hạc	60
Bóng Nguyệt Lòng Sông	71
Bức Tượng Cổ	91
Cầu Tre Lắt Lẻo	111
I. Học Gì	113
II. Học Để Làm Gì	123
Chân Tu	140
Chết Đại	147

Chiết Tự	155
Còn Gì Thảm Hơn	162
Cô Bác Sĩ Của Tôi	168
Cổ Úa Còn Thơm	173
Cõi Tâm Thức	177
Dấu Quê	191
Dấu Xưa	197
Dây Oan	203
Dựng	231
Đạo Khả Đạo Phi Thường Đạo	238
Đạo Sĩ Hang Dơi	245
Đêm Chúa... Nhớ Chùa	263
Điểm Cỏ Cầu Sương	270
Đò Oí!	281
Đò Ngang	287
Đổi Trọng	296
Đừng Bao Giờ Em Hối	310
Đời Hư	324
Đi Hái Phù Vân	326

Đi Myanmar Nên Biết	333
Email Từ Tuyệt Tình Cốc	338
Ga Chiều	342
Giọt Lệ A Tư Đà	345
Hai Phương Trời	357
Hài Cỏ Bờ Sương	362
Hãy Yêu Như Chưa Yêu Lần Nào	372
Hành Hương	386
Hình Như	395
Hình Như Em Cũng	405
Hoạt Tử Mộ	411
Hóa Cốt	417
Hòn Cuội	426
Huyền Ký	429
Hựu	445
Khói Lam Cuộc Tình	452
Không Đề	458
Kỷ Vật Nào Cho Em	464
“Kiếp Nào Có Yêu Nhau”	470

Kiếp Dã Tràng	475
Lăng Minh	480
Lá Chúc Thư Dưới Nền Cổ Tháp	490
Lá Cờ Kalama	510
Lối Xưa Thu Thảo	512
Lệ Giang	519
Lời Cuối Cho Người	526
Mật Tông	532
Một Lần Chợt Nghe Quê Quán Tôi Xưa	540
Một Vòng Tay Cho Thanh Tạng	546
Một Cõi Tà Dương	557
Một Cõi Đi Về	564
Một Thuở Yêu Người	572
Nam Phương Thoại Đầu	580
Ngày Đó Tôi Về	594
Ngày Đó Chúng Mình	601
Ngày Sau Sỏi Đá	612
Ngày Xuân Đọc Thơ Haiku	622
Ngày Xuân Việt Đọc Thơ Nhật Bản	669

Điều Đại Kỵ Năm Ngọ	723
Người Đàn Bà Tôi Quen	728
Người Tình Vạn Hữu	737
Người Từ Trăm Năm	749
Người Trong Mộng	759
Nhất Tự Như Sơn	764
Nhật Ký Tôn Ngộ Không	771
Nhớ Linh Xưa	788
Nhưng Rồi Có Những	801
Những Giọt Thủy Ngân	806
Những Ngọn Nến Đời	811
Ngồi Giữa Mùa Thu Nhớ Lá Vàng	817
Nói Nhỏ Mình Nghe	826
Osanga	834
Patin	837
Phiêu Phong	843
Phương Trời Nào Cho Em	857
Quà Xuân Cho Lớp Kinh Tạng Vietheravada	865
Quay Đầu Là Bờ	869

Rồi Mai Em Đi	871
Sông Năng Vườn Xưa	876
Sống Là Chọn	881
Sơn Tăng Và Sơn Tự	883
Tản Mạn Tâm Tư	892
Áo Hạ Vàng - Tâm Kinh Thời Đại	901
Tên Chùa	912
Tết Có Là Xuân	914
Thiên La Địa Võng	918
Thư Tiễn Một Người Đi	929
Thư Gửi Một Người Quen	936
Tiệc Thương Một Ngọn Gió	944
Tình Sử Mỹ Châu	956
Tiếng Chim Rừng Trúc	969
Tiểu Ngạo Giang Hồ	977
Tôi Xem Phim Quỳnh Chân Y	984
Trái Mít Xứ Người	1002
Trên Ngọn Tình Sầu	1007
Tư Lương	1019

Tự Tại	1028
Tuổi Hạc Hiên Chiều	1035
Tương Quan Hay Chẳng Là Gì	1042
Từ Trắng Thôi Là Nguyệt	1049
Thị Kính	1057
Tịch Hay Tịch	1060
Tiếng Chuông Từ Bên Kia Núi	1067
Tình Nhỏ Làm Sao Quên	1070
Văn Minh Sà-Rông	1078
Về Hay Đi	1081
Về Nguồn	1083
Vì Đâu Nên Nỗi	1092
Vọc Nước Giỡn Trăng	1101
Vô Vị Chân Nhân	1109
Vu Lan Ngộ	1123
Xuân, Hạ, Thu, Đông ... Rồi Xuân	1131

Các bài viết lấy từ website: <http://www.vietheravada.net/>

Ebook dành cho Kindle PaperWhite
Thanh An - Email: oitvt@gmail.com
17-05-2020